



ANN-MARIE
ACDONALD

Không
LỐI
THOÁT

vh

KHÔNG LỐI THOÁT



Tác giả: Ann-Marie MacDonald

Người dịch: Khang Vinh

Huy Hoang Bookstore phát hành

Nhà xuất bản Văn Học - 2012

ebook©vctvegroup

07-09-2018

“Với *Không Lối Thoát*, MacDonald đã trở thành một trong những tiểu thuyết gia nổi tiếng hàng đầu Canada một cách chóng vánh và đáng ngạc nhiên! Cuốn tiểu thuyết... quyền năng đến mức vẫn đọng lại trong tâm trí bạn đọc và khiến họ sửng sốt mãi dù đã đặt sách xuống từ lâu. Hùng hồn, nội dung phong phú và dễ hiểu.”

• **London Free Press**

*Dành tặng Cheryl Daniels và Maureen White với tất cả tình yêu và lòng
biết ơn*

Giới thiệu

Không Lối Thoát là tiểu thuyết kinh dị lôi cuốn với nội dung sâu sắc, bối cảnh huyền bí, kích thích trí tưởng tượng của độc giả. Cốt truyện xoay quanh mối quan hệ lẫn lẩn trong gia đình, về những bí mật khủng khiếp và điều kỳ diệu. *Không Lối Thoát* còn cho độc giả cái nhìn chân thật về lịch sử vào nửa đầu thế kỷ 20 qua đôi mắt của bốn chị em nhà Piper. Truyện lấy bối cảnh từ hòn đảo Cape Breton vùng Nova Scotia huyền bí, qua những chiến trường của chiến tranh thế giới thứ nhất, cả khung cảnh ngập tràn điệu jazz mới nổi của thành phố New York vĩ đại. Sách xứng đáng là một tiểu thuyết xuất sắc đưa tên tuổi Ann-Marie MacDonald trở thành một trong những tài năng văn chương hàng đầu của Canada.

Tác phẩm *Không Lối Thoát* của Ann-Marie MacDonald đạt best-seller 2 năm liên tiếp, được trao giải thưởng cho tác phẩm đầu tay ở Canada. Sách đã được dịch ra 17 thứ tiếng trên thế giới.

Bức tranh tĩnh lặng

“Sao không mãi là một cô gái tốt hỡi Cathy?”

“Sao không luôn là một người đàn ông tốt bố ơi?”

• WUTHERING HEIGHTS

Giờ thì họ đã chết cả rồi.

Đây là bức ảnh về thị trấn mà họ đã sống: thị trấn New Waterford. Đó là một đêm trăng sáng. Hãy tưởng tượng bạn đang nhìn xuống từ cái tháp chuông nhà thờ, dõi theo những biến đổi sống động mà ánh sáng và bóng tối đã tạo nên trong bức tranh này. Một thị trấn nhỏ bé nằm gần những vách đá uốn quanh những bãi biển đầy sỏi chật hẹp bên dưới, nơi những cơn sóng bạc cứ xô mãi vào bờ, ôm ấp bóng trăng. Chẳng có nhiều cây cối, chỉ có những ngọn cỏ thưa. Bóng của một mỏ than, tháp sắt tương phản với bầu trời xám xanh với những sợi cáp và trụ cáp dựng nghiêng góc 45° so với mặt đất. Những đường tàu chỉ trải trên một đoạn ngắn từ chân một con dốc cao tuyệt đẹp đầy than đen lấp lánh đến xa xa phía cuối trời, nơi chúng lượn lên lượn xuống rồi mất hút. Và tháp thoáng đằng xa sau những mỏ than, những đống than cao ngút là những ngôi nhà xây thành hàng dành cho thợ mỏ của công ty than. Nhà của công ty. Thị trấn của công ty.

Hãy nhìn xuống con đường họ đã sống. Đường Water. Một đại lộ đầy bụi và đá sỏi dẫn qua rìa thị trấn đến một nghĩa trang rộng lớn và ngồn ngang nằm hướng ra biển. Tiếng thở dài đó là tiếng biển.

Đây là bức ảnh ngôi nhà của họ lúc đó. Nó màu trắng, bằng gỗ và có hành lang rào quanh. Căn nhà này to hơn nhà của những người thợ mỏ. Có một cây đàn piano ở phòng trước. Phía sau là bếp, cũng là nơi mà mẹ đã chết.

Đây là hình của mẹ ngày bà qua đời. Theo kết luận của bác sĩ thì mẹ bị đột quỵ khi đang lau chùi lò nướng. Đương nhiên là bạn sẽ không thấy mặt bà, nhưng bạn có thể thấy được tất của bà tụt xuống đến đâu vì làm việc nhà, và, dù đây là một bức ảnh trắng đen nhưng thực váy mặc nhà của bà cũng là màu đen bởi lúc đó bà vẫn đang để tang Kathleen, cũng như Ambrose. Bức ảnh này không nói cho bạn biết đâu, nhưng mẹ nói tiếng Anh không tốt cho lắm. Mercedes đã tìm thấy bà như vậy, nửa trong nửa ngoài lò nướng, hệt như mụ phù thủy trong Hansel và Gretel vậy. Hôm đó bà định nấu món gì nhỉ? Khi bà qua đời, trứng trên chạn hư hết – chắc là vậy vì mùi lưu huỳnh đã lan khắp đường Water.

Đó là căn nhà số 191 đường Water, New Waterford, đảo Cape Breton, thuộc một tỉnh xa miền đông Nova Scotia, Canada. Và đó là mẹ ngày bà mất, 23 tháng 9 năm 1919.

Đây là ảnh của bố. Ông vẫn chưa chết, chỉ đang ngủ thôi. Bạn thấy cái ghế bành ông đang ngồi chứ? Đó là chiếc ghế tựa xanh nhạt đấy. Tóc ông được bện lại. Điều này không hợp với truyền thống, mẹ làm thế thì hợp hơn. Những bím tóc đó Lily đã thắt cho ông khi ông ngủ.

Không có bức ảnh nào của Ambrose, không có thời gian cho việc đó. Đây là hình chiếc cũi vẫn còn hơi ấm của cậu.

Lily kia đã bị quên lãng. Cô bé chỉ sống một ngày rồi chết trước khi kịp được rửa tội, và đi vào quên lãng cũng với những đứa trẻ không được rửa tội khác và những kẻ ngoại đạo ngoan ngoãn. Họ không chịu khổ, họ chỉ kiêu như lang thang ở đâu đó một cách dễ dàng và vô thức. Người ta nói Chúa Giê-su thỉnh thoảng cũng đi vào chốn đó và đưa một kẻ ngoại đạo ngoan hiền nào đó lên thiên đàng. Cũng có thể. Nếu không thì... Đó là lý do vì sao hình của Lily kia chỉ là khoảng trắng.

Đừng lo, Ambrose đã được rửa tội.

Đây là một bức hình của Mercedes. Chuỗi tràng hạt màu trắng đục của nó về căn bản là vô giá. Một chuỗi tràng hạt màu trắng đục, bạn có hình dung được không? Nó giấu tràng hạt vào bên trong áo lót, phía trên trái tim mỗi khi không cần dùng đến. Một phần vì sự bảo hộ linh thiêng, một phần vì sự thuận tiện rằng không bao giờ thiếu tràng hạt khi muốn cầu nguyện nhanh khi thần linh dịch chuyển nó, điều rất thường xảy ra. Mặc dù, như Mercedes đã chỉ ra, khi cần cầu nguyện mà không có tràng hạt bên mình thì bạn có thể cầu nguyện với bất cứ thứ gì trong tay, ví dụ như đá cuội hoặc vụn bánh mì, Frances vẫn muốn biết, có thể cầu nguyện với những mẫu thuốc lá được không? Câu trả lời là được, miễn là tâm bạn trong sạch. Với phân chuột thì sao? Hay với tàn nhang của ai đó? Những chấm nhỏ trong bức ảnh của Harry Houdini trên báo nữa? Đủ rồi đó Frances. Dù sao thì, đây là ảnh của Mercedes, đang cầm tràng hạt, với một ngón tay đưa lên và áp vào môi. Nó đang nói, “Suyt.”

Và đây là Frances. Nhưng đợi đã, con bé vẫn chưa xuất hiện. Đây là một bức ảnh động được chụp ở sau nhà vào ban đêm. Có một con sông đen lấp lánh chảy giữa hai bên bờ nhỏ hẹp. Và ở bên kia sông là một khu vườn. Hãy tưởng tượng bạn đang nghe được tiếng chảy róc rách của dòng sông, hết như tiếng một cô gái đang thì thầm một bí mật bằng thứ ngôn ngữ rất giống với ngôn ngữ của chúng ta. Trong một đêm khuya thanh vắng. Phải kể với bạn rằng có người hàng xóm một lần nọ nhìn thấy hình ảnh con trai ông cụt hết tay chân xuất hiện ở con sông này, đến khi về nhà ăn tối, ông bàng hoàng nghe tin con trai mình đã tử nạn vì bị một tảng đá rơi xuống nghiền nát trong hầm mỏ số 12.

Nhưng đêm nay mặt sông bình lặng theo đúng quy luật tự nhiên. Và chắc chắn là kì quặc, nhưng không hề siêu nhiên chút nào khi thấy mặt nước đột nhiên vỡ ra, và một cô gái run rẩy, ướt đẫm, rất sống động ngoi lên khỏi mặt nước và nhìn chăm chăm vào chúng ta. Hay vào ai đó đứng ngay sau ta. Frances. Con bé đang làm gì ở dưới sông giữa đêm đen thế này nhỉ? Và cái nó đang ôm chặt vào ngực bằng hai bàn tay xương xẩu là gì? Một bọc đen ướt đẫm. Bạn đã thấy rắc rối chưa? Em đang làm gì vậy, Frances?

Tuy nhiên, dù cho con bé có trả lời đi nữa, chúng ta cũng không thể biết được nó đang nói gì, bởi dù đây là một bức ảnh động thì nó cũng chỉ là một bức tranh tĩnh lặng.

Hình của Kathleen đã bị hủy hết. Tất cả, chỉ trừ một tấm. Và giờ thì nó đang ở nơi khác.

Kathleen hát hay đến nỗi Chúa trời muốn cô hát cho Người nghe trên thiên đàng cùng với ca đoàn thiên thần của Người. Và

thế là Người đưa cô đi.

Chương 1

Khu rừng

Tìm kiếm vận may

Ngày xưa, rất lâu trước khi bạn ra đời, gia đình Piper đã sống ở đảo Cape Breton. Người cha, James Piper, cố gắng cả đời để tránh xa những mỏ dầu vì mẹ ông đã từng lo sợ rằng con mình lớn lên sẽ làm việc tại các hầm mỏ. Bà dạy con trai mình đọc các tác phẩm cổ điển, chơi piano và hy vọng vào những thứ tốt đẹp thay vì dạy tất cả mọi thứ và đó cũng chính là những gì James mong đợi ở các con của mình.

Mẹ James xuất thân từ một gia đình đóng tàu khá giả ở Wreck Cove. Cha James là một thợ đóng giày nghèo xơ xác đến từ Port Hood và đem lòng yêu mẹ James vào một lần đo chân cho bà. Ông đã hứa với cha của bà rằng sẽ không đưa bà đi đâu quá xa nhà, nhưng ông vẫn cưới và đưa bà đến Ai Cập, nơi James ra đời. Họ ở quận Inverness, một nơi cô lập rất xa phía bên kia đảo, trong khi James thì chẳng bao giờ có anh chị để chơi chung. Cha James đã bán cái khuôn đóng giày bằng sắt của ông để mua một chiếc chảo thiếc, nhưng từ đó về sau, và kể cả trước đó, không ai

nghe nói đến cuộc đổ xô đi tìm vàng ở Cape Breton.

James và mẹ thường nói tiếng Xen-tơ với nhau, và điều này đôi khi làm cha James nổi giận vì ông chỉ nói tiếng Anh. Xen-tơ là tiếng mẹ đẻ của James. Người Anh luôn tẻ nhạt và tàn nhẫn, như ánh nắng mặt trời sau một đêm dài đánh cá, thế nhưng mẹ James lại khẳng định rằng con trai mình tài giỏi như một vị hoàng tử trẻ bởi họ xuất thân từ Hoàng gia Anh và James cần phải có con đường riêng của mình.

Một buổi sáng ngay trước sinh nhật 15 tuổi, James thức dậy và nhận ra rằng cậu có thể đủ sức đánh trả lại cha mình. Thế nhưng khi đi xuống cầu thang James mới phát hiện ra cha cậu đã bỏ đi và cây đàn piano của mẹ cậu đã bị tháo rời ra một cách lặng lẽ trong đêm. James đã dành 6 tháng ròng để ráp nó lại và nhờ đó mà cậu trở thành một người lên dây đàn piano. Mười lăm tuổi, tất cả những gì James mong muốn là được một lần quật lại cái dây lưng vào cha mình. Mười lăm tuổi rưỡi, tất cả những gì James muốn là được nghe mẹ đàn một lần nữa, nhưng bà đã qua đời trước khi cậu hoàn tất công việc. James lấy cái chặn carô mà mẹ cậu đã dệt, những cuốn sách hay bà đã dạy cậu đọc và nhét chúng vào cái túi giắt trên yên con ngựa già thường dùng khi đi hầm mỏ. Cậu quay trở vào nhà, ngồi xuống bên cây đàn và say sưa chơi bản Sonat Ánh trắng. Sau 4 nhịp, cậu đứng dậy chỉnh lại nốt đô thăng rồi lại ngồi xuống dung đưa theo bản Bài ca con tàu xứ Vơ-ni-đơ. Sau 5 nhịp, cảm thấy đã thỏa mãn, James lấy cái lọ may mắn trong rổ đựng đồ may vá của mẹ, hạ cây đàn xuống và châm lửa đốt. Cậu trèo lên con ngựa mù và cưỡi nó đi khỏi Ai Cập.

Những người họ hàng trong gia đình Wreck Cove ngỡ ý cho

James làm việc đánh bóng tàu, nhưng cậu vẫn mong những điều gì đó tốt hơn. Cậu sẽ cưỡi ngựa tới Sydney, nơi mà cậu biết rằng ở đó có rất nhiều đàn piano.

Sydney là thành phố duy nhất trên đảo Cape Breton, nó nằm rất xa về phía Nam, con đường dọc theo bờ biển Đại Tây Dương dẫn đến đó vẫn hay biến mất bởi phần lớn nó được tạo thành bởi các vịnh nhỏ và góp phần kéo chuyến đi của James thêm dài ngày.

Có rất ít người trên đường đi, nhưng những người James gặp đều sẵn sàng dành một bữa ăn cho cậu bé gọn gàng sạch sẽ, ngồi thẳng thớm và không hỏi xin điều gì, cùng câu hỏi “Cậu từ đâu đến vậy cậu bé, cha của cậu là ai?”. Hầu hết những người nói tiếng Xen-tơ đều thích mẹ cậu, thế nhưng James vẫn luôn từ chối một chiếc giường, thậm chí là một chỗ trong đồng rơm với dự định cháy bỏng rằng mái nhà tiếp theo có thể che chắn giấc ngủ của cậu sẽ là ngôi nhà của chính mình. Rêu phong là những lời an ủi của đá, những cây tùng không những không bám chặt vào bãi đất thấp mà thay vào đó còn dang rộng những tán lá cây ra gấp mười lần để che chở cho mặt đất mỏng manh và đáng chán dưới chân mình. Và thế là James ngủ ngoài trời nhưng không cô độc, cậu còn nhiều thứ để nghĩ đến.

Khi đi dọc theo bãi biển ở một đoạn đường dễ đi, James phát hiện ra rằng không có thứ gì hợp với những suy nghĩ trong sáng hơn là một cảnh biển đẹp. Nó giúp đầu óc cậu thông thoáng, làm thần kinh cậu thư giãn và tẩy rửa tâm hồn cậu.

James đã quyết định sẽ luôn sống ở nơi có thể nhìn thấy biển.

Trước đây James chưa bao giờ đến thành phố, nơi những tảng

đá lạnh tỏa mùi của biển nhường chỗ cho than đá đốt nóng và màn sương mù u ám kẻ những sọc màu cam bao quanh cậu. James nhìn xa xăm lên trên và thấy những đám mây sáng rực cuộn cuộn tạo thành những đụn sắt thép trên bầu trời. Chúng điểm màu hổ phách lên bầu trời đang chìm ngập dần trong từng mảng màu nghệ, cứ thế to phồng dần lên và biến mất vào những bộ quần áo bằng khói tuyệt đẹp bay đến bên thị trấn mang tên Whitney Pier.

Tại đây những căn nhà làm từ các mảnh ván ghép nhiều màu sắc chen chúc nhau giữa các tiệm rèn và những lò nấu của các nhà máy xay vĩ đại, cũng tại đây James đã một lần bị hoảng sợ vì cậu chưa từng tận mắt thấy một người châu Phi nào trừ những gì cậu biết trong sách vở. Những cánh buồm mới tung bay trên dây phơi quần áo, James hướng ngựa đi vào con đường trải nhựa, băng qua cây cầu mà từ đó cậu có thể nhìn lại những tòa nhà bằng gạch nung trải dài cả dặm dọc theo bến tàu và ngắm nhìn sự sạch sẽ của thứ thép sinh ra từ muội lò.

James thấy hàng đồng dấu vết, mùi nhựa đường và một cái hồ xấu xí bên phía tay phải cậu và trên con đường Pleasant, một đám trẻ chân trần đang đá cái vỏ lon gỉ sét. James đi theo tiếng kêu của những con mòng biển và đến vùng Esplanade nơi các bến tàu của cảng Sydney trải rộng cùng những con tàu cao ngất đến từ khắp mọi nơi. Lớp vỏ sắt của thân tàu phủ đầy rong biển và bị ăn mòn bởi muối, một số còn có những cái tên không thể đọc nổi được sơn theo kiểu chữ bay bổng trên nó. Một người đàn ông muốn cậu làm việc bốc dỡ nhưng James đã từ chối “Không ạ, cảm ơn ông.” Những tay vịn dọc con đường lát vỉa hè phản chiếu hình ảnh các dây cáp đong đưa trên đầu và dẫn cậu vào trung

tâm thành phố, chiếc tàu điện chở hàng lóe sáng và phát ra những âm thanh vang rền ngay sau lưng cậu, mặt trời đã xuất hiện. Đường Charlotte: mặt tiền những ngôi nhà ba tầng dát bằng gỗ hảo hạng vươn cao cả hai bên đường, những dòng chữ hoa mỹ được dùng cho mọi thứ, những ô cửa kính thu hút cái nhìn thèm muốn của người khác, tại đây không có thứ hàng làm sẵn nào là không có: McVey, McCurdy, Ross, Rhodes and Curry, Moore, McKenzie, MacLeod, Mahmoud, MacEchan, Vitelli, Boutilier, O'Leary, MacGilvary, Ferguson, Jacobson, Smith, Mac-Donald, Mcdonald, Macdonell. James chưa bao giờ thấy nhiều người như vậy, họ ăn mặc đẹp hơn cả ngày chủ nhật, tất cả đều có nơi nào đó để đi, cậu đã nhìn thấy kem và cuối cùng là phía trên đồi, nơi những người giàu có sinh sống.

Con ngựa gục dưới chân James và gặm vào rìa bãi cỏ xinh đẹp của nhà ai đó trong lúc James đang đi đến đoạn cuối cho những ý tưởng du ngoạn của mình. Cậu sẽ có đủ tiền để mua một căn nhà tuyệt đẹp, mua những thứ làm sẵn, cưới một người vợ có đôi tay mềm mại, có một gia đình và cùng nhau làm cho ngôi nhà luôn ngập tràn những giai điệu đẹp đẽ của âm nhạc và sự trầm lặng của những cuốn sách.

James đã đúng, rằng ở Sydney có rất nhiều đàn piano.

Con mắt trái

Lần đầu tiên James thấy Matera là vào đêm giao thừa năm 1898 tại nhà bố cô, lúc James 18 tuổi. Cậu được gọi đến chỉnh âm cho cây đàn piano lớn của nhà Mahmoud để chuẩn bị cho buổi tiệc tối. Không phải James mới đến đây lần đầu, cậu đã chăm sóc cho cây đàn Steinway của nhà này cả năm qua, nhưng vẫn không biết ai là người thường xuyên chơi đàn và chơi nhiệt tình đến mức cây đàn cần phải được chăm sóc đều đặn.

Cây đàn là trung tâm của đại sảnh, nơi chứa đầy những chiếc ghế sofa tròn, ghế thêu chỉ mạ vàng, thảm hoa sắc sỡ và những chiếc bàn mặt cẩm thạch trang nhã. Một căn phòng có thể làm cho các lễ hội kéo dài mãi mãi, kể cả với những người ngoại đạo như James, với những cái gương mạ vàng, rèm cửa tua rua và những chiếc ghế nệm dài quyến rũ. Những đĩa kẹo và đậu phộng đầy ắp, những bức tượng nhỏ của quý tộc Anh được trưng bày khắp bốn phía. Trên tường treo những bức tranh sơn dầu, một trong số đó tự hào được đặt trên bệ lò sưởi, đó là bức tranh vẽ một cây tùng đơn độc trên ngọn núi.

James được một người phụ nữ da màu đậm người cho phép vào bếp, lúc đầu cậu tưởng đó là người hầu, nhưng thực ra đó là bà Mahmoud. Bà luôn cho cậu ăn trước khi ra về, bà nói rất ít tiếng Anh nhưng cười rất nhiều và luôn nói “Ăn đi!”. Lúc đầu cậu

cứ sợ bà cho cậu ăn thứ gì đó có độc hoặc tòi tệ như thịt sống hoặc một con mắt chẳng hạn, nhưng không, đó là thịt nướng thơm phức kẹp bánh mì, một đĩa rau xà lách trộn ngon lành với ngũ cốc mềm, mùi tây và cà chua, cùng một món cậu chưa được nếm bao giờ: chanh. Những món kẹo lạ và ngon miệng, các món ngâm, các món ăn được gói kĩ lưỡng, và cả quế nữa.

Một ngày nọ, cậu đến và thấy bà Mahmoud đang nói chuyện bằng tiếng Xen-tơ với một người đàn ông bán hàng rong, James vừa ngạc nhiên vừa vui mừng khi thấy một người nói cùng ngôn ngữ mẹ đẻ với mình vì cậu quen rất ít người ở Sydney và hình như những người nói tiếng Xen-tơ đều đã rời khỏi đất nước này. Họ ngồi ở bàn bếp, bà Mahmoud kể cho cậu nghe về những ngày đầu bà mới đến mảnh đất này, khi mà vợ chồng bà phải đi bộ khắp cả hòn đảo để bán thực phẩm khô đựng trong hai cái giỏ vắt trên lưng con lừa. Đó là cách bà học được tiếng Xen-tơ mà không phải tiếng Anh. Ông bà Mahmoud có rất nhiều bạn, vì hầu hết những người vùng quê rất thích thăm viếng nhau, do đó chuyện buôn bán trở thành một lí do tốt để mở rộng quan hệ. Thường thì nhà Mahmoud sẽ chuyển các thông điệp đi khắp nơi trong quận, từ gia đình này đến gia đình khác, nhưng chỉ toàn là tin tốt thôi, bà Mahmoud khẳng định vậy. Cũng như khi bà đọc trong chiếc ly của người khác, “Tôi chỉ thấy những điều tốt đẹp”. Vì vậy mà khi bà chăm chú nhìn vào những cái xác trà ở đáy ly của James thì cậu không hề lo sợ hay nghi ngờ mà chỉ thấy mình ngập trong một sự tin tưởng mơ hồ và không lí do, đúng như những gì người ta gọi là niềm tin, khi bà nói “Ta thấy một ngôi nhà lớn. Một gia đình. Có rất nhiều tình yêu ở đây. Ta nghe thấy tiếng nhạc... Một cô gái xinh đẹp. Ta nghe thấy tiếng cười... Nước.”

Khi nhà Mahmoud để dành đủ tiền, họ mở một cửa hàng và làm ăn rất phát đạt. Ông Mahmoud mua cho vợ mình ngôi nhà lộng lẫy này và bảo bà thôi không phải làm việc nữa để hưởng thụ cuộc sống gia đình. Thế nhưng James vẫn không thấy ở họ dấu hiệu nào của một gia đình, các con bà đều đi học ở trường, những cậu con trai lớn thì phụ giúp cha ở cửa hàng. Bà Mahmoud rất nhớ những người bạn Xen-tơ ở nước bà và rất mong có cháu. Bà không bao giờ nói về quê hương của mình.

Vào ngày cuối cùng của năm, bà Mahmoud đón James ở cửa với một lời chúc mừng năm mới nhưng không đưa cậu vào đại sảnh mà vẫn ở trong bếp làm việc chung với cô gái Ailen làm thuê và đang học rất nhiều việc. Cậu tự đi đến đó một mình, cảm thấy khá dễ chịu trong ngôi nhà này, cậu cởi áo khoác ngoài và bắt đầu làm việc.

Cậu tháo vài phím đàn và đang lom khom dưới cái nắp của cây piano “sún răng” nên không nhìn thấy Matera khi cô bước vào dưới mái vòm. Nhưng cô đã thấy cậu, cô đã lén lút quan sát cậu từ phòng ngủ của mình trên gác khi cậu đến gõ cửa bếp ở phía dưới, một cậu trai tóc vàng chải chuốt cẩn thận, vai vác theo túi đồ nghề. Cô đã lén nhìn cậu qua chấn song gỗ khắc hình những chùm nho khi cậu bước vào đại sảnh và treo áo khoác trên chiếc tủ dưới cầu thang, mắt cậu thật là xanh, tóc cậu thật là đẹp. Đàng hoàng và gọn gàng: cổ áo, cà vạt, khuy măng sét. Cứ như một bức tượng bằng sứ. Cứ tưởng tượng được chạm vào tóc cậu, tưởng tượng cảnh cậu đỏ mặt. Cô nhìn cậu băng qua lối đi lớn và mất hút dưới khung cửa mái vòm của đại sảnh và đi theo.

Cô ngừng lại ở khung cửa, nhón chân xem xét cậu trong một giây lát, nghĩ đến việc kéo dây đeo quần của cậu và tự mỉm cười,

cô rón rén đến bên cây piano và bấm vào nốt Đô. Cậu giật nảy mình hét lên một tiếng, tay ôm lấy một bên mắt, mắt còn lại nhìn chăm chăm vào thủ phạm. Ngay lúc đó Materia chột lo sợ rằng cô đã làm hơi quá, cô cắn môi, chắc chắn là cậu đau lắm, chắc chắn là cậu sẽ nổi điên lên.

Đôi mắt sâu thẳm nhất mà cậu từng thấy, ướt át và sáng lấp lánh. Những lọn tóc xoắn đen nhánh chia ra từ hai bím tóc dài. Làn da mang màu bãi biển mùa hè ngập trong thủy triều. Mảnh khảnh trong chiếc áo khoác trẻ con kiểu hải quân Holy Angels màu xanh lá. Mắt phải của cậu vẫn đang chảy nước mắt trong khi niềm vui dâng lên trong mắt trái. Đôi môi mấp máy, cậu muốn nói “Tôi biết em” nhưng không có một sự kiện nào trong đời cậu minh chứng cho điều này nên cậu chỉ đứng yên, say sưa ngắm nhìn và không lộ chút ngạc nhiên nào.

Cô mỉm cười và nói “Tôi sẽ cưới một nha sĩ”. Cô có một giọng nói mà cho tới khi lớn lên vẫn không bỏ được, kiểu nói làm cho các phụ âm nhẹ bớt đi, âm “r” nhẹ và hơi chảy dài, một xu hướng nuốt chữ không phải bằng môi mà ngay từ trong cổ họng. Những gì cô làm với tiếng Anh là một thứ âm nhạc thuần khiết.

“Tôi không phải là nha sĩ”, cậu nói, tai bắt đầu đỏ dần lên.

Cô lại cười và nhìn xuống những cái “răng” của cây đàn piano đang rơi vãi dưới chân cậu.

Lúc đó cô mười hai tuổi, chuẩn bị bước sang tuổi mười ba.

Nếu cô bấm nốt Mi thì mọi việc đã không tiến xa như vậy, nhưng cô đã bấm nốt

Đô và cả hai không ai có lí do để nghĩ đến điều gì đó bất hạnh. Họ sắp xếp để gặp nhau. Cậu muốn hỏi xin phép mẹ cô nhưng cô

đã nói “Đừng lo!”. Do đó cậu đợi cô, run rẩy trên những bậc tam cấp của trường Lyceum cho tới khi thấy cô bước ra khỏi cánh cửa lớn của trường Holy Angels phía bên kia đường. Những cô bé khác tràn xuống các bậc thang, cười rúc rích thành từng nhóm hoặc từng cặp, nhưng cô chỉ có một mình. Khi nhìn thấy bóng dáng cậu, cô bắt đầu chạy. Cô lao vào vòng tay của cậu và cậu xoay vòng cô như một đứa trẻ, họ cười lớn và ôm lấy nhau. Cậu nghĩ rằng trái tim của cậu sẽ giết chết chính mình, cậu không có chút khái niệm nào về khả năng của nó. Đôi môi của cậu tô hồng gò má cô, tóc cô tỏa ra một mùi hương lạ và ngọt ngào, một sự quyến rũ chết người đối với cậu. Làn sương muối kéo đến từ phía cảng Sydney đóng thành những sợi pha lê long lanh trên môi và lông mi cậu, cậu như chàng Aladdin giữa một đồng kim cương.

Cô nói “Em có 5 xu, còn quý ông thì sao nào?”

“Anh có bảy mươi tám đô la và bốn xu trong ngân hàng, một đô la trong túi, nhưng mà một ngày nào đó anh sẽ giàu có.”

“Vậy đưa một đô la đó cho em, quý ông giàu có à.”

Cậu làm theo và cô dắt cậu đến tiệm chụp hình Wheeler ở đường Charlotte, họ chụp một tấm chung với nhau trước bức tranh vẽ hình mái vòm La Mã được viền khung sáp hình lá dương xỉ. Trước khi cậu biết điều gì đó về xuất thân của cô, cậu có cảm giác như tấm hình đã làm cho hai người hóa thành một.

Họ đi tiếp đến tiệm bánh Crown, cùng ăn một đĩa kem Neapolitan rồi viết chữ cái tên hai người lên cửa sổ và ngồi ngắm chúng tan vào nhau. Cậu nói “Anh yêu em, Materia.”

Cô cười lớn và nói “Nói lại đi.”

“Anh yêu em.”

“Không, tên em kia.”

“Materia.”

Cô lại cười lớn. Cậu hỏi “Anh nói đúng chứ?”

“Vâng, dễ thương lắm, cái cách anh gọi tên em thật là dễ thương.”

“Materia.”

Cô lại cười và nói “James.”

“Nói lại đi.”

“James.”

Ngay lúc cô nói tên cậu ra bằng cái giọng rừ rì nhẹ nhàng đặc trưng thì cậu bỗng cảm thấy những ham muốn của mình lần đầu tiên trở nên quá tràn tục, cậu đỏ mặt và điều này có thể khẳng định với bất kì ai về những cảm giác đó. Cô chạm vào tóc cậu, cậu hỏi “Giờ em muốn về nhà không?”

“Không, em muốn đi với anh.”

Họ đi đến cuối con đường Old Pier cách xa Esplanade và ngắm nhìn những con tàu từ khắp mọi nơi. Cậu chỉ tay “Đó là con tàu Red Cross Line, một ngày nào đó anh sẽ lên nó, chào tạm biệt và ra đi.”

“Đi đâu?”

“Thành phố New York.”

“Em đi với anh được không?”

“Dĩ nhiên rồi.”

Thực ra cô đã hứa hôn với một nha sĩ, lời hứa được thực hiện khi cô mới bốn tuổi. Người nha sĩ đó hiện vẫn đang ở Old Country nhưng ông ta sẽ tới để cưới cô khi cô mười sáu tuổi.

“Thật là dã man!”, James thốt lên.

“Lạc hậu, đúng không?”

“Em có thích hẳn không?”

“Em chưa gặp ông ta bao giờ.”

“Thật là...cổ hủ, tàn nhẫn!”

“Đó là truyền thống mà.”

“Hắn ta trông như thế nào?”

“Già rồi.”

“Ôi Chúa ơi!”

Họ nắm tay nhau đi trở về đường Old Pier, bên phải, mặt trời đang hờ hững lặn dần xuống, còn bên trái, những cột khói từ nhà máy sắt thép Dominion phun trào vào buổi làm việc của một ngày mới. Những hạt tuyết màu cam nhẹ bắt đầu rơi.

Sydney rất nhỏ, lúc đó có vài người đã nhìn thấy họ đi với nhau và lời đồn truyền tới tai bà Mahmoud, nhưng bà giấu không cho ông Mahmoud biết. Materia bị cấm tuyệt đối không được giao du với người chỉnh đàn piano. Cô bị kiểm tra kỹ lưỡng. “Nó có đụng vào con không? Con có chắc không?” Các nữ tu luôn cảnh giác cao độ, Materia không bao giờ được ở một mình và vào buổi tối thì mẹ cô sẽ khóa cửa phòng ngủ của cô lại.

Lúc họ cập bến cảnh Sydney, Materia chỉ mới sáu tuổi và bố cô đã nói “Nhìn kia. Đây là Thế giới mới. Ở đây mọi thứ đều có thể.” Cô còn quá nhỏ để có thể nhận biết được rằng ông đang nói với các anh của cô, do đó, vào đêm sinh nhật thứ mười ba, cô trèo khỏi cửa sổ phòng ngủ và rời khỏi Old Country mãi mãi.

“Em gái nhỏ từ vùng Lebanon, hãy đến với anh”. Ngày 17

tháng 2 năm 1899, một đêm không trăng. “Anh là hoa hồng của Sharon, là những bông hoa lily của thung lũng”. Họ bắt đầu lên đường trước khi bình minh lên trên một con ngựa thuê và cưới nhau vào ngày hôm đó tại Irish Cove, buổi lễ được tiến hành theo kiểu Thiên chúa giáo và được dẫn dắt bởi một vị giáo sĩ vốn là cựu hải quân. Ông không hề có câu hỏi nào, đổi lại ông được một bình rượu. Cô dâu của anh, đôi môi em như một tổ ong, và mặt ngọt, và sữa đều ở ngay trong miệng em. Họ lội trong tuyết và đi đến một túp lều thợ săn ở bên hồ Great Bras d’Or, trước đây nó vẫn được những người giàu có sử dụng trong mùa thu. Em đã cướp đi trái tim của anh, cô gái nhỏ, cô dâu của anh. Tất cả đều đã bị bít kín nhưng cậu đã sửa sang lại. Em đã cướp đi trái tim của anh chỉ bằng một con mắt. Cậu đã cạy khung cửa sổ ra, may lại những chiếc màn che. Ở bên trong, cậu bảo cô nhắm mắt cho tới khi cậu quét xong, thắp một ngọn nến và sắp đặt bàn ăn. Cậu đã nghĩ đến mọi thứ: rượu, ga trải giường bằng vải lanh mới, và chiếc khăn ca rô từ cái rương đựng đồ của người mẹ quá cố, mùi hương trên quần áo em như mùi hương của vùng Lebanon. Cậu hát một bài hát ru bằng tiếng Xen-tơ và bật khóc, nếu như có thể, cậu sẽ nói yêu cô nhiều hơn bằng chính tiếng mẹ đẻ của mình, khu vườn bị giam hãm trong cô gái nhỏ của anh, mùa xuân tắt lịm, suối nước ngừng phun. Cậu hôn cô thật dịu dàng, không muốn làm cô sợ, cậu đã đặt mua qua đường bưu điện quyển “Những điều các ông chồng cần biết” nhưng lại quyết định không chạm vào cô theo những cách đó, thà cậu chết còn hơn làm cô sợ hay bị đau. Cô trườn người lên và chạm vào phía sau đầu cậu, thì thầm “Haibibi, BeHebak”. Đôi tay này sẽ dang rộng cho người anh yêu.

Vào ngày thứ hai, cô nói “Mình hãy ở đây mãi nhé, đừng đi đâu hết, trừ thành phố New York.”

Cậu trả lời “Em không muốn một ngôi nhà to đẹp, những đứa trẻ xinh xắn và bố mẹ em phải nói rằng “Con đã làm đúng tất cả!” sao, bà Piper?”

“Không”, cô lăn qua và nằm lên người cậu, chống hai khuỷu tay ở hai bên khuôn mặt cậu, “Em chỉ muốn ở đây, lâu thật lâu”, bụng cô cong xuống áp sát vào người cậu, “...mãi mãi...”, hãy hôn anh, những nụ hôn từ đôi môi em. “Và mãi mãi...”, cậu thờ dốc.

Ngày thứ ba, khi James trở về từ chuyến đi tìm đồ dự trữ trong rừng, cậu bị hai người đàn ông to lớn bắt lên xe ngựa và chở đến Sydney, tại căn phòng phía sau của cửa hàng thực phẩm khô của nhà Mahmoud trên đường Pitt. Ông Mahmoud ngồi trên một cái ghế dựa bằng gỗ, một người đàn ông cao, ốm, với đôi má nhợt nhạt và tóc quăn đen.

“Thưa ông...”, James nói.

Ông Mahmoud có một đôi mắt rất sâu, James cố gắng tìm hình ảnh của Materia trong đó. “Thưa ông...”, James nói.

Ông Mahmoud khẽ nhấc ngón tay trở, hai người đàn ông trẻ tuổi hơn đến lột giày và vợ của James ra, cậu để ý và cảm thấy khó chịu rằng cả hai người họ đều có thể dùng dao cạo.

“... vợ của tôi đâu?”

Ông Mahmoud lấy cây roi da và đánh lên bàn chân của James, nhiều ngày sau đó chúng sưng lên, bong da và chảy nước như giấy phơi lùa sũng nước.

Họ nhốt James vào YMCA và cho cậu ăn. Đến khi James có thể đi đứng trở lại với sự giúp đỡ của một cây gậy, hai người đàn ông

hộ tống cậu đến nhà thờ Thiên chúa giáo La Mã Sacred Heart. “Bỏ tay ra,” James nói, nhưng cậu không nghe thấy hai người đó nói một từ tiếng Anh nào, “những thằng khốn đơ bản”, cậu thêm vào.

Materia đang đợi cậu một mình tại bệ thờ, trùm khăn che mặt màu đen. Cô không nhìn cậu, mái tóc đã bị cắt. Họ lại trao nhau lời thề nguyện một lần nữa, lần này là trước một Cha xứ La Mã. Đó là lần đầu tiên James bước vào một nhà thờ Thiên chúa giáo, nó có mùi như một nhà chứa, mặc dù James chưa từng đặt chân đến cả hai nơi đó.

Ở phía sau nhà thờ, trái tim của bà Mahmoud đang tan nát vì bà đang nghĩ, làm sao thằng bé da trắng vô gia cư, vô đạo đó có thể biết cách đối xử với một người vợ? Thật tồi tệ khi một người mẹ biết rằng con gái bà sẽ không có được sự hạnh phúc mà bà từng có. Nhưng hơn thế nữa, hơn cả nỗi đau, là một sự ớn lạnh, bởi bà đã từng nhìn thấy thứ gì đó trong ly nước của James.

Mahmoud không bao giờ đánh con gái mình, ông xem đó như một sự yếu đuối khi không thể giơ tay lên đánh bất kỳ cô con gái nào của mình, và đó chính là nguồn gốc của chuyện này. Một ngày sau lễ cưới đáng sợ đó, ông bảo bà Mahmoud dọn dẹp căn nhà của Materia. Ông đến cửa hàng và tự nhốt mình trong căn phòng phía sau trong khi bà Mahmoud đốt, cắt vụn và cuốn gói tất cả những kí ức về cô con gái của ông. Người em gái Materia yêu quý nhất, Camille xinh đẹp, đã khóc nhiều ngày liền. Cô và Materia vẫn luôn mơ rằng họ sẽ kết hôn với hai anh em bảnh bao, họ sẽ sống cạnh nhau trong những ngôi nhà lớn màu trắng, con cái của họ sẽ lớn lên cùng nhau; Materia sẽ chải mái tóc thẳng dài tuyệt đẹp của Camille mỗi tối và họ sẽ vẫn ngủ chung một

phòng như bây giờ. Camille viết thư cho Materia, nét chữ to và gọn gàng cùng những kí tự “x” và “o” ở cuối thư, nhưng cha cô tìm thấy và đốt nó đi. Ông gọi Camille đến hầm rượu và đánh cô.

Cũng không phải là quá đáng khi người chinh đàn piano chỉ là một “tên khốn”, hoặc cậu không phải đạo Thiên chúa, hoặc chỉ là một người thợ. Vấn đề ở chỗ cậu đã đến như một tên trộm trong đêm và cướp đi tài sản của một người đàn ông khác, “Con gái ta đã bỏ trốn.” Ở Old Country có một từ thường được dùng là ‘ayb’, vì không có dịch nghĩa nên không ai ở đất nước này có thể hiểu hết được nỗi nhục mà ông Mahmoud đang cảm thấy. Sẽ không thể nào mang cô trở lại được nữa, cô đã bị hủy hoại.

Nhưng Chúa rất giàu lòng thương và ông Mahmoud cũng vậy. Ông cho phép James chuyển đạo sang đạo Thiên chúa để giữ lấy mạng của mình. Ông cũng sắp xếp cho người xây dựng một ngôi nhà khá lớn cho cặp vợ chồng mới cưới ở xa về phía bãi biển gần Low Point. Ông làm điều này để tránh việc một năm sau ông phải tống chúng ra khỏi cửa nhà khi chúng đã nghèo túng. Những chuyện như vậy sẽ giết chết người vợ tội nghiệp của ông mất.

Còn cái thằng tóc vàng đã cướp con gái của ta, mày hãy chết rục đi. Mong là mày sẽ thức dậy và tất cả răng và lưỡi của mày sẽ rơi vãi trên gối, mong là Chúa sẽ tàn phá chỗ ở của mày... à không, có thể sẽ không phải là chỗ ở.

Còn con gái của ta, mong Chúa hãy nguyên rửa tử cung của nó.

Đêm sau đám cưới của Materia, bà Mahmoud mở chiếc hộp nữ trang bằng gỗ hồng mộc của mình ra, ngay lập tức, cô vũ công nhỏ bé bật lên và bắt đầu xoay tròn theo giai điệu của bài “Điệu valse kỉ niệm”. Bà Mahmoud lệt lết nhưng màu đỏ ở đáy hộp và

đặt bím tóc dài của con gái mình vào đó, cuộn nó lại thẳng thớm, bà lấy lớp nhung che nó lại đặt lại vào đó những thứ xinh đẹp mà chồng bà đã tặng bà trong những năm qua: hồng ngọc, đá mặt trăng, ngọc trai... Sau đó bà chui vào trong chiếc tủ gỗ sồi mà bà chắc chắn rằng ông sẽ không nghe thấy, và bắt đầu than khóc.

Materia không bao giờ gặp lại gia đình nữa, cha cô cấm tiết điều đó. Những cô em gái của Materia bị bắt nghỉ học và giữ ở nhà cho tới khi chúng kết hôn. Những anh trai của Materia không được giết tên khốn người Anh đó, nhưng tương tự, cậu cũng không nên xuất hiện trước mắt họ. Kể từ ngày đó, Materia đối với họ coi như đã chết.

Một tháng sau James và Materia dọn đến căn nhà to hai tầng với khung gỗ màu trắng, có một tầng áp mái. Nhưng không phải vì nó mới mà nó không bị nguyên rủa.

Low Point

Điều làm James cảm phẫn nhất là từ “enklese” vô nghĩa, cậu không phải người Anh, không có một giọt máu Anh nào trong người cậu, cậu là người Xcốt-len và Ailen, như chín mươi phần trăm số người trên cái đảo bị Chúa bỏ rơi này, nếu không kể tới những người Canada. Những tên Xi-ri da đen bản thủ.

“Người Li-băng”, Materia nói.

“Có gì khác nhau đâu chứ, không có họ sẽ tốt hơn cho em.”

Ở Low Point không có thị trấn hay làng mạc nào, chỉ có những cái mỏ nhỏ ở quanh đây, một số có từ những ngày đầu thời Pháp nhưng giờ chúng đều đã bị đóng cửa. Tuy vậy vẫn có những đồng bừa bộn ở khắp nơi và bạn vẫn có thể tìm thấy than. Người hàng xóm gần nhất là một người Do Thái làm nghề chăn nuôi gia súc lấy thịt ăn kiêng, và James vẫn giữ khoảng cách với ông, có Chúa mới biết những thứ lễ nghi gì liên quan đến gà và cừu.

Ở phía sau nhà có một con lạch, nó đổ vào đại dương ở cách đây khoảng nửa dặm. Biển Đại Tây Dương luôn trong tầm mắt và cả James lẫn Materia đều sống dựa vào điều này.

Nếu đi dọc theo con lạch, bạn sẽ đi dọc theo một bãi cỏ màu xanh nhợt nhạt, mọc lộn xộn và ẩm ướt, hãy cẩn thận để không vấp phải những hòn đá nằm lặng im và trôi lên ở đây, ở kia.

Ngang qua một hai cây trường xuân lớn, qua mùi hương từ hoa của chúng, qua những chuỗi hạt nhựa cây kẹt trong màn mưa. Bạn sẽ bị bất ngờ vì những cây nấm màu đỏ tươi và sẽ dừng lại ngắm nhìn, hoặc sẽ cúi xuống để cảm nhận sự trong lành của dòng nước, làm đôi mắt mình tỉnh táo bằng cách ngắm những hòn đá cuội lấp lánh ánh kim loại ở đáy dòng. Lúc này giày của bạn đã bị ướt, và tóc thì lấm tẩm những hạt nước, bạn đã đến con đường bụi bặm kéo dài chín dặm đến Sydney nếu queo trái, và đi hết đường để đến vịnh Glace nếu queo phải. Một số người gọi đây là đường Old Lingan, một số khác gọi nó là đường Victoria hay Old Low Point, nhưng giờ nó chỉ đơn giản là đường Shore. Bạn sẽ băng qua đường và đi thêm vài bước nữa để đến rìa bờ đá, phía dưới là dòng nước hung tợn gào thét. Suốt ngày nó ừa vào rồi kéo ra ở bãi biển đầy sỏi đá, trừ những khi thời tiết xấu. Phía xa xa có màu hoa cà như một đôi môi lạnh, gần hơn là màu xanh của đồng và màu xám tro, những đám rong biển nhảy múa quuyến rũ như những chiếc khăn che mặt bất kể thời tiết lạnh lẽo, thả những làn tóc của mình ra bám vào các tảng đá. Trên rìa đá, bạn có thể ngồi đong đưa chân trong một ngày đông lạnh giá, cảm thấy làn gió mang hơi muối vuốt ve mình. Và nếu bạn giống Materia thì bạn sẽ nhìn ra xa, xa mãi, xa mãi, đến nơi mặt trời lặn xuống. Bạn sẽ hát, dù bạn không hát bằng tiếng Ả Rập.

Vào lúc này, Materia đang đi theo con đường mòn từ ngôi nhà trắng hai tầng, dọc theo con sông, băng qua đường Shore và đến bờ đá.

Lúc đầu họ không có nhiều đồ đạc trong nhà, James mua được một cây piano kiểu tủ tại buổi đấu giá. Trong những ngày đầu, Materia chơi đàn và họ hát với nhau bài “Hãy nổi nhạc lên cho

cây piano”. Đôi khi cô tuột khỏi chiếc ghế và khăng khăng bắt anh chơi, anh sẽ khoái trá chơi vài khung nhạc của một bản nhạc trữ tình nào đó rồi nhanh chóng dừng lại, như anh vẫn thường làm lúc chỉnh đàn. Materia sẽ cười và năn nỉ anh chơi một bản nào đó trọn vẹn và anh sẽ trả lời “Anh không phải là nghệ sĩ, cưng à, anh nghe em chơi thì hơn”.

Anh làm một cái rương đựng đồ cho cô từ gỗ tuyết tùng. Anh chờ đợi lúc cô bắt đầu đàn và may vá như mẹ anh: bà đã tự kéo sợi, bện, dệt và may, làm tất tần tật mọi việc, cho đến khi James bé bỏng thấy có những tấm vải tuyết và vải caro như những khuôn nhạc. Nhưng cái rương vẫn trống không, thay vì làm Materia buồn vì điều này, James mang nó cất lên gác xép.

Anh không phải là đầu bếp giỏi nhưng anh có thể nấu cháo yến mạch và nướng thịt. Cô ấy còn trẻ, đến lúc thì cô ấy sẽ phải học. Vào những ngày cuối tuần, anh đi chỉnh đàn ở những nơi rất xa, tận Mainadieu. Trong tuần anh đạp xe đến Sydney, làm công việc quét dọn tại tòa soạn tờ The Sydney post newspaper vào buổi sáng và làm thư kí bán hàng tại cửa hàng McCurdy’s vào buổi tối. Sau đó anh mua đồ dùng, đạp xe về nhà, nấu bữa tối và dọn dẹp nhà cửa, sau đó chuẩn bị quần áo để hôm sau đi làm. Cuối cùng là lên gác và ôm người anh yêu thương vào lòng.

Một ngày mùa xuân anh hỏi cô “Em yêu, cả ngày em làm gì?”

“Em đi dạo.”

“Còn gì nữa?”

“Em chơi đàn.”

“Sao em không trồng một khu vườn nhỏ, hay anh mua cho em vài con gà nhé?”

“Mình đi New York đi.”

“Giờ mình chưa đi được.”

“Tại sao?”

“Chúng ta có nhà mà, anh không muốn bỏ trốn như vậy.”

“Em muốn.”

Anh không muốn trốn đi một lần nữa, anh muốn ở lại và chứng tỏ điều gì đó với cha vợ của mình, anh dự định sẽ trả lại tiền mua ngôi nhà này, anh bắt đầu đi học hàng đêm theo chương trình liên kết với đại học Saint Francis Xavier: nghệ thuật tự do. Anh biết điều này sẽ liên quan đến luật pháp và anh có thể đi bất cứ đâu. Anh có những quyển sách mà mẹ anh thích nhất, Kinh Thánh và Shakespeare, Quá trình hồi hương và Ngài Walter Scott, tất cả đều đã cũ sồn nhưng anh biết có những chỗ trống cần phải được lấp đầy nếu anh muốn trở thành một người đàn ông có học thức, một quý ông. Sách vở không phải là chi phí, chúng là một khoản đầu tư. Anh khoan tròn một ô quảng cáo trên tờ Halifax Chronicle và gửi đến Anh để đặt mua một hòm sách kinh điển.

Anh làm việc cho tờ The Sydney post nhưng lại đọc báo Halifax Chronicle để có được một cái nhìn về thế giới bên ngoài hòn đảo này, một thế giới thật sự. Những người làm thuê ở tờ Post nghĩ rằng anh chỉ là một thằng quét dọn, còn những tên đối thủ dẻo miệng ở cửa hàng thì nghĩ rằng anh quá may mắn khi tìm được công việc bàn giấy mà không có gia đình hay ai đó giới thiệu. Anh sẽ cho họ thấy, không phải vì họ đáng được thấy.

Vào một đêm mùa xuân đó, anh gỡ nắp thùng hàng và lấy ra hàng loạt những kho báu không thể diễn tả được bằng lời: những

cuốn sách xinh đẹp, hết cuốn này đến cuốn khác, Dickens, Plato, Thơ Anh của nhà xuất bản Oxford. Anh dừng lại ở quyển cuối cùng, nâng nó trên tay, xem từ bìa sách này đến bìa sách khác và nghĩ rằng anh có thể đi bất cứ đâu, có thể nói chuyện với Nữ hoàng. Đảo giấu vàng, Những bài luận hay nhất thế giới, Nguồn gốc các loài. Anh đếm, có mười hai quyển trong hòm, nghĩa là anh đang sở hữu mười sáu quyển sách. James nghĩ, hãy thử tưởng tượng xem, ngàn ấy kiến thức đang ở đây, trên sàn nhà, trong căn phòng này, trong ngôi nhà của mình. Anh ngồi khoanh chân và ngắm nghía sự giàu có của mình. Nên mở cuốn nào trước nhỉ? Những trang giấy mạ vàng và bìa màu đỏ thẫm chạm khắc chữ vàng mời gọi anh.

Anh chạy vào bếp, lục lọi và quay trở lại với cây kéo. Anh chọn một quyển và mở bìa trước của nó ra, gáy sách kêu răng rắc làm rơi một lớp bụi đỏ vào lòng anh, không sao, những từ ngữ bên trong mới quan trọng. Anh dùng lưỡi kéo nhẹ nhàng cắt những trang đầu tiên và gọi Materia, cô đang ở đâu đó trong nhà nhưng cả một hai tiếng đồng hồ rồi James không thấy cô đâu. “Materia”, anh gọi lại trong lúc đang cắt trang cuối cùng. Khi cô đến anh hỏi “Em ở đâu vậy cưng?”

“Gác xép.”

“Ồ, em làm gì trên đó vậy?”

“Không gì cả.”

Anh không tin vào điều đó, có thể cô đang bí mật may thứ gì đó bỏ vào rương để làm anh bất ngờ. Anh nghĩ vậy và nở một nụ cười triu mến, “Nhìn em xinh đẹp quá.”

“Cám ơn, James.”

Tóc cô vừa được tết và quấn quanh đầu, cô mặc một chiếc áo tay phồng in hoa, đi cùng với chiếc nơ và váy phồng.

“Nhìn này, em yêu”, anh nói, “có thể em sẽ thích quyển sách này đây!”

“Minh ra ngoài đi!”

“Đi đâu?”

“Vào thị trấn, đến buổi khiêu vũ.”

“Cưng à, chúng ta có thể tự giải trí miễn phí ngay tại nhà mà, rồi em xem, sẽ vui lắm đấy.”

Anh cười một cách ấm áp và kéo cô ngồi bên cạnh mình trên chiếc ghế sofa lông ngựa. Anh vòng một tay quanh người cô và lật một cuốn sách xinh đẹp ra rồi đọc lớn “Phần một. Về những hình thái chuyển đổi thành cơ thể, tôi muốn gửi gắm...”, thường thức từng từ và hơi ấm của vợ ngay bên cạnh, “thời kỳ Hoàng kim lần đầu xuất hiện...”

Anh cứ đọc và đêm dần buông xuống, “Con người không biết bất kì đất nước nào khác ngoài nơi họ đang sống nhưng không có thị trấn nào gói gọn trong những bức tường và kênh mương...”, anh đọc cho tới khi những viên than đã nguội lạnh, xám xịt đến tận lõi. Với tay mở đèn và nâng ngọn bắc lên, anh hỏi vợ, “Giờ thì em thấy nó vui hơn là đi chơi giữa một đám người lạ chưa nào?” và quay sang chờ sự khẳng định của cô, nhưng anh phát hiện ra cô đã ngủ từ lúc nào, anh hôn lên tóc cô và tiếp tục đọc, “Về sắt, chúng không dễ xử lý...”

Anh tiếp tục đọc lớn vì đó là cách mà anh và mẹ vẫn thường cùng đọc với nhau và suy nghĩ đó làm James có được một niềm hạnh phúc trọn vẹn trong đêm, “Không chỉ có bắp và những loại

cây trái tìm kiếm và tích trữ chất dinh dưỡng từ lòng đất, nay lũ yêu tinh cũng bắt đầu đào bới. Chúng tìm kiếm trong lòng trái đất với lòng tham vô đáy nhằm đạt được sự giàu có bản thủ nằm sâu, che giấu ở những nơi gần với địa ngục...”.

Đến giữa mùa hè thì cô đã có thai ba tháng và rên rỉ suốt ngày, James không thể hiểu được, lẽ ra phụ nữ phải vui mừng vì những chuyện như vậy chứ? Anh cố gắng tốt hết sức, mang kẹo từ thị trấn về cho cô, bắt cô đọc sách để họ có chuyện nói với nhau.

Lúc đầu anh rất ngạc nhiên và sau đó là nản lòng vì sự thờ ơ của cô đối với sách. Anh bắt cô đọc một chương của quyển “Những kỳ vọng vĩ đại” mỗi ngày nhằm trau dồi tình yêu đối với sách và vào buổi tối anh sẽ có vài câu hỏi kiểm tra nho nhỏ, nhưng cô thực sự là một học sinh đáng chán và anh nhanh chóng từ bỏ mọi cố gắng. Anh nặn óc suy nghĩ những trò tiêu khiển khả quan cho cô, đồng thời dẹp bỏ ý tưởng rằng cô sẽ đảm đương việc nội trợ, nhưng cũng chẳng ích gì, anh chỉ cố gắng không rầy la cô quá nặng nề, cô còn quá trẻ, chỉ vậy thôi.

Tuy nhiên anh vẫn cố gắng thử tính kiên nhẫn của mình. “Materia, em không thể dành tất cả thời gian đi dạo trên bãi biển và lẩn quẩn quanh cây đàn như vậy được”, bởi vì gần đây cô bắt đầu chơi bất kỳ thứ gì xuất hiện trong đầu cho dù nó có ý nghĩa hay không, hòa trộn những mảnh của những bài hát khác nhau một cách kì cục, chơi một bài thánh ca ở tốc độ cao nhất, chơi một bản nhạc truy điệu ở cung Xi giáng xen kẽ với bài “Những con chồn nhảy nhót”, và tất cả đều được chơi với bàn tay nện xuống như búa bổ. James cảm thấy việc này thật phiền phức, thậm chí ảnh hưởng tới sức khỏe, hơn nữa, anh không thể học được với những âm thanh ồn ào này.

“Em xin lỗi, James.”

“Sao em không chơi thứ gì hay hơn?”

Vào cái lúc cô chơi bài “Mảnh lá phong” thì lần đầu tiên anh đã hét lên với cô, cô cười lớn và sẵn sàng đón nhận một cơn phẫn nộ. Sau đó anh bỏ mặc cô và điều này làm cô khóc, nhưng nói thẳng ra thì anh đã hiểu những trò của cô rồi, cô chỉ muốn được chú ý thôi.

Vào ngày lễ Lao động, anh từ chối lời mời đưa vợ đến buổi dã ngoại chèo thuyền cho nhân viên cửa hàng McCurdy, anh tự nhủ rằng mình chẳng ham muốn hòa nhập gì với những người vốn sinh ra đã là quý ông, làm việc bên cạnh họ là đủ lắm rồi, nếu một lần nào đó anh tự tạo cho mình cảm giác thoải mái giả tạo khi ở trong một xã hội như vậy thì có thể anh sẽ lạc lối. Nhưng sâu thẳm trong tâm hồn, anh đau đớn khi nghĩ đến việc giới thiệu Materia với bất kì ai, anh cảm thấy rất biết ơn vì họ đang sống ở một nơi không ai biết, không phải vì anh không còn yêu cô nữa, anh rất yêu, chỉ là dạo gần đây, anh bị đá kích vì mọi người nghĩ rằng có điều gì đó lạ lùng, họ nghĩ rằng anh đã cưới một đứa trẻ.

Vào tháng chín thì cô đã to bè ra và trở nên vàng vọt, anh bắt đầu ngủ trên cái vông cạnh bếp lò. “Anh chỉ muốn tốt cho em thôi cưng à, anh không muốn lẫn lộn trong lúc ngủ và làm em bé chui ra bằng khuỷu tay của mình đâu.”

Những tiếng nện âm ỉ vào cây đàn piano lúc nửa đêm. Không còn sự sáng suốt, thay vào đó là nông nổi, không còn những bài hát phiến phức, chỉ còn sự bất hòa. Những cơn thịnh nộ. Được thôi, cứ để cô ấy tự làm kiệt sức mình đi. Đập mạnh, đập mạnh

hàng giờ liền. Buổi sáng anh vẫn thức dậy từ chiếc võng như thể anh đã ngủ rất ngon, gói phần cơm trưa, vỗ nhẹ lên đầu cô và đạp xe đi làm trên chiếc xe với những bánh xe bằng sắt.

Vào lễ Halloween thì cô đã to bằng cái nhà. Một đêm anh vào bếp và thấy cô đang ngồi bên bàn bếp với một tô bột làm bánh mật ong, những thứ nguyên liệu trên bàn cho thấy vậy. Anh cảm thấy hạnh phúc, đây là lần đầu tiên cô cố gắng nấu nướng, thậm chí anh còn hôn cô để thể hiện niềm vui của mình, nhưng khi anh định nhúng ngón tay vào tô bột thì nó đã bị liếm sạch nhẵn.

“Em đang làm cái quái gì vậy?”

Cô chỉ nhìn một cách khó chịu về phía trước.

“Trả lời đi.”

Cô chỉ ngồi đó, phì nộn ra.

“Chuyện gì xảy ra với em vậy? Em có biết suy nghĩ không? Em không có gì để tự nói cho chính mình sao?”

Cái nhìn vô hồn, gương mặt nhũn ra. Anh chụp lấy cái tô.

“Hay em cũng chỉ là một đồng bột thôi?” Không trả lời.

“Trả lời đi!”

Anh ném mạnh cái tô xuống chân cô và nó vỡ ra, cô chạy ra ngoài và nôn thốc nôn tháo, anh nhìn vóc dáng khổng lồ của cô khom mình cạnh những bậc thang. Lúc này chắc bạn sẽ nghĩ cô đã biết là không nên gây chuyện nữa, đến cả một con vật ngu ngốc cũng tự biết cách kiềm chế bản thân. Cô ấy có thể ở ngoài đó cho đến khi anh dọn dẹp xong.

Anh quét và lau sàn, tối hôm đó anh đã làm xong rất nhiều việc, chưa kể việc suy nghĩ. Anh khóa cây đàn và cất chìa khóa

vào túi, sau đó nói “Anh không nấu nướng, không dọn dẹp nữa, em phải lo làm những việc của mình đi, quý cô ạ, Chúa biết rằng anh đang làm tốt việc của mình.”

Nhìn cô thật buồn bã và chán nản, anh cảm thấy một chút đau xót, tất cả phụ nữ đều sẽ trở nên xấu xí vậy sao?

“Em xin lỗi, James”, cô nói và bắt đầu khóc, dù gì nó cũng vẫn tốt hơn những cái nhìn chăm chăm kì cục như cô vẫn hay làm. Anh để cho cô ôm mình vì biết rằng điều đó sẽ làm cô cảm thấy dễ chịu, anh không muốn mình tàn nhẫn, anh mong đứa bé sẽ được bình an.

Materia đi lên gác xếp, cô quỳ xuống, mở nắp rương đựng đồ và hít thật sâu. James nghĩ rằng cô không đựng đồ vào hộp vì cô chẳng có gì để bỏ vào, nhưng thực ra cô cố ý bỏ trống nó, như vậy sẽ không có gì có thể xen vào giữa cô và mùi hương kì diệu dẫn lối cho cô về với kí ức của mình. Tuyệt tưng. Cô gục đầu vào chiếc rương trống và để cho mùi hương nhẹ nhàng nâng mình lên không và ru cô đi xa, mùi đất nóng và những bụi cây ô liu ẩm ướt, những gợn sóng lăn tăn của vùng Địa Trung Hải, vườn tằm của ông cô, ngôn ngữ của cô, đôi tay của mẹ cô ngập trong rau mùi tây và quế, đôi tay mẹ gõ nhẹ vào trán và thắt bím tóc cho cô... Đôi tay của mẹ. Mùi hương của chiếc rương. Những cây tuyết tưng vùng Lebanon. Cô ngừng khóc và thiếp đi.

Người phụ nữ Do Thái

Bà Luvovitz đã nhìn thấy một người phụ nữ mang thai ngồi bên bờ đá, cứ như một vật gì đó đang cảnh báo, hoặc đang mê hoặc những con tàu. Mọi người quanh đây đều tin vào hà bá nên trí tưởng tượng của bà Luvovitz cũng bị ảnh hưởng. Bạn có thể trông đợi gì từ quá nhiều người theo Thiên Chúa giáo chứ? Họ nhìn thấy điềm báo ở khắp nơi, ở nơi quê nhà của bà Luvovitz họ gọi những điềm này là “golem”.

Chắc là có chuyện gì với người phụ nữ đó, có thể cô ấy là người đơn giản, bà Luvovitz nghĩ, bởi vì ngày tiếp theo khi bà đi ngang con đường Shore để đến Sydney trên chiếc xe ngựa chở đầy trứng của mình, bà đã nghe thấy người phụ nữ đó hát những từ có vẻ như vô nghĩa. Có thể đó là một người phụ nữ tội nghiệp với đầu óc đơn giản đến từ những ngọn đồi phía Bắc, một thời anh chị em họ vẫn thường hay lấy nhau. Tuy vậy, bà Luvovitz vẫn chưa từng nhìn thấy mặt người phụ nữ vì lúc nào cô cũng mang một chiếc khăn tay kẻ sọc có tác dụng như khăn che mặt.

Bà Luvovitz hỏi chồng mình, Benny, xem ông có thấy người phụ nữ mang thai đó bao giờ không, nhưng ông nói chưa hề gặp.

“Ông Luvovitz à, ông phải thấy rồi chứ.”

“Tôi chưa từng thấy, bà Luvovitz ạ.”

“Ngày nào cô ấy cũng ở đó mà.”

“Chắc cô ấy là ma.”

“Ông đi đi, Ben.”

Ông cười lớn, ông biết rõ điểm yếu của bà.

Bà Luvovitz quyết tâm lần tiếp theo bà sẽ nói chuyện với người phụ nữ đó bởi vì bà bắt đầu nghĩ rằng mình đã quá sùng đạo. Bà cần phải tự giải tỏa thắc mắc của mình, rằng người phụ nữ đó là con người và không phải là một điềm báo, mà nếu có là một điềm báo, việc quan trọng là phải xác định vài thứ sau “Mình thường thấy cô ấy vào lúc nào? Buổi sáng? Hay buổi tối?” Một người báo hiệu nếu được thấy vào buổi sáng nghĩa là cái chết còn ở rất xa, còn nếu thấy vào buổi tối, nghĩa là nên chuẩn bị sẵn sàng, một đứa trẻ nghĩa là cái chết của một người vô tội.

Ngày hôm đó, bà Luvovitz đang đánh xe đi dọc đường Shore từ Sydney như thường lệ sau khi đã bán hết trứng. “Làm ơn bán cho tôi một tá trứng”. Bà không thể chịu được nữa, và Benny cũng vậy, ông thường đi giao thịt trên chiếc xe ngựa có gắn cái thùng đá của mình.

“Xin chào”, bà Luvovitz nói và hãm ngựa lại.

“Xin chào, xin chào!”, Abe bé bỏng ngồi bên cạnh cũng nói theo.

Chiếc khăn che mặt được gỡ ra và bà Luvovitz tự nói với chính mình “Ôi Chúa ơi!”, một đứa trẻ mang thai, một sinh vật bé bỏng da màu, chắc chắn là cô bé từ nơi khác đến, cũng có thể từ vùng Indian Brook. Bà Luvovitz quên hết những thứ ma quỷ và điềm báo, bà hỏi đúng giọng điệu của một người dân địa phương “Cháu từ đâu đến vậy cô bé, mẹ cháu là ai?”

“Tôi không có mẹ.”

“Lên xe đi, cô bé.”

Thật ngạc nhiên khi biết rằng cô bé sống trong ngôi nhà lớn màu trắng bên kia đường, bà Luvovitz chưa bao giờ thấy cô đi ra hay đi về, chỉ đột ngột xuất hiện, như thường lệ, trên bờ đá. “Cháu bao nhiêu tuổi?”

“Mười ba tuổi chín tháng!”

Ôi ôi, và đã kết hôn với chàng trai trẻ đó, điều này chắc chắn là bất hợp pháp, anh ta tìm cô bé ở đâu ta chứ. Một cô dâu trẻ con. Từ nước ngoài sao, cô bé là người Ý? Một cô gái Gíp-xi Ấn Độ? Giọng nói của vùng nào nhỉ? Bà Luvovitz pha trà và tự nghĩ về những câu hỏi này và vài câu hỏi khác. Mọi thứ sẽ được hé lộ, nhưng trước hết là trà. Ở quê bà và nơi bà đang sống hiện giờ, trà là cả một bữa tiệc. Bà đặt đĩa bánh trước mặt Materia, cô hỏi “Cái gì vậy?”

“Cái gì vậy là sao, đó là bánh ruggalech!”

Materia cầm chiếc bánh được phủ mật và cắn một miếng, nó có vị vừa quen vừa lạ, quế và nho khô.

“Ngon lắm”, Materia nói. “Dĩ nhiên là nó ngon rồi.”

Materia chuyển sự chú ý của mình sang Abe bé bỏng đang chơi ú òa.

“Gia đình của cô dâu, cô Piper?”

“Tôi không có, bà có thể gọi tôi là Materia.”

“Tên lúc còn con gái của cô là gì?”

“Mahmoud.”

Lạy Chúa, tất cả mọi người đều biết nhà Mahmoud.

“Ibrahim?”

“Đó là cha tôi.”

“Và Giselle?”

Materia gật đầu.

Bà Luvovitz vẫn nhớ nhà Mahmoud thường bán hàng dựng trong hai cái giỏ mây treo đong đưa trên lưng con lừa. Những người chăm chỉ, họ làm được tất cả những gì mà chúng ta mong đợi, giờ thì họ đã có một cửa hàng thực phẩm khô lớn ở Sydney.

“Vậy cháu nói cháu không có gia đình là sao? Cháu có gia đình mà, họ chính là gia đình của cháu.”

Materia lắc đầu “Tôi không thuộc về họ nữa.”

“Tại sao không?”

“Tôi đã chết rồi.”

“Chết rồi là sao? Cháu vẫn chưa chết, thật là điên khùng và vô lí khi nói “Tôi đã chết rồi”.”

“Đó là truyền thống.”

“Ta biết đó là do truyền thống.”

Coi như là đã chết trong khi máu thịt vẫn còn tồn tại và người ta vẫn đang khỏe mạnh, những truyền thống như vậy lẽ ra phải bị bỏ lại ở Old Country. “Uống trà đi, cô Piper.”

“Bà có thể gọi tôi là....”

“Ăn đi, cháu cần phải ăn cho cả hai người, ăn đi.” Bà Luvovitz dạy cho Piper nấu ăn.

“Cái gì đây?” James hỏi.

“Canh gà với thịt viên.”

Anh nhìn vào miếng bánh xốp thơm ngọt trong tô nước súp, xắn một miếng cho vào miệng, nhìn chung thì không khác một miếng bánh quy nhúng nước súp là mấy. “Đây là một món ngon Ả Rập sao?”

“Do Thái.”

Họ không phải là những người đầu tiên được anh chọn làm bạn cho vợ mình nhưng cũng không phải như họ đang hy sinh những đứa con của mình ở đó. Cuối cùng cô cũng bắt đầu cư xử như một người vợ, mặc dù sự đánh giá vẫn nằm ở phía kẻ ngoại đạo. James phát hiện ra rằng những người hàng xóm cũng là người nước ngoài, họ sẽ thấy không có gì lạ về việc anh kết hôn với một cô bé quá trẻ. Và tại sao anh lại phải quan tâm một người nông dân Do Thái nghĩ gì về mình? Dù bà Luvovitz có vẻ như là loại người lúc nào cũng đúng, James đã đến đó để chắc chắn.

“Gọi tôi là Benny.”

“Benny.”

“Ném thử cái này đi!”

“Cái gì đây?”, nhìn nó như một khúc bánh xoắn của MacDonald.

“Thử đi.”

“...ừm.”

“Thích chứ?”

“Không tồi, nó ngon lắm.”

“Tôi tự xông khói đấy, nếu cậu muốn, tôi sẽ bán cho cậu cả con bò để dành cho mùa đông, tươi ngon đến tận móng, chọn một con đi, chúng đều rất ngon!”

Trừ giọng nói, râu hàm đen, tóc mai xoắn xoắn và cái mũ nhỏ thì không có gì lạ ở người đàn ông Do Thái này, James mua nửa con bò.

“Tôi không thích thịt ăn kiêng.”

“Ý cậu là sao, nó là thịt ăn kiêng, tôi sẽ lọc mỡ đi, nó là thịt ăn kiêng đấy.”

“Tôi không muốn ông làm trò gì buồn cười với nó.”

“Đừng lo, cậu thấy con bò đó chứ?”

“Vâng.”

“Đó là con tôi để dành cho cậu, đó là con bò Tin lành đấy.”

“Tôi đạo Thiên Chúa.”

Benny cười lớn, James mỉm cười, so với gia đình của Materia thì gia đình Luvovitz có vẻ trắng trẻo hơn.

1900

Vào giờ thứ mười một tháng thứ chín, Materia bắt đầu mong chờ đứa con của mình. Đó là do cô đã rất yêu quý Abe Luvovitz, hai tuổi, và Rudy, sáu tháng. Dĩ nhiên là cô mong một đứa con trai, cha cô sẽ phải rất kiềm chế để không thừa nhận đứa cháu trai đầu tiên của mình, dù nó đến thông qua con gái ông. Đó là những gì cô tự nói với chính mình, và vậy là cô sẽ được gặp lại mẹ và các em gái của cô, cuối cùng cô sẽ vẫn là một người phụ nữ tốt. Cô bắt đầu cầu nguyện với Đức mẹ Mary, xin hãy cho cô một đứa con trai.

James đặt tên đứa bé là Kathleen theo như tên mẹ anh. Kathleen không phải là đứa bé đầu tiên của thế kỉ, nhưng nó được sinh sát giờ đến mức James phải vắt chân lên cổ cười con ngựa già chạy đến Sydney để lôi bác sĩ ra khỏi lúc tàn cuộc của bữa tiệc mừng năm mới. Họ về đến Low Point vừa kịp lúc để bác sĩ khen ngợi bà Luvovitz rằng bà đã làm rất tốt. Bà Luvovitz nghĩ, “Ông chỉ cần cho một củ cải qua cái chỗ giữa hai ống quần rồi chúng ta sẽ thấy ai đã làm tốt”, nhưng bà cẩn thận nghĩ điều đó bằng tiếng Idít.

Bà Luvovitz cho Materia biết cô đã được phù hộ như thế nào “Tôi yêu các con trai của mình, nhưng một người phụ nữ vẫn muốn có con gái.” Materia không nói gì.

James nói “Anh yêu em, Materia.”

Cô trả lời “Baddi moot.”

Anh vỗ nhẹ vào đầu cô và nhìn chăm chú vào đứa bé. “Kathleen”, anh nói, “Nhìn này, nó biết tên của nó đấy!”

Anh cho một mục sư Tin lành rửa tội cho cô bé.

“Chúng ta phải có một Cha xứ”, Materia nói.

“Cùng là một Chúa thôi mà”, James nói, chỉ việc chuyển đạo đã đủ làm anh khó chịu lắm rồi, anh không cần mang con mình ra cho bất kì trò bịp bợm La Mã nào nữa.

Bà Luvovitz chăm sóc Materia và em bé trong hai tuần đầu tiên. Benny nói “Bà đã can thiệp quá nhiều rồi.”

“Tôi đâu có can thiệp, cô bé không có mẹ.”

“Bà đâu phải mẹ nó!”

“Nó cần một người mẹ!”

“Nó cần có thời gian cho con của mình, làm sao cho nó học được chứ?”

James cảm thấy không đủ xoay xở, anh đã đạt doanh số cao nhất trong vòng hai tuần làm việc. Anh bất ngờ đến phòng ông chủ và đề nghị tăng lương.

“Tôi e là chưa thể được, cậu Piper.”

“Thưa ông, giờ tôi đã có con rồi.”

“Những người khác cũng vậy thôi.”

“Tôi đáng giá bằng ba người khác mà.”

“Cậu đã có vài tuần làm việc rất tốt, ráng duy trì nhé, cậu sẽ là nhân viên của tháng!”

James quay gót và cảm thấy tốt hơn là đi ra, cứ để ông ta cố gắng thay thế mình đi, sẽ không thể được, ông ta sẽ không làm được.

James cười con ngựa còi cọc về nhà, anh dự định sẽ cho cô bé tất cả mọi thứ, cô bé sẽ lớn lên thành một quý bà, sẽ đạt được nhiều thành tựu, rồi mọi người sẽ thấy. Anh cảm thấy như một vị vua, bỗng nhiên mọi thứ sụp đổ và anh đang đứng trên đường Shore, con ngựa chết ngay dưới chân. Không sao, miễn là bao tiền vẫn còn đây, nằm trong đồng bùn tuyết, sức nặng làm nó như dính vào đất.

Anh đi bộ quãng đường còn lại và lên một kế hoạch. Đàn piano lâu lâu chỉ cần chỉnh một lần, nhưng chúng cần được chơi thường xuyên. Ai sẽ chơi đàn? Những người nhà quê học bằng tay và thích lao vào những trò vớ vẩn để tìm cảm giác giải trí đơn điệu. Và những đứa trẻ thành thị, bố mẹ chúng luôn mong chúng sẽ đạt được thành tựu. Sở thích của những kẻ thất bại tự cao tự đại làm chung với anh ở tiệm McCurdy, không kể người khá giả thực sự: JAMES H. PIPER ESQUIRE cung cấp lớp dạy học có thu phí cho trẻ em, môn lý thuyết và thực hành piano.

Anh không ngại bỏ việc ở tờ Post, chỉ là anh không thể xuất hiện.

James về nhà giữa ngày và thấy bà Luvovitz đang ở trong bếp cho em bé bú bình.

“Vợ tôi đâu?”

“Đang ngủ.”

Anh đi lên cầu thang, bước hai bậc một lúc và lôi cô xuống bằng một tay, đẩy cô vào trong bếp, cô khóc lóc trên mỗi bước đi.

“Cám ơn bà, giờ vợ tôi sẽ tự lo!”

Bà Luvovitz đứng dậy, nghĩ điều gì đó bằng thứ tiếng không phải tiếng Anh, sau đó rời khỏi ngôi nhà.

James ném phịch vợ vào chiếc ghế và đặt đứa bé đang khóc ré lên vào tay cô. “Cho con bú đi”. Nhưng người mẹ chỉ khóc lóc và làm nhảm.

“Vì Chúa, nói tiếng Anh đi nào.”

“Ma bi’der. Biwajeaal.”

Anh tát cô, “Nếu nó không chịu bú, thì cô cũng không được ăn, hiểu không?” Materia gật đầu, anh mở nút áo cô ra.

James cho phép bà Luvovitz ngủ lại đêm đó vì Materia không có sữa và đứa bé cần được cho bú. Bà đi lên lầu, trong lúc bà Luvovitz làm những việc cần làm thì người mẹ trẻ khóc lóc thảm thiết. Đi xuống lầu, ngồi ở nhà trước, James mở cây đàn và chơi vài đoạn nhạc từ nhiều bản nhạc khác nhau xuất hiện trong tâm trí nhằm xua đi tiếng ồn. Anh cần phải đầu tư vài bản chép nhạc và sách bài tập, con gái của anh sẽ chơi đàn.

Trong vài ngày, việc cho bú là quan trọng nhất và em bé đang bú sữa, tuy nhiên lần nào cho bú người mẹ cũng khóc. Một buổi tối vào tuần thứ tư của Kathleen, James hoảng hốt giật đứa bé ra khỏi ngực Materia.

“Ôi Chúa ơi, cô đã làm nó đau, cô cắt mất môi nó rồi”, nụ cười của cô bé lấp lánh màu máu.

Materia chỉ ngồi đó, im lặng như thường lệ, áo cô mở bung ra, đầu vú nứt nẻ và chảy máu, sữa vẫn đang rỉ ra. James nhìn khê một cái rồi nhận ra rằng đứa bé cần phải được cai sữa trước khi nó bị ngộ độc.

James có thể đã chuyển sang đạo Thiên chúa, nhưng anh không bao giờ quên lễ xưng tội kiểu Xcốtlen của mình. Những người đạo Thiên chúa yếu ớt tin vào sự cứu rỗi linh hồn bằng niềm tin, cũng tốt, cứ ngồi đấy và tin vào bất kì thứ gì bạn muốn, nhưng một số trong chúng ta vẫn biết rằng làm việc vẫn là một sự đặt cược chắc chắn hơn, vì đêm tối chắc chắn sẽ đến... hãy làm quen với việc đó đi, nếu không làm việc thì sẽ chẳng có được gì.

Trong vòng một tháng, James đã có đủ học sinh từ Sydney đến vịnh Glace và bắt đầu có thể xoay sở. Từ sáng tới tối, những cậu bé ngoan được thưởng kẹo, bò thì được ăn cỏ. Vào buổi tối, chỉ còn cái xác chết suốt ngày chỉ biết nhìn chăm chăm, sao anh lại cưới cô chứ? Ngay khi anh ngồi cạnh những cô bé cậu bé mười hai mười ba tuổi trên chiếc ghế đánh đàn và nhìn đôi mắt chúng dán vào việc xướng nốt Đô trung thì lòng anh chợt quặn thắt lại rằng vợ anh chẳng hề lớn hơn chúng.

Làm sao anh lại bị một đứa trẻ gài bẫy chứ? Có gì đó bất thường ở Materia, những đứa trẻ bình thường sẽ không bỏ trốn với đàn ông. Anh đọc trong sách nói rằng chứng bệnh ngớ ngẩn lâm sàng thường đi kèm với bề ngoài quá phát triển. Cô đã dụ dỗ anh, đó là lí do anh không để ý rằng cô chỉ là một đứa trẻ, bởi vì cô không phải, thực sự không phải, điều đó thật kì lạ, thậm chí là bệnh hoạn. Có thể đó là một vấn đề về chủng tộc, anh cần phải đọc thêm về nó.

Những gì Materia muốn là được mang thai một lần nữa và lần này Chúa có thể ban cho cô một đứa con trai, nhưng cô không có nhiều cơ hội cho việc đó vì chồng cô chẳng bao giờ chịu đến gần cô, thậm chí còn nổi giận nếu cô chạm vào anh. Materia nhận ra rằng Chúa sẽ không ban cho cô đứa con nào nữa nếu Người thấy

cô không biết ơn vì đứa con mình đã có, do đó cô cầu nguyện đến Đức mẹ Đồng trinh, cô cầu nguyện trên gác xép vì hàng dăm quanh đây không có nhà thờ nào, và James cũng không muốn cô đi lang thang nữa. Quỳ trên hai gối, tay chống trên rương đựng đồ, cô cầu nguyện “Đức mẹ của Chúa, xin hãy làm cho con yêu thương con của mình.”

Kathleen lớn rất nhanh, mái tóc màu đỏ ánh vàng, đôi mắt xanh lá và làn da khá trắng, Materia cứ tự hỏi không biết nó ở đâu ra, chắc chắn là nó đã thay đổi trong đêm, còn bà Luvovitz thì chẳng thèm suy đoán.

James ngắm nhìn Kathleen khôn lớn và khỏe mạnh mỗi ngày, đúng là những cái ống thổi, anh sẽ mang con bé đến cuộc thi la hét ở những bãi đá, họ sẽ la hét đến khi khản tiếng và vui vẻ. Anh rất thích nghe con bé cười, nó không thể làm gì sai cả.

Trong lúc cho con gái ăn bột ở bàn bếp, Materia nghiêng người và thủ thỉ “Ya Helwi. Ya albi, ya Amar. Te’berini”. Đứa bé mỉm cười và Materia lầm nhảm tạ ơn, bởi vì ngay lúc đó cô đã có một cảm giác mờ nhạt, nhưng rất giống với cảm giác yêu thương.

“Đừng làm vậy, Materia.”

“Gì cơ?”

“Anh không muốn con bé bị nhầm lẫn khi lớn lên, nói tiếng Anh đi!”

“Được rồi.”

Người thợ mỏ năm bốn chín

Kathleen biết hát trước khi biết nói, giọng cao hoàn hảo, James là người chỉnh đàn piano, anh biết rằng con gái mười tám tháng tuổi của anh có thể hát lại đoạn nhạc “Hãy tin em, nếu những điều đó thu hút được anh...” không hề có sai sót, dĩ nhiên là không có lời, sau khi nghe anh chơi đúng một lần. Anh ngồi hoàn toàn bất động trên chiếc ghế chơi đàn và nhìn con bé, nó nhìn thẳng lại vào anh với sự nghiêm trang của một người lớn.

Chính vào cái khoảnh khắc mà sự hồi hộp và lo sợ chiếm những khoảng bằng nhau, như lúc tìm ra được khe nứt có chứa vàng, người đi thăm dò bị ngập đến đầu gối, ông chỉ định đi tìm mỏ than, ngay khi thấy dầu phun ra, ông đã hét lên, tự làm dấu rửa tội và mua ngay cho mình một món gì đó để uống. Nhưng đối với vàng thì hoàn toàn khác, ông đứng lặng im, quan sát trong giây lát, sau đó bật dậy, mắt ngân ngấn nước. Làm sao? Làm sao để lấy nó ra khỏi mặt đất? Làm sao để không bị ai đó cướp mất?

Cuối cùng thì vẫn phải cần có tiền, tiền thật. Vì ngay lúc này, anh đã bỏ sự nghiệp học hành của mình qua một bên và bắt đầu tự dạy học cho con gái. Anh đã đọc thêm về việc này, anh mua một cái máy hát, một cái máy đánh nhịp và bắt đầu sưu tầm đĩa nhạc. Anh đặt mua toàn bộ phiêu nhạc và bản nhạc từ New York, Milan và Salzburg. Anh đã quyết định, không phải là quá sớm để

bắt đầu từ cuốn “Phương pháp luyện tập của Vaccai đối với cách hát kiểu Ý”. Môza sáng tác từ khi lên ba. Lên ba, Kathleen đã có thể hát “Manca sollecita Pius dell’usato, Ancor che s’agiti Con lieve fiato, Face che palpita Presso al morir.”

Materia được phép chơi đàn lại, nhưng lần này chỉ được theo đúng những gì đặt trước mặt cô:

Các gam, quãng, nửa cung: “Bài này lúc đầu phải hát khoan thai, sau đó tăng dần lên thành nhịp nhanh tùy theo khả năng của học sinh”;

Cách nhấn lệch, trang trí, bản dịch nghĩa đen: “Ngọn lửa/ tắt/ nhanh hơn bình thường/ mặc dù/ nó sáng lung linh/ khi bị thổi nhẹ”;

Nốt đệm, giới thiệu về cách nắm bắt: “Nốt đệm khác với nốt dựa nhiều nhất là ở chỗ nó không ảnh hưởng nhiều đến giá trị hay chất giọng của bản nhạc mà nó đứng trước”, quãng ba, quãng bốn, salti di quinta (quãng năm), salti di sesta (quãng sáu) ...

“Con chim nhỏ trong cái lồng chật hẹp/ sao người ta không bao giờ nghe nó hót?”

Bài XI, Ngân, “Tôi sẽ giải thích về nỗi đau của mình”

Bài XII, Ngân dài, “Tôi không thể tin vào những suy nghĩ của chính mình”

Bài XIII, Cách hình thành âm thanh, “Tôi không thể cứ mãi im lặng đối với mọi thứ được.”

Materia chơi đàn, thắm thoát Kathleen đã bảy tuổi. Materia đứng nhìn từ xa, thời gian trôi nhanh, cô càng ngày càng nhớ cha của mình, quên hết tất cả mọi thứ, chỉ nhớ ông đã từng chăm sóc

và mong mỗi cô có một tấm chồng tốt như thế nào. Tất cả những kí ức đi theo năm tháng và những kí ức đẹp thì lại dễ tàn phai nhất, mẹ và các chị em gái của cô từ lâu đã dần bị tan đi như xà phòng, nhòa dần cho đến khi không còn gì cả. Cứ như những bức tranh vẽ trong các hang động, dưới ánh sáng nến, cô chỉ có thể nhìn thấy loáng thoáng chúng ở đâu đó trong bóng tối, trong khóe mắt cô. Nhưng những kí ức về cha cô lại rất bền vững. Bia đá mòn đi, sụp đổ thành một đồng đá, cột mốc về sự mất mát của cô.

“Em mập quá rồi!”

Materia nhìn James từ xa và trả lời: “Ừ”.

Anh lắc đầu, những người đàn ông khác đi dạo với vợ họ vào mỗi tối thứ bảy, đưa vợ đi nhà thờ vào Chủ nhật, ngồi bên cạnh nhau và bên cạnh những đứa con, nhưng James thì không. Chỉ vì một điều, anh không muốn mọi người nghĩ rằng anh cưới một người phụ nữ già như mẹ mình. Nhưng chủ yếu là vì đầu óc Materia trở nên quá dần độn, uể oải nên anh không muốn các con mình bị bêu xấu. Và quan trọng nhất, hơn tất cả mọi thứ, là vì Materia da đen. Anh cố gắng không nhìn vào việc đó, nhưng nó là một trong những thứ cứ hiển hiện trước mắt anh, những lớp vỏ đã bị bóc trần hết.

Anh đưa Kathleen đi khắp nơi, những chuyến đi dạo xa, ban đầu anh đặt Kathleen nằm trong chiếc xe đẩy xinh đẹp kiểu Anh, sau đó là dắt tay cô bé. Ngôn ngữ mà họ dùng trong khi đi dạo là tiếng Xen-tơ. Mái tóc tiên và cách đi đứng uyển chuyển của cô bé làm mọi người phải ngấm nhìn vì trông cô như một nàng công chúa. Quần áo của cô nhập từ Anh, không có gì quá phô trương, tất cả đều có chất lượng cao, cứ như một nàng công chúa giữa đời

thường. Trừ bản thân mình ra, James không tin tưởng giao phó những chiếc áo trắng hoàn hảo của anh cho bất kì ai, cạo râu sạch sẽ mỗi buổi sáng. Cùng với nhau, họ sẽ trở thành những người đứng đầu.

Năm 1907, một thị trấn đã xuất hiện ở đây, nó nổi lên trong đêm và bắt đầu từ sự xuất hiện của mỏ than số 12. Mỏ than số 14, 15, 16 theo sau chỉ trong một thời gian ngắn. Đường sắt xuất hiện, sau đó là những người thợ mỏ. Lúc đầu họ đến từ các vùng Maritimes, Anh, Ailen, Xcốtlen và xứ Wales, giờ thì họ đến từ khắp mọi nơi. Công ty dầu mỏ Dominion đã mua hết đất đai và xây một rừng nhà cửa của công ty: những ngôi nhà tiện lợi dựng lên bằng ván ghép nằm san sát vào nhau. Có một trường học, một nhà thờ Thiên Chúa giáo, cửa hàng thịt ăn kiêng của nhà Luvovitz, tiệm bánh kẹo, tiệm thuốc MacIsaac và cửa hiệu của công ty với đủ các mặt hàng có thể quyến rũ vợ của bất kì người thợ mỏ nào.

Mỗi tối thứ sáu, những người thợ mỏ lại giao nộp phong bì tiền còn nguyên niêm phong cho vợ, các bà vợ sẽ mở nó ra để trả tiền thức uống. Vấn đề là ở chỗ, cho dù có uống một ít vào đêm thứ sáu hay không, thì đến khi đi mua sắm ngày thứ bảy, số tiền trong phong bì cũng chỉ vừa đủ để nuôi sống một gia đình sáu người. Nhưng công ty đã có giải pháp cho việc này: chứng khoán công ty. Đây là một dạng tín dụng, các quý bà có thể sử dụng tiền mặt tại các cửa hàng trong thị trấn để mua những thứ lặt vặt không có bán tại cửa hiệu của công ty. Sau đó họ có thể dùng chứng khoán để mua các mặt hàng như thực phẩm, giày dép, quần áo và dầu hỏa tại cửa hiệu của công ty. Phong bì tiền chòng họ đưa ngày càng mỏng dần đi, cho tới một ngày trong đó chỉ còn

mảnh giấy ghi rõ số tiền thuê nhà họ đang nợ, số lãi họ phải trả cho món nợ với cửa hàng của công ty và họ còn bao nhiêu tiền trong chứng khoán. Dần dần cửa hiệu của công ty được gọi là “Cửa hàng bóc lột.”

Người ta vẫn tiếp tục tràn về tấp nập trên khắp những con đường chạy từ Nam tới Bắc và những đại lộ từ Đông sang Tây, cứ mỗi giây trôi qua lại có một tên đường mới được đặt theo tên thánh trong Thiên Chúa giáo hoặc một trùm tư bản ngành dầu mỏ nào đó. Một thị trấn bùng nổ. Không thực sự tồn tại và không có tên, nhưng đột ngột nhà Pipers lại nằm trên một con đường, con đường mang tên Water.

Materia đã không còn đi nhà thờ từ khi kết hôn, bây giờ lại có một cái nhà thờ ngay bên cạnh nhà cô và chẳng có lí do gì mà cô lại không tản bộ đến đó, nhưng cô lại cảm thấy không có tư cách. Mẹ bề trên sẽ không đáp lại những lời cầu nguyện của cô, vì Materia vẫn không thương con của mình, cô tự nhận thấy tội lỗi trong con người mình.

“Kathleen, đến đây nào con.”

Materia đặt đứa trẻ trong lòng mình và vòng tay quanh người cô bé. Cô hát, giọng trầm bổng:

“Kahn aa’ndi aa’sfoor

Zarif u ghandoor

Rasu aHmar, shaa’ru asfar

Bas aa’yunu sood

Sood metlel leyl...”

Materia đơng đưa đứa bé và cảm thấy buồn, đã có tình thương ở đây chưa? Cô hy vọng, đứa bé cảm thấy lạnh trong vòng tay của

cô, “Ta sẽ sưởi ấm cho con”, cô nghĩ vậy và tiếp tục hát. Kathleen ngồi im thin thít, co rúm người lại trong đồng thịt đang đong đưa. Materia vuốt mái tóc đỏ ánh kim, lướt bàn tay ấm áp ngấm đen ngang qua đôi mắt xanh đang nhìn chăm chăm. Kathleen cố gắng nín thở, cố gắng không hiểu bài hát, cố gắng nghĩ về cha và những thứ tươi sáng: không khí trong lành, cỏ xanh tươi, cô bé lo sợ rằng cha sẽ biết và cảm thấy đau khổ, cô cảm thấy có hơi hướm của việc đó.

Materia thả đứa trẻ ra, chẳng có gì tốt, Chúa có thể nhìn xuyên qua những hành động của cô, nhìn thẳng vào tim cô và thấy rằng tim cô vẫn đang trống trơn. Materia không còn đến chỗ hộp đựng đồ để khóc nữa, cô khóc ở bất kì đâu, cô cũng không để chuyện đó ảnh hưởng đến công việc của mình nữa, thậm chí nó không làm nhúc nhích một thớ thịt nào trên mặt cô.

“Cho tôi một cây kẹo cứng và vài viên kẹo mật ong”, James nói.

Cửa tiệm bán thuốc và kẹo của MacIsaac có mùi gỗ thông mới, mùi đắng của thảo dược và mùi kẹo bơ pha mùi muối biển. Ông MacIsaac với tay lấy một cái lọ đầy kín đầy những viên kẹo cầu vồng, phía sau ông là hàng loạt những cái kệ chất đầy chai lọ và các gói bột, nước hoa, dầu và thuốc cao, bất kì thứ gì làm bạn khổ sở.

Ông MacIsaac đưa que kẹo thổ phục linh cho Kathleen như một món quà tặng thêm, cô bé ngần ngại nhìn James, tới khi anh nói “Không sao đâu con, ông MacIsaac không phải người lạ”.

Ông MacIsaac nhìn Kathleen một cách nghiêm trang, sau đó cúi đầu xuống và nói “Coi nào, thử đựng vào đi.”

Cô đựng vào cái đầu hói bóng lờng của ông và mỉm cười, ông

MacIsaac nói “Ta nghe nói con có giọng hát rất tốt hả cô bé?”

Cô bé gật đầu một cách khôn ngoan, miệng vẫn mút kẹo. MacIsaac cười sáng khoái, khuôn mặt James rạng rỡ. Anh dắt Kathleen rời khỏi cửa tiệm. Bà MacIsaac vừa tuột xuống khỏi cái thang vừa nói “Con bé đẹp quá!”

“Ừ, một sinh vật bé bỏng xinh đẹp”

“Quá đẹp, họ sẽ không nuôi nổi nó đâu.”

Bà MacIsaac coi cửa tiệm trong khi ông MacIsaac rề rà đi về phía nhà kính để tìm kiếm một chút “tâm hồn”. Ông đã từng tham gia chiến tranh ở Bua.

Ở nhà, Materia đang đứng nhồi bột làm bánh ở bàn bếp - bánh bít tết và thận trọng như mẹ James vẫn thường làm - cuối cùng nhận ra cái thứ đã làm cô cảm thấy khó chịu bấy lâu nay. Chính là việc rửa tội của Kathleen chưa được đúng vì nó được một người theo đạo Tin Lành tiến hành. Đứa trẻ cần phải được rửa tội đúng cách, ở vùng Latinh và do một Đức cha đạo Thiên Chúa tiến hành, và sau đó mọi việc đều sẽ ổn. Cô nói với James về việc đó khi anh về nhà, nhưng James nói “Kathleen đã được rửa tội rồi, việc đó đã được một người đàn ông mặc áo thầy tu tiến hành, một người theo đạo Chúa, chừng đó là đủ rồi.”

Má của Kathleen phồng lên vì ngậm kẹo cứng, đôi mắt xanh nhìn chăm chăm vào mẹ nó, Materia chẳng thấy có vẻ gì là con bé đã được rửa tội cả.

James dạy con gái đọc chữ ngay sau khi cô bé biết đọc nhạc. Ba tuổi rưỡi, cô bé đã có thể ngồi trong lòng cha mình và ôm một cuốn sách có hình minh họa ghê rợn to gần nửa người mình và đọc to “Giữa cuộc đời ngắn ngủi của chúng ta, tôi tìm thấy tôi lạc

lối giữa một khu rừng u ám...”. Anh bắt đầu dạy tiếng Latinh khi con bé được năm tuổi, đồng thời cũng tự học, điều này sẽ tốt cho việc hát tiếng Ý của cô bé. Anh đặt mua một thùng sách khác, lần này là những cuốn sách kinh điển dành cho trẻ em, và họ thay phiên nhau đọc lớn chúng.

Anh không có nhiều thời gian cho việc đọc sách của mình, mặc dù bây giờ số lượng sách của anh đã là hai mươi ba cuốn, không kể quyển Bách khoa toàn thư nước Anh. “Đọc hết quyển này mới sang quyển khác”, James nghĩ vậy khi nhìn vào cái tủ kính của mình, “và vậy là mình sẽ biết được tất cả mọi thứ, mình có thể đi bất cứ đâu.”

Ở trường học địa phương, Kathleen được học cách ngồi theo hàng lối, cư xử mạnh dạn hơn với những đứa trẻ khác, những đứa bé “kém may mắn hơn”. Cô giáo rùng mình khi nhìn thấy cô bé mỏng manh với đôi mắt của một nàng tiên cá, đứa bé này có vẻ như đang ở trong một cái lồng ngục trang. Cứ nhìn chăm chăm vào góc tường hoặc nhìn ra cửa sổ như chờ đợi gì đó - một dấu hiệu sao? - nhưng lại luôn sẵn sàng có câu trả lời “Chó sói chết ở vùng đồng bằng Abraham, thưa cô”. Tay khoanh lại trên bàn, lưng thẳng, “Bình phương cạnh huyền bằng tổng chiều dài hai cạnh góc vuông, thưa cô”. Tất cả tạo nên một sự hoàn hảo phi thường. “I sẽ đứng trước E trừ khi nó đứng sau C, thưa cô”. Những điều này không phù hợp với một đứa trẻ, mà cũng có thể nó thực sự không phải là một đứa trẻ.

Ở sân chơi thì Kathleen có vẻ sống động hơn, nhưng lại theo một cách kì cục, cô bé thể hiện một xu hướng đáng ngại là chỉ chơi với các bạn trai. Ném banh, lấy cặp làm khiên đỡ, la hét hào hứng trong chiếc váy thủy thủ bằng satin, mái tóc quăn bay

bay, tự trực xuất mình khỏi thế giới của con gái.

Đầu gối bầm tím và quần áo rách tởm là hậu quả của việc quá năng động, James không bao giờ quở mắng cô bé vì làm rách quần áo, nhưng khi cô bé về nhà và nói “Pius MacGillicuddy cho một ngón tay vào cái hũ mà cha ông ta tìm thấy dưới hầm mỏ, ông tìm được một cái mầm cây nhỏ xíu” thì anh biết rằng đã tới lúc cho cô bé vào học trường Holy Angels ở Sydney.

Các sơ của giáo hội Notre Dame có trách nhiệm đào tạo giáo dục các cô gái trên tất cả các phương diện: từ Ngữ pháp đến Thực vật học, từ Vật lý đến tiếng Pháp.

Nhưng trên hết, trường Holy Angels có các chương trình dạy nhạc tuyệt vời. James định chờ vài năm, cho đến khi Kathleen mười hai tuổi và anh để dành đủ học phí, nhưng như vậy thì không ổn, lúc đó con bé sẽ bị lu mờ đi mất, anh sẽ kiếm được tiền.

Anh làm một khu vườn ở sân sau, ở khá xa phía bên kia con lạch. Anh mua một con ngựa già và một cái xe nhỏ, anh đi khắp cả hòn đảo, đến tận Margaret để kiếm được lớp đất phủ không có bụi than. Quý cô ở nhà sẽ phải tự học cách làm xà bông, bơ và quần áo. Từ bây giờ trở đi họ sẽ chỉ phải trả tiền mua thịt, và Benny thì luôn đưa ra cho họ một cái giá đặc biệt, Benny cũng cho họ giá ưu đãi khi mua phân bón.

“Cho cậu, miễn phí đấy. Đó là phân bò ăn kiêng, sướng nhé, cậu sẽ có cà rốt và khoai tây ăn kiêng, rồi cậu sẽ sớm thành người Do Thái. Nếu cậu muốn, tôi sẽ cắt bao quy đầu cho, không tính tiền đâu.”

James quay trở vào rừng và chặt về một cây táo còn non, chặt

bỏ hết cành nhánh, vót nhọn hai đầu và cắm nó ngay giữa khu vườn. Đóng một tấm ván ngang qua nó và tròng vào đó một bộ đồ cũ của Materia, bộ mà cô không thể mặc vừa nữa và đội cho nó một cái mũ phớt mà anh nhặt được ngoài đồng. Vẫn chưa có hiệu quả cho tới khi anh làm cái đầu và thân trên từ hai bao bột nhét đầy rơm khô để cho vừa với bộ đồ và cắm chúng vào cây cọc. Anh thường xuyên thay đổi quần áo cho nó, lúc thì cái áo, lúc thì cái quần nhưng mũ thì không thay đổi, để đuổi lũ chim đi.

“Kathleen, đến đây”. Materia không còn nói tiếng Ả Rập với cô bé nữa. Để làm gì? Kathleen theo mẹ vào bếp. Ngày mai là ngày đầu tiên Kathleen đến trường Holy Angels và James muốn cô bé phải thật gọn gàng sạch sẽ, có nghĩa là nói về mái tóc. Materia đã từng rất sợ gội đầu cho con bé bởi vì nó rất ồn ào và James sẽ hét lên từ ngoài cửa bếp “Em định giết nó luôn đấy à?”, nhưng bây giờ cô đã quen với sự nổi loạn của Kathleen và làm việc đó rất nhanh lẹ, xối nước, kì cọ da đầu, nhúng đầu vào nước, vặn khô các bím tóc và chải lại gọn gàng mà vẫn giữ nó im lặng. James có thể hét lên, nhưng anh không muốn xâm phạm việc tắm rửa của cô con gái. Đêm đó vẫn có sự chống cự như thường lệ “Đừng có kéo, mắt con cay quá! Á á á, ngừng lại!” nhưng khi Materia đã giữ được mái tóc của Kathleen và kéo ra sau để chuẩn bị gội nước, cô giữ lại lâu một chút để có thể nói với đôi mắt xanh đang ngập trong nước “Con sẽ từ bỏ Satan chứ?”

“Vâng.”

“Cả những điều tội lỗi của hẳn nữa?”

“Vâng”. “Nhân danh Cha, Con và các thánh thần. Amen.” Đấy, ngay trong những lúc khẩn cấp thì bất kì người theo đạo Thiên Chúa nào cũng có thể rửa tội cho một đứa trẻ. Và sau chín năm

thì Kathleen có thể coi đây là một trường hợp khẩn cấp, giờ con bé sẽ được an toàn, giờ Chúa sẽ yêu thương nó cho dù Kathleen không thể và những nữ tu sẽ không nghĩ xấu về nó. Materia thả tay ra và khuôn mặt Kathleen bật ra khỏi mặt nước, thở hỗn hển. Kathleen không hề khóc hay cắn nhằn, con bé đứng ngoan ngoãn một cách bất thường cho mẹ lau khô, cẩn thận không chạm quá mạnh vào những chỗ đau trên người.

Đêm đó, Kathleen thức dậy và la hét, đến khi cha đã bế cô bé lên nó vẫn còn đang hét, cô bé bám cứng vào James khi anh bế nó đi lên đi xuống và cố gắng đoán xem cô bé đang nói gì.

“Ai đến bắt con?”, James hỏi.

Cho đến khi anh đoán được một chút thì “Ai là Pete?” và cô bé vừa thút thít vừa nói cho anh biết. Anh ẵm con bé xuống cầu thang, ra khỏi cửa bếp, băng qua cái lò gạch nung ở sân sau, qua khỏi cái cầu nhỏ đến khu vườn và đứng ngay trước mặt con bù nhìn.

“Giờ con đánh cho rớt cái hộp xuống đi”, James ra lệnh.

Kathleen run rẩy một cách không kiểm soát được, gần như bị nghẹn lại vì sợ. Cái mũ in bóng trên khuôn mặt không có mắt mũi của con bù nhìn, cô bé không thể nhìn thấy nó đang cười hay đang nhú mày.

“Coi nào, nắm tay lại”, James nói.

Cô bé làm theo, vẫn khóc.

“Giờ đánh cho nỗi sợ của con biến mất khỏi nó đi!”

Cô bé đánh mạnh, rơi cái đầu của con bù nhìn xuống đất, cả cái mũ, tất cả.

“Đúng rồi, phải vậy chứ!”, James nói rồi tung cô bé lên trời và

đón lấy trong một tiếng reo. Kathleen cười vang, lúc này vừa khóc sao thì giờ cô bé cười cũng giống vậy. Nó đã xuất hiện trong một cuộc thi la hét, chỉ có những người hàng xóm của họ bây giờ và trước đây tham dự, rất lâu trước khi ánh đèn nhà máy đổ đến khu vực này và các ngôi nhà mọc lên. James lấy hết sức và hét lên “Im đi, các người im hết đi và lắng nghe đây này”. Sau đó anh bảo Kathleen hát:

“Quanto affetto! Quali Cure!

Che temete, padre mio?

Lassù in cielo presso Dio,

Veglia un angioli protettor.

Da noi toglie le sventure

Di mia madre il priego santo;

Non fia mai divelto o franto

Questo a voi diletto fior”

Đó là cách mà James lấy được danh hiệu kẻ nghiện rượu mặc dù vào lúc đó anh không hề đụng tới một giọt rượu nào. Ngày hôm sau anh gắn lại cái đầu bù nhìn vào cây cọc và đội lại cái mũ lên cho nó. Không còn những cơn ác mộng nữa.

“Một tình yêu vĩ đại! Một sự chăm sóc!

Cha sợ gì, cha của con?

Trên thiên đường, bên cạnh Chúa,

Con có một thiên thần hộ mạng

Chúng ta được bảo vệ khỏi những điềm xấu

Bởi những lời nguyện cầu của mẹ con

Bông hoa mà cha vô cùng yêu quý

Sẽ không bao giờ bật gốc, không bao giờ bị phá hủy.”

Hầm mỏ

Dù đó chỉ là một cái xe ngựa cũ nhưng anh vẫn sơn cho nó màu đỏ và vàng xen kẽ, gọn gàng, như vậy con bé sẽ có một thứ xinh đẹp để đi đến trường mỗi ngày. Anh sơn chữ cái đầu tên cô bé bằng kiểu chữ mạ vàng lạ mắt ở phía bên sườn xe và họ vẫn thường đùa giỡn “Xe của cô đang chờ đây, thưa quý cô”. Điều này có nghĩa là phải bỏ bớt vài học sinh, nhưng anh vẫn đánh xe đưa cô bé đi học ở trường Holy Angels mỗi buổi sáng và chờ sẵn vào mỗi buổi chiều khi những cánh cửa lớn mở ra và cô bé chạy nhanh xuống các bậc thang để gặp anh. Vào những buổi chiều thứ sáu họ sẽ la cà ở Sydney, đi dạo xuống những cầu tàu để ngắm nhìn những con tàu ở cảng.

“Một ngày nào đó con sẽ lên một trong những chiếc tàu này và ra đi, con yêu à.”

Cô bé muốn anh đi cùng, dĩ nhiên là vậy, nhưng anh không thể bảo hộ cô. “Con sẽ phải hát cho mọi người trên khắp thế giới, ta không thể lúc nào cũng ở bên cạnh con được, nhưng ta sẽ luôn là cha của con.”

Vào lúc đó cô bé sẽ khóc và anh sẽ đưa cô đi mua kem tại tiệm Crown Bakery, đôi mi cô bé vẫn còn ướt nhưng cặp mắt đã lại mỉm cười, cô không bao giờ buồn quá lâu. Họ đi đến bất kì đâu mọi người cũng nhìn chăm chăm vì cô quá xinh đẹp và hai người

họ cứ y như những người bạn tốt nhất của nhau.

James biết rằng một ngày nào đó anh sẽ phải giao cô bé cho các chuyên gia, đưa cô bé đi thật xa, nhưng bây giờ... có Chúa. James đã dành trọn cả đời mình để bảo vệ món quà của Chúa, nhờ vậy mà anh chịu đựng được việc dạy dỗ con cái của những người tư sản nhỏ nhen cách phá hoại một bản “Fur Elise”. Mình sẽ làm mọi thứ, anh thề với Chúa và tự nói với chính mình. Mình sẽ cắt bỏ đi một cánh tay, mình sẽ bán răng, mình sẽ đi vào hầm mỏ, mình sẽ để cho vợ đi tìm một công việc.

“Được thôi”, Materia nói.

Anh đã tự chuẩn bị tâm lý cho mình rằng cô có thể tìm được việc lau dọn hoặc nấu ăn ở nhà ai đó hoặc ở một khách sạn, anh bảo cô sử dụng tên thời con gái của mình. “Nếu người ta nghĩ em đã có gia đình, người ta sẽ trả em ít hơn”, anh giải thích. Không nên để người ta biết được rằng mẹ của Kathleen Piper lại là một người hầu gái.

Hãy thử tưởng tượng anh ngạc nhiên như thế nào khi thấy sau đó vài ngày, Materia mặc một cái váy đẹp và rời khỏi nhà, mái tóc được chải bởi cẩn thận, che dưới mũ.

“Em đi đâu vậy?”

“Làm việc.”

Ở đại lộ Plummer - con phố chính của thị trấn, bên trong nhà hát Empire Theatre, màn hình xanh đang sáng lung linh, bên dưới chỗ dàn nhạc, cây đàn piano cũng đang tỏa sáng tương tự. Những nốt rung, những quãng ba cứ như là đang hòa một cách tự nhiên với điệu nhảy điên cuồng của ánh sáng và bóng tối phía trên.

Khán giả nghiêng chậm chậm về phía sau khi đầu tàu xuất hiện ở phía chân trời, đầu tiên là những tiếng kêu leng keng hướng về phía họ, rồi tiếng chim hót - vào một ngày khác ở đất nước này - và sau đó là dấu hiệu đầu tiên của cái chết khi con tàu lù lù hiện ra ngày càng to hơn; một màn chuyển cảnh từ cái lớn đến cái nhỏ, xình xịch xình xịch, nó đã đến, âm âm lẫn bánh, tiếng còi tàu rít lên, kết thúc bằng tiếng “hú hú” và lao qua những cảnh vật tuyệt đẹp trong giai điệu điên cuồng, phóng đi trên đường ray đến khi tất cả sụp đổ trong sự hoảng loạn, giấy tờ, chim chóc bay tán loạn đi khắp nơi và con ngựa sắt lao ngay trên đầu rồi vượt qua chúng ta.

Khán giả nín thở chờ xem cảnh kinh hoàng tiếp theo, tất cả những gì bạn có thể có được với một đồng năm xu. Matera cũng không thể tin nổi là cô lại được trả tiền cho việc này.

Cảnh tiếp theo còn đáng sợ hơn. Một người đàn ông trong bộ đồ ngủ săn đuổi một người phụ nữ mặc bộ đồ ngủ quyến rũ ở lưng chừng một ngọn tháp đồng hồ. Không cần phải có lời thuyết minh, mọi thứ đều rõ ràng, những cái bóng lẩn trốn, ngọn tháp nghiêng ngả, âm nhạc trườn theo các bậc thang, kẻ côn đồ rượt đuổi theo tà áo lụa duyên dáng trong đoạn nhạc sáu tám đến nơi mà nữ anh hùng của chúng ta đang bám vào một giai điệu nữ tính, bập bênh trên nốt Rê cao và nhìn xuống những con đường của các quăng tám phía dưới. Tên khốn vật lộn với cô gái trẻ trong một điệu van rừng rợn, từ Strauss chuyển sang Faust, cho đến khi cô gái có vẻ lão đảo, lao vào nốt trầm khóa và chết, mắc kẹt trên lưới của khuôn nhạc thấp hơn, khung cảnh được đệm bởi một điệu tenor mạnh dần và phần còn lại của ngày chìm trong các bản hòa âm.

Trước đó rất lâu, Matera đã chơi cho các buổi họp mặt khiêu vũ của địa phương và các gánh hát rong.

Tháng 12 năm 1909, James cho Kathleen học nội trú tại trường vì trẻ em ở thị trấn bùng nổ giờ đang chết dần chết mòn. Sốt phát ban, bạch hầu, dịch tả, thương hàn, đậu mùa, lao. Bỏ lại sau lưng những chiếc quan tài trắng bé bỏng. Sự bùng phát bệnh thực sự còn hơn cả mức bất thường nhưng vấn đề ở chỗ, đây là bệnh dịch do cuộc biểu tình của những người thợ mỏ gây ra. Hàng loạt các ngôi nhà của thợ mỏ bị bỏ trống, những người thuê nhà nổi dậy đình công, họ bị đuổi khỏi các ngôi nhà, bỏ chúng hoang tàn, giạt sập nhà xí và các giàn giáo, tín dụng ở cửa hiệu của công ty bị cắt giảm. Lực lượng bảo vệ của Pinkerton và cảnh sát đặc biệt của công ty đi từ nhà này đến nhà khác cho tới khi đồ nội thất nằm ngoài đường còn nhiều hơn là trong nhà. Thậm chí những người thợ mỏ đã mua được nhà riêng cũng bị đuổi đi, công ty than đã đặt một nỗi sợ của Chúa vào công ty trả góp. Các gia đình nghèo xóm trong các khu lều rách nát trên đồng, không có nước sạch, thức ăn ít ỏi, chỗ ở hiếm hoi trong những cơn gió mùa đông của biển Đại Tây Dương. Nhọt đỏ bắt đầu nổi lên dưới cằm của các em bé, rồi chúng sẽ chết ngộp vì mủ hoặc là sẽ chết dần mòn đi vì ho.

Không gì có thể thuyết phục những người thợ mỏ quay trở lại với công việc, thậm chí cả những khẩu súng máy của Hoàng gia Canada trang bị trên bậc thang nhà thờ Đức bà Mary phía bên kia con suối Cadegan hay mặc dù cha Charlie MacDonald đã tuyên bố rằng tạm thời ông sẽ vắng mặt, nhà thờ Thiên Chúa giáo vẫn giữ sự kiên nhẫn như mọi khi nhằm kết thúc sự đau khổ không cần thiết của cuộc đình công, giám mục gửi một đặc phái viên

đến thị trấn để đuổi hết người trong các tu viện, trường học, nhà mục sư và nhà thờ của các gia đình thợ mỏ, nơi mà Cha xứ của xứ đạo - cha Jim Frazer - đang sống. Sau đó giám mục đã đưa cha Frazer rời khỏi đảo.

James đã hành động nhanh chóng, không đủ tiền cho Kathleen vào học nội trú tại trường Holy Angels nhưng tiền thì có thể kiếm được. Cô bé không thể ở lại trong cái thị trấn này để rồi lây bệnh từ những đứa trẻ con nhà thợ mỏ và chết, hoặc là bị què, bị sẹo trên mặt, xin Chúa, không thể như vậy được. Chính họ những tên khốn cứng đầu, gây ra những chuyện đó, và đó là lí do mình phải gửi con gái mình vào ngôi trường mà thực sự mình không lo liệu nổi, ai sẽ giúp mình làm việc đó bây giờ? Hội đồng giáo viên piano? Hội những người chỉnh đàn piano toàn thế giới? Chúa Giêsu trên thập tự giá? Không, mình phải tự lo lấy.

“Con cứng, con sẽ ở tạm trong trường một thời gian nhé?” Cô bé không muốn vậy.

“Không, ta không có ở đó, và phải một thời gian sau ta mới đến thăm con được”. Anh sẽ thực hiện việc cách ly nghiêm ngặt. “Sẽ vui lắm, rồi con xem, con sẽ có nhiều bạn nữa”.

Cô bé khóc. Anh nói, giọng bỗng trở nên nghiêm khắc “Giulietta Pasta bị tật, nhưng khi được hỏi làm sao cô có thể hát hay như vậy, cứ xử lịch thiệp như vậy hằng đêm mà không hề thể hiện chút đau đớn nào, cô ấy nói sao?”

“Đau lắm.”

Anh vỗ nhẹ lên đầu cô bé, “Phải vậy chứ!”

Phải nhiều tháng nữa anh mới gặp lại cô bé, anh tự nghĩ, đó sẽ là một thời gian huấn luyện tốt cho cả hai.

Anh chuyển cái vận rủi mà cuộc đời công mang lại thành những mục đích riêng của mình. Một buổi sáng mùa đông, trước khi bình minh lên, anh vác theo ba cái cuốc chim mới và sáng bóng, một cái xẻng mới toanh không sút mẻ và một cuộn dây thừng. Anh đổ đầy mỡ cá voi vào cái đèn kiểu ấm trà, gắn nó lên cái nón chóp nhọn, móc hộp đựng bữa trưa vào thắt lưng và đi cùng ba người bảo vệ nhà Perkinton đến cổng mở số 12, nơi mà Tommies mặc bộ áo ka ki đứng canh mở than với những cái lưới lê trên tay.

Những người lính dắt anh vào cũng không thân thiện hơn những cái bao tay sắt của những người thợ mỏ đang biểu tình bên ngoài, dù những người lính này không nhổ nước bọt hay nổi giận và gọi anh là “đồ phá hoại”, hoặc kết tội anh vì đã giết chết con cái của họ. Nhưng họ cũng không hứa là họ sẽ không ném anh cho lũ heo.

Anh đi vào cửa hầm, theo ánh sáng chập choạng của ánh đèn trước trán và cái bóng của những người phía trước, theo dốc xuống hầm dọc theo đường ray, với tay lên để nắm lấy những cuộn dây thép. Mùi ngọt ngào như mùi của ngựa, gỗ ẩm và đất, băng qua những cánh cửa sập có vẻ như tự động bật lên một cách bí ẩn cho đến khi nghe thấy giọng con nít cất lên “Này anh bạn, mấy giờ rồi?”, Queo trái, queo phải, lại phải, rồi lại trái, đi xuống, đi xuống, xuyên qua một mê cung các ngã đường vắng dẫn vào một căn phòng tối tăm. Anh nghe thấy tiếng chim hót líu lo.

Mỏ số 12 cực kì ẩm ướt và hôi hám nhưng James không biết phải so nó với cái gì. Anh xúc than vào xe trong một căn phòng nước nhỏ giọt và anh cũng không biết mình đang ở bên dưới đáy biển. May sao anh làm việc chung với một người đàn ông có rất

nhều kinh nghiệm, công việc của ông là đục các vách tường, khoan lỗ và lắp đặt thuốc nổ mà không làm nổ tung cả cái hầm mỏ. James không thể xác định được giọng nói của người đàn ông và cũng không biết ông là người da đen, đến từ Barbados, anh chỉ biết là Albert chưa bao giờ có sai sót ảnh hưởng đến mạng sống của họ. Barbados, Ý, Bỉ, Tây Âu, Quebec... Công ty than Dominion đã vươn xa và rộng khắp để dẹp bỏ cuộc đình công. Có rất ít giọng Anh trong bóng tối và hầu hết đó đều là các giọng nặng. James uống trà lạnh và nhai thuốc lá để cản bụi, và lúc đầu thì anh còn giấu giếm, nhưng sau đó cũng đã chia sẻ những cái bánh mì kẹp thịt của mình. Cái xe chỉ chở được khoảng một tấn, khi nó đầy, anh và Albert sẽ đẩy nó từ trong lò than lên lối đi chính và đẩy mạnh để nó được chuyển đi. Sau khi kết thúc mười tiếng thì họ đến một nơi còn tối tăm hơn.

Những người đàn ông nước ngoài được hộ tống đến khu trại công nhân có đóng cọc xung quanh ở gần đó, được gọi là Sân 14, để hát hò, ngủ hoặc cờ bạc trong khi Trung đoàn Hoàng gia Canada đứng gác. James đi bộ về nhà với những thằng khốn nhà Pinkerton, len lỏi giữa những hàng người bản thủ sẵn sàng chặt tay chặt chân của mình chỉ mong có được một nửa cơ hội - cho là họ nhìn thấy thì James cũng không cần bào chữa, anh không chết đói và anh không phải người nước ngoài - và băng ngang qua những người phụ nữ đang đứng trước cổng nhà và ném cho anh cái nhìn đáng sợ cùng những lời lầm bầm “Mong Chúa tha tội cho mày”. Một người sau khi nói lời cầu nguyện cho anh đã ném một cây chặn cửa bằng sắt vào anh, nó sượt ngang qua, chỉ cách anh có một sợi tóc.

James đã làm được những gì mà anh từng làm được khi dạy

piano. Trong vài tuần đầu anh đã lặng lẽ khóc mỗi lúc bắt đầu một ca làm việc cho tới khi cơ thể anh hòa vào công việc. Mỗi đêm ở nhà, sau khi anh đã trắng trẻo trở lại, anh quỳ gối, tay khoanh lại và cầu xin sự tha thứ của mẹ mình vì đã đi làm cái công việc dưới lòng đất đó.

Cái giá của một bài hát

“Em ồm đi một chút rồi, điều đó tốt đấy”, James nói với Materia trong bữa ăn tối.

Cô nhún vai.

“Em đang mơ gì giữa ban ngày vậy?”, anh diễn đạt một cách dài dòng, cô lúc nào cũng nhìn trần trời vào một cái gì đó và cũng có thể là không gì cả.

“Houdini”, cô nói.

“Ai?”

“Houdini.”

Anh chẳng buồn theo đuổi câu chuyện nữa, chỉ là một câu hỏi ngu ngốc. Từ lâu anh đã chẳng còn tha thiết gì với việc nói chuyện với cô và giờ anh chỉ thầm cảm ơn Chúa vì sự ngu ngốc và đen đúa đã không bị truyền sang con gái anh, và vì vợ anh đã học nấu ăn. “Cái gì đây?”

“Kibbeh nayeh.”

“Đây là một món Do Thái sao?”

“Li Băng.”

Benny đã lên dạy cho cô các công thức nấu ăn.

Ai cũng có thể nấu kibbeh nayeh, ai cũng có thể làm bất cứ thứ

gì nếu theo đúng hướng dẫn, nhưng để làm cho đúng thì cần phải có một chút năng khiếu. Một số người nói nó nằm ở chiều dài ngón tay của người đầu bếp, một số khác lại nói nó nằm ở mùi hương, độc nhất như dấu vân tay của mỗi người. Đó rõ ràng là một tài năng.

Kibbeh là một món ăn truyền thống của vùng Siri và Lebanon, nó phải được nấu từ loại thịt ngon nhất, do đó nhà Mahmoud chỉ mua từ cửa hiệu thịt ăn kiêng của nhà Luvovitz. Trong khi bà Luvovitz và mấy cậu con trai trông coi cửa tiệm, Benny đi giao hàng ở Sydney và lần nào đi đến cuối cùng cũng là nhà Mahmoud trên đồi. Ở đó có một người phụ nữ tròn trịa da đen, vóc dáng nhỏ nhắn, mái tóc điểm bạc sẽ mở cửa cho ông. Benny không nói được tiếng Xen-tơ còn tiếng Anh của bà Mahmoud thì vẫn chưa trôi chảy, nhưng họ vẫn cố gắng nói chuyện với nhau. Benny vẫn thường giả vờ xem như sự quan tâm của bà Mahmoud đối với gia đình Piper hoàn toàn là một sự tình cờ.

“Dĩ nhiên là tôi biết nhà Piper chứ, cô Piper là một quý cô tốt bụng, người Li Băng luôn như vậy, tôi nghĩ là bà biết cô ấy chứ - không à? - À đúng rồi, họ có một cô con gái dễ thương lắm, Kathleen đấy, đang học ở trường Holy Angels, cô bé hát hay như một chú chim vậy.”

Sáng hôm đó khi Benny hỏi xin bà Mahmoud công thức nấu món kibbeh “cho vợ tôi”, bà không hề nhướn lông mày mà ngay lập tức đi đến bên tủ búp phê và chỉ ra các nguyên liệu. Benny ghi lại tất cả trong một tờ giấy gói hàng màu nâu trong lúc bà Mahmoud làm những điều bộ để mô tả cách nấu, kể cả việc đóng một cái dấu chữ thập lên miếng thịt đã hoàn tất. Benny cười lớn và lắc đầu, sau đó ông thay nó bằng cách vẽ một ngôi sao David.

Bà Mahmoud nhún vai và nói “Ông thích gì cũng được”, và cho ông thử hương vị tuyệt vời của món kibbeh tưởng tượng mà bà mới làm.

“Ngon lắm”, ông nói.

Đêm hôm đó, bà Mahmoud nhìn chồng mình ăn và nghĩ tới cô con gái lưu lạc của mình, có lẽ lúc này nó cũng đang dọn chính món này cho chồng của nó. Chồng nó có biết trân trọng không? Chồng nó có còn thương yêu nó không?

Ở cách đó chín dặm, James găm một nĩa đầy thịt và cho vào miệng.

“Ngon lắm!”

“Ăn với bánh mì ấy!”

Anh làm theo Materia, rắc một ít dầu lên miếng thịt đã ướp hương vị và lúa mì mềm, xé một miếng bánh mì và cuộn tất cả lại cho vào miệng.

“Em học nấu món này ở đâu vậy?”

“Đó là thịt sống, không có nấu.” Anh ngừng lại.

“Thịt kiêng hả?”

Cô gật đầu, anh tiếp tục ăn. Materia cảm thấy đau nhói một cái, cô nghĩ “Chúng ta thật hạnh phúc khi không có con bé.”

Cô nhẹ nhàng chạm vào phía sau cổ anh.

“Em làm gì vậy?”, anh nói.

“Không có gì”, sau đó cô quay trở lại chỗ bồn rửa.

Cho tới giờ thì những diễn viên kịch vẫn da trắng và trong các buổi diễn của họ cũng có những đứa bé da đen trong lột hóa trang, nhưng bây giờ nhờ có cuộc di cư của người da màu đến các

vùng khai thác than ở Sydney nên các nghệ sĩ da màu thực thụ đã bắt đầu từ các vùng Liên bang đến đây. Materia không thể hiểu nổi tại sao họ lại cứ biểu diễn với những cái mặt nạ đen tô vẽ cái miệng khổng lồ, nhưng cô biết là cô thích như vậy. Cô đã có được một bộ sưu tập lớn nhạc ractim, nhạc 2 bước, nhạc cho điệu nhảy thả bánh, nhạc trong đám rước, nhạc trữ tình, những bài hát ru ở đồn điền và nhạc phúc âm.

Cô phải chơi cho quán của nhóm nhảy Tap Blackville khi người chơi đàn của họ bị bắt ở vịnh Glace. Họ là một bộ ba anh em trực thuộc sự quản lý của chính mẹ họ. Người lớn tuổi nhất còn đặt tên cho hai chân của anh ta, anh ta gọi chân trái là Alpha và chân phải là Omega.

Những đôi giày đế gỗ, những đôi chân sáng loáng đi lại ồn ào náo nhiệt, bay nhảy và lượn lờ khắp thế giới và chưa bao giờ bỏ sót một sân khấu trung tâm như Nhà hát Empire. Materia chỉ nhìn vào đôi chân của họ và để bàn tay mình dạo lên các bản nhạc Rigoletto hòa với “Coal Black Rose”, bản “Una Voce Poco Fa” bập bênh với “Jimmy Crack Corn”, tất cả hòa trộn vào nhau trong sự sáng tác ngẫu hứng của cô - về phần những bộ phim, sự trao đổi hai chiều chỉ dành cho các vũ công. Họ săn đuổi, nói chuyện, tăng bốc và xoay vòng - những người thợ da đen, ngà ngà hay màu kền cố tóm lấy cho tới khi không còn không còn giai điệu nào nữa, chỉ còn lại nhịp điệu và điệu bộ.

Materia trở thành người hơi nổi tiếng, đặc biệt là đối với các chàng trai nông thôn.

“Này Materia, khỏe không, cô gái?”

“Đối với cậu thì đó là bà Piper đấy, anh bạn”, James đáp trả.

Vào một ngày chủ nhật trong tháng ba, họ ra ngoài để làm vệ sinh tường nhà, anh quay sang Materia khi một tên đồ tể đi ngang qua. “Làm sao em quen hẳn?”

“Buổi diễn.”

Nhóm nhảy Tap Twizzlers mời cô tham gia lưu diễn với họ với tự cách là người hợp tác lâu dài. Họ sẽ đi đến châu Âu, Materia từ chối. Cô đã khóc suốt đoạn đường về nhà khi nghĩ đến cảnh cô và James sẽ vui vẻ như thế nào lúc cùng nhau ngắm nhìn thế giới trong một chuyến lưu diễn. Nhưng cô biết tốt nhất là không nên hỏi anh.

Những người nghệ sĩ da màu sau đó không còn đến nữa bởi vì có tin đồn lan truyền rằng những người mới đến vùng mỏ than Sydney đến từ vùng Tây Ấn và họ không mấy thích thú đối với những trò giải trí của những người Mỹ da màu. Nhưng Materia vẫn còn những người nghệ sĩ, các buổi chiếu phim, và cô cảm thấy vui miễn là cô được chơi đàn. Dưới khu vực của dàn nhạc, cô tự giải khuây bằng cách thỉnh thoảng trang điểm một chút. Từ giờ trở đi đầu máy xe lửa sẽ lao vào khán giả trong bản “Anh thật lòng yêu em”, cán qua họ trong bản “Bản sonat ánh trăng”. Những kẻ côn đồ tấn công các cô gái trong bản “Khúc nhạc cưới” và giọng nam cao sẽ giúp ngày trôi qua trong bản “Chú gà trong đồng rơm”. Các diễn viên than phiền nhưng khán giả vẫn nhìn say sưa vào các chú thỏ chui ra từ trong cái mũ chóp cao hay từ những tấm ván gập ghềnh, những người phụ nữ thì đong đưa theo bản “Chúa của anh đến gần bên em”. Materia luôn mỉm cười khi cô chơi đàn nhưng giờ cô bắt đầu cười khúc khích thành tiếng mặc dù cô không nhận ra điều đó. Điều này làm khán giả yêu mến cô hơn, họ thích cô một phần là do sự điên rồ đó.

Những ngày này James đi suốt đoạn đường dài đến Sydney để mua lương thực. Ngoại trừ Benny và MacIsaac, anh không làm phiền bất kì nhà nào có kinh doanh tại thị trấn. Tại sao lại phải vào đó để bị họ sỉ nhục trong khi anh trả một số tiền lớn? Cả thị trấn đang khổ sở do hậu quả của cuộc đình công, không chỉ riêng những người thợ mỏ, do đó mọi người đều ghét một kẻ phá hoại. Anh không bao giờ đi bộ, anh đánh chiếc xe của mình để không cho mọi người cái cơ hội thỏa mãn khi vội vàng băng qua đường vì nhìn thấy anh. “Và tất cả là vì mình có trách nhiệm chăm sóc gia đình”. Điều bực bội là vào một dịp tình cờ nào đó Materia đi chung với anh, thì anh lại nghe thấy hết lần này đến lần khác “Chào Materia, việc biểu diễn sao rồi cưng?”. Những người không dành tí thời gian nào cho anh lại sẵn sàng ngừng lại nói chuyện với cô vợ dốt nát của anh về sự nghiệp đánh đàn của cô. Những người này tự nhiên lại sùng bái một thể loại nhạc bình dân, và tại sao họ lại ra ngoài xài số tiền mà lẽ ra họ không có đủ để mua một cái vé vào cổng ở nhà hát Empire? Bây giờ thì đã có quá nhiều người Ailen ở trong thị trấn so với những gì mà James thích. Mỗi căn nhà là một quán rượu, người Công giáo nghiện rượu đầy rẫy. Nếu họ làm việc chăm chỉ hơn và bớt lãng phí đi thì giờ họ sẽ không gặp rắc rối như vậy. James nghĩ đến câu chuyện châu chấu và kiến của Aesop và tự làm một cái ghi chú trong đầu để nhắc mình nhớ gửi kèm câu chuyện cho Kathleen trong bức thư tiếp theo.

Chọn một gói bột ở cửa hàng MacIsaac, James lại phải chịu đựng “Cậu có một người vợ rất tài năng đấy cậu Piper.”

James trả tiền, ông MacIsaac tiếp tục “Thế còn cô gái nhỏ thì sao rồi?”

“Nó vẫn ổn.”

“Ừ, nó có tài lắm đấy, con bé đấy!”

James gật đầu, ông MacIsaac lại mỉm cười và nói thêm “Chắc hẳn là giống mẹ nó rồi.”

James quay lưng và rời khỏi cửa tiệm, anh sẽ không bao giờ đưa Kathleen đến đó lần nữa, anh quyết định sẽ không tin những người đàn ông bị hói. Anh không thích cái cách ông ta nhìn bọn trẻ với đôi mắt màu xanh nước biển và khuôn mặt đỏ to bè. Nếu MacIsaac thích trẻ con như vậy tại sao ông ta lại không có con?

Khi James đi rồi, bà MacIsaac quay sang nói với chồng “Đừng để nó bước chân vào đây nữa”. Ông MacIsaac mỉm cười dịu dàng với vợ rồi quay trở lại nhà kính của ông. “Đến khi nào cần thiết rồi hãy làm những việc mình không thích.”

Mọi người đều thích MacIsaac nhưng không ai hiểu nổi làm sao ông có thể chịu được một người như Piper, nhưng MacIsaac lại thấy không có lí do gì để hành hạ gia đình của một người vì những lỗi lầm của người đó và đó chính là những gì bạn làm khi bạn ruồng bỏ một người. Mọi người chỉ nhún vai và đoán rằng do ông MacIsaac quá sùng đạo. Và theo một cách nào đó thì đúng là vậy, ông dùng hầu hết thời gian để tìm ra các phương thuốc trong các cánh đồng, nơi mà người khác chỉ nhìn thấy cát sỏi và bụi rậm. Ông chăm chút cho cây cối trong nhà kính của mình, không bao giờ gây ra nợ nần, chỉ tiếc nuối về những thức uống.

Cuối tuần đó, James ngồi xuống bên những chiếc bánh cà chua mật và nói “Anh muốn em nghỉ làm, quý cô à, công việc của anh ở mỏ kiếm đủ tiền rồi.”

Không trả lời. Anh nhìn lên, đôi khi thật khó để biết cô ấy có

nghe thấy anh nói gì hay không.

“Em có nghe anh nói không?”

“Được thôi...”

“Cũng đừng có đi vòng vòng một mình trong thị trấn nữa.”

Thật là buồn cho họ khi có một tài năng nhưng lại bị bỏ lu mờ đi trong bóng tối, những cái cây héo hon sẽ đâm ra những cái rễ vô hình và sống ngày càng nhợt nhạt đi, chẳng còn sinh khí.

Tuần đầu tiên nghỉ làm ở nhà hát Empire là lúc khó khăn nhất. Ngôi nhà trống vắng, James thì chỉ tối mới về nhà và chỉ cần được cho ăn chứ không đòi hỏi gì khác. Cô tìm kiếm chìa khóa của cây đàn và cuối cùng thì cạy nó ra bằng một con dao. Nhưng chỉ sau một vài nốt nhạc thì cô lại cảm thấy tĩnh lặng, cô cần một sân khấu chứ không phải một cái gác xép. Không có khán giả, không có buổi biểu diễn, Materia lấy âm nhạc của mình và cất vào cái rương chứa đồ.

Cô dọn dẹp nhà cửa và nấu rất nhiều, rồi lại ăn, cô không có tâm trí để dành thời gian bên cạnh bà Luvovitz vì những cậu con trai của bà, Abe và Rudy là một sự sỉ nhục trong lòng cô. Làm sao cô có thể yêu thương con cái của người khác hơn là con ruột của mình? Những khúc nhạc ở Empire xa dần và trở nên không còn thực nữa, giờ Materia lại chỉ có một mình, với quá nhiều thời gian để suy nghĩ, tất cả những điều tội lỗi của cô quay trở lại và vây lấy cô: rời bỏ ngôi nhà của cha mình, phản bội và làm tổn thương cha mẹ mình, tất cả đều trái với những điều răn của Chúa.

Mình phải đi xưng tội, cô nghĩ, nhưng sau đó... để được tha tội thì mình phải thành tâm hối lỗi, nhưng hối lỗi vì đã trốn chạy theo một người khác nghĩa là hối lỗi cho tất cả mọi thứ bắt nguồn

từ đó, và cô không thể. Cô vẫn muốn chồng của mình và đó chính là tội lớn nhất: ham muốn một người đàn ông, nhưng lại không muốn đứa trẻ sinh ra từ cuộc hôn nhân đó, và cô quay trở lại với tội lỗi ban đầu của mình.

Cô lại cầu nguyện với Đức mẹ Đồng trinh, nó làm tim cô đau buốt, và cứ như có một làn sương mờ ảo bay lên từ vết thương khi cô chợt nhớ ra mình không hề có một ý nghĩ nào về con gái mình trong suốt khoảng thời gian này. Cô không hề gửi đi một lá thư hay những món đồ từ nhà, cô thậm chí không bao giờ hỏi James “Con bé thế nào rồi?”, cuối cùng Materia thấy mình trong một tấm gương trong vát, và hình ảnh đó thật tàn ác.

Cô có thể nói với ai bây giờ? Không ai cả, nhưng cô phải nói ra, nếu không cô sẽ chết mất.

Vào tuần thứ hai, cô ra khỏi nhà và đi đến bờ đá nhưng không nán lại ở đó như thường lệ, cô trèo xuống bãi biển đầy đá và đi bộ ở đó. Cô không hát, cô cứ nói chuyện với những hòn đá bằng chính thứ tiếng mẹ đẻ của mình cho tới khi cô cảm thấy chóng mặt, ngày đã chuyển sang màu xám và cô bị lạc, không biết mình đang ở đâu. Và cuối cùng, như đôi khi vẫn xảy ra ở đâu đó trên thế giới, những đám mây tan đi, bầu trời sáng rực thấp sáng cả bãi biển trong những gợn lăn tăn màu đỏ và vàng. Materia cảm thấy tĩnh lặng, cô đối mặt với chân trời và lắng nghe cho tới khi cô nghe thấy biển đang nói gì với cô “Con gái của ta, hãy đưa nó cho ta. Rồi ta sẽ lấy, sẽ rửa sạch nó và sẽ mang nó đi đến một nơi xa xôi cho tới khi nó không còn là tội lỗi của con nữa, nhưng chỉ có sự tò mò bị cuốn đi, nhấn chìm xuống biển và được rửa tội.”

Và cứ như vậy, ngày lại ngày, Materia để cho đầu óc của mình từ từ được cuốn đi cho tới khi cô có thể chia tay với nó một lần và

mãi mãi.

Quanto Dolor

“Tôi rất thích chia nhỏ, phân loại và đánh giá, anh thấy đấy, tôi rất cô đơn, tôi có quá nhiều thời gian để ngẫm nghĩ, và cha thì đang dạy tôi cách suy nghĩ.”

• **Claudia, A.L.O.E.**

Cuộc đình công kết thúc vào tháng tư năm 1910, và James đã tìm được một công việc kiểm tra khối lượng trên mặt đất như một phần thưởng cho sự trung thành của anh. Anh đã mong được gặp lại người bạn Albert dưới hầm mỏ của mình, mong là có cơ hội được nhìn thấy anh ta dưới ánh sáng ban ngày nhưng Albert đã ra đi. Anh ấy đã đi đến Sydney cùng với vài người khác ở Sân 14, và định cư ở Whitney Pier trong một khu dân cư có cái tên là Coke Ovens. Có rất nhiều người ở đó đến từ vùng Tây Ấn, công ty sắt thép Dominion biết được giá trị của những người đàn ông khỏe mạnh và có thể chịu được nóng. Coke Ovens là một cộng đồng ấm cúng, những căn nhà ở đó được sơn đủ màu trừ màu trắng, san sát vào nhau và ở ngay cạnh xưởng thép. Chính nhà máy đã giúp có được bánh mì trên các bàn ăn và phủ thêm một lớp bột cam lên trên bánh mì.

Ở thị trấn, các ngôi nhà của công ty được thuê lại một lần nữa,

cửa hiệu của công ty lại chấp nhận chứng khoán của những người thợ mỏ, những đứa trẻ cuối cùng được chôn cất và Kathleen đã trở về nhà. James có một sự ngạc nhiên đang chờ: đèn điện, phòng vệ sinh có bồn cầu hiện đại, bồn rửa tráng men và vòi nước mạ kền, có thể chỉnh nóng lạnh.

Với công việc chiếm nhiều thời gian ở mỏ, James không thể đưa đón Kathleen đi học ở trường Holy Angels nữa. Anh thuê một chàng trai từ khu Coke Ovens để đánh chiếc xe của anh. James thấy như tuổi trẻ của mình quay lại khi nhìn vào chàng trai trẻ - Leo Taylor chỉ mới có mười sáu tuổi - nhưng James chắc chắn là cậu ta rất vững vàng.

“Không quanh co, đi thẳng đến đó và đi thẳng về nhà.”

“Vâng thưa ông!”

“Tôi không muốn cậu nói chuyện với con bé!”

“Tôi sẽ không nói, thưa ông.”

“Đừng chạm vào nó!”

“Vâng, tôi sẽ không.”

“Tôi sẽ giết cậu.”

“Xin ông đừng lo.”

James nghĩ rằng thà thuê một chàng trai trẻ rụt rè đánh xe cho con gái mình còn hơn là thuê một thằng đểu. Thêm vào đó, việc Taylor là một người da màu càng làm James cảm thấy an tâm hơn về khoảng cách cần có giữa hành khách và người đánh xe.

Dù cô bé không còn người bạn nào ở thị trấn, Kathleen vẫn yên tâm hơn khi lại được sống ở nhà, ở nội trú tại trường Holy Angels thực sự rất cô đơn. Lúc đầu cô bé vẫn khóc cho tới khi ngủ thiếp

đi, chỉ cảm thấy dễ chịu hơn nhờ những bức thư và quà cáp mà cha gửi. Nhưng cô biết rằng đã có vài sự hy sinh, cô biết những gì được kì vọng ở mình, không được lưỡng lự. Cô học chăm chỉ, nghe lời các nữ tu và không bao giờ than phiền, dù cô vẫn cầu nguyện với bà tiên đỡ đầu để gửi cho cô một người bạn vì ở trường Holy Angels không ai chơi với cô cả. Không có con trai, không có bụi bấn bám trên đầu gối, những đứa con gái khác không thích thú gì với việc chiến đấu với đao kiếm và những cuộc phiêu lưu hay thi xem ai đóng giả cảnh chết hay nhất. Những đứa con gái khác từ lâu chỉ quan tâm đến những thứ tỉ mỉ của con gái mà Kathleen chẳng biết tí gì, hơn nữa, chẳng có đứa nào trong bọn chúng có sự nghiệp. Trước hết, các bạn cùng trường của cô ganh tị với tình bạn mà Kathleen có, cô bé quá xinh đẹp, quá thông minh, nhưng cô lại thất bại trong việc tuân theo những tôn ti trật tự xã hội, từ chối những đề nghị lịch sự của những cô bé khác nhờ cô thắt tóc giùm và dùng dây nhảy làm thông lọng. Chúng cho là cô kì cục, và cuối cùng, tất cả đều xa lánh cô.

Kathleen lao mình vào công việc và trau dồi sự bất cần tuân theo lẽ lối, khăn quàng cổ của cô thắt lại và trễ xuống ở đằng trước, mũ kéo ra sau, tay nhét vào hai túi áo mà cô nhờ mẹ may thêm vào đồng phục, mái tóc dài tung bay. Những nữ tu cho phép, vì cô thực sự có tài năng.

Vào mùa thu năm 1911, thuyền của họ đến lục địa - James, Kathleen và thầy dạy nhạc của cô, xơ Saint Cecilia - đến một buổi diễn độc tấu ở nhạc viện hoàng gia ở Halifax, khách mời đặc biệt của những nghệ sĩ chuyên nghiệp.

“Nhìn vào mắt cha này!”

Cô bé làm theo, anh cầu nguyện đến các linh hồn.

“Stendhal đã nói gì về Elisabetta Gafforini?”

“Dù bạn thấy, hay chỉ nghe thấy cô ấy, thì sự nguy hiểm là như nhau.”

“Đúng vậy đấy”, làm một cử chỉ âu yếm quen thuộc của anh trên đầu cô bé, “Giờ đi ra đó và cho họ biết ai là trùm đi nào!”

Kathleen hát một bài thơ tình của Cherubino gửi cho Susanna từ tác phẩm “Đám cưới của Figaro”. Những giáo viên ở New York đưa cho James danh thiếp của họ, họ đang tìm kiếm một Emma Albani tiếp theo, nói với James những điều mà anh đã biết từ trước.

Henriette Sontag ra đĩa nhạc đầu tay lúc sáu tuổi, Maria Malibran lúc năm tuổi, Adeline Patti mỗi năm lại trẻ ra một chút, huyền thoại của cô thậm chí còn nổi tiếng hơn cả sự trẻ mãi của cô, nhưng James thực sự nghiêm túc về sự nghiệp của Kathleen nên anh không thể ngồi chờ nó bắt đầu. Kiên nhẫn là một dấu hiệu của nghệ sĩ thực thụ, giọng hát của cô sẽ vang mãi chứ không chỉ cháy bùng trong ngọn lửa vinh quang thời tuổi trẻ. Anh sẽ gửi cô đến học ở Halifax trong một năm để cô làm quen, sau đó sẽ đến Milano khi cô được mười tám tuổi.

Kathleen mười hai tuổi.

“Khi cha của Malibran nói với cô rằng cô cần phải tiếp tục vì Giulietta Pasta, cũng như Desdemona đối với Otello, anh đã nhìn thẳng vào mắt cô và thề rằng nếu cô hát không hay thì khi đến cảnh Otello giết Desdemona, anh cũng sẽ thực sự giết chết cô.”

Kathleen cười lớn và nói “Cha là một ông già mê nhạc kịch, đúng không?”

Materia rất ngạc nhiên, con bé thật hỗn xược, lẽ ra nó phải

nhận một cái tát vì ăn nói kiêu đó, nhưng chẳng bao giờ anh làm vậy, thay vào đó lại còn cười và nháy mắt với nó.

Kathleen có một vẻ gì đó rất huênh hoang cho dù cô bé đang đứng yên, đặc biệt khi cô nghiêng mình bên cây đàn piano. Cô bé vẫn chưa biết mình xinh đẹp đến mức nào, nhưng cô đang bắt đầu nghi ngờ điều đó, cô chú ý đến cách đi đứng, đo lường ảnh hưởng của mình đối với người khác. Cô luyện tập những câu nói chán đời trước gương, cô tra nghĩa của từ “languid”, cô tập một giọng nói khinh bỉ vui vẻ và rất thích trêu chọc cha mình vì sự ám ảnh lãng mạn của ông đối với bài hát La Voce, đòi ông tìm và lột nho cho cô. “Nếu con sẽ trở thành người nổi tiếng thì cha phải tập đối xử với con cho giống người nổi tiếng chứ.”

Anh thích phong cách của cô bé: cư xử tự nhiên, làm việc như một chiến sĩ, hát như một thiên thần thực sự, chứ không phải “giống như thiên thần”, giọng hát của một thiên thần, giọng hát được chấp cánh, giọng hát chết người, một giọng hát ở gần mặt trời.

Khi Malibran chết một cách đột ngột lúc còn quá trẻ.

“Chắc chắn là giọng hát của cô ấy đã truyền vào cây violin của chồng cô ấy. Và những con heo có thể bay.”

Cô bé có cả thế giới theo sau mình, một cô gái hiện đại. James đã đọc về “Người phụ nữ mới”. Đó là hình ảnh mà sau này con gái anh sẽ trở thành.

Một buổi chiều thứ sáu trong tháng ba năm 1912, trong khi Matera đang ở trong bếp nấu bữa tối còn James thì đang khổ sở với cây đàn piano cũ, Kathleen xuất hiện ở cổng vòm của nhà trước.

Cô đang mặc bộ đồng phục của trường Holy Angels, cô bé đã cao lên nhiều, đứng dựa vào ô cửa, tựa hết cả người lên một bên hông, cảm nhận tuổi thiếu niên của mình mặc dù nó đã trôi qua từ lâu. Một nụ cười hiện lên trên môi khi cô thấy cha mình đang kéo những cái dây của con ngựa chiến cũ kĩ, cô liếc nhìn xuống, cắn nhẹ môi, sau đó lên vào ngòi bên cây đàn và đánh một hợp âm.

James nhảy dựng lên dù những cái búa đánh đàn chẳng thể làm cho anh bay lên được và đánh cô bé bằng một bàn tay, sau đó là một nắm đấm trước khi anh kịp nhận ra đó là ai và anh đã làm gì và tại sao lại vậy, thậm chí cả Materia cũng không, nhưng Chúa biết.

Con gái anh đang khóc, cô bé bị sốc, cha đánh cô sao, làm sao có thể thế được? Bằng chính bàn tay của mình, ôi Chúa ơi.

Anh đến gần, sượt qua vai, khuỷu tay, ôm chặt eo cô bé, anh sẽ không bao giờ, không bao giờ làm cô đau, thà chết đi hay chặt tay đi còn hơn. Siết chặt cô bé, anh cảm thấy rõ ràng cô đang cảm thấy như thế nào “Đừng khóc”, một sự đồng cảm chết người, “Im nào con”, cổ họng anh như khô lại và bị thiêu đốt “Suyt”, anh phải bảo vệ cô khỏi - anh phải che chắn cho cô - khỏi cái gì chứ? Khỏi tất cả, tránh khỏi tất cả.

Một sự sống và cảm giác ấm áp len vào người anh, cái cảm giác anh đã không có từ khi..., cảm giác mà anh rất hiếm khi có được. Cô bé sẽ an toàn bên cạnh anh, ta sẽ giữ cho con được bình an, cục cưng, ôi ta yêu đứa con gái này lắm. Anh giữ chặt cô, không gây hại, sẽ không bao giờ làm gì có hại. Mái tóc cô có mùi như mùa xuân đang đến, làn da cô như loại tơ lụa được dệt nên từ

hàng ngàn bánh xe quay sợi, hơi thở của cô nhẹ nhàng và thơm tho, sữa và mật ong nằm ngay trong miệng em... Sau đó anh tự cảm thấy hoảng hốt. Anh thả cô ra và rút tay lại một cách đột ngột để cô bé không chú ý những gì đang xảy ra với anh. Bệnh. Mình bị bệnh rồi. Anh rời khỏi căn phòng và lao ra cửa sau, băng qua sân và con lạch, đến chỗ khu vườn, nơi anh lấy lại bình tĩnh sau khi nôn.

Materia đã lấy lại thăng bằng ngay chỗ cống vom mà cô mới vấp ngã do James hất cô ra trong lúc bỏ chạy. Cô đến khi nghe thấy tiếng ồn ào và dừng lại ở cửa vào, quan sát. Cô vẫn đang nhìn, cô đi đến bên con gái mình.

Một cái răng của Kathleen bị rung rinh, nhưng cô bé còn nhỏ, nó sẽ mau chóng lành lại. Có một ít máu trên thảm, nhìn tồi tệ hơn thực tế. Materia nắm tay Kathleen đi vào bếp, đến chỗ máy bơm và rửa cho cô bé, sau đó dặt nó vào giường và mang cho nó ít đồ ăn mềm, hát cho đến khi đôi mắt xanh nhắm lại, lấy một cái gối và nhẹ nhàng đặt lên trên khuôn mặt đang ngủ. Nhưng lại lấy nó ra ngay lập tức. Nếu trái tim của Materia không trống rỗng, cô sẽ biết mình phải làm gì, phải bảo vệ ai, và như thế nào. Yêu thương con bé bây giờ có vẻ như là một yêu cầu dễ dàng hơn so với việc bảo vệ nó, bởi vì mình đã thất bại trong thử thách đầu tiên nên bây giờ mình phải đối diện với cái thứ hai.

Materia cố nghĩ xem phải làm gì, nhưng trong những tình huống như thế này thì suy nghĩ cũng chẳng giúp ích được gì. Cô hít một hơi thật sâu, cảm giác ớn lạnh tràn lên má, cô cảm thấy những chuyển động dưới chân mình, chiếc giường hất tung lên, cô thấy mình đang đứng trên một con tàu hướng về New York, cô gái có mái tóc màu đỏ rực lửa bên cạnh đang bám tay vào lan

can. Nhưng khoảnh khắc đó trôi qua trước khi Materia có thể giữ lấy nó, một thông điệp yếu ớt được chuyển đi qua những khoảng cách không gian và thời gian, mỗi giây phút đều đáng nhớ.

Giờ thì Materia biết đã ai gửi Kathleen đến, và tại sao lại vậy. chính vì tội lỗi của cô mà Chúa buộc phải làm vậy, chính tội lỗi của cô, tội của cô, tội lỗi đáng ghê tởm của cô.

Kathleen biết rằng cha không cố ý đánh cô, rằng ông thật sự rất hối lỗi, cô biết ông đã làm việc rất vất vả và tất cả cũng vì lợi ích của cô. Không gây hại gì, cái răng rồi sẽ chắc lại, cô bé làm một cái thiệp cho cha để nói với ông rằng cô thương ông đến mức nào, cô viết một bài thơ vui về “hợp âm bị mất” và họ bỏ qua mọi chuyện.

Giải pháp đầu tiên

Đêm hôm sau, Materia thụ thai Mercedes.

Tự cô cũng cảm thấy ngạc nhiên vì lần này cô rất mong chờ đứa trẻ, thậm chí không quan tâm nó có phải con trai hay không. Cô lại có thai và lần này cô rất thích điều đó, nó làm cô cảm thấy gần gũi hơn với mẹ của mình, cơ thể phát triển, bộ ngực nở nang, bắt đầu phì ra, những vấn đề của cô cũng dịu bớt.

James vẫn không đưa cô đi đây đi đó, nhưng vào ban đêm thì anh đã sống thực sự - cô ấy là vợ mình, dù sao đi nữa thì cũng là vợ mình. Cơ thể sạm màu và đầu óc đơn giản của cô làm cho anh có thể “hưởng thụ” cô một cách đơn giản. Tại sao anh lại trông mong những cuộc nói chuyện hay những sự an ủi tinh thần từ cô? Như vậy thật là bất công cho anh, một người đàn ông sẽ tìm kiếm những thứ đó ở nơi khác, cuối cùng thì James cũng cảm thấy bình thường.

Anh đã lên cân một chút, cô chăm sóc bữa ăn cho anh, chăm cho anh tắm hằng đêm, lau lưng cho anh, hôn vào tai anh và trèo vào bồn tắm. Anh để yên cho cô làm vậy, anh cảm thấy dễ chịu vì anh đã vượt qua được con quỷ nhen nhóm trong anh vào cái ngày anh đánh Kathleen.

Materia cố gắng có thai trong đau khổ, tự nhủ với mình rằng để ngăn chặn một tội lỗi lớn hơn của chồng cô nên cô phải cố

gắng khiêu gợi, cảm dỗ anh ngay cả khi cô đã thực sự có thai. Ham muốn trong hôn nhân cũng đồng nghĩa với ngoại tình, ngoại tình là một tội lỗi ghê gớm, nó nằm trong những điều răn. Materia mong Chúa sẽ nhìn thấy những sự ô uế trong lòng cô, vì xét cho cùng, những chuyện cô làm là đúng.

Mercedes được sinh vào cuối năm 1912, Materia rất thương con bé, cô không cần phải cố gắng, chỉ tự cảm thấy vậy, đó là một sự kì diệu đáng mừng. Tạ ơn Jesus, mẹ Mary, Joseph và các vị thánh, và cả Chúa nữa.

Materia không còn ganh tị với đứa con trai thứ ba của bà Luvovitz nữa, Ralph, nhỏ hơn Mercedes hai tháng tuổi, có thể lớn lên chúng sẽ lấy nhau.

James không phản đối cũng không có ý kiến gì về việc Materia để một Cha xứ rửa tội cho Mercedes ở một nhà thờ Công giáo gần Ligan. Cô bắt đầu đi đến những buổi gặp mặt, không chỉ vào chủ nhật mà là mỗi ngày. Cứ như nước thánh trong sa mạc, cô đã không nhận ra cô khát tới mức nào. Materia thấp nển và quý gối cầu nguyện dưới chân bức tượng Mary cao hơn 2 mét, cô đang nắm Mercedes trong tay, nhưng cô không nhìn lên, cô nhìn thẳng vào đôi mắt hồng ngọc của con rắn đang mỉm cười ngay dưới chân tượng Đức mẹ Đồng trinh.

Materia xem đó như là một sự hy sinh, cô chỉ chơi đàn ở nhà thờ, và chỉ chơi các bài thánh ca. Sự nhượng bộ duy nhất của cô là quyển sách nhạc IDit cho bà Luvovitz, đó là thứ duy nhất mà cô có thể làm cho một người bạn đã dành cho cô quá nhiều. Sau cùng thì cũng chỉ có một vị Chúa mà thôi.

Mười một tháng sau, bà Luvovitz lại tất bật với công việc quen

thuộc của mình khi Materia sinh Frances. Điềm may là Frances đưa chân ra trước, bà Luvovitz cho tay vào và xoay cô bé lại, một con bê và một em bé cũng không khác nhau là mấy. Frances được sinh ra trong một lớp màng bọc, đó là một điềm rất tốt cho một đứa bé sinh ra trên đảo, nó có nghĩa là cô sẽ không bao giờ bị chết đuối.

Frances có vẻ gầy gò và không có tóc, Materia biết rằng điều này là do cô thụ thai quá sớm sau khi sinh Mercedes, những dưỡng chất trong dạ con của cô vẫn chưa được bổ sung đầy đủ, sữa cô cũng không nhiều, tất cả cứ như những lí do để cô cũng yêu đứa con này.

Frances được rửa tội ở nhà hát Empire ở đại lộ Plummer, những vết đào vĩnh viễn của nhà thờ Đức mẹ núi Carmel.

Mercedes là một đứa trẻ ngoan, làm theo tất cả mọi thứ với đôi mắt nâu, đi ngủ khi tới lúc, giữ cái cốc và không làm đổ một giọt nào. Frances thì biết cười lớn khi được bảy tuần tuổi.

Cùng với Frances, thị trấn được chính thức khai sinh vào năm 1913, thị trấn mới phát triển giờ đã có tên: New Waterford.

James cảm thấy niềm tự hào bình thường của một người đàn ông có một gia đình đang phát triển, anh làm tăng ca gấp đôi nhưng chỉ phải trả rất ít chi phí. Hai đứa bé là bằng chứng. Con quý trong anh giờ đã bị bỏ lại rất xa, anh có thể chỉ ra lí do của nó là do anh đã làm việc quá nhiều. Anh lỡ tay đánh con gái mình và cảm thấy đau khổ cùng cực, những sự hoảng loạn tiếp đó chỉ là một chút vấn đề về thể chất, vô nghĩa, những người đàn ông bị treo cổ cũng là do ham muốn, những điều ở thiên đường.

Materia lại có thai.

James cảm thấy vui vì vợ anh đã phục hồi lại cảm xúc, không còn lang thang ở bãi biển và lảm nhảm nữa. Không còn những cảnh âm thầm ủ rũ như lúc cô ngồi gục đầu trên cái rương đựng đồ như đang ngủ hay đang hôn mê nữa. Anh cũng không còn nghe thấy tiếng cô nện vào cây đàn piano khi anh đi làm về nữa. Sùng đạo một cách điên cuồng, đúng vậy, nhưng phụ nữ là vậy. Cô sẽ sớm lấy lại vóc dáng sau khi sinh em bé.

Hai đứa bé trông có vẻ rất ổn, Mercedes đang giả bộ cho một con búp bê bú và rù rì với Frances, giờ Frances đã có tóc, những lọn tóc xoắn vàng óng, đôi mắt màu nâu nhạt lấp lánh ánh xanh khi cô cười, từ đầu tiên mà cô bé nói là “Ê!”

Mưa suốt mùa đông, đại lộ Plummer được khéo đặt tên và giờ thì nó ngập bùn nhưng nhà Piper vẫn có rất nhiều than để sưởi ấm trong không khí ẩm ướt. Ngọn lửa được thắp lên, lò sưởi lách tách thắp sáng khoảnh khắc Kathleen trở về nhà sau giờ học.

Materia nhìn Kathleen đi lên cầu thang về phòng cô bé, sau đó quay trở vào bếp trộn bột với nước để chuẩn bị làm bánh hấp trong lúc James rửa bát đĩa ở vòi nước dưới bếp. Cô nhìn anh đi lên phòng trước và chìm đắm trong tờ HALIFAX HERALD: tin tức từ nước Anh già vui vẻ: Quốc kì Anh đã giải phóng hơn hai mẫu lãnh thổ mới vào mỗi lần đồng hồ điểm một tiếng từ năm 1880...

Năm phút sau, Materia chùi tay vào tạp dề và đứng ngắm James từ trong bóng tối của phòng trước. Ủ, anh ấy đang yên vị trong chiếc ghế dựa dưới chiếc đèn đọc sách - Sozodont: tốt cho răng hư, không tốt cho răng khỏe...

Materia quay vào bếp nơi bữa tối đang sôi sục còn Mercedes thì đang đong đưa Frances trong nôi. Cô chuẩn bị bàn ăn. Mười

hai phút sau, cô lên gác và nhìn qua khe cửa mà Kathleen để mở - con bé có thói quen xấu là hay đi thơ thẩn trong bộ quần áo lót, cuộn mình bên cạnh giường nằm đọc sách, để dấu chân lại trên tường mỗi khi chải tóc, luyện tập nhiều giọng khác nhau - phải, cô bé đang ở một mình. Materia nhẹ nhàng kéo cửa lại, quay lưng đi xuống hầm rượu và chụm lại lò sưởi, căn nhà không bao giờ có thể đủ ấm cho cành hoa lan ở tầng hai.

Quay lại bếp, Materia chỉnh lại chai rượu chanh mật ong và lại đi ra nhà trước James đang lơ mơ ngủ trên ghế, tờ báo đã tuột xuống sàn, Nước Séc đang cầm phần...- lại đi lên gác, mở cửa phòng Kathleen - “Mẹ! Mẹ không biết gõ cửa sao?” để đưa cho cô bé thuốc bổ uống trước khi ăn và đứng nhìn cô bé nhấp từng ngụm nước còn bốc khói. Một mạch máu xanh mờ ảo hiện ra dưới làn da cổ trắng ngần của Kathleen do hơi nước gây ra. Một mạch máu khác lượn lờ từ chỗ nhăn da dưới nách và biến mất sau lớp vải lụa của chiếc áo ngực. Làn da trắng hồng trải từ má xuống cổ họng và điếm qua ngực cô.

Materia đi vào lại trong bếp, khuấy nồi canh và hét to “Ăn tối!”

James giật mình tỉnh giấc và đi đến bên bàn ăn, hai tay xoa xoa vào nhau - “Món gì có mùi thơm vậy nhỉ?”

Materia lại hét lên gọi Kathleen, cô bé đang thơ thẩn đi tới trong chiếc áo quần hồ kiểu kimono, “Mẹ có cần rống lên vậy không? Con ở ngay đây này” và ngồi thượt xuống ghế, “Chúng ta ăn gì vậy?”

Materia trả lời, “Món luộc.”

“Ôi trời”, James nói.

Kathleen làm bầm, anh cười lớn. “Nó tốt cho cha đấy, ông già,

nó sẽ giúp cha mọc lông ngực.”

Kathleen rúm người lại, ông ấy thật là ủy mị.

Những công thức chính thống của vùng Cape Breton, khoai tây, củ cải, cải bắp, cà rốt, và nếu bạn khá giả, hãy cho thêm vào đó thật nhiều sụn heo. Nếu bạn nấu đúng cách thì chỉ cần nghĩ đến thôi miệng bạn sẽ đầy nước rồi. Materia ngày càng giỏi hơn trong việc bết núc, mọi thứ cô chạm vào đều trở thành nước ép. Cô kéo mạnh cái nồi đặt lên bàn và múc ra những phần lớn. Kathleen bỗng nhiên trở thành người Anh trong một lúc “Đừng cho con củ cải nhé mẹ yêu, cảm ơn, con không thích món đó!”

James cảm thấy thích thú, anh nhìn Kathleen trộn thức ăn trong đĩa, sau một lúc anh đứng dậy và làm cho cô bé món phô mai nướng.

Materia ăn hết phần của mình, sau đó ăn phần của Kathleen, chấm hết bánh mì với nước súp. James cố không nhìn vào cô - cúi mình vào cái đĩa, nhai chậm chạp - anh cố không nghĩ nhưng nó cứ tự hiện ra trong đầu anh hình ảnh của một con bò. Kathleen nhắm nháp hết phần phô mai của mình và chừa lại cái cùi bánh mì. Nàng công chúa và hạt đậu.

Nếu James đã quên mất con quỷ thì Materia không quên được, cô đã nhìn thấy nó, nó cũng nhìn lại cô, cô biết là nó sẽ quay trở lại. Materia đã có hai cô con gái thật sự, cô yêu chúng, mọi thứ đã quá rõ ràng. Hết buổi cầu nguyện này đến buổi cầu nguyện khác, cô đi khắp hàng dặm dọc theo những trạm xe tại các ngã tư để cầu nguyện với các điều kì diệu của tràng hạt: vui vẻ, đau thương, và vinh quang. Xá tội từ từ, không trông mong được xóa hết tội một lúc, không thể thoát khỏi sự đeo bám của tội lỗi mãi mãi nếu

không đi xưng tội thường xuyên.

Bức tượng Đức mẹ Mary xinh đẹp với chiếc áo choàng xanh và khuôn mặt đau khổ ngọt ngào được chuyển từ Ligan đến nhà thờ Đức mẹ núi Carmel mới xây ở New Waterford, ở đây, trong chính hang động của mình, người nắm quyền lực tối cao đối với đứa con của thánh thần và con rắn.

Trong bóng tối lạnh lùng, mùi trầm hương xoa tay nhẹ nhàng lan tỏa vào trong không khí, Materia quỳ gối dưới chân Đức mẹ và cầu nguyện rằng James sẽ tránh xa được con quỷ trong người anh càng lâu càng tốt. Cô cầu nguyện đến con quỷ và thấp một ngọn nến cho nó.

Đó là một mùa xuân khác thường, nóng đến mức Materia không thể cử động nổi nữa. Cô ấy quá khổng lồ, James tự hỏi không biết có gì ở bên trong, nhìn cô cứ như đang chứa cả một viên đạn đại bác to nửa mét trong người. Tuy vậy, cô vẫn đi bộ đến nhà thờ mỗi buổi sáng cùng với hai đứa nhỏ trong chiếc xe đẩy cũ của Kathleen. Bà MacIsaac nhìn cô thoáng qua ô cửa sổ hiệu thuốc và cảm thấy lo lắng cho cô: không ai nên ở quá gần Chúa như vậy. Ông MacIsaac vẫy cô vào và cho một ít sô-đa dâu nhưng cô từ chối, mọi thứ đều làm cô bị đầy hơi, nhưng bọn trẻ thì uống nhiều đến mức nhìn như chúng có một hàm râu màu đỏ quanh miệng.

Cô càng mập thì lại càng khó cầu nguyện, vì James lại không đến gần cô nữa, còn Kathleen thì ngày càng dễ thương và vô tâm hơn mỗi ngày. Materia nhìn họ chụm đầu vào nhau giải bài toán trên chiếc bảng học sinh, nhìn thấy Kathleen nhảy cẫng lên người anh trong bộ áo mới của con bé, nhìn khuôn mặt anh khi con bé hát riêng cho mình anh.

Ngập trong một đồng thối, Materia dường như không thể hít thở sâu được, đến tháng sáu thì cô ngủ trên cái võng trong bếp, không còn leo thang nữa. Đứa bé này đang vắt kiệt sức lực của cô, không còn quan sát chòng và con gái nữa, không phải là lúc này.

Cô không còn mặc vừa bộ đồ nào nữa cho nên cô lấy ba chiếc áo cũ và cắt may chúng lại thành một cái váy: vải in hoa ở phía trước, vải mỏng ở hai bên và vải sọc ở đằng sau. Cô đã có một ngày thật dễ chịu nhưng khi James về thì nó trở thành “Lạy Chúa, em mặc cái gì vậy?”

Cô hỏi xin tiền anh và mua một súc vải ế có in hoa văn loạn xạ và cùng với sự giúp đỡ của bà Luvovitz, cô may được ba cái áo mặc nhà. Bà Luvovitz ngỏ ý cho cô vài mét vải màu xanh nhưng cô từ chối, cô thích hoa, James lắc đầu nhưng không có ý kiến gì.

Những ngày gần đây Materia lúc nào cũng lấm bầm, đôi môi cô liên tục mấp máy ngay cả lúc cô đang sửa chiếc vớ hay đang thay tã. Tệ hơn nữa là cô lấm bầm khi đi trên con đường phủ băng tuyết xuyên qua thị trấn để đến nhà thờ.

“Đừng có vừa đi trên đại lộ Plummer vừa tự nói chuyện với chính mình nữa.”

“Tôi không có nói chuyện một mình.”

“Chứ em nói với ai?”

“Mary.”

Ôi lạy Chúa.

Materia lại thấy con quỷ mỉm cười với cô từ trong lò sưởi. Cô ngày đêm dệt may một tấm vải mỏng mà cô dùng để bọc Kathleen, cô thấy con gái mình trong một cái kén treo lơ lửng với đôi mắt xanh mở to. Nhưng không ai có thể dệt mãi và cái kén

cũng sẽ nở ra dù là để thả ra một con bướm hay một bữa ăn. Cô còn gì để hy sinh nữa? Cô đã từ bỏ âm nhạc của mình từ lâu, cô sẽ tự hành xác mình, nhưng điều đó sẽ gây hại đến đứa con chưa ra đời của cô. Cô chẳng còn lòng tự trọng để hy sinh nữa, cho nên cô hy sinh sự mập mạp của mình, những bộ quần áo mảnh mai của mình, mái tóc quăn của cô mỏng dần đi. Nhưng con quý vẫn không thỏa mãn.

Trong bóng tối lạnh lùng của nhà thờ núi Carmel, Materia nhìn vào khuôn mặt nhỏ màu xanh của con rắn và làm dấu chữ thập. Bên cạnh cô, Mercedes bé bỏng đang quỳ, đôi tay nhỏ xíu đeo găng trắng vòng quanh chuỗi hạt của riêng cô bé. Sau lưng họ, Frances đang bò dưới các hàng ghế, lật phết chiếc váy trong đám bụi và tìm kiếm những thứ tỏa sáng. Materia nhìn chăm chăm vào đôi mắt con rắn và ngã giá: nếu con quý chịu giới hạn lại trong một cô con gái thì Materia sẽ để nó bắt Kathleen đi khi thời điểm đến, con quý mỉm cười, đồng ý.

Sau đó Materia nhìn lên khuôn mặt thạch cao sáng sủa của Đức mẹ và cầu xin người hãy kiềm hãm con quý lại. Cô khẩn một đoạn Kinh hãy nhớ “Lạy Thánh Nữ Đồng Trinh Maria là mẹ rất nhân từ, xin hãy nhớ xưa nay chưa từng nghe có người nào chạy đến cùng Đức mẹ xin cứu giúp mà Đức mẹ từ bỏ chẳng nhận lời. Nhân vì sự ấy, con hết lòng trông cậy than van chạy đến sắp mình xuống dưới chân Đức mẹ là Nữ Đồng Trinh trên hết các kẻ đồng trinh, xin Đức mẹ đoái đến con là kẻ tội lỗi. Lạy mẹ là mẹ Chúa Cứu thế, xin chớ bỏ lời con kêu xin, một rủ lòng thương và nhậm lời con cùng. Amen.”

Đức mẹ sẽ nghĩ đến một việc gì đó, bởi vì người luôn độ lượng nhân từ.

Bí mật thứ ba của Đức Mẹ

“Tôi tự hỏi”, Emma đã quan sát, “Liệu những nhà La mã học được học hành tử tế có thực sự tin vào những điều kì diệu lạ lùng mà mọi người cho là do những vị thánh tạo ra không?”

• **Claudia, A.L.O.E**

Tháng bảy oi ả. Họ có đủ rau cho cả một đội quân. Tên bù nhìn như sôi lên trong đôi giày cũ của James và chiếc áo sặc sỡ từ vải hoa, vải mỏng và vải sọc của Materia, cái mũ vẫn vẽ lên khuôn mặt trống trơn của nó những đường góc cạnh như thường lệ. Nếu bạn đã từng thử nhét tay vào một đồng rơm rồi rút tay ra như vừa rút ra từ một cái lò thì bạn sẽ biết rơm có thể làm được gì. Pete cứ lặng lẽ nóng dần lên. James lấy nước từ con lạch để tưới cho khu vườn, Materia thì cứ chất đầy các hũ thức ăn, dán nhãn cho chúng là “Mùa hè 1914.”

James không đi xem trận bóng chày vào ngày 3 tháng 8 nên anh đã bỏ lỡ sự hào hứng trong chiến thắng của New Waterford đối với Sydney, nhưng anh sẽ đọc trên trang nhất của tờ Post ngày hôm sau. James đã có đủ thứ để làm mình bận rộn: công việc, khu vườn và cô con gái của anh. Đó là lí do anh không đi xem trận bóng hoặc ngồi bàn chuyện chính trị trước cửa tiệm

MacIsaac hoặc ngồi chơi bài ở phía sau. Cứ như vậy anh lại củng cố thêm cho những người xung quanh trong việc cố gắng không cho anh quên rằng anh đã từng là một tên phá hoại và sẽ luôn là một tên phá hoại.

James đi dọc đại lộ Plummer trên đường đi mua báo. Anh không còn đi xe ngựa nữa, tại sao anh lại không nên đi bộ trong thị trấn của mình chứ? Anh đã sống ở đây từ khi chưa có thị trấn, từ trước khi có bất kì công ty than hay một hầm mỏ nào.

Nếu đứng cách xa khoảng một tòa nhà thì bạn có thể nghĩ là James đang đi trên mặt nước, nhưng đó chỉ là sự lấp lánh của mặt đường trải than. Không gì có thể khuấy động một buổi chiều như thế này, dĩ nhiên là trừ một cơn gió nhẹ. Những người không tìm được nơi trú ẩn ở bờ biển ngồi vô hồn trước cổng nhà, nhét chân trong những xô nước đá, một lần nữa, đó là một ngày đẹp để đi xuống dưới lòng đất.

Như thường lệ, James ăn mặc như một quý ông. Chỉ có một con quái vật hoặc một người không bình thường thì mới vô cảm trước sự tuần hoàn của tự nhiên. Hãy cứ để những đám tri thức nửa mùa cởi sạch tới cái áo trong cùng và ngắm nghía máu chốt cho những vấn đề của họ. Do đó anh cứ điềm tỉnh rảo bước vào thị trấn. Một quả dưa chuột trong bộ đồ len.

Anh mua một tờ Post ở cửa hiệu MacIsaac, có vài người kì cựu đang ngồi và lâu lâu mới thấy họ chớp mắt. Ông MacIsaac gà gât sau quầy tính tiền, James đặt tiền lên quầy và liếc qua hàng tít khi anh rời cửa hiệu, không thể kìm hãm được một chút tự hào công dân đối với chiến thắng của thị trấn trong trận bóng chày. Mấy ông già nhìn anh đi, sau đó phá vỡ sự im lặng chán chường của họ bằng cách quan sát cứ như để tìm xem những thứ gì có

thể tạo ra một người đàn ông vô cảm với cái nóng thiêu đốt như vậy.

Ở ngã tư đường Seven có một người phụ nữ Ấn đang rung chuông để bán cam chất trên xe ngựa. Trên đỉnh đồng cam là một trái cam hàng mẫu đã được cắt sẵn, nước cam màu đỏ tươi như máu, James mua một quả.

Mặt trời bắt đầu lặn, hương thơm mát lạnh của đêm tràn về. Những bông hoa tử đinh hương tươi tắn trở lại và không gian tràn ngập mùi hương thơm mát. Một chú chó cất tiếng sủa sau khi đã thoát khỏi cái nóng, có ai đó mở một điệu violon, nhưng trời vẫn còn khá nóng cho một điệu vũ. James rẽ sang đường Water ngay đúng lúc Leo Taylor đỗ cỗ xe độc mã lại trước cửa nhà. Kathleen vừa trở về nhà sau buổi diễn thử. Cô đợi Taylor nhảy xuống khỏi xe và bỏ bậc thang ra cho cô đi xuống. Cô bước xuống khỏi cỗ xe nhẹ nhàng như một người quý tộc bẩm sinh.

Taylor không nói tiếng nào và Kathleen cũng vậy, cô cũng không nhìn cậu ta. James cảm thấy thực sự dễ chịu chính vào những lúc như thế này. Mặt trời hâm nóng phía tây, ban cho cả hòn đảo này những bông hồng hiếm hoi và gam màu hổ phách - cả cuộc sống đọng lại trong những khoảnh khắc như thế này. Chúa ở trên thiên đường của người, còn ta ở thiên đường của chính mình.

Kathleen thấy James và chạy đến bên anh cứ như bỗng nhiên cô trở lại thành một cô bé bảy tuổi, hết lần này đến lần khác. Cô cảm thấy quá phấn khởi, quá hồi hộp, “Con muốn nôn luôn đấy!”

“Một số các ca sĩ nổi tiếng vẫn nôn trước mỗi buổi diễn”, James nói với cô bé.

Cô bé cười, vừa thỏa mãn vừa căm phẫn, nhảy cõn đến bên anh để tìm một món quà mà cô biết chắc là anh có. Thấy rồi! - một quả cam giấu trong tờ báo.

Cô bé đã tập luyện nhiều tuần liền, tối nay sẽ là lần đầu tiên cô hát trước công chúng, trước một đám đông đã bỏ tiền ra mua vé. Chỉ tại nhà hát Lyceum ở Sydney. Chỉ với những người nghiệp dư và khán giả địa phương. Nhưng cũng vậy thôi, một buổi diễn vẫn là một buổi diễn.

“Luôn phải hát như khi con ở nhà hát Metropolitan”, James dặn. “Luôn hát như con đang ở La Scala và không bao giờ được quên khán giả của mình.”

Họ không gọi đây là lần ra mắt, nhưng theo một cách riêng nào đó thì nó vẫn là lần đầu tiên, và cả hai đứng cạnh nhau trong sự hồi hộp.

Đêm hôm đó:

HỘI ĐỒNG ORPHEUS SYDNEY GIỚI THIỆU

TRANG THIẾT BỊ HIỆN ĐẠI

HIỆU ỨNG HUYỀN ẢO

TRONG MỘT SUẤT PHẨM TUYỆT VỜI

NHỮNG KHOẢNH KHẮC TUYỆT VỜI TẠI NHÀ HÁT LỚN

Một tia sáng lóe lên và Don Juan biến mất, cứ như bị pho tượng lôi đầu đó xuống địa ngục. Im lặng. Tiếng vỗ tay. “Hoan hô!”, “Nửa đi!”, “Làm nổ tung cả bầu trời đi nào các chàng trai!”. Nhà hát Lyceum chỉ là một căn phòng chật chội, ít ghế, chỉ có chỗ đứng. Họ đã được xem Tosca đâm xuyên qua Scarpia, sau đó nhanh chóng nhảy vọt vào khoảng không phía trên sân khấu.

Seville đã nhường chỗ cho Nagasaki, những người phụ nữ mộng du bị chôn ở Ai Cập với làn da nâu được tô vẽ, tự đắm vào người mình ngay ngày cưới và phát điên. Ngay đến đoạn cao trào thì tạm nghỉ. Khán giả xoay vòng trong khán phòng mái vòm được trang trí với hình lá cây và hình vẽ những người trẻ tuổi đang phủ phục bên hồ nước đầy các nữ thần. Bên dưới, khán giả nói chuyện ồn ào vui vẻ khi được gỡ mình ra khỏi những chiếc ghế gỗ và hướng về hành lang nơi có phục vụ trà, bánh chà là vuông và bánh hình những lá cờ Anh thu nhỏ.

James ngồi yên, khuôn mặt toát ra sự hồi hộp và thiếu kiên nhẫn, ruột gan anh quặn lên vì cả tiếng đồng hồ ngồi xem những trò căng thẳng nạt nộ lối bịch trên cái sân khấu nhỏ xíu. Xơ Saint Cecilia đặt một tay lên cổ tay anh nhưng anh không hề để ý. Bà đứng dậy và hối hả ra ngoài lấy một tách trà, bà nghĩ việc mẹ cô bé không thể có mặt ở đây đêm nay thật tệ, thậm chí là hơi kì quặc - bà đã mong đợi để cuối cùng cũng được gặp bà Piper và chúc mừng bà ấy vì có một cô con gái tài năng như vậy. James cảm thấy khó chịu và ngọt ngào nhưng anh ấy vẫn ngồi như bị đóng băng trên ghế. Anh không hề muốn chen chúc và nghe những cảm xúc dạt dào của đám đông dốt nát kia. Sau giờ nghỉ sẽ đến màn biểu diễn của Kathleen.

James không nhìn thấy một người phụ nữ da màu nhỏ con, tròn trịa với mái tóc điểm bạc đứng khuất sau hành lang cùng một người phụ nữ da đen khác cao ráo hơn. Bà Mahmoud ở đây vì sáng nay Benny đến giao hàng. Suốt những năm qua, bà đã cố gắng lại việc ngồi đợi trước trường Holy Angels để nhìn thấy Kathleen, bà đã cố gắng để không gửi một bức thư hay nhờ Benny gửi bất kỳ lời nào đến con gái mình. Nhưng bà Mahmoud đã đến

đây đêm nay vì bà cần phải nghe thấy cháu gái mình hát, và Teresa, người hầu gái của bà, rất sẵn lòng đi cùng bà để thưởng thức cách giải trí tinh tế này.

“Kính thưa quý ông quý bà, xin hãy ổn định chỗ ngồi để chuẩn bị cho phần hai của buổi diễn”. Khán giả đổ xô vào lại bên trong - tầng lớp thượng lưu của Sydney cộng thêm vài người yêu nhạc. dàn nhạc Sydney nổi nhạc lên, ánh sáng bên trong nhà hát tắt dần. Người quản lí sân khấu đặt một cây nến nhỏ làm đèn dẫn đường trên sân khấu, màn được kéo lên: một khoảnh sân nhỏ, trăng nửa đêm, một đài phun nước, những dây thường xuân và hoa hồng leo, một con mèo được làm từ bìa cứng với đôi mắt có thể nhắm và mở và bàn tay có thể cử động James cảm thấy bực mình, chúng ta đến đây để thưởng thức âm nhạc chứ không phải những trò nghệ thuật sân khấu rẻ tiền này. Một người đàn ông có cái bấu và chiếc nón hè gắn đầy chuông rề rà trịnh trọng tiến lên sân khấu. Máu đã rút hết khỏi tay James trong lúc anh chờ đợi, các thớ gân trong người anh tê đi và căng cứng như dây của một cây đàn violon còn mới.

Dàn nhạc được thấy cô bé trước tiên, sau đó cô xuất hiện từ sau những tia nước đầy màu sắc. Tỏa sáng rực rỡ. Kathleen. Trong chiếc váy trắng dài bay rập rờn, mái tóc thả tự nhiên của cô bé trông như một vầng hào quang của lửa. James hơi chồm về phía trước - ngừng lại, ngừng lại, mọi người hãy ngừng lại hết và ngắm nhìn đi. Trước khi lắng nghe. Cả cái ông đội nón leng keng trên kia, yên nào.

Rigoletto hét lên “Figlia!”, cô lao vào vòng tay ông “Mio padre!”. Cha và con gái ôm chầm lấy nhau, họ khóc, thể hiện tình cảm của mình, cô hỏi tên thật của ông là gì - “Ta là cha của con,

con biết chừng đó là đủ.” Cô hỏi ông ai là mẹ cô và cô đến từ đâu.

(Con effusione) “Bà ấy mất rồi.”

“Ôi cha ơi, nỗi đau lớn lao nào - quanto dolor - có thể mang đến những giọt nước mắt cay đắng thế này?” Nhưng ông không thể nói gì hơn với cô, ông quá yêu thương cô, nhiều đến mức ông nhốt cô mãi ở đây...

“Con không bao giờ nên ra ngoài.”

“Con chỉ đi đến nhà thờ thôi.”

“Tốt.”

... nhiều đến mức ông sẽ nhét cô vào một cái túi và tình cờ đâm cô (Orror!) nhưng việc đó sẽ xảy ra sau. Còn bây giờ là:

“Quanto affetto! Quali cure! che temete, padre mio? Lassù in cielo presso Dio, veglia un angiol protettor...” Sau đoạn đầu tiên, một sự rùng rợn lan tỏa khắp trong nhà hát, tóc gáy của mọi người dựng đứng lên, các tế bào căng cứng xáo động một cách không kiểm chế được dưới những chiếc áo đính ngọc trai và những vạt áo đoan trang, và trong những cái khoanh tay chặt nhất theo thói quen của các nữ tu. Hai thứ có thể gây ra cảm giác rùng mình đó là: một giọng hát quá hay hoặc có ai đó đang đi trên nắm mồ của bạn. Nhưng chỉ có điều đầu tiên là có thể giúp bạn chia sẻ với cả một đám đông trong khán phòng.

Khi bài hát cất lên, khán phòng Lyceum biến mất và cái nóng tan biến. James không thể tìm được nước mắt. Lúc đầu anh còn tỉnh táo và nhận ra rằng mọi người trong khán phòng đang gạt nước mắt. Vấn đề không nằm ở lời bài hát, vì nó là tiếng nước ngoài, không phải là ở cốt truyện, vì hầu hết mọi người không biết đến nó. Đó là do một giọng hát quá chân thực và quá tuyệt

vời, nhẹ nhàng xé nát lòng người, khai thông những tâm hồn và giữ cho những trái tim vẫn cố gắng đập và chống cự lại mũi nhọn đang đâm qua cho tới khi bạn hoàn toàn bị xuyên thủng. Bởi vì giọng hát là tất cả những gì bạn không thể nhớ được. Tất cả những thứ bạn không thể sống thiếu được nhưng đau buồn thay, bạn vẫn phải làm.

“...Da noi toglie le sventure di mia madre il priego santo; non fia mai divelto o franto questo a voi diletto fior.”

Khúc cavatin tiến dần đến phần kết thúc, một bài hát đơn giản. Sự im lặng ngập tràn trong khán phòng, bình yên dõi theo âm nhạc và cho phép bạn trong một khoảnh khắc quên đi sự sợ hãi về cái chết, về xác thối và quên đi cả thời gian.

Màn thả xuống, tiếng vỗ tay hoan hô vang rền. James thả tay của xơ Cecilia ra “Tôi xin lỗi xơ”. Bà mỉm cười, kín đáo kiểm tra lại sự liên lạc của hai mươi bảy chiếc xương trên người mình.

Nhạc công thổi kèn ba-ri-tôn trong bộ đồ lưng gù lạch bạch tiến ra và cúi chào một cách trịnh trọng với tất cả sự nhún nhường của một đồng thịt thượng lưu nhưng James không hề quan tâm, cô bé xuất hiện rồi đây! Tiếng vỗ tay vang lên.

Đám đông la hét “Hoan hô! Hoan hô!”, “Cô gái tuyệt vời!”. Khán giả đứng hết lên.

Cô bé nhún chào, đĩnh đạc và trang nghiêm. Chưa bao giờ James tự hào đến vậy. Trong tất cả những tham vọng tuổi trẻ của mình, James chưa bao giờ dám mơ đến điều này, về cô bé, về một tài năng rực rỡ đến vậy. Cô thuộc về thế giới, gần như là cô đã đạt được rồi, anh biết điều đó nhưng không hề thấy ganh tị, anh cùng vỗ tay với những khán giả khác. Người thổi kèn nắm lấy bàn tay

cô và hôn lên đó tên gốc vô dụng, tránh ra ngay - cứ mỗi giây sẽ có một người phụ việc sân khấu mang ra những đóa hồng mà James đã sắp đặt trước, anh không thể chờ tới lúc thấy mặt cô bé nữa - cô bé đang bị hoa cúc ném loạn xạ - James nhấp nhồm trên ghế với ý định tìm kiếm thủ phạm, nhưng thay vào đó lại nhìn thẳng vào mắt bà mẹ vợ ghẻ lạnh của mình. Teresa, người hầu gái nhìn vào khuôn mặt trắng trẻo với đôi mắt xanh trẻ trung và cơ thể cường tráng như một con thú săn mồi rồi tự hỏi, hắn ta là ai mà dám nhìn chằm chằm bà Mahmoud như vậy?

Cùng lúc đó, chàng trai ném hoa cúc đang chạy về phía sân khấu, một tên vô lại mất gốc NewYork với mái tóc đen. Cả khán phòng vẫn đang vỗ tay, James quay người lại và nhìn thấy thằng bé nhảy lên sân khấu và hôn lên má con gái anh. Tiếng ồn ào vang lên, tiếng cười lớn, nhiều tràng vỗ tay hơn; chàng trai trẻ tuổi đỏ mặt, quỳ xuống, cười lớn và thể hiện sự sùng bái. Cô bé phong tước cho hắn bằng một cành hoa cúc, James len lỏi trong các lối đi giữa các hàng ghế nhằm chạy đến ngăn cản những chuyện đang xảy ra, ngay lúc đó “Kính Thưa Quý Ông và Quý Bà, xin mọi người hãy chú ý!”

Tiếng chuông vang rền phía cuối sảnh, đó là ông Foss, người đứng đầu hội đồng Orpheus. James ngừng lại lúc đến phần biểu diễn của dàn kèn, tiếng la hét của đám đông đã tắt. Mọi con mắt đổ dồn vào ông Foss, ông tăng hắng một tiếng với phong thái chững chạc thích hợp với một nghĩa vụ thiêng liêng và tuyên bố: “Tòa soạn tờ Sydney Post vừa nhận được điện tín từ tỉnh viện Halifax. Hôm nay nước Anh đã tuyên bố chiến tranh với Đức, Canada sẽ sẵn lòng đáp lại những lời kêu gọi của Nước Mẹ. Kính thưa quý vị, chúng ta đang ở trong chiến tranh.”

Hai phút yên lặng thì phải bốn năm sau mới xuất hiện, bây giờ chỉ là sự yên tĩnh của một nốt lặng và đã nhanh chóng bị phá hủy bởi chàng trai đang nhảy nhót trên sân khấu, hét lên ba tiếng hoan hô và tung lên những nắm hoa. Dàn nhạc Sydney Symphonette bắt đầu chơi bản “Chúa cứu lấy đức vua”, khán giả hát theo, James tiến đến rìa sân khấu và chỉnh lại nó một chút vì bỗng nhiên nó trở nên có một chút không liên quan.

Khuya hôm đó, mười hai tiếng sau khi chiến tranh bắt đầu, Kathleen ngồi ở bàn trang điểm của mình, chải tóc trước tấm gương soi lớn hình ô-van. Cô bé không hề buồn ngủ, sao lại vậy được? Vì đêm nay cô đã hát và thế giới sẽ không còn như cũ nữa.

Ở trong gương là ai vậy? Lần đầu tiên cô tự nhìn mình. Cô không cần ánh sáng dịu, không cần ở độ tuổi của cô, không cần với bề ngoài của cô, do đó ánh sáng từ ba ngọn nến làm cô hoàn toàn mê mẩn. Mái tóc cô ánh lên mỗi khi lược chải qua. Ánh sáng của nến khắc lên một không gian riêng của cô giữa bóng tối âm u xung quanh. Cái gương là một hồ nước kì diệu, cô nhìn thấy tương lai của mình trong đó: đôi môi sưng lên vì hôn nhiều, ánh mắt âu yếm, hãy đến với ta, ở ngôi nhà dưới đáy biển và ta sẽ yêu thương con.

Cô cởi nút áo. Cái cổ họng xinh đẹp của ta. Ôi đôi vai trắng ngần. Mở thêm một phần áo để lộ ra ngực của cô, những chàng thủy thủ đến lúc phải chú ý rồi đây. Hình ảnh của cô nổi lên trong ánh nắng chiều, cảm dỗ những người trên tàu.

Cô lướt bàn tay qua đầu vú căng tròn và xếp nếp lại ở một điểm đang tìm kiếm hơi ấm, tự hôn vào lòng bàn tay mình trong khi một mắt nhìn vào gương. Lặp lại một lần nữa, lần này thì dùng

lười. Những thử nghiệm với sự ra đời của việc tách lớp. Tự làm tóc thành nhiều kiểu: cô gái Gibson, cô gái vắt sữa, một bà điên, nữ thần rừng, sau đó lại thả nó xõa tự nhiên trên vai.

Đó là một bức tranh tự họa và người họa sĩ đang yêu.

Mẹ cô đã từng báo cảnh cáo cô về việc nhìn quá lâu vào gương. Nếu con quá say đắm những gì con nhìn thấy trong đó, ác quỷ sẽ xuất hiện sau lưng con. Điều này luôn làm Kathleen lo lắng mặc dù cô biết rằng nó rất vớ vẩn, do đó cô không bao giờ dám nấn ná. Nhưng đêm nay cô cảm thấy gan dạ hơn hẳn và sẵn sàng kiểm nghiệm điều đó.

Cô tự mỉm cười với chính mình, và bị mắc kẹt, không thể cử động được, không thể nhìn đi chỗ khác hay dẹp cái nụ cười đang vẽ ra ngay trên mặt cô cho tới khi cô cảm giác như mình đang tự chọc ghẹo chính mình. Đó là lúc cô thấy hấn. Pete.

Ngay trong cái bóng đằng sau cô. Cái đầu nhẵn thín nhét đầy rơm. Cái nón.

Không có tai. Không có khuôn mặt. Cô rên lên, Pete chăm chú nhìn, “Chào đằng ấy!”. Cô không thể cất giọng lên được, đây là một giấc mơ sao? Giọng đầy thèm khát, “Chào cô gái nhỏ!”. Không có miệng, “Xin chào”.

Cô bật ra khỏi chiếc ghế bọc sa tanh và khóc nức lên, lao ra khỏi căn phòng, lao qua Pete mà cô biết, tông khỏi cánh cửa, vừa băng qua sảnh vừa hét lên như một viên đạn đang lao đi, đến căn phòng nơi cha cô đang ngủ một mình. Cô nằm vật ra giường và thốt thức “Tối nay con muốn ngủ với cha!”

Anh ngồi bật dậy, chuẩn bị để giết một kẻ xâm nhập, nhưng năm đám của anh xòe ra thành bàn tay rộng mở vừa kịp lúc đón

lấy đôi vai cô bé. Cô đang run rẩy.

“Im nào”, anh nói.

Một cách cẩn thận, trong bóng tối, anh vuốt ve khuôn mặt cô, ngón cái lướt qua đôi môi. “Im nào”. Bàn tay anh trượt ra phía sau chiếc cổ ấm áp, “Im nào con yêu”. Anh hôn lên má cô, mùi hương của cô thật ấm áp - anh bước xuống khỏi giường. Nắm lấy tay cô một cách mạnh mẽ, “Đi nào, con yêu”, họ nhanh chóng rảo xuống bếp, đèn vẫn sáng. Materia nằm trên võng nhưng cô đã thức dậy. “Chỉ là ác mộng thôi, con gái, quay trở về giường đi nào”. Sữa mật ong nóng. “Nó sẽ giúp con bình tâm lại, cô bé”.

Kathleen nhấp từng ngụm và bình tĩnh lại dần trong lúc anh ngồi đọc báo còn Materia thì nhìn chăm chăm vào miếng lát sàn nhà màu vàng, ngày mai cô sẽ cạo lớp sáp đó đi.

Quay lại trên gác, anh kéo cái nệm của cô bé vào phòng dành cho trẻ em, nơi mà Frances và Mercedes đang cuộn mình ngủ trong cũi. Kathleen cúi nhìn các em của mình và lần đầu tiên cảm nhận tình yêu dạt dào cô dành cho chúng, những cảm giác ngọt ngào của hơi thở em bé và những giấc mơ thơm mùi sữa. Cô cúi xuống hôn chúng, khi ngẩng đầu lên, một lọn tóc của cô bị quấn lại trong bàn tay của Frances. Cô nhẹ nhàng mở bàn tay bé bỏng ra và đặt nó vào trong chăn.

Kathleen rúc vào tấm đệm của mình đang được trải trên sàn và nói với cha cô “Cha đừng đi.”

James nói, “Ta sẽ ở ngay đây”, và kéo ghế đến bên cạnh cửa rồi ngồi nhìn cho đến khi cô bé ngủ, sau đó anh quay trở về phòng mình và khóa cửa lại.

Ngày hôm sau James lại thông minh hơn con quỷ lần thứ hai,

anh nhập ngũ.

Khi James nói với Matera rằng anh đã nhập ngũ, cô làm dấu chữ thập. Ôi không, anh nghĩ, và nói với cô một cách kiên quyết, “Có nói anh đừng đi cũng chẳng có lợi gì đâu, anh đã ghi danh rồi”. Cô đi thẳng đến nhà thờ. James lắc đầu. Có thể cô lại sẽ cầu nguyện mọi điều tốt đẹp đến Đấng tối cao. Anh ấy sắp ra đi, mọi chuyện thế là xong.

Matera đến nhà thờ núi Carmel và nhanh chóng đến bên tượng Đức mẹ Mary. Sau đó cô phủ phục hết mức có thể dưới chân người trong khi đang mang thai một đứa trẻ và tạ ơn Đức mẹ vì đã mang chiến tranh đến.

Tranh động

James đã quyết định rằng việc mang theo một bức hình của Matera vào quân ngũ sẽ không gây hại gì, do đó anh đã gọi một người nhà Wheeler ra khỏi thị trấn và đến New Waterford. Anh muốn nhớ đến cô trong khung cảnh tự nhiên nhất ở nhà chứ không phải trong cảnh xác chết trước một bức màn sân khấu vẽ cảnh di tích cổ giả tạo. Chân thực. Như cô vậy.

Sau giờ học ngày 7 tháng 8, người trợ lí của Wheeler được hộ tống đến bằng chiếc xe của Leo Taylor cùng với cái máy kì cục đặt giữa anh và Kathleen.

“Lắp nó ở đây này”, James nói, “ngay trước nhà, hôm nay thật là một ngày đẹp trời!”

Qua vòng tròn làm từ ngón cái và ngón trỏ của mình, người thợ chụp hình nhìn chăm chú vào Kathleen, cô đang đứng một cách vô hồn ở bên hiên nhà, tay khoanh lại và chân bắt chéo.

“Như vậy rất đẹp đấy cô Piper, rất đẹp.”

Khi Taylor dỡ đồ đạc trên xe xuống, James đến bên cậu và nói nhỏ “Taylor, từ giờ về sau, những người khách nam sẽ ngồi ở phía trước với cậu nhé!”

“Vâng, thưa ông!”

Taylor mang cái ống kính hình hộp băng qua sân, cái nắp dài

của nó kéo một vệt “như cái đầu nghiêm khắc của một nữ tu”, Kathleen nghĩ và cảm thấy dễ chịu với sự ghê gớm của chính mình. Người thợ chụp hình lượn lơ quanh cô, tìm một góc chụp đẹp trong khi Taylor mang vác các thiết bị đi theo. Kathleen vẫn đang mặc bộ đồng phục của trường Holy Angels, James đã nói cô bé không cần phải thay đồ.

“Đẹp lắm, giữ nguyên tư thế đó nhé cô Piper!”

Người thợ cầm cái giá ba chân xuống đất và biến mất sau tấm vải trùm chụp hình, Taylor nghiêng tấm bảng lớn màu đen phía trên ống kính. Mọi người đều chờ đợi. Kathleen không hề cử động cho đến khi “Tách!”

“Cô Piper, tôi e là tôi phải yêu cầu cô đứng yên.”

“Xin lỗi, tôi không biết là ông chuẩn bị bấm máy!”

“Cô có cần co duỗi tay nữa không?”

“Không.”

Kathleen lại khoanh tay lại và mỉm cười. Người thợ xoay chỉnh những cái ống kính cứ như một công việc kéo dài bất tận. Kathleen lẩm bẩm bằng khóe miệng, “Chụp đi”, ngay vào lúc “Tách!”

“Cô Piper, xin cô!”

“Xin lỗi, xin lỗi, lần này tôi sẽ không cử động nữa!”

Nụ cười e lệ, đôi mắt lại trở nên vô hồn, một sự bất diệt thoáng qua, đầu óc cô bắt đầu đi lang thang, cô tưởng tượng ra hình ảnh giáo viên dạy địa lý của mình, xơ Saint Monica, nếu không có mạng che mặt thì bà ấy có bị hói không nhỉ? Các nữ tu có đi vệ sinh không nhỉ? Kathleen đưa tay gãi mũi đúng ngay lúc “Tách!”

Người thợ chụp hình thò đầu ra khỏi tấm vải trùm và nói “Đây không phải là một máy quay cảnh động đâu cô Piper ạ!”

James bắt gặp cái nhìn của Kathleen và nháy mắt, cô bé mỉm cười, người thợ lại chui vào tấm vải sau ống kính một lần nữa, “Đẹp lắm, cô Piper, rất dễ thương, một... hai... ba...”

James núp sau ống kính và giả vờ làm mất lác nhìn Kathleen. Cô ngồi sụp xuống, tay đặt lên đầu gối, cười vào ống kính, “Cha này!” - ngay chính khoảnh khắc đó Materia xuất hiện ở khung cửa sổ phía sau cô bé và vẫy tay - “Tách!”. Qua ống kính, bàn tay của Materia bị biến mất trong ánh sáng, làm nhòa đi cả một phần tóc của Kathleen. Chắc chắn là Materia đang cầm thứ gì đó phát sáng.

“Tôi chịu thua!”. Người thợ chụp hình xếp chiếc giá ba chân lại. “Ông không cần trả tiền cho tôi đâu, ông Piper, chỉ trả tiền cuộn phim thôi, vì chính xác là tôi không làm được gì cả!”

“Rửa tấm cuối cùng cho tôi đi, tôi sẽ trả tiền!”

Leo Taylor sắp xếp lại đồ đạc lên xe, anh cảm thấy hơi ngạc nhiên. Chưa bao giờ anh thấy ông Piper với vẻ mặt nào khác ngoài sự nghiêm khắc. Leo luôn cảm thấy có một điều gì đó ở ông Piper - cái cảm giác mà bạn có khi nghĩ đến những con chó canh. Tốt nhất là tránh khỏi cặp mắt của chúng, đừng làm chúng lo lắng bằng cách đột ngột di chuyển. Vậy mà đây lại là một ông Piper đùa giỡn với con gái mình cứ như ông là anh trai cô hay thậm chí là một chàng trai đang tán tỉnh cô bé.

James và Kathleen vẫn đang cười đùa khi chiếc xe đã lăn bánh và khuất sau một đám bụi mù, Materia dùng cái kéo gõ vào cửa sổ.

“Ăn tối nào”, James nói.

“Chúng ta sẽ ăn gì vậy?”, Kathleen hỏi.

“Bít tết và bánh bầu dục”

“Ôi ghê!”

Anh xoa đầu cô bé và họ cùng đi vào nhà.

Sự quên lãng

Đứa bé có vẻ không ổn ngay từ đầu. Trước tiên là nó rất ít khóc, chỉ tạo ra những âm thanh như một con mèo con bị ướt, có thể điều đó cũng không sao. Cái khó là cả Materia lẫn James, thậm chí cả bà Luvovitz đều không nhớ để rửa tội cho con bé đúng lúc, làm sao họ có thể quên được chứ? Không có sai sót gì, thậm chí nó còn là một em bé khá lớn. Đủ tháng, sinh ra vào đúng ngày Kathleen chụp hình. Hay là Materia đã làm cho em bé bị yếu đi khi cô phủ phục dưới chân bức tượng thạch cao của Đức mẹ Mary vài ngày trước khi sinh? Nếu nghĩ vậy có lẽ hơi kì cục, và cũng có phần bàng bỗ đối với đứa bé. Không, đó là một đứa trẻ khỏe mạnh với trái tim mạnh khỏe và nó chỉ sống có ba ngày, sau đó chết mà không ai biết lí do tại sao. Chết trong cũi. Nó cứ thế xảy ra, những đứa bé chết đi, tại sao? Đó là một điều bí ẩn. Cứ như chúng đến, nhìn quanh với đôi mắt bé bỏng mù mờ của chúng rồi quyết định không ở lại.

Materia đã gọi con bé là Lily nhưng không thể nói con bé đã thực sự được đặt tên, nó chưa được rửa tội, do đó coi như là chưa thực sự tồn tại, và nó được hỏa táng. James bế nó lên, quấn trong tấm vải và đặt vào trong một cái giỏ đựng cam - anh hơi sững sờ - và đưa đến công ty đôi ở đường King hiện đang hoạt động như một bệnh viện.

Chôn cất không phải là một sự lựa chọn, khóc than không phải là một sự lựa chọn. Đây sẽ là một Lily khác, trước khi Lily thực sự ra đời và được rửa tội tới hai lần, cứ như để đền bù cho đứa trước. Một Lily khác.

Những gì bạn phải làm với một đứa bé như thế này là cố gắng vượt qua. Đừng buồn khổ, nó không cố tình như vậy. Đừng cầu nguyện, vì những lời cầu nguyện sẽ không thể đến được trong sự quên lãng. Hãy có niềm tin, Chúa có lí do riêng của mình, hầu hết là để thử thách bạn. Chúa sẽ không bao giờ gửi đến những gì vượt quá sức chịu đựng của chúng ta. Hãy biết hy sinh, coi như đó là một đứa bé khác. Materia đã chịu đựng điều đó. Lau chùi nhà cửa vào buổi tối, lau chùi cọ rửa dưới ánh đèn dầu cho đến khi bình mình bốc lên toàn mùi thuốc tẩy, cô bắt đầu nướng bánh, nướng bánh và nướng bánh. Ai sẽ ăn hết tất cả những chỗ này? Cô giao tất cho nhà Luvovitz, Abe và Rudy bây giờ đã là những thiếu niên, những chàng trai to khỏe với những cái bao tử không đáy. Materia rất thích nhìn chúng ăn - những đứa bé khỏe mạnh xinh đẹp, nháy mắt với mẹ chúng, cao vượt hơn hẳn mẹ chúng và dành hết tất cả cho bà. Những cậu con trai tốt.

Mercedes và Frances rất buồn, trông vẻ mặt chúng rất bất ngờ, em gái mới của chúng mới vừa ở đây và bây giờ thì không còn nữa. Kathleen thì rất giận dữ, lẽ ra em bé không nên chết.

“Có chuyện gì không ổn vậy?”

“Chúng ta không biết”, James nói.

“Đó là một câu trả lời ngu ngốc vợ vẩn.”

“Đời đôi khi vẩn ngu ngốc và vợ vẩn”, James cảm thấy tự hào khi luôn nói với con bé sự thật.

“Đời con sẽ không vậy đâu.”

“Ừ, với con thì không!”

Điều làm Kathleen bực bội nhất là khuôn mặt vô hồn của mẹ cô, một cái máy đẽ vô tri vô giác. Cuộc đời mình sẽ không giống vậy.

James không chìm đắm lâu với việc này. Anh buồn vì chuyện đã xảy ra, nhưng nó cũng đồng nghĩa với việc bớt đi một miếng ăn. Materia thì phục hồi nhanh một cách bất ngờ, cứ như một con bò cái, anh cố để không nghĩ vậy. Vấn đề là nhìn cô vẫn giống như đang mang thai. Cô ấy sẽ lấy lại vóc dáng cũ khi mình trở về sau trận chiến.

Nhưng từ giờ trở đi thì nhìn Materia vẫn như đang mang thai, mọi người sẽ cho rằng cô đang có thai sáu hoặc bảy tháng, nhìn vào là thấy ngay.

James tham gia trung đoàn cao nguyên Victoria Argyll. Trung đội trưởng của anh nói tiếng Xen-tơ, cũng như tám mươi phần trăm những người khác trong đơn vị: James xung phong ngay cho vị trí làm nhiệm vụ ở nước ngoài và cảm thấy vui mừng khi có đợt huấn luyện nào đó có thể mang anh đi xa nhà. Tập trận với lưỡi lê ở trại Wellington tại Halifax, lao vào những túi cát, “dưới, trên, coi nào các cô gái, dưới và trên! Đâm vào lồng ngực của chúng ấy!” Một trung sĩ người Anh dạy họ cách đào hầm sao cho chuẩn xác, sắp đặt các túi cát một cách gọn gàng: “Đừng sâu quá, các cô gái, chúng ta không dừng lại quá lâu đâu!” - chỉ đủ để ngủ một chút và sau đó lại trên đường hành quân cùng những tên Đức man rợ đang lẩn trốn. James nằm trong số những người lớn tuổi ở đây, anh không thân thiện, anh cũng không quan tâm đến

vua George, anh cũng không chống đối Kaiser. Anh đếm từng ngày cho tới lúc được xuất ngoại. “Dưới và trên, các cô gái, dưới và trên!”

Năm mươi năm hòa bình ở châu Âu đã tạo ra sự sung túc ở mọi phương diện, có rất nhiều ngựa sắt sàng phi xuyên qua châu Âu theo hai hướng. Cùng lúc đó Cape Breton cũng tham gia, mặc kệ một sự thật là hơn hai mươi lăm năm qua quân đội Canada đã dành nhiều thời gian cho việc bảo vệ tài sản của công ty than Dominion hơn là chiến đấu. Tuy vậy những người tuyển quân vẫn rất hùng hồn rằng “tội nghiệp cho nước Bỉ bé nhỏ, những tên lính Đức khát máu - hoạt động của các hầm mỏ đã chậm lại, tại sao những chàng trai lại không muốn trở thành chiến sĩ? Cái lí do bạn bè sẽ cận kề chiến đấu bên cạnh nhau cũng có vẻ thuyết phục - cả thị trấn ở trong cùng một đoạn chiến hào. Mọi người đều lo sợ rằng “tất cả sẽ kết thúc vào Giáng sinh”, nhưng James hi vọng chiến tranh sẽ kéo dài khoảng hai năm. Lúc đó thì Kathleen đã đủ lớn để có thể rời khỏi gia đình lúc anh trở về. Nếu anh có thể trở về.

James hoàn tất những đợt huấn luyện cơ bản và nhận nhiệm vụ bảo vệ cơ sở. Trong suốt mùa thu, anh và những người còn lại của đội 94 tuần tra bãi biển trong tâm trạng hồi hộp khó chịu, cực kì lo lắng rằng chiến tranh sẽ kết thúc trước khi họ có thể ra đi. Họ được biết đến như là những “chiến sĩ việt quất”, bởi vì họ không có việc gì khác để làm ngoài việc hái việt quất và dán mắt vào những con tàu ma quái của bọn Đức. James ăn uống tại nhà, nhưng anh ngủ với hai chiến sĩ khác trong một cái lán ở bãi biển Lingan. Sẵn sàng, trong mọi trường hợp, sẵn sàng.

Cuối cùng James cũng được chuyển đến tiểu đoàn cao nguyên

Cape Breton số 85 ở nước ngoài của lực lượng viễn chinh Cabada. Anh được cấp một khẩu súng trường hiệu Ross. Thật tốt là có một con dao gắn vào nòng súng - không ai biết được ở vùng đất săn thỏ Bắc Mỹ thì một khẩu Ross sẽ có hiệu quả hơn bao nhiêu so với vùng bùn lầy châu Âu. Cùng với ba mươi kí hành lí, James còn được cấp một cái áo chên kaki, một cái váy chiến đấu may bằng da, một cái túi lông ngựa màu đen vàng, một cái váy ca rô MacDonald màu sáng và một cái mũ bê rê với chùm tua rua đỏ. Bọn Đức chắc chắn sẽ thấy anh đến, và tiếng kèn của trung đoàn dẫn đường như thế này thì chắc chắn bọn Đức sẽ nghe thấy các anh đang tiến đến. Kèn túi có tác dụng nấu chảy lòng trắc ẩn của quân thù, dầu gội trần trong trận chiến sẽ dấy lên một nỗi sợ trong lòng những kẻ cuồng tín. Bọn người Đức sẽ phải gọi những chiến sĩ của trung đoàn cao nguyên là “những chiến sĩ đến từ địa ngục.”

Cuối cùng thì vào một ngày tháng mười hai năm 1914, James đứng cầm cương trong lúc Taylor nhắc túi đồ của anh lên xe và chuẩn bị đưa anh đến bến tàu Sydney. Tuyết đang rơi và James cảm thấy những vết cắn bất thường của mùa đông trên đầu gối của anh. Anh biết anh đang mặc trên người chiếc váy đầy tự hào của tổ tiên nhưng anh cũng hơi nhớ cái quần dài của mình. Matera thì không thể ngừng nghĩ rằng anh thật đẹp trai. James vỗ đầu bọn trẻ. Frances cù vào đầu gối anh, Mercedes thì cho anh cái bánh quy ướt sũng của nó, Kathleen thì vòng tay ôm quanh người anh, không thể ngừng khóc, cô bé không bao giờ khóc, nó không phải một đứa yếu đuối. Cô bé ôm chặt lấy anh, còn anh thì cố gỡ cô bé ra. “Hãy là một chiến sĩ tốt nào, chăm sóc mẹ con nhé!”

“Không!”

“Đủ rồi, im nào con...”

Nhưng cô bé vùng chạy vào nhà, tông mạnh vào cánh cửa - Cha, cha của mình đang đi xa, ông có thể bị giết, hoặc thậm chí là chết đuối trước khi đến được đó chạy lên cầu thang, hai bậc một lúc - và ông đang bỏ mình lại đây với người đàn bà kinh khủng này! Chạy thẳng vào phòng, tránh nhìn vào gương, tông thẳng vào cửa, khóa nó lại.

“Tạm biệt các con, hãy cầu nguyện cho người cha già của các con nhé!”

Anh biết rằng Materia sẽ cầu nguyện, cô sẽ cầu nguyện tới rưng cả cái đầu ngu ngốc của cô xuống.

Anh đã đúng, cô làm y như vậy. Cô cầu nguyện nhiều đến mức cái đầu của cô có vẻ hơi lung lay. Cô cầu nguyện rằng anh sẽ bị giết không đau đớn ở Flanders.

Ở đây

James đi rồi thì Materia mới thực sự trở lại cuộc sống. Cô tìm thấy sự dễ chịu với những đứa con của mình - Mercedes là một bé gái ngoan và Frances thì là một “cô hề” vui vẻ. Kathleen tiếp tục cuộc sống riêng của mình, ở lại muộn sau giờ học để tập luyện với xơ Saint Cecilia hoặc tập luyện với đội hợp xướng, dĩ nhiên là hát đơn ca. Cô không thể làm vậy khi cô ở nhà nhưng ít ra cô cũng không gây hại gì, nếu thánh Ala muốn vậy.

Cho cô ăn gì là một câu hỏi hóc búa, không gì làm cô vừa lòng. Cô đảo mắt, thở dài một cách lộ liễu, hối hả ra khỏi phòng. Materia quay lại với miếng phô mai nướng dự trữ của James, cắt ra thành bốn miếng xinh xắn và đặt trước mặt cô bé “Sa Hteyn!”

“Mẹ à! Nói tiếng Anh chứ!”

Kathleen, Mercedes và Frances cùng có ấn tượng rằng mẹ chúng không sử dụng tiếng Anh nhiều. Điều này trước đây không đúng, nhưng bây giờ nó rất dễ nhận ra bởi vì Materia không mấy khi dùng tiếng Anh, bởi vì cô biết chuyện trò bằng tiếng Anh với ai bây giờ? Không phải chồng cô. Bà Luvovitz thì luôn rộng lượng và không đòi hỏi cô trong chuyện này, tình bạn của họ chỉ xoay quanh những chuyện thức ăn, con cái và những quyển sách nhạc I-dit cổ. Materia cảm thấy thoải mái khi ngồi tại chiếc bàn bếp nhà Luvovitz và nghe người phụ nữ đứng tuổi này huyền thuyên

về chuyện này chuyện nọ.

Giới từ là những thứ đầu tiên bị bỏ đi, sau đó tới trạng từ bị vỡ nát cùng cả mệnh đề, cho tới khi Materia chỉ còn lại những danh từ và động từ lạnh lùng.

Sự khác nhau giữa Kathleen và bọn trẻ là Materia nói chuyện rất nhiều với Mercedes và Frances - dù cô đã quên phần lớn tiếng mẹ đẻ của mình vì không sử dụng đến nó, hầu như là tất cả, trừ những thứ không thể tẩy xóa được trong kí ức thơ bé nhất của cô. Do vậy, Materia và hai cô con gái nhỏ nói tiếng Ả Rập cho trẻ em - về thức ăn, tình thương mến và kể chuyện. Ya aa'yni, te'berini.

Mercedes và Frances hiểu rằng tiếng Ả Rập là một thứ gì đó chỉ có giữa chúng và mẹ. Bây giờ có rất nhiều người nói tiếng Ả Rập trong thị trấn Cape Town, nhưng bọn trẻ vẫn nghĩ chúng và mẹ chúng là những người duy nhất ngoài những người bí ẩn ở vùng đất xa xôi mang tên Old Country. Một nơi tốt đẹp hơn bất kì nơi nào khác trên Trái Đất này, nhưng bạn lại bỏ đi khỏi nơi đó.

“Tại sao vậy mẹ?”

“Vì bọn Thổ Nhĩ Kỳ.”

“À!”

Một nơi mà mọi người đều dùng thứ ngôn ngữ độc quyền ở nhà của các cô gái nhỏ nhà Piper một cách phổ biến và mọi người đều trông giống mẹ chúng.

“Kể cho chúng con nghe về Old Country nữa đi mẹ!”

Trên chiếc vông treo trong bếp, trước khi Kathleen đi học về, chúng rúc vào cơ thể mềm mại của Materia như là cái gối êm cho hai cái đầu bé bỏng. Cô có mùi hương êm dịu của bánh mì ướt và dầu, một hũ bezella và roz cùng miếng thịt cừu trên bếp đang sôi

rù rì một cách chán nản. Ngoài trời, những cơn mưa phùn mùa đông đang làm cửa sổ mờ đi.

“Lebanon là nơi đẹp nhất trên thế giới này, nơi có những cơn gió nhẹ và lúc nào cũng ấm áp. Những tòa nhà đều màu trắng, chúng tỏa sáng lấp lánh dưới ánh mặt trời như những viên kim cương và mặt biển có màu xanh trong như pha lê. Lebanon là hòn ngọc của phía Đông, còn Beirut - nơi mẹ sinh ra - là Paris của vùng Trung Đông.”

“Chúng ta có thể đến đó sống không?”

“Không”. Các con may mắn là được sinh ra ở hòn đảo u ám ẩm ướt vùng Đại Tây Dương này, nó có vẻ đẹp âm đạm riêng của nó.

“Tại bọn Thổ Nhĩ Kỳ hả?”

“Ừ.”

Hòn đảo này quen thuộc với những người Ailen chết đói và những người Xcốtlen cáu bẳn được thay bằng hình ảnh những con cừu ở Old Country.

“Mẹ ơi, bọn Thổ Nhĩ Kỳ thích cái gì?”

“Điều đó ghê tởm lắm.”

“Vâng.”

Đảo Cape Breton không phải là một hòn ngọc - cứ đào xới ở bất cứ đâu và bạn sẽ tìm thấy dầu mỏ - nhưng một ngày nào đó, có thể là hàng triệu năm sau, nó sẽ trở thành một viên kim cương. Viên kim cương Cape Breton.

“Mẹ ơi, kể cho chúng con về Jitdy và Sitdy nữa đi.”

“Jitdy của các con là cha của ta. Ông và mẹ ta - Sitdy của các con - đến đây với hai bàn tay trắng và đã làm việc rất chăm chỉ.

Họ có nhiều con và họ rất giàu có.”

“Sao họ không ở lại đây?”

“Họ nhớ Old Country.”

“Một ngày nào đó chúng ta sẽ đến gặp họ chứ?”

“Khi các con là những người phụ nữ trưởng thành cùng những đứa con của riêng mình, các con có thể đến đó.”

“Mẹ kể về bà Hồi giáo nữa đi.”

“Hồi giáo.”

“Vâng, Hồi giáo.”

“Bà ấy là một người tốt. Tên bà ấy là Mahmoud. Nhiều năm về trước, khi Jitdy của các con còn là một đứa bé, bọn Thổ Nhĩ Kỳ đã đến làng của ông ở Old Country, chúng tìm giết những đứa trẻ Thiên Chúa giáo. Bà Mahmoud đã mang Jitdy của các con đi và đặt ông lẫn vào những đứa con của bà. Khi bọn Thổ Nhĩ Kỳ đến gọi cửa và nói rằng “Có đứa trẻ Thiên Chúa giáo nào ở đây không?”, bà đã nói “Không. Tất cả chúng đều là con của tôi” và để thuyết phục họ, bà đã cho Jitdy của các con bú bằng sữa từ chính ngực của mình. Bọn Thổ Nhĩ Kỳ bỏ đi. Khi ông lớn lên, Jitdy của các con đã lấy tên của bà Hồi giáo để thể hiện lòng biết ơn. Mặc dù ông thực sự theo Thiên Chúa giáo.

“Ôi, mẹ..., chúng con xem hình được không?”

Materia lấy tấm hình chụp của cô và James dưới cánh cổng hình mái vòm kiểu La Mã lúc trước chụp ở tiệm ảnh Wheeler. Mercedes và Frances mân mê tấm ảnh khi cha và mẹ còn trẻ. Trong đầu óc của Frances, cánh cổng mái vòm dẫn đi đâu đó đến vùng Old Country, cũng có thể là đến chiến tranh.

“Khi nào thì cha về?”

“Sớm thôi. Chúng ta phải cầu nguyện.”

Materia nhận được tin tức từ em gái cô, Camille. Camille đã đợi bên ngoài cửa bếp nhà Mahmoud cho tới khi người Do Thái bán thịt uống xong tách trà với mẹ cô như thường lệ hàng tuần. Khi ông đi ra, Camille đưa cho ông một cái hộp vuông nhỏ. Cô nhờ ông đưa cho Materia và vội vàng bỏ đi mà không cần chờ câu trả lời. Benny chuyển nó cho bà Luvovitz và bà đưa cho Materia. Materia đã khóc khi cô mở hộp quà. Một đĩa nhạc tiếng Ả Rập. Cái bìa giấy của nó có vẽ hình Beirut vào ban đêm. Cô háo hức nhìn vào trong và tìm kiếm một bức thư - mong đợi kiểu chữ in của thời con nít ngày xưa và mỉm cười với những kỉ niệm mặc dù nó làm tim cô đau đớn, Camille bé bỏng của chị, “em là người xinh đẹp nhất trong tất cả chúng ta, người đẹp ạ!”. Nhưng cô chỉ tìm thấy một mảnh giấy màu nâu với dòng chữ “Em kết hôn rồi”.

Ít nhất là một lần một tuần, Materia lấy cái đĩa nhạc ra khỏi rương đựng đồ, mang cái máy quay đĩa của Kathleen xuống bếp và mở nó lên. Cô nhắc thanh sắt lên và đặt kim lên chiếc đĩa hát đang quay tròn.

Đầu tiên là một tiền sảnh phủ tuyết tĩnh lặng dẫn lối đến một thế giới khác, sau đó là... Vững ơi mở ra: điệu deerbeki vang lên, những chiếc chuông rung lên ở cổ chân, chũm chọe leng keng trên tay, cây đàn oud xuất hiện và tỏa sáng, cây đàn hơi bằng gỗ mở ra - tổ tiên không chân của kèn túi vùng cao nguyên, tiếng the thé vang lên trên từng sợi dây đàn đang bung nhè nhẹ theo các hợp âm. Tất cả đan kết và hòa nhịp với nhau tạo thành một bản hợp âm loang lổ cho đến khi một giọng nữ xen vào, vẫn chưa

có từ nào cất lên, chỉ có tiếng rên rỉ đan xen giữa sự hân hoan và xót thương nhưng dàn nhạc phải hoãn lại, run sợ trước giọng hát ngọt ngào, mềm mại và đầy cảm dỗ “hãy nhảy với em trước khi chúng ta yêu nhau, sẽ sớm thôi!”

Materia đứng dậy và nhảy điệu dabke. Mẹ cô đã dạy cô điệu nhảy này, và Materia đã dạy lại cho Mercedes và Frances. Điệu dabke là một chuỗi những bước ngắn nhịp nhàng liên tục, hông xoay tròn và đong đưa, vai lắc đều đến trước và ra sau, cánh tay lướt nhẹ như những ngọn cây phía trên đầu bạn. Hai bàn tay bạn sẽ mềm mại như rong biển, đong đưa trên hai cổ tay và uyển chuyển xoay vòng, lượn lờ, tán tỉnh lẫn nhau.

Điệu nhảy này sẽ đẹp nhất nếu bạn hơi đẩy đà một chút, nhưng bất cứ ai cũng có thể nhảy được, nó là một điệu nhảy phổ biến. Và mặc dù theo truyền thống thì một người đàn ông sẽ dẫn đầu một hàng các cô gái đẹp thì điệu nhảy này vẫn dành cho tất cả mọi người. Ở lễ cưới, ở lễ rửa tội, người già, trẻ con, bất kì ai. Đó là lí do tại sao đôi mắt lại quan trọng như vậy, bởi vì điểm mấu chốt của điệu dabke là đứng dậy và hòa mình vào trung tâm của đám đông, nơi bạn sẽ nhìn vòng quanh tất cả mọi người cho tới khi chọn được một người để mời nhảy. Sau đó bạn sẽ hạ thấp tay mình dần về phía người đó, bàn tay vẫn vẫy theo điệu nhạc, bạn sẽ lôi kéo cho đến khi người đó đứng dậy và nhảy cùng với bạn vì họ không thể cưỡng lại được nữa. Sau đó thì họ cũng sẽ trở thành trung tâm của đám đông.

Điệu dabke là sự hòa quyện của hông và uyển chuyển của đôi tay khi bạn thấy mình đang ở giữa một đám đông ceilidh, những điệu nhảy bước của vùng Xen-tơ lại toàn dùng chân và đầu gối. Cả hai điệu này ai cũng có thể nhảy được, thậm chí ở trong bếp.

Điệu dabke được Mercedes và Frances đặc biệt yêu thích, chúng có thể nhảy mãi miết miễn Materia còn chịu được, mà trong những ngày đầu này thì khoảng thời gian này là rất dài. Cô dạy chúng rất nhiều bài hát Ả Rập cũng như cách hát khê chúng trong lúc nhảy. Mánh khéo của nó là điệu nhảy và việc hát không được lặp lại. Một khi biết được điều này thì bạn đã sẵn sàng để học.

Khi cái đĩa nhạc quý giá bị mòn đi, Frances đã phát minh ra cái khác bằng cách dùng một chiếc lược và giấy sáp để làm giả lưỡi gà và dây đàn. Thay vì nghĩ đó là một sự xúc phạm, Materia lại nghĩ đó là một phát minh khéo léo, và nó đúng là vậy.

Áp vò sò vào tai, bạn có thể nghe thấy tiếng của Địa Trung Hải. Mở rương đựng đồ ra, bạn sẽ ngửi được mùi của Old Country.

Holy Angels

Có thể những yêu cầu của cô quá cao, hoặc là những đặc ân cô dành cho sự yếu đuối của con người là quá ít, bởi vì những cố gắng kết bạn của cô đều kết thúc trong sự thất vọng.

- **Claudia, A.L.O.E**

Lớp học của xơ Saint Monica được trang trí bằng một tấm bản đồ thế giới, một biểu đồ mặt cắt núi lửa, một bộ sưu tập hóa thạch và một bản in màu tên của chính xơ. Nó được treo ngay phía trên bảng đen. Ngồi trong lớp, xơ Saint Monica đặt một cuốn sách đang mở trong lòng nhưng bà không đọc, bà đang nhìn xa xăm đi đâu đó và dường như không nhận ra một đôi mắt khác đang nhìn ra từ trong những trang sách.

Mỗi khi cảm thấy quá chán, đôi mắt của Kathleen sẽ lạc đến bức tranh này, nó là tâm điểm che đậy những giấc mơ ban ngày không được phép xuất hiện trong lớp của xơ Saint Monica - người luôn ứng khẩu kể về giai thoại của các vị thánh giữa các bài học về vỏ trái đất và các thủ đô trên nó. Các cô gái của chúng ta đều biết rằng những đồng cỏ là dạ dày của Canada và thánh Monica là mẹ của thánh Augustine - Cha xứ tuyệt vời nhất trong tất cả Cha xứ của các nhà thờ. Khi ông còn trẻ, Augustine đã sống trong

tội lỗi với một người phụ nữ châu Phi ngoại đạo. Mẹ ông đã cầu nguyện cho ông chuộc hết được lỗi lầm và đến một ngày nọ, trong khi Augustine đang tản bộ trong vườn thì ông nghe thấy tiếng trẻ con vang lên “Hãy cầm lấy nó, hãy đọc nó!” . Đó chính là tiếng nói của Kinh Thánh. Augustine đã bỏ rơi người vợ bé châu Phi của mình, chuyển đạo sang Thiên Chúa giáo và trở thành người trừng phạt đối với những kẻ gian dân. Và Rangoon là thủ đô của Burma.

Tuy nhiên, buổi chiều hôm đó, đôi mắt của Kathleen lại không dán vào bức tranh của xơ Saint Monica. Kathleen đang ở vùng quê xa xôi của nước Anh, nơi cô và người cha của mình sống trong một trang viên...

“Kathleen!”

Kathleen giật nảy lên khỏi bàn và nhìn vào chiếc khăn che mặt dữ tợn của xơ Saint Monica.

“Vâng, thưa xơ!”

“Cái gì có thể thu hút em hơn là sự hình thành băng tích vậy?”. Xơ Saint Monica không cần đợi câu trả lời, bà tóm lấy quyển tiểu thuyết của Kathleen đang được che giấu dưới lớp vỏ ngụy trang là cuốn sách “Địa lý nước Anh”.

“Claudia, A.L.O.E. Ai là A.L.O.E?” Giọng bà gay gắt.

Kathleen cảm thấy mặt mình đang đỏ dần lên, cô nhìn xuống “...Một quý bà ở nước Anh.”

“Sao cơ? Cô không có hơi à? Dùng nó đi chứ.” Có tiếng khúc khích vang lên từ dưới lớp.

Kathleen ngẩng lên.

“Một quý bà ở nước Anh.”

“Một quý bà ở nước Anh, cái gì?”

“Một quý bà ở nước Anh, thưa xơ!”

Kathleen đứng chịu trận khi xơ Saint Monica lướt qua các trang sách. Những đứa con gái khác bắt đầu thì thầm. “Im lặng!”. Im lặng. Xơ đóng đưa quyển sách trước mặt Kathleen và ra lệnh “Chia sẻ thứ quý báu này với lớp đi nào!” Kathleen cầm lấy quyển sách và cắn môi.

“To và rõ ràng. Ta không muốn bỏ lỡ một từ ngữ hấp dẫn nào đâu.”

Kathleen bắt đầu từ một đoạn nào đó và đọc “Tôi thường thấy một cái nhìn thoáng qua...”

Một giọng nói ê a vang lên “Tôi không nghe gì cả, Kathleen.”

“...của một bóng áo choàng đen...”

“To hơn nữa!”

“...đang băng qua khoảng không đằng xa...”

“Tốt, tiếp tục!”

“...với một cái gì đó như là sự thèm muốn đối với trái cấm.”

Tiếng rúc rích vang lên khắp nơi. Kathleen hít một hơi, chớp mắt và tiếp tục “Những người không mang sự nghi ngờ theo bên mình sẽ hiểu rõ thế nào là tốt và xấu bằng cách làm quen với cuộc sống của một nữ tu. Nhưng ta nghi ngờ điều đó mang nghĩa xấu nhiều hơn là tốt...” Những đứa con gái khác há hốc miệng. Kathleen chờ đợi, dán mắt vào quyển sách, làm ơn đừng bắt tôi đọc nữa.

“...Tiếp tục!”

“...nhưng Papa cấm tôi không được có bất kì sự giao du nào với

những quý cô La Mã.”

Im lặng, kinh ngạc và hoảng sợ. Xơ cảm thấy đau buồn. “Các cô gái, lợi ích và cân nhắc. Đây là một thứ rác rưởi không hơn không kém, một sự phỉ báng được viết ra bởi lớp phụ nữ thấp kém không dám xuất bản dưới tên thật của mình vì nó sẽ thể hiện những ý định tội lỗi của ả. Không ai trừ những đứa ngu hoặc những người tâm địa ma quỷ mới tìm thấy sự thoải mái trong những trang sách này. Kathleen, em có vậy không?”

Kathleen không thể ngược lên, quanh cô là một cảm giác chiến thắng đê tiện.

Cô tự bắt mình phải trả lời theo cái cách mà tự nó đã là một sự thách thức. “Thưa không!”

Xơ Saint Monica tịch thu cuốn sách và lướt nhanh về lại bàn mình.

Xơ Saint Monica là một trong những người không thể chịu được sự bất khả xâm phạm của Kathleen Piper, bà luôn tìm kiếm cơ hội để cho con bé một món quà của sự sỉ nhục, nhưng điều đó hoàn toàn không dễ chút nào, Kathleen là một học sinh mẫu mực và gần như không thể chạm được một ngón tay vào niềm kiêu hãnh xác xược đã tạo nên kiểu cách không tì vết của cô - đó là chưa kể đến sự trơ tráo vô căn cứ nhưng lại không thể bắt lỗi được của nó. “Ta sẽ dạy nó một bài học”, xơ Saint Monica nghĩ và nhét cuốn sách vào ngăn bàn của mình rồi khóa lại.

“Rồi bà ấy sẽ biết,” Kathleen nghĩ và nhìn chăm chăm vào lọ mực, cảm thấy nóng lên vì bị sỉ nhục. “Bà ấy sẽ phải hối tiếc, ta sẽ giết bằng cách đóng cọc vào tim bà ấy, ta sẽ nổi tiếng còn bà ấy thì sẽ xấu xí và chết đi. Ta sẽ sẵn lòng moi mắt bà ấy ra và cho bà

ấy thấy. Thậm chí bà ấy còn không đáng được vậy.” Cô cảm thấy mắt mình ngân ngấn nước. Đừng khóc. Không được khóc. Cứ nhìn chăm chăm đi, cố lên.

Kathleen nhìn ra những cụm khói của nhà máy sắt thép Dominion ngoài cửa sổ, tưởng tượng như mình đang bốc cháy trong ngọn lửa ống khói và đang bay vút về phía nhà hát La Scala. Hoặc là bất kì nơi nào khác miễn là ở xa cái thị trấn tồi tàn, khốn khổ và những đứa con gái này.

“Ta đã nói rồi! Đi lên bảng!”

Kathleen bắt đầu nhìn lên. Xơ đang chờ ở cái bục cao phía trước bảng đen - Kỉ băng hà, kỉ phần trắng, tuyệt chủng hàng loạt - bây giờ là gì chứ? Kathleen lướt ra khỏi bàn của mình, để lại dấu bàn tay trên mặt bàn, dùng đỉnh đôi vớ len dính vài mảnh gỗ và tiến lên phía trước để chịu hình phạt trước đôi mắt của bọn con gái.

“Quay mặt xuống lớp!”

Kathleen làm theo. Thứ tiếp theo mà cô biết là cô đang bị hàng đồng giấy vụn và vỏ bút chì ụp lên đầu, ánh sáng vụt tắt.

“Bởi vì cô quá háo hức muốn nhét đầy đầu mình những thứ rác rưởi”, xơ Saint Monica nói, “có lẽ cô cần thêm một cái giỏ rác trên vai như thế này đây!” Tiếng cười vang lên.

“Đủ rồi đấy các cô gái. Bây giờ, Kathleen, hãy hát cho chúng ta nghe nào!”

Kathleen đứng đờ ra, chớp mắt trong bóng tối của cái giỏ rác bằng kim loại, cô cảm thấy mồ hôi đang rỉ ra dưới cánh tay và giữa hai chân mình.

“Cô là một nữ ca sĩ mà, không phải sao?” - Chát! - Cây thước

quất vào cái thùng rác.

Kathleen bị dính chặt vào hình ảnh từng hàng con gái đang ngồi bắt chéo chân, bụm miệng và mũi lại để không cười quá phần khích. “Ta bảo hát!”

Chỉ có một bài hát có thể tự thể hiện, cô ngoan cố nghĩ vậy trong đầu và bắt đầu hát, giọng vang vang và nghẹn lại: “Ta sẽ đưa em về nhà, Kathleen...” - những tiếng cười kích động vang lên, xơ để chúng thoải mái - “Băng qua đại dương bao la rộng lớn...”

“Lớn nữa lên!”

“Đến nơi trái tim em từng trú ngụ, vì em đã từng là cô dâu xinh đẹp của ta” - một giọng hát chân thực là tất cả những gì Kathleen có, và giờ thì nó bùng nổ ra.

“Tiếp tục!”

“Những đóa hồng tô thắm má em. Anh đã thấy chúng phai nhạt màu và chết đi. Giọng em nói lúc nào cũng buồn. Và nước mắt làm nhòa đi đôi mắt...”

Cuối cùng Kathleen cũng khóc, cô giận điên lên và không thể kiềm được. Tệ hơn nữa là cô ghét bài hát này - lỗi thời, ngọt ngào một cách bệnh hoạn, không có gì khác ngoài cái tên của cô “Ta sẽ đưa em về, Kathleen, về nơi trái tim em sẽ không bao giờ chịu đau đớn. Khi những cánh đồng ngát xanh và tươi mát, ta sẽ lại đưa em về nhà em.”

Bài hát kết thúc, Kathleen đau khổ chờ đợi đến khi được tha - làm sao cô có thể bỏ cái giỏ rác ra khỏi đầu mình trước mặt mọi người? Cô biết rằng cô vẫn phải làm. Một lúc nào đó. Cô cần phải vào nhà vệ sinh. Cô có cảm giác cứ như mình đã làm ướt quần

mình vì sự xấu hổ. Dĩ nhiên là điều đó không thể xảy ra, vì nếu có chắc chắn cô sẽ biết. Kathleen nhận ra rằng mình đã đứng đây khá lâu, và xơ Saint Monica đã quay trở lại bài học.

“Vào lúc nào thì người vợ bé châu Phi của Augustine bị bỏ rơi?”

“Con biết, con biết, thưa xơ...”

“Từng người một thôi, các cô gái.”

Kathleen đứng như người vô hồn cho tới khi chuông điểm báo giờ ăn trưa và cô nghe thấy tiếng xơ Saint Monica bước ra khỏi lớp sau đứa học trò cuối cùng.

Kathleen không có người bạn nào. Cô có việc của mình và cô cảm thấy biết ơn vì bạn bè là thứ không nên có ở Holy Angels. Không phải vì Kathleen đang rời khỏi kiểu cách của mình - một kẻ hợm hĩnh. Nhìn cô đứng trên bục, vô danh, với một cái giỏ rác kim loại trùm trên đầu, che giấu khuôn mặt kiêu ngạo - tại sao mọi người lại nghĩ là cô xinh đẹp, mái tóc của cô thật tối tẻ, nó màu đỏ. Chỉ vậy thôi. Không phải “ánh nâu vàng”, không phải “những lọn tóc màu trái dâu”, là màu đỏ. Như một con quý, như gái điếm. Sự trừng phạt trên tay Kathleen của xơ Saint Monica đã để lại nhiều vết rất tẻ.

Sự thật là Kathleen không biết làm thế nào để kết bạn, cô chỉ được huấn luyện để sống trong cái môi trường lộng lẫy đó, cái tương lai của cô. Bạn bè là những thứ dư thừa. Điều này càng được củng cố bằng sự ngẫm hiểu rằng cô không được đưa bất kì ai về nhà. Có gì đó liên quan tới mẹ. Cô và cha không bao giờ nói ra, nhưng cả hai đều tự hiểu như vậy.

Những đứa khác ngủ lại nhà bạn, rúc vào với nhau và nói

chuyện đến tận sáng. Kathleen tình cờ nghe thấy chúng thì thầm với nhau ở phòng rửa mặt. Cô không thể nào hiểu được tại sao cha không cho cô ngủ lại nhà bạn, vì cô không bao giờ được mời. James đã lên kế hoạch cho cô đến Ý một mình, nhưng đó là một chuyện hoàn toàn khác. Đó là Cuộc đời. Và một thứ khác là Sự vô nghĩa. Ai mà biết được cha của những đứa con gái khác nghĩ gì trong đầu? Kathleen luôn được hộ tống nhưng cô không nhìn sự việc như vậy. Tự do nghĩa là được cách li khỏi sự ganh tị và lơ là của những người không quan trọng lúc nào cũng ở quanh cô.

Ngay lúc này, sau năm năm học ở Holy Angels, Kathleen vẫn không biết một người bạn nào trừ người dám cắn vào cổ tay cô - không ít thì nhiều, cô vẫn mong những đứa khác làm giống vậy. Cô đi theo chúng một cách cẩn trọng, cứ như chúng là những con thú hoang nguy hiểm đang lảng vảng quanh một hồ nước và sẵn sàng vồ lấy con mồi, bạn sẽ chẳng bao giờ biết được tại sao và cái gì đã tấn công mình. Cô sợ chúng, những thứ bén nhọn sáng lấp lánh và cô không bao giờ hiểu nổi chúng đang nói chuyện gì hay làm sao chúng có thể làm được vậy. Làm sao chúng có thể túm tụm lại thành từng nhóm như vậy. Thực sự thì Kathleen rất xấu hổ, nhưng sẽ chẳng ai để ý thấy điều đó vì dù gì thì cô cũng đã đứng dậy và hát trước khán phòng đầy người.

Tuy nhiên, những thứ có thể cứu vớt cho số phận của Kathleen lại là sự có mặt của vài người anh chị em họ của cô ở trường Holy Angels. Một người trong số họ đã ở trong lớp của cô trong sáu năm qua. Mặc dù Materia không muốn những cô con gái của mình biết tí gì về sự nhục nhã khi trốn khỏi gia đình và đã bịa ra một câu chuyện khác về “Old Country”, James đã nói cho Kathleen nghe sự thật: họ đã ở một nơi mà cả trăm năm không có

được một khoảnh khắc bình yên, một nơi nhỏ bé. Con có anh chị em họ ở Holy Angels. Cứ lờ chúng đi. Đừng cho chúng cơ hội làm con mất mặt. Cứ hành động như con đang ở một chốn riêng của mình.

Nhà Mahmoud giàu có và rất có tư tưởng công dân. Những cô gái nhà Mahmoud rất nổi tiếng, mỗi người đều có ánh mắt tỏa sáng trong những chiếc khăn choàng len và thứ tiếng Anh hoàn hảo. Họ được kể rằng Kathleen là con gái của quý dữ và họ luôn cố chừa cho cô một khoảng không gian riêng. Kết bạn với Kathleen có nghĩa là chống lại những cô gái nhà Mahmoud. Bạn không thể theo cả hai cách được.

Vậy mà không hề có lấy một đứa bạn tiềm năng nào giữa nguyên đám đó, một cô gái thích đọc sách, đơn giản như một ngày Thứ ba trời mưa, hoặc có thể xinh đẹp đến mức không phải lo sợ? Một người không đi du lịch với một túi đồ, một người có thể xuất hiện với tư cách một người bạn của Kathleen. Không. Pháo đài của Kathleen, ngọn tháp màu trắng kem, dốc đứng và kinh khủng. Không ai có thể đi vào hoặc đi ra. Trừ cha cô, xơ Saint Cecilia và một vài tên nô lệ được chọn lọc để phục vụ đời sống. Ví dụ như mẹ cô. Ví dụ như người đánh xe.

Những đứa con gái khác cố làm dịu đi lòng ganh tị đang nhen nhóm và giảm đi sự sợ hãi của chúng đối với Kathleen, một sự chống đối xã hội, bằng một liều thuốc phân biệt chủng tộc hăng hái:

“Có thể nó trắng hồng vậy đấy, nhưng mà các bạn nên gặp mẹ của nó, đen như một con pích trong bộ bài vậy.”

“Các bạn biết không, có những thứ ăn sâu trong máu rồi.

Người bà con của mẹ Evangeline Campbell biết một người phụ nữ có đứa con ở Louisburg. Đen như than vậy, trong khi cả hai gia đình đều trắng như tuyết và có mái tóc vàng.”

“Lẽ ra lúc đầu chúng ta không nên để những bọn da màu đó vào đất nước này!”

“Chú tôi thấy một người phụ nữ da màu đánh xe chở than, ngày hôm sau ông ấy qua đời!”

“Họ bốc mùi nữa đấy!”

“Kathleen Piper đến từ vùng Coke Ovens!” Và chúng cười phá lên.

Thực ra, cách chữa trị này không bao giờ được áp dụng khi có bóng dáng những cô gái nhà Mahmoud. Nó không có kết quả vì họ là những cô gái xinh đẹp và giàu có, cực giàu. Những cậu trai trường Holy Angels đã bắt đầu xếp hàng.

Không có người bạn gái nào dám động đến cánh cửa của ngọn tháp.

Ba chị em gái

Frances đã nghĩ ra một trò chơi mới: khám phá những điều bí ẩn của cô nàng thiếu nữ Kathleen. Không may là nó còn quá nhỏ nên không biết cách điều tra mà không để lại dấu vết.

“Đến đây xem nào, nhóc quậy!”

Frances len lén nhìn ra từ sau lưng Mercedes với một ánh nhìn biết lỗi trong đôi mắt, tay chấp lại ngoan ngoãn vô tội sau lưng và bước vào phòng Kathleen.

“Nếu em còn vào đây một lần nữa chị sẽ nói Pete bắt em đi đấy”, Kathleen nói, tôn thêm vẻ tự cao của mình ở nơi mà cô vừa tìm thấy cây lược và lẽ ra đó là chỗ của cái bàn chải. Cô còn tìm thấy cục kẹo dính trong một cái khăn tay ren của cô.

“Ai là Pete?”, Frances hỏi.

“Hắn là ông Kẹ và hắn sẽ bắt em xuống địa ngục!”

Frances cười phá lên. Đôi mắt Mercedes tròn xoe cà cô bé nói “Như vậy không hay đâu.”

“Không phải em đâu cưng.” Kathleen dang tay ra và Mercedes chạy đến, Kathleen nhắc cô bé lên ngồi trên đùi mình. “Hắn sẽ không bắt những cô bé ngoan đâu. Giờ chúng ta đọc gì nào?”

“Những em bé nước.” Mercedes chọn quyển sách yêu thích của Frances vì tình yêu cô dành cho em gái, cô bé không cố tình

không ngoan.

Kathleen liếc nhìn nụ cười méo xẹo của Frances. “Đến đây nhóc con, em cũng có thể nghe đấy!”

Frances trèo lên đui bên kia, hai cô bé nhìn nhau và loi nhoi, tay thì che miệng và má phồng lên vì kìm nén sự thích thú.

“Thôi ngoe nguẩy đi nào, nếu không chị sẽ gắn hai đứa vào cái ghim và làm mồi câu cá ở ngoài lạch đấy!”

Mercedes sửa tư thế lại ngay ngắn, Frances cười lớn và hỏi “Em nghịch tóc chị nhé?”

“Em phải nói sao?”

“Có thể không?”

“Gì nữa?”

“Với một đồng kem và một quả sô-ri và trái cây và kẹo!”

“Gì nữa?”

“Và một thanh kiếm và một con bọ và một con sâu. Và một cái móng nữa!”

Mercedes thay Frances nói với chính mình “Xin Chúa tha tội”, Kathleen cười còn Frances thì khúc khích đầy khoái trá, ngòì đàng hoàng lại và thọc cả hai tay vào biển tóc màu đỏ, nhưng Kathleen lại ngăn lại.

“Chị đang nghĩ đến từ gì nào?”

“Lòng đèn.”

“Không.”

“Gậy.”

“Không.”

“Hộp diêm.”

“Không.”

“Bình trà.”

“Đúng rồi!”

“Hoan hô!”

“Không được kéo nhé, nếu không chị sẽ lột da em đấy. Ngày xưa ngày xưa có một người quét dọn ống khói...”

Kathleen phải dành thời gian cho các cô em gái của mình. Lúc đầu cô làm vậy là vì cha, vì cô biết nếu cô không làm vậy thì bọn trẻ sẽ chẳng nhận được gì ngoài những lời rên rỉ man rợ của mẹ cô trong suốt thời gian cô ở trường - cô có thể cảm nhận được điều đó trong không khí ngay khi cô về tới nhà. Nhưng khi ngày học ở trường và chiến tranh kéo dài, Kathleen trở nên cô đơn hơn và cô trân trọng hơn những khoảng thời gian dành cho bọn trẻ. Những buổi sáng Chúa nhật, cô cho phép chúng ngồi trên hai chiếc ghế đẩu kê cạnh cửa phòng và ngắm cô trang điểm “Chị đang có tâm trạng tốt”. Chúng ngồi im hết mức có thể trong khi Kathleen hát những bài hát bất hủ của thế giới bằng giọng opera của mình và tròng vào mình chiếc áo trắng phủ ngoài áo lót thêu ren. Cô chỉnh cổ áo, thắt một cái nơ Windsor trên chiếc cà vạt kẻ sọc và kéo lại chiếc váy vải lanh, xòe ra ở gần mắt cá - “Bộ quần áo đạp xe của chị”, cô gọi nó vậy, mặc dù cô chẳng có chiếc xe đạp nào. Những buổi tối sau giờ học, cô đứng chống nạnh trước cửa căn phòng cấm và rên lên “Thôi được rồi, các em có thể vào. Nhưng không được làm ồn đấy, chị đang học.”

Các cô bé lúc nào cũng bước qua cửa với sự sợ sệt vì căn phòng của Kathleen là một đền thờ uy nghiêm và tinh tế. Những cái kệ

được xếp đầy những cuốn sách dành cho con gái mà bạn có thể nghĩ đến, từ Cô gái nhỏ đến Anne và những giá đỡ màu xanh. Trên tường dán đầy hình của những nghệ sĩ lớn và những thứ xinh đẹp được cắt ra từ báo.

Có một bức hình của một người đàn ông với mái tóc xù và chiếc cà vạt bay bay đang say sưa bên cây đàn piano. Đó là Liszt. Kathleen đang yêu Liszt. Kathleen nói rằng chỉ cái tên của ông cũng như một tiếng thở dài đầy lãng mạn. Mercedes và Frances “thờ” cái tên vào nhau như một tính từ để mô tả tất cả những thứ tuyệt diệu quanh chúng: kẹo dẻo, ga trải giường mới, bánh cam thảo mẹ làm, tất cả thật tuyệt vời, “Liszt!”

Có một bức tranh vẽ một người phụ nữ da đen xinh đẹp đội chiếc nón rộng vành và một chiếc váy cổ điển đang cầm một bông hoa trong lòng. Đó là Maria Malibran. “Ôi Malibran,” Kathleen thốt lên đầy cảm xúc, “ca sĩ tuyệt vời nhất trên đời”. Kathleen đã kể cho Frances và Mercedes về câu chuyện bi kịch của Malibran khi cô đi dạo trên con ngựa hoang dã nhất trong chuồng. Cô bị ngã, chân mắc kẹt vào bàn đạp và bị kéo lê trên đường đá sỏi hàng dặm. Cô ngồi dậy, đánh phấn vào những chỗ trầy và thâm tím, sau đó cất tiếng hát vào đêm đó - vẫn hay như thường lệ. Sau đó cô ấy chết vì bị viêm não và “cô ấy chỉ mới hai mươi tám tuổi”. Mercedes vẫn luôn tự cầu nguyện cho Malibran trong khi Frances cố gắng liên kết hình ảnh người phụ nữ xinh đẹp trong bức tranh với hình ảnh cô ấy bị kéo lê và đầu đập xuống đất. Thật là kinh khủng.

Có một bức áp phích lớn của “Người phụ nữ muôn mặt” - mặc dù trong bức tranh cô ấy chỉ có một khuôn mặt. Tên cô là Eleonora Duse. Cô có một đôi mắt đen bùng sáng và tóc đen dày.

Cha đã gửi nó đến cho Kathleen từ nước Anh trước khi anh ra chiến tuyến. Duse là “Diễn viên tuyệt vời nhất trên đời”. Trong bức áp phích, cô đứng trong sảnh của một ngôi nhà rất đẹp, cô mặc một chiếc áo khoác và tay đặt trên nắm cửa. Bức áp phích được làm cho một vở kịch tai tiếng mang tên “Ngôi nhà của búp bê”. Cha đã gửi nó kèm theo một bức thư, “để nhắc nhở chị không được kết hôn và phá hỏng sự nghiệp của mình”, Kathleen giải thích. Mercedes không thể hiểu nổi tại sao Kathleen lại không muốn kết hôn và có con cái như mẹ, nhưng Kathleen chỉ khịt mũi, “Hôn nhân là một cái bẫy, nhóc à. Một cái bẫy khổng lồ.”

Mỗi tối khi Kathleen mở cửa và miễn cưỡng chấp nhận chúng, Mercedes và Frances sẽ chờ một cách ngoan ngoãn và im lặng trong năm phút dài đằng đẳng, cho đến khi Kathleen tuyên bố rằng cô đã làm xong bài. Sau đó thì có vô số trò vui để chúng chọn.

Thường thì cả ba chị em sẽ nhảy lên nằm sấp trên giường của Kathleen, chống cằm và lướt qua một tờ Harper’s Bazaar quý giá và chọn ra những mẫu quần áo, phụ kiện “dành cho những người nổi tiếng”

“Đó là em đấy”, Mercedes nói, và Kathleen đọc lời chú thích “Mẫu quần áo hoạt bát làm từ lụa Trung Quốc màu xanh nhạt đính kèm với nơ hoa hồng làm từ lụa tinh tế.”

“Sang trọng”, Mercedes nói một cách khôn ngoan.

“Rất sang trọng”, Kathleen nói.

“Em là người đó”, Frances chỉ và Kathleen đóng góp”, Cô ấy say đắm mẫu áo ngực xinh đẹp và thoải mái của La Resista. Chiếc áo ngực ren có cái nhãn hiệu Paris không lần đi đâu được.”

Frances cười khúc khích và nhại lại “Áo ngực!”

Mặc dù chiến tranh đang xảy ra, vẫn có hàng tá quần áo thời trang đổ ra khỏi Paris - mặc dù theo báo chí thì những nhà thiết kế chỉ làm đủ để đáp ứng như cầu cho những người thợ may nghèo, nếu không thì họ sẽ mất việc.

Kathleen dạy các em cô bắt chước hiệu ứng của phấn hồng bằng cách tự véo má và của son môi bằng cách tự cắn môi mình không thương tiếc. “Sắc đẹp là một vũ khí đầy quyền lực”, cô đọc, vừa chiêm biếm vừa say sưa. “Để đến được ngôi vua của thời trang thì một cô gái phải tự nguyện làm vật hy sinh.”

Mấy chị em vẫn thường ăn tối ở cửa hàng Sherry ở đại lộ Fifth, nơi Kathleen chào đón chúng bằng giọng Pháp “Chào buổi tối, các quý cô, các cô muốn dùng gì? Chúng tôi có trứng cá Caviar nướng, bánh mì ngọt Vol au Vent, bánh nhân đào Brandied và súp rùa xanh. Hay các cô thích lưỡi rau câu?”

Tuy nhiên nó lại không tầm phào chút nào. Kathleen rất tôn sùng việc đọc loạt bài của bà Randolph Churchill trong chiến tranh: Bên ấm trà sôi sục. mấy chị em nín thở trước bức tranh một sông bài ở Pháp đã được chuyển thành một bệnh viện. Không... Cha không có ở đó.

Kathleen vẫn luôn đọc lớn những trích đoạn cuối cùng của câu chuyện hấp dẫn khi bọn trẻ đang lắng nghe một cách hoang mang và rướn qua vai cô để nhìn chăm chăm vào hình minh họa “Đi đi! Chúng mày là một lũ súc sinh không hơn không kém!”

Kathleen rất háo hức chờ đợi từng ấn phẩm của Haper’s Bazaar mà bà Foss của Hội đồng Orpheus đưa cho cô, và cô thưởng thức nó với sự thích thú và ghê tởm. Ví dụ như, có một

bức tranh mà Kathleen cắt ra để tự nhắc nhở mình rằng những kẻ tầm thường ít học không phải chỉ có ở thị trấn của cô - họ cũng xuất hiện ở những tầng lớp cao hơn của xã hội: bức tranh được cho là của Geraldine Farrar vĩ đại đang hát bản “Người đánh xe” ở nhà hát Metropolitan Opera ở New York. Tuy nhiên ở phía trước lại là một nhóm người đang ngồi xúm xít khen ngợi nữ trang của nhau. Chưa bao giờ Kathleen nghĩ rằng người ta có thể đến nhà hát Opera vì một lí do khác ngoài đam mê nghe nhạc opera. “Cứ coi như đó là một bài học”, cô nghĩ và tự thề “khi mình hát, không ai được phép nhìn đi đâu khác trừ sân khấu!”

Lúc nào cũng đến cái cảnh Kathleen ném tờ Harper’s Bazaar ra góc phòng và tự nói rằng “mình đã chán những thứ sáo rỗng chung diện và những đĩa nhãi ranh nhét đầy dầu chúng bằng những thứ mực nát đó!”

“Rác rưởi!”, Mercedes hưởng ứng.

“Những tên ngốc bị đốt mông!”, Frances cũng hòa theo.

“Frances!”

Mercedes luôn bị kinh ngạc và Kathleen lúc nào cũng cười phá lên.

Sau đó họ lại háo hức quay trở lại với câu chuyện cổ tích “Anh em sinh đôi Bobbseys”.

Phụ nữ Canada nói “Đi đi!”

Tôi vẫn thường đi bộ trên vỉa hè ở thị trấn Nova Scotia.

Có một người đàn ông xuất hiện, khuôn mặt ông ấy màu nâu đồng.

Ông ấy kể về việc vua George kêu gọi chúng ta làm nhiệm vụ của mình.

Ông cho chúng ta áo khoác kaki để mặc.

Ông nói cho chúng ta biết lời kêu gọi đã vươn xa qua các vùng đất và biển rộng lớn.

Và khi tôi nghe những lời nói đó,

Tôi đã nói “Tại sao? Đó là tôi đúng không?”

Bài hát diễu hành của tiểu đoàn số 85, lực lượng viễn chinh Canada.

Thư của anh gửi về khá đều đặn, trong những phong bì quân đội.

Quý cô thân mến,

Tất cả đều ổn, đừng lo lắng, yêu tất cả các con.

James.

Không có thứ gì cản che đậy vì James không bao giờ viết nhiều đến mức làm lộ ra chuyện gì. Trái tim Materia nhảy nhót khi nhìn thấy thư vì lá thư cảm ơn và chia buồn của Đức vua cũng được in trên một cái phong bì giống vậy. Cô xé phong bì và mở ra, tìm kiếm một cái viền đen nhưng chưa bao giờ tìm thấy.

Mùa xuân năm 16, bà Luvovitz xuất hiện ở cửa nhà bếp của Materia với Ralph bé bỏng trong tay. Bàn ghế được xoay lại, bà Luvovitz đang khóc. Đây đây, vào đây, ngồi xuống và uống tách trà nào. Bà ngồi sụp xuống bên chiếc bàn bếp, Materia đuổi Ralph đi chỗ khác chơi - cậu bé đang lảng vảng trong bếp với Mercedes và Frances, chúng đang thắc mắc không biết có chuyện gì với bà Luvovitz. Bà Luvovitz chồm tới mà vẫn không nhìn lên và siết chặt tay Materia. Những đứa con trai của bà sắp lên đường, Abe và Rudy. Chúng nghĩ rằng bà sẽ tự hào vì chúng là những người Canada thực thụ.

“Đừng lo lắng quá, chúng sẽ trở về mà”, Materia nói.

Tất cả sách vở đều nói rằng đến ngày nào đó sẽ có một sự đột phá, bế tắc sẽ không thể kéo dài mãi.

Bà Luvovitz xì mũi và dùng khăn tay lau mặt. “Tôi biết, tôi biết, nhưng cô không hiểu đâu, chúng tôi có gia đình ở đó” - và bà lại gục xuống, giọng bắt đầu sục sục.

“Mẹ tôi đang ở đó...”

“Nhà bà ở Ba Lan mà, chúng đâu có chiến đấu ở Ba Lan.”

“Gia đình Benny ở Ba Lan, nhà tôi ở Đức.”

Materia ôm lấy bà trong khi bà khóc như một đứa trẻ. Những đứa con trai của bà sẽ chiến đấu chống lại chính máu thịt của mình. Nhà Luvovitz là những người Canada thực sự, còn nhà Feingolds là người Đức.

Mùa hè năm 1916, gần sông Somme đã có vài sự cải tiến: những người Canada đã có mũ bảo hiểm và súng ngắn nổ suốt ngày. Người Đức thì có súng máy. Kế hoạch ngày 1 tháng 7 của nước Anh là: một triệu viên đạn trái phá sẽ làm nổ tung hàng rào thép gai Boche. Vẫn vác trên vai ba mươi lăm kí hành lý như thường lệ. Đi trên mặt đất. Tiến về phía chiến tuyến của Đức, chắc chắn là chúng đã chết hết rồi, hãy cứ hành quân cho tới khi đến Berlin.

Trong vòng bốn tiếng rưỡi, năm mươi ngàn người Anh và Canada bị bắn. Chiều hôm đó, kế hoạch của nước Anh được sửa lại: làm y như lần trước, nhưng lần này phải chạy.

Abe bị bắn chết trong lúc hành quân. Rudy bị bắn chết trong lúc chạy.

Cả hai đều không giết một người Đức nào. Các con sẽ được yên

nghi.

02/07/1916 Quý cô thân mến.

Tất cả đều ổn...

Bà Luvovitz không thể bình phục lại được. Bà vẫn làm việc, bà phải làm, vì bà vẫn còn con trai út và Benny. Và còn Matera nữa, cô vẫn thực sự là một đứa trẻ, ta vẫn nhớ lúc ta thấy cô ấy lần đầu bên bờ đá, cô bé sẽ làm được gì nếu không có mình chứ? Bà rất khó khăn khi chấp nhận sự thật về hai đứa con trai. Chồng của Matera cũng có thể đã chết, may mắn thay, xin Chúa tha tội, không biết tại sao nhưng anh ta vẫn luôn làm mình sợ. Benny nói đó là định kiến, nhưng không phải, đó là dị đoan. Có gì đó không đúng, mình có thể chứng minh được, mình cảm nhận được. Có thể khá điên khùng, nhưng có một điều mình biết chắc, mình sẽ làm cho Ralph bị tàn tật trước khi để nó tham gia vào chiến tranh, mình sẽ đóng chân nó xuống sàn nhà.

Chiến tranh lan rộng ở hai lục địa, những chàng trai trẻ tuổi hơn bắt đầu bị lôi đến trại tuyển quân trước khi chúng kịp nói "Tôi thực sự mười sáu tuổi, thưa ông". Ở khắp nơi, đứa bé nhất bỗng nhiên trở thành đứa lớn nhất.

Những điều này không phải là những thứ Matera muốn.

Ở Y'pres: hơi ga - ít nhất chúng cũng giết chết lũ chuột. Ở Passchendaele: nếu bạn biết bơi thì sẽ không sao.

Quý cô thân mến.

Ta vẫn khỏe...

Mùa hè 1917, hầm mỏ số 12 nơi James từng làm việc phát nổ. Sáu mươi lăm người chết. Chiến tranh đã tạo ra sự bùng nổ các mỏ than ở Sydney. Đầy công nhân, lương thấp, biểu tình bị cấm,

than trở thành yếu tố sống còn để hỗ trợ cho trận chiến. Năng suất được đẩy mạnh, hàng không bị bỏ hoang, xăng dầu phát triển. Mỏ số 12 lúc nào cũng tẻ như vậy. Matera chơi nhạc ở nhiều đám tang và thắc mắc về vận may của James cũng như tội lỗi u mê của mình.

Cô có thể thú nhận với ai bây giờ? Không phải là bà Luvovitz, người bạn thân nhất của cô. Cô cố nói với Cha xứ “Xin Cha tha tội cho con vì con đã mang tội lỗi của niềm kiêu hãnh”, “Hãy đọc bài kinh 3 lần và hỏi xin Chúa sự khiêm nhường”. Vậy là Matera vẫn không được xá tội. Mỗi ngày cô vẫn đến bên bờ đá trong trí tưởng tượng của mình và mỗi ngày cô vẫn lặn ngụp dưới đó, thấy người mình nhẹ hẫng đi trong một khoảnh khắc, cảm nhận được sự thanh mảnh mình đã từng có và những cú đập mạnh đầy thỏa mãn của những tảng đá. Đó là nơi cô thuộc về, cô khẩn cầu sự vượt ve âu yếm của bãi biển dấy sóng, để cô có thể sống lại một lần nữa trong sự xô đập của đá và sau đó chết đi. Bình yên. Nhưng cô còn những cô con gái của mình, và tự vẫn là một tội không bao giờ được tha thứ.

Vào mùa thu năm 1917, Đức mẹ xuất hiện trước ba đứa trẻ ở Fátima, Tây Ban

Nha, và nói với chúng ba bí mật, điều thứ ba cho tới nay vẫn là một bí mật của Vatican. Tuy nhiên, Matera biết điều bí mật thứ ba là gì, đó là “Các con thương mến, ta gửi chiến tranh đến để làm một cái khiên, để che chở cơ thể và tâm hồn của Kathleen Piper thêm một thời gian nữa.”

Chết vì Tổ Quốc

Chúng ta đang mặc đồ da, đồ da của đội 85,
Chúng ta mặc với niềm tự hào và vui sướng.
Tên quảng cáo giả mạo, Billy Kaiser già,
Cần phải nghe ngóng từ những cậu bé Bluenose.
Nơi rắc rối tụ họp, chúng ta sẽ làm việc của mình
Để đánh gục kẻ thù của nước Anh
Kèn hơi rền vang, đội 85 đang đến.
Từ vùng đất của những cây phong.
Đội viễn chinh số 85, CEF.

Chắc chắn phải có mục đích gì đó, chúng ta quá đông - chưa bao giờ có nhiều sự hy sinh cho một điều bé nhỏ như vậy. Chắc chắn phải có mục đích gì đó, nếu không thì đã không có cuộc diễu hành này, sẽ không có cuộc duyệt binh hoàng gia, những nút áo bị đồng, những vết thương mỏng manh trên mặt đất châu Âu, những be sườn mạnh mẽ chống lại từng đợt bùn trộn lẫn da thịt con người, những mạng lưới tử mĩ các hầm mỏ cỡ nhỏ, những con rận, chuột, những đôi giày rã thành cát bụi, những ngón chân rải rác quanh chân tôi như lá, như răng rụng.

James đã trải qua ba năm ở những con đường băng ở Pháp và Flanders, lẩn tránh những người bắn tỉa để thu nhặt các xác chết

và an ủi những người đang hấp hối. Anh không phải người cứu thương, anh chỉ hay xung phong. Nhóm lấp ráp, nhóm đào bới, nhóm do thám, một đội lớn. Những biểu ngữ, pháo hoa và giấy điện báo tiễn đưa họ đi không là gì nếu so với những người sáng sủa đã chèo qua không khí và kết những cái cây lại thành hàng trên mảnh đất mãi mãi Tháng mười một. Những thứ trang trí này sẽ tồn tại tới nhiều năm sau.

Vôi dùng để khử mùi hôi thối, khói thuốc nổ để chống rắn, dầu cá voi để giữ cho chân không bị mủi. Năm mươi bốn ngày kéo dài trong nghĩa trang rộng lớn của người sống nhưng anh không hề kêu ca. James đã kéo dài mạng sống của nhiều người đến mức anh được nhắc đến trong nhiều bản thông báo. Lúc đầu anh được cử vào đội Victoria Cross nhưng khi trận Great Adventure xảy ra thì cái mào “Lòng can đảm” của anh trong chiến tranh lại mờ nhạt đi.

Có lần, một chàng trai tàn phế đã gọi anh là mẹ và tóm lấy nút áo trên ngực James. Không có gì đáng ngạc nhiên. Anh để yên cho chàng trai vùng Saskatchewan mút cái nút áo của mình trước khi chết. Ôi Đất Mẹ.

Khoảng bùn lầy giữa hai chiến tuyến được biết đến với cái tên “Vùng đất không người”. Cái tên này có lí do bởi vì vùng đất đang được tranh chấp này vẫn không thuộc về bên nào. Tuy nhiên James và một số người khác dọc chiến tuyến lại quên mất nguồn gốc của cái tên này. Nó có nghĩa là một dải đất nhấp nháp mờ sương bị nguyền rủa. Một chốn u minh - xám, vàng, xanh, hơi xám và không có gì ngoài sự chết chóc. Chuột có thể chạy ngang qua khu vực này và vẫn là chuột. Chim có thể bay trên khu vực này và vẫn là chim, chúng có thể đậu xuống, bay lên, nghênh đầu

và giương đôi mắt tròn xoe lên nhìn chăm chăm trong một chốc rồi lại tiếp tục mở thức ăn, và vẫn là chim. Nhưng không người nào có thể lãng vãng trong khu vực giữa hai chiến tuyến này mà vẫn còn là người. Đó chính là sự khác biệt. Không một người nào có thể xâm nhập, dù là lén lút bò vào hay hiên ngang chạy trong đống bùn nhớp nháp với đủ kiểu lăn lộn, bắn, ngã khắp các phía trong tầm mắt mà vẫn là một con người. Cũng có thể trở lại thành người nếu bạn quay về lại được sau chiến tuyến của mình, nhưng bạn đang treo lơ lửng mạng sống nếu quyết định ở lại giữa các chiến tuyến. Đó là lí do chỗ này được gọi là “Vùng đất không người”.

Cho đến năm 1926 thì James đã xung phong nhiều đến mức những người khác cho là anh mong muốn được chết. Có thể là vậy, hoặc có thể là anh đã được che chở bởi một thiên thần Mons hoặc Old Nick. Họ không chắc rằng sẽ may mắn hơn khi ở cạnh anh hay không, hay là cầu nguyện cho viên đạn tiếp theo cách anh chỉ vài xentimet. Trước mỗi trận tập kích đêm hay sáng sớm, trong khi những người khác nhét Kinh Thánh vào túi áo bên ngực trái, hôn vào những lá thư tình hoặc một cái móng may mắn thì James lại thoải mái dựa vào cái túi đầy bùn và vài mảnh xương thịt của những người - đã từng là người - và đọc sách.

Hành động đầu tiên của James thể hiện sự “hoàn toàn hy sinh lợi ích cá nhân” xảy ra vào mùa thu năm 1915. Năm chiến sĩ đi ra ngoài lúc trời tối mang theo nhiều bó dây thép gai và chỉ có bốn người trở về, nhưng không ai nghe thấy tiếng súng nổ hay tiếng la hét. Nghĩa là chiến sĩ thứ năm đang đi lạc đâu đó ngoài kia, lang thang không xác định được phương hướng. Pháo sáng của Đức bắn lên trời từ ba hướng càng làm không khí nguy hiểm và hỗn

loạn thêm. Ánh sáng trong chốc lát, cây gãy đổ, mặt đất lổ chỗ, xác chết liên tục đổi màu, lúc hồng, lúc vàng, lúc xanh. Ở mặt trận phía Tây không có gì có nhiều màu hơn là ban đêm. James ra ngoài tìm người chiến sĩ thứ năm. Anh ta không phải một người bạn, chỉ là một đồng chí.

Sau hai giờ tìm kiếm, anh tìm thấy chiến sĩ đó đang đi về phía chiến tuyến của Đức. James đưa anh ta về nhưng không kết bạn với anh ta hay với bất kì ai.

Vào Giáng sinh năm 1914, quân Anh và Đức đã hạ vũ khí, trèo ra khỏi các chiến hào và đi vào “Vùng đất không người”. Họ gặp nhau ngay giữa các chiến tuyến và trao đổi quà. Cũng không quá kỳ lạ, cứ xem như trước đây chưa bao giờ có nhiều chàng trai mạnh khỏe có gia đình và việc làm ổn định lại xung phong đến đứng đối diện nhau với vũ khí trong tay và ở trong một khoảng không chỉ rộng khoảng mười tám mét. Nào là sôcôla. Nào là thịt bò. Việc ngừng bắn là hoàn toàn tự phát và sẽ không lặp lại một lần nữa - đôi khi người ta vẫn có thể thể hiện một chút tinh thần Thiên Chúa giáo trong khi đang tàn sát lẫn nhau với súng đạn, nhưng sự hân hoan của lễ hội sẽ nhanh chóng mất đi khi họ xả khí ga vào phía đối diện. Dù sao thì James cũng nhận được một món quà vào Giáng sinh năm 1916.

Buổi tối bạn sẽ phải tự nói với chính mình rằng những tiếng tru tréo rên rỉ ngoài kia là của chó hoang. Chuyện này sẽ trở nên khó khăn hơn nếu một trong những con chó đó bắt đầu cầu nguyện. Đêm trước Giáng sinh, James đã đưa về hai người bị thương và anh đã ra ngoài để tìm kiếm người khác. Khi ánh sáng của pháo hiệu lóe lên, anh nhìn thấy hai người khiêng cáng nằm chết ở hai đầu chiếc cáng, trên đó có một người bị thương - một

cảnh tượng bất thường thể hiện cái chết bao trùm. Khi pháo sáng tắt đi, James thấy người trên cồng cử động, anh đến gần nhưng anh ta thực sự đã chết và trở thành một bữa đại tiệc cho lũ chuột, chính chúng đã làm cái xác động đậy trong lúc thưởng thức bữa ăn của mình. James lại tiếp tục chơi trò bịt mắt bắt dê, lắng nghe những âm thanh không phải tiếng sột soạt gặm nhấm. Anh dừng lại và cúi xuống khi nghe thấy tiếng thút thít. Anh cúi xuống nhặt những khúc chân tay và ruột (nếu ruột chỉ phơi ra ngoài thì còn đáng nhặt chúng lên, còn nếu không thì cứ lặng lẽ để chúng yên ở đó). Chàng trai này còn khá là nguyên vẹn dù cậu ta không thể đi được, và khi cậu ta trả lời câu hỏi “Sao rồi anh bạn?” của James bằng câu nói “Ich will nicht sterben, bitte” thì James khiêng anh ta lên và đi về phía Đông. Khi họ đến gần chiến hào của Đức, chàng trai cất tiếng gọi đồng đội của mình “Nicht schiessen, nicht schiessen!”. James đặt anh ta xuống cách khoảng một cánh tay so với hào công sự, quay lưng lại và đi về phía chiến tuyến của mình.

James có thể làm tất cả những điều đó là vì anh đã có một sự thỏa thuận với chính mình: anh sẽ cố không bị bắn chết, nhưng cũng sẽ không cố sống sót. Anh có thể làm tất cả những chuyện này vì anh cảm thấy thương xót cho những người mà anh đã cứu được. Họ đã nung nấu cái khát vọng ngu ngốc và đau buồn nhất, đó là khát vọng được sống.

Bobbseys ở nhà

Một buổi tối nọ, Kathleen chỉ cho Mercedes và Frances tự chơi trong lúc cô viết nốt lá thư cho Cha - "...Trường học rất tuyệt vời... có nhiều thứ vui lắm...". Đến lúc này thì cô thấy những cuộc chuyện trò của họ đỡ bị phân tán hơn là sự im lặng đầy hiếu kì của họ.

Frances đang nắm dây cương cỗ xe ngựa mà chúng làm từ ga trải giường của Kathleen. "Khi em lớn lên em sẽ có thật nhiều tóc, em sẽ là trùm, em sẽ hát và sẽ ăn kẹo."

Mercedes thì đang giả vờ làm một bà mẹ với các con của mình. "Chị cũng vậy, khi nào lớn chị sẽ đến Old Country để thăm Sitdy và Jitdy."

"Em nữa!"

Kathleen dừng bút và ngẩng lên. "Họ đâu có ở Old Country, các em đang nói gì vậy?"

Frances tặc lưỡi cho con ngựa dừng lại, Mercedes dỗ dành em bé khi và trả lời, "Đúng rồi, bởi vì họ quá giàu có...".

"Nhưng họ nhớ những trái cây và kim cương...".

"Họ đang sống mạnh khỏe ở Sydney đấy", Kathleen nói.

Frances chớp mắt và con ngựa biến mất, các em bé đông cứng lại như tượng sứ và nghênh cổ tò mò trong vòng tay Mercedes "...

Mẹ nói là...”

“Chị không quan tâm bà ấy nói gì, họ sống ở Sydney và họ ghét chúng ta, họ là những tên gốc thối nát và chúng ta sẽ sống tốt hơn nếu không có họ”. Kathleen ném cây bút chì lên bàn và đứng dậy. “Giờ chúng ta đọc gì nào?”

Frances nhìn Mercedes, Mercedes nói “Tạp chí!”

“Không”, Kathleen ra lệnh.

“Đôi giày đỏ!”

Frances hăng hái, “Đúng rồi, sau đó thì cô ta bị chạt chân.” Mercedes bật khóc, sau đó Frances cũng khóc theo.

“Cô ấy không có bị chạt chân”, Kathleen nói.

Frances thổn thức “Có mà, có mà!”

Mercedes rên rỉ “Cô ấy bị mà!”

“Nếu chị nói không thì là không!”

Nhưng chúng không chịu nổi, ôm lấy nhau và khóc đòi mẹ.

“Ôi hai cái đĩa mít ứt này, đến đây nào, chúng ta sẽ đọc cái khác!”

Cô chùi mũi cho chúng, đưa cho Frances cái lược và đặt Mercedes ngồi vào lòng mình.

“Tối nay tụi em ngủ với chị được không?”

“Được thôi, trèo lên đi.”

“Hura!”

Sau đó chúng rúc vào nhau, “Giờ im lặng và nghe nhé. Anh em sinh đôi nhà Bobbsey ở bãi biển...”

Thật tuyệt vời khi nghe Kathleen đọc bởi vì cô có thể làm rất

nhều giọng. ““Đi tiếp đi nào!””, Dinah hét lên khi cô leo vào trong chiếc xe chuyển hàng. Dinah, người hầu gái da màu, đã ở với gia đình lâu đến mức bọn trẻ gọi cô là Dinah Bobbsey, mặc dù tên thật của cô là Sam Johnson”.

Dưới nhà, Matera đang vất vả với hàng đống công việc rửa dọn và nướng bánh. Hôm nay cô nhận được một bức điện, James sắp trở về nhà.

Giày

Vào một buổi chiều tháng tư lạnh lẽo năm 1917, James tìm thấy cảm hứng cho sự nghiệp kinh doanh giày của mình từ một chiến sĩ người Pháp ở gần Vimy.

Người Pháp kéo lê bộ xương của mình trong màn sương, đôi chân trần lội trong đồng bùn vàng nhớp nháp nơi James đang tìm kiếm người bị thương. Người Pháp đó lao vào bóp cổ James, ném mạnh anh xuống đồng bùn và đè đầu anh xuống.

Sau này anh ta làm cho xưởng giày của James, làm việc cắt dây buộc giày.

James dẫn mạnh ra và đỡ lấy anh ta. Cũng may là không ai nhìn thấy gì qua màn sương - Pháp là đồng minh của chúng ta.

Từ lúc đó, giày là tất cả những James có thể nghĩ đến. Đó là thứ duy nhất có thể nhấn chìm âm thanh cót két khi lưỡi lê đâm vào lồng ngực của những người Pháp và hình ảnh anh lăn xả cho tới cuối trận chiến khi anh quyết định bắn tự do - dưới và trên, dưới và trên. Giày mới chính là thứ đáng quan tâm. Còn hơn cả vũ khí, thực phẩm hay chiến lược. Chúng ta sẽ thắng vì chúng ta có nhiều giày tốt hơn, giày sẽ quyết định lịch sử. Chân khô và ấm sẽ giúp chúng ta kéo dài khoảng thời gian tới lúc bị giết lâu hơn kẻ thù. Khi giày của kẻ thù mòn đi, chúng sẽ không thể tạo thành từng đợt sóng chạy vào nòng súng của chúng ta, và chúng sẽ phải

đầu hàng. Mình sẽ chuẩn bị cho chiến tranh tới bằng cách làm giày. Ta sẽ đủ giàu để cho con gái đi học ở nhạc viện Halifax trong một năm, sau đó là ở bất kì nơi nào trên thế giới. Nhưng sẽ không phải là Milan hay Salzburg hay thậm chí là Luân Đôn. Old World là một cái nghĩa trang. “Hát hò nhảy nhót là không tốt, khi nào thì những hồi chuông của địa ngục sẽ vang lên?”. Không, không phải nó. Âm nhạc vĩ đại sẽ tồn tại ở Thế giới mới. New York. James có thể ngửi thấy mùi của nó. Anh có một người chị họ xa ở đó - một người hầu gái già với cái tên cổ điển... Giles vậy đấy - cô ấy làm việc với các nữ tu. Mọi thứ hiện ra thật xinh đẹp, mọi thứ rồi sẽ tốt đẹp. Nhổ một ít nước bọt và đánh bóng, xinh đẹp và sáng bóng.

James bắt đầu đánh giày mỗi ngày, có khi là cả ngày bởi vì cả ngày là tất cả những gì anh có. Giữa những vết rách và mục nát quanh ngón chân đang lộ ra của anh thì phần còn lại của đôi giày vẫn luôn tỏa sáng trong màn sương mù quanh năm suốt tháng. Những người khác gọi anh là Rudolph.

Cũng chính vì cái thói quen liên quan tới giày này đã làm trì trệ những nhiệm vụ khác của James, mặc dù anh vẫn xung phong. Cấp trên của anh quyết định rằng anh không còn phù hợp với tình hình chiến sự nữa, dính lấy một ai đó hiển nhiên là một điều bình thường trong nền văn hóa bùn sinh như thế này. Nhưng dính vào một đôi giày đã hư thì không phải vậy. Đó là hiện tượng sốc vì đạn đại bác: cấp trên của James không thích gọi anh là Rudolph, họ gọi anh là Cô Macbeth.

Cùng với cái vấn đề vô hình này thì James còn mất một ngón chân. Nó tự rụng ra, không hề đau đớn và nó bị một con chuột tóm lấy rồi chạy đi mất ngay trước mắt anh. Nếu “sốc vì đạn đại

bác” không có tác dụng thì cái thứ ghê tởm với ngón chân này có thể có. Do vậy, không còn tôn trọng niềm kiêu hãnh của một người đàn ông, “sốc vì đạn đại bác” không phải là những chữ mà cấp trên của James viết trong giấy giải ngũ của anh, cũng không phải “kiệt sức” mà anh chính thức được giải ngũ vì bị thương ở chân.

James được ra khỏi những vùng ẩm thấp ở Passchendaele và vượt qua kênh đào đến điện Buckingham, nơi anh được trao giấy chứng nhận công tác đặc biệt “cho những đóng góp xuất sắc trong nhiệm vụ chống lại kẻ thù”. Trong suốt buổi lễ anh cứ nhìn giày của người ta rồi nhìn lên mặt họ và suy nghĩ xem chúng có hợp với nhau hay không.

Anh được đưa lên tàu về nhà và giải ngũ một cách vinh quang. Không ai có thể biết được anh đã mệt mỏi như thế nào. Anh sẽ còn mệt mỏi cho tới cuối cuộc đời.

Khi James nhìn thấy cảng Halifax từ trên boong tàu lính vào tháng 12 năm 1917, anh xem lại kế hoạch dành cho Kathleen. Anh sẽ phải gửi con bé thẳng đến thành phố New York. Halifax đã bị giới bom, anh không thắc mắc tại sao hay như thế nào. Chiến tranh đã lướt đến rìa Canada, chỉ vậy thôi.

Cục kẹo của người lạ

Chiến tranh làm con người ta thay đổi theo nhiều cách, nó vừa mở đường cho bạn đến gần hơn với con người thật của chính mình, hoặc nó cũng có thể khơi gợi ra những biến dị trong đó bạn là một con ấu trùng được gói chặt trong một cái kén đang hóa thành nhộng trong môi trường ẩm ướt, tăm tối. Cứ coi như bạn không phá nứt vỏ bay ra thì bạn cũng sẽ chui ra từ một cái kén, sau đó thì bạn thay đổi nhiều so với bạn của trước kia đến mức bạn lo sợ rằng mình bị điên, và bởi vì mọi người ở nhà đối xử với bạn cứ như bạn là một người hoàn toàn khác. Một người nào đó mà do trùng hợp đến mức kì lạ, lại có cùng tên, cùng địa chỉ và cùng cả quan hệ huyết thống với bạn - người lẽ ra phải chết trong chiến tranh. Và bạn chẳng còn sự lựa chọn nào khác ngoài cách sống như một kẻ mạo danh vì bạn không thể nhớ ra mình là người như thế nào trước chiến tranh. Chỉ có một cách giải thích đơn giản nhưng kinh khủng cho việc này, đó là bạn được sinh ra trong chiến tranh. Bạn lăn lê bò toài một cách khát máu và được huấn luyện đầy đủ mà không cần đến cả chiến hào.

Chiến tranh là người thay đổi vĩ đại nhất.

James chỉ có một thứ duy nhất chung với người đàn ông bỏ đi để tham gia chiến tranh ba năm về trước: Kathleen, con gái họ. Ngày 10 tháng 12 năm 1917, anh bước xuống khỏi tàu ở ga

Sydney, một nơi vẫn còn nguyên vẹn.

Anh đã có vài năm tập luyện có mặt và biến mất cùng một lúc do đó không khó để anh tìm đường đi từ Sydney đến New Waterford. Anh đi bộ khoảng chín dặm trên con đường đóng băng trong cuộc sống thường dân của mình, chiếc túi vải vắt trên vai, cứ mỗi bước đi trong đầu anh lại vang lên “Sydney, New Waterford, Sydney, New Waterford”. Phía bên trái của anh là châu Âu.

Vài người nhìn thấy anh đi vào thị trấn và đi trên đại lộ Plummer, họ không biết anh là một anh hùng, họ chỉ biết là anh đã sống sót trở về trong khi những người khác đã chết, và vẫn đang chết. Anh bước lên thềm nhà mình và đã có thể chào vợ mình cứ như một người nào đó anh đã từng quen, vỗ đầu hai đứa bé đang nháy cẳng lên vì mừng rỡ và gọi anh là cha, và tránh né ánh mắt của một người quá thực.

Anh đi vào nhà và đi lên trên gác xép. Anh bỏ lưỡi lê của mình vào trong hộp đựng đồ, anh lờ đi lời dặn của bác sĩ quân y và lao ngay vào việc. Anh cần phải đẩy cô bé đi xa trước khi anh lại quen với cảm giác mình đang sống một lần nữa.

Kathleen rất lo lắng nhưng cô cố trưởng thành hơn bằng suy nghĩ: không phải là cha không thương mình nữa, chỉ là bởi vì chiến tranh quá kinh khủng.

James dựng một cái lán nhỏ bên hông nhà và một cái bàn máy trong đó. Giáng sinh đến rồi đi nhưng anh không hề để ý, mặc kệ sự phấn khởi của mấy đứa nhỏ và mùi bánh nướng bay ra từ trong bếp. Trơ tráo như gáo múc dầu, và không bàn bạc với vợ một lời nào, anh đưa ra một lời đề nghị với ông Mahmoud. Ông

Mahmoud cung cấp cho công ty than và dầu Dominion, còn James thì cung cấp cho nhà Mahmoud. Chỉ giày thô, nhưng đó là một sản phẩm quan trọng mà những hàm mỏ rất quan tâm. Ông Mahmoud sẽ cho James mượn số tiền khởi nghiệp và sau đó mua lại giày với mức giá dưới giá sỉ mà ông đang phải chi để chuyển giày từ Halifax về cửa hiệu của ông ở Sydney. James bắt đầu làm giày. “Cha ơi!”

“Sao, Kathleen?”

“Cha vẫn ổn chứ?”

“Ừ, cha vẫn bình thường như trời vẫn mưa vậy.”

“Hôm nay là sinh nhật con!”

“Ừ, chúc mừng sinh nhật con gái!”

“Cám ơn. Cha ơi!”

“Sao?”

“Cha có muốn con hát cho cha nghe không?”

“Ta thích lắm, con yêu, nhưng ta còn phải làm việc.”

Ông Mahmoud đã bắt đầu có một sự nể mặt bất đắc dĩ đối với thằng con rể chẳng có gì tốt đẹp của mình nhưng ông vẫn tiếp tục giữ liên lạc với James hoặc gia đình. Đối với James thì vậy cũng tốt. Họ trao đổi thư từ thông qua Leo Taylor. James bắt đầu làm ra tiền.

Anh lục lại những cái danh thiếp mà anh thu được trong buổi diễn độc tấu của Kathleen ở Halifax nhiều năm về trước và làm bằng vấn tin. Anh viết một bức thư cho quản lý nhà hát Metropolitan ở New York, “Thưa ông, theo ý kiến của ông thì ai là người đào tạo chuyên nghiệp trong lĩnh vực luyện thanh?”. Anh

nhận được hồi âm và gửi một bức điện dài đến một người có cái tên nghe như tiếng Đức ở thành phố New York. Sau đó là hồi âm: “Vâng, - ông ấy sẽ gặp Kathleen ở phòng thu của mình tại đường 64 và Central Park West, lúc 10 giờ ngày một tháng ba năm 1918”. James viết thư cho cô chị họ của mình, Giles ở New York. “Mẹ tôi luôn đánh giá chị rất cao..., ...và dĩ nhiên tôi sẽ hoàn trả lại cho chị đầy đủ....”

Thời điểm đã đến, Kathleen mới gần mười tám nhưng giọng hát của cô đã hoàn toàn sẵn sàng, và cô Giles cũng đã đồng ý làm người bảo hộ. Hơn nữa, James đã thôi tựa lửa đối mình về nơi an toàn nhất dành cho cô bé.

Mặc dù có tiệm giày thì rõ ràng là việc này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tài chính gia đình, nhưng James không hề do dự. Anh viết thư cho ông Mahmoud và hỏi thẳng ông về việc mượn tiền cho cô bé đi học ở New York.

Đã từng tròn trịa phốp pháp là vậy nên rất dễ nhận ra ông Mahmoud đã ốm đi nhiều sau mấy năm qua. Công việc làm ăn đã ăn mòn đi da thịt và bộ xương chắc khỏe của ông, tuy nhiên sự tinh táo vẫn ánh lên trong đôi mắt luôn luôn tinh tường. Mái tóc mỏng đi nhiều và chuyển sang màu xám bạc kim, hai nếp nhăn hằn sâu hai bên khuôn mặt ông, kéo dài từ xương gò má xuống đến hàm. Càng ngày ông càng giống cái ghế gỗ ở căn phòng phía sau cửa cửa tiệm. Chỉ có mình bà Mahmoud có thể nhìn vào ông bây giờ mà vẫn thấy được hình ảnh chàng trai cao to đẹp trai của ông ngày xưa. Ông Mahmoud ngược mắt lên khỏi lá thư của James và nhìn sang cây đàn piano đáng nguyên rủa. Giọng hát di truyền từ nhà Mahmoud, chắc chắn là vậy. Tất cả đàn ông và phụ nữ trong nhà ông đều có thể hát. Khả năng hát bẩm sinh. Đó là

một món quà của Chúa và hiển nhiên là Chúa cùng ông Mahmoud đã chuyển món quà này qua Materia - chết rồi, đối với ta nó đã chết rồi - tới đứa con gái lớn nhất của thằng khốn đó. Thật tồi tệ. Nó không phải là cháu ngoại của ta.

Ông Mahmoud nhẹ nhấc ngón tay trở bên tay trái lên và vợ ông đến rót đầy tách trà cho ông.

Trong bếp, Teresa Taylor đang xắt rau mùi tây để chuẩn bị cho món tabooleh và thắc mắc tại sao đến giờ ông Mahmoud lại vẫn đối xử với vợ mình như một người hầu trong khi ông dư sức thuê vài người hầu khác. Cách giữ một người hầu dự phòng kì lạ của người da trắng có thể không thực sự được áp dụng ở đây bởi vì dù bạn có nói là bạn nắm giữ cuộc sống trong tay mình thì nhà Mahmoud cũng không hẳn là da trắng. Họ là một kiểu khác, có vẻ hơi da màu. Ở Nova Scotia lúc đó, điều này có nghĩa là đối với nhà Mahmoud thì những rào cản màu da đối với các vấn đề xã hội đều có thể thương lượng được. Họ giàu có, điều đó giúp ích rất nhiều.

Teresa là một người đẹp, mặc dù hầu hết mọi người ở khu này không nghĩ vậy trừ khi họ thấy hình của cô trong một quyển sách về châu Phi. Mọi thứ thuộc về Teresa đều cao ráo và thanh thoát - khuôn mặt, đặc biệt là đôi mắt. Mọi thứ thuộc về cô đều tốt đẹp - đôi tay đang cắt khoai tây, cổ chân lúc đứng và lúc rải những bước dài giữa quầy tính tiền, bàn bếp và bồn rửa chín tiếng mỗi ngày. Giọng cô hơi trầm. Dưới lớp áo, cây thánh giá bằng bạc cô đang đeo là do Hector cho cô.

Teresa sẽ không làm hầu gái mãi, cô đã đính hôn và chuẩn bị kết hôn. Cô vắt nước từ ba quả chanh và cầu nguyện một chút để tạ ơn Chúa Jesus đã cho Hector được bình an. Vào năm 1914 anh

đã xung phong đi chiến đấu viễn chinh nhưng quân đội không thể có anh trong hàng ngũ: đây là một cuộc chiến của người da trắng và họ không muốn có một đội quân “bàn cờ”. Thay vì nhập ngũ, Hector vào làm việc tại một nhà máy thép và thề sẽ từ bỏ chiến tranh. Giờ thì họ không thể bắt anh đi lính vì anh đang làm trong ngành công nghiệp nòng cốt. Teresa và Hector đều đang để dành tiền để có thể đến Mỹ và học thêm để trở thành công sứ Giáo phái Anh.

Teresa đã quen biết Hector gần như cả cuộc đời. Khi cô mười tuổi, gia đình họ cùng đến đây, chuyển từ một hòn đảo tươi tốt sang một nơi hoang vu, cha của họ có thể làm việc, lúc đầu là ở mỏ, sau đó là ở nhà máy. Teresa đã lớn lên ở khu Coke Oven của vùng White Pier - Sydney, mặc kệ chiến tranh đang diễn ra và khói bốc lên từ những con tàu và ống khói nhà máy, cô vẫn không muốn sống ở một nơi nào khác, trừ thành phố New York, đó là nơi mà cô và Hector sẽ chuyển đến sau khi họ kết hôn.

Vì vậy Teresa không có cảm giác miễn cưỡng khi làm việc ở nhà Mahmoud và nó cũng không phải là một việc tệ. Cô thích những món ăn mà cô được học để nấu cho họ, ví dụ như món tabooleh này. Đó là một sự thay đổi tốt so với gia đình Ănglô và Xcôtlen mà cô đã từng làm việc trước đây với những món thịt và khoai tây bất tận, và không có một tí gia vị nào. Người nhà Mahmoud đều rất thân thiện và biết cách khuấy động một bữa tiệc - luôn hát hò mà không cần phải có rượu để lấy tinh thần, hoàn toàn khác với một bữa ăn với thịt và khoai tây. Và ông Mahmoud trả rất hậu hĩnh, Teresa đã bắt đầu mua được đồ cô dâu cho mình. Ông luôn đòi hỏi những thứ tốt nhất, nhưng không như hầu hết những người khác, ông sẵn sàng trả cho những thứ

đó - ông không bao giờ quên nơi mình đã từng ở. Ông cũng chưa bao giờ có một sự thay đổi không phù hợp nào, mặc dù đôi khi ông cũng nổi giận. Cứ hỏi những cô con gái của ông mà xem. Trong khi đó Teresa vẫn cố gắng làm việc chăm chỉ, không làm phiền ông và cảm thấy thương xót cho bà ấy. Bà Mahmoud có tất cả mọi thứ mà tiền có thể mua được - không kể đến một gia đình tận tụy và rất nhiều cháu chắt. Nhưng bà ấy cũng có một nỗi đau riêng, Teresa biết chắc như vậy. Teresa chặt nước khỏi món lúa mì nứt mà người Li-băng gọi là burghul và nhồi chúng vào miếng thịt đã ướp - tối nay họ sẽ ăn món kibbeh.

Ở nhà trước, ông Mahmoud đang ngủ gà gật trong khi vợ ông, bà Giselle, đứng nhìn. Trừ mái tóc đã điểm bạc thì bà dường như không thay đổi qua từng ấy năm, vẫn khuôn mặt đầy đặn láng mịn, cánh tay tròn trịa, ánh mắt mềm mại. Bà đang đeo chiếc nhẫn đá mặt trắng và chuỗi ngọc trai thật để làm chồng bà vui lòng. Bà cẩn thận lấy bức thư ra khỏi tay ông Mahmoud và cầm nó xuống bếp.

“Teresa, đọc giùm ta!”

Bà Mahmoud chưa bao giờ học đọc tiếng Anh. Teresa đọc lớn, sau đó nói “Kathleen Piper. Đó là cô gái mà chúng ta đã đi nghe cô hát ở nhà hát Lyceum trước khi chiến tranh xảy ra.”

Bà Mahmoud gật đầu “Nó là cháu ngoại của ta.”

Teresa nhướn mày. Cô bé mà em trai mình ngày ngày vẫn đưa đón đi học. Nàng công chúa chưa bao giờ nói tiếng nào với nó. Một cô bé có giọng hát tuyệt vời. Ồ. “Đó là cháu ngoại của bà sao, bà Mahmoud?” Giselle gật đầu.

Đêm hôm đó lúc đi ngủ, bà đã thuyết phục chồng mình một

cách điệu nghệ để làm chúng trở thành những ý kiến của chính ông. Sáng hôm sau ông viết một tấm chi phiếu và tự nói với mình rằng ông làm việc này chỉ vì Giselle. Nhưng khi ông viết đến số 0 thứ ba thì trong đầu ông lại thoáng qua cái suy nghĩ về tương lai cái giọng hát di truyền của gia đình, được toàn thế giới công nhận. Sự thành công của ông ở Thế giới mới huy hoàng lên ngôi.

Chỉ có Teresa mới có thể làm nhiệm vụ đưa bức thư quan trọng như vậy, ông Mahmoud đặt bức thư vào tay cô và dặn “Lấy hóa đơn nhé!”. Teresa khởi hành đi đến New Waterford, nơi cô có cơ hội hiếm hoi để tận mắt thấy một nhánh gián dị của gia đình Mahmoud.

Materia mở cửa, cô đang mặc một chiếc váy lót và đang cầm một cây kéo gỉ sét trong tay. Cô đang cắt bầu dục để chuẩn bị làm bánh. Frances bé bỏng lấp ló nhìn ra từ sau vạt của chiếc áo màu mè điên loạn của mẹ. Cái nhìn chăm chăm của Materia ngày càng mở rộng, cứ như là cô có thể thấy nhiều thứ của thế giới cùng một lúc hơn là những người khác. Nhưng mặc dù có vẻ cô nhìn thấy nhiều hơn, cô cũng không thể hiện được cái vẻ của một người đang hiểu những thứ mà mình nhìn thấy. Cô không phải là quan sát, mà là nhìn chăm chăm. Giờ thì cô đang nhìn chăm chăm vào Teresa.

Teresa nhận ra dáng vẻ của một người chưa bao giờ thực sự ở đó. Teresa có thể đã nghĩ người phụ nữ to béo buồn bã ở cánh cửa kia là một người giúp việc thuê nếu cô không chuẩn bị trước là mình sẽ gặp những nét quen thuộc của người nhà Mahmoud có thể thấy rõ trong vóc dáng, làn da láng mịn và đôi mắt của bà Mahmoud mờ ảo trên khuôn mặt.

“Cô Piper?”

Materia gặt đầu. Teresa hỏi một cách lịch sự “Có ông Piper ở nhà không thưa cô?”

Bé Frances chưa bao giờ thấy một người da đen trước đây. Mọi người xung quanh cô bé đều có làn da trắng như tuyết trừ mẹ da ngăm đen. Cô bé chồm tới phía Teresa và chạm vào tay cô, tay đang cầm cái phong bì. Teresa nhìn xuống và cười với cô bé. Frances giữ lấy khoảnh khắc đó và cất nó vào một nơi an toàn chung với hai, ba cái khác.

Trong khi đó, Materia đang lẩm bẫm gì đó và vẩy cái kéo một cách mơ hồ về hướng cái lán bên hông nhà. Teresa tiến về phía cái lán và Frances đi theo. Materia quay trở vào bếp và lại tiếp tục cắt bầu dục, cắt, cắt.

Qua kẽ nứt trên cửa, Frances nhìn thấy Teresa đưa cái phong bì cho cha, cha mở phong bì ra và nhìn vào bên trong một lúc. Sau đó Teresa đưa cho cha em một mảnh giấy để viết gì đó và cô cất nó vào lại trong ví. Khi Teresa ra khỏi cái lán thì Frances lang thang gần đó.

“Con muốn gì nào, bé cưng? Từ đâu mà con có mái tóc vàng xinh đẹp thế này?”

Frances nhìn lên như một cách trả lời. Những gì cô bé muốn là tất cả mọi thứ của người phụ nữ tuyệt vời này, chắc chắn bà là một nữ hoàng từ một nơi xa xôi nào đó. Teresa sẽ cười nếu cô biết được: Nữ hoàng của Whitney Pier, cưng à.

“Cho con này, bé cưng.” Teresa cho Frances một cục kẹo cứng, ngay lúc đó... “Frances!”

Đứa bé và người phụ nữ nhìn lên và thấy cô gái vàng đang bước xuống khỏi chiếc xe vừa đỗ lại ngay trước nhà. Leo Taylor

đã có một chiếc xe có động cơ, một chiếc Ford đời T với cái tên cậu được tô vẽ bên hông xe, Vận tải Leo Taylor. Anh giữ cửa mở và Kathleen bước xuống mà không buồn liếc nhìn cậu lấy một cái. Chính cô là người đã hét lên và chen vào cuộc đối thoại ngọt ngào của hai người, giờ thì cô đang tiến về phía họ một cách nghiêm trang và hỏi bằng giọng trí thức “Tôi giúp gì được cho bà không?”

Giúp cái đầu cô ấy, Teresa nghĩ “Không thưa cô Piper, tôi chỉ mang vài thứ đến cho cha cô thôi!”

“Teresa, đến đây nào!”

Leo Taylor không muốn lảng vảng gần đó. Teresa lắc đầu khi trèo lên xe của em trai mình. Nhà Piper - sống như những kẻ chiếm hữu cả ngọn đồi và cư xử như kiểu hoàng gia. Họ lái xe đi.

“Đưa tay cho chị coi nào Frances!”

Frances mở bàn tay nhỏ xíu và khoe cục kẹo bạc hà cam thảo màu trắng đen. Một phần thưởng. Kathleen lấy viên kẹo và ném nó vòng lên cao qua sân và rơi tùm xuống con lạch.

“Em biết là em không được nhận kẹo từ người lạ mà Frances, đặc biệt là những người da màu!”

Nữ thần tự do

“Là một cô gái, nhưng Claudia lại ngược mắt lên nhìn bầu trời cứ như một kỹ sĩ chưa qua thử thách.”

• Claudia, A.L.O.E

Ở New York thì Kathleen mới thật sự và hoàn toàn là Kathleen, đó là những gì thành phố có thể làm và thật sự dành cho bạn. Cô có rất nhiều phẩm chất và không có lịch sử, chưa bao giờ cô hít thở nhiều không khí như vậy trong đời. Cô đến từ hòn đảo ở Đại Tây Dương bao quanh bởi không khí mang mùi biển, tuy nhiên khi đứng trên những hành lang của thành phố tuyệt vời này thì cô cuối cùng đã có thể hít thở. Đây mới chính là bầu không khí mà các vị thánh đang sống. Những vị thánh đã sắp xếp mọi việc ổn thỏa chứ không phải những vị thánh suốt ngày ngồi ủ rũ trên những mũi đất cổ hay những tảng hóa thạch tỏa hơi nước và chờ đợi ai đó đến lấp đầy những mảnh vỡ hoặc những thiên truyện bị quên lãng đang dần hé lộ theo thời gian. Những vị thánh đã bám quá lâu trên những tảng đá đến mức tự họ có thể đang hóa đá.

Chính là những vị thánh mới. Một bản hợp ca sáng sủa. Họ ở trong các nhà máy thép, những cây cầu treo, những con tàu màu bạc lấp lánh, tất cả mọi thứ ngang dọc, trong cửa kính, đá sỏi,

trong cát. Họ hít thở sâu và tạo ra những âm thanh lớn và cứ mỗi hơi thở và âm thanh thì họ lại mở rộng bầu trời ra thêm một chút.

Khi Kathleen bước đến đường Pier 54, cô bắt đầu viết cuốn sách cuộc đời mình trong tư tưởng: Và cô ấy đã đến Thế giới mới, cô nghe thấy tiếng gót giày nhảy cảm của mình vang lên trên ván lót cầu và quyết tâm sẽ không bao giờ là một người nhảy cảm.

Có một số lượng đáng ngạc nhiên những người gác cổng mặc đồng phục và những thằng đểu không có đồng phục sẵn sàng vồ lấy vali của cô và chuồn mất, nhưng Kathleen đang kéo mạnh nó về trung tâm của ga cuối và ngồi lên nó dưới chiếc đồng hồ lớn, hướng mắt tìm kiếm người họ hàng xa của mình, không màng đến việc chờ đợi mà lắng nghe khúc nhạc chiều đang được đám đông ngân lên. Rõ ràng là cả thế giới đang đổ về New York.

Kathleen đang định trở thành Eleonora Duse của sân khấu opera, nếu bất kỳ ai có thể làm việc này thì cô cũng có thể: một cô gái được huấn luyện đúng kiểu cổ điển với những ý tưởng mới mẻ về việc phô bày tài năng nghệ thuật của mình. Lòng nhiệt tình của một nghệ sĩ bẩm sinh sẽ không để cho trái tim nào được nguyên vẹn. Một cỗ máy trong cô đang đốt cháy quá mạnh mẽ đến mức nó làm cho mái tóc cô trở thành màu đỏ. Dòng máu lai Xentơ - Ả Rập và xuất xứ từ một hòn đảo hoang sơ ngoài bờ biển đông của một đất nước được cho là toàn những mũi băng là quá đủ, theo tiêu chuẩn Mỹ thì cả hai thứ đó đã đủ để che phủ cô trong một điều bí ẩn của siêu sao và che đậy sự ngoại lai bằng một sự tô điểm cho nét quyến rũ Bắc Mỹ. Cô sẽ chọn những món như nai sừng tấm ngâm hay lưỡi cá tuyết xông khói và lâu lâu sẽ chửi bậy bằng tiếng Ả Rập chỉ để duy trì cái huyền thoại về mình, nhưng cô đã thuộc về Thế giới mới, phía Tây ánh vàng. Cô không

giống những người Sicilian hay Castilian lao qua biên giới để mong có được một phút huy hoàng rồi nhanh chóng tàn lụi. Cô chỉ giống họ ở chỗ cô sẽ trở nên nổi tiếng, nhưng không giống họ, vì cô sẽ tồn tại lâu. Cô đã quyết định rằng mình sẽ không bao giờ ngừng hát, cho tới khi cô bảy mươi lăm tuổi cô cũng vẫn sẽ còn hát.

Cô ăn một cái bánh kẹp xúc xích mua từ một người đàn ông mập mạp có hàm râu đen, ông ấy đã kể cho cô nghe chuyện đời mình bằng thứ tiếng Anh đứt gãy của ông. Cuộc đời cô cuối cùng cũng đã bắt đầu.

“Kathleen!” Kathleen quay lại và thấy bà cô họ nhỏ nhắn của mình.

“Ta là Giles. Chào mừng con đến với thành phố New York!”

Giles, người mà Kathleen được gửi gắm, có một đôi mắt xanh không thể quên được và một căn hộ nhỏ xinh xắn ở Greenwich Village. Kathleen nhắm chừng tuổi của bà Giles chắc phải là một trăm lẻ hai. Nhưng thực ra bà ấy chỉ mới bước vào những năm sáu mươi của cuộc đời. Có thể là, Kathleen quan sát, Giles đã từng là một giáo viên hoặc - khá hơn - có thể Giles là người thừa hưởng của một loại hình hỗ trợ mơ hồ nhưng đáng kính trọng được các nữ thi hào Anh gọi là “trợ cấp xã hội hàng năm”.

Sau khi về hưu, Giles tình nguyện làm việc tại bệnh xá của nữ tu viện nơi bà giúp các nữ tu sắp chết. Tiêu chuẩn cao nhất của bà cho công việc này không phải là lòng trắc ẩn hay dạ dày mạnh bất thường, thậm chí không phải lòng mộ đạo của bà. Nó là sự khó bị kích động của bà. Giles đã cúi sát tai mình xuống nhiều đôi môi tiều tụy và lắng nghe nhiều lời thú tội mà các Cha xứ

chưa chắc đã từng nghe, bởi vì đến lúc cuối đời thì lúc nào người ta cũng có cái cảm giác đột ngột bất an, một mối lo sợ và người ta sẽ thú nhận tất cả và ăn năn vì những điều sai trái mà họ đã làm trong đời. Những tội lỗi ngày xưa một lần nữa lại bùng nổ và tỏa hương với sự tinh khiết chúng có được trong một khoảnh khắc trước khi được đặt tên và gắn vào một cái nụ. Sau khi lắng nghe, Giles luôn đáp trả “Tôi biết rồi”. Đôi khi những lời hấp hối lại có dạng một câu hỏi mà Giles có thể trả lời, đại loại như “Tôi vẫn luôn tự hỏi câu đó suốt, thật đấy”, nhưng Giles chưa bao giờ tự đặt ra câu hỏi nào.

Tất cả những thứ đó tạo ra Giles là một bà hộ tống xinh đẹp tội nghiệp cho một nhà vô địch tương lai như Kathleen.

Đêm đầu tiên ở phòng dành cho khách ở nhà bà Giles, căn phòng nhìn xuống mái các ngôi nhà trong khu Village và có tầm nhìn đẹp đến tòa nhà cao nhất trên trái đất, Kathleen mở một cuốn vở mới tinh của Holy Angels và viết lên trang giấy trắng:

8:00, ngày 29 tháng 2 năm 1918, thành phố New York Nhật kí đầu yêu...

Ngày hôm sau cô theo đúng lịch hẹn, đến một phòng thu ở tầng năm tại góc đường số 64 và Central Park West, đó là một căn phòng có vị thế đẹp. Có một cái ghế sofa kiểu Pháp rõ ràng là không phải để ngồi. Bên phải cánh cửa là một bức tượng nửa người của Verdi đặt trên một cái bục đá hoa cương. Bên trái là Môda. Trên sàn lát gỗ lấp lánh một cái thảm Ba Tư. Trần nhà cao lát gỗ hồng, khung cửa sổ khổng lồ nhìn xuống công viên, một cây đàn piano lớn. Một người đàn ông với làn da trắng muốt với chòm râu dê, khoác chiếc áo khoác nhẹ, quần thon gọn và cà vạt kẻ sọc. Một nhạc trưởng đại tài đến từ đâu đó ở châu Âu. Giới

thiệt ngắn gọn, cô ấy không được mời đến đây chỉ để ngồi, cô được hướng dẫn hát gì đó. Cô làm theo.

Trong một căn phòng nhỏ, đó là một giọng hát lớn.

Đôi mắt nhạc trưởng nhìn xa xăm ở góc thẳm, khó chịu như thấy một con côn trùng và nán ánh mắt lại đó trong suốt chiều dài bài hát. Kathleen kết thúc bài hát, nhạc trưởng ngược lên và thấy sự hồng hào trên khuôn mặt cô, đôi mắt ánh lên, nhịp đập ở cổ cô, đôi môi vẫn mở. Ông nói nhẹ nhàng “Chúng ta có nhiều việc phải làm đây”.

Sự hư hỏng đang treo đầu đó trong bầu không khí quanh một tài năng tuyệt vời. Một tài năng như vậy rất bất ổn, nó có thể bị ảnh hưởng bởi tự nhiên và có thể làm cho người sở hữu nó bị bối rối. Quanh cô tỏa ra mùi của một nghệ sĩ, cứ như những vở kịch vui đang làm tàn lụi đi gót chân của opera cổ. Người nhạc trưởng nghĩ thấy tất cả những mùi này ở Kathleen và làm máu mình lạnh tới một nhiệt độ mà ngay cả những con thú hoang cũng không cảm nhận được. Trước khi đặt ra một nhiệm vụ khó khăn, việc hình thành năng lực sẽ dễ dàng hơn nhiều. Tuy nhiên đầu đó dưới phần cứng nhất của hộp sọ, ông vẫn cảm thấy xúc động vì phấn khởi. Không phải ngày nào bạn cũng có thể gặp được một học sinh như thế này, có thể chỉ có hai lần trong đời. Ông chuẩn bị không cho cô chút nương tay nào.

Vì Kathleen tập luyện ngày càng chăm chỉ, cô tiến ngày một xa hơn. Khoảng thời gian giữa những bài tập hát tàn nhẫn với nhạc trưởng và những bữa ăn chậm chạp ngọt ngào với bà Giles, Kathleen đi bộ khắp nơi trên đảo Manhattan, từ Sông Tây đến Hudson, từ công viên Battery đến Sông Haarlem.

Một ngày nọ có một cô gái đang ngồi bên cây piano lớn khi Kathleen đến phòng thu, cô ấy là Rose. Cô mặc một chiếc váy màu hồng nhạt, hoàn hảo cho một sinh vật bé bỏng xinh xắn với khuôn mặt cởi mở và bề ngoài đáng tin, nhưng tất cả lại hoàn toàn không đúng đối với Rose.

Rose là một người chơi đàn piano cực tốt, nhưng lúc đầu Kathleen không chú ý đến điều đó vì hai lí do. Thứ nhất, bởi vì bạn đang được huấn luyện bởi một tên tuổi có tiếng nhất nhì New York với một mắt hướng về Met và một mắt ẩn chứa sự tối tăm khó hiểu, bạn sẽ không chú ý đến chất lượng của nhạc đệm từ cây piano trong suốt bài học trừ khi nó không tốt. Nhưng người chơi đàn này thì hiển nhiên là không thể nghe được vì cô ấy da đen và vì thế cô ấy không thể tham gia bất kỳ lớp đào tạo và huấn luyện với người có trình độ cao được. Kathleen không nghĩ Rose là một nghệ sĩ piano mà chỉ nghĩ cô là một người đệm nhạc.

Khi Rose nhìn Kathleen lần đầu tiên, cô thấy một người con gái của vận may và quay lại với các phím đàn. Lần thứ hai cô nhìn là để khẳng định lại rằng cái giọng hát đang tràn ngập căn phòng đó đúng là phát ra từ cái sinh vật được nuôi lớn từ sữa đang đứng trên thảm. Giọng hát rất đáng quan tâm. Còn người ca sĩ thì cứ đi xuống địa ngục đi.

“Nhạc lệch tông rồi”, Kathleen nói.

Thường thì Kathleen không nói gì trong suốt các buổi tập, cô chỉ phát ra những âm thanh mà nhạc trưởng yêu cầu và trong suy nghĩ riêng của mình, nghĩ đến hàng tá những cách trả đũa phá hoại hoặc giết ông ta. Nhưng hôm nay thì cô buộc phải nói, người đệm nhạc tốt kiểu gì mà lại không phát hiện ra rằng nhạc

đang bị lệch tông? Kathleen nói cho nhạc trưởng nghe về ý kiến của mình, nhưng Rose lại chỉ trích ngược lại Kathleen “Nhạc hoàn toàn đúng tông, cô đang bị lạc giọng.”

Kathleen nhìn người đệm đàn với ánh mắt vừa tức giận vừa thiếu tin tưởng. Và người đệm đàn nhìn lại - bình thản nhìn chằm chằm. Có vẻ xác xược nữa, sao cô ấy dám? Những góc cạnh trên khuôn mặt xinh đẹp như tượng của cô ta trông có vẻ khá kì cục khi đi kèm với áo tay phồng và tóc thắt bím kiểu học sinh. Kathleen nhìn đi chỗ khác một cách tức tối, không nhìn vào cây cộc đậu leo trong chiếc váy cũ xì đó nữa. Cô chờ đợi người nhạc trưởng la mắng người đệm đàn, hoặc cũng có thể là đuổi cô ấy. Nhưng thay vì vậy, ông quay sang Kathleen và nói “Nếu cô bớt chú ý vào việc làm ồn ào và chú ý lắng nghe nhiều hơn thì cô sẽ học được cách phân biệt sự khác nhau giữa cái đó” - ông nhấn mạnh vào một phím đàn “và cái này” - ông làm một âm thanh quàng quạc bằng giọng mũi, cố tình bắt chước Kathleen.

Kathleen tức tối đến đỏ mặt. Nhạc trưởng hướng dẫn cô một cách lạnh lùng “Bài một: gam”. Bài một! Kathleen hít một hơi và điềm tĩnh bước lui một bước dài. Cô tưởng tượng ra một thanh kiếm sắc bén cả hai mặt và hát theo thang âm, suy nghĩ mãi xem ai tồi tệ hơn: xơ Saint Monica hay người thầy dạy nhạc mà cô coi là một Kaiser này. Và sau khi đã hát được theo một nửa gam, cô quyết định: chính người đệm nhạc mới là tồi tệ nhất.

Cứ thay phiên đánh một gam, rồi nhìn người ca sĩ và rút ra kết luận rằng cô ấy không trắng, cũng không phải đỏ, mà là xanh lá. Có vẻ khó thấy, nó xuất hiện như một sự sỉ nhục, là những gân máu ở cổ tay, cổ và thái dương cô ta. Đây là những yếu tố vật lý củng cố cho giọng hát mà Rose biết là không có nguồn gốc từ con

người. Màu xanh đó chắc chắn là của rong biển. Rose để cho đầu óc mình lang thang theo kiểu này mỗi khi cô được yêu cầu chơi lặp đi lặp lại. Nó giúp rút nọc độc ra khỏi vết cắn. Rose không cần phải có niềm đam mê khi chơi nhạc của chính cô, bởi vì không có sự khác biệt giữa âm nhạc của cô và tư tưởng của cô. Ngồi một mình sau nhiều tiếng đồng hồ ở một nhà thờ trên tầng hai ở Harlem, khá xa về phía Bắc của phòng thu này. Tự do kiểm soát.

Nhưng lúc này thì: Bài một: gam. Kathleen nhìn trừng trừng vào người đệm nhạc.

Rose chớp mắt với cô ca sĩ và vờ gởi vào một ít tò mò pha lẫn với sự khinh bỉ.

Năm 1918. Thành phố New York tiến gần đến trung tâm của thế giới. Các đường phố của nó đầy những cô công nhân, những anh lính bộ binh và hàng đoàn những người di dân từ khắp mọi góc ngách trên thế giới. Kathleen vô cùng thèm khát một ngày được bỏ học, được cắt tóc và bỏ bớt những diềm áo. Cô đã hoàn toàn quên mất một “New York thời trang” trong tờ Harper’s Bazaar. Cô đang chết dần mòn vì một New York mới, đa dạng và tuyệt vời hơn vào lúc hai giờ chiều ở đường Mullberry so với lúc nửa đêm ở Ziegfield Follies. Ở cuối phía Bắc Manhattan, Rose đang chơi âm nhạc của chính mình trong khi bên ngoài khung cửa sổ nhà thờ của cô thì Harlem đang chuyển thành Harlem. Mẹ Rose đã nuôi cô lớn thành một ví dụ của “Chạy đua” và mỗi ngày thì danh sách những nơi Rose phải đến lại càng dài thêm. Nhưng Kathleen lại không bị gán vào những hạn chế như vậy. Cha cô đang ở rất xa, còn Giles thì không hỏi gì chỉ trừ một câu “Con có thích New York không con yêu?”

Lúc đầu thì Kathleen yêu New York, sau đó thì cô yêu một

người New York. Việc này xảy ra rất nhanh chóng, và rõ ràng là nó phải như vậy khi bạn chuyển từ New Waterford đến New York vào lúc mười tám tuổi.

Thời gian cho bọn trẻ

Ở nhà, James đã chậm lại một chút. Khi Kathleen đi rồi thì việc lại ngồi ở chiếc ghế dựa sau giờ ăn đã trở nên an toàn với anh. Ở góc phòng vẫn còn hai thùng sách chưa mở nhưng còn quá nhiều sách chưa đọc trong tủ nên James vẫn chưa đụng đến hai thùng đó. Sau này sẽ có đủ thời gian, khi Kathleen đã thành đạt với sự nghiệp của cô và anh không còn phải làm việc vất vả nữa. Năm mươi hai cuốn sách, không tính quyển Bách khoa toàn thư nước Anh. Một ngày nào đó ta sẽ có thể ngồi giữa tất cả những cuốn sách của mình và bắt đầu đọc.

Tuy nhiên ngay lúc này vẫn còn nhiều việc phải làm. Thêm nữa là James đã quyết định dành thời gian buổi tối quý giá của mình cho hai đứa con gái nhỏ mà lần đầu tiên anh mới để ý đến chúng. Anh rất hài lòng khi thấy chúng rất sáng láng, cả hai đứa, và cũng tự mắng mình vì đã hoàn toàn giao chúng cho Materia cho tới tận bây giờ. Anh dự định sẽ đền bù cho chúng, vì điều này nên vào một buổi tối không lâu sau khi Kathleen đi, James gọi hai đứa nhỏ đến bên chiếc ghế dựa, để mỗi đứa rúc vào ngồi một bên, mở một quyển sách to và bắt đầu đọc “Vào thế kỉ thứ hai của Công giáo, đế chế La Mã đã nhận thức được những vùng tươi tốt nhất

trên Trái đất và những khu vực đông đúc nhất của loài người.”

Hai đứa nhỏ ngồi nghe và cảm thấy bối rối vì những cái tên mới và những từ quá dài nhưng vẫn bị thu hút bởi giọng đọc kỹ lưỡng của cha, vì những hình ảnh lơ mơ của một thế giới tuyệt vời trải ra khi ông ra lệnh, và hơn hết là vì sự quan tâm đặc biệt của ông.

Cảm giác rất khác với cảm giác hồi hộp mà chúng cảm thấy khi ở bên Kathleen. Bên cạnh cha chúng cảm thấy thứ gì đó hiếm có và uy nghiêm. Chúng hiểu rằng ông đang dạy chúng học và chúng đáp trả bằng tất cả sự tôn trọng mà chúng có.

Mercedes đã gần sáu tuổi. Cô bé không bao giờ quên mang cho cha một tách trà, bưng nó một cách cẩn thận cùng với một quyển sách cho buổi tối. Nó là một đứa trẻ ngoan và thể hiện vai trò người giúp đỡ cho mẹ và chị gái của Frances một cách nghiêm túc - mặc dù cô bé có vẻ khá giản dị, mái tóc của cô bé lại có màu xám xịt. Tuy nhiên cô bé vẫn có một đôi mắt nâu xinh đẹp và tính tình tốt. Nhưng James không thể cưỡng lại một sự quan tâm đặc biệt dành cho Frances. Cô bé là một sinh vật sống động, sắp năm tuổi, mái tóc quăn vàng óng và nụ cười tinh quái, ánh sáng xanh nháy nhót trong đôi mắt màu lục của cô. Lúc nào cũng sẵn sàng một trò gì đó để chọc phá cha “Tóm được mũi cha rồi!” và đầy ý tưởng cho những trò chơi mà nó có thể chơi cùng Mercedes. “Mercedes, cạo đi!”, “Mercedes, biết sao không, mấy cái nút này nhét vừa vào mũi mình đấy!”. Mercedes đã học được nhiều qua những lần bị lỗi và biết được khi nào thì nên nói “Ừ”, còn khi nào thì nên nói “Hãy giả bộ là...”.

James không thích nghe Matera và tụi nhỏ nói chuyện bằng tiếng Ả Rập nhưng anh không phản đối. Anh chỉ phản ứng vào những lần đặc biệt khi họ cùng ngồi với nhau sau bữa ăn. Anh làm tăng sự cổ điển bằng những câu chuyện cổ tích và thơ ca.

Mấy cô bé rất thích thơ và học chúng một cách nhanh chóng. Đứng cạnh chân ghế của anh, tay nắm lấy nhau, ngay ngắn như hai cái khuy trên áo Kathleen - màu xanh là Mercedes, màu đỏ là Frances - những cái khuy trên giày chúng tỏa sáng đẹp đẽ, chúng lặp lại bằng giọng ê a trầm bổng “Tôi có một cái bóng luôn đi theo mình. Nó có nhiều lợi ích hơn tôi biết. Nó rất giống tôi, từ đầu tới chân. Tôi thấy nó nhảy lên trước mình, khi tôi nhảy lên giường.”

Sau đó Frances sẽ ré lên vui sướng còn Mercedes sẽ nhún gối cúi chào. James cười và vỗ tay. Frances bò lên đầu gối anh, Mercedes áp má vào tay anh và anh cảm thấy tảng băng trong ngực mình đang vỡ ra. Chiến tranh đã kết thúc. Anh đã về lại nhà mình và cuối cùng thì mọi thứ cũng đang tốt đẹp trở lại.

Tôi đang giữ chặt em trong pháo đài của mình
Và sẽ không bao giờ để em ra đi
Mà sẽ nhốt em vào ngục tối
Của lâu đài trong trái tim tôi.
Ở đó tôi sẽ giữ được em mãi Mỗi ngày và mãi mãi
Tới khi những bức tường đổ nát Và tan hết thành cát bụi.

Có ít thư gửi từ Kathleen hơn là James mong đợi, nhưng lâu lâu Giles sẽ gửi một tấm bưu thiếp để cho anh biết là mọi thứ vẫn ổn. Vào tháng Sáu có một hộp quà do Kathleen gửi về bao gồm hai con búp bê thủy thủ, một cho Mercedes và một cho Frances. Chúng rất phấn khích và ngay lập tức mang đồ chơi mới đến gặp gia đình búp bê của chúng, “Nhìn này các con, đây là các anh họ mới người Mỹ của các con đấy”. Có một bức thư đi kèm, James gọi các con đến bên chiếc ghế dựa và đọc lớn.

“Cha mẹ và các em thương,

Con đang tập luyện rất tốt dưới sự giám sát của thầy dạy nhạc. Ông ấy không thể hài lòng hơn nữa và con cũng vậy. Bà Giles là một người bạn tuyệt vời và đã giới thiệu cho con nhiều thứ về văn hóa rất thú vị. Cho tới nay thì con đã được đến tham quan Bảo tàng Lịch sử tự nhiên cũng như các nhà hát nhạc hiện đại. Cũng có nhiều dòng nhạc mới được biểu diễn ra mắt tại Manhattan và đó thực sự là một đặc quyền khi được là một trong những người đầu tiên thưởng thức những tác phẩm tuyệt vời như vậy. Cũng có rất nhiều các chiến sĩ đi ngang qua trên đường ra chiến tuyến và con đang lên kế hoạch đi theo bà Giles làm nhiệm vụ chăm sóc y tế, mặc dù con không có tí kỹ năng đan lát may vá nào và thực sự tội nghiệp cho chiến sĩ nào nhận được đôi vớ con đan. Bên cạnh thời gian giải trí, thời gian của con hoàn toàn dành cho việc học và tập

luyện, tập luyện, tập luyện. Làm ơn chuyển lời chào của con đến xơ Saint Cecilia nếu tình cờ gặp bà trong thị trấn. Con sẽ viết thư lại sớm.

Thương, Kathleen.

Đọc xong, James gấp lá thư lại và nhét vào túi áo ngực. Sau đó anh lại kể cho Frances và Mercedes nghe về việc học của Kathleen, khi nào cô học xong, họ sẽ bắt tàu đến New York và nghe cô hát ở nhà hát Metropolitan. Mercedes chụp hình tòa nhà trắng, Kathleen sẽ ngồi trên một ngai vàng bên cạnh một hoàng tử đẹp trai. Frances thấy một lâu đài với các nàng tiên cá đang bơi trong một cái hồ đầy bia, còn Kathleen thì đang cầm một thanh kiếm và hát trên ban công.

Mùa hè trôi qua nhanh, Materia vẫn nấu ăn, James vẫn làm

việc, còn các cô bé thì lớn nhanh. Vào mùa thu chúng đã có thể biết đọc. Việc này xảy ra như một sự thảm thấu, theo đúng cách mà nó phải xảy ra: sau nhiều tháng ngồi trong lòng cha và đọc theo những từ mà ông đang đọc, miệng cũng giả vờ đọc, đến một ngày chúng sẽ không phải giả vờ nữa. Tấm gương đã vỡ ra và bây giờ chúng có thể tự chọn những thế giới mà chúng thích, cùng với nhau hoặc một mình. Cảm ơn cha.

Vào ngày 7 tháng 11, James dắt các con đến bưu điện để nhận bức thư Kathleen gửi từ New York. Mỗi khi nhìn thấy biểu tượng thùng thư anh cảm thấy rất dễ chịu, nhưng hôm nay lại có một chút bất ngờ bởi vì trên phong bì không có địa chỉ người gửi và tên và địa chỉ anh được viết bằng nét chữ con gái nhưng rất xa lạ. Trong khi Mercedes và Frances đang dẫn đo chia nhau số kẹo cam thảo thì James mở bức thư ra đọc...

Nội dung bên trong hoàn toàn trái ngược với văn phong tao nhã của nó. Nó được kí tên là “Người ẩn danh luôn mong muốn điều tốt”, James gấp bức thư liên tục cho tới khi nó còn nhỏ xíu và dẫn đo: cho dù nó là một trò đùa hiểm độc hay là sự thật thì đêm nay anh cũng phải lên đường.

Ba ngày rưỡi sau đó, vào lúc 6:05 sáng ngày 11 tháng 11 năm 1918, James bước ra khỏi ga Grand Central.

Anh phải tìm Kathleen và đưa cô về nhà.

Chương 2

Vùng đất không người

Đêm Thánh Vô Cùng

Đêm đầu tiên của mùa hè năm 1919, trên gác mái của căn nhà trên đường Water, khi Kathleen đang trong cơn hấp hối - và ý thức về điều đó đã bị lấn át bởi những cơn đau quặn thắt vượt quá sức chịu đựng cứ liên hồi kéo đến, cùng với việc mất máu quá nhiều bởi quả bom đang kẹt cứng trong ổ bụng đang đe dọa phát nổ trước khi chạm đất - cô trải qua một khoảnh khắc nhẹ nhàng: sự yên bình dần lan đến, cơn đau đột nhiên giảm đi nhiều rồi biến mất, và có cả tiếng mẹ cô đang cầu nguyện rên rỉ liên hồi, báo trước một điềm xấu sắp ập xuống từ trên cao, Lạy Chúa đang giáng xuống trần, bà nài nỉ cầu xin, Xin Người hãy đến, xin Đức Chúa trời hãy ghé xuống đây ban phước lành nhưng đừng xáo trộn căn nhà chúng con. Xin Chúa hãy nghe lời chúng con cầu nguyện, xin Người hãy giữ khoảng cách an toàn với chúng con ngay lúc này đây, và trong giờ lâm tử...

Đây là một ca sinh ngược và đứa trẻ còn kẹt lại khi chân nó đã ra ngoài. Sẽ phải có ai đó không thể sống sót ra khỏi căn phòng

này. Cần phải lựa chọn, và họ đã chọn, hoặc ít nhất lựa chọn đó đã được phép xảy ra. Mọi thứ dần biến mất đối với Kathleen, bắt đầu từ âm thanh: tiếng của mẹ cô - lúc này có lẽ đang nói nhiều thứ tiếng hoặc ít nhất là nói tiếng mẹ đẻ của bà - rồi tiếng đấm cửa bình bịch của cha cô - ông sẽ làm sập cánh cửa ấy ngay thôi. Cô như bay lên từ sự thanh thản và yên bình tuyệt đối từ trong sâu thẳm tâm hồn, cùng với sự biến mất tạm thời của nỗi đau. Mọi thứ đang kết thúc với cô và ai cũng thấy được điều đó.

Materia cũng thấy điều đó. Cô đã biết trước điều đó, và đã chấp nhận nó, chứ không như James phía bên kia cánh cửa. Cô nhẹ nhàng khép mắt con gái mình lại, cầm lấy cây kéo - một cây kéo bếp cũ kỹ, sắc nhọn đã khử trùng chuyên cắt dây thừng - cô đặt lưỡi kéo bén hoắc trên bụng Kathleen, ngay chỗ nhô lên có hình dáng giống như cái đầu của một đứa trẻ. Cô rạch một đường ngang và cắt theo đường ngang đó; thời gian đang cạn dần, đứa trẻ sơ sinh sắp chết ngạt, và James thì có thể ập vào bất cứ lúc nào, chỉ một nhát cắt chẳng làm được gì cả.

Materia giấu nỗi sợ vào trong động thái chậm rãi của mình, cố nén chặt nó trong lòng, bây giờ và trong thời khắc của chúng ta - cô cắt thêm một đường nữa, lần này là một đường cắt dọc xẻ đôi vết cắt đầu tiên. Qua khoảng trống được mở ra bởi hai đường cắt, cô thọc hai bàn tay đang chấp lại kiểu cầu nguyện của mình vào cái bụng trơn tuột, nhầy nhụa và nóng hổi đang chứa một sinh linh của con gái mình. Tay cô lần qua những cây dương xỉ thần bí và những sợi mảnh đong đưa, cố tìm cái gì đó để nắm trong cái kho báu bị chìm sâu, rồi cô mò được cái mắt cá chân, rồi một cánh tay, và rồi kho báu đã nằm gọn trong tám lưới đan từ những ngón tay. Với một chuỗi những cú giật dứt khoát và mạnh bạo,

kho báu đã bị tách ra khỏi nơi nó đang kẹt cứng ở lưng chừng kênh đào chật hẹp, mặc kệ những đợt thủy triều ập đến ào ạt từ những khao khát hấp dẫn đầu tiên đó. Một nhóm những cánh tay bé xíu và những sợi thớ bị đứt còn sót lại và những dấu vân tay chỉ có một trên đời bị lôi về phía mặt biển nhầy nhụa căng phồng của nó. Bốn con mắt của nó bị cháy sém bởi ánh mặt trời đột ngột chiếu vào qua cửa ngõ rách nát dẫn ra thế giới bên ngoài, và trong phút chốc nó bị kéo ra khỏi bụng Kathleen từ miệng vết thương.

Không khí bắn tung tóe và nổi bọt quanh nó, đe dọa sẽ nhấn chìm nó - chúng - vì thực ra chúng có đến hai nhưng chúng nhưng chưa được cắt rời, nên vẫn được coi là một sinh vật thống nhất gồm một phần nam một phần nữ buộc dính với nhau trong bụng mẹ bằng một sợi dây rốn duy nhất. Nó - chúng là một sinh vật biết thở dính đầy máu, và có thể chết đuối trong luồng khí oxy chí tử này, sẽ chết chìm nếu chúng tiếp tục im lặng, và trở thành những con cá xanh trong chốc lát. Nhưng những sợi dây đã bị cắt rời, lép nhép, và buộc lại vừa kịp lúc, và ngay lập tức chúng hít thở thật sâu thật mạnh để không khí tràn vào phổi. Chúng trở thành những em bé vừa kịp lúc; bóng loáng, đẫm máu, mới tinh, khóc lóc, mắt nheo nheo, hung dữ, hai em bé.

Một trong hai đứa, đứa bé trai, bị chảy máu một chút ở mắt cá chân vì bị cắt trúng. Khi lưỡi kéo hạ xuống, bàn chân nó đang áp sát đầu em gái mình. Nó đã được sắp đặt để cái đầu ra trước như một động vật hữu nhũ tốt. Do đó, về căn bản, chính bé gái là đứa gây ra cái chết của mẹ chúng, bởi nó nằm ngược đầu. Tuy nhiên đó là một ván bài lật ngựa. Cặp song sinh đã quay ngược chiều kim đồng hồ trong bụng mẹ nhiều tuần trước khi ra đời.

Kathleen là một cái mỏ bị bỏ hoang. Một cái mỏ đựng rượu lậu đã bị cướp và ngập nước; một căn hầm đã hỏng đầy nguy hiểm, tất cả mọi thứ từ nhiên liệu và than đến hóa thạch của xương, hải quỳ, dương xỉ, của những sinh vật nửa thực vật nửa động vật, và cả mọi cơ hội có thể biến mọi thứ trong này thành kim cương đều đã bị đánh cắp.

James tưởng anh đã chứng kiến những điều tồi tệ nhất rồi vì xét cho cùng anh đã chiến đấu khi chiến tranh ập đến mà. Nhưng điều thực sự tệ nhất chính là chuyện đang xảy ra với anh lúc này đây, một chuyện lấy đi sự yên bình trong cuộc sống của anh mãi mãi. Nó còn ghê gớm hơn cả chứng bệnh thần kinh sau chiến tranh. Hơn cả Vùng Đất Không Người.

Tại một hang lớn trong một hẻm núi, chằm chỉ đào một mỏ than, người thợ mỏ ở đó, người đào vàng năm-bốn-chín, cùng con gái của mình, cô bé Clementine thật dịu dàng và xinh xắn như tiên, và cô bé mang giày số chín, những chiếc hộp chật ních không có nắp, chất đầy những đôi giày dành cho Clementine, ôi con gái cưng của ta, con gái cưng, con gái cưng Clementine, con đã đi, sẽ mãi không còn nữa, thương nhớ khôn cùng, con gái Clementine thương yêu.

Đây là điều Kathleen đã thấy trước thời khắc bình yên. Khoảnh khắc giữa nỗi đau và sự thanh thản, cô đã thấy - đứng yên cạnh cánh cửa đang đập liên hồi như đang lên cơn đau tim - Pete. Hẳn đứng đó, Chào cô bé, nhưng chẳng thể thấy được phần đầu của hắn. Lần này hắn không xuất hiện phía sau cô trong chiếc gương như trước nữa, mà đứng ngay ở cửa vì giờ cũng đâu có gì đe dọa được hắn nữa. Và xét cho cùng thì hắn cũng chỉ muốn nhìn cô, nhìn một lần cho tử tế kiểu Chào đằng ấy. Gương mặt không thể

thấy của hắn rúc bên dưới cánh tay Xin chào.

Và khi đã ngắm đủ, hắn lịch sự gục gặc cái cổ không đầu của mình để chào và rời đi. Cô rên rỉ trong chốc lát. Rồi cô bỗng được giải thoát khỏi đau đớn. Không gì hạnh phúc hơn, dễ chịu hơn khoảnh khắc này. Vậy là đủ rồi. Và sau đó tất cả những gì ta có thể làm là nhìn thấy hình ảnh còn lại của cô qua đôi mắt của mẹ cô, bởi cô đã không còn nữa.

Vấn đề nan giải của Materia chính là: Mình có cứu được người mẹ bằng cách cắt bỏ từng phần một của hai đứa trẻ sơ sinh, cuối cùng nghiền nát đầu chúng để lấy hết chúng ra khỏi cơ thể mẹ chúng không? Thật khó có thể nghĩ ra được tội ác nào xấu xa hơn tội này trong Công giáo. Tội ác không nằm ở những chi tiết đâm máu của ca phẫu thuật, vì những chi tiết khi làm điều đúng đắn cũng đâm máu như vậy, mà tội ác nằm ở việc lựa chọn mạng sống của người mẹ thay vì mạng sống của những đứa trẻ. Một khi phạm tội này, bạn sẽ bị nguyên rủa suốt đời. Materia đã làm đúng khi để người mẹ chết đi và hai đứa trẻ được sống.

Vậy thì tại sao cô lại qua đời vài ngày sau đó vì lương tâm bị cắn rứt bởi tội lỗi? Đó là vì dù cô đã làm đúng, nhưng lý do thì hoàn toàn sai. Với một lý do mà bản thân nó đã là một trọng tội. Trong hai ngày liên tiếp, cô luôn bị dẫn vật, cắn rứt lương tâm. Nhưng Chúa ở khắp mọi nơi. Người đã cho Materia bốn mươi tám tiếng đồng hồ để đối mặt với sự thật rằng điều cô đã làm, dù đúng đắn theo cách nhìn của giáo hội nhưng là tội sát nhân dưới con mắt nhìn thấu mọi việc của Người: Lý do thực sự tôi để con gái mình chết là vì tôi biết con bé nên chết đi như thế. Tôi không hiểu con bé lắm, nhưng tôi biết nó không còn muốn sống nữa. Nó thích được chết hơn, nên tôi đã cho phép nó ra đi.

Nhìn từ góc độ này, Materia đã không hề cứu hai đứa trẻ, cô chỉ ban một cái chết không đau đớn đối với một phụ nữ trẻ, và trọng tội chính là ở đó. Bởi nếu lúc đó con gái cô kêu khóc xin được sống, Materia không dám thề rằng cô sẽ không dùng kéo cắt hai đứa trẻ ra từng khúc hơn là để chúng được sống như đã làm. Và từ trong sâu thẳm trái tim mình, cô nghi ngờ điều này có nhiều khả năng xảy ra. Và trong sự ngờ vực đó, cô phát hiện ra một niềm an ủi khiến cô rùng mình, cuối cùng thì, cô đã có thể yêu thương được con gái mình.

Chúa tìm thấy một khe hở và Người nhanh chóng xuất hiện. Người yên vị trong tâm hồn Materia vài ngày và trong những ngày đó cô lau dọn nhà cửa điên cuồng không nghỉ.

Đến ngày thứ ba, cô lau dọn lò nướng, đầu tiên cô mở lò lên để những vết dơ đã khô cứng trong lò mềm ra, việc này sẽ nhanh thôi. Cô quá mệt mỏi rồi, cô đã không ngủ suốt ba đêm qua, thậm chí còn không chớp mắt được một giây, và chưa bao giờ cô làm việc nhiều như thế. Cô quỳ xuống trước lò nướng, tay khoanh lại trên giá đỡ và nhìn vào bên trong, đợi khí nóng thực hiện nhiệm vụ của mình.

Việc này sẽ không lâu đâu - cô tựa đầu mình trên hai cánh tay. Cô đã mệt lắm rồi. Cô sẽ bắt đầu việc chà rửa lò nướng ngay thôi, một giây nữa thôi...

Không biết là lần thứ bao nhiêu trong tuần này, James phải ứng biến ra một tâm hồn tội lỗi, bởi cơ bản anh chẳng có bao giờ. Anh tắt gas, lôi người vợ quá cố của mình lên lầu, đặt cô lên giường, nhét chuỗi hạt cầu nguyện vào tay cô, sau đó gọi bác sĩ và linh mục. Điều này cho phép Materia được chôn cạnh mộ

Kathleen trong nghĩa trang nhà thờ thay vì trong một mảnh đất nào đó không được Chúa ban phước - một nơi giống như nơi những người lính và những người tỵ nạn và những đứa trẻ không được rửa tội phải nằm lại vĩnh viễn, Vùng Đất Không Người đầy tội lỗi nào đó.

Tấm Bài Vị

Xin Chúa thương xót Linh hồn

Bà James (Materia) Piper (Nhũ danh Mahmoud)

Từ trần ngày 23 tháng 6 năm 1919

Hưởng dương 33 tuổi

“Chúng ta đã yêu quý bà ấy trong đời.

Hãy đừng bỏ rơi bà ấy cho đến khi những lời cầu nguyện của ta đã đưa bà về đến căn nhà của Chúa.”

THÁNH AMBROSE

Solace Art. Co. - 202 E. 44th St. N.Y.

Frances giờ đã gần sáu tuổi rồi. Con bé có khá nhiều câu hỏi liên quan đến tấm bài vị, nhưng rõ ràng đây không phải lúc hay nơi thích hợp để hỏi. Mercedes đang quỳ gối cạnh cô bé, giấu mặt vào tay khóc mãi, khóc đến thấm đẫm cả chiếc khăn tay. Mặt cha lạnh như tiền. Nếu gió có đổi hướng đi nữa thì gương mặt ấy cũng vẫn mãi như thế. Bà Luvovitz ngồi trên ghế dài bắc ngang lối đi chính giữa cũng đang khóc sau lớp mạng che mặt màu đen của bà. Đây là lần đầu tiên bà Luvovitz bước vào một nhà thờ. Bà MacIsaac cũng ở đó, bà đội một cái mũ gắn trên đó là những quả nho bám đầy bụi. Frances quả quyết rằng chắc chắn gió đã thổi

sang hướng khác đối với bà ấy từ lâu rồi. Ngồi vào chỗ Materia tại tang lễ là xơ Cecilia. Hoặc ít nhất là chính bà ấy trong cái áo choàng đen mềm rũ bên dưới chiếc khăn trùm đầu trắng bằng vải hồ có đầu nhọn kiểu Gotic. Frances nghĩ việc các nữ tu đội thánh đường trên đầu mới thật hợp lý làm sao.

Phía cuối thánh đường có một nhóm người lạ mặt. Tóc họ đen và quăn, họ có dáng người đầy đặn và những gương mặt màu ô-liu láng mịn. Họ là họ hàng không quen biết của Frances. Ông ngoại không biết Mahmoud của Frances không có mặt. Với ông, đám tang là một điều thừa thãi. Lúc này ông đang nhốt mình phía sau cửa hàng, ngồi khom người trên một cái ghế gỗ đơn sơ, hiển nhiên là đang miệt mài với sổ sách kế toán.

Ông hàng thịt Benny Luvovitz, cha và ông MacIsaac là những người phụ trách việc khiêng quan tài. Mọi thứ đều rất giống với đám tang của Kathleen vài ngày trước ngoại trừ ba việc: ngày hôm đó mẹ ngồi dự lễ tại nhà thờ chứ không nằm trong một cái hộp như hôm nay, ông già đáng sợ đã ngó vào quan tài của Kathleen miệng lẩm bẩm những lời bậy bạ bằng ngôn ngữ của mẹ hôm nay không xuất hiện, và quan trọng hơn cả là Frances đã nhận thấy ở phía cuối nhà thờ, đứng kế một phụ nữ da đen tròn trịa, bé nhỏ, có búi tóc màu xám tro là một người dáng cao cao ốm ốm: chính là người phụ nữ da màu đã đến nhà đưa cho cha một cái phong bì và cho Frances một cây kẹo cách đây hơn một năm. Teresa ở đây vì lí do nào đó. Cô hầu gái Teresa. Nữ hoàng Teresa. Frances không nghe thấy tiếng nhắc nhở bảo cô bé nhìn về phía trước, rồi cô bị cha kéo lại thật mạnh, về đến nhà cô sẽ lãnh đủ cho xem. Nếu nhanh chân, có lẽ tí nữa cô sẽ kịp chạy theo người phụ nữ đó ra khỏi nhà thờ, nhảy lên taxi cùng bà ấy và

không bao giờ quay lại nơi đây nữa. Họ sẽ cùng nhau đi đến vùng đất của những cây kẹo cứng bạc hà cam thảo có màu trắng và đen.

“Nhìn phía trước ngay!”

Frances chắc chắn sẽ làm được điều đó sau tang lễ. Cô bé không dám đưa mắt nhìn người phụ nữ trong mơ của mình thêm một lần nào nữa. Nên thay vào đó cô dành tập trung vào tấm vị bài: THÁNH AMBROSE. Cái tên tự tách ra khỏi tấm thiệp, để lại tên thánh phía sau như cái đuôi, và đi vào tâm trí con bé. Cái tên cứ lượn lờ trong đầu cô theo một lộ trình kết hợp đầy bí ẩn cho đến khi ngừng lại ở hình ảnh đứa bé trai mới sinh đã chết trên tay nó vài ngày trước. Ambrose. Đúng. Đó sẽ là tên của thằng bé. Ambrose.

Trong vòng một tuần qua đã có ba cái chết xảy đến với căn nhà số 191 đường Water. Và hai đám tang. Và ba lễ rửa tội. Và ba lần chôn cất. Và cả hai tấm vị bài, giống hệt nhau, chỉ những thông tin được điền vào chỗ trống là khác thôi. Một tuần thật dài. Đủ để làm bạn cảm thấy như đã hít trúng khí cười. Và lúc này Frances muốn cười vô cùng, cô không giải thích được nguyên do, nhưng cô biết chắc rằng đó là điều tệ hại nhất người ta có thể làm lúc này. Ôi không. Trong đầu nó đã xuất hiện những ý nghĩ về việc cười rồi, nên giờ không thể không nghĩ đến chuyện đó được nữa. Con bé lấy tay che mặt mình lại và cười sằng sặc. Đã cố kiềm chế, cố gắng cười thật nhẹ thật khẽ, nhưng rồi cô bé bắt đầu cười ngặt nghẽo, người cô run lên. Cô áp tay mạnh hơn vào mặt và cố ngừng lại nhưng không tài nào cưỡng lại được. Giống như cơn buồn tiểu bạn gặp phải khi đang chơi ngoài sân và không chịu vào nhà đi vệ sinh vậy - nước sẽ ồ ạt tuôn ra tuôn ra và điều này

tuy hoàn toàn giải tỏa những bức bách trong bạn nhưng nó cũng khiến bạn mất mặt vô cùng.

Frances thì có thừa nước. Nhưng còn có gì tệ hơn khi cái chuyện nực cười kỳ quặc này lại xảy đến ngay tại đám tang của mẹ cô, chỉ cách hai ngày sau đám tang của chị cô, chỉ hai ngày sau những lễ rửa tội và cái chết của - ôi không, cô chảy cả nước mắt vì cười quá nhiều và giờ nước mắt đang dần thấm đẫm đôi bao tay cotton của cô. Frances chờ đợi bàn tay cha túm lấy gáy cô và sau đó lôi xềnh xệch ra khỏi nhà thờ khiến cho cô xấu hổ không để đâu cho hết. Nhưng những gì cô bé nhận được lại là một cái vỗ nhẹ vào đầu - bởi bàn tay cảm thông đầy thấu hiểu của cha, và chiếc khăn tay thấm nước mắt từ chị cô. Frances kinh ngạc. Họ nghĩ mình đang khóc.

Trong khoảnh khắc này Frances rút ra được một điều có thể giúp cô sống sót và sống yên đến cuối đời, đó là điều này có thể giống điều nọ, thực tế của một sự việc không cần thiết phải liên quan gì đến bản chất của sự việc đó. Trong khoảnh khắc này, thực tế và bản chất sự việc hoàn toàn tách biệt nhau và bắt đầu lang thang như trong truyện cổ tích, chờ đến khi được gắn kết lại bởi người sở hữu bí mật đã làm chúng tách rời nhau ra.

Nói đơn giản là Frances đã học được cách nói dối.

Trong tất cả các bí mật của Frances, chuyện về Ambrose là lớn nhất. Nó cũng là món quà to nhất dành cho Lily.

Bức Họa Trong Hang

Khi cánh cửa căn gác xếp cuối cùng cũng hé ra, James nhìn thấy một bức họa tĩnh lặng: Cái Chết và Người Mẹ Trẻ. Một bức vẽ cường điệu, thiếu mỹ thuật. Một bức họa dân dã xuất phát từ một nền văn hóa nóng. Mộc mạc. Mơ hồ. Chân thực.

Đây không phải cái chết nhẹ tựa lông hồng thời nữ hoàng Victoria. Không có nét xanh xao yếu điệu đáng kính, không những tia sáng chiếu xuống từ thiên đường, và cũng không có người chồng quần trí lịch thiệp. Bức tranh này sống động hơn nhiều. Treo phía trên thanh sắt đầu giường là tượng Đức Chúa bị đóng đinh trên thập giá. Mỗi bên thập giá treo một bức ảnh nhỏ: một bức là Đức mẹ Đồng trinh với trái tim linh thiêng đang cháy rực trên ngực trái, còn bức kia là của Đức chúa Giê-su con trai Người với trái tim cũng lộ ra ngoài và rỉ máu vì bị dây gai chọc vào. Trông họ dễ chịu vô cùng, mẹ và con trai. Họ đã cùng tìm đến được một chốn bình yên khi đang phải gánh chịu sự đau đớn vô cùng.

Người Mẹ Trẻ đang nằm trên giường, hai mắt nhắm nghiền. Mái tóc đỏ hoe dẫm mồ hôi và bết dính vào gối. Máu thấm ướt cả tấm trải giường. Phần giữa cơ thể cô đã rách nát. Một phụ nữ da màu mập mạp khoảng hơn ba mươi tuổi đang đứng cạnh cô. Người đó là Bà Ngoại. Bà bồng trên hai tay hai đứa trẻ sơ sinh

dính đầy máu bị buộc dính vào nhau ở mắt cá chân, hết như một bà nội trợ đảm đang ước tính cân nặng một cặp gà. Bà ngoại đứng trong tranh, mặt hướng thẳng vào người xem.

Nếu thật sự đây là một bức họa, thì sẽ có một con quỳ núp dưới nắp rương phía chân giường, đang lén nhìn ra chờ bắt linh hồn của Người Mẹ Trẻ. Thế nhưng Vị thần Bảo hộ của người mẹ trẻ ấy đã không để hẳn thực hiện được điều đó, Người dang đôi cánh chờ đợi để dẫn linh hồn đã lìa khỏi xác của cô về với Chúa. Linh hồn Người Mẹ Trẻ, lúc này đang nửa dính nửa rời với xác của cô, đang rất thoải mái với mái tóc được chải gọn gàng, chiếc đầm ngủ trắng tinh khôi, và gương mặt không gợn cảm xúc - cuộc hóa thân thần thánh đầu tiên đã diễn ra, cô đã rũ bỏ tính cách cũ của cô như lột bỏ lớp da cũ. Cô sẽ không cần dùng đến nó ở nơi mà cô sắp đến. Bức tường phía trên trên cây thánh giá đã không còn mang tính vật chất tầm thường nữa. Trên đó, những áng mây lững lờ trôi. Và đâu đó trong những đám mây ấy, Chúa đang chờ đợi.

Tuy nhiên, vì đây không phải là một bức tranh mà chỉ là một khoảnh khắc bất động trước mắt James, nên dẫu có đi chẳng nữa thì mắt thường của ta cũng không tài nào thấy được những yếu tố siêu nhiên đó. Mà chỉ thấy một Người Mẹ Trẻ đã chết, Bà Ngoại, hai Đứa Trẻ sinh đôi, những Biểu Tượng, và chiếc rương. Bạn có thể làm gì với một bức tranh như thế? Bạn không bao giờ muốn thấy nó lần nữa, nhưng lại không thể tự tay đốt hoặc xé nó thành từng mảnh. Bạn phải giữ nó mãi mãi.

Cất nó trong rương đi James. Đúng rồi. Đó là nơi thích hợp để cất nó. Chẳng có ai lục lọi trong đó cả. Điều này hẳn là rất điên rồ. Bạn không thể nhét hình ảnh của một khoảnh khắc vào một cái

rương hiện hữu như đem cất một món đồ gia truyền được. Nhưng trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, James thấy như anh đang thực sự nhìn vào nó, một bức vẽ mà anh đã giấu trong rương nhiều năm về trước và nay bỗng tình cờ thấy lại. Sự bối rối tạm thời này là một điềm báo; nó báo trước cho anh biết là không bao giờ anh thoát khỏi cảnh này. Rằng cảnh này sẽ mãi sống động, cho đến tận mười bốn năm sau những sắc màu của nó cũng vẫn mãi tươi mới như ngày hôm nay.

James bước ra khỏi căn phòng, nhưng không đi được xa. Chân anh dẫn lối và anh ngã xuống ngay bên ngoài cánh cửa đã bị dẫm sập, bất tỉnh. Anh không nghe tiếng khóc chào đời của hai đứa trẻ vọng ra từ bên trong. Nhưng tiềm thức của anh đã nghe thấy. Tiềm thức đó không chỉ chuyển tải thông điệp mà còn lưu lại thông điệp ấy vào một mảnh giấy vụn dính trên tường hang. Nó đang tạm ngưng hoạt động để chiêm ngưỡng bức họa trong hang dưới ánh sáng của bóng đêm.

Vài giây sau, ngay khi Materia vừa bước ra khỏi phòng, James giơ tay ra nắm chặt lấy mắt cá chân cô lại, suýt nữa làm cô ngã nhào xuống cầu thang chật hẹp. Anh hé miệng hỏi “Cô đang đi đâu đó?”.

“Tôi đi gọi linh mục.”

“Không, cô không được đi đâu hết.” Giờ James đã thực sự tỉnh táo.

“Chúng sẽ được rửa tội.”

“Không.”

“Chúng phải được rửa tội.”

“Không.” James gầm lên

“Anh sẽ giết chúng mất, anh sẽ hủy hoại linh hồn bọn trẻ mất, anh là tên ác quỷ...”

Rồi cô tặng anh thật nhiều cú thụi mạnh vào mặt. Giả như có kéo trong tay thì chắc cô cũng sẽ chẳng ngần ngại chọc thủng mắt anh ngay tức khắc - “Ebn sharmoota, kes emmak! Ya khereb bEytak, ya Hara’ deenak!” Cô sẽ làm điều đó ngay lập tức nếu có một cái lưỡi lê trong tầm với. Và Chúa sẽ hiểu cho cô. Tại sao trước đây cô không nghĩ đến điều này chứ? Giờ Materia cũng đã thức tỉnh, sau mười chín năm ngủ vùi. Và cô sẽ giết anh ấy nếu có thể.

Một tay James giữ chặt cổ tay Materia, tay kia anh bịt chặt miệng cô. Mắt cô trợn ngược. Anh nói, “Ai là kẻ giết người hả? Ai giết người? Chúa nguyên rủa cô, Chúa sẽ nguyên rủa cô, đồ khốn kiếp -” Anh nhấn mạnh những lời nguyên rủa của mình bằng cách chậm chậm đập đầu cô vào tường. Mắt cô lảo liên, cố tranh luận với anh, nhưng không có cách nào thoát ra lời nên mắt cô trông như mắt một con ngựa, câm lặng, đầy hãi hùng. Nước mắt anh bỗng tuôn trào. Môi anh mấp máy bên dưới làn nước mắt và nước mũi, máu chảy ra từ mũi anh, anh đang òa vỡ những tiếng nức nở thương tâm, với nỗi đau đớn vô cùng, và bức tường lúc này đã trở nên dễ chịu hơn với cái đầu của Materia. Lần này anh đã nghe được tiếng

khóc từ bên trong. Như tiếng mèo kêu. Anh xốc Materia lên và bồng cô đi qua ba dãy cầu thang xuống hầm than rồi nhốt cô lại. Sau đó anh bỏ ra ngoài đi dạo, và đương nhiên là nốc thật nhiều rượu nữa. Vài người trong chúng ta không được trang bị cho việc tự tử. Và khi chúng ta ở tận dưới đáy thì tự tử lại càng là một điều vượt quá khả năng sáng tạo.

Chỉ còn lại một mình Frances bé nhỏ, đứng dưới chân cầu thang dẫn lên căn gác xép. Dựa vào những điều đã được dạy cùng với những điều Frances đã nghe và thấy tối nay, cô bé có thể chắc chắn một chuyện: những đứa trẻ trên gác cần phải được rửa tội. Nhưng cô phải hành động thật cẩn thận và nhanh chóng. Không thể để bị bắt quả tang được. Cô đứng dưới chân cầu thang nhìn lên.

Căn phòng trên gác xép nhiều tháng nay vẫn là một nơi bình yên và tĩnh lặng tuyệt đối. Cho đến đêm nay. Chị lớn của cô đang nằm trên đó tuyệt đối yên lặng. Frances và Mercedes được cho phép vào phòng để đọc sách và mang thức ăn cho chị lớn. Chúng đã đọc Về đẹp đen, Đảo giấu vàng, Căn nhà hoang, Jane Eyre, Katy đã làm gì, Những phụ nữ nhỏ bé và những mẩu truyện nhỏ trong cuốn Kho tàng truyện về những vị Thánh và những người anh hùng dành cho trẻ em. Cả hai quyết định sẽ để dành những từ khó lại để lần sau tra để khỏi cản ngang mạch đọc truyện. Chúng còn nhờ mẹ tìm giùm công thức nấu những món ăn kì lạ chúng tìm thấy trong Katy đã làm gì và Những phụ nữ nhỏ bé. “Bánh Pút-đinh” có vẻ là món khoái khẩu của những cô gái gầy nhom. Chúng chẳng bao giờ hiểu được nó là gì. “Ăn trắng”. Món ấy có vị thế nào nhỉ?

Frances biết là chị Kathleen của cô rất mệt mỏi với khối u trong bụng. Mercedes bảo với cô đó là u ác tính. “Bọn mình phải cầu nguyện cho chị ấy”. Và chúng cùng nhau cầu nguyện cho Kathleen. Chúng thôi không ăn kẹo nữa mà làm một cái hòm nhỏ và bỏ những viên kẹo vào đó và chờ đến khi chị gái khỏe lại sẽ ăn.

Và đây là Frances, sáu tuổi, đang đứng ở chân cầu thang chật hẹp dẫn lên gác mái. Cô bé không sợ bóng đêm, hơn nữa, vẫn có

chút ánh sáng leo lắt hắt xuống từ căn phòng bên trên. Cô bé đầu có một mình, còn có chị lớn và hai đứa trẻ đang o oe như mèo đang nằm trong phòng ấy nữa. Mà Frances thì rất yêu mèo. Frances đi chân không, cô đang mặc chiếc đầm ngủ trắng và tóc thì được thắt thành hai bím dài. Cô bước đến chân cầu thang. Con bé quá thấp nên không đứng được ngang tầm mắt với chỗ lõm mới xuất hiện trên tường; cũng phải thôi. Nhưng vậy thì có vấn đề gì đâu chứ, cô đã thấy cách vết lõm đó xuất hiện ở đó, và giờ cô đang đi vào phòng và sắp sửa thấy tất cả mọi thứ. Đôi chân trần bé nhỏ đưa cô bé đi qua những mảnh vỡ của cánh cửa đã bị đập nát.

Điều khác biệt giữa Frances và James là, dù cô thấy một phiên bản của cùng một bức ảnh ghê rợn mà James đã thấy, nhưng cô còn khá non nớt nên không chịu ảnh hưởng quá mạnh từ ký ức hang động. Dù nào con bé sẽ không bao giờ quên, nhưng hình ảnh đó sẽ bị đánh cắp ra khỏi tiềm thức của cô - một nghệ thuật trộm cắp vĩ đại - và xếp gọn vào với mặt sơn dầu quay vào tường hang. Cô đã quyết định rồi, “Để chúng ta có thể tiếp tục hoạt động thì bức tranh này không để ở đâu đó quanh đây.” Thế nên, khi Frances nhìn thấy chị cô, khác với cha mình, cô sẽ quên điều vừa thấy gần như ngay lập tức, nhưng cũng y như cha mình, cô sẽ không thể vượt qua được điều này.

Điều Frances nhìn thấy là máu. Là những bức ảnh treo trên tường. Là cây kéo. Và là những đứa trẻ đang cọ quậy nhè nhẹ giữa hai chân Kathleen, nơi chúng vừa được xếp vào để tránh bị rơi khỏi giường trong khi chờ linh mục đến. Vậy là bí mật liên quan đến khối u ác tính của Kathleen giờ đã bật mí; và nó được xếp vào loại “Bình thường” trong đầu Frances.

Frances nghĩ ra một cách để mang cả hai đứa trẻ đi cùng lúc: cô trải thân trước chiếc váy ngủ trắng của mình lên giường rồi đặt hai đứa trẻ trơn nhẵn vào đó. Cô xếp chúng lại ngay ngắn, cái váy biến thành một cái bọc thật thoải mái. Con bé ôm cái bọc đựng em bé của mình lên, hành động này khiến cho chiếc quần nhỏ của cô lộ ra, cô bước thật cẩn thận xuống hai dãy cầu thang, đi qua nhà bếp, ra cửa sau, băng qua những ụ than đen ngòm trong sân sau cho đến khi ra đến bờ lạch. Có một thứ rất đáng sợ: tên bù nhìn đứng ở giữa khu vườn phía bên kia sông. Nếu đồ chơi sống dậy vào buổi tối, thì điều gì xảy ra với bù nhìn nhỉ? Frances tránh không nhìn vào hắn. “Hắn chỉ là đồ vật mà thôi.” Nhưng cô cũng không muốn làm hắn bực mình đâu. Con bé âu yếm đặt hai đứa trẻ xuống bãi cỏ. Trời đêm nay thật ấm áp và dễ chịu.

Frances tiếc vì đã không nhớ lục cái rương để tìm cái đầm trắng có dây buộc và cái mũ em bé - bộ đồ mà cô, Mercedes và Kathleen đều mặc khi được rửa tội. Quá muộn rồi, không có thời gian đâu, mình phải làm xong trước khi cha về mới được.

Frances đã yêu thương cháu trai và cháu gái mình rồi. Cô sẽ làm bất cứ điều gì có thể để bảo vệ cho linh hồn chúng. Con bé biết rằng nếu không làm thế thì những đứa cháu bé bỏng của cô sẽ phải mang Tội Nguyên Thủy khi lìa đời, và phải đi đến vùng-đất-không-tồn-tại, Vùng quên lãng, và mãi mãi không được biết đến.

Frances chưa bao giờ nhìn cận cảnh một buổi lễ rửa tội, nhưng cô đã nghe tiếng linh mục lầm rầm nói với hai môi gần như dính chặt, và cũng đã thấy linh mục nhúng đầu đứa trẻ vào nước. Linh mục đang cầu nguyện, hẳn rồi, nên Frances cũng phải cầu nguyện. Nhanh lên nào Frances. Con bé làm dấu thánh giá, In

nomine padre... Nhân danh Cha và Con và Thánh Thần. Cô đưa mắt nhìn hai đứa trẻ nhỏ bé đang nằm đó dưới ánh trăng mờ nhạt; “Ưu tiên phụ nữ.” Cô bồng bé gái lên và trượt theo triền sông xuống nước. Cô lội ra giữa dòng, nước sâu ngang hông. Đối với Frances bé nhỏ thì đúng là như vậy. Chiếc đầm ngủ của con bé phồng lên và nổi lênh bênh trên mặt nước trước khi thấm nước và chìm xuống quanh chân nó. Con bé dùng ngón tay cái làm dấu thánh giá trên trán cháu gái mình.

Bây giờ đến phần cầu nguyện. Frances thử nói: “Chúa ơi, xin hãy rửa tội cho đứa bé này.” Tiếp đó cô đọc bài kinh cầu nguyện trước khi đi ngủ yêu thích của mình, “Hỡi vị Thiên thần của Thiên Chúa, vị thần hộ mệnh đáng kính của con, qua Ngài mà tình yêu của Chúa đến với con nơi đây, xin ở lại bên con hôm nay, để soi sáng và bảo vệ con, để cai quản và dẫn dắt con. Amen.” Và giờ là phần nhúng đầu đứa trẻ xuống nước. Frances cẩn trọng đưa đứa bé về phía mặt nước. Đứa trẻ vẫn còn rất trơn, nó tuột khỏi tay Frances và chìm xuống nước. Ôi không. Nhanh lên! Gà mái, gà trống, con gà, con vịt! Frances thụp xuống nước, chộp ngay đứa bé trước khi nó rơi xuống đáy, rồi trồi khỏi mặt nước và ôm chặt nó vào lòng. Không sao rồi. Trái tim bé nhỏ của Frances đập mạnh như một con chim nhỏ đang nằm gọn trong miệng mèo đói, nó thở dốc, đứa bé oe lên khe khẽ và ho nhẹ vài tiếng, tiếng ho nghe mới ngọt ngào làm sao. Không vấn đề gì cả, con bé chỉ uống một ít nước thôi, không sao. Ổn rồi. Frances đứng đưa nó nhẹ nhàng và hát một bài cô vừa sáng tác tức thì, “Bé yêu, bé yêu... bé yêu, bé yêu... bé yêu, bé yêu”. Xong. Ít nhất thì bây giờ đứa bé đã sạch sẽ và tươi mát.

Frances bò trở lên bờ, đặt bé gái xuống cỏ, hôn đôi tay bé tí của

nó rời quay sang ẵm đứa bé trai. Con bé biết mình phải đặc biệt cẩn thận với trẻ sơ sinh bởi đầu của chúng chưa “khép chặt”. Như có một cái rãnh hay gì đó chạy dọc trên đỉnh đầu của chúng. Nó được gọi là “điểm mềm”, dù nó giống một đường thẳng hơn.

Có thể thấy rõ nó trải dài bên dưới lớp da xanh xao đang bao bọc nó. Frances không nhìn thấy nó trên đầu đứa bé gái bởi tóc nó dày đến kì lạ, nhưng trên cái đầu lưa thưa tóc của bé trai thì nó hiện ra rất rõ: là một đường rãnh không sâu lắm chia đôi đầu đứa bé. Frances xuống nước thêm lần nữa, con bé nhè nhẹ lần tìm đường rãnh màu xanh nhạt trên đầu đứa trẻ sơ sinh. Lỡ có ai đó đến và thọc ngón tay của họ vào đó thì sao đây? Thằng bé sẽ chết mất. Frances rùng mình trước ý nghĩ sẽ có ai đó xuất hiện và làm điều đó. Nếu chính tay cô lần ra phía trước và làm vậy thì chuyện gì xảy ra chứ? Ôi không, nhanh nào, mà phải rửa tội cho em bé trước khi quá trễ. Trước khi cha về, hay trước khi ai đó nhấn tay vào đầu đứa bé.

Frances đã lại đánh rơi đứa trẻ thứ hai. Ôi không. Nhanh lên! Gà mái, gà trống, con gà...

“Con đang làm cái quái gì vậy?”

Frances ngóc đầu lên, thôi lặn ngụp. Là cha. Ông đang đứng đó, trên con đê, chân dang rộng tạo thành chữ V ngược thật to. Một tay ông đang ẵm đứa bé gái.

“Biển ra khỏi đó ngay, mau lên!”

Cha say rồi, nếu không thì ông đã chẳng chửi rửa trước mặt một đứa trẻ. Ông lần xuống và tóm lấy Frances bằng một tay, nhấc bổng cô bé ra khỏi mặt nước với chiếc váy ngủ ướt nhẹ rủ xuống phủ cả ngón chân. Cô giống hệt nàng tiên cá bé nhỏ cuối

cùng cũng được mời lên con tàu xinh đẹp Homo Sapiens, đã sẵn sàng mang thử đôi chân mới. Giống hệt, chỉ có những vết máu là khác.

Mặt nước tối đen như mực. James không hề thấy đứa trẻ dưới sông. “Không!” Frances hét lên khi ông đặt cô xuống cỏ. Cô không thể tìm được lời nào để nói. Cô không thể kể với ông, lúc này kể chuyện không phải là một lựa chọn, chuyện này giống như trong mơ vậy, cô quên cả cách nói bằng thứ tiếng Anh phù hợp, “Đứa kia còn ở dưới đó, nó chết đuối mất thôi. Chúng ta phải vớt nó lên!” James tung cô bé về phía trước, rồi giật nó lùi ra sau, cứ theo cách đó mà đi về phía căn nhà. Frances vùng ra rồi quay đầu chạy. Ông lão đảo rượt theo sau. Cô chạy đến bên sông rồi nhảy lên. Qua đỉnh đê. Nhào xuống nước và ngụp lặn. Cô quờ quạng dưới đáy nước để tìm đứa trẻ, phổi cô đau nhức, ở dưới này cô cũng mù tịt như đứa trẻ mà cô không thể tìm thấy, rồi cô tìm thấy thằng bé. Cô trồi lên, phá vỡ mặt nước lần thứ hai, ngay lúc James lão đảo chạy đến bờ sông. Cô ôm đứa bé vào ngực; thằng bé ngo nguậy một cái rồi im hẳn. Cô ngược lên nhìn cha, rồi nhìn đứa bé gái. Cô bắt đầu run lấy bầy.

James thốt lên, hoặc chỉ nghĩ trong đầu, “Lạy Chúa Giê-su, Lạy Chúa Giê-su, Lạy Chúa Giê-su.” Ông trượt xuống triền sông, ôm lấy đứa bé và làm hô hấp nhân tạo cho nó. Nhưng vô ích thôi. Thằng bé đã ở dưới nước quá lâu, ít nhất là hai mươi giây. Rằng Frances bắt đầu va vào nhau lách cách, và cô bé tự hỏi liệu cây kẹo trắng đen của nó có còn nằm yên dưới đáy nước hay đã bị cuốn trôi ra biển.

Bánh Pút-đinh

Cả ngày hôm sau, Frances nằm dài trên giường, run rẩy. Răng đập lạch cạch. Cô không ấm lên được. Hiện đang là tháng sáu, và môi cô bé tái xanh.

Mercedes đắp mấy tấm chăn cho cô và cho cô ăn bánh Pút-đinh giả vờ. Chỉ là “giả vờ” thôi bởi ngoài phạm vi tiểu thuyết thì món bánh ấy không tồn tại, và bởi vì tất cả những gì Frances có thể ăn được trong vài ngày tới là thức ăn giả vờ.

Mẹ đâu rồi? Khi trong nhà đang có một đứa trẻ đang rét run trên một cái giường và một đứa trẻ sơ sinh đang nóng như thiêu đốt trên cái giường khác? Mẹ đang lau dọn dưới lầu. Căn nhà sạch bong không một hạt bụi.

Xin Chúa thương xót linh hồn

Kathleen Cecilia Piper

Từ trần ngày 20 tháng 6 năm 1919

Hưởng dương 19 tuổi

“Chúng ta đã yêu quý cô ấy trong đời.

Hãy đừng bỏ rơi cô ấy cho đến khi những lời cầu nguyện của ta đã đưa cô về đến căn nhà của Chúa.” ST. AMBROSE

Solace Art. Co. - 202 E. 44th St. N.Y.

Frances ngừng run rẩy vừa kịp để tham dự lễ tang của Kathleen nhưng con bé vẫn chưa ăn nổi bất cứ món ăn thực sự nào. Giờ thì cô đã mất hết ký ức về những việc đã xảy ra cách đây hai đêm. Chúng đã trôi đi theo những cơn run rẩy của cô. Ký ức hang động đã kết hợp đầy sáng tạo với tiềm thức của cô, cả hai sẽ nhanh chóng bao bọc ký ức vào chuỗi xoay vòng của những giấc mơ, những câu chuyện mơ hồ và những bức tranh vẽ bằng ngón tay. Thực tế và sự thật, sự thật và thực tế... “Cái đầm ngủ của em đâu rồi, cái mà có - Em đã làm đổ cái gì đó, em phải giặt nó mới được, có nhớ con cá lần đó em bắt được dưới sông không? - Em đã bắt được, thật đó, ở đó nhiều cá lắm - nó có một đường sọc mỏng màu xanh nhưng em đã thả nó đi, nó chỉ là cá con thôi, nhỏ lắm không ăn được, em thả nó xuống nước, nó bơi đi ngay, nó bơi ra biển lớn...”

Nhưng cái đầm ngủ thì mất lâu rồi - nó đã được dùng để làm vải liệm cho đứa bé trai và được chôn vào lòng đất.

Còn về con cá, mọi người đều biết rằng chưa bao giờ có con cá nào để mà bắt ở dưới sông cả. Thứ duy nhất sẽ được bắt được từ con sông đó là bệnh bại liệt.

Một ngày sau đám tang Kathleen, tức là ngày thứ ba sau khi Kathleen mất, trong cơn chán ăn của mình, Frances bỗng thấy bụng đói đến cồn cào. Cô đi xuống bếp, nơi mẹ cô đang chuẩn bị lau lò nướng, mở cái tủ búp-phê dài và mở nắp lọ bột. Cô chụm hai bàn tay lại để bốc một nắm bột trắng lên, rồi cẩn thận đi qua bếp và lên phòng. Matera quét sạch vết bột trắng mỏng rơi phía sau Frances mà không buồn nói, chẳng muốn nhìn lên, cũng không màng lau tiếp khi vết bột ra khỏi rìa tấm vải lót sàn nhà bếp.

Về đến cái giường quen thuộc của mình và Mercedes, Frances bỏ bột trên tay vào một cái chậu rửa bằng sành trống không được cất trong tủ, rồi cô chế nước trong bình vào chậu và lấy tay trộn đến khi bột trở nên dính và mềm. Bốc bột lên bằng hai tay, cô nằm cuộn tròn trên giường và bắt đầu mút. Ban đầu cô bé mút thật nhanh, tạo ra những âm thanh nho nhỏ, rồi nó mút chậm lại khi cơn thèm ăn đã giảm xuống. Mí mắt cô trĩu nặng và rồi thiếp đi, bột dính đầy trên miệng.

Mercedes vào phòng, mang theo một cái khay chất đầy những món ngon vô hình. Mối Frances thỉnh thoảng vẫn mút nhẹ nhẹ trong giấc ngủ. Mercedes đặt cái khay xuống, cẩn thận để không làm đổ bình rượu vang đỏ và chế rượu vào cái bánh pút-đinh. Cô cúi xuống gần Frances và rờ trán em, sau đó nhẹ nhàng chùi những vết bột đang dính chặt trên miệng con bé. Cô mang cái khay xuống lầu, lần theo vết bột trắng đến tận cùng của nó ở rìa tấm vải lót sàn bếp, cô ngừng lại. Không phải vì vết bột đó kết thúc mà cô ngừng lại, mà chính bởi điều cô nhìn thấy. Là mẹ. Mercedes đứng như trời trồng, cục bột sống nằm yên trong tay cô như một món lễ vật. Cô đang định nướng bánh cho Frances. Ăn bột sống là điều không tốt, nó làm cho bạn bị nhiễm giun. Mercedes đang định nướng bánh bằng lò nướng. Nhưng mẹ cô đang sử dụng lò rồi. Mercedes đứng đó một lúc lâu, hai tay đầy bột ướt.

Không Thấy Ác Quỷ

Vào cái đêm Lily và Ambrose ra đời, Mercedes cũng bị đánh thức bởi những tiếng ồn đã làm Frances thức giấc. Nhưng Mercedes đã ở yên trên giường trong khi Frances leo lên gác xép. Mercedes trùm chăn lên đến cằm và cầu nguyện, dù cô đã quá sợ hãi để quay sang với lấy tràng hạt ở dưới gối. Từ sau đêm đó, Mercedes đã thực sự bắt đầu đeo chuỗi tràng hạt vào người, bởi đôi khi ở ngay dưới gối cũng trở nên quá xa khi bạn cần cầu nguyện. Thế là Mercedes đành cầu nguyện với những hạt nổi dính trên tấm trải giường có viền.

Mercedes chăm chú nhìn vào một hàng hạt trắng nhưng cô gặp khó khăn trong việc cầu nguyện, không phải vì cô đang cầu nguyện với một tấm ga trải giường, mà là vì tên Ác quỷ. Chỉ hẳn mới có thể chặn được suy nghĩ của cô bằng hình ảnh một cây gãi lưng bằng gỗ đang đứng tựa vào chiếc gương trên bàn. Bây giờ bạn chẳng thấy gì đâu vì trời quá tối, nhưng đúng là có một cây gãi lưng ở đó đấy. Nó dài, làm bằng gỗ và khắc hình ba con khỉ đang ra hiệu “không thấy ác quỷ, không nghe ác quỷ, không nói với ác quỷ”, và ở đầu nó là ba cái chìa hình móng vuốt dùng để gãi. Nó là món quà vui mà một người bạn của mẹ đã tặng. Nhưng cô bé đã vừa nhận ra đó là một món đồ ma quái, và khi trời sáng cô bé sẽ vứt nó vào sọt rác. À không, vào lò sưởi chứ. Nhưng phải

đợi đến sáng mai, khi mặt trời đã lên và những tiếng ồn trên gác mái không còn nữa. Ai đó vừa bắt đầu đập vào bức tường trên lầu. Chắc họ đang treo ảnh.

Mercedes chiến đấu với tên Ác quỷ và giành phần thắng. Cô cố gạt hình ảnh cây gãi lưng ra khỏi đầu mình, xua nó đi với lời cầu nguyện đầu tiên có sức công phá hiệu quả - “Hỡi vị Thiên thần của Thiên Chúa, vị thần hộ mệnh đáng kính của con, qua Ngài mà tình yêu của Chúa đến với con nơi đây, xin ở lại bên con hôm nay, để soi sáng và bảo vệ con, để cai quản và dẫn dắt con. Amen.” Nhanh lên, trước khi hình ảnh ma quái đó trở lại, nhanh nào, “Kính mừng Maria đầy ơn phúc đức Chúa trời ở cùng Bà, Bà có phúc lạ hơn mọi người nữ, và Giê-su con, lòng bà gồm phúc lạ...,” và bài kinh cầu nguyện đã được bắt đầu một cách an toàn, bạn có thể đọc đi đọc lại nhiều lần tùy theo ý thích cũng như nhu cầu của bạn, trong khi tay lần theo những hàng hạt trên tấm ga trải giường. Đúng vậy, trong trường hợp khẩn cấp thì có thể cầu nguyện ở bất cứ đâu, miễn là bạn có lòng tin.

Cuối cùng căn nhà cũng trở nên yên tĩnh. Frances đâu rồi nhỉ? Mercedes rón rén bước vào phòng khách. Cô nhìn lên căn gác xép. Một chút ánh sáng hắt ra từ đó, nhưng không có tiếng động nào. Mercedes không có ý định sẽ trèo lên đó. Có lẽ thứ nằm trong đầu cô bảo vệ nó kỹ hơn thứ trong đầu Frances. Có lẽ vậy. Mercedes quay lại và đi về phía giường ngủ của cha mẹ. Trên đường đi cô giẫm phải thứ gì đó dính dính. Cô thầm trách mình đã không mang dép, và thực tế thì cô đã mò đường quay trở về phòng mình, tìm lấy đôi dép cùng cái áo khoác sọc ca-rô xanh để mang vào, buộc sợi dây áo bằng fla-nen lại gọn gàng và vuốt lại tóc trước khi liêu mình ra phòng trước lần nữa. Cô bước đến cửa

phòng cha mẹ, cửa mở lửng chừng. Cô đứng thật yên và lắng tai nghe. Không có gì cả. Không tiếng thở. Tim nó nhói lên trong chốc lát, không có tiếng thở! Cô ngây ngô sợ rằng cả cha mẹ mình có thể chết ngay trong lúc ngủ. Cô đi nhẹ nhẹ về phía chiếc giường, tay giơ ra hết như người mộng du, tai tiếp tục nghe ngóng. Họ có ở đó không nhỉ? Hay chỉ còn xác họ nằm đó? Liệu họ có thức dậy và bực bội với nó không? Nghi ngờ quá nhiều là một cái tội. Nếu bạn có lòng tin ở Chúa, bạn sẽ chẳng đi quanh nhà và hy vọng tìm thấy cha mẹ bạn nằm chết trên giường chẳng vì lý do gì cả. Hãy cầu nguyện một chút nào. “Con xin lỗi Người, hồi đức Chúa Trời.” Giờ thì đưa nhẹ tay xuống giường và - chẳng có gì cả - tấm trải trống không. Nhẹ nhõm làm sao, họ không nằm chết ở đó, họ chỉ không có ở đó thôi. Ôi trời! Họ ở đâu mới được chứ? Giờ là nửa đêm mà, cha mẹ mình ở đâu được chứ? Mẹ đâu rồi? Cha đâu rồi? Ngừng lại, người sẽ làm Chúa tức giận đấy, người đáng phải tìm thấy cha mẹ người chết dưới lầu, bị giết bởi một kẻ lang thang.

Thần kinh của cô bé gần bảy tuổi Mercedes vẫn còn rất yếu, nhưng đêm nay sẽ diễn ra một quá trình mà sau khi kết thúc, thần kinh của con bé sẽ biến thành thần kinh thép. Những sợi dây thần kinh mỏng manh của con bé đang nóng dần lên. Đêm nay là đêm nấu chảy kim loại. Khi thần kinh của cô đã nóng đến sáng lên, chúng sẽ được nhúng vào nước lạnh, như thế chúng sẽ trở nên cứng cáp và vững chắc mãi về sau. Đủ chắc để chống đỡ cho một tòa nhà hoặc một gia đình, đủ vững để bảo vệ ngôi nhà số 191 đường Water khỏi bị sập trong những năm sắp tới. Nó sẽ đứng vững. Nó sẽ đứng vững. Nhưng vào lúc này: Hãy đi xuống lầu...

Cuộc tìm kiếm của Mercedes tiếp diễn theo như vậy. Lắng nghe, lắng nghe, nhìn nhìn, ngó ngó. Con bé không thấy ai ở dưới lầu. Rõ ràng chỉ có mình cô trong nhà mà thôi. Ồ, ngoại trừ Kathleen. Hoặc Kathleen cũng đi mất rồi cũng nên. Có thể mọi người đã đi hết, bỏ cô ở lại. Người có thể lên kiểm tra mà, Mercedes. Lên kiểm tra gác xép đi. Không. “Và thêm nữa,” Mercedes trả lời, “Kathleen không còn nói chuyện được nữa, chị ấy cũng chẳng thể nói tôi biết mọi người đã đi đâu.” Người chưa xem thử dưới tầng hầm. “Chẳng có gì khác dưới tầng hầm ngoài than và cái lò than đâu.”

Phải có tuýp người ít lí trí hơn để thực hiện loại tìm kiếm cho ra thông tin thật loại tìm kiếm cho ta tìm thấy cái kính đọc sách trong tủ lạnh và thấy cái chìa khóa xe trong tủ thuốc. Nhưng sau đó lại cần tuýp người ít lí trí hơn để đặt mọi thứ nhảm chỗ một cách đẹp mắt. Hoặc để suy đoán, “Hừm, có lẽ mẹ mình đang bị nhốt dưới hầm than, mình sẽ xuống xem sao.” Và cần phải có kiểu người không thể cưỡng lại rắc rối để thực sự leo lên những bậc thang dẫn lên gác xép đó sau những tiếng than khóc và xô xát phát ra từ hương đó. Nhưng Mercedes có thể. Cô bé có thể đứng ngoài rắc rối, đứng ngoài sự tò mò, ai đó phải như thế.

Cô bé quay trở về giường, quán chần quanh mình, ngồi trên gối và nhìn qua cửa sổ để ngắm khoảng sân sau tràn ngập ánh trăng. Đúc mẹ Đồng trinh ở trong mặt trăng kia. Thứ ánh sáng trắng dịu mát kia chính là tình yêu của Bà. Mọi thứ sẽ ổn thôi. Và Mercedes bỗng thấy thứ gì đó hiện hữu. Là Frances, ở dưới sông. Con bé đang ôm thứ gì đó, nâng niu nó - một cái bọc. Và trên bờ đê có gì đó đang động đậy. Một con vật nhỏ. Một con mèo con. Chắc thứ con bé đang ôm cũng là một con mèo. Frances nhúng

cái bọc xuống nước, và lặn xuống theo nó. Nó đang làm gì vậy nhỉ? Không! Không đâu, Frances rất yêu mèo, con bé không nhấn nước chúng đâu. Nó chỉ tắm cho chúng thôi. Đó là điều con bé đang làm. Nó đặt con mèo đó xuống và nhặt con kia lên, nhưng Mercedes không thấy điều xảy ra sau đó bởi cha đã đi vào sân và bước đến bên bờ sông, che mắt tầm nhìn của nó.

Chao ôi, Frances sẽ lãnh một trận ra trò đây. Dù sao đi nữa thì con bé cũng không nên thức và chơi đùa dưới sông vào giờ này chứ. Mà thật ra là chẳng ai được xuống con sông đó chơi bao giờ cả. Đó đâu phải biển chứ. Mercedes thấy được Frances vùng vẫy và không nghe lời thế nào khi con bé chạy ngược về phía con sông và nhảy xuống. Sao nó lại hư như vậy chứ? Một vài người đã như vậy ngay từ khi sinh ra.

Khi về đến giường, người Frances lạnh như băng. Mercedes vờ như đang say ngủ, và trong giấc ngủ giả vờ của mình, cô nhích dần lại gần con bé và quấn nó vào trong áo choàng ca-rô của mình. Frances không mặc gì cả, điều này cũng thật kì lạ. Nhưng dù Mercedes xích đến gần Frances cỡ nào, con bé vẫn không ngừng run lẩy bẩy.

Mercedes sẽ không bao giờ ngủ vào ban đêm nữa. Từ giờ cô sẽ luôn lắng tai nghe kể cả trong khi ngủ. Ai đó phải làm vậy.

Trời sáng, Mercedes thấy có máu dính trên dép của mình, cô liền rửa sạch đi. Một điều khác nữa trong sáng nay là khi nhìn ra vườn, bạn sẽ không còn nhìn thấy tên bù nhìn ở chỗ hắt hay đứng nữa và thế vào đó là một tảng đá lớn.

Sự đáng yêu của cái xác

James đứng dưới sông, nước ngập đến gối, anh vói lên và đặt đứa trẻ sơ sinh đã chết xuống đất ở bờ kia con sông, sau đó anh cũng lên theo. Frances đang ôm chặt đứa bé gái vào cái đầm ngủ ướt nhẹ và lấm tẩm bẩn của mình và dậm bước quay vào nhà.

“Đứng yên đó!”

Frances nhìn cha đi lép nhép trong đôi giày đầy nước đến chỗ người bù nhìn. Ông nắm chân nó và giật lên như nhổ một cái cây nhỏ. Cái đầu nó lúc lắc, sau đó rơi xuống và lăn theo triền dốc rồi rơi tòm xuống nước. Nước sông bắt đầu cuốn trôi nó đi. Frances ngắm cái đầu nổi lênh bênh trên nước và nghĩ, “Rồi hẳn sẽ tìm thấy cây kẹo trắng đen của mình và ăn nó, sau đó hẳn sẽ kể cho ai đó ở một vùng đất xa xôi nào đó chuyện mình đã làm cho xem.” Cái đầu trôi xa dần về phía biển và biến mất. Nhưng cái mũ của hẳn thì vẫn còn đây. Cái mũ phớt rách bươm.

James xé nát người bù nhìn ra. Bên trong nó là một cây cọc, chắc là cây xanh, vì khi cha nhổ nó ra khỏi mặt đất, bạn có thể thấy là nó đang sống, rễ mọc lưa thưa. Cuối cùng thì một cái cây có thể sẽ mọc lên từ người bù nhìn. Có trái nữa cũng nên. Một cành cây sẽ đâm thẳng ra từ miệng hẳn, và ở đầu cành mọc ra một quả táo đỏ thật to. “Thử tưởng tượng,” Frances nghĩ. “Tưởng tượng cảnh một cái cây mọc trong người bạn.” Tưởng tượng bạn

thấy lá cây ở khắp nơi, nằm ngay dưới da bạn và lớn lên từng ngày, tưởng tượng những cái rễ mỏng manh xoắn lại dưới da bàn chân bạn, những cái đầu rễ trắng bóc luôn tìm chỗ để đâm ra ngoài. Mặt đất là một thỏi nam châm đối với rễ cây.

James quẳng tên bù nhìn qua con sông. Hắn rơi xuống đánh phịch gần chỗ Frances, trên cổ hắn rơm chia ra lún phún, hai chân hắn nằm quặt quẹo ở hai bên cây cọc gỗ dính đầy rơm. Frances cảm thấy như tên bù nhìn đang nhìn mình. Hắn không có đầu nhưng cô có thể thấy nét mặt của hắn, đau thương và buồn bã: “Tại sao lại làm vậy với tôi?” Hắn nằm đó như một người lính sắp tử trận muốn gửi cho cô một thông điệp từ cái cổ họng sắp im lặng mãi mãi của mình: vị trí của kẻ thù, một tin nhắn cho người thương nơi quê nhà, một câu chuyện cười, một đoạn thơ, địa chỉ ngôi nhà lưu giữ tuổi thơ trong veo, ký ức về một chàng trai đang uống nước từ dòng suối mùa hè trong một bức tranh hay điều đó có thật, đó có phải là tôi không nhỉ? Frances không trả lời hắn. Cô rời mắt khỏi tên bù nhìn mặc dù biết rằng nếu không nhìn hắn, có thể hắn sẽ di chuyển. Tay cô tê cứng ôm quanh người đứa trẻ lạnh ngắt. Cô dán mắt nhìn cái nón của tên bù nhìn. Cái nón đang nằm gần chỗ cha. Và cha thì đang đào đất trong vườn, bằng tay không.

James ngừng lại. Thật nực cười khi dùng tay không để đào đất ở bất cứ đâu, ngoại trừ trong hộp cát đồ chơi. Đào trong sân sau một căn nhà ở New Waterford lại càng nực cười hơn nữa, bởi vì cách mặt đất chẳng bao xa là than, thậm chí nhiều chỗ than còn vun cả lên trên mặt. Và có cả đá nữa. James đang khóc. Anh lấy tay ôm lấy mặt, bùn, bồ hóng và máu cũng theo đó mà dính khắp mặt anh. Anh chưa bao giờ khóc như thế này trước đây, không

tính lúc anh còn bé. Anh đang ở chiến trường. Không phải anh đang hồi tưởng về Mặt trận hay đang nghe tiếng đạn nổ trong đầu, hoặc nhìn thấy những người lính không toàn thân, không rõ rệt như thế. Chỉ là nếu bạn hỏi cái phần hồn đang làm nhiệm vụ giả định trong anh, “Anh đang ở đâu?” nó sẽ đáp rằng, “Chiến trường, đương nhiên rồi.” Vì nơi đây đang có một cái rãnh ngập nước. Có một người đàn ông đau khổ tay dính đầy máu. Có xác một đứa bé trai. Chắc chắn đây phải là chiến trường rồi.

“Cha ơi!”

“Không-g-g-g-g-g. Không-g-g-g-g-g-hô-hô-hô”. Nghe như tiếng ông già Nô-en, chỉ khác là cha không vui được như ông ấy.

“Cha à, con xin lỗi.”

James nhỏ tiếng hơn một tí và đứng lên một lúc lâu, hai chân lão đảo xiêu vẹo tạo ra những tiếng sột soạt nho nhỏ, tay vẫn ôm mặt.

“Em bé bị lạnh, cha ơi.”

James đứng dậy, hỏn hển, hơi lão đảo, một tiếng rên nhỏ phát ra sau mỗi lần anh thở. Nhưng đó chỉ là dư chấn của đau khổ. Giờ thì anh có thể hoạt động trở lại rồi, trái tim anh sẽ đập mạnh như bị nấc cục vậy. Anh nhìn sang Frances. Anh băng qua con sông và giằng lấy đứa trẻ còn sống từ tay nó. Từ khớp khuỷu tay nó mồ hôi vã ra như suối, và tay nó nhẹ bồng vì không còn bị đè bởi sức nặng của đứa bé, nhưng cảm giác ấm nóng thì vẫn còn đó - những ngày tới nó sẽ luôn ẵm một đứa bé không có thật trên tay mình. James đẩy nhẹ nó về phía ngôi nhà.

“Đi ngủ đi, nhanh lên.”

“Đừng làm em bé đau.”

“Ta sẽ không làm nó đau đâu, đi đi.” Frances rời đi.

“Đợi đã. Con cởi đầm ra đi.”

Nó cởi đầm ra và James cầm lấy nó. Con bé nhìn theo cha quay trở lại khu vườn, nơi ông bọc đứa trẻ vào cái đầm và nhét nó xuống chỗ đất nông.

Frances đi qua sân sau để vào nhà và đã được tận hưởng làn không khí ban đêm mới lạ trên ngực trần của mình, điều mà trước nay chỉ có bọn con trai mới được làm. Trăng sáng làm chiếc quần trong của cô cũng rực sáng và cô tự giả vờ rằng cô thực sự là một thằng con trai cởi đồ để đi bơi ở Langan. Cô đi qua sân sau và thấy mình nhẹ bồng và tự do, và chỉ khi cởi chiếc quần nhỏ ướt đầm ra và nằm xịch vào Mercedes ấm áp thì cô mới bắt đầu thấy lạnh và run rẩy.

Dưới hàm, Materia gói đầu trên tro và co người ngủ đằng sau lò than. Cô mơ thấy trải dài trước mắt cô là mặt đất yên tĩnh được bao phủ bởi một biển cát khô cằn, rồi sau đó biển cát bỗng trở nên mềm mại. Trong giấc mơ đó cô ý thức được rằng vua và hoàng hậu được chôn dưới cát. Phía xa xa lấp lánh một dòng sông xanh ngắt mênh mông. Dưới đó có thứ gì đó cô cần. Nhưng cát làm cô buồn ngủ quá, buồn ngủ như khi thấy tuyết ở Bắc Cực vậy. Thứ làm cho bạn ngủ say đến chết đi ở Bắc Cực không phải là cái lạnh ghê gớm của nó, mà chính là sắc xanh xao ủ dột của khung cảnh xung quanh. Và dù là ở Ả Rập thì sa mạc cũng có sự xanh xao ủ dột y như vậy. Chính cái trắng toát và tương đồng của mọi thứ làm cho bạn ngủ đến mất cả mạng, bị nung nóng đến chết hay là bị đóng băng đến chết khi đang mê ngủ; và thật thoải mái làm sao khi cuối cùng bạn để yên cho nó đi qua đầu óc bạn, dễ

dàng như một cây lăn lăn qua miếng bột vậy.

Chốt cửa căn hầm bật mở đánh ầm, và phần hồn đang lang thang của Materia đột ngột dội ngược trở về, mắt cô mở ra theo tiếng động; cô đã tỉnh giấc. Anh bước lép nhép nặng nề xuống những bậc thang mỏng dựng đứng. Anh suýt ngã ở những bậc thang cuối vì ở đây tối om và anh lại chẳng mang theo đèn lồng. Materia nằm yên bất động. Giờ cô chỉ là một đôi mắt, chỉ vậy thôi. Một sa mạc khô cằn có mắt.

Hoặc James quên khuấy rằng cô đang ở đây, hoặc anh coi chuyện đó không có gì là quan trọng. Anh giật mạnh cánh cửa cái lò than nguội lạnh ra, quẳng vào đó một đồng tám trái dính đầy máu, rồi tẩm dầu hỏa và đốt trụ. Ánh sáng vụt bùng lên qua mặt anh làm Materia giật mình, và mắt cô nhòa lệ, không gì đáng buồn hơn là Ác Quỷ. Nước mắt cô tuôn rơi vì dưới ánh sáng này, dưới ánh lửa cũng như dưới ánh nến, vẻ đẹp thuần khiết của một người hiện ra rất rõ. Ánh nến rất dịu dàng và đầy yêu thương và do đó mà tự nhiên nó được gắn liền với sự lãng mạn. Con người đích thực của James là thứ mà ánh lửa đang soi rọi, cũng là thứ giờ đây đang làm tan nát những gì còn lại trong tim cô, đó chính hình ảnh anh của ngày xưa rất xưa, cái ngày xưa mà chỉ có mỗi hai người họ trong căn nhà gỗ đi sẵn khi đã sang mùa với món quà anh mang đến là cái mền ca-rô của mẹ anh, với bài hát và niềm hạnh phúc của anh khi được nghe cô hát bằng tiếng mẹ đẻ, anh đã yêu cô, nhưng cô đã không hề biết rằng cô phải cứu lấy anh, cô không hề biết, không hề, hẳn là anh đã bị ngã và giờ chắc chắn là anh đang chịu nhiều đau đớn lắm vì gương mặt anh lấm bẩn, má anh bê bết máu, và từ nay giờ anh cứ khóc mãi.

Anh tưới thêm một ít dầu vào đồng lửa. Materia không thể ở

cạnh lò than lâu thêm nữa với sức nóng như thế này. Nếu anh không rời đi sớm e là cô sẽ phải cử động và làm lộ mình ra mất. Nhưng anh đã đóng cái cửa lò bưng phệ lại và ánh sáng vụt tắt, nỗi đau êm đềm của anh biến mất và thay vào đó là hình bóng của gương mặt mà cô vừa biết đến và Materia sững người vì cảm giác tắc nghẹn nơi cổ họng.

Khi anh thở hắt ra và lê chân bước lên cầu thang, Materia quệt vội nước mắt trên má mình với hai bàn tay bám đầy bụi than. Cô nhấc người lên và lết trên sàn nhà đầy bụi than phía sau đến khi có thể đứng trên nó lần nữa, nhưng vẫn chẳng khác gì một đôi mắt di động.

Trước bình minh, với Mercedes vẫn còn say ngủ bên cạnh, Frances mở mắt và trông thấy một người phụ nữ da màu đang chăm chăm nhìn mình. Bà ta đưa tay vuốt nhẹ trán nó. Bà ta cũng làm thế với Mercedes và bỏ đi. Frances ngủ thiếp trở lại. Kẹo. Nó mơ thấy kẹo.

Ánh trăng soi sáng bầu trời đêm. Hãy nhìn xuống đường Water. Trên bãi đất cô độc giữa nơi những dãy nhà ngừng lại và nơi biển lớn cắn vào đất liền, một cái bóng xuất hiện từ một gốc cây, nó chuyển động và trở nên to dần tại cùng một điểm, giống như cây mọc ra một trái màu đen rũ xuống, sau đó lìa cành. Đó là một dáng người đi ra từ dưới những cành cây và tiến về phía con đường. Nó dừng lại, dạt vào đâu đó giống như một cành cây trên mặt biển. Rồi nó quay ngược lại con đường đó để ra nghĩa địa. Nó đi giữa những tấm bia mộ đã cùng đồng hành với thị trấn này từ lâu, nhưng nó không ngừng lại lâu ở năm mộ mới nhất. Nó đi tiếp đến vách đá. Tại đó, nó nằm úp xuống, đặt cổ lên trên mép đá, như thể mặt đất là một cái máy chém khổng lồ vậy. Nó nhìn

thăng ra mặt biển trải dài bốn ngàn dặm về hướng đông, và hát.

Đại Tây Dương sẽ dẫn đường cho bài hát đó băng qua sóng nước, cho đến khi đã khát khô và tơi tả, bài hát ra đến eo biển Gibraltar, lấy lại sức đôi chút với món ăn nhẹ là tiếng vọng của chính nó vào ngọn núi thời gian và tiếp tục cuộc hành trình, xoay tròn trên cái trục đã tả tơi của mình suốt trên đường đến Lebanon, nơi mà cuối cùng nó sẽ mất đà và lửng lơ trong không khí trước khi cong người đáp xuống bờ cát phía dưới, và rồi sẽ an nghỉ ở đó đến muôn đời? Điều có thể xảy ra không nhỉ?

Khi mở cửa sau nhà mình lúc ba giờ sáng, bà Luvovitz giật nảy người. Ai đó đang ở trong vườn nhà bà. Đứng đó theo một góc nghiêng nhẹ, như thể gió đã mang người đó đến và đặt xuống như vậy.

Bà Luvovitz thức dậy vì nghe thấy gì đó. Một phụ nữ đang hát, hát đủ mọi thứ. Bà không nghe rõ người đó hát gì. Tiếng hát đó không làm Benny thức giấc. Thật khó mà không nghĩ đến “những nữ thần báo tử” - khi thì họ rên rỉ, khi thì khóc than hoặc chỉ khe khẽ hát, nhưng thông điệp họ mang đến thì luôn giống nhau: Có ai đó sẽ ghé qua. Khi bà Luvovitz mở mắt, tiếng hát vừa cũng im bật. Nhưng bà vẫn nhìn ra cửa sổ trước - không có gì cả. Để chắc chắn, bà đi xuống lầu và mở cửa sau, và tại đó bà đã giật mình - một bóng người đứng trong vườn, quay lưng về phía bà.

Nỗi sợ hãi nhanh chóng chuyển thành sự ngạc nhiên khi bà Luvovitz nhận ra dáng người đó.

“Materia?”

Materia không quay người lại, cũng không hề cử động. Cô đứng như một thân cây trưởng thành được trồng trên đất cạn,

nặng đầu, sắp ngã bật rể đến nơi. Và ngay lúc này thì chỉ một hơi thở của một đứa trẻ sơ sinh thôi cũng đã làm được điều đó.

Bà Luvovitz đi giữa những cây đậu và cà chua đến khi đủ gần để chạm vào bàn tay mát lạnh, mềm và dày dặn của Materia. Tóc cô để xõa, làm lộ ra những gợn tóc khô cứng màu đen dài chấm vai. Cô đang mặc một trong những chiếc đầm rộng in những bông hoa đại màu nhạt mà bà Luvovitz đã giúp cô may, nó mềm và hợp với tuổi của cô.

Materia quay sang khi bị chạm, và bà Luvovitz thấy phần thân trước của cô. “Gott in Himmel.”

Materia đứng trong bồn tắm của bà Luvovitz trong khi bà ấy tắm rửa cho mình. Họ đang ở trong bếp dưới ánh lửa bập bùng. Bụi than và máu làm cho nước đen lại. Chiếc đầm của Materia đang nằm trên sàn, phần thân trước là một cái vảy, nó sẽ bị vứt đi. Bà Luvovitz tắm cho cô thật nhẹ, không chà xát, không có bông tắm, chỉ bằng đôi tay xà phòng của cô, như thể Materia là trẻ sơ sinh vậy. Làn da Materia rất giống sữa, không phải ở màu sắc mà là ở sự mịn màng, ở những đường cong, và cơ bắp rắn chắc bên dưới lớp da mềm mại. Materia không nói một lời. Tất cả những nỗ lực và sự lo lắng về việc phân biệt thứ này với thứ khác không còn nữa, mọi khoảng cách giờ đều bằng nhau - giữa gương mặt của bà Luvovitz và Mũi Hảo Vọng, giữa cơ thể ấm nóng của Materia và những thứ khác trên đời.

Bà Luvovitz đã bảo Benny sang nhà Piper để xem chuyện gì đang diễn ra bên đó. Khi sang đến nơi, ông thấy James đang pha trà trong một chiếc áo sơ mi trắng tinh, lúc ba giờ sáng. Căn nhà rất ấm, nóng. Kathleen nằm chết trên lầu dưới một tấm vải lạnh mới. Một bé gái mới sinh đang ngủ trong chiếc cũi đặt cạnh lò

sưởi.

“Tôi rất tiếc về chuyện nhà anh, James à.”

“Cảm ơn ông, Ben. Ông uống gì chứ?”

“Một tách trà.”

Buổi sáng, Mercedes thức dậy bên cạnh Frances và nhìn thấy một vết đen trên trán em gái mình. Trông giống như tro từ lò sưởi. Mercedes liếm ngón tay mình và lau sạch nó đi. Frances vẫn còn ngủ. Khi thay đồ, Mercedes phát hiện trên trán mình cũng có vết đen giống như vậy. Cô lau ngay đi. Frances thức giấc.

“Mercedes, đêm qua em mơ thấy người phụ nữ cho em kẹo đã vào phòng mình.”

“Người phụ nữ nào?”

“Người phụ nữ da đen. Bà ấy chạm vào em.”

Mercedes biết rằng đó chính là Ác Quỷ, và chuỗi hạt đã bảo vệ hai chị em chúng. Tên Ác Quỷ sẽ để lại một vết than đen trên trán bạn. Giống như hắc bắt chước điều linh mục làm trong Thứ tư lễ tro. Và đó không thể là Đức mẹ Đồng Trinh được. Ai cũng biết Đức mẹ Đồng Trinh thì luôn trắng ngời trong chiếc đầm xanh. “Đó chỉ là mơ thôi, Frances.”

“Bà ta đẹp lắm.”

Mercedes thầm cầu nguyện cho em gái mình.

“Bà ấy là bà tiên của em,” Frances nói.

Mercedes đeo chuỗi hạt quanh cổ Frances và đi xuống lầu để phụ mẹ nấu bữa sáng. Frances cuộn người lại và run rẩy.

Cha đang đợi Mercedes trong bếp. Ông đã nấu cháo yến mạch cho nó. Nó ngồi xuống bàn.

“Chào buổi sáng, thưa cha.”

“Ta cần con là một cô gái chững chạc, Mercedes.”

Ông nhìn nó. Họ có đôi mắt giống nhau, dù mắt cô màu nâu. Mặt họ làm bằng sa thạch, dù mặt cô có màu ô-liu. Mercedes hiểu rằng điều tệ nhất đang đến và cô mở khăn ăn ra, trải ngay ngắn trên vạt váy. Cô mừng vì đã thắt bím cẩn thận sáng nay.

“Chị Kathleen của con đã rời xa chúng ta.”

“Chị ấy đi đến New York sao ạ?”

“Chị ấy về với Chúa rồi.”

Một khoảng trống mở ra trong bụng Mercedes. Cô lấp lại bằng cách cầm muỗng lên. “Cảm ơn vì bữa sáng, thưa cha.”

“Cha cần con chăm sóc mẹ giúp cha.”

“Mẹ ốm ạ?”

“Không. Nhưng mẹ rất mệt mỏi. Mẹ vừa có em bé.”

“Ồ.” Mercedes nghe rằng một cách lễ phép và đồng thời tự tặng cho mình nếp nhăn vĩnh cửu đầu tiên. “Là con trai hay con gái ạ?”

“Thêm một đứa em gái nữa cho con.”

“Ồ.” Nếp nhăn vĩnh cửu thứ hai.

“Mẹ rất buồn vì mất đi chị Kathleen. Giờ mẹ đã quá mệt nên không thể chăm sóc em bé được.”

“Con sẽ chăm sóc em ạ.”

“Đúng là con gái ngoan của ta.”

“Cha đừng lo ạ.”

Phiên bản chính thức

Cô đã trải qua những phiên tòa khắc nghiệt nhất với sự bình tĩnh, kiên cường và nhẫn nại, là những bằng chứng tốt nhất cho sự trong trắng trong cuộc đời cô ấy.

• BÀI VĂN BIA, NGHĨA TRANG HALIFAX

Materia đã làm điều giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã khuyên làm; người mẹ đã chết. Và James, đương nhiên, đã không có mặt ngay lúc sinh và do đó không ở vào thế có thể hiểu rõ sự nguy hiểm hay có thể can thiệp vào. Cho nên không có cuộc điều tra một cái chết bất thường nào, và bác sĩ khám nghiệm tử thi và dịch vụ tang lễ giữ kín chi tiết câu chuyện trong phạm vi của họ và vợ họ.

Một đứa trẻ đã được sinh ra.

Kathleen nhìn xinh lắm, Chúa ngự tại linh hồn con bé, thật trẻ và có sức sống. Cứ như nó chỉ đang ngủ. Nó được chôn trong chiếc đầm màu trắng, đó đáng ra nên là đầm cưới của nó mới phải. Bệnh cúm, bạn biết đấy, đâu có gia đình nào trên khắp ba châu lục chưa bị bệnh cúm bao giờ. Và bệnh cúm cũng đã không chữa nó ra, cô bé với tài năng thiên phú và cả cuộc đời tươi đẹp phía trước.

Ai cũng biết rằng Kathleen đã có thai và chết vì đứa con trong bụng. Chỉ có đồ ngốc mới không nhận ra điều đó, khi mà cô bé đó vội vã trở về và bị giam hãm trong nhà. Nhưng điều bạn cần làm trong một trường hợp như thế này là hòa với ý kiến rằng đứa trẻ đó là con đẻ của ông bà ngoại nó. Mọi người đồng ý với chuyện bịa đặt này, và những người hé nửa lời về sự thật cho đứa trẻ thông minh đó biết là những kẻ quá độc ác để gây ra điều đó để rồi họ sẽ dễ dàng bị xua đuổi như những kẻ dối trá. Vì xét về sự thật thì họ chính là những kẻ dối trá. Bởi những người nói dối tốt bụng nói sự thật về đứa trẻ, đó là “con thuộc về cộng đồng này”, trong khi những người nói thật độc ác lại dùng sự thật để nói lên một lời nói dối, đó là “con không thuộc về cộng đồng này”. Đây là một hệ thống không hoàn hảo, nhưng nó lại rất được yêu thích. Và sau nhiều năm trôi qua, sự thật dần bị mai một theo thời gian, cho đến khi số người không biết chuyện nhiều hơn cả số người biết.

Mahmoud than khóc

Mahmoud không bao giờ muốn thấy lại Materia hay chồng bà hay con bà hay bất kỳ dấu tích gì của họ nữa. Mối liên hệ duy nhất ông đã có với nhà Piper mười chín năm qua chính là chuyện làm ăn với James, và cả hai đều đã làm tốt việc đó dù chưa bao giờ gặp mặt nhau, nhưng việc đó giờ cũng xong rồi.

Kathleen là người Mahmoud đã đầu tư vào, và đã lấy làm tự hào, nhưng lẽ ra ông nên biết rằng đưa con bé và tài năng của nó ra thế giới chính xác là một sự bán rẻ. Nó ra đó và thu được thành quả là sự phù phiếm (trong trường hợp của James) và sự ngu dốt (trong trường hợp của Materia) của cha mẹ nó và ôm một nỗi ê chề. Chuyện xảy ra như vậy đấy. Nó đã làm chuyện đó ở đâu, và nó đã để cho ai làm chuyện đó với nó và bao nhiêu lần cơ chứ, mà tên đó là ai, một tên khốn Ăng-lê chó chết không biết tôn trọng con gái người ta, hay tệ hơn, một tên Do Thái, New York đầy rẫy bọn Do Thái mà, hoặc tệ hơn nữa, đó là một tên da màu - cũng ở đây trong thành phố đó - và một khi đã nằm trong máu bạn thì nó sẽ ở lì trong đó từ thế hệ này đến thế hệ khác đến tận khi bạn ít mong đợi nhất, cha con bé ở đâu khi nó đang bị hủy hoại tại cái thành phố tồi tệ nhất thế giới, nơi mà người ta giao phối với nhau như những con vật lai chứ? Và giờ là một đứa con hoang trong gia đình, thêm một đứa con gái nữa để bắt đầu, thẳng con rể của ta

thật là một tên khốn kiếp. Tồi tệ ngay từ ban đầu, tồi tệ vào phút chót, ta rửa tay thôi.

Mahmoud giận dữ phát hiện ra mình đang nghẹn ngào trong nước mắt khi nhìn đứa bé gái trắng như hoa huệ tây đang nằm trong quan tài với mái tóc màu đồng xoắn dài quanh người. Ông chưa bao giờ ngắm nó gần như bây giờ. Và ông tức giận rằng chúng dám chôn con bé trong màu trắng, chúng đưa nó về với Chúa, người thấy tất cả mọi việc, trong màu trắng! Và có cả đứa con gái ngu dốt của ta ở buổi lễ nữa. Ta lẽ ra nên bẻ hết tay nó từ lúc mới sinh. Lẽ ra ta nên dẹp bỏ cây đàn piano và bắn bỏ tên khốn đó, Piper. Ta đã quá nhân từ, và kết quả là vậy đó.

Mahmoud đưa mắt nhìn Mercedes và Frances ngồi đó sạch sẽ và sáng bóng trên ghế cạnh James, cái tên da trắng như vừa được tẩy xong trong bộ vest đen, “Nếu hấn khôn ngoan, hấn sẽ cho đứa lớn vào tu viện và đẩy đứa nhỏ ra khỏi nhà và gả chồng cho nó trước khi nó có kinh, ta nguyện rửa tất cả bọn chúng sẽ xuống địa ngục hết.”

Cái ghế bập bênh

James uống ly cuối cùng vào cái đêm diễn ra đám tang Kathleen. Lúc đó đã sau nửa đêm, anh đi vào nhà từ nhà kho, ngồi xuống bên cây đàn piano ở phòng trước và chơi đàn. Đoạn mở đầu của bản Sô-nát ánh trăng và rất nhiều đoạn khác.

Trên lầu, Mercedes thức giấc khi tiếng đàn ngừng lại. Frances không có trên giường. Mercedes ngồi dậy và nhìn ra cửa sổ, hy vọng lại thấy Frances đang ở dưới sông lần nữa, nhưng nó không thấy. Mercedes ra khỏi phòng và ngừng lại ở đầu cầu thang nhìn xuống. Có ánh sáng chiếu ra từ phòng trước. Và thứ gì đó phát ra từ nhà bếp - một mùi hương. Trời đã khuya nhưng mẹ vẫn đang nấu bàu dục để làm pa-tê. Món ưa thích của cha. Mercedes bước xuống một bước. Hai bước. Ba bước. Và ngừng lại lắng nghe... tiếng kêu nho nhỏ giống một con chó con. Mercedes nhớ đến những con mèo ở dưới sông đêm nọ và rùng mình. Cô không thích Frances đi lang thang dưới trời tối. Cô ước gì mọi người đều ở trên giường vào ban đêm. Cô cũng ước được quay trở về cái giường ấm cúng của mình nữa, nhưng giờ cô là chị cả rồi. Mercedes đặt nhẹ tay lên thanh vịn rồi đi về phía ánh sáng đang chiếu rọi ở phía cuối cầu thang. Cô đi qua cổng vòm của căn phòng trước và ngừng lại.

Ồn rồi. Frances vẫn còn sống. Cô bé đang ngồi trong cái ghế

bập bênh với cha. Buồn cười là Frances dường như thấy được Mercedes ngay trước cả khi

Mercedes bước đến bên cửa. Tiếng chó con phát ra từ phía cha. Ông buồn vì

Kathleen đã chết. Lúc này ông cần những đứa con gái nhỏ khác của ông hơn bao giờ hết. Frances đang ngồi yên và ngoan, không hề cựa quậy đòi đổi kiểu ngồi. Mercedes đợi đến khi cái ghế thôi bập bênh và Frances tuột khỏi lòng cha để chạy đến bên cô ở cửa. Khi chúng nắm tay nhau leo lên cầu thang, Frances nói, “Không đau đâu chị.” Mercedes nói, “Chị không thích cái mùi khi nấu bầu dục.” Và Frances đáp, “Em cũng không.”

Về lại giường với Frances cuộn mình nằm bên cạnh, Mercedes bắt đầu cảm thấy sợ. Và cảm thấy nôn nao trong ruột dù cô chẳng hiểu tại sao. Cô bật dậy, chạy đến chậu rửa và nôn thốc nôn tháo. Chắc là mùi nấu bầu dục đó đã làm cô khó chịu trong người, bởi vì tại sao mẹ lại làm pa-tê vào ban đêm chứ? Và có hay không những nơi người ta đặt trẻ em vào những miếng pa-tê rồi ăn chúng nhỉ? Thật tội lỗi khi nghĩ thế về mẹ. Nhưng Mercedes không thể cưỡng lại được. Cô biết là thực sự không thể có một em bé trong miếng pa-tê được, nhưng cô biết chắc rằng những chuyện xấu sẽ xảy ra bất cứ khi nào cô mất dấu Frances.

Bí tích Thánh Thể đầu đời

“Cha ơi, mẹ đâu rồi?”

“Ta muốn con là một cô bé chững chạc, Mercedes.”

Điều đầu tiên James làm sau khi đã lôi xác Materia lên phòng ngủ là chạy đi và gọi linh mục đến - không phải cho Materia, quá muộn cho cô ấy rồi - cho đứa bé gái. James đã hiểu ra: có một Đức Chúa Trời. Có một tên Ác Quỷ - sự độc ác cần thiết. Bạn có thể bị nguyên rủa, nhưng ít nhất Chúa Trời có một kế hoạch dành cho bạn.

Phần người khác với phần biết tin tưởng của bạn đang oằn mình dưới sức nặng của tội lỗi không thể cứu vãn và sự vô nghĩa đã từng là ý muốn của bạn; đang ngừng hoạt động; và đó không phải là một sự lựa chọn. Anh có một gia đình với những đứa trẻ mồ côi mẹ đang dựa vào anh.

Anh bảo linh mục đến trước, sau đó anh chạy đi gọi bác sĩ.

Đứa bé gái đang nóng như lửa vì bệnh bại liệt trẻ em. Bất cứ ai cũng có thể bị bệnh này, không cứ gì phải là một trẻ sơ sinh.

Căn nhà được cách ly. Cũng không có gì khác biệt, không bao giờ có nhiều người ra vô nơi này. Nhưng bây giờ là chính thức. Vị bác sĩ lấy bình sơn đen của mình ra và đóng một dấu X lên cửa trước như ông vẫn hay làm trên rất nhiều cánh cửa khác. Mỗi

ngày, người ta nhỏ nước bọt lên ngưỡng cửa trước và cửa sau nhà mình, tuyên bố rằng, “Không có dịch bệnh trong nhà tôi!” nhưng bùa đã mất đi công dụng. Bệnh dịch ở khắp mọi nơi.

Giành được sân khấu trung tâm từ các diễn viên bình thường khác như bệnh bạch hầu, lao, ban đỏ, và sốt Rickettsia chính là căn bệnh cúm Tây Ban Nha. Không cứ gì phải là người Tây Ban Nha thì mới bị bệnh này. Năm 1918 và 1919, số người tử vong vì bệnh cúm này nhiều hơn so với trong chiến tranh hàng triệu người. Nhiều người tin rằng bệnh này lây lan từ lữ chuột ăn xác chết dưới mương rãnh.

Nghĩa địa lại mọc lên những cây thánh giá nhỏ màu trắng được khắc hình những con cừu thích được vuốt ve. Trẻ em bị ảnh hưởng rất mạnh. Mercedes vừa học xong lớp một. Cô bé đi đến Trường Đức mẹ Đồng Trinh Núi Carmel và mãi cho đến những kì nghỉ hè, nó phải mang khẩu trang giải phẫu đến lớp như những đứa trẻ khác, để không phát tán vi trùng. “Cô Polly có một con búp bê bị bệnh, bệnh, bệnh, nên cô ấy gọi bác sĩ đến nhanh, nhanh, nhanh.” Trên khắp thị trấn, hàng tạp phẩm được đặt ở cuối sân trước cùng với sữa, không ai muốn đến gần ai. Ngay cả bác sĩ và y tá cũng giảm đi như ruồi. Việc phân phối than được giám sát chặt chẽ: nếu một xe than giao đến một đồng than mà bạn chưa bao giờ đặt hàng, cẩn thận đó, ai đó sẽ cho cả nhà bạn vào hòm đất. Nếu một con ngựa đen đột nhiên xuất hiện trước cửa nhà bạn, hãy cầu nguyện đi. Nếu một con ngựa trắng xuất hiện trong đêm, quên nó đi.

Bác sĩ đứng một bên James, nhìn vào cũi. Linh mục đứng phía bên kia. Ông ấy đang mặc lễ phục và tay cầm bình nước thánh và dầu. James không hề biết rằng đứa bé đã được rửa tội. Anh không

hề biết rằng đó là điều Frances đã làm lúc ở ngoài sông, anh chỉ biết là con bé rất hư. Về đêm diễn ra đám tang của Kathleen từ giờ anh sẽ không bao giờ đụng đến một giọt nào của bất cứ thứ gì mạnh hơn nước trà nữa.

Linh mục sẽ rửa tội cho đứa bé mà không ẵm nó lên bởi vì di chuyển nó tại thời điểm này của căn bệnh sẽ rất nguy hiểm. Ông ta hỏi James, “Ai sẽ là cha đỡ đầu của cháu bé?”

“Là tôi,” James nói, vì chẳng còn ai khác ngoài ông bác sĩ trong căn nhà bị cách ly này, và ông ấy là người theo đạo Tin Lành.

Giáo hội La Mã linh thiêng đã chờ đợi James rất lâu rồi. Anh nghĩ đến lễ rửa tội ép buộc của mình nhiều năm về trước khi ông lấy Matera. Anh đã bướng bỉnh đứng đó, đầu ngẩng lên trong khi một linh mục lầm rầm đọc, “Tiếng nói Chúa Trời to lớn. Tiếng nói Chúa Trời là quyền uy. Tiếng nói Chúa Trời làm rạp mọi cây Tuyết tùng của Lebanon...”. Anh đã giả vờ chịu đựng điều đó. Nhưng giờ anh biết không hề có tai nạn nào cả, mà đó chỉ là thử thách. Nhà Thờ đầy những kẻ như anh, những người đã nghĩ mình bị nguyên rủa, và rồi họ đã được cứu. Đàn ông vừa là quái vật cũng vừa là người tử vì đạo. Và qua một hành vi cuối cùng - có lẽ xảy ra một cách vô hình từ sâu trong trái tim trong giờ lâm tử - họ đã được cứu. Thậm chí còn được phong thánh.

“Và ai sẽ là mẹ đỡ đầu?” Linh mục hỏi.

James mở cánh cửa đi ra nơi Mercedes đang đợi. Anh gặp nó đang đứng ngay ngưỡng cửa, quay trở lại từ lâu từ cái cũi nóng sôi. Tóc Mercedes được thắt gọn gàng dù không đều lắm, nó vẫn chưa quen tự thắt cho mình. Một cái áo khoác không tay vải bông kẻ màu xanh, đôi vớ màu đỏ vì màu đỏ và màu xanh hợp với

nhau.

Linh mục không hề lưỡng lự. Trong con mắt của Giáo hội, một đứa trẻ có thể đứng ra bảo trợ trong trường hợp khẩn cấp, và hơn nữa, em bé này rõ ràng là sắp về với Chúa rồi.

Bố mẹ đỡ đầu phải hứa rằng, nếu có bất cứ chuyện gì xảy ra với bố mẹ ruột của đứa trẻ, họ sẽ nuôi nấng nó với lòng tin vào Giáo hội Thiên Chúa Giáo La Mã. Đây thường là một lời thề mang tính giả thuyết, nhưng không phải đối với Mercedes vì mẹ đã chết rồi. “Giờ mình là mẹ rồi,” cô tự nói với mình. “Và mình vừa xác nhận nên giờ mình đã sẵn sàng rồi.” Tháng Năm vừa rồi, Mercedes mặc một chiếc đầm trắng tinh khôi, mang mạng che mặt, để rồi cùng với tất cả những bạn học sạch tinh tươm tất của mình, cô đã bị phạt bởi giám mục. Đã có ba người bạn học của cô chết đi kể từ lúc đó. Dottie Dugan, cô bé ngồi cạnh Mercedes, đã chết. Dottie có thói quen khác biệt là ăn keo dán và ngoáy mũi, nhưng giờ nó đã là thiên thần của Chúa rồi. Mercedes chọn tên thánh cho mình là Thánh Catherine của Siena dù cô rất thích tên Bernadette, nhưng Bernadette chưa phải là Thánh, đến bao giờ đây? Frances bảo Mercedes chọn Veronica làm tên thánh vì chiếc khăn tay ma thuật của Veronica. “Không phải ma thuật, Frances, là kì diệu.”

Linh mục cúi xuống cái cũi nơi đứa bé đang nằm trên cái giường than bé xíu và ông ta hỏi nó, “Quo nomine vocaris?”

Đứng tại cửa ra vào, Mercedes và James cùng nói thay em bé, “Lily.”

James chưa nghĩ ra tên lót. Không có thời gian. Anh chỉ cầu nguyện rằng đứa bé sẽ có thể lớn lên để dùng cái tên này là tốt

lắm rồi.

Linh mục tiếp tục, “Lily, quid petis ab Ecclesia Dei?”

Mercedes và James đáp lại, “Trung thành.” Họ được đặc cách trả lời bằng tiếng Anh vì Mercedes còn quá nhỏ để học những tiếng La-tinh đó - dấu rằng nếu có thời gian thì cô cũng sẽ cố gắng học.

Mercedes rất mong được nhìn mặt em gái mới của mình. Cô nhìn linh mục cuối xuống và thổi nhẹ ba lần vào trong củi. Ông ta đang thổi đi những linh hồn dơ bẩn để dọn chỗ cho Chúa Thánh Thần. Người an ủi.

“Exocrizote, immunde spiritus... maledicte diabole.”

Linh mục ban phúc rất lâu cho Lily và cầu nguyện cho nó. Mercedes và James đọc kinh Tin Kính và kinh Lạy Cha. Và rồi linh mục quay lại với những câu hỏi. “Lily, abrenuntias satanae?”

“Con từ bỏ hấn.”

“Et omnibus operibus eius?”

“Con từ bỏ chúng.”

Linh mục xúc dầu lên đầu Lily khi bố mẹ đỡ đầu của nó làm chứng cho lòng tin của nó đối với Chúa Thánh Thần, Giáo hội Công Giáo La Mã, các Thánh hiệp thông, sự xóa tội, sự hồi sinh của thể xác và sự vĩnh cửu của sự sống. Cuối cùng ông ta rắc nước nước Thánh lên cái trán nóng bừng. Nước lẫn vào dầu và sôi lên trên đó khi linh mục rửa tội cho nó, “in nomine Patrick, et Filii, et Spiritus Sancti.”

Khi linh mục quay sang Mercedes, cô bé run rẩy trước tầm quan trọng của khoảnh khắc này và đưa cho James bọc vải satanh trắng quý báu mà cô đã ôm chặt trong tay từ đầu đến giờ.

Là chiếc áo rửa tội của gia đình, James trao chiếc áo cho linh mục. Vì Lily quá yếu không thể mặc áo được, nên linh mục chỉ đặt hồ chiếc áo lên người nó và nhắc nhở nó nhận tấm áo này và không bao giờ được làm vấy bẩn.

Như vậy, cùng với cha mình, ở tuổi lên bảy, Mercedes chịu trách nhiệm về linh hồn của Lily Piper.

“Con không muốn cha chết đâu,” Frances nức nở, da diết vì người cha đáng thương, hai đứa con gái nhỏ của cha bị lạc giữa rừng với lá làm mền và không có gì để ăn. Cô khóc vì những chú chim tội nghiệp, những con sóc buồn bã và vì cha đáng thương không thể cứu con mình. Hôm nay cô ấm hơn mọi ngày.

“Frances, chị sẽ không để em trở thành trẻ mồ côi đâu.” Frances khóc to hơn khiến Mercedes bắt đầu thấy lo.

“Em muốn mẹ về-ề-ề-ề-ề.”

Mercedes vuốt bím tóc bù xù và thì thầm, “Không sao đâu, con ngoan, có mẹ đây.” Frances thôi khóc.

“Giờ chị là mẹ của em,” Mercedes nói.

Frances nằm yên một lúc lâu, rồi cô nói, “Chị đâu phải.”

“Phải, em yêu à.”

Frances cuộn tròn như trái banh.

“Mẹ đây,” Mercedes thì thầm, “Mẹ đây.”

Frances chụm hai đầu gối sát vào nhau. Cô biến chân tay mình thành những cành cây nhỏ cứng cáp. Biến xương sống thành một cành cây dẻo dai và da mình thành một lớp vỏ cây mới. Không được khóc.

Frances không bao giờ khóc đòi mẹ nữa từ sau đêm đó.

“Mẹ ra đi là một điều tốt,” Frances thầm nói với chính mình, nghĩ đi nghĩ lại trong đầu những điều khủng khiếp mà cô không tài nào nhớ nổi - kết những sợi chỉ vào với nhau tạo thành một chiếc áo choàng xinh đẹp rực rỡ. “Vì nếu có mẹ ở đây, thế nào mẹ cũng sẽ biết mình đã hư thế nào.”

Lily, đứa bé đã sống

Buổi sáng sau đám tang của Materia đến trong niềm vui. James nói với Mercedes, “Hãy đến gặp con đỡ đầu của con nào.” Frances bước theo. Họ đi vào phòng bệnh, giờ đã rũ bỏ hết mọi thứ chỉ còn lại ánh mặt trời rực rỡ tràn ngập qua cửa sổ rộng mở, cái cũi ngập trong thứ ánh sáng rạng ngời của những bà tiên bụi. Frances và Mercedes đến gần và nhìn qua những thanh chắn. Cha tươi cười. Hai cô bé mong được thấy một phiên bản bụ bẫm và hồng đào của những em bé búp bê của chúng. Nhưng ở đó chỉ có đôi má gầy gò ẩn dưới một mớ tóc đen nhánh trông như một bộ tóc giả đáng sợ. Đôi mắt đen mang đầy sự căng thẳng và âu lo đầy cảnh giác - dường như chúng đã phải thấy rất nhiều rồi.

“Nó bị sao thế ạ?” Frances hỏi.

“Không sao hết, nó hoàn toàn ổn,” James đáp.

Con bé giống như một con búp bê mặt đen, Mercedes nghĩ, và Frances nói, “Có điều gì đó không ổn với nó.”

Và cô đã nhận một cái nhéo tai vì câu nói đó.

Mercedes nói, “Con bé rất đẹp,” và ghi nhớ thật kỹ câu nói đó để còn xưng tội vì nói dối.

James bế đứa bé lên. “Nó sẽ làm nên chuyện đấy.”

Frances theo chân cha và đứa bé và Mercedes xuống lầu. Giờ

họ sẽ cho nó ăn. Phát ra từ căn bếp là tiếng nhạc ngân vang ngọt ngào. Họ bước vào và thấy một bé gái bằng sứ cao hơn tấc rưỡi đang xoay tròn trên bàn. Nó mang giày boots cài nút trẻ em và mặc một chiếc đầm lụa xanh lá nhạt bên trên vài lớp đầm lót khác, và che một cái ô màu vàng và trắng bên trên mái tóc vàng óng của mình. Trên đế ghi, Cô gái Nhà Quê. Nó là quà cho Mercedes, “Vì đã là một cô bé trưởng thành.”

“Con cảm ơn cha ạ.”

Frances thấy vui và hạnh phúc vì trong căn nhà có sự hạnh phúc.

“Nó sẽ là của hai ta, Frances.”

“Không, nó là thứ đặc biệt của riêng chị, Mercedes.”

Mercedes để Frances ôm búp bê, “Cẩn thận, đừng ôm chặt quá.”

Frances rất nâng niu nó, nhưng không thể kiềm nổi mong muốn được biết cái gì tạo ra tiếng nhạc.

Em bé nằm mềm rũ nhưng rất tỉnh táo trong tay Mercedes trong khi James đút sữa cho nó bằng ống nhỏ giọt. Anh nói, “Nó sẽ ổn thôi. Nó là điều kỳ diệu.” Minh đang ẵm một điều kỳ diệu, Mercedes nghĩ.

“Nó có gì đó rất không ổn,” Frances nói thào.

Giờ đến phần của bác sĩ. Ông ta nhìn vào trong cũi, lắc đầu, nhìn James cái nhìn quyền-quyết-định-lúc-này-là-của Chúa, vỗ vai Mercedes và ra về cùng linh mục.

Những đứa trẻ trong rừng

“Frances”, Mercedes đưa cho nó một ly ca cao và nói, “Mẹ chúng ta đi xa rồi.”

“Đi đâu?”

“Về với Chúa.”

Nghĩa địa vẫn thật đáng sợ dù hôm đó trời nhiều nắng và gió từ biển nhẹ thổi vào. Chúng nhìn quan tài của mẹ được hạ xuống đất. Mỗi đứa ném một ít đất xuống đó. Chúng cảm thấy hơi buồn cười khi làm vậy - việc này không hay cho lắm. Mộ của Kathleen nằm cạnh mộ của mẹ. Kathleen đang nằm dưới đó, Mercedes và Frances nghĩ - dù Mercedes đã cố nhắc mình rằng Kathleen không có dưới đó mà chị ấy đã về với Chúa. Frances thì rất lo cho Kathleen - ở dưới đó tối lắm. Làm sao chị ấy thở được? Chị ấy có sợ những người chết khác không nhỉ? Phần lớn bọn họ giờ đã biến thành những bộ xương rồi. Ở dưới đó có sâu không nhỉ?

Sau đó, họ về nhà và cha lấy trong tủ lạnh ra một miếng pa-tê thịt bò-và-bầu dục rồi cho nó vào lò hâm nóng. Làm sao mà món mẹ nấu lại có thể đang nằm trên bàn trong khi mẹ đã nằm dưới đất kia chứ? James ăn, còn hai đứa trẻ đã không thể ăn miếng nào. Chúng cố nín thở cho đến khi được phép rời khỏi bàn. Frances cố không nhớ đến cảnh mẹ cắt bầu dục sống bằng kéo.

Tiếng nhóp nhép.

Vào đêm đám tang mẹ, chúng không ngủ được. Chúng lén ra khỏi giường và quỳ ngoài cửa căn phòng đặt chiếc giường cũ của Kathleen, nơi đứa em gái mới của chúng đã nằm. Có thể có bao nhiêu Lily trong một gia đình, Mercedes tự hỏi. Frances lo lắng; những đứa bé tên Lily đều nằm thật yên, sau đó bị bắt đi mất. Cha đặt tên nó là Lily vì chuyện gì đó mình đã gây ra, Frances nghĩ. Làm vậy là để nhắc mình nhớ. Chuyện gì đó. Và chúng cầu nguyện.

“Thiên thần của Thiên Chúa, vị thần hộ mệnh đáng kính của con, xin hãy cứu lấy đứa em gái bé bỏng của chúng con, Amen.” Chúng hát cho đứa bé nghe:

“Bạn ơi! Hãy ra đây và chơi với tôi nào. Và mang theo ba con búp bê của bạn, leo lên cây táo của tôi. Hét vào cái thùng hứng nước mưa của tôi, trượt xuống cánh cửa tầng hầm, và ta sẽ vui chơi cùng nhau mãi mãi...”

Và chúng nói với con bé tất cả những điều hay ho mà chúng sẽ cùng nhau làm khi nó khỏi bệnh.

“Chúng ta sẽ ăn kẹo vào bữa sáng,” Frances hứa.

“Chúng ta sẽ vào ca đoàn,” Mercedes bảo đảm.

“Chúng ta sẽ mặc đầm dạ hội thật đẹp.”

“Chúng ta sẽ nấu những món ngon cho Cha.”

“Bọn chị hứa đó, Lily.”

“Bọn chị thề đó.”

“Với nắm mồ của bọn chị.”

“Với xương của bọn chị.”

“Với thận của bọn chị.” Điều này làm chúng phá lên cười và cha gọi vọng lên bảo chúng đi ngủ ngay, khiến cả hai bắt đầu hát thầm cùng một lúc, “Bác sĩ thở dài và ông ta lắc đầu, và ông nói, cô Polly để nó xuống giường ngay!”

Mercedes nhét cho Frances con búp bê yêu thích của cô, một vũ công fla-men-cô xinh đẹp trong chiếc đầm đỏ. Frances làm cho búp bê nhảy trong yên lặng một lúc lâu. Cô cho búp bê về nhà và làm bánh quy mật đường cho con của nó. “Bây giờ ngoan nhé,” cô vũ công nói với con mình, “Mẹ sẽ học bài. Và sau đó, nếu mẹ không quá mệt, có thể chúng ta sẽ đi đến Old Country. Theo ý Trời.” Một lúc sau Frances nói, “Mercedes?”

“Hả?”

“Nếu cha chết thì sao?”

“Cha sẽ không chết đâu, Frances.”

“Tụi mình sẽ là trẻ mồ côi.”

“Cha sẽ không chết mà.”

Nhưng Frances òa khóc mất rồi, gương mặt lấp lánh của cô bé nhăn nhúm lại, nước mắt nóng hổi, hết như nước nóng từ trong ấm.

“Frances, chị sẽ không để em trở thành trẻ mồ côi đâu.” Ta sẽ đưa em về, Kathleen...

Làm tình với người New York là một sự trải nghiệm báo cho Kathleen biết rằng thì hiện tại của cuộc đời cô cuối cùng cũng đã đến rồi. Giờ đang là mùa hè. Với Kathleen, Hiện tại là một đất nước mới, không thể bị tấn công bởi những đất nước cũ vì Những Người Lạc Hậu và Những Người Phá Hoại của nước cũ thậm chí còn chẳng biết đến sự tồn tại của Hiện tại. Nhưng cô có thể bị tấn

công. Cô sẽ bị chọc thủng. Kathleen còn quá trẻ để biết điều đó. Ngay lúc này đây, vào mùa hè, cô đang làm tình. Cô chỉ mới được sinh ra.

Tình yêu của em

Em yêu anh

Ôi

Anh yêu

Em yêu anh

Anh yêu, ôi

Ôi.

Đó là một đoạn đối thoại tình đầu. Những cái miệng không thể nào hôn nhau đủ hay tìm được hết những thứ thuộc về người tình để hôn cho đủ. Đại dương vô hình giữ cho căn phòng, cái giường và những người yêu nhau lơ lửng trong lòng nó, và xem họ như những cây thủy sinh, những cánh tay không bao giờ ngừng chuyển động, như những lá dương xỉ trong gió nhẹ hiu hiu, những bàn tay không bao giờ ngừng vung vẩy nhẹ nhàng hết bên này đến bên kia, âu yếm người yêu thương, xin chào... những ngón tay không bao giờ ngừng quạt, như những chiếc tua trong một bó hoa không chịu yên, mọi phần đều đung đưa, khi thật mạnh khi gần như đứng yên. Chỉ một cử động nhỏ cũng đủ kích thích nhu cầu được gần nhau hơn, và đủ để phá vỡ mặt nước, chưa bao giờ trong anh đủ cả, nuốt lấy không khí, chưa bao giờ chứa đựng anh đủ cả, lên đến đất liền, chưa bao giờ ôm lấy anh đủ cả, cái nóng của sa mạc, uống lấy anh, người tình ốc đảo đẹp mờ ảo bên dưới bóng cọ, em sẽ đốt ra thành tro và thổi đi - đến khi đỉnh điểm hạnh phúc đó được phát hiện ra, và một khi đã

được phát hiện, cú lăn chậm chậm về phía chân đồi, nước trong xô tràn ra rỉ rả, thấm từng vệt cát dọc trên đường đi cho đến khi lại xuất hiện sự đung đưa, mặt biển, và cái chạm nhẹ làm thức tỉnh đại dương lần nữa.

Em muốn anh
muốn anh làm
muốn anh quá
muốn làm
ôi anh
thật, thật
ngọt ngào
Ôi
Ôi
như mật ong
Em yêu anh
có vị mật ong
tình yêu của em.

Mùa thu đó James nhận được một lá thư. Ông đến đó và đưa Kathleen về nhà vào ngày chiến tranh kết thúc.

Chương 3

Người thợ giày và những đứa con tinh nghịch

Nấu rượu

Vào ngày cá tháng tư năm 1925 - mặc dù Frances thì chẳng bao giờ cần phải kiểm soát. Cô bé và Lily đang chơi trên gác xép, xung quanh là một đám búp bê lộn xộn, trong khi đó căn phòng hoàn toàn ngược lại, nó trống trơn, chỉ có mỗi cái rương đựng đồ. Lily sắp sửa được sáu tuổi. Frances mười một tuổi. Cô bé là người giữ trẻ, bạn chơi chung và cũng là người hành hạ tự chỉ định của Lily. Lily không có sự lựa chọn nào khác.

Lily không còn giống cô bé lạ lùng lúc trước nữa, dấu vết duy nhất là sự chăm chú một cách đặc biệt của đôi mắt xanh lá cây cứ như lúc nào cô cũng đang chuẩn bị đón chờ một điều gì đó rất trang trọng. Đó là một đặc điểm mà Frances cực kì thích thú. Mái tóc đen của Lily có một vẻ đẹp lộng lẫy và mặc dù ở thời này các cô bé cậu bé đều cắt tóc kiểu Buster Brown, mái tóc của Lily đã dài quá eo khi thả ra. Làn da cô bé trắng hồng như quả đào pha

kem và mặt ong, nhìn cô bé cứ như lúc nào cũng bị mặt trời hôn lên má dù là trong mùa đông. Cô bé có đôi môi đỏ như hoa hồng và một cái bướu nhỏ xinh xuất hiện trên trán mỗi khi cô sợ hãi. Frances cứ chọc cô rằng đó là một cái sừng và chẳng mấy chốc nó sẽ mọc xuyên qua da.

Hôm nay Lily mặc đồ như búp bê với một cái váy phòng bằng vải mỏng viền đăng ten dài ngang gối màu xanh lá nhạt, không phải dịp gì đặc biệt, chỉ bởi vì cô bé là cục cưng Lily của chúng ta và cha muốn thấy cô bé xinh đẹp. Hầu hết các cô bé dù lớn hay nhỏ cũng đều đã không còn mặc váy lót và váy phòng từ lâu, phụ nữ thì không còn cần những thứ ngáng chân đó nữa, họ có quá nhiều thứ phải lo từ khi chiến tranh xảy ra. Nhưng Lily thì không có gì phải làm, cô bé chỉ cần sống vui vẻ.

Hôm nay như thường lệ, cô đeo một chiếc vương miện lấp lánh làm từ những bím tóc được Mercedes thắt quá chặt đến mức hai góc mắt của cô bé hơi bị kéo ra. Mercedes chăm sóc cho tóc của Lily, còn Lily thì không muốn ai ngoài Frances thay quần áo hay tắm cho cô bé. Mọi thứ phải theo đúng như vậy. Mặc dù Lily không biết được khi nào thì Frances sẽ làm gì đó hoặc nói gì đó đáng sợ - “Thực sự thì, Lily à, em là con nuôi. Mọi người tìm thấy em trong một đồng rác, vỏ khoai tây dính đầy người em”.

Frances là một cô bé gầy gò và lúc nào cũng trắng trẻo, chỉ trừ những đốm tàn nhang trên mũi và trừ lúc cô cười lớn hoặc khi cô nghĩ đến một điều gì đó hay ho. Lúc đó những đốm xanh trong đôi mắt màu lục của cô bé sáng lên, mũi của cô hồng lên và những sọc trắng nhỏ xuất hiện trên sống mũi. Lily để ý mũi của Frances như các thủy thủ để ý ánh sáng của ngọn hải đăng. Khi các vạch đó xuất hiện nghĩa là Frances sắp nhảy khỏi boong tàu.

Và mái tóc uốn vàng hoe xinh đẹp của Frances đã trở nên như thế nào? Chúng đã nhường chỗ cho một sự xâm phạm đối với những bụi cây hoang dã. “Quần tự nhiên” chỉ là một cách nói tránh. Dưới ánh nắng sáng sủa thì rất dễ dàng tìm thấy dấu vết của vàng hào quang màu vàng mà cô vẫn hay đội. Nhưng những lúc khác thì nó bị xóa đi bởi một đám tóc lộn xộn rối tung màu nâu đồng gỉ sét. Frances cũng tết tóc mình thành bím như Mercedes và Lily mặc dù các bím tóc của cô cứ lia chia những lọn tóc bay nhảy lung tung và đến cuối ngày thì chúng sẽ xù lên tự do. Cô bé tự cắt tóc mái cho mình.

Mercedes đã không còn quan tâm đến búp bê nữa, nhưng Lily thì vẫn phát cuồng lên vì chúng và Frances cũng vậy. Cô bé vẫn còn giữ lại tất cả búp bê mà cô có từ nhỏ đến giờ. Khi mấy con búp bê không ngủ trên giường thì chúng sẽ ở trên gác xép. Vào lúc này thì chúng đang được xếp ngay ngắn thành hàng, dựa lưng vào chiếc hộp đựng đồ: này là Maurice, con khỉ đang chơi đàn; này là Scarlet Fever, cô bé búp bê có cái đầu bằng sứ; này là Diphtheria Rose, cái váy nhung của nó đã được Frances cắt ngắn lên một cách thời trang; này là hai anh em thủy thủ sinh đôi, Typhoid và TB Ahoy; và cậu bé búp bê nhỏ nhắn, Small Pox. Còn có một cô búp bê xinh xắn mặc chiếc váy dạ hội tên Cholera La France nữa, nhưng nó đã thất lạc ở đâu đó. Kiêu hãnh nhất trong bọn là một nhạc công flamencô với cây đàn castanet, Cúm Tây Ban Nha.

Lily rất cẩn thận với mấy con búp bê của Frances nhưng món đồ chơi mà cô yêu thích nhất chính là con búp bê của riêng cô: Hoa-Lan-Chuông-Tả-Tối. Bà Luvovitz đã làm cho cô bé và Lily đặt tên nó theo tên loại nước hoa mà Frances thích nhất.

Nó có một nhúm tóc nâu làm bằng len dày, rất tuyệt để thắt bím chỉ trừ cái chỗ đã bị Frances xén đi một chút. Hôm nay Lily lấy Hoa-Lan-Chuông-Tả-Tơi ra và giật đứt cái miệng của nó ra mà không biết tại sao mình lại làm vậy. Ngay sau đó cô bé liền cảm thấy vô cùng hối hận, nhưng có thể làm gì được nữa bây giờ?

“Em phá hư nó rồi”, Frances nhìn và nói.

“Không, em không có.”

“Chắc chắn là em phá hư nó rồi, đây này, đưa chị xem.”

“Chị định làm gì nó?”

“Chị sẽ sửa nó.”

“Đừng có làm hư đấy!”

“Nó đã hư rồi còn gì!”

Lily đưa con búp bê tơi tả cho Frances.

“Thôi được rồi, Lily, chúng ta hãy giả vờ như nó bị phong cùi nhé.”

“Không!”

“...nhưng sau đó nó đã gặp được Chúa Giêsu và Người đã chữa lành cho nó.”

Frances lấy cây bút máy từ trong túi áo choàng của cô. Lily ngồi nhìn và chuẩn bị tư thế xông vào chụp lấy con búp bê để giải cứu cho nó nếu cần. Frances nhẹ nhàng giữ con búp bê ngoài tầm với của Lily, nhưng vẫn giúp cô bé yên tâm bằng cách nghiêng con búp bê để Lily có thể nhìn thấy được sự phục hồi nụ cười cho Tả-Tơi. Frances vừa hát vừa làm “Cô Polly có một con búp bê bị ốm, cô gọi bác sĩ nhanh chóng đến. Vị bác sĩ thở dài và lắc đầu, ông ấy nói với cô Polly rằng nó đã chết.”

Lily tru tréo lên “Frances, đó không phải là lời của bài hát!”

Frances trả con búp bê lại, “Này.”

“Sao chị lại vẽ miệng của nó màu xanh?”

“Nó ở trong nước quá lâu nên môi nó chuyển sang màu xanh.”

“Nhưng còn lúc nó ẩm lên thì sao?”

“Không đâu.”

“Frances!”

“Chị không giúp được đâu Lily”, Frances lý luận. “Chính em là người đã làm hư hết nửa cái mặt của nó. Chị sửa nó lại, chỉ vậy thôi, nhìn nó sẽ rất kì cục nếu không có miệng. Thật là một con bé không biết ơn gì cả!” Lily nhìn chăm chăm vào Tả-Tơi.

“Cám ơn chị, Frances.”

“May cho em là nó không chết đuối đấy!”

Lily tìm thấy một góc trong lòng mình nơi mà cô bé cảm thấy Tả-Tơi bây giờ thân thương hơn bao giờ hết. Frances nhìn cô bé vuốt ve thứ đồ chơi rách nát tả tơi và luồn ngón tay mình vào mớ tóc lưa thưa.

“Lily...”, Frances nói bằng một giọng điệu thân thiện dụ dỗ, “Em biết sao không? Cha về lại lều rồi đấy, có một cái máy chưng cất rượu nữa, ông ấy là một người buôn rượu lậu.”

“Không phải, ông là một thợ đóng giày mà,”

“Chứ em nghĩ tại sao ông ấy lại gọi chúng là giày uyết-ki? Tại vì cha vừa làm giày vừa làm rượu đấy!”

“Frances!”

“Còn chị là một đứa nghiện rượu. Từ lúc sáu tuổi chị đã nghiện rồi. Đừng nói với Mercedes nhé, chị đã lấy trộm chai rượu vào cái

ngày em được sinh ra và từ lúc đó chị luôn bí mật say xin. Lúc này chị đang say này.”

Lily không hề thích những lúc mắt Frances lấp lánh ánh sáng màu xanh lá. Đó là dấu hiệu đầu tiên, điều đó có nghĩa là Frances sắp sửa nói với cô điều gì đó. “Không, Frances, chị không say, em không ngửi thấy mùi rượu mà.”

“Nó tinh khiết đến mức nó không có mùi luôn đấy”, Frances luôn biết cách nói vừa thản nhiên vừa nghiêm trọng, nói ra sự thật rất trần trụi, cứ như một ông bác sĩ vậy. “Tôi nghĩ là cái đầu sắp rụng ra rồi, bà Jones!”

“Cha sẽ không để chị như vậy đâu, Frances.”

“Cha đưa cho chị đấy, chị là người thử rượu mà.”

“Em sẽ tự đi hỏi cha, điều đó không đúng mà, Frances.”

“Lily à, nếu em mà hỏi cha thì ông sẽ buồn lắm đấy. Ông làm rượu chỉ vì muốn chúng ta có một cuộc sống đầy đủ, còn chị thì phải giúp ông. Việc chị bị nghiện thật tệ nhưng đó là sự hy sinh của chị cho em và Mercedes. Nếu chúng ta không đủ tiền gọi bác sĩ thì sao? Họ sẽ chặt chân của em đi đấy.” Lily bắt đầu khóc.

“Frances, em không muốn chị nghiện rượu.”

Nước mắt Lily cứ tuôn ra còn cổ họng cô bé thì nghẹn lại vì sợ, “Em sẽ nói cha không đưa rượu cho chị nữa.”

“Đừng khóc Lily, không sao mà, chị không quan tâm đâu, chị luôn biết là mình sẽ chết sớm mà.”

“Khôngggg!” Lily che mặt lại và nước mắt chảy ra qua các kẽ tay. Frances chậm chậm đưa tay ôm lấy Lily và nhẹ nhàng đong đưa cô bé trong khi cô bé vẫn khóc. “Cha không phải là người xấu đâu Lily, ông thương chúng ta nhiều lắm.”

Frances nhắm mắt và cảm thấy khó chịu khi cô cảm nhận được nỗi đau của Lily, nó lan ra như thuốc trong lồng ngực hẹp của Frances. Cô đang cảm nhận một khoảnh khắc bình yên quý giá. Lily thương mến. Frances hít thở sâu và khuôn mặt cô tự điều chỉnh cho tới khi nó láng mịn lại như làn da con gái xuân thì.

“Frances, Lily... các em đâu rồi?”

Mercedes không thích lớn tiếng, những điều đáng nói cần phải được nói một cách có văn hóa. Điều này có nghĩa là cô đã trèo lên rất nhiều bậc thang rồi.

Những bím tóc màu nâu sáng của Mercedes được búi gọn lại một cách đoan trang đằng sau cổ. Cô đeo một món trang sức bằng đá sạt vào cổ áo dựng đứng, chiếc váy bằng vải séc dài hơn đầu gối đúng một tấc. Phong cách lúc nào cũng giản dị và thùy mị. Mercedes là một cô gái mảnh khảnh và luôn cảm thấy ngại về cái vóc dáng của mình. Mercedes hai mươi tuổi và cô cũng sẽ phải chuẩn bị cho ngày bước sang tuổi bốn mươi.

Tầng hai cũng không có dấu vết của mấy cô bé, trong khi đó thì món bầu dục đang nguội dần trong chảo dưới bếp. Đây chất sắt và tiết kiệm, ăn nhiều bầu dục thì bạn sẽ không bao giờ bị bệnh. Ông Luvovitz đã nói vậy và hẳn là ông phải chắc chắn về điều đó. Mấy ngày này hầu hết việc mua sắm tạp phẩm là do Mercedes làm. Mỗi ngày thứ sáu, cha sẽ tin tưởng giao cho cô toàn bộ tiền sắm sửa trong nhà và sáng thứ bảy cô sẽ dạo một vòng. Gần đây thì cô cũng bắt đầu lo hết việc nấu nướng. Sau bữa ăn, cô và Frances sẽ rửa dọn và Mercedes sẽ đi làm bài tập và làm bài tập cho Frances - mặc dù cô tự nói với mình rằng cô chỉ đang giúp đỡ Frances thì nó vẫn là một kiểu gian lận. Còn Frances làm

gì? Cô bé chơi với Lily hoặc lượn lờ quanh cây đàn piano. Cha dạy cho Mercedes chơi đàn cho tới tận lớp bảy theo tiêu chuẩn của Nhạc viện Toronto, nhưng ông đã nhanh chóng từ bỏ việc đó với Frances. Frances thích học chơi bằng tai nhưng chỉ mỗi khi cha đi ra ngoài làm việc.

Mercedes liếc nhìn vào phòng ngủ của Frances và Lily, chúng cũng không có ở đây. Mercedes luôn luôn khó chịu mỗi khi trễ bữa tối và nó cứ thường xuyên như vậy mặc dù không phải do lỗi của cô. Cô thở dài và mong cho mau hết ngày, lúc tất cả việc lật vạt đã xong và cô đã có thể ngồi yên với mấy cuốn sách. Mấy ngày nay cô lại đang chìm đắm trong quyển Jane Eyre lần thứ hai. Hôm nay là thứ năm, chỉ còn hai ngày nữa là đến ngày thứ bảy tuyệt vời, sau khi làm xong tất cả những việc mua sắm, rửa dọn và ủi quần áo thì như thường lệ, Mercedes sẽ đến nhà Helen Fyre, bạn thân của cô - đúng ra là bạn thân nhất sau Frances. Helen Fyre sống trong một căn nhà của công ty vì bố cô là một thợ mỏ, nhưng nhà Fyre không nghèo như những gia đình thợ mỏ khác vì Helen rất hiếm có, cô bé là con một, tất cả những người khác đều đã mất. Do vậy nên Helen có phòng riêng và quần áo đẹp riêng của mình. Có thể thứ bảy này Helen và Mercedes sẽ đi chụp hình ở Bijou hoặc là làm vài kế hoạch chung: họ có một cái mền bông đang làm dở dang và vài bộ quần áo trẻ em cho các con tương lai của họ. Và cũng có thể như họ vẫn muốn làm gần đây, họ sẽ nói chuyện về tình yêu. Helen đang yêu Douglas Fairbanks. Mercedes cũng đang yêu, nhưng cô thậm chí còn không thể tự mình nói ra cái tên thiêng liêng của anh.

Cánh cửa ở cầu thang dẫn lên gác xép khép hờ, Mercedes đứng ở chân cầu thang và cảm thấy hơi khó chịu. Có gì hấp dẫn vậy

chứ? Tại sao chúng lại chơi trên đó? Chỉ có một thứ, trên đó không có gì ngoài cái rương đựng đồ và chỉ cô có chìa khóa, và một chuyện khác nữa là Frances đã có vẻ hơi lớn để chơi như vậy. Frances có thể chơi với các bạn cùng lứa, Mercedes đưa tay bắc loa miệng và kêu lớn vào khoảng tối của cầu thang.

“Frances, Lily, ăn tối nào!”

Không có tiếng trả lời. Sau đó là một tiếng rên rỉ và tiếng rít lên như gió, chỉ trừ việc rõ ràng đó không phải là tiếng gió.

“Frances, không vớ vẩn nữa, bữa tối nguội hết rồi” - cô đã bắt đầu cho phép mình nổi giận.

“Mercedes... trả bầu dục lại cho ta!”

“Làm ơn đi, Frances.”

“Mercedes, ta đang ở bậc đầu tiên đây”. Có tiếng bước chân nặng như chì.

“Bữa tối nguội hết rồi đấy!”

“Mercedes, ta đang ở bậc thứ hai”. Có tiếng lách cách.

“Được thôi, cứ chết đói đi nhé!”

Có tiếng thì thầm “Mercedes, ê!”

“Áaaaa!”

Tại sao? Tại sao lúc nào nó cũng có tác dụng?

Frances hiện ra ở hành lang và nhảy một điệu nhảy sôi động của vùng cao nguyên, cái lắc bằng sắt ở chân trái của cô bé đang đưa như một cây sồi.

“Frances, cha đang ở ngay dưới cầu thang đấy... Frances!”

Frances tiếp tục nhảy, chân đá cao vào bức tranh Offenbach, hát bằng giọng Xcốtlen “Bạn có thể nhảy điệu cancan không, bạn

có thể nhảy điệu cancan không nào”... và hát càng lúc càng nhanh “Bạn có thể nhảy điệu cancan không...”

Lily bị ngã ở chân cầu thang dẫn lên gác xép và cười rúc rích, cố gắng không tè trong quần, còn Mercedes thì đã bắt đầu chịu thua.

“Cái gì nào động trên đó vậy?” Đó là cha, ông đang bước lên bậc đầu tiên.

Mercedes nhảy đến bên lan can và nói vọng xuống “Không có gì đâu cha, tụi con xuống liền đây”. Cô nhanh chóng đi xuống và đẩy ông đi “Bữa tối đã sẵn sàng đợi cha rồi đấy” trong khi Frances tháo cái dây da ở lắt chân của mình ra và trả lại cho Lily.

Họ cầu nguyện quanh bàn ăn trong bếp “Lạy Chúa, chúng con chúc tụng, tạ ơn Chúa là Đấng Nhân lành giàu lòng xót thương. Xin Chúa chúc lành cho chúng con và cho của ăn chúng con sắp dùng, do lòng rộng rãi Chúa ban, nhờ ơn Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng con. Amen.” Frances thêm vào “Nếu trời phù hộ”.

James nhìn con bé và khẽ lắc đầu, Lily mỉm cười đằng sau chiếc khăn ăn còn Mercedes thì dọn bàn.

“Ừm, da và hành”, Frances nói.

Một cái bông tai do cha cho, cô bé đã tìm được nó. Tất cả hãy cứ lờ cô bé đi.

“Máy củ cà rốt này là ở vườn nhà mình đấy cha”, Mercedes nói.

James đã bỏ hoang khu vườn, nhưng Mercedes đã phục hồi nó lại vào năm ngoái bởi vì cô biết rằng có một lúc nào đó nó đã quan trọng với ông đến mức nào. Trước khi tất cả những chuyện buồn xảy ra. Cô rất tự hào về những củ cà rốt gầy gò và những củ khoai tây hình thù kì cục từ khu vườn của mình, cô luôn tuyên bố

rằng cả gia đình đang được nuôi dưỡng bằng chính sự dồi dào trong khu vườn của mình. James gật đầu và nở một nụ cười nhạt nhẽo xa cách với cô rồi lại tiếp tục ăn. Tuy nhiên Frances đang gặp một chút khó khăn.

Ăn, nhai nhai nhai, hãy ăn nó cho sự trong sạch của những linh hồn tội nghiệp. Frances luôn gặp rắc rối với việc ăn hết toàn bộ thức ăn dành cho một bữa ăn hay là mình lén cắt nhỏ bầu dục thành từng miếng và bỏ vào túi nhỏ - mình biết rồi, tối nay lúc mọi người đi ngủ hết mình sẽ lén dán một cái phong bì lớn vào dưới ghế của mình, thế là từ nay về sau...

“Ăn đi!”, James nói.

Trán của Lily nhăn lại và mắt đã bắt đầu ngấn nước nhưng cô bé vẫn can đảm ăn tiếp

“Thôi được rồi, con không cần phải ăn hết đâu”, James nói.

Lily nhìn sang Mercedes vì không muốn làm chị mình buồn “Không sao mà, nó ngon lắm, cảm ơn chị Mercedes!”

James nở một nụ cười đồng lõa kiểu người lớn với Mercedes, cô bé cười lại rồi dọn đĩa của Lily đi và nói bằng giọng trêu mếu “Lily, em thích ăn phô mai nướng không?”

“Dạ có thưa chị Mercedes!”

“Ngoan lắm”, James nói.

“Còn em thì muốn ăn thịt thăn”, Frances nói.

James ném cho con bé một cái nhìn - nó sẽ cảm nhận được bàn tay của anh ngay lập tức.

Anh quay sang Lily và giật một bím tóc của cô bé. Thật là giống mẹ nó quá, cái miệng xinh xắn, cái mũi hoàn hảo, đôi mắt... thật

là giống Kahtleen, cứ như một thảm họa. Nhưng điều đó lại làm cho con bé trở nên quý giá hơn với ta, theo một cách đúng đắn.

Lily không biết mình giống ai, cô bé chỉ biết rằng mình có một người chị gái đã mất và ngay sau đó thì mẹ qua đời vì bị đau tim và cha rất thương chúng.

James gõ nhẹ vào đầu Lily và cô bé dùng má của mình nũng nịu vào tay ông. Bàn tay biến thành một con nhện và cù vào dưới tai cô bé, cô bé lăn lộn, cười ré lên và hôn ông một cái để ông dừng lại. Lily cảm thấy Mercedes không hài lòng, có thể nghĩ là do chị ấy đã quá lớn cho những trò chơi như vậy, nhưng Lily không thể tưởng tượng ra lúc cô lớn đến mức không được đùa giỡn với cha nữa, cô bé không muốn lớn đến mức đó.

Nhìn chung thì James đang hài lòng với cuộc sống của mình, và theo một cách nào đó thì anh đang rất vui vẻ. Mercedes là trụ cột gia đình. Còn Lily là một thứ quý giá. Chúng đã bù cho Frances. “Ở trường hôm nay thế nào?”, anh hỏi cô bé.

“Tuyệt lắm, tụi con đã được xem rất nhiều hóa thạch và dành cả buổi để đọc quyển Jane Eyre”. Thực sự là vậy, Frances có xem các hóa thạch, cô bé đã dành cả ngày để lang thang ngoài bãi biển, đọc sách và nhảy nhót trên các hòn đá.

James nhìn cô bé và trong một khoảnh khắc cô có cảm giác như mình đang bị kim châm, nhưng vẫn ráng cắn một miếng bầu dục nữa. Mercedes đứng đợi bên bếp. Cô sẽ mắng Frances sau vì cái tội dám mượn sách của cô mà không xin phép. Còn bây giờ thì cô đang nhìn cha, ông sẽ bỏ qua việc này chứ? James mở miệng ra nhưng Mercedes đã líu lo “Cha sẽ không đoán nổi chuyện gì đã xảy ra hôm nay đâu”, cô đặt miếng phô mai nướng trước mặt Lily

và quay lại ghế của mình. “Con ếch cưng của Ronan Chism nhảy ra khỏi túi quần cậu ta!”

“Chuyện gì xảy ra vậy?”, Lily hỏi và đỏng tai lên.

“Con ếch lang thang chạy đi đâu đó không ai tìm thấy cho tới khi xơ Saint Agnes nhảy lên khỏi ghế của mình và con vật bé nhỏ nhảy ra từ viền áo của bà, cả lớp phấn khích tột độ còn xơ Saint Agnes vô cùng khiếp đảm.” James cười một cách lịch sự, Frances thì ngáp rở kêu.

James lại tập trung vào đĩa của mình và Mercedes đã có thể thở lại. Cô nghĩ về tình yêu thương mà cha dành cho Lily và sự giận dữ ông dành cho Frances, cô cầm nĩa lên và cảm thấy cô đơn.

Đêm hôm đó, Mercedes bò vào căn phòng mà Frances và Lily ngủ chung và trèo lên giường nằm cạnh em gái mình “Frances, em còn thức không?”

“Không, em đang nói mơ.”

“Ngày mai em phải đi học đi!”

“Ôi cha ơi, lúc đó thật là vui, con ếch thật là xác láo, con nghĩ là nó nhảy ra từ vết rách bản thủ trên người xơ Saint Agnarse.”

“Frances!”

“Chị đang cười kìa.”

“Chị không có”, Mercedes dúm mặt vào gối cười khẽ một lúc. Sau đó cô lấy lại sự tập trung, quệt nước mắt đi và “Frances?”

“Gì cơ?”

“Hứa với chị là mai em đi học nhé?”

“Để làm gì?”

“Xơ Saint Eustace sẽ kêu giám thị trốn học đi theo giám sát em và ông ta sẽ nói với cha đấy!”

“Thì sao nào, chắc chúng ta sẽ được vui vẻ một chút đấy.”

“Frances, làm ơn đi mà!”

“Được rồi được rồi”, Frances lăn qua và giả vờ ngáy.

“Frances, tối nay chị ngủ ở đây được không?”

“Không quan tâm!”

“Cám ơn”. Mercedes rúc vào và nhét hai bàn chân lúc nào cũng lạnh như đá của Frances vào giữa chân mình.

“Aa’di aa’e’ley, Haibibi”

“Đừng lo, Mercedes”

“Te’berini.”

“Ừ ừ.”

“Chúc ngủ ngon Frances, yêu em!”

“Đồ cà chớn này!”

Mercedes cười khúc khích và ngủ thiếp đi.

Rượu của quý

James đang lách Luật cấm dùng rượu mạnh của Nova Scotia một cách rất tốt và anh thậm chí còn làm tốt hơn đối với Luật điều chỉnh số 18 trong Hiến pháp Mỹ, hay còn gọi là Luật cấm. Frances không biết chắc chắn nhưng cô bé nghi ngờ như vậy. Trong sân trường Đức mẹ núi Carmel, hai anh em cùng tên Cornelius để phòng trường hợp có một đứa chết đang phao âm cái tin này lên. “Ông già mày chỉ là một người buôn rượu lậu thôi!”, Frances trả đũa “Vậy sao? Vậy thì ông già mày là đồ chó!”. Chúng đuổi theo nhưng Frances đã chạy mất và không ai có thể đuổi kịp khi cô bé chạy.

Frances đã học được rằng con trai và những người đánh cá có vốn từ vựng phong phú hơn là con gái và các nữ tu - mặc dù không phải lúc nào cô cũng chắc chắn về nghĩa của những từ đáng sợ mà cô hay dùng. Cô biết rằng cô sẽ không tìm thấy từ “người làm rượu lậu” trong từ điển, cũng như cô không thể thỏa mãn với việc tìm mãi không ra nghĩa của từ “Chó chết!”, do đó Frances tìm đến hỏi ông MacIsaac. Khuôn mặt đỏ của ông nặn ra một nụ cười, ông cười khò khè như một cây đàn bị hỏng và nói cho cô bé biết nghĩa của từ đó là gì rồi nhanh chóng thêm vào “Nhưng mà cha con không phải một người làm rượu lậu đâu con gái à, con lấy cái ý tưởng đó ở đâu ra vậy?”

Frances nghĩ rằng ông MacIsaac chỉ nói tốt vậy thôi, còn không thì có lẽ là do ông ấy ngốc. Nếu không thì sao ông ấy lại không để ý rằng cứ mỗi khi đi ngang qua hũ kẹo quế và kẹo dẻo thì mấy ngón tay của Frances lại bị dính. Frances cho Mercedes tham gia vào cái lý thuyết về công việc của cha nhưng Mercedes chỉ nói “Vớ vẩn!”

James là một người làm rượu lậu. Mỗi khi anh làm việc, anh làm vào buổi tối. Anh rời khỏi nhà vào khoảng mười một giờ và khóa cửa chốt mấy cô bé trong nhà. Anh thắp một ngọn đèn trong lán, nơi mà những cái máy cắt và đập của anh đang nằm phủ bụi và cũng rời khỏi lán, khóa cửa lại và lái xe đi, mặc kệ ngọn đèn cứ cháy cả đêm để người ta có thể nhìn thấy từ ngoài cửa sổ.

Anh đi thẳng đến cửa của một dòng suối và thấy những đàn cá dây gương đang tụ tập dưới những con tàu đang thả neo ở “Khu vực ngoài vùng cấm rượu”. Những con tàu này đang trên đường đi từ Đế quốc Anh của vùng đất mới - nơi mà rượu được coi là hợp pháp, đến những nơi ở các bờ biển xa như thành phố New York. Anh khiêng hết thùng này đến thùng khác, hết hộp này đến hộp khác ngược lên trung lưu của con suối và giấu vào một nơi bí mật. Đêm hôm sau anh quay trở lại, chất đầy xe của mình và mang chúng từ nơi che giấu đến những cơ sở bí mật của anh ở trong rừng. Tuy nhiên anh đã bắt đầu cảm thấy quá già cho những công việc khuân vác và đi vận chuyển này và đang nghĩ đến việc thuê vài chàng trai trẻ và nhà nghèo. Những ngày này thì cả hai loại người trên đang đầy rẫy.

Các cuộc đình công liên tục diễn ra hết lần này đến lần khác, 1922, 1923, và chỉ vừa mới tháng 3 năm 1925 vừa rồi những

người thợ mỏ lại nổi dậy một lần nữa. Điều này gợi cho James nhớ đến những ngày tồi tệ khi xưa của New Waterford trước chiến tranh. Bên ngoài Cape Breton, những người tuổi đôi mươi đang gào thét, nhưng các cuộc bùng nổ nổi tiếng thời hậu chiến sẽ không bao giờ đến được đây, ít nhất là đối với người bình thường. Mọi thứ còn đi từ tệ đến tồi tệ hơn. Các chính trị gia và những người đứng đầu các ngành công nghiệp đổ tội cho các cơ chế bí ẩn mang tên “Nền kinh tế thế giới”. Nhưng ngay đến James cũng nhận ra rằng đây chỉ là một từ ẩn dụ cho “Những thành kiến nạn đã vét sạch mọi thứ ra khỏi đây và không trả lại bất kì thứ gì”. Rất nhiều con cái của những người thợ mỏ phải đi bộ chân trần đến trường và ăn bánh mì nướng với mỡ lợn để có chất dinh dưỡng - chuyện này xảy ra trong lúc tuyển dụng đang dư thừa. Vẫn chưa ai biết nhưng những chuyện xảy ra ở Cape Breton chính là một buổi diễn thử của “Đại suy thoái”.

Không có gì bất ngờ khi việc làm rượu lậu xảy ra. Ai có thể đổ tội cho một người chỉ vì người đó muốn kiếm thêm một ít thu nhập? Hay vì người đó đang ấp ủ một ít niềm an ủi để chia sẻ với bạn bè và gia đình quanh cây đàn violon? Và đó chính là những việc mà hầu hết mọi người đều làm. Việc người dân địa phương bán những thứ ở nhà làm với giá cao hơn chi phí là một điều bất thường. Và nó cũng bất thường nếu người ta không có một cái két sắt ở đâu đó trong nhà, nếu đến mức không có nổi một cái bình trên bếp. Chuyện kể rằng cha Nicholson mở cửa nhà mục sư núi Carmel và gặp một người lạ hỏi rằng “Tôi có thể uống một chút ở đâu thưa Cha?”. Và Cha xứ đáp lại “Con trai à, con đã đến nơi duy nhất trong thị trấn mà con không thể tìm được rượu, mặc dù ta không chắc lắm nhưng có thể Cha phó cũng đang bán đấy”. Một

số người làm rượu nghiêm túc lại là những chàng trai tốt - man rợ nhưng không xấu, và dĩ nhiên là không keo kiệt hay thù vặt. Ngay cả lực lượng cảnh sát hoàng gia cũng thích thú với cuộc chơi này, mặc kệ họ bị lừa bao nhiêu lần, và sự tôn trọng lẫn nhau nảy sinh. Một vài lần thắng, một vài lần thua.

Một cách tự nhiên, “Hội phụ nữ Thiên Chúa giáo không bán rượu” được hình thành nhưng họ lại là một nhóm người theo đạo Tin lành và New Waterford lại là một thị trấn theo Thiên Chúa giáo. Ngay cả ở Sydney, nơi có nhiều người Tin lành bài rượu hơn nữa thì các khách sạn vẫn phục vụ rượu mạnh với một lời đe dọa ở hiện tại và sau đó sẽ bị phạt tượng trưng vì vi phạm lần đầu. Lần vi phạm thứ hai thì sẽ bị hạn chế, tuy nhiên những người chủ luôn biết cách làm cho mình ít nổi tiếng đến mức lần vi phạm thứ hai mươi của họ cũng chỉ được ghi nhận là “vi phạm lần hai”.

Làm rượu lậu không có gì là xấu hổ, cả cái cách người ta đang làm cũng vậy. Còn James lại là một chuyên gia. Ở lều của mình giữa một chỗ trống trải bí mật trong rừng, anh nếm thử rượu ê-cốt và gin thật, rượu rum thật và nấu tất cả chúng theo công thức pha chế lên men của riêng anh, chúng sôi sùng sục cả ngày lẫn đêm.

Sau đó anh dán những cái nhãn của rượu thật lên và kiếm được khá là bộn tiền. Cũng may là anh không có bạn bè gì nên không ba hoa với ai. Nếu không thì người này đồn cho người khác và chẳng mấy chốc bọn cảnh sát hoàng gia sẽ đổ xô đến và hống hách hỏi mua rượu cho dịp Giáng sinh và năm mới, ăn mừng cũng là một nghĩa vụ và sau đó là thiêu trụi tất cả mà không hề có chút cảm giác khổ sở nào.

Đúng như cái kiểu chuyên nghiệp của mình, James chỉ bán

cho những người có khả năng trả tiền cao nhất: vài người giàu có uống rượu ở nhà và có thể sắp xếp giảm bớt chi tiêu cho những thứ thường ngày như cam thảo, men rượu và nước.

Anh cũng bán cho các khách sạn và những người bán lẻ rượu lậu, vào tay họ thì rượu sẽ bị pha loãng thêm một lần nữa. Anh không bán cho những người thợ mỏ nữa vì anh đã quá mệt mỏi với việc đi đòi nợ. James đọc thấy trên báo có nói đến vài vụ bạo lực đáng chú ý xảy ra ở Liên bang, nơi những băng đảng đánh nhau giành quyền kiểm soát lãnh thổ và có rất nhiều người bị bắn chết vì không trả được nợ. Nhưng theo kinh nghiệm của James thì tất cả những gì cần làm là hù dọa nói cho vợ của lũ khốn đó biết, James đã phát ốm với việc nghe bọn họ kể khổ. Nếu bọn trẻ nhà họ khổ sở như vậy thì lẽ ra họ không nên chi tiền cho cái thứ “thuốc độc” của anh, và họ cũng chẳng cần tìm kiếm đâu xa mà chỉ cần nhìn vào ví dụ điển hình là James: anh không bao giờ đụng đến một giọt rượu. Điều này giúp James khỏe mạnh nhưng nó cũng làm anh bị ghét. Vì sao? Vì anh không chết dần mòn đi vì những ngậm rượu như họ, bởi vì anh có quyết tâm và ý chí chăm sóc gia đình mình.

Công việc của James không chỉ giúp bữa cơm trong nhà có thịt trong khi những người khác may mắn lắm mới có được bữa cháo yến mạch, giúp các con anh có quần áo đàng hoàng để mặc trong khi những người khác có thể phải cắt may quần áo từ những cái túi đựng bột mà còn cho anh thời gian ở bên cạnh thứ mà anh quan tâm nhất Lily.

James đã không còn đếm sách nữa, chúng đã quá nhiều. Mercedes và Frances say mê đắm chìm trong mấy thùng sách và anh rất khuyến khích chúng, nhưng về phần mình thì anh chỉ

còn đủ thời gian để lướt qua tờ báo trước bữa ăn và toàn bộ thời gian trong ngày được dùng để dạy dỗ Lily.

Cứ mỗi hai tiếng đồng hồ thì họ sẽ học một từ mới trong quyển Bách khoa toàn thư nước Anh, James chỉ định những đoạn văn cho Lily học thuộc và đặt câu hỏi để kiểm tra mức độ hiểu của cô bé. Cô bé viết những đoạn văn ngắn về bướm, toa xe, Bungari và súng trường. Lily yêu thích học hỏi, nhưng hơn hết là cô bé rất yêu cha. Sau những giờ học trong sách, James sẽ lái xe đưa Lily đi chơi. Đôi khi họ đi chơi cả đêm, ví dụ như lần họ đến St Ann's và đi xem nhà của Angus McAskill, người khổng lồ vùng Cape Breton. Lily thấy bức tranh một người đàn ông to lớn đang đặt Tom tí hon trong lòng bàn tay mình. Cô bé rất thích thú khi thấy những mối thâm tình giữa người khổng lồ và người tí hon - thật may là họ có nhau.

James đã có giấy phép để không cho Lily đi học, vì cô bé bị tật. Và dĩ nhiên là cô rất mỏng manh, mọi người đều cho là vậy, trừ Frances. James hoàn toàn không ủng hộ sự thân thiết giữa Frances và Lily nhưng anh không thể từ chối Lily bất cứ điều gì. Anh chỉ cố gắng theo sát chúng. Trong đầu anh lúc nào cũng còn những hình ảnh con lạch vào cái đêm Lily được sinh ra và anh bắt gặp Frances đang cố dìu chết con bé. Chỉ có James mới biết Lily phải biết ơn ai vì cái chân bị tật của mình bởi vì Frances còn quá nhỏ nên không thể nhớ được. Cũng như nó còn quá nhỏ để nhớ đứa bé thứ hai...

Vào mỗi khi bình minh, James vẫn thường xuyên ghé vào nghĩa trang để thăm Kathleen trên đường trở về từ chỗ làm việc. Anh không để lại hoa, để làm gì chứ? Anh có thể nhổ những đám cỏ đang che khuất tên cô. Phiến đá khắc tên được tôn cao lên và

không vướng bận những thứ tình cảm vợ vắn, nó chỉ ghi đơn giản là “Con gái yêu thương”. James không chăm sóc cho phần mộ của Materia vì có ai đó đã làm thay. “Những tiếng gọi của yêu thương từ thế giới này”. Ai đó lúc nào cũng để hoa lại mà anh không biết là ai. James đứng im như tượng, nhìn ra biển và thấy thế giới đã trở nên thật là nhỏ bé. Châu Âu đang ở ngay trước mặt anh, nhà ở ngay phía sau anh, còn ở dưới chân...

Vào giờ này lúc nào cũng có sương mù kéo dài khoảng một dặm. James là một người theo Thiên Chúa giáo nhưng anh không tin vào kiếp sau, dù sao thì cũng không phải là dành cho anh. Dù vậy, đôi khi nhìn màn sương trên mặt nước, anh lại cảm thấy dễ chịu.

Những người phụ nữ bé bỏng

Mercedes đang yêu, cậu ta cao - ít ra là cô bé nghĩ vậy - và đậm người, và dĩ nhiên là đẹp trai, không cần phải bàn cãi. Đôi mắt cậu như đốt cháy tâm hồn cô và có vẻ như chúng đang nói rằng, cậu rất cần, thực sự rất cần một người phụ nữ tốt để yêu thương và thuần hóa cậu. Cậu luôn có một cái khăn xếp. Thường thì cậu sẽ được tìm thấy trong cái lều kẻ sọc xa xỉ của mình hay bắt gặp lang thang trên những bãi cát trên lưng con ngựa chiến Ả Rập màu trắng. Cậu ta là Rudolph Valentino. Mercedes không biết mình nên ghét Pola Negri bằng cả trái tim hay nên cầu nguyện cho cô vì cô đã tin tưởng vào tình yêu đích thực của Mercedes. Cô cầu nguyện cho Valentino hằng đêm. Cô chưa bao giờ nghe thấy giọng cậu ấy nhưng đôi khi cô lại tự liên kết hình ảnh im lặng của cậu với cái giọng trầm tuyệt vời của Tita Ruffo, cô có tất cả đĩa nhạc của anh ta.

“Rudy có thể có một cái giọng nói kinh khủng như bị nghẹt mũi và còn bị ngọng nữa”, Frances nói một cách không thương tiếc. “Có thể anh ta còn là một người tí hon ngoài đời thực nữa”. Nói gì thì nói, sao Frances lại có thể đoán ra được bí mật của cô chứ? Mercedes đã rất cẩn thận để không phản bội lại trái tim của cô bé, nhưng Frances thực sự rất kì cục; quấn một cái khăn uống trà quanh mặt như mạng che mặt, nháy mắt và hạ giọng nói theo

cái kiểu như một người nước ngoài “Một ngày nào đó chị sẽ dùng bàn tay mạnh khỏe đó để đánh em, và em sẽ rất thích khi biết cảm giác đó nó như thế nào...”

Mercedes chỉ nói với Helen Frye, người cũng đang chìm đắm trong tình yêu với Douglas Fairbanks. Mercedes chiều theo tình cảm học trò của Helen nhưng cô không thể đồng cảm với nó, Fairbanks có vẻ khá thiên cận và tự mãn. Không may là Valentino thì lại có vẻ nóng tính và nghèo túng. Helen đã từng nói cậu ấy lỗ mãng - gần như là tình bạn đã sắp kết thúc. Nhưng họ làm hòa ngày hôm sau và lại thay nhau kể về cuộc sống hôn nhân tương lai của mình với những người tình của mỗi người.

Cứ mỗi lần Mercedes có một khoảng thời gian thoải mái riêng với Helen thì cô lại cảm thấy có một chút tội lỗi. Nó làm cô cảm thấy đau khi thấy dường như Frances không có người bạn nào. Trừ khi bạn có thể gọi những thằng đểu cáng ở trường là “bạn”. Frances cứ lĩnh đi với chúng vào những bụi cây trong giờ ra chơi. Mercedes biết rằng có thể chúng đang hút thuốc, khạc nhổ và chửi thề, điều đó thật tệ. Và sau đó thì ai biết được Frances làm gì khi cô bé hoàn toàn biến mất khỏi trường học? Mercedes đã làm hết sức nhưng thực sự rất khó để có thể giữ Frances không gây rắc rối. Ví dụ như Frances luôn có ấn phẩm mới nhất của tờ báo lá cải khủng khiếp “Những chuyện lạ” của H.P. Lovecraft. Cha không cho phép những thứ rác rưởi trong nhà và Mercedes thường xuyên phải giấu những thứ hàng lậu của Frances dưới gối của mình hoặc làm cái việc yêu thích của cô là ném chúng vào lò sưởi.

Khi Mercedes cảm thấy những sự nhức nhối trong lương tâm của một người chị, cô rủ Frances đi chơi chung với cô và Helen.

Helen luôn mím môi một cách khó chịu khi thấy Frances và Mercedes không thể trách cô được. Lần cuối cùng họ đi chơi ba người là lúc đi xem Douglas Fairbanks trong vở “Tên trộm thành Bát-đa” ở Bijou. Frances đã kích động một cách tồi tệ và bắt đầu lớn tiếng nhại lại lời thoại ngay từ lúc họ còn chưa lên sân khấu, nhưng tệ nhất là cô bé đã chọc tức Helen bằng câu nói “Rồi, xem nhé, giờ là phần mà anh ta bị ném đi rồi anh ta trốn thoát khỏi cung điện và chị có thể nhìn thấy ‘thằng nhỏ’ của anh ta lòi ra khỏi quần.” Frances là một người hâm mộ phim hành động nhưng cô có nhiều thần tượng khác nhau. Lillian Gish. Lillian Gish. Lillian Gish. Mái tóc của cô ấy thật tuyệt, đôi mắt cô ấy thật hoàn hảo, cái miệng nhỏ xinh của cô ấy thật hoàn hảo. Cô ấy thật nhỏ bé và thật dũng cảm. Cô ấy có thể bị bẻ cong nhưng sẽ không bao giờ gãy. Đàn ông chỉ là những tên vô lại, nếu không thì họ chỉ là những tên vụng về vô tích sự hay là những chàng hoàng tử hào hiệp nhưng lại xuất hiện quá trễ. Khi Frances chơi khúc côn cầu thì có thể tìm thấy cô bé ở bãi biển, cũng có thể là đang nói chuyện với những người nuôi tôm hoặc nếu có đủ tiền thì cô sẽ ngồi vắt chân lên cái ghế trước mặt mình trong bóng tối ngáy ngất ở rạp Empire hoặc Bijou và bàn luận về vở kịch mới xem.

Vì không có tiền riêng nên Frances thường xuyên xin xỏ Mercedes vài đồng trong tiền chi tiêu cho gia đình và sau đó là ăn cắp vặt khoảng một nửa số đó khi Mercedes không chú ý. Nếu Frances đưa Lily đi cùng vào ngày thứ bảy thì Lily phải tự chi trả vì sự cho phép đó. Nếu không thì Frances sẽ tự cứu lấy mình bằng cách lấy từ số tiền giấu riêng của Lily mà cô bé cất ngay trên nóc tủ quần áo xài chung của họ. Frances chỉ lấy đủ xài - “Không bao nhiêu”- và cô biết rằng Lillian Gish cũng sẽ làm vậy.

Họ có quá nhiều điểm chung: bị ép buộc sống trong cảnh nghèo hèn, phải hạ mình sử dụng những trò mưu mẹo và liều mạng đáng xấu hổ chỉ để tồn tại, và cả hai đều biết thế nào là sống “ở miền Viễn đông”.

Về phần mình thì Lily luôn bị thu hút bởi Mary Pickford, lúc nào cô bé cũng khóc suốt vở “Pollyanna”. Frances cố gắng mở rộng tâm mắt cho Lily: “Coi nào Lily, em không thấy là nếu cô ấy bị què thì cô ấy rất đáng chán sao?”

“Không.”

“Tại vì em cũng là một người đáng chán.”

“Em không phải!”

Họ sẽ vừa đi về nhà trên đường Plummer và chia nhau một tách Havelock Iron Brew còn sôi xèo xèo mà Lily đã hào phóng mua.

“Cũng giống như trong ‘Katy đã làm gì’ vậy, cô ấy là một tên khùng bố thần thánh và cho tới lúc cô ấy bị gãy lưng thì cô ấy trở thành một con bé yếu đuối y như em!”

“Em không phải con bé yếu đuối, Frances!”

“Thật sao, chúng mình xem nào!”

Sau đó Lily sẽ làm một trò gì đó chọc cho Frances cười, cô giữ đầu của Lily dưới tay mình và nhìn cô bé đơng đờ cho tới lúc mặt lả. “Lily, nói ‘khốn nạn’ đi!” Lily chần chừ, Frances chế nhạo “Thấy chưa, chị nói rồi mà, con bé...”

“Khốn nạn!”

Frances nhìn quanh “Suýt, đừng nói lớn quá, Lily!”

Lily thì thầm “Khốn nạn!”

“Nói ‘Đồ ngu’ đi!”

“Đồ ngu!”

“Nói ‘Lily Piper là một đứa ngu’ đi!”

“Frances Piper là một đứa ngu ngốc!”

“Lily”, Frances dừng trò chơi của mình lại, “Lần này em làm tổn thương chị thật đấy.”

Mắt Lily ngấn nước, “Em xin lỗi, Frances!”

Frances cười điệu và nói “Yếu đuối!”

Nếu Frances có thể chịu được sự hâm mộ điên cuồng của Lily đối với cục cưng của nước Mỹ thì cô lại không có chút kiên nhẫn nào với The Sheik bởi vì từ khi Mercedes đem lòng yêu Valentino thì cô chẳng còn gì vui nữa cả. Cô không chơi chung nữa mà chỉ lòng vòng trong nhà và nấu nướng và cư xử cứ như cô vừa làm mất trái dưa leo trong tài sản quý giá nhất của một người phụ nữ, hoặc say sưa với niềm đam mê riêng của cô: cây gia phả - một cái biểu đồ khô khan ghi đầy tên của những người Xcốtlen đã chết. Frances biết rằng Mercedes đã bắt đầu có kinh nguyệt và có thể đây là một cách giải thích. Bà Luvovitz ghé qua nhà vào một buổi chiều tháng một và ở trong phòng tắm với Mercedes cả tiếng đồng hồ. Sau đó thì Mercedes xuất hiện với một nụ cười cực kì tươi tắn trên mặt bởi vì bà

Luvovitz đã nói với cô một tin tốt lành rằng cô đã chính thức là một phụ nữ.

Mercedes cười điệu đà, “Frances à, điều tuyệt vời này cũng sẽ sớm xảy đến với em thôi!”

Trong những ngày xưa tươi đẹp thì cả ba chị em thường cùng

chơi với nhau. Lily là búp bê của họ và họ có thể làm bất cứ gì với cô bé cho tới khi cô bé bắt đầu hét lên. Sau đó họ sẽ để cô cùng tham gia vào trò chơi. Chơi với cô bé rất tuyệt vì cô rất nhanh chóng nắm bắt mọi thứ.

“Chơi trò những người phụ nữ bé bỏng nhé?”

“Được thôi Mercedes!”

“Lily, em đóng vai Beth nhé? Các chị sẽ nói với em các chị yêu em nhiều thế nào và em sẽ tha thứ cho các chị vì đã chọc ghẹo em và sau đó thì em chết, vậy nhé?”

“Được rồi, Frances”.

Mercedes sẽ là người chị gái Meg giống y như mẹ và Frances sẽ là cô nàng Jo ngổ ngáo cắt tóc ngắn nhưng cuối cùng cũng kết hôn, còn Lily sẽ là cô Beth mỏng manh, tốt bụng và cuối cùng sẽ chết.

Mặc dù những người phụ nữ bé bỏng trong truyện theo đạo Tin lành, “Cứ coi như họ là những người theo Thiên Chúa giáo đi nhé”, và Mercedes và Frances sẽ làm lễ xức dầu cho Beth trên chiếc giường mà cô chết và đặt một di vật lên cái trán đang nóng như lửa của cô, hãy gọi nó là một mảnh vải liệm của Turin đi nhé? Không, hãy gọi nó là cái lưới của thánh Saint Anthony.

“Tạm biệt các chị em gái thương yêu, ta sẽ cầu nguyện cho các chị. Cám ơn vì đã luôn là các chị em tốt và vì món bánh quế, cám ơn Jo vì đã cho em chơi với con búp bê Tây Ban Nha của chị và Meg vì đã là một đầu bếp giỏi. Vĩnh ...biệt...”. Mắt Lily sẽ nhắm nghiền lại y như thật và sau đó cô bé sẽ nằm im ru, không thở nữa. Lần nào Mercedes cũng khóc, mấy ngày đầu tiên thì Frances cũng vậy, nhưng dần về sau thì cô bé sẽ phá hỏng nó đi

bằng cách nói “Giờ chúng ta đi chôm tiền và chia quần áo của cô ấy đi!”

Khoảng một năm trước khi Mercedes không chơi chung nữa, trò chơi càng lúc càng sâu sắc. Nó tối tăm hơn, thời gian như căng ra và họ như đi vào một thế giới khác. Họ chơi trò “Những người phụ nữ bé bỏng ở chỗ cây thánh giá”. Lily vẫn thường đóng vai Beth thì giờ là Veronica đang lau mặt cho Giêsu bằng một cái khăn và cái cảnh người vui mặt vào trong khăn cứ như một món quà đền đáp lại sự tử tế của cô. Mercedes từng là Meg thì giờ là Simon vùng Cyrene đã giúp Giêsu vác cây thánh giá và Frances đã từng muốn làm Jo thì giờ muốn đóng vai Giêsu nhưng Mercedes nói rằng đó là một sự báng bổ do đó Frances phải làm “Tên trộm tốt” treo bên cạnh Giêsu. Vậy đấy, Frances phải làm một “Tên trộm tốt”.

Họ giảm xuống một bậc và bỏ “Những người phụ nữ bé bỏng” dang dở để đến thế giới của “Kho báu từ các vị thánh và liệt sĩ của bọn trẻ”. Chúng đã trải qua một loạt các nguyên tắc. Chúng luôn bắt đầu với thánh Lawrence, người đã bị nướng sống trên cây xiên và nửa chừng sẽ nói “Các người có thể lật ta lại rồi đấy, phía bên này chín rồi” và người trở thành vị thánh phù hộ của những người phải nướng thịt kiếm sống. Đến đoạn cuối lúc nào bọn trẻ cũng cười lăn lộn, ngay cả Mercedes cũng vậy. Cả ba đều cảm thấy nóng và mệt, nhưng càng tiếp tục thì trò chơi càng nghiêm túc và tôn kính hơn và bọn trẻ cũng đạt được những ngưỡng tình cảm ngoạn đạo cao hơn.

Mỗi cô bé có những nhân vật yêu thích của riêng mình. Có lúc thì Frances đóng vai thánh Barbara, cô có một người cha tà đạo và khi cô muốn theo Thiên Chúa giáo thì ông đã lôi cô lên đỉnh

núi và chặt đầu cô trong khi cô đang cầu nguyện cho ông. Lúc khác thì cô bé là thánh Winnifried, cô từng quen biết một người đàn ông muốn làm chuyện sai trái với cô nhưng cô từ chối và hắt chặt đầu cô; tuy vậy người chú của cô đã đặt nó vào lại chỗ cũ và cô chỉ bị một vết sẹo trắng nhỏ. Hoặc đôi khi cô bé đóng vai thánh Dymphna, cha của cô muốn làm điều sai trái với cô nhưng cô không muốn và đã bỏ trốn với người pha trò trong nhà thờ; cha của cô đã tìm ra cô ở Bỉ và chặt đầu cô nhưng vì cô không có một người chú tốt bụng nên cô đã chết và trở thành vị thánh phù hộ cho những người điên.

Nhân vật yêu thích của Mercedes là Bernadette.

“Như vậy không được, Mercedes”, Frances nói, “Bernadette thậm chí còn chưa phải là thánh nữa mà”. Đúng vậy, Bernadette chỉ mới được tuyên phúc nhưng bởi vì Mercedes lớn tuổi nhất, chúng chơi trò chơi và Bernadette là một cô con gái ngoan bị bệnh hen suyễn và đã được gặp Đức mẹ trong hang động của Người ở Lourdes, nơi mà Đức mẹ đã tiết lộ cho cô ba bí mật.

Lily thì chỉ muốn làm thánh Veronica để lau mặt cho Giêsu và sau nhiều lần chơi thì nó trở nên chán phèo và Frances cùng Mercedes sẽ thuyết phục cô bé chọn một vai khác.

“Sao em không làm vị thánh nhỏ bị chặt chân tay nhưng sau đó lại có chân tay mới bằng bạc?”

“Lily à, sao em không làm thánh Giles, vị thánh phù hộ cho những người tàn tật?”

“Lily này, em có muốn đóng vai thánh Gemma không, người bị bệnh gai cột sống nhưng đã được Đức mẹ chữa lành ấy?”

“Không”, Lily nói, “Em muốn làm Veronica.”

Thôi được rồi, được rồi, nếu không để cô bé làm vậy thì cô sẽ hét lên và cha sẽ chạy đến ngay, lúc đó sẽ biết chuyện gì xảy ra.

Họ luôn kết thúc trò chơi hấp dẫn đầy niềm tin ngây ngất và những sự đau khổ thần thánh của mình với cùng một câu chuyện mà trong đó họ cùng đóng vai thánh Brigid. Cô là cô gái xinh đẹp nhất ở Ai-len và cô muốn trở thành một nữ tu nhưng có quá nhiều các chàng trai trẻ theo đuổi cô nên cô đã xin Chúa “xin Chúa hãy làm cho con trở nên xấu xí!” Và Người đã làm vậy.

Từng người một, Frances, Mercedes và Lily sẽ co rúm, sụp đổ và tàn úa đến khi chúng trở nên xấu xí như mụ phù thủy. Sau đó sẽ đuổi người và bước vào nữ tu viện với giọng cười khúc khích - “Chào xơ, hôm nay xơ thế nào? Ha ha ha...” - rồi chúng quỳ xuống trước bệ thờ và điều kì diệu xảy ra: thánh Brigid đã trở nên xinh đẹp lại. “Ôi xơ, xơ thật là xinh đẹp!”, “Xơ cũng vậy!”, “Ôi, xơ hãy nhìn mái tóc vàng xinh đẹp của tôi này!”, “Nhìn đôi môi xinh đẹp của tôi này!”, “Ôi, nhìn chiếc váy xinh đẹp của tôi này!”, “Nhìn của tôi này!”.

Rất nhiều buổi chiều thứ bảy và chủ nhật như vậy, trong khi cha đang ngủ bù cho những giờ làm việc khuya trên chiếc ghế dựa dưới nhà...

Chỉ mới mấy ngày trước, nhưng nó dài như vô tận từ khi Mercedes có kinh nguyệt và mất trí đi từ khi biết yêu. Ôi... Ít ra là Frances và Lily vẫn còn biết cách tạo ra niềm vui.

Cái nôi cho mèo

Frances và Lily ở chung một phòng. Mặc dù James thích Lily ở chung phòng với Mercedes hơn nhưng Lily cứ khẳng khẳng như vậy - Mercedes lặng lẽ thở phào nhẹ nhõm. Frances đã dọn giường để tất cả mọi thứ đều có hai cái giống nhau và Lily biết chính xác phía bên nào là của cô bé còn phía nào là của Frances. Các bạn có thể nghĩ rằng Frances là một đứa bé bướng bỉnh nhưng không phải vậy, cô bé rất gọn gàng ngăn nắp. Cô bé đã sắp xếp chỗ của Lily với một bức tranh của Mary Pickford mặc một chiếc tạp dề bằng vải bông trông thật là ngu ngốc, nó được cắt từ báo và được lồng vào khung hình. Treo bên cạnh là bức tranh màu hình Chúa Giêsu và bầy cừu. Giêsu có vẻ buồn, “Tại vì ông ấy đang nghĩ xem ông thích thịt cừu nhiều hay không”, Frances nói nhưng Lily không bị lừa vì trò đó. Phần còn lại trên tường là bộ sưu tập của Frances, cô dọn chỗ cho những bức hình quảng cáo. Có một bức hình Lillian Gish bị kẹt trong tảng băng trôi, hình Houdini khóa thân và đang nổi giận trong một bình sữa, một bức áp phích thật của Theda Bara trong vở “Tội lỗi” mà một người dẫn đường ở rạp Empire đã cho cô, bức tranh vẽ cô gái đang cầm bím tóc dài không thể tin nổi đưa lên đầu như một bà điên. Frances gọi cô ta là “Cái đầu của Haira” còn Mercedes thì nghĩ đó là một bức tranh đòi bại.

Một đêm nọ, Frances ngồi ở bên phía giường của mình và cầm bút làm “bài tập về nhà”:

Gửi cô Lillian Gish,

Cháu viết thư này mong nhận được một bức hình của cô, cháu đã xem qua tất cả chúng. Điều này sẽ có ý nghĩa rất lớn vì cháu bị tật và cả đời phải ngồi trên xe lăn. Cháu đã cười con ngựa hoang dã nhất trong chuồng và bị kéo lê đi, nhưng nhờ sự phù hộ của Thiên thần hộ mệnh mà cháu không chết. Cháu ước gì mình có thể chạy nhảy chơi đùa như những đứa trẻ khác, nhưng may mắn là cha cháu luôn sẵn sàng đẩy xe đến phòng tranh để cháu có thể gặp cô. Xin cảm ơn cô.

Thương.

Frances đắm chiêu một lúc và sau đó nảy ra ý tưởng... phải ghi là do ai gửi nhỉ?

Cô kí tên và nhét nó vào phong bì rồi ghi địa chỉ ở Câu lạc bộ người hâm mộ của Gish ở Hollywood, California. Sau đó nhìn sang Lily này giờ đang ngoan ngoãn ngồi chờ đến lúc được chơi và nói “Được rồi, Lily, đến đây với chị nào!” Lily đi theo Frances lên gác xép.

“Chị định cho em xem thứ này nhưng chị nghĩ là em chưa đủ lớn.”

“Có mà, Frances, em lớn rồi mà!”

Chúng ngồi trên sàn nhà, khoanh chân lại trước hộp đựng đồ, câu “Frances, đây là phòng của Kathleen” lúc nào cũng được nói ra và lúc nào câu trả lời cũng là “Đúng rồi, Lily, đây là nơi chị ấy đã chết” trước khi chúng bắt đầu bất kì trò chơi nào mà Frances nghĩ ra. Cái nghi thức này là để tưởng niệm một câu chuyện

không cần kể lại nữa. Câu chuyện mà Frances đã kể cho Lily nghe từ lâu và lặp đi lặp lại mãi:

“Chị gái xinh đẹp của chúng ta, Kathleen. Chị ấy có mái tóc đỏ rực như một thiên thần lửa và có giọng hát của một thiên thần. Chúa rất yêu chị ấy nên đã mang chị ấy đi. Lúc chị ấy chết vì bệnh cúm chị ấy mới có mười chín tuổi. Chị đã ở đó lúc chị ấy mất và chị đã vuốt mắt cho chị ấy.”

Đến đoạn này lúc nào cũng nghĩ một chúng để bọn trẻ thành tâm nghĩ về cảnh đó, sau đó Frances lại tiếp tục “Những lời cuối cùng của chị ấy là ‘Frances thương mến, em là người chị thương nhất, và em cũng là người xinh đẹp nhất trong các em của chị. Xin em, hãy chăm sóc cho Lily’”. Đôi mắt Frances bắt đầu sáng lấp lánh nhưng đó là ánh sáng của sự nghiêm túc. Thật đáng sợ. Mắt Lily mở to và ươn ướt, cái bướu đã xuất hiện trên trán cô bé.

“Tại sao chị ấy lại nói là chăm sóc em?”

Frances không hề rời mắt khỏi Lily, cô ấy chỉ nói chung chung “Tại vì chị ấy rất yêu em, Lily.”

“Em cũng yêu chị ấy nữa”, và òa lên khóc.

Frances đưa một tay lên vuốt mái tóc dài của Lily, mái tóc chưa một lần được cắt, và sau đó... “Được rồi, đừng bù lu bù loa nữa, mình chơi đi!”

Bọn trẻ hiểu rằng không được nhắc đến Kathleen khi có cha ở cạnh “bởi vì nếu em chỉ nói ra cái tên chị ấy thôi thì cha cũng sẽ rất đau khổ đấy Lily.”

Một đêm nọ Frances quyết định rằng đã đến lúc để nói về những chuyện khác, cô cho tay vào túi áo và lấy ra chiếc chìa khóa của rương đựng đồ. Lily thở hỗn hển.

“Đừng có cường điệu hóa quá vậy, Lily!”

“Cường điệu hóa là cái gì?”

“Là ngốc!”

“À!”

Frances cất cái chìa khóa vào lại trong túi.

“Chị làm rồi, em còn nhỏ quá.”

“Không mà!”

“Nói nhỏ thôi!”

Thì thầm một cách phấn khởi “Em không còn nhỏ mà Frances, em sẽ không nói với ai đâu!”

Frances nhướn mày, lắc đầu và lẩm bầm “Chắc mình đang làm mất mấy viên bi của mình rồi” và nhét chìa khóa vào ổ. Mở nắp ra, một làn hương thoang thoảng mùi tuyết tùng. Frances cảm thấy nghẹn ở cổ, chớp mắt chờ cảm giác đó trôi qua. Lily biết là không nên hỏi gì.

“Nhắm mắt lại đi Lily!”

“Vâng!”

“Có những thứ trong này mà em chưa sẵn sàng để xem đâu.”
Sột soạt, sột soạt.

“Xòe tay ra nào!”

Lily làm theo, “Nó thật là mềm mại!”

“Nó là satanh thuần khiết đấy. Em mở mắt ra đi.”

Frances đang cầm một thứ giống như một chiếc váy cưới nhỏ và đã hơi ố vàng theo thời gian.

“Đẹp quá”, Lily thở mạnh.

“Đây là cái áo rửa tội, tất cả chúng ta đều mặc nó lúc được rửa tội. Kathleen, Mercedes, chị, em. Và cả Ambrose nữa!”

Lily ngẩng lên “Ambrose là ai?”

Những sọc nhỏ màu trắng xuất hiện trên sống mũi của Frances. Chúng vẫn thường xuất hiện khi cô bé cười, nhưng ngay lúc này cô đâu có cười.

“Đó là anh trai của em, Lily!”

Lily hoàn toàn im lặng và nhìn vào mắt Frances, chờ đợi. Frances nói “Này, em có thể cầm nó.”

Lily cầm lấy chiếc áo từ tay Frances và đong đưa nó trong tay mình, thật là một món đồ quý giá, một vật gia truyền.

Frances nói “Ambrose đã chết.”

Lily chờ đợi, lắng nghe, Frances kể:

“Vào cái ngày hai đứa sinh ra, một con mèo màu cam đi lạc đã chạy vào nhà qua đường hầm rượu. Nó trèo lên cầu thang hầm rượu, trèo lên tầng dưới, trèo lên tận gác xép mà không gây ra một tiếng động nào. Nó đến chỗ hai đứa đang ngủ và trèo vào trong cũi. Nó để miệng lên mặt Ambrose và hút hết hơi thở của cậu bé, Ambrose tái đi và chết. Sau đó con mèo để một chân lên ngực em và chuẩn bị làm điều tương tự nhưng chị đã đến và cứu em. Cha bắt lấy con mèo màu cam và dìm chết nó dưới con lạch, sau đó ông chôn nó trong vườn, ở chỗ mà lúc trước là con bù nhìn và bây giờ được thế chỗ bằng một hòn đá đầy. Chị đã giúp cha.

Lily không hề cử động, Frances cẩn thận lấy lại chiếc áo từ tay cô bé và gọi “Vào đây Trixie”, làm âm thanh chút chút, “Vào đây nào, Trixie, vào đây” cho tới khi họ nghe thấy tiếng nhảy bạch, bạch trên cầu thang và Trixie xuất hiện trong phòng, chớp mắt.

Gọi tôi à?

“Ngoan lắm Trixie, đến đây nào!”

Trixie chạy đến, nó luôn nghe lời khi Frances gọi. Nó tìm thấy Frances ba năm trước. Trixie là một con mèo đen tuyền có cặp mắt màu vàng. Dù vậy, ai có thể chắc chắn được nào, có thể cái chân trước bị cụt của nó có một chiếc dép màu trắng thì sao, chúng ta sẽ chẳng bao giờ biết được.

“Frances, Lily, ăn tối nào!”

“Đến ngay đây, chị Mercedes!”

Ở dưới nhà, Mercedes đang thò đầu ra khỏi cửa trước và nhìn quanh tìm chiếc xe Hupmobile của cha, chiều nay ông phải đi giao hàng gấp ở Vịnh Glace, có ai đó cần hai mươi đôi giày ngay lập tức. Mercedes rất tự hào vì cha làm việc rất chăm chỉ, và thường là làm việc buổi tối cho nên ông sẽ có thời gian chăm sóc Lily. Nếu không thì Mercedes sẽ phải bỏ học. Cha lái xe đi khắp nơi để giao những thứ đồ khô mà ông chọn ở Sydney. Thường thì buổi tối cha mới làm giày ở trong lán. Mercedes đã nhìn thấy ánh sáng của ngọn đèn qua ô cửa sổ mặc dù cô chưa bao giờ nghĩ đến việc làm phiền ông - Cha không thích người ta xen vào khi ông đang làm việc.

Mercedes cũng tự hào vì nhà họ có xe máy dù cô biết cái cảm giác mà cô nên có là biết ơn. Về rồi, đúng y như lịch, một hình hộp dài đong đưa trên con đường mòn. Và mấy cô bé cũng đã chạy xuống khỏi gác xép, có vẻ như đây là lần đầu tiên bữa tối đúng giờ. Tối nay là một món ăn Cape Breton cổ mà Mercedes học được từ bà MacIsaac: ceann groppi, đó là tiếng Xen-tơ, nghĩa là “đầu cá tuyết nhồi”. Mercedes đã làm suốt cả buổi chiều và

thực sự mong là cha sẽ thích: lấy một cái đầu cá to, lấy thật nhiều gan cá tuyết và nạo sạch tới những miếng nhỏ nhất, lấy yến mạch cuộn, bắp, bột và muối, nhồi vào con cá qua cái miệng nó, cầm nó bằng hai ngón tay đặt ở hai con mắt nó. Luộc lên.

James ném cái mũ lên cây treo đồ và nói “Ra đây chơi một chút đi Mercedes, ta muốn nhảy nhót một chút với con gái ngoan của ta!”

Mercedes mỉm cười với cha và ngoan ngoãn làm theo, buộc phải để bữa tối lại sau. Cô cảm thấy như bị tra tấn bởi cái âm mưu ngầm nào đó trong cả cái gia đình cô. Cô ngồi vào cây piano và nghiêng chặt răng khi nghe thấy tiếng Lily cười khúc khích và chạy tới bên cha. Mercedes mở quyển sách “Chúng ta cùng chơi piano” và bắt đầu chơi.

Lily đặt chân trái lên chân phải của cha và chân phải đặt lên chân trái của ông và họ nhảy theo bản “Hoa hồng Picardy.”

Cho tới lúc “Ta sắp chết đói rồi”, cha nói, “Chúng ta ăn gì vậy Mercedes?” Bữa tối.

“Chị đang đùa sao?”, Frances nói.

Ngay cả James nữa. “Ta chắc chắn rằng nó sẽ ngon lắm, Mercedes, nhưng ta thật sự cảm thấy khó khăn khi bữa tối của mình nhìn mình chăm chăm như vậy!” Tất cả cười rộ lên chỉ trừ Mercedes, cô đứng dậy và rời khỏi phòng.

“Có chuyện gì với chị con vậy?”, James hỏi.

Frances đáp “Chị ấy đang trong kì!”

James rúm người lại, cảm thấy hối hận vì đã hỏi câu đó đến mức anh không nhận ra sự không phù hợp của câu trả lời. “Ồ, ta xin lỗi, ai muốn ăn bánh quy và cam thảo nào?”

Ở trên phòng, Mercedes tự làm mình dễ chịu với cây gia phả, cô bé đã làm nó gần một năm, đó là một công việc đòi hỏi sự cần mẫn. Mỗi khi có một cái tên mới mỗi khi cô có thời gian quý báu để đào bới thêm trong thư viện Sydney hay những dịp hiếm có mà cô nhận được hồi âm từ những kho lưu trữ văn thư địa phương ở Halifax sau một khoảng thời gian chờ đợi mỏi mòn - cô cẩn thận mở cuộn giấy đặc biệt và trải ra trên bàn. Cô vuốt thẳng các góc, lấy bút chì và thước cẩn thận kẻ một đường thẳng ngắn dọc xuống dưới mấy đường kẻ ngang dài rồi viết một cái tên ở dưới đó. Cái tên treo lặng lẽ ở đó như một thứ trái cây khô.

Sự kiên nhẫn của Mercedes cho việc này là có hạn, cô bé định làm cha ngạc nhiên vì điều này, ông không bao giờ nói gì về gia đình của mình trừ việc nói rằng họ đều đã chết. Có thể cô có thể phục hồi lại cho cha một mảnh kí ức nào đó mà ông đã mất.

Sau bữa ăn tối hôm đó, Lily chạy lên và thấy Mercedes đang cặm cụi tỉ mỉ đồ mực lại cho mấy đường kẻ bằng bút chì.

“Cám ơn chị vì bữa tối, Mercedes!”

Mercedes nhìn lên coi Lily có ý gì không, nhưng Lily không bao giờ cố tình độc ác, Mercedes biết điều đó và cảm thấy hối hận vì sự nghi ngờ của mình. Cô quay trở lại làm việc và chỉ nói “Ừ.”

Lily chạy đến và nhìn qua vai Mercedes một cách hào hứng.

“Sao nó không giống cái cây chút nào hết vậy chị?”

“Cây chỉ là một cách nói thôi, Lily. Nếu nó mà nhìn giống cái cây thì nó thành tác phẩm nghệ thuật mất rồi. Đây là một kiểu biểu đồ.”

“Giống bản đồ hờ?”

“Cũng giống vậy.”

“Có kho báu không?”

“Mỗi cái tên là một kho báu.”

“Nó dẫn đến đâu?”

“Bản đồ cũng chỉ là một cách nói thôi, nó không dẫn đi đâu hết”. Mercedes ngả lưng ra ghế “Có lẽ là theo một cách nào đó thì cũng có, nó dẫn chúng ta đi vào quá khứ. Nó nói cho chúng ta biết mình từ đâu đến, nhưng nó không cho mình biết mình đang đi đâu. Chỉ có Chúa mới biết điều đó.”

“Em ở chỗ nào?”

“Em ở ngay đây, cùng hàng với chị và Frances và Kathleen, cầu Chúa phù hộ cho linh hồn chị ấy!”

“Còn Lily khác đâu?”

“Nó không có tên ở đây cưng à.”

“Sao vậy?”

“Con bé chưa được rửa tội.”

“Nhưng cũng là chị em của mình mà.”

“Đúng vậy, chúng ta yêu thương và cầu nguyện cho nó, nhưng nguyên tắc của cây gia phả là vậy.”

“Còn Ambrose đâu?”

Mercedes nhìn Lily “Ambrose là ai?”

Lily nhìn lại vào Mercedes “Chị đọc truyện cho em nghe nhé?”

“Được thôi cưng, chị sẽ đọc, em lên thay áo ngủ rồi chọn một quyển đi, chị sẽ đến ngay.”

Ba giờ sáng ngày hôm đó, Mercedes đang thiu thiu ngủ dưới ánh sáng trắng. Như thường lệ, cửa phòng cô để mở hoặc khép hờ - cô chẳng có gì phải che giấu và có nhiều thứ cần phải nghe.

Cánh cửa lặng lẽ mở ra, Mercedes mở to mắt vừa kịp nhìn thấy nó mở rộng đủ để cái gì đó chui vào, có thể là một đứa trẻ rất nhỏ.

“Ai đấy?”

Không có tiếng trả lời. Có thể nghe thấy rõ tiếng bạch, bạch nhẹ nhàng của những cái chân nhỏ xíu đang tiến gần đến bên giường.

“Trixie à?”

Im lặng, Trixie chưa bao giờ vào phòng cô.

“Đi chỗ khác đi Trixie!”

Trong góc mắt Mercedes lóe lên một tia sáng mơ hồ, máu trong người cô đông lại, không phải Trixie, Mercedes ngẩng đầu lên, cái thứ đó đi vào chỗ có ánh trăng và đứng đó. Ôi Chúa ơi, một đứa trẻ khủng khiếp, trông rất rách nát vì bị chịu lời nguyền đầu tiên. Mercedes cô gắng nhưng không thể nói ra được “Đi ra!”

Mặc một chiếc áo rửa tội đã bị ố màu đi vì ở trong vòng tay của quý.

“Đi ra!” - Một tiếng thì thào.

Đôi mắt màu vàng.

“Đi ra, đi ra, đi raaaaaaaaaaaaa!”, cô lấy hết sức hét lên.

James lao vào phòng, quờ quạng tìm kiếm và mở đèn lên, anh thấy Mercedes đang run rẩy và nhìn chăm chăm đâu đó, răng nghiến chặt, tràng hạt đeo trước ngực.

“Có chuyện gì vậy?”

Mercedes cố nói nhưng tiếng khóc thổn thức làm câu nói đứt đoạn và vỡ ra nhiều khúc, anh giữ chặt vai cô bé. “Nhìn ta này”, anh lắc lắc cô bé, “Nhìn ta này”, cô làm theo. Cô ngồi thẳng dậy

và lấy lại bình tĩnh, sau đó nói “Con nghĩ là con đã nhìn thấy thứ gì đó.”

Anh gật đầu và ngồi xuống bên thành giường cô bé. Có lẽ có, mà cũng có lẽ không có những thứ như ma quỷ. Ví dụ như trong căn nhà này, thành thật thừa nhận với chính mình rằng có những chỗ và những khoảng thời gian mà anh không muốn đến, ngay trong chính căn nhà của mình. Không phải vì không tin, mà vì cảm giác rờn rợn sau gáy mà anh không biết tại sao. Chính đó là những lúc anh ước gì mình có thể cầu nguyện, bởi vì đó chính là những gì mà những linh hồn dao động cần có. “Cầu nguyện cho chúng tôi” là những gì họ nói và rên rỉ trong những chuyến đi lúc nửa đêm của mình.

James liếm đôi môi tái nhợt của mình và giờ Mercedes mới để ý thấy lông mi ông rất dài. Anh nói với cô bé, chỉ một mình cô, dường như đây là lần đầu tiên từ khi cô còn rất nhỏ.

“Bà của con, mẹ của con, đều có một lần thấy thứ gì đó. Ôi không, nghe thấy gì đó.”

Mercedes chờ đợi, cha chưa bao giờ nhắc đến mẹ của ông trước mặt ai, chỉ có mình, ngay lúc này... và có thể là rất lâu trước đây ông cũng đã nói với Kathleen. Mercedes thở nhẹ, cố gắng không phá vỡ khoảnh khắc này. Thật là mỏng manh. Tất cả những thứ tốt đẹp, những thứ không hề có một vết nhơ, tất cả những thứ không thể héo úa nhưng lại rất dễ vỡ, ông là vậy.

“Tiếng nhạc”, ông nói, “đó là một ngày nắng đẹp. Bà không thể nói được đó là nhạc cụ gì hay tiếng gì, hoặc là nó đã xuất hiện như thế nào - qua cửa sổ, hay ngay bên cạnh bà. Ngay lúc đó bà nghĩ “Có thể thiên đường là vậy”. Rất đẹp. Và bà quỳ xuống ngay

trong bếp để cầu nguyện tạ ơn vì bà đã trải nghiệm được cảm giác đó, con thấy không? Sau đó thì bà ấy chẳng còn sợ điều gì nữa”.

Mercedes mỉm cười và giấu tất cả nước mắt của mình vào một cái hồ chứa, nước mắt sẽ làm ẩm ướt những khoảnh khắc như thế này, nó sẽ mọc lên và bị hư đi mất.

Có tiếng nói ngoài cửa “Chuyện gì vậy?”

“Chào con gái”, James chạy đến và bế Lily lên, Lily vòng chân quanh eo ông. Con bé đã quá lớn để được bế, Mercedes nghĩ vậy và trả lời “Chị nghĩ là chị...”, nhưng cô bắt gặp ánh mắt cảnh báo của cha và sửa lại câu chuyện của mình “Không có gì, Lily, chị chỉ gặp ác mộng thôi”

“Chị mơ thấy ông kẹ hở?”

James cười vì cái kiểu dùng từ cổ của Lily “Không có thứ như vậy trên đời đâu, ai nói với con về ông kẹ vậy?”

“Frances.”

Im đi Lily, chỉ một lần thôi, em không thể im đi được sao, Mercedes nói “Frances chỉ đùa thôi, không có những thứ như vậy đâu.”

“Mercedes, chị muốn ngủ với em và chị Frances không?”

“Không, cảm ơn em, Lily!”

“Hôn chúc chị con ngủ ngon đi Lily!”

Họ rời khỏi phòng và Mercedes đã hoàn toàn bình tĩnh lại, đứng dậy đi về phía góc phòng để tắt đèn và lặn mò trong bóng tối để quay lại giường, khinh bỉ nhớ lại những ngày mà cô tin rằng có những con quái vật cổ dài đang nằm chờ dưới giường và

chờ để căn chân cô.

Cô quỳ xuống bên giường và bắt đầu lần tràng hạt, vừa đúng lúc, vì cô đã cảm thấy sự mơ hồ đầu tiên về con quái vật cổ dài khi sự khinh bỉ trong cô tan đi. Quỳ bên giường trong bóng tối luôn rất khó khăn vì những thứ mà bạn tưởng tượng ra có thể đang nằm cuộn mình quanh chân bạn, kéo bạn xuống. Đừng tưởng tượng nữa, không thể có chuyện như vậy xảy ra nếu như bạn đọc kinh với một tấm lòng thành tâm. Mercedes rất khinh thường chính bản thân mình vì những sự mê tín trẻ con đó, dù cô biết rằng chúng vô lí nhưng cô vẫn không thể ngăn được cơ bắp đùi của mình khỏi co rút. Việc gập gối lại như vậy thường gây ra một cảm giác rất tệ sau khi cầu nguyện, và cũng chính cái cảm giác này chứ không phải điều gì khác nhắc người ta nhớ rằng - dù không có quái vật cổ dài dưới gầm giường và ông kẹ chỉ là một quan niệm tà giáo - chắc chắn là có quý, “Thánh Maria Đức mẹ Chúa Trời, cầu cho chúng con là kẻ có tội, khi nay và trong giờ lâm tử. Amen!”

Mercedes tưởng tượng ra hình ảnh bà của mình đang tắm mình trong ánh nắng và quỳ gối cảm tạ vì đã được trải nghiệm khung cảnh thiên đường, sau đó lại nghĩ đến chuyến viếng thăm vừa mới được hạ cố đến cho mình. Chúa ban cho mỗi chúng ta một thứ khác nhau.

Frances đang ở dưới hầm rượu, cầm một cái đèn dầu trong tay và lần mò soi vào khoảng không gian giữa lò sưởi và bức tường đã bị đen, Trixie đang ở trong đó và cố nép mình vào càng sâu càng tốt. Cái nón cột dây trên đầu Trixie bị lệch sang một bên, cái váy satanh trắng dính đầy bồ hóng. Tối hôm đó ngay trước giờ ăn, nó lèn ra khỏi cái lồng của Frances trên gác xép và trốn xuống hầm

rượu. Mèo không thích mặc đồ, nó ở sau lò sưởi cho tới khi cả ngôi nhà đã hoàn toàn im ắng, sau đó chui ra và bò lên thang, vào phòng Mercedes.

Frances phải nhanh chóng cởi cái áo ra khỏi người Trixie vì nếu cha thấy nó như thế này lần nữa thì cha sẽ ném cả hai xuống lạch.

“Trixie, ngoan nào!”

Trixie liếm mạnh chân của mình và chùi chùi lên mặt.

“Trixie, taa’i la hown, Haibibi.”

Trixie nhìn lên và đau khổ chịu đựng khi bị lôi ra khỏi góc nhà. Frances gỡ cái nón ra “Nhìn mà xinh lắm đấy Trixie” và gỡ cả ngàn cái nút trên áo rửa tội “Im nào, sắp xong rồi...”

Trixie vùng ra và phóng lên cầu thang, Frances cố đuổi theo trong im lặng. Khi cô bé chạy lên đến bậc thang trên cùng thì ngọn đèn trên tay cô lướt qua đôi giày của cha. Trixie đã chạy mất rồi, cảm ơn Chúa, hai ba ngày sau nó sẽ quay lại.

James chờ cho tới khi Frances giặt sạch chiếc áo và nón và phơi chúng lên.

Ở trên gác, Mercedes đã đọc kinh xong. Cho dù cô đang hét lên thì trong đầu cô cũng đã xác định được là mình đã nhìn thấy gì, nhưng nó cần phải có thời gian để cơ thể cô theo kịp. Sự xuất hiện của quỷ đã được giải thích, nhưng không phải là được xóa bỏ. Đó là một cái nhìn về quỷ dữ ngay trên mặt đất. Chúa làm việc theo những cách khó hiểu, nhưng cách của quỷ lại còn bí mật và khó hiểu hơn và thường sẽ được nêm nếm thêm một chút lố bịch. Một số người sẽ nói là buồn cười, còn Mercedes thì không. Buồn cười là cái cảnh một bà mập ôm cây đàn Hawaii, buồn cười là

cảnh một người đàn ông giả gái và nhảy nhót trong vở nhạc kịch Gilbert và Sullivan. Chẳng có gì buồn cười khi một con mèo què lại hóa thành một đứa trẻ ma quỷ và mặc bộ đồ rửa tội của gia đình vào lúc nửa đêm. Frances là một con tàu lớn. Cũng giống cái buổi sáng mẹ mất, cả Mercedes và Frances đều có vết dơ trên trán và Frances nói rằng đêm qua có “một người phụ nữ của bóng đêm” đến tìm cô bé. Xin Đức mẹ Chúa trời hãy nghe lời nguyện cầu của con và chấp nhận lời kính con cầu và bảo vệ cho linh hồn của em gái con, amen.

Ngay khi Mercedes quay trở lại giường thì đèn lại mở lên và cô tròn mắt lên khi thấy Frances lão đảo với cái đầu sưng lên, cha đang nằm phía sau cổ cô bé. Cái đám và cô con gái nhỏ.

“Giờ thì xin lỗi chị con đi!”

Mercedes nhìn đi chỗ khác, cô không thể chịu nổi khi thấy Frances mỉm cười với đôi môi chảy máu.

Sau đó, khi mọi thứ đã bình ổn lại, Mercedes lên vào căn phòng nhìn ra con lạch. Cô trèo lên giường và vòng tay ôm qua cái lưng lạnh lẽo và cái eo thon của Frances. Ở phía bên kia giường, Lily đang giả vờ ngủ. Cả ba chị em rúc vào nhau trên một cái giường, chuyện tuyệt vời chỉ xảy ra mấy ngày này và cũng chỉ khi có chuyện buồn. Cha đã có một kiểu “nói chuyện” khác với Frances, Lily biết điều đó.

Mercedes cảm thấy dễ chịu, cảm giác này giống như khi cô đến gần với ơn Chúa trời, cảm thấy tò mò vì cái cảm giác mà cô muốn biết. Đó là một điều bí ẩn. Được trải qua cảm giác bình yên với cô em gái hư hỏng trong vòng tay, không gì có thể động đến em ngay lúc này được đâu, Frances, te'berini.

Mercedes ném một cái lưới tạo ra bởi những lời cầu nguyện quanh cô bé Frances đang say ngủ, nhẹ hơn không khí, nhẹ hơn tơ, chắc chắn hơn cả loại lụa hạng nhất để giữ cho em gái bé bỏng của ta được an toàn. Ngoan nào, em thương yêu, hãy ngủ đi, mẹ em đang chăm lo cho đàn cừu...

Cây gia phả

Ba tuần rưỡi sau, Mercedes lại khám phá được một miếng hóa thạch khác, nó kẹt dưới một lớp bụi dày phủ trên một trang của cuốn sổ đăng kí đi lính mục nát. Một cái tên nữa, được bảo vệ hoàn hảo ở một bia mộ bỏ hoang, chờ đợi để được khai quật và ghép vào trong cây gia phả của Mercedes và được cấp cho một cuộc sống vĩnh cửu trong một văn bản có ý nghĩa.

Khuya hôm đó, khi tất cả mọi thứ hoàn toàn im lặng, khi cô bé có một khoảnh khắc cho riêng mình, cô ngồi tại bàn, thẳng lưng và bắt đầu trải cây gia phả ra. Cô nheo mắt như thể có ánh sáng vừa lóe lên - trải rộng ra một tí nữa, gì đây nào? Một cuộc nổi loạn của các màu sắc: vàng, xanh lá và đỏ đang cuộn mình và tru tréo trên cả tờ giấy, cái gì vậy? Chầm chậm mở nó ra thêm từng chút một và đến khi thấy một đường kẻ trang nhã khắc bằng mực với tất cả sự cẩn thận và yêu thương, rồi đến những đường nét lão đảo và đong đưa, cái gì vậy, một cái cây! Một cái cây, đúng vậy, giờ thì cô có thể thấy được rồi, đó đúng là một cái cây.

Được tô bằng màu sáp, mỗi cái tên cổ đều được đồ lên bằng màu đỏ tía, ở góc phải bị đánh lừa bởi một chỗ cuộn lên của tờ giấy, mỗi đường kẻ dọc xuống phát triển thành một nhánh cây xum xuê lá và mang theo một quả. Quả tía lớn nhất căng mình ra và giữ tất cả những cành nhỏ ở dưới thẳng hàng. Chỉ có vài quả

táo với những cái tên được viết theo kiểu chữ con nít vụng về: “Cha”, “Mẹ”, “ Kathleen”, “Mercedes”, “Frances”, “Lily khác” và “Lily”. Quả táo của mẹ và Kathleen được vẽ thêm cặp cánh màu vàng và quả của Lily khác thì có cánh màu bạc. Khuôn mặt đen và đôi mắt màu vàng của Trixie ló ra từ sau một nhánh cây cao giữa đám lá màu xanh ngọc bích. Còn ở dưới gốc cây cỏ mọc lên xanh ngát và một con lạch nhỏ chảy ngang một cách vô tội với những màn kịch tính bên dưới, mặt cắt ngang của mặt đất cho thấy những rễ cây đâm mạnh xuống lòng đất và chĩa lên bề mặt đầy đá được trải một lớp than lấp lánh do một đội quân sâu bọ thực hiện. Và đây, nép mình giữa những nhánh rễ cây dưới đất là một cái rương lớn chứa đầy kim cương. Một kho báu được chôn giấu.

Nước mắt Mercedes rơi xuống và nhỏ giọt lên những lớp màu sập lấp lánh của bản gia phả mới được chỉnh sửa. Cô chưa bao giờ khóc một cách đau khổ và thảm lặng như vậy trong suốt cả cuộc đời mình.

Người ta vẫn nói rằng thức đêm thì con người ta sẽ bạc tóc hoặc trở nên trắng bệch ra bởi vì sợ hãi hoặc mất hết tất cả những niềm vui trong cuộc sống. Nhưng mái tóc của Mercedes chỉ nhạt màu đi, Frances thấy nó diễn ra. Cô bé đang nghĩ đến việc lên ra khỏi nhà khi đi ngang cửa phòng Mercedes và thấy ánh đèn.

“Mercedes?.... Chị còn thức hả?”

Mercedes nằm dài trên bàn, hoàn toàn bất động. Chị ấy chết rồi ư? Hóa đá? Hay tan thành muối? “Mercedes?” Frances đến bên cạnh, nghiêng mình và nhìn. Thật đáng kinh ngạc. Chị ấy đã như thế này bao lâu rồi nhỉ? Miệng khép và có nếp nhăn ở khóe,

đôi mắt nhắm nghiền và rỉ nước, hoàn toàn bất động. Frances chạm vào vai Mercedes và cô bật dậy, hít một hơi dài và bước ra khỏi bức tranh tĩnh lặng rồi òa khóc trong thế giới thật.

“Chuyện gì vậy? Sao vậy Mercedes, có chuyện gì xảy ra sao?”

Mercedes nói từ sâu trong cổ họng “Chị ghét nó, chị ghét nó lắm. Ước gì chị có thể giết chết nó, ước gì đó không phải là một tội lỗi, ước gì nó chết đi, chết đi, chị ghét nó lắm, ghét lắm!”

Frances hiểu rõ Mercedes cho nên cô bé không ôm lấy chị mình mà chỉ nhẹ nhàng chạm vào bím tóc mới bạc màu của cô. Có chuyện quái gì đang xảy ra với Mercedes vậy chứ?

“Nó làm hỏng tất cả mọi thứ”, Mercedes nói, “mọi người đều vui vẻ trước khi nó xuất hiện, mọi người đều chết hết, mọi thứ đảo lộn hết từ lúc nó sinh ra, nó không bình thường và chị phải chăm sóc nó cả đời chỉ vì nó bị tật, Chúa ơi, chị ghét cuộc đời của mình, chị ghét cuộc đời của mình!”

Mercedes khóc nức nở. Frances cố làm cô cảm thấy dễ chịu theo cách người ta dỗ dành một con bướm mỏng manh, nếu như bướm có thể được dỗ dành.

“Suyt, suyt, ổn rồi, mọi thứ đã ổn rồi.”

“Có chuyện gì với chị Mercedes vậy?”, Lily hỏi vọng vào từ ngoài cửa bằng một giọng nói đầy tôn trọng và lo lắng. Nó đã đứng đó bao lâu rồi? Nó đã nghe thấy những gì? Frances nhẹ nhàng trả lời, rõ ràng và rành mạch.

“Chị ấy gặp ác mộng thôi, Lily, quay về giường của em đi!”

Mercedes không hề biết Lily xuất hiện, cô cứ tiếp tục khóc, Lily quay về phòng, Frances nhìn xuống cuộn giấy.

Trên giường, dưới lớp chăn có một đốm sáng nhỏ, nó phát ra

từ một cái hang nhỏ được dựng lên bằng cái chèn trên hai đầu gối của Lily. Nguồn gốc của đốm sáng đó là từ Đức mẹ Đồng Trinh. Bà được làm từ nhựa tổng hợp có dạ quang màu trắng và cao khoảng mười hai xentimet trên cái xe ô tô bằng thiếc mà Lily, Frances và Mercedes đã đi lạc vào lúc nửa đêm. Chúng nhìn thấy ánh sáng cách một quãng xa so với mặt đường, trên cánh đồng. Và Người ở đó. Đức mẹ. Ở khắp nơi đều có mùi thơm của hoa lily thung lũng. Có thể đó là ở ngay giữa cánh đồng hoa lily nhưng vì trời quá tối nên không thể chắc chắn được. Có thể là vậy hoặc cũng có thể mùi thơm dễ chịu đó tỏa ra từ chính Người. Đức mẹ Đồng Trinh đã có một thông điệp cho mỗi cô bé và họ không bao giờ được tiết lộ bí mật đó, thậm chí là với chị em của mình. Thông điệp của Lily là: chân của cô sẽ không bao giờ được chữa lành. Nó sẽ không bao giờ giống cái chân còn lại, cô bé sẽ luôn phải mang đôi giày với một chiếc cao cổ và một chiếc bình thường. Có một lí do cho việc này nhưng Đức mẹ không nói ra điều đó. “Giờ con quay trở về xe đi, hãy yêu thương lẫn nhau nhé!”

“Vâng thưa Đức mẹ.”

“Lily!”

Đó là Frances, ôi không, Lily đã dùng nước hoa của chị mà không xin phép, nhưng Frances không nói gì về việc đó.

“Lily!”

Lily lái chiếc xe ra khỏi hang và chui ra khỏi đống chèn mền, cô bé nhìn Frances, Frances đang cầm cuộn giấy trong tay.

“Chuyện gì xảy ra ở đây vậy Lily?”

Nước mắt đọng trong mắt Lily bắt đầu chảy ra nhưng cô bé không biết là mình đang khóc “Em đã tô màu cây gia phả.”

“Đó là món đồ đặc biệt của chị Mercedes mà!”

“Đó là một điều ngạc nhiên”. Giờ thì cô bé bắt đầu khóc thật sự.

“Em biết là em không được đụng vào đồ của người khác mà Lily, đặc biệt là khi họ phải làm việc cực khổ vì nó. Lẽ ra em phải tự vẽ cái của mình chứ.”

“Em không ngăn được.”

Frances biết những điều này là sự thật, cô ngồi xuống bên thành giường.

“Em xin lỗi, chị Frances!”

“Đừng khóc, Lily!”

Lily nhào vào lòng Frances và khóc rầm rức khi Frances ôm cô.

“Chị Frances!”

“Sao?”

“Mọi người không có chết.”

“Ý em là sao?”

“Mọi người không có chết lúc em sinh ra.”

“Dĩ nhiên là không rồi.”

“Cha không chết, chị Mercedes không chết, chị cũng không chết.”

“Chị Mercedes chỉ đang bị tổn thương thôi, tất cả chỉ có vậy thôi Lily, chị ấy không cố ý đâu. Chị ấy yêu em mà. Tất cả chúng ta đều yêu em.”

Lily không thể cưỡng lại việc nhìn vào tác phẩm nghệ thuật của mình một lần nữa, cô bé mở cuộn giấy ra và thò tay vào dưới

đồng mền gối để tìm cái tượng dạ quang. Cô và Frances ngồi xem bức tranh dưới ánh sáng của tượng Đức mẹ. “Em là một họa sĩ giỏi đấy Lily, chị thích mấy con sâu lắm.”

“Cám ơn chị!”

“Có cái gì trong rương kho báu vậy?”

“Kho báu”

“Kho báu gì?”

“Ambrose.”

“Lily, Ambrose chỉ là một câu chuyện thôi!”

“Em biết.”

Đức mẹ đang mất dần ánh sáng, bọn trẻ không thể nhìn thấy bức tranh nữa, đã đến giờ đi ngủ, Frances cuộn tờ giấy lại.

“Chị định làm gì với nó vậy Frances?”

“Tụi mình không muốn Mercedes thấy nó nữa, chắc là chị phải đem nó đi vứt hoặc đốt nó đi.”

“Không!”

“Suýt. Chúng ta không thể giữ nó được.”

“Mình chôn nó đi cũng được mà.”

Frances suy nghĩ... “Trong vườn.”

Lily và Frances đang lén lút trong vườn và làm việc dưới ánh sáng thận trọng của một mẫu nến, Đức mẹ Đồng Trinh đang nằm trong túi Lily. Chúng cùng nhau khiêng tảng đá to ra - một thảm họa cho cộng đồng những loại động vật thân mềm đang chạy tán loạn khắp mọi hướng. Lily lấy làm lạ là sao chúng có thể chui xuống dưới đó mà không bị tảng đá đè nát.

“Đối với chúng thì tảng đá là bầu trời.”

“Nhanh lên Lily, mình không có cả đêm đâu.”

Mặc dù Mercedes là người làm vườn của gia đình nhưng cô không thích đào bới dưới mấy tảng đá, do đó khu vườn là một nơi giấu đồ khá tốt. Cha đã đặt cục đá ở chỗ này, “cái năm mà ông quyết định biến nó thành một vườn đá”, Frances nói, “Trước đó thì ở chỗ này có một con bù nhìn, nhưng nó đã tự bứt mình ra khỏi mặt đất và bỏ đi rồi”.

Lily ngừng lại và nhìn sang Frances nhưng Frances đang im lặng đào bằng một cái muỗng, không sử dụng cái giọng ma lạnh hay bất kỳ thứ gì khác.

“Không ai biết nó đã đi đâu, nếu em may mắn thì một ngày nào đó nó sẽ quay trở lại và thăm chúng ta, Lily. Mà sao cũng được, cha sẽ không làm vườn đá bởi vì mẹ mất vào khoảng thời gian đó và ông cũng không còn tâm trí đâu để tiếp tục nữa.”

“Khoảng thời gian mà em sinh ra hở?”

“Đúng rồi, em và Ambrose.”

“Frances, chị đã nói là Ambrose chỉ là một câu chuyện thôi mà.”

“Chị đổi ý rồi!”

“Frances, đừng vậy mà!”

“Đừng có con nít nữa Lily, em dễ hoảng sợ quá!”

“Cậu ấy chỉ là một câu chuyện thôi mà Frances.”

“Được rồi Lily, nó chỉ là một câu chuyện.”

“Đúng là vậy mà Frances!”

“Lily à, em nghĩ những gì em muốn nghĩ còn chị nghĩ những gì chị muốn nghĩ. Nếu em còn không đủ lớn để giúp đỡ chị lúc này

thì mình sẽ đốt bức tranh ngu ngốc của em trong lò sưởi và cha sẽ biết, em có muốn vậy không?”

“Không.”

“Vậy thì đừng có lái nhái về Ambrose nữa, nó chỉ là một câu chuyện thôi.” Im lặng. Lily đã thỏa mãn và ngoan ngoãn cầm cái muỗng lên để đào.

Frances mỉm cười “Nó không phải”.

Lily tự kiềm chế mình để không phản ứng. Frances bắt đầu cười, họ vẫn tiếp tục đào. Frances gọi khẽ “A-a-ambro-o-ose... Ambro-o-ose, Lily muốn em nàyyy...”

Sau đó cười phá lên, ánh sáng như kim châm sáng lên trong đôi mắt cô bé và những cái sọc nhỏ xuất hiện, Frances lăn lộn trong đồng đất, lắc tay và chân như một con chó và cười khúc khích một cách khoái chí. Việc duy nhất có thể làm trong những lúc Frances như thế này là để cho cô bé yên một mình cho tới khi cô bình thường lại, nếu không bạn chỉ làm mọi việc tồi tệ thêm. Lily tiếp tục đào.

“Sâu chừng đó đủ rồi đấy”, Frances đột ngột quay lại với nhiệm vụ, “Mình không muốn đào xương của con mèo màu cam lên luôn đâu”.

Lily thụt lùi lại, cô bé quên mất con mèo đang nằm dưới đó có mấy xentimet, Frances đặt cuộn giấy vào cái lỗ cạn, “Yên nghỉ nhé.”

Lily nhìn lên một cách sắc lạnh nhưng không sao, trừ cái ánh sáng đang lóe lên trong mắt cô bé thì Frances đang an toàn ở bờ bên kia.

Mỗi đứa bỏ vào một nắm đất, sau đó chôn cuộn giấy xuống và

lăn cục đá về lại chỗ cũ. Một việc hoàn hảo. Chỉ cần đặt thêm một ít mảnh lá ngô khô quanh chân cục đá và sẽ không bao giờ có ai phát hiện ra nữa.

“Được rồi Lily, em vào nhà đi, chị sẽ vào ngay.”

“Chị định làm gì nữa?”

“Chị cầu nguyện một chút.”

Lily nghe lời, đi ra khỏi khu vườn và bước lên cây cầu nhỏ bắt qua con lạch trong cái dáng đi khập khiễng đều đều của cô bé và “Bốp!”, một cục đất ném vào sau đầu cô bé. Cô quay lại, Frances lại đang lăn lộn ngay giữa khu vườn, chị ấy lại vậy nữa rồi, ôi không.

“Frances, đi nào, sẽ có người thấy chị đấy”

Frances chạy rề rề một cách điên khùng ra khỏi khu vườn, dọc xuống bờ lạch và lội ngang qua con lạch, tay vẫy vẫy và bắt chước điệu bộ của Lily - “Frances đến đây nào, đến đây nào Frances!” rồi lại cười lớn và rề rề suốt cả quãng đường về nhà. Lily chậm chạp theo sau, Frances không thể cưỡng lại được, Lily biết điều đó. Cô bé chỉ hy vọng cha sẽ không nghe thấy tiếng chúng ở ngoài vào giờ này. Bởi vì nếu ông nghe được thì Frances sẽ lại có một cuộc “nói chuyện” ra trò nữa và Lily sẽ không thể làm gì được trừ việc sau đó mang cho chị sửa ầm và để cho chị ngủ với Raggedy-Lily- of-the-Valley.

Nhưng mọi việc đều ổn, cha đã đi ra ngoài, ông không làm việc, chỉ là ông không ngủ được. Ông đi dạo và lang thang đến nghĩa trang, tìm chút gì để uống. Tuy vậy, tất cả những gì ông uống chỉ là không khí mang mùi muối biển. Đến khi bình minh thì ông quay về, lắng nghe âm thanh của đôi giày hầm mủ gõ trên

đại lộ Plummer và mong sẽ được nghe một tiếng huýt sáo ở hầm mỏ. Anh nhớ lại cuộc đình công, chẳng hiểu vì sao cổ họng anh nghẹn lại, mắt anh cay cay nhưng anh sẽ không khóc, anh không có thời gian. Anh muốn có mặt ở nhà khi các cô con gái của mình thức dậy.

Cháo yến mạch

“Đây cha!”

Bữa sáng. Hôm nay đã là một ngày mới, đêm đã qua và giờ ta đang ngồi với các con gái của mình. “Cám ơn Mercedes, ăn hết đi Frances!”

“Con không đói.”

“Ăn!”

Frances khuấy khuấy tô cháo yến mạch, nó vẫn còn nóng ở dưới nhưng trên mặt đã đông lại thành một lớp màng mỏng và vài miếng dính vào cái muỗng của cô bé.

“Đừng có chơi với đồ ăn!”

“Nó nguội rồi.”

Cha ra hiệu cho Mercedes và cô đổ một muỗng đầy cháo nóng hổi còn bốc khói vào tô của Frances, Frances nhăn nhó.

“Những người lính trong chiến hào sẵn sàng đổi cả cánh tay để có được cái thứ mà con đang ngồi nhăn nhó đó đấy!”

Frances tưởng tượng ra quân đội dũng mãnh, cô thấy một chàng trai Tommy có đôi má ửng hồng, anh đang mỉm cười và cắt cánh tay của mình ra rồi nói bằng giọng Anh quỵến rữ “Không đau đớn gì đâu, giờ thì ta có thể có được tô cháo của em rồi chứ?” Đừng cười. Chỉ nhìn vào cái đồng nhày nhựa màu xám

lấp lánh này thôi. Có người chết ở dưới đó.

“Ta bảo ăn!”

Frances nhét cái muỗng vào miệng. Nước mũi chảy ra.

“Nuốt đi!”

Ai cứu Frances bây giờ? Lily đang ăn từng muỗng một hết tô cháo của nó, con nhóc lấu cá. Có cách nào để đổ bớt một ít qua tô của nó không nhỉ? Mercedes có kín đáo can thiệp không nhỉ? Frances nặn óc tìm một cách tránh né. Cô bé biết rằng cổ họng mình sẽ không mở ra một lần nữa, nó sẽ đóng kín lại và cô sẽ nôn ra và cha sẽ...

“Trả lời chị con đi.”

“Sao cơ?”

Mercedes chậm chậm lặp lại “Em ổn không Frances?”

“Vâng, cảm ơn chị Mercedes, nó ngon lắm.” Ai cứu Frances bây giờ?

“Cái con mèo khốn kiếp đó lại chạy vào vườn nữa rồi đấy Mercedes!”

“Không sao đâu cha.”

“Nó đang đào bới lung tung”, ông bỏ muỗng xuống, “Chúng ta không nên ăn những thứ trồng trong vườn đó nữa nếu con vật đó cứ lảng vảng như vậy.”

“Trixie không bao giờ làm bậy ngoài đó đâu cha.”

Mọi người nhìn ra và thấy Trixie ngoài cửa sổ, cái đuôi của nó đong đưa quanh cục đá. James đã chịu đựng con mèo của Frances bởi vì Lily cứ bám riết lấy nó, nhưng anh đã hết kiên nhẫn, anh đã soạn sẵn một lời nói dối tốt đẹp về việc Trixie đã

sống lâu và sống vui vẻ như thế nào nhưng mèo đôi khi cũng hay bỏ đi. Anh đứng lên khỏi bàn ăn.

Frances nhìn theo ông đi về phía cửa sau - Ôi tạ ơn Chúa, tạ ơn Giêsu, Đức mẹ Mary, Joseph và các thánh, con sẽ không bao giờ phạm tội nữa - cô đợi cho đến khi ông đi được nửa đường ra vườn rồi nhảy xuống và đổ cả tô cháo vào thùng rác bên cạnh bếp lò. Mercedes không nói gì nhưng Lily trông có vẻ rất lo lắng.

“Bình tĩnh nào Lily, cha sẽ không biết được đâu”, Frances nói.

Nhưng Lily không phải đang lo về tô cháo, cô vẫn đang nhìn theo cha, ông đang ngó nghiêng hòn đá trong vườn.

Ông quay vào bếp nhưng không ngồi xuống, ông đứng ở đầu bàn, tay khoanh lại và hỏi nhẹ nhàng “Ai đã di chuyển hòn đá?”

Frances cảm thấy như muốn ốm, giờ thì cô biết rằng đời vẫn dễ dàng hơn với món cháo yến mạch. Mặt Lily đỏ ửng lên.

“Con đã làm vậy, thưa cha”. Có cố gắng đấy Lily.

Người cha vuốt tóc cô bé. Mercedes thì đang hực hắng - nếu cô biết tội lỗi của Frances là gì thì cô đã có thể - “Có lẽ là con làm nó di chuyển trong lúc làm vườn đấy cha ạ”, thật là xấu hổ.

“Con làm”, Frances nói rõ ràng.

“Khi nào?”

“Tối qua.”

Im lặng, sao lại có thể vừa cảm thấy lạnh vừa đổ mồ hôi cùng một lúc được nhỉ? Chúng ta đã ngồi đây bao lâu rồi? Cuối cùng thì có chuyện gì to tát chứ?

“Bốp” vào đầu cô bé.

“Ta sẽ nói cho con biết “chuyện to tát” là gì”, ôi không,

Frances, mà nói ra miệng mất rồi, mà nghĩ là chỉ nghĩ thôi nhưng mà đã nói ra mất rồi - ‘chuyện to tát’ là con đã dắt em gái mình ra ngoài vào lúc nửa đêm và nó có thể chết vì bệnh viêm phổi.”

Frances: “Con cũng vậy thôi.”

“Con có món quà trời cho là sức khỏe, còn em gái con thì rất mỏng manh.”

“Con không sao mà cha”, Lily nói, và hắt hơi một cái.

Frances có vẻ như đang mỉm cười, còn Mercedes chỉ nhìn xuống, cô không tin vào những sự tình cờ. James vẫn không rời mắt khỏi Frances. “Con đang làm cái trò quái quỷ gì vậy?”

Frances suy nghĩ, và trả lời “Chúng con trồng vài thứ.”

“Cái gì?”

Lily đỡ cho Frances “Chúng con trồng một cái cây, cho cả gia đình.” Mercedes nhìn Frances và bắt đầu hiểu ra. James hỏi Frances “Trồng dưới cục đá sao?”

“Nó là một cái cây rất khỏe mà”, cảm ơn Lily.

James nhìn Frances, lẽ ra anh nên lát đá miếng đất làm vườn và đậu xe vào đó. Nhưng điều đó có vẻ không tốt, anh nên đào cái thứ đã được chôn dưới đó lên và mang nó đi chỗ khác, nhưng anh không thể. Và có lẽ là sau đêm hôm qua thì nó đã không còn ở đó nữa rồi. Anh nhìn Frances, chắc chắn là nó còn quá nhỏ nên không thể nhớ được. Nhưng nếu nó nhớ... Làm gì có loại chị nửa đêm dắt em gái mình ra vườn để đào bởi những gì còn sót lại của một đứa trẻ chứ?

Frances bắt gặp ánh mắt của James và nói “Con đã nói với Lily rằng nếu đào trong vườn thì sẽ tìm ra kho báu, nhưng tụi con

chẳng tìm được gì cả.”

James lại ngồi xuống ghế, anh để đôi mắt mình nghỉ ngơi bằng cách nhìn vào những lá trà ở đáy ly, Mercedes rót cho anh một ít trà nóng, anh nhắm nháp. Frances không thể tin vào vận may của mình. Mercedes thì tạ ơn và xin lỗi vì đã không biết ơn gia đình mình. James bảo Frances “Ăn đi.”

“Con ăn xong rồi, cha nhìn này”

“Ừ thì xong rồi.”

Không, nó không thể nào nhớ được, Những đứa bé nước.

Từ bữa sáng đến cả ngày dài

Ta ở nhà cùng các bạn

Nhưng hàng đêm ta đi ra ngoài

Vào vùng đất của những cơn gà gât.

ROBERT LOUIS STEVÉNSON, “VÙNG ĐẤT GÀ GẬT”

Frances trẻ tuổi đang đứng giữa con lạch vào lúc nửa đêm và nhìn chăm chăm, vào chúng ta, hoặc vào ai đó ngay sau chúng ta. Cô đang ôm một cái bọc gì đó trong đôi tay gầy gò của mình. Bạn có thể nhìn thấy nó từ trong góc mắt của mình nhưng nếu nhìn thẳng vào nó thì bạn sẽ chẳng thấy được gì cũng như nhìn vào một thứ gì đó mờ ảo trong bóng tối. Thật là khó chịu. Đó là cái gì chứ? Và ngay khi bạn bắt đầu nghĩ rằng đây là một bức tranh tĩnh lặng chỉ có hai màu đen trắng thì màn nước quanh chiếc váy ngủ màu trắng của Frances chợt lóe lên màu xanh. Nguồn gốc của luồng ánh sáng này là một con cá màu xanh đang bung tanh tách và bơi dưới chân cô. Nó thật là đẹp. Lily thức dậy và hét lên.

“Lily, ôi Chúa quyền năng!”, mặt Frances tái nhợt đi và cô nhìn

chằm chằm vào cái tư thế hoảng sợ của Lily, bây giờ cô bé đã im lặng và nằm thẳng tắp bên cạnh cô trên giường.

Ngọn đèn ngay trên đầu bật sáng, James chạy đến một cách lo lắng trong chiếc áo choàng kẻ sọc. “Có chuyện gì xảy ra vậy?”

Mercedes xuất hiện ngay sau lưng ông, lại có một nếp nhăn mới xuất hiện trên trán cô.

“Không sao, nó chỉ gặp ác mộng thôi”, Frances nói và vỗ nhẹ lên cái lưng cứng ngắc của Lily. Lily quay sang nhìn James, James đến bên cạnh và bế cô bé lên, cô bám cứng chân tay vào người anh và đặt đầu lên vai anh, mắt mở to. Anh nhẹ nhàng đỡ đưa cô bé qua lại và hơi suy nghĩ một chút về một loạt ác mộng xảy ra dạo gần đây trong nhà anh.

Lily nói “Con mơ thấy con là một con cá.”

Frances rùng mình, Mercedes xoa nhẹ hai thái dương của cô bé.

“Ở dưới lạch”, Lily tiếp tục, “và con không thể thở được.”

Mercedes đi xuống bếp để làm sữa nóng cho tất cả mọi người, Frances lẩn qua và giải cứu Lillian Gish khỏi tảng băng nổi, James rời khỏi phòng nhưng quay lại ngay sau vài phút, ngay trước Mercedes. Anh đang bế Trixie, Trixie trông thật thảm hại nhưng nó đủ thông minh để biết rằng nó không nên cử động khi đang nằm trên tay của người này. Anh nhẹ nhàng đặt Trixie xuống bên cạnh Lily, nó bò lên và che hết cả mặt Lily bằng cả bộ lông đen một cách đáng ngạc nhiên. Khi Mercedes đưa sữa nóng cho mọi người, James đổ một ít trong ly của anh ra tay và đưa cho Lily. Trixie nhìn anh, sau đó cúi xuống và liếm sạch.

“Giờ con cảm thấy đỡ hơn chưa con yêu?”, James hỏi.

“Rồi ạ”, Lily trả lời.

Trixie cuộn mình giữa Frances và Lily, James đắp mền cho chúng và tắt đèn.

Quay trở về phòng mình, Mercedes đang cố đọc xong Jane Eyre một lần nữa. Cô thật sự rất biết ơn khi Frances trả lại quyển sách yêu thích của cô nguyên vẹn. Còn bây giờ, với cảm xúc lẫn lộn giữa thỏa mãn và hối tiếc cho hồi kết của cuốn sách yêu thích, Mercedes lật đến trang cuối cùng và thấy chữ viết nguệch ngoạc không thể lẫn đi đâu được của Frances trên tờ bỏ trắng. Đó là một đoạn kết, trong đó bàn tay đã bị thương và bị mất trong ngọn lửa của ông Rochester đã quay lại và bóp chết đứa con mới sinh của họ.

Mercedes gấp quyển sách lại và chỉ thở dài, cô đã không khóc và không nghiến răng nữa. Nó đã quá đủ rõ ràng rằng các em gái của cô đang cố động vào tất cả những thứ có ý nghĩa với cô và phá hủy chúng. Giờ thì Mercedes từ bỏ, một ngày nào đó cô sẽ cưới một người tuyệt vời, có thể đó không phải là Valentino, nhưng dù sao vẫn là một người tuyệt vời. Cô sẽ có gia đình riêng của mình và họ sẽ sống một cách văn minh. Frances có thể ở chung nhưng đó sẽ là lâu đài của riêng Mercedes, dĩ nhiên là cả chồng cô nữa. Nhưng vẫn chưa thể được, cha đang cần cô. Ôi Đức mẹ Mary giàu lòng nhân từ, Chúa đang ở cùng người...

“Nếu em là một con cá thì làm sao mà em không thở được?”

Frances vẫn không đụng vào ly sữa của mình, nó đang ở cái bàn bên cạnh giường và đã có một lớp màng nhầy nhúm ở trên.

“Em chết đuối.”

“Cá không chết đuối.”

“Chị cũng ở đó nữa Frances.”

“Dưới lạch hả?”

“Chị còn nhỏ lắm.”

“...Chị biết.”

“Chị đang cầm gì lúc đó vậy?”

“Không có gì... Chị không nhớ nữa. Đi ngủ đi, đó chỉ là một giấc mơ thôi.”

Bàn tay của Lily sáng lên màu đỏ khi cô cầm bức tượng Đức mẹ bằng nhựa những sợi dây dẫn màu đỏ tươi dưới sợi dây của sinh mạng, của định mệnh, của trái tim và đầu óc, bàn tay cô đang chảy máu, chảy ra ánh sáng.

Khuya hôm đó Frances thức dậy vì cảm thấy có gì đó đè lên ngực, cô mở mắt và nhìn thẳng vào khuôn mặt của Trixie đang gí sát vào mặt cô và nhìn chăm chăm.

Cái chân đen với những cái móng trắng quơ quào và khựng lại trong không khí.

Một thứ gì đó nhăn nheo và mỏng manh cứ như một miếng trứng sống đông đưa ở khóe miệng Trixie. Frances chớp mắt và Trixie quay lại chỗ cốc sữa còn âm ấm ở cái bàn cạnh giường và lờ Frances đi, chùi cái mặt dính đầy sữa của mình rồi lại hụp xuống uống tiếp.

Lần đầu tiên Ambrose đến tìm Lily, cậu ta không mặc gì trên người chỉ trừ cái áo ngủ màu trắng của Frances đã bị mực rửa mà lúc cậu chết cậu đã được gói vào. Những mảnh vải vụn bám vào người cậu và khẽ rung rinh vì có một ngọn gió nhẹ khi Ambrose đến. An toàn và im lặng trong cái mộ của mình trong vườn, cậu

ấy không hề nằm mơ vì cậu vẫn chưa ngủ. Cậu đã lớn lên nhiều. Cơ thể bám đầy đất và than nhưng cậu lại xanh như một cái rễ cây. Mặc dù cậu đúng bằng tuổi của Lily nhưng cậu đã cao lớn như một người đàn ông trong khi cô bé vẫn chỉ là một đứa trẻ. Điều này là do môi trường khác nhau. Mái tóc thiên thần lưa thưa của cậu có màu gì dưới đám đất và bờ hóng đó? Đỏ. Cậu đang đứng ở chân giường, Frances đang ngủ, còn Lily đang ở đâu đó ở giữa. Sao cô có thể thấy một thứ như thế mà không hét lên? Thấy một thứ như vậy và biết rằng đó không thể là một giấc mơ bởi vì đó là chân giường mình, đó là chị gái mình đang ngủ, đó là con búp bê rách rưới của mình, và đó là Trixie đang nằm cuộn mình giữa hai chị em với một mắt đang mở.

Và đó là Ambrose, mặc dù Lily vẫn chưa nhận ra người anh sinh đôi của mình.

“Anh là ai?”

Cô đã nói vậy sao? Chắc chắn là cô đã nói vì người đàn ông đang đứng ở chân giường nhìn cô đã mở miệng ra và định trả lời. Khi cậu vừa làm vậy, nước tràn ra từ trong miệng cậu và làm ướt sàn nhà. Giờ thì cô bé hét lên. Giờ thì cô bé hoàn toàn “tỉnh táo” - trở lại với một nơi được ghi ra rõ ràng trên bản đồ, một nơi gọi là “tỉnh táo”. Ở phía bên kia của vương quốc này là địa phận của “mơ ngủ”. Bạn có thấy cái khoảng tối giữa hai vương quốc không? Đừng bèn mảng đến đó nhé. Đó là “Vùng đất không người.”

Lily đã được an toàn ở chỗ “tỉnh táo” và mong là sẽ lơ mơ thấy khuôn mặt bực bội của Frances đang nhìn cô, mong là đèn sẽ lại bật sáng và cha sẽ chạy vào bế cô lên và thắc mắc tại sao cô có thể có tới hai cơn ác mộng trong một đêm. Nhưng không có chút

ánh sáng nào và Frances thì vẫn đang ngủ. Lily đã không hét lên, mặc dù tiếng khóc của cô đủ để làm cô thức dậy thì rõ ràng là nó không lớn hơn một tiếng thút thít là mấy bởi vì cả ngôi nhà vẫn đang hít thở bình thường, phồng lên, xẹp xuống, và đang mơ. Và thấy gì không? Chẳng có người đàn ông nào đứng ở chân giường cả, không có nước trên sàn nhà trong khi lẽ ra là phải có nếu như anh ta đã thực sự ở đây.

Lily không nói với ai về giấc mơ này bởi vì nó quá đáng sợ tới mức cô bé không nói được. Mặc dù giấc mơ về Frances đang ôm một cái bọc đen và con cá phát sáng màu xanh đã làm Lily hét lên và đánh thức cả nhà dậy thì giấc mơ về “Người đàn ông nước” làm cô thức dậy vì một tiếng thút thít còn đáng sợ hơn nhiều.

Đưa bé cầu nguyện cho một cái chết vui vẻ

Ôi Chúa của con, ngay lúc này con nguyện nhận từ tay Người cái chết mà Người đã ban cho với tất cả sự đau đớn và thống khổ của nó.

Ôi Giêsu, con nguyện dâng cho Người giây phút hấp hối và tất cả sự đau đớn trong cái chết của con...

Ôi Đức mẹ Mary đồng trinh, xin hãy cầu nguyện cho chúng con bay đến bên Người. Nơi nường nấu cho những kẻ tội đồ, Đức mẹ của những con người đang hấp hối, xin đừng bỏ chúng con trong giờ lâm tử mà hãy ban cho chúng con nỗi đau trọn vẹn, sự thành tâm hối lỗi và tha thứ cho tội lỗi của chúng con, sự ân chuẩn đáng giá cho quần áo thánh và sự mạnh khỏe trong lễ xức dầu thánh. Amen.

Xơ MARY AMBROSE, O.P.

“Cầu nguyện cho một cái chết vui vẻ” được trích từ một quyển sách bỏ túi cho trẻ em mang tên “Món quà cho Giêsu”, bài kinh này là bài cuối cùng trong quyển sách và rất có ý nghĩa. Quyển sách này là một món quà Mercedes cho Lily không nhân dịp gì cả. Khoảng hai mươi phút trước Mercedes bước vào và nói “Này Lily, đây là một món quà cho em, chẳng nhân dịp gì đâu”, sau đó

Mercedes đi đến nhà Helen Frye.

Đó là một ngày Chúa nhật khá nóng và lẽ ra Frances và Lily phải đang tung tăng ở bãi biển - Lily ngồi trong chiếc xe đẩy cũ và Frances đang đẩy nó chạy như bay, băng qua những hòn đá và sỏi, lao qua những màn nước bắn tung tóe và cùng nhau hét lên vì sợ hãi và thích thú. Nhưng thay vào đó chúng lại đang mặc áo dài và đội khăn xếp lấy từ tủ đồ vải lạnh và bị nhốt trong nhà vì cha nói rằng chơi ở ngoài không an toàn. Thực ra thì ông đã lái xe đưa Mercedes đến nhà Helen ở đường Ninth và cũng định sẽ lái xe đưa cô về nhà. Cuộc đình công đã kéo tới tận tháng sáu và tình hình trở nên xấu đi.

Lực lượng an ninh đặc biệt của công ty đang nổi cơn thịnh nộ: những tên khủng bố say xỉn trên lưng ngựa đang cầm gậy và sung, hạ gục những người đi đường phụ nữ, trẻ em, chẳng có gì khác nhau. Những ông chủ giờ là một hệ thống độc quyền mang tên Công ty than và thép Đế chế Anh, "Besco". Lần này thì họ không chỉ cắt giảm tín dụng tại cửa hàng công ty mà còn cắt nước và điện của New Waterford. Cả tuần vừa rồi, những đoàn người xách xô đi kiếm nước không chỉ còn tập trung ở các giếng nước mà còn rải khắp cả thị trấn. Ở Bệnh viện trung tâm New Waterford, trẻ em nằm la liệt, người khô khan giữa một cơn bùng nổ mới của tất cả các bệnh cũ với những cái tên đẹp đẽ.

Người ta không thể cứ xách xô đi mãi mà không có gì để ăn để duy trì sức khỏe và sự tái diễn của cảnh tượng những chiếc hòm trắng nhỏ xuất hiện hầu như mỗi ngày đã thuyết phục họ rằng tốt nhất là họ nên dùng chút sức lực cuối cùng của mình để đánh bại những tổ chức có lỗi.

Khi James đưa Mercedes đến nơi, anh lái xe đi tiếp đến Sydney

để mua nước đóng chai và dầu hỏa cùng những lời dặn dò kỹ lưỡng với mấy cô con gái là phải “ở yên trong nhà”. Trừ việc không được ra ngoài vào các ngày Chúa nhật, còn lại thì bọn trẻ không quan tâm mấy. Thật là vui khi quay lại sử dụng đèn dầu và nến “như hồi xưa”. Frances có thể đi mạo hiểm một mình còn Lily thì sợ chuyện đó xảy ra đến mức cô bé thề rằng cô sẽ nói ra nếu như Frances dám làm.

Sau khi mệt mỏi vì chơi trò “Đêm Ả Rập”, Lily và Frances mãi mê đọc cuốn “Món quà cho Giêsu”, cũng như các chị của mình trước đây, Lily đọc rất tốt, nhưng cô bé chưa hề có cơ hội tự đọc quyển sách vì Frances đã chộp lấy nó, lật đến trang cuối - theo thói quen của cô bé khi đọc bất kì quyển sách nào - và đọc lớn. Lily hiểu tất cả trong đoạn kinh cầu cho một cái chết vui vẻ chỉ trừ một từ.

“Quần áo thánh là gì?”

“Đó là một từ thiêng liêng để chỉ những bộ quần áo lót sạch sẽ.”

“Giờ em đọc được chưa Frances?”

Lily chồm tới nhưng Frances lại đưa quyển sách ra chỗ khác và giải thích “Khi em sắp chết thì một thầy tu sẽ đến và làm lễ xức dầu cho em, ông ấy sẽ lấy một bộ đồ ra khỏi ngăn kéo của em và tuyên phúc cho nó, sau đó mặc vào cho em. Hoặ nếu trong trường hợp khẩn cấp mà không có thầy tu thì bất kì ai cũng có thể tuyên phúc cho một bộ quần áo sạch. Đó là lí do người ta nói quần áo “Trái ngọt của khung cửa”, nó xuất phát từ Đức mẹ Maria nếu em nói “Được tuyên phúc là trái ngọt của khung cửa, Giêsu.”

“Hồi nhỏ em có được mặc quần áo sạch lúc em xem chết

không?”

“Có.”

“Cha Nicholson đã ban phúc hờ?”

“Không, chị làm. Lily, nhìn này”, Frances đã để ý đến cái tên ở trang bìa quyển

“Món quà cho Giêsu”. “Quyển sách này do một xơ tên Mary Ambrose viết.”

Lily thở ra, hùa theo “Bà ấy có biết anh trai mình không?”

“Có thể đây là một thông điệp do chính Ambrose gửi cho mình đấy.” Lily nhìn đầy thắc mắc vào trang bìa khi Frances ngồi suy luận.

“Ambrose đang gửi gắm qua nữ tu sĩ này, nó cũng làm cho Mercedes mua quyển sách này và đưa cho em như vậy em sẽ biết được rằng nó đang dõi theo em.” Chúng nhìn nhau và thống nhất về sự khám phá đó.

“Lúc nào anh ấy cũng nhìn em hờ?”, Lily hỏi.

“Ừ.”

“Lúc em hư?”

“Ừ.”

“Anh ấy sẽ nói với Chúa chứ?”

“Dù sao thì Chúa cũng biết tất cả mọi thứ rồi.”

“À vâng”, điều này vừa thoáng qua trong óc Lily.

“Ambrose biết lúc em đang ngủ, biết khi nào em thức dậy.”

“Giống ông già Noel sao?”

“Nói vậy là báng bổ đấy Lily.”

“Em xin lỗi.”

“Đừng nói với chị, nói với Chúa ấy.”

Lily khoanh tay lại, nhắm nghiền mắt và thì thầm “Xin lỗi Chúa mến yêu” và nhanh chóng làm dấu chữ thập. Việc làm dấu chữ thập sau khi cầu nguyện cũng quan trọng như dán tem lên thư vậy, nếu không thì thông điệp của bạn sẽ không thể đi đến đâu cả mà chỉ bị quên lãng đi thôi.

“Chị Frances, biết sao không? Chúa là ông già Noel và ông già Noel chính là Chúa đấy.”

“Không phải vậy đâu Lily.”

“Nhưng Chúa ban cho chúng ta những món quà và biết hết tất cả mọi thứ và ông già Noel cũng vậy.”

“Ừ, nhưng ông già Noel không có ban cho người ta bệnh cùi hay làm động đất xảy ra, em ngốc quá, ông ấy cũng không làm cho tàu Titanic chìm hay làm người ta bị chặt chân.”

Frances lại tập trung vào quyển sách và lờ Lily đi.

“Chị Frances?” Không trả lời.

“Chị Frances?”

“Cái gì!” “, và đập quyển sách lại.

“Ambrose sẽ mang quà đến cho em chứ?”

“Nó sẽ mang cho em một đồng than nếu như em không ngoan.”

“Nhưng nếu em ngoan thì sao?”

“Ambrose không quan tâm em ngoan hay không đâu Lily.”

“Vâng.”

“Nó chỉ quan tâm em có ổn hay không và có được vui vẻ hay không thôi.”

“Sao lại vậy?”

“Tại nó yêu em.”

Frances nhìn thẳng vào Lily, Lily đang thể hiện một khuôn mặt tập trung chú ý hết sức.

“Em không biết Ambrose là ai sao Lily?”

“Đó là anh trai bé bỏng đã chết của em.”

“Nó là thiên thần hộ mệnh của em đấy.”

Trán Lily nhăn lại. “Mọi người đều có thiên thần hộ mệnh của mình đúng không chị Frances?”

“Đúng vậy, nhưng hầu hết họ không biết thiên thần hộ mệnh của mình là ai. Em rất may mắn đấy, em biết thiên thần hộ mệnh của em là ai, và đó chính là anh trai của em và nó đang dõi theo em. Nó yêu thương em, thực sự rất yêu em đấy Lily.”

“Đừng khóc, chị Frances.”

“Chị không có khóc.”

“Có, chị đang khóc mà.”

Frances quệt mắt, cổ họng cô nghẹn lại, đúng là cô đang khóc. Tại sao chứ? Cô không cảm thấy buồn cho tới lúc cô bắt đầu khóc.

“Chị Frances?... Frances, lên trên chơi nhé, chúng ta đi xem hộp đựng đồ nhé.” Nhưng mà Frances đang khóc.

“Frances, chị có muốn tắm cho Hoa-Lan-Chuông-Tả-Tơi không? Được mà, em sẽ để chị tắm cho nó nếu chị muốn. Hay chị muốn đeo thử dây đeo của em? Này, em cho chị thử đấy.”

Frances đã làm rơi quyển “Món quà cho Giêsu”, Lily nhặt nó

lên và lặng lẽ đọc, mãi mê ngắm những bức tranh sáng sủa. Cho tới khi Frances cảm thấy đỡ hơn thì Lily sẽ hỏi cô ấy INRI nghĩa là gì, nó là chữ viết trong cuộn giấy được đóng vào đỉnh cây thánh giá của Giêsu. INRI.

Lily nghĩ, mình sẽ hỏi chị Frances, chắc chị Frances sẽ biết.

Chiều tối ngày hôm đó Mercedes về nhà và cũng khóc, nhưng vì một lí do khác. Lúc ở trong xe thì cô nói với cha rằng tại vì cô và Helen đã nói chuyện về những đứa trẻ nghèo trong bệnh viện. James chỉ gật đầu, bà Luvovitz đã nói trước với anh rằng con gái tuổi này rất giàu cảm xúc, điều duy nhất mà người ta có thể làm là bảo chúng đừng khóc. Anh nhìn cho tới khi Mercedes đã vào nhà an toàn rồi quay xe lại và hướng về phía thị trấn vì anh đã quên ghé vào bưu điện.

Mercedes rón rén đi lên phòng và nhẹ nhàng đóng cửa lại, cô không muốn gặp ai và cũng không muốn giải thích chuyện gì, cô nằm úp mặt xuống gối và khóc. Ngày hôm nay một người thợ mỏ tên David đã bị bắn chết, có một cuộc nổi loạn xảy ra tại nhà máy năng lượng ở hồ Waterford. Những người thợ mỏ đến đó để san bằng đồn cảnh sát công ty và mở lại nguồn điện nước cho thị trấn, những người thợ mỏ có gậy gộc, đá và gỉ sắt; đám cảnh sát có súng và ngựa nhưng những người thợ mỏ đã thắng. Chỉ trừ việc có vài người bị bắn và ông David tội nghiệp thậm chí còn không tham gia vào cuộc chiến thì lại bị bắn chết, ông ấy đang trên đường đem sữa về nhà cho con mình, họ tìm thấy một chai sữa em bé trong túi áo ông. Giờ lại có thêm bảy đứa trẻ không cha ở New Waterford.

Nhưng đó không phải lí do mà Mercedes khóc, chiều nay cha của Helen Frye về nhà với một viên đạn găm trong cổ tay. Trong

khi bà Frye lấy viên đạn ra, ông Frye uống một chai thuốc và nói với Mercedes rằng ông rất “lấy làm tiếc, vì ta biết cháu là một cô gái tốt, Mercedes. Nhưng ta chỉ có một đứa con gái và ta không thể để nó dây dưa gì với nhà Piper được.”

Nước mắt đầy lên trong mắt Mercedes và khuôn mặt cô có cảm giác như bị bỏng, cô cảm thấy mất thể diện cứ như có ai đó mới bắt quả tang cô đang làm một việc riêng đáng xấu hổ nào đó nhưng cô không thể nghĩ ra mình đã làm gì sai. Bà Frye vẫn đang cố gắng đào bới trong cổ tay của ông Frye trong khi ông chuyển sang màu tái nhợt nhưng không hề nhăn nhó mà vẫn nói giọng rất lịch sự, những từ làm Mercedes như vỡ nát. Ông nói cha Mercedes là người xấu, một người buôn rượu lậu, một tên phá hoại, một kẻ thù của cả thị trấn. Sau đó Helen bị bắt đi lên gác và Mercedes phải ngồi ở nhà trước đợi cha cô lái xe đến đón.

Mercedes cuộn mình nằm nghiêng và bắt gặp hình ảnh của Valentino trong cái khung hình đặt trên tủ áo, bên cạnh bức tượng sứ nhỏ hình người phụ nữ mặc một bộ đồ cổ điển. Valentino làm cho nước mắt chảy ra thêm, nhưng đó là nước mắt của sự an ủi. Ít ra em vẫn còn có anh, tình yêu của em. Còn bức tượng nhỏ làm cho cô nhớ lại cha cô là người tốt như thế nào. Đúng vậy, ông đúng là một người tốt bụng và đàng hoàng. Và nếu, nếu, cha bị buộc phải làm những việc gì đó thì đó chỉ là do ông quá yêu chúng ta và chúng ta không còn mẹ để được chăm sóc. Nước mắt. Mercedes có thể nghe thấy mẹ hát, và đó là quá nhiều rồi. Cô lấy gối bịt tai lại và cố ép âm thanh đó ra khỏi đầu mình. Cô xua đuổi những kí ức đi và cố tập trung vào điều quan trọng ngay lúc này: gia đình. Giúp đỡ cha một người đàn ông rất rất tốt, người phải chăm sóc đứa con gái bị tật suốt cả ngày dài. Nếu ông

Frye và những người khác có thể thấy lúc ông ở bên Lily thì mọi người sẽ hiểu.

Mercedes đã bình tĩnh hơn và ánh mắt cô lạc sang bức hình của Bernadette trong hang động của Đức mẹ ở Lourdes, Bernadette đã được tuyên phúc. Một ngày nào đó cô ấy sẽ trở thành một vị thánh. Họ đã đào cô lên và cô ngọt ngào như một đóa hoa hồng - đó là mùi của thánh thần. Cô ấy cũng là một cô bé bị tật, có thể mọi người cũng ghét cha của cô.

Mercedes đã khóc đến lúc gần ngủ nhưng khi cô sắp sửa ngủ thì có một kế hoạch nảy ra trong đầu. Ngày mai cô sẽ đưa Lily đi dạo, họ sẽ đến bệnh viện, không phải đến những khu phòng bệnh vì cô không muốn Lily nhìn thấy gì, chỉ đến khu vực tiếp tân. Ở đó Mercedes sẽ giúp Lily phân phát những cuốn truyện cũ và quần áo cũ cho mấy đứa trẻ nghèo trên gác, cũng như Mercedes sẽ nướng một ít bánh. Sau đó thì mọi người sẽ biết... Một người đàn ông tốt đến thế nào...

James mất một khoảng thời gian dài bất thường để đến được bưu điện vì có một số con đường không thể đi được, đá văng lên mũi xe và một đám trai trẻ lao đến rồi đẩy chiếc xe tới lui. Anh cố gắng thoát khỏi họ nhưng anh cảm thấy đại lộ Plummer như một đàn ong vỡ tổ. Một đám cảnh sát công ty ngã ngựa đang bị đá, bị thụi và giải đến nhà lao. Đám phụ nữ chạy sau những người tù nhân và vung vẩy những cây kim cài nón, họ cũng sử dụng chúng. Đêm nay thế nào cũng có chuyện.

James lái đến đường Shore, đậu xe ở đó và đi bộ men theo vệ đường để quay lại bưu điện. Anh có thể để việc này lại ngày mai nhưng anh nghĩ rằng bưu điện và cả một nửa số tòa nhà trên các con đường chính sẽ bị đốt trụi còn anh thì đang đợi số tiền.

Anh bước vào bưu điện, nhận tiền và chuẩn bị đi thi “Có một bức thư nữa, thưa ông Piper.”

James với lấy bức thư từ tay người thư kí, thư từ khá là hiếm. Những gói hàng và hình ảnh lâu lâu được gửi đến cho Frances nhưng James đã xem qua trước khi đưa cho con bé, anh cũng đã tịch thu vài chai “Rượu Coca: dành cho não bị suy nhược và lơ đãng”. Ngay lúc này thì bưu điện đang ồn ào vì những sự kiện trong ngày và người ta đang bám vào các khung cửa sổ để xem đám đông đi qua nhưng tất cả bỗng trở nên im lặng tuyệt đối quanh James khi anh nhìn thấy cái tên ở mặt trước của phong thư: Gửi cô Kathleen Piper.

Anh thấy như mình bị bất tỉnh trong chốc lát, như một cái chớp mắt của bộ não đi kèm với ánh đèn chớp của máy chụp hình. Sau đó những âm thanh ồn ào lại tràn về quanh anh và trong một lúc anh nghĩ rằng những tiếng ồn ào đó đang nói về việc có ai đó gửi thư cho Kathleen Piper, ai đó đã gửi thư cho con gái anh mà không biết rằng - hoặc cũng có thể đã biết - là cô đã chết.

Chỉ là hình ảnh của cái tên được khắc bằng tay, hoàn toàn không giống với những nét chữ khắc trên các phiến đá ngoài rìa thành phố - đây là lí do tại sao ánh sáng trong đầu anh lóe lên và nhòa đi trong một ý tưởng thoáng qua rằng cô vẫn còn sống. Có thể đó là một sự điên rồ, James nghĩ vậy. Chỉ trừ việc ánh sáng đó kéo dài mãi, có thể như vậy cũng tốt.

Anh quay trở lại xe trước khi mở bức thư, anh vẫn nhớ một bức thư trước đây rất lâu. Người giấu tên. Thật khủng khiếp. Nó đã làm thay đổi mọi thứ. Anh xé phong bì, mở bức thư ra - nét chữ con gái tinh tế. Anh đọc:

Kathleen thân,

Tôi rất lấy làm tiếc khi nghe về tai nạn của cô, cô rõ ràng là một cô gái rất can đảm và cô cũng thật may mắn khi có một người cha tốt như vậy. Có thể một ngày nào đó cô có thể rời khỏi chiếc xe lăn và có thể chạy nhảy chơi đùa trở lại. Tôi mong là vậy. Đây là một bức hình với chữ kí của tôi để cô có thể bổ sung cho bộ sưu tập của mình với tất cả những điều ước tốt đẹp nhất của tôi.

Thân mến,

Lillian Gish

James ấn nút khởi động trên chiếc xe và lái về nhà, anh sẽ lôi Frances ra cái lán và bắt nó giải thích về trò đùa này.

Đêm hôm đó, cha và Mercedes và Lily đứng ngoài hiên để xem những ngọn nến diễu hành khắp thị trấn, Frances đang nằm trên giường trên gác với một cái khăn ướt trên mặt. James đậu xe và đổ đầy nhiên liệu để phòng khi họ phải đi gấp. Quân đội sẽ không đến đây trong vài ngày tới, nhưng cho tới lúc đó thì tốt hơn hết là nên chuẩn bị.

Trước tiên đám thợ mỏ đốt cửa tiệm giặt là ở đường Number 12, sau đó họ đột kích vào những cửa hiệu công ty - họ không làm vậy để đe dọa hay để dìm cả thị trấn trong lửa. Sau đó họ kéo đến nhà lao để hành hình đám cảnh sát công ty nhưng thầy tu đã đến và giải thích cho họ rời khỏi đó. Đã có đủ những đứa trẻ không cha ở New Waterford rồi.

31/10/1918

Ông Piper thân mến,

Con gái của ông đang gặp nguy hiểm. Biết rằng Kathleen xuất thân từ một gia đình tốt và được thiên phú cho một giọng hát phi

thường, tôi nghĩ rằng đó là nhiệm vụ của tôi đối với ông và với cả thế giới rằng phải báo động cho ông biết. Thưa ông, tôi biết ông đang ở một đất nước khác và có thể may mắn rằng ông không biết đến từ “hôn nhân khác chủng tộc”. Đó là một điều xấu xa hiện đại và nó đang làm mỏng đi bộ xương của cả quốc gia. Bây giờ thì nó đang đe dọa tấn công con gái ông. Thông qua những sự cảm dỗ và nịnh bợ xảo quyệt, con gái ông đang bị gài bẫy vào một cái lưới của những thứ âm nhạc xấu xa và những điều trái luân lí. Tôi chỉ biết nhìn tuyệt vọng mà không thể can thiệp vì tôi là một người ngoài. Tôi chỉ nói như một người nhìn thấy được giá trị của cô ấy, khi tôi nói ra điều đó bằng cách băng qua ranh giới tự nhiên, con gái ông đang tự chuốc lấy sự tàn lụi cho chính mình và chỉ có thể kết thúc trong những tàn dư đen tối của con quái vật trong mỗi con người. Có thể là vẫn chưa muộn, con gái ông vẫn còn trẻ. Đó là đặc quyền của ông khi muốn lờ đi hay muốn chỉ trích những lời nói của một người xa lạ. Chính lương tâm của tôi đã viết nên bức thư này để có thể hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng của một con chiên Thiên Chúa giáo.

Người ẩn danh luôn mong những điều tốt.

Chương 4

Mỏ than kiểu Pháp cũ

Để Ta Không Quên

Chân Lily đang chảy máu. Cô bé không biết điều đó, bởi nỗi đau đang bị tiếng kèn túi át đi. Kèn túi được thiết kế để làm điều đó mà. Nhưng nếu Lily có cảm nhận được nỗi đau và thấy máu thấm ướt phía sau tất của mình đi nữa, con bé sẽ vẫn tiếp tục cuộc diễu hành mà không ngừng lại, bởi vì cô đang ở trên đỉnh thế giới. Tay cô đang cầm lá cờ Nova Scotia trên Đại lộ Plummer. Tim và phổi cô cũng to và kẻ sọc giống như những chiếc túi đựng khí trên kèn ống vậy. Và một lần trong đời, tướng đi của Lily lại trở thành tướng đi lý tưởng, đôi chân bị lệch của cô bé khiến cho dáng đi của nó khập khiễng một cách nhịp nhàng, và điều đó lại rất hợp với tiếng nhạc nhún nhảy cứ ngân cao lên sau mỗi hai nhịp gõ. Lily nở một nụ cười thật tươi trên khuôn mặt nhưng cùng lúc đó nước mắt lại chảy trên mi - tiếng kèn ống luôn làm cô cảm thấy vừa buồn thảm vừa phấn chấn. Với một bông hoa anh túc cài trên chiếc khăn choàng kẻ sọc của mình, Lily cảm thấy cô giống như một chiến sĩ dũng cảm. Hôm nay là ngày 11 tháng 11

năm 1929, kỷ niệm 11 năm ngày ký hiệp định chấm dứt Chiến tranh Thế giới I (11-11-1918). Hôm nay chúng ta nhớ về Cuộc Chiến Tranh Chấm Dứt Mọi Cuộc Chiến Tranh khác.

Người dân New Waterford tràn cả ra đường và xếp thành hàng dài trên Đại lộ Plummer. Cả James cũng ra đường - nhưng không phải như một cựu chiến binh mà như một ông bố danh dự. Mercedes đứng cạnh anh trước hiệu sách nhà Cribb. Bên kia đường, tiệm Thức ăn Do Thái Canada nhà Luvovitz đã đóng cửa, màn được kéo xuống. Nếu họ có không nhớ ngày này thì cũng chẳng hề hấn gì cả, nhưng đơn giản chỉ là vì bà Luvovitz thích đón Lễ Tưởng Niệm ở nhà, tránh xa khỏi những cảnh tượng và âm thanh của ngày này bên ngoài hơn. Frances lẽ ra cũng phải ở đây, nhưng cô bé hiện đang ở Nhà hát Hoàng Gia để ngắm lại Louise Brooks trong vở Hộp Pandora trước khi vở này bị chính quyền phát hiện ra và cấm diễn.

Đoàn diễu hành rẽ sang hướng Đài Tưởng Niệm Những Người Thợ Mỏ. Mặc dù được dựng lên để tưởng nhớ 65 người thợ mỏ đã thiệt mạng trong vụ nổ năm 17, đài tưởng niệm này đã trở thành một biểu tượng của tất cả những người khác đã hy sinh trong chiến tranh trong cũng như ngoài nước: những người như ông David, đã bị bắn trên đường, và tất cả những ai đã hoặc sẽ bị nổ tung hoặc chết vì nhiễm khí độc trong một cái hào hay hầm mỏ nào đó. Tiếng kèn túi đột ngột im bật. Lily và tất cả những người còn lại tiếp tục diễu hành dưới tiếng trống mạnh mẽ cho đến khi họ ngừng lại tại đài tưởng niệm. Sau đó là hai phút im lặng.

Bạn có thể nghe thấy tiếng sóng biển. Bạn nghe được cả tiếng chim và tiếng gió thổi. Bạn nghe được tiếng cây anh túc nở hoa trên những cánh đồng vùng Flanders giữa những hàng thánh giá

trập trùng. “Chúng ta vừa mới lia trần - đã từng được sống tình thân vui buồn - bình mình rục rờ thương yêu - hoang hôn ấm áp tim yêu dịu dàng - đã từng yêu, đã yêu thương.” Những người đàn ông chấp tay phía trước, mặt hần lên nét lạnh lùng, sắt đá. Những người phụ nữ đứng thật nghiêm trang. Mỗi người trong họ đều đang nhớ về những người thân sẽ sống mãi với tuổi trẻ của mình.

Một tiếng than khóc thật lớn bay vút lên, tiếng ò ò lại nổi lên và dần kèn túi lại tiếp tục cuộc diễu hành. Điều này khiến bao giọt nước mắt phải tuôn rơi, dù cho kèn túi đã than khóc thay cho mọi người rồi. Một nhạc cụ xưa làm từ cây sậy đánh thức điều gì đó thuộc về những ngày xưa cũ và gửi nỗi buồn vào một viễn cảnh bền vững dài lâu. Có lẽ bởi vì cò là loại nhạc cụ lâu đời nhất của tất cả mọi người.

Lily cảm thấy an toàn khi đứng giữa những đôi chân đàn ông xanh xao đầy lông răn chắc đang nhảy múa theo nhịp giữa những đôi vớ, những cái túi spo-ran nhún nhảy và những cái váy kilt dung đưa. Cô cảm thấy thật thân thiết, gần gũi với họ làm sao. Cứ như đã cùng nhau chiến đấu trên chiến trường vậy. Cô bé thích làm một người lính. Dù chỉ mới mười tuổi nhưng cô muốn được trở thành cựu chiến binh khi lớn lên. Cô sẽ không sợ hãi trước đau thương hay bom đạn, cô sẽ nhảy qua đỉnh và quỳ trên gối nạp đạn để lao vào trận chiến. Cha đã nhận được huân chương Anh Dũng Bội Tinh, ông MacIsaac đã cho cô bé biết điều đó.

Chỉ khi tiếng kèn túi và tiếng trống ngừng lại và ban nhạc chuyên dùng bộ gõ bằng đồng ở phía sau cất lên bài “Rule Britannia” Lily mới bắt đầu cảm thấy nhói ở chân trái, cái chân nhỏ hơn của cô. Đôi bốt nâu của Lily, với cái đế đúc được cha làm

riêng, đã được gắn chặt vào miếng thép chống khớp nối ở chân cô, nhưng vì còn khá mới nên giờ đang cọ mạnh vào đầu gót của cô. Một vệt đỏ chảy quanh mắt cá chân. Lily lén nhìn mọi người, nhưng vẫn giữ đúng nhịp. Có cha và chị Mercedes này. Có cả ông bà MacIsaac nữa. Lily gửi đến họ nụ cười mà cô hy vọng được coi là một nụ cười nam tính thật mạnh mẽ. Có nhiều người mỉm cười lại với cô bé, trong đó có cả những người cô không hề biết.

Lily không hề biết gì về điều không hay xung quanh cha mình, và mọi người không chỉ những người trong gia đình - đều đồng lòng giấu cô. Có nhiều trẻ em có khớp nối ở chân, có đứa còn bị gù lưng nữa, nhưng Lily là đứa duy nhất được điều hành. Cô bé cũng là đứa xinh đẹp nhất trong số những đứa trẻ mang bệnh. Và ngọt ngào nhất nữa. Nhờ Mercedes mà cô trở nên nổi tiếng trong thị trấn, nhưng nhờ chính mình mà con bé có được sự thương yêu của mọi người.

New Waterford không thay đổi nhiều. Những cửa hàng của công ty đã không còn. Besco không bao giờ mở cửa chúng nữa sau vụ cướp năm 25. Nhiều thợ mỏ trở lại làm việc và chấp nhận mức lương thấp hơn đến tám phần trăm, nhưng nhiều người khác đã bị liệt vào sổ đen như những người Bôn-sê-vích. Họ phải di tản vào miền nam biên giới Boston, và làm việc ở những nhà máy và trại gỗ ở New England. Đó là khởi đầu của cuộc di tản không có điểm dừng vào miền Nam và miền Tây diễn ra sau đó. Cuộc khủng hoảng năm 29 tuy đã làm rung chuyển cả thế giới nhưng chỉ gây ảnh hưởng rất nhẹ đến Mũi Breton, và lắng xuống không lâu sau đó vì thật ra, suy thoái đã diễn ra ở nơi này từ rất lâu về trước rồi. Hơn nữa, người ta cho rằng thảm họa của Nova Scotia đã xảy ra từ tận năm 1867 với Liên bang. Bất cứ những gì

xảy ra sau đó đều chỉ là dư chấn. Không ai có thể tưởng tượng những năm ba mươi sẽ tệ hơn những năm hai mươi như thế nào. Và như R.B. Bennett vẫn thường nói, “Sự thịnh vượng đang đến rất gần.”

Nhưng không gì có thể làm mất đi lòng tự hào công dân - cú ngoạn hôm nay đã chứng minh điều đó. Người dân mũi Breton hòa hợp giữa việc trung thành với nhà vua và đất nước với việc khinh bỉ và hoài nghi tất cả những gì “từ bên ngoài” - ở đây nói những kẻ ngu dốt ở Upper Canada và những tên vô dụng ở Whitehall. Họ vô cùng tự hào về những cựu chiến binh của mình, nhưng cũng rất cay cú với quân đội Canada vì xâm chiếm những mỏ than quá thường xuyên. Mặc dù vậy, lực lượng vũ trang lại đang ngày càng là một lựa chọn tốt cho những người thất nghiệp và những người công nhân nghèo khó đang mong mỏi rũ bỏ được cái

nghề khổn khổ đáng nguyên rủa mà họ yêu hơn cả mạng sống của chính họ. Chẳng có nơi nào là “quê nhà” nếu bạn không chịu “đi xa”. Vào tháng 11 năm 1929, việc gia nhập quân đội được tiến hành và nhờ đó mà rốt cuộc thì nhiều người sẽ được có “quê nhà” hơn “ngôi nhà”. Ngày Tưởng Niệm có xu hướng khơi dậy nhiều cảm xúc lẫn lộn.

Vào những ngày như hôm nay, Lệnh cấm đường như trở nên lộ bịch gập đôi so với bình thường. Vào buổi tối, những căn bếp sẽ ngập tràn với những tiếng nhạc, những gia đình và những cuộc chuyện trò. Bình trà và tách trà sẽ được chuyễn đi khắp nhà. Cảnh sát sẽ dễ dãi hơn với các quán bar khách sạn và điểm bán rượu lậu và sẽ có hơn một cuộc cãi vã trong cuộc vui đêm nay.

Tối nay James sẽ không làm việc. Và chắc chắn cũng sẽ không

ra ngoài vui chơi, dù đây chính là đêm những sự xa cách có thể được hàn gắn lại - xét cho cùng thì anh cũng là một cựu chiến binh, và vun đắp thêm. Nhưng đây cũng là một trong hai đêm duy nhất trong năm anh không dám đến gần bình rượu, vì anh chỉ muốn quên chứ không muốn nhớ đến cái ngày Hiệp định được kí kết. Khắp nơi trong thị trấn, người ta đang hỏi nhau cái câu hỏi nghi thức “Cậu có nhớ mình đã ở đâu vào cái ngày chiến tranh chấm dứt không?” James nhớ rất rõ. Hôm đó anh ở New York. Anh đã ở căn hộ của Giles ở Greenwich Village. Anh đi qua cánh cửa chính vì nó không khóa. Anh đã gọi lớn, nhưng chẳng ai trả lời. Giờ anh đi xuống tiền sảnh, căn hộ có mùi hoa oải hương, anh đang tìm Kathleen, anh thấy nó-ngừng lại.

Tối nay James cần ở yên trong nhà trong sự bảo bọc của gia đình.

Frances đã về nhà, đang ngồi mơ về một tương lai làm một vũ công nhà chứa nô lệ da trắng ở Cairo, chơi những bài nhạc bị cấm đưng trong chiếc rương của mẹ Cha nói đó là nhạc da màu, cất chúng đi. Cô bé đang nhấp nhô trên ghế dài chơi bản “Cole Black Rose” khi James và Mercedes ào vào mang theo Lily. Cha bé Lily lên lầu và Mercedes chạy theo. Frances rời cây đàn, chạy hai bậc một lên cầu thang vào nhà tắm, nơi cha đang cởi chiếc vớ đang dính cứng ngắc vào bàn chân bé tí của Lily còn Mercedes thì đi lấy thuốc khử trùng. Lily không thét lên vì đau, nó chỉ nhìn Frances đang đứng ở cửa qua bờ vai của Mercedes. Frances nói, “Không sao đâu, bánh gừng nhỏ bé,” đây là một trong số những mật mã đặc biệt của chúng, và thêm vào, “Hayola kellu bas Helm.” Cái nhìn của cô không hề dịch chuyển khi đáp lại, “Inshallah.” James liếc nhìn Mercedes đang đứng đó nhưng anh

không nói gì. Mercedes băng bó vết thương cho Lily, cầu nguyện rằng nó sẽ không để lại sẹo.

Inshallah là một từ ma thuật đối với Lily. Nó bắt nguồn từ thứ ngôn ngữ mà con bé biết là không được sử dụng vào ban ngày ngoại trừ những trường hợp khẩn cấp. Bởi những từ ngữ đó giống như những điều ước thần đèn ban cho - đừng lãng phí chúng. Lily thậm chí còn không hề có kiến thức sơ bộ về tiếng Ả Rập; nó giống như một giấc mơ hơn. Vào ban đêm, khi nằm trên giường đã lâu sau giờ tắt đèn đi ngủ, cô bé và Frances nói thứ ngôn ngữ xa lạ đó. Thứ ngôn ngữ giờ ngủ của chúng. Frances dùng những cụm từ chỉ nhớ được phân nửa để kể những mẫu chấp vá của những câu chuyện cũ, nối chúng lại với nhau bằng những đoạn nhạc, điền vào vô số những khoảng trống trong đó với những từ tự chế hao hao giống tiếng của Old Country của mẹ. Lily đáp lại lưu loát bằng thứ ngôn ngữ tự chế đó, không biết từ nào là thật, từ nào được chế, và từ nào được ghép. Ý nghĩa nằm ở âm nhạc và sự riêng tư của chiếc giường thăm ma thuật của chúng. Nghìn lẻ một đêm.

Đêm hôm đó, khi Mercedes xuống bếp pha cacao cho mọi người, Lily tuột khỏi lòng cha trên chiếc ghế bành không làm cha thức giấc và bí mật nhờ Frances băng lại vết thương giúp nó: Mercedes đã băng hơi chặt.

Tuổi Mười Sáu Ngọt Ngào

Frances đã cao thêm gần 4cm nữa. Giờ cô đã cao một mét rưỡi và đã đủ lớn để rời trường. Và cô sẽ làm thế, chỉ có điều cha sẽ không đồng ý. Frances muốn ra đời và kiếm một vài kinh nghiệm thực tế để có thể xin làm y tá trong quân đoàn French Foreign Legion. Cô muốn được băng qua một sa mạc cải trang thành một người cười lạc đà vào ban ngày và một cô gái quyến rũ vào ban đêm, để lén chuyển tài liệu mật cho các nước Đồng minh. Mata Hari và bảy lớp mạng che mặt. Ngoại trừ việc Frances sẽ thoát khỏi tiểu đội bắn chỉ thiên ở tận giây cuối cùng. Tuy nhiên, mặc kệ cái tham vọng ngông cuồng đó của Frances, cha vẫn chỉ có một câu trả lời duy nhất: “Kể cả điệp viên - đặc biệt là điệp viên - cần phải có học thức.”

Frances đã làm cho Mercedes thấy xấu hổ rồi, bằng cách ở lại đến hai lớp. Không phải vì điều đó tạo nên sự khác biệt quá lớn, khi đến tuổi đi học, cả hai đứa đều được gửi đến trường sớm hơn một lớp nhờ vào việc chúng đã biết đọc và làm những phép tính dài. Như vậy, theo tính toán của Frances, cô chỉ mới ở lại có một lớp thôi.

Frances luôn ngồi cuối lớp với bọn con trai vụng về to xác cho đến khi giáo viên nhận ra rằng tốt nhất nên chuyển cô lên bàn đầu ngồi. Cô trở nên khá thân thiết với anh em nhà Cornelius.

Thằng Cornelius em hóa ra là một đứa tử tế, bạn bè nó gọi nó là Mắt Mèo. Mọi người hy vọng khi lớn lên nó sẽ trở thành một linh mục vì không ai có thể tưởng tượng cảnh nó mặc đồ thợ mỏ hoặc đồ lính. Thằng Cornelius anh thì ngỗ nghịch, nickname của nó là Petal. Frances đã nhìn thấy cửa quý của Petal từ ba năm trước, nhưng cô bé chưa bao giờ cho thằng bé xem của mình cả. Petal luôn luôn nghĩ rằng Frances sẽ để nó thực hành những điều nó đã học được một ngày nào đó, nhưng Frances sẽ chỉ nói với nó, “Mày chỉ là đồ súc vật, biến đi.” Petal nghỉ học năm ngoài và chuyển đến Vermont để cắt gỗ và kiếm bố người Mỹ, như vậy, ngoài Mắt Mèo và Mercedes, những người không cần tính đến, thì Frances không có lấy một đồng minh đáng giá nào ở trường núi Carmel. Nếu bạn không thể gọi xơ Eustace Martyr là đồng minh.

Xơ ấy là hiệu trưởng và do đó là kẻ địch lớn nhất của Frances. Không phải vì bà ấy đã dọa đuổi học cô, mà là vì bà ấy từ chối làm vậy. Và nếu vậy thì làm sao Frances có thể ra khỏi trường được chứ? Đến lúc này, Frances đã làm biết bao nhiêu việc tồi tệ, vậy mà dường như chưa có việc nào đủ tệ để xơ Eustace, một phụ nữ mà đức tin - đánh giá bằng niềm tin của bà ấy vào Frances - có thể dờn cả núi.

“Con có khả năng thiên phú, Frances. Khi nào con sẽ tự nộp đơn đây?” Im lặng. Mùi mật ong. Frances sốt ruột.

Xơ vẫn kiên trì. “Có rất nhiều học bổng cho những học sinh sáng dạ, nhưng con phải bắt tay vào và kiên trì giành lấy chúng.”

“Con biết, thưa xơ Vô Ích, cảm ơn xơ.” Frances nghĩ xơ Eustace không để ý.

Không thì đã là: “Tại sao con làm những điều này hả,

Frances?” Điều này có thể liên quan đến bất cứ gì từ vụ trộm hay phá hoại tài sản người khác đến việc chọc một cô bạn học khóc nức nở bằng cách nói với nó rằng bố mẹ nó vừa qua đời trong một tai nạn xe hơi, “Cái đầu của mẹ bạn đứt lìa ra luôn.”

“Tại sao vậy, Frances? Khi chúng ta biết rằng bên trong con là một cô bé ngoan.”

“Con xin lỗi xơ. Con sẽ cố cư xử xứng đáng với những nỗ lực đặc biệt xơ đã thay mặt con làm.”

“Vậy còn những thứ xứng đáng với con thì sao, Frances?”

Im lặng. Frances liếc nhìn Đức Chúa Giêsu tuyệt vọng tội nghiệp trên cây thánh giá. Nó liếc xuống những ngón tay bám đầy nicotin của mình.

“Khi lớn lên, con muốn làm gì hả Frances?”

“Một kẻ ăn bám múa hát giúp vui.”

Biểu hiện của xơ không mấy may thay đổi. Frances trông củ cải đỏ dưới cái nhìn chăm chăm xanh và sáng. Cuối cùng: “Con biết đấy, Frances, đôi khi chính những cô bé ngông cuồng nhất lại là người có năng khiếu nhất.”

Không đời nào, không đời nào mình sẽ trở thành một nữ tu.

“Nhưng con đâu cần phải trở thành một nữ tu để có thể được giáo dục tốt và theo đuổi nghề nghiệp mình mong muốn. Ngày nay phụ nữ có thể làm được mọi thứ mà. Con lại là một cô bé thông minh, Frances. Thế giới là con hầu của con.” Vâng, nhầy nhụa và bốc mùi.

Frances tự hỏi, phải làm gì để được tự do đây? Vì tất cả những gì xơ Eustace làm là chọc vào vết bầm dù đã lâu nhưng vẫn còn rất đau luôn gợi cho Frances nhớ mình hư như thế nào.

Frances đã rất bồn chồn mong mỗi đến ngày cuộc đời cô bắt đầu. Cô bé tự tay cắt gần hết ống tay áo đầm và thu ngắn chúng lên - một đồ lệch đang rất thịnh hành. Cô bé quả quyết rằng mình có một thân hình hoàn hảo, trong khi thực tế không phải vậy. Cô gỡ ruy băng buộc trên bím tóc và buộc chúng quanh trán và thử nghiệm phong cách nhã nhặn và sang trọng với chuỗi hạt ngọc mắt mèo của Mercedes. Trong chiếc vớ thừa trong ngăn tủ của mình, Frances cất một thỏi son môi Hoa Hồng Ả Rập cô xoay được từ cửa tiệm nhà MacIsaac. Tóc cô đã bị cháy sém khi đang cố đuổi cho thẳng ra, và trước mắt cô lúc nào cũng là hình ảnh Louise Brooks, với mái tóc tém ngang trán đen tuyền.

Louise Brooks đã chiếm chỗ Lillian Gish trong tim Frances và cả trên tường phòng cô nữa. Lillian giờ chỉ còn tồn tại ở một vị trí danh dự, đơn độc trên tầng băng trình tiết của mình. Trong khi đó, Louise bốc lửa bên dưới cái mạng che mặt của một quả phụ da đen, tự mãn trong bộ tuxedo, liếc mắt đưa tình qua vành ly sâm-banh, cười giả tạo trên đầu gối của Jack the Rippers và ma mãnh ưỡn người ra, khoe khéo tấm thân trần trụi chỉ có độc một nhúm lông vũ trên người. Cô ta là đứa con gái ngoan nhất, nhưng cũng hư nhất trên thế giới. Cô ta cũng là người mô-đen nhất. Frances mong mỗi được bán vào “chốn đầy tội lỗi”, bị ép lên sân khấu và vào “nhà chứa”, nơi mà cuộc sống tuy rất bi thảm nhưng lại rất vui.

Trong lúc chờ đợi, cô trốn học ra bờ biển chơi hoặc lang thang ở rạp chiếu bóng. Gần đây cô bé còn vừa đi vừa chạy suốt chín dặm Đường Shore để đến Sydney, ở đó cô đi đến bến cảng Esplanade và quanh quẩn trên những chiếc tàu. Cô đang nghĩ đến việc đi lậu vé. Cô tán gẫu với thủy thủ của các tàu buôn đến

từ khắp nơi trên thế giới và mua vui cho họ bằng điệu nhảy skinnamalink của riêng mình điệu Charleston để kiếm tiền. Cô để cho bọn dơ bẩn đáng ghét chạm vào ngực mười lăm phút rồi mới dùng đến gót chân của mình.

Thứ duy nhất còn giữ chân Frances chính là Lily. Cô bé phải chắc chắn rằng Lily phải ổn thì mới bắt đầu cuộc sống riêng của chính cô được. Nghĩa của từ “ổn” mơ hồ lắm. Frances sẽ tự biết khi nào thời điểm đó đến. Còn bây giờ, Frances tạm bằng lòng với một trò vui mới: ngày 12 tháng 11, cô sẽ theo James đi vào nơi bí mật của ông trong rừng.

Chuyện đó đã khá khó khăn vì cô không có xe để đi theo ông, hơn nữa, ông sẽ phát hiện ra, vậy nên cô chui xuống sàn ghế sau chiếc Hupmobile của ông và lấy một cái chăn trùm lên người.

Khi chiếc xe ngừng lại, cô nghe tiếng ông bước xuống xe. Sau đó cô nghe tiếng một chiếc khác trở tới, nghe như tiếng xe tải. Cô nghe giọng của James và của người đàn ông kia, trầm và êm dịu. Cô đợi đến khi hai người họ đã đi xa mới nhồm dậy và nhìn lên ra cửa sổ. Có một ngôi nhà với cột khói bốc lên từ miệng ống khói bằng thiếc - Mình đã đoán đúng!

Sự phấn chấn đó làm cô hụp đầu xuống theo phản xạ, như thể cô đã gây tiếng động. Cô ngó ra nhìn vừa đúng lúc thấy James bước ra khỏi ngôi nhà và đứng quay lưng về phía mình. Gần đó là một chiếc xe tải, với toa moóc được phủ bởi một tấm vải dầu căng rộng và che bên trên một cái khung sườn bằng gỗ giống như chiếc xe ngựa bọc kín. Người đàn ông kia bước ra khỏi ngôi nhà, vai vác theo một cái thùng to.

Nhìn anh ta rất quen nhưng Frances không thể nhớ nổi anh ta

là ai. Anh ta trông vạm vỡ, dù chỉ cao bình thường, với vai và ngực rộng; rõ ràng anh ta là người khỏe mạnh, nhưng không có nét nào sắc sảo cả. Cơ thể anh ta là một đồng nệm, mặt là một lời mời gọi người đối diện hãy đến và thư giãn. Vàng trán rộng trung thực, đôi mắt to - có một phẩm chất chung mà Frances cố vắt óc suy nghĩ. Và rồi cô đã nghĩ ra. Anh ta có vẻ tử tế. Có điều gì đó ở anh khiến Frances nhớ đến Lily. Có lẽ vì vậy mà cô thấy anh ta quen thuộc. Người đàn ông đó lăn cái thùng xuống khỏi vai vào trong thùng xe tải, nơi Frances thấy in chữ “Vận tải Leo Taylor.” Cái này cũng rất quen, nhưng cũng không nhớ nổi.

Frances nhìn người đàn ông khuân hết thùng này đến thùng khác, kệ này đến kệ khác leng keng lách cách trong khi James đứng đợi. Khi đã khuân xong, anh ta buộc mấy đầu tấm vải bạt lại với nhau. James lấy từ trong túi ra một cuộn hóa đơn và xé ra vài tờ. Người đàn ông nói, “Cảm ơn, ông Piper.”

Và James nói, “Được rồi, Leo. Lái xe cẩn thận nhé.”

Let Me Call You Sweetheart

“Em biết sao mà em có một cái chân teo không, Lily?”

“Vì em bị bệnh bại liệt trẻ em hồi em còn nhỏ xíu nhưng Chúa muốn em sống tiếp.”

Đó là một buổi chiều thứ Bảy mưa nhiều. Frances và Lily đang chơi trò Xe Ngựa Kín trên giường Mercedes. Mercedes đang đi làm tình nguyện ở bệnh viện còn cha thì đến nơi Frances-biết-là-nơi-nào. Tấm trải giường có viền là miếng che xe ngựa và bên dưới nó là những đứa con của chúng: Hoa Hồng Bạch hầu, Hoa-Lan-Chuông-Tả-Tơi, Cúm Tây Ban Nha, Maurice và những đứa còn lại. Họ là một gia đình đi khai hoang đang đi về hướng Biên giới. Cuối cùng Lily cũng đã cảm được yên cương.

“Em mắc bệnh đó từ dưới sông.” Ngựa ngừng chạy. Lily chờ đợi.

“Em mắc bệnh đó từ dưới sông bởi vì mẹ đã cố dìm chết em ngay khi em vừa sinh ra.”

“Frances” - môi run run, đây là điều tệ nhất Frances từng nói - “Mẹ yêu em, mẹ không làm hại em đâu.”

“Em là một đứa trẻ da đen. Em và Ambrose.”

“Frances, cha nói là...”

“Ông ấy không phải cha em.”

“Phải mà!”

“Im đi, Lily, không thì chị sẽ không nói gì với em nữa đâu.”

Thậm thì, “Phải mà!”

Frances đứng dậy và đi ra phía cửa. “Thôi đừng bận tâm, Lily, vì rõ ràng em thậm chí còn không muốn biết cha ruột của em là ai mà.”

“Có, em có muốn.”

Frances nhìn Lily một lúc lâu, như đang ước lượng khả năng chống chịu sự thật của con bé. Sau đó: “Cha em là một người da đen đến từ Coke Ovens ở Whitney

Pier.”

Lily tiếp nhận điều đó.

“Mẹ cố nhấn nước em là bởi vì em đen.” Mỗi khi Frances kể về sự thật, câu chuyện luôn thật hơn một tí.

“Chị đã cứu em, Lily.”

Lily cắn môi mình. Môi của Frances đã cứng đờ đến trắng dã. Cổ họng cô là một sợi dây thừng trắng.

“Khỏi chết đuối hả?”

“Chết đuối, không phải chết đuối, đồ ngốc.”

Frances quẳng mấy con búp bê xuống sàn nhà và bắt đầu dọn giường. Đôi chân mày đen mượt của Lily run run. “Mẹ đã giết Ambrose hả?”

“Đúng vậy.” Đột nhiên cô thấy thoải mái, cô đập mạnh xuống gối. Lily bắt đầu khóc.

Frances chỉ ra một cách hợp lý, “Bà ấy sợ rằng cha sẽ giết bà ấy.”

“Nhưng ông sẽ không làm vậy!” Lily nức nở.

Frances ngấm nó một giây. Cô luôn cảm thấy vô cùng hả dạ khi Lily bắt đầu khóc. Cô đến ngồi cạnh Lily, khoác một tay lên người nó và vuốt đầu con bé. Lily yêu quý.

“Không sao đâu, Lily... Cha không bao giờ có thể làm hại bất cứ ai hết.”

“Có rồi.”

“Chị không kể em nghe nữa đâu, em còn nhỏ quá.”

“Em không nhỏ!” Lily vùng ra, quệt mạnh nước mắt trên má.

“Em nhỏ, Lily à. Em là một cô bé nhỏ đáng yêu.”

“Kể em nghe đi, Frances! Em lớn rồi.”

“Nhỏ.”

“Lớn!”

“Nhỏ xíu.”

“KHÔNG PHẢI!”

“Phải.”

“KỂ EM NGHE ĐI!” Mặt Lily đỏ bừng, tay dấm xuống giường.

Frances nằm phịch xuống gối, tay xếp lại sau đầu, và hát vu vơ, chân nọ gác chân kia nhịp nhịp, “Quý cô từ Armentières, cô có nói-i-i-hay-không?” Lily bắt đầu xóc tung cái giường vừa mới được dọn gọn gàng. “Quý cô đến từ Armentières, cô có nói-i-i-hay-không?” - tấm trải giường dưới chỗ Frances nằm bị giật mạnh. - “Quý cô từ Armentières” - tấm trải giường rơi đầy dưới sàn, chuỗi hạt dính với kim băng - “đã bốn mươi năm chẳng được hôn” - Lily giận dữ đến mức ngất đi được - “tồi tàn, dơ dáy, có nói hay không-g-g-g” - con bé đi vòng vòng trong phòng, chộp lấy

một cuốn sách to và xé rời gáy sách. Nó xé rách một xấp giấy dày bên trong và ném chúng ra cửa sổ, sau đó ném tiếp phần bìa mất ruột xuống đất theo kiểu mái nhà bị tốc, lảo đảo trên cái chân cứng ngắc của mình, khớp nối bằng thép trên chân nó văng sang một bên, chỉ ngay vào “Cô Gái Nhà Quê” hát bài “Let Me Call You Sweetheart”. Trên tay nó là một cái ô. Nó đứng một mình trên tấm lót đặt trên tủ của Mercedes. Lily chộp lấy nó.

“Kể em nghe, Frances, không em sẽ đập nát nó đấy.”

“Chị không kể với em gì cả, em là đồ điên.”

Tay Lily vung lên, “Kể em nghe.”

“Không.”

Lily ngừng lại - và rồi vì ý nghĩ ném Cô Gái Nhà Quê xuống sàn là độc ác sắp ập đến nên Lily buông tay để nó rơi xuống đất. Bức tượng nhỏ va xuống sàn. Cái ô và cái đầu. Keng. Lăn lăn, lóc cóc lóc cóc. Lily sững sờ nhìn điều mình vừa gây ra. Frances chỉ ra điểm mấu chốt của vấn đề:

“Nếu em làm tất cả những chuyện này để trả đũa chị thì em thua rồi. Vì những gì em làm được chỉ là phá hỏng những thứ quý giá của chị Mercedes.”

Lại nữa rồi. Ôi không. Lily đứng đó miệng há hốc, trán nhăn lại. Ôi không, ôi không, ôi không.

“Được rồi, Lily. Chị sẽ kể” - Lily quên khuấy mất chuyện Frances đang nói - “nhưng em phải thề.”

Lily cứ đứng như thế.

“Đừng lo, Lily, chúng ta sẽ dọn sạch sẽ mà.”

“Nhưng mấy cái này bề rồi.”

“Mình sẽ sửa chúng lại, đừng lo. Thề đi.”

“Em thề.”

“Em phải thề với cái gì đó chứ.”

“Ừm... với Hoa-Lan-Chuông-Tả-Tơi.”

Việc này làm Lily ứa nước mắt vì nó hình dung được nó sẽ thấy thế nào nếu có ai đó đến gần và làm với Hoa-Lan-Chuông-Tả-Tơi những điều nó vừa gây ra cho Cô Gái Nhà Quê. Hoa-Lan-Chuông-Tả-Tơi với cái đầu gãy lìa. Một ít chất xám mất đi. Nhưng Frances nghĩ đến chuyện khác trong đầu.

“Thề với cái chân teo của em ấy.”

“Với cái chân nhỏ của em.”

“Nó sẽ bị cắt đứt nếu em nói về chuyện này lần nữa.”

Lily nhìn xuống hai chân mình: chân phải thì khỏe mạnh, còn chân trái thì ốm yếu nằm gọn trong chiếc vớ len màu be lún xuống như chỉ có mỗi da bên trong cái khung thép và chiếc giày cao bó chặt với cái mặt ngựa hiền hòa, chính là miếng sắt được kẹp chặt vào đế giày. Gót chân cô bé giờ đã đỡ nhiều rồi, chỉ còn là lớp mài từ ngày Lễ Tưởng Niệm.

“Được thôi,” Lily nói. Đừng lo, chân nhỏ, tao sẽ giữ lời thề của mình.

“Tốt. Được rồi. Mẹ phát điên vì xấu hổ về những gì bà đã làm với người đàn ông từ Coke Ovens. Phần vì mẹ đang sắp chết vì vết thương gây ra do cha đã dùng lưỡi lê mổ bụng bà để lấy em và Ambrose ra.” Bây giờ bạn bình tĩnh nhé. “Lúc đó là nửa đêm. Cha để mẹ ngủ, và đi gọi bác sĩ. Nhưng mẹ vẫn có thể ngồi dậy dù vết thương vẫn hở.” Frances chuyển sang giọng ma quái của câu

chuyện con mèomắt-cam, cũng là giọng nó dùng để nói sự thật. “Lúc đó chị đang đứng ở cửa sổ phòng ngủ của chị trong chiếc đầm ngủ sọc của mình. Chị thấy mẹ dưới suối. Ambrose đang nằm dưới đáy sông. Mẹ đang định làm y như vậy với em, nhưng mẹ nhìn lên và thấy chị đang nhìn nên bà ngừng lại. Trăng rất rất sáng và chị cứ đứng nhìn bà như vậy cho đến khi cha đến và lôi bà vào nhà cùng em. Sau đó thì bà chết.”

“Tội nghiệp mẹ quá,” Lily thôn thức.

Sau cùng Frances đã có thể chớp mắt, “Tội nghiệp mẹ sao? Bà ta đã cố giết em đấy, đồ ngốc. Chính chị là người đã cứu em đây nè.”

“Sao chị không cứu mẹ.”

“Không ai cứu được mẹ cả.”

“Chị đã cứu em.”

“Đúng vậy, ngốc ạ, chị đã cứu em.”

Lily ôm lấy Frances, “Cảm ơn chị, Frances. Cha có biết không?”

“Chuyện chị đã cứu em? Có.”

“Cha có biết ông không phải là cha ruột em không?”

“Có, nhưng em không được nhắc đến chuyện đó đâu Lily, cha sẽ đau lòng lắm. Vì dù em không phải con ruột của cha, nhưng ông ấy còn yêu em hơn cả bọn chị nữa.”

“Ông cũng yêu chị mà, Frances.”

“Đúng, nhưng ông yêu em nhất.”

“Em muốn cha cũng yêu chị nhất nữa.”

“Không sao đâu, Lily, mọi chuyện nên như thế mà.”

“Em yêu chị nhất, Frances.”

“Còn cha và Mercedes?”

“Em cũng yêu họ nhất.”

“Làm gì có chuyện cùng yêu mọi người nhất chứ?”

Cả buổi sáng Mercedes ở bệnh viện đa khoa New Waterford. Cô đọc sách cho một cựu chiến binh bị nhiễm khí độc trong chiến tranh, đổ bê, thay nước bình hoa và nói chung là làm cho bản thân có ích. Đáng lẽ cô dẫn Lily theo, nhưng cha muốn chân con bé lành hẳn trước khi ra khỏi nhà. Rời bệnh viện, Mercedes đến giúp các nữ tu đánh bóng tay vịn trong thánh đường và lau bụi bàn thờ ở nhà thờ núi Carmel. Cô thắp nến, quỳ dưới chân tượng Đức mẹ Maria tám chân xinh đẹp và cầu nguyện một chút cho mẹ và Kathleen và Valentino và tất cả những linh hồn bị giam giữ nơi luyện ngục.

Valentino mất ba năm về trước. Cái ngày cô bàng hoàng nhận được hung tin, cô phải cố hết sức để không chạy đến nhà Helen Frye. Cô đã tìm ra sức mạnh khiến cô có thể chịu đựng. Thực sự rất đơn giản: đừng cử động, và bạn sẽ không gây ra điều gì để phải hối tiếc về sau. Cả ngày hôm đó, Mercedes chỉ ngồi yên một chỗ trên mép giường, kiệt sức, nhìn chăm chăm vào ảnh của Valentino. Khi tỉnh hồn lại, cô lòng một bài thơ cô tình cờ đọc được trong cuốn Reader's Digest tên là “Đừng Than Khóc” vào khung hình thay cho khuôn mặt của Valentino.

Mercedes luôn băng qua đường bên kia mỗi khi cô thấy Helen Frye. Helen nhìn cô buồn bã, dù cô không chào lấy một tiếng. Nhà Frye giờ chắc đã nhận ra họ đã sai lầm thế nào, chắc chắn Helen đã khóc rất nhiều. Đáng đời họ lắm. Từ sau Frye, Mercedes

không còn phí thời gian cho những đứa bạn gái ngớ ngẩn nữa. Cô quá bận rộn với việc học và gia đình. Đây là thứ tự ưu tiên: Chúa Trời, gia đình, học hành, chơi piano, bạn bè.

Mercedes sắp mười bảy tuổi rồi - Tháng mười một là tháng mà cô và Frances bằng tuổi với nhau. Mercedes đang học năm cuối trung học. Cô đang cố gắng tìm một suất học bổng vào trường Đại học Thánh Frances Xavier trên đại lục. Đến lúc đó chắc chắn cha sẽ cho phép cô đi. Cô cố không ích kỷ về việc này, nhưng cô thực sự rất muốn học đại học. Đã quá trễ để thực hiện tham vọng khác của cô: trở thành học sinh giỏi nhất được vinh danh của trường Holy Angels. Cô đã trở thành học sinh giỏi nhất trường núi Carmel, và một trong số những học sinh giỏi nhất tỉnh. Giỏi về chuyện học và cả về bếp núc, dọn dẹp và trông em nữa. Mercedes cố không tự hào mà chỉ biết ơn về điều đó. Hãy nghĩ đến rất nhiều cô gái thậm chí còn không được học hết trung học. Nghĩ đến những đứa trẻ trong những gia đình nghèo đến độ cả nhà chỉ có một đôi dép mang chung.

Mercedes rời khỏi nhà thờ, giương ô lên và đi xuống Đại lộ Plummer dưới làn mưa lất phất, gật đầu lễ phép chào mọi người cô gặp trên đường. Dù cô còn rất trẻ, nhưng mọi người đều gọi nó là “Cô Piper”. Điều đó âu cũng là tự nhiên. Một phần do thái độ và những việc tốt cô đã làm. Một phần vì phong cách ăn mặc của cô. Trông cô kín mít trong cái khăn quàng len, cứng nhắc trong chiếc áo choàng trắng và cà vạt đen, tay đeo găng, cùng một chiếc mũ rơm nằm chéch trên búi tóc. Lúc nào cô cũng mang găng tay và đội nón, không chỉ để chỉnh tề mà còn vì da cô rất dễ bị đen, dù là mùa hè hay mùa đông. Ở Paris, Coco Chanel vừa mới phát minh ra một thời trang râm nắng, nhưng New Waterford

chưa biết gì về điều đó. Bên dưới lớp quần áo bên ngoài ấy, Mercedes chỉnh tề trong áo ngực và váy lót. Frances đã nói với cô rằng trông cô cứ như vừa bước ra khỏi Cổ Máy Thời Gian vậy. Nhưng cái gì hợp với thị hiếu thì luôn hợp một. Thật vậy, nền văn minh chỉ là một lớp vỏ bọc mỏng dính. Chúng ta phải phân biệt mình với những con thú trên cánh đồng vì điều gì? Ngoài ra, đương nhiên, một linh hồn bất tử? Cung cách và trang phục phù hợp.

Một tác dụng của việc nuôi dưỡng đức tính thích làm từ thiện chính là việc nhận ra rằng nhà Mahmoud ở Sydney cần những lời cầu nguyện của cô. Do vậy, ngoài những người đã chết, cô còn cầu nguyện cho những người họ hàng không quen biết của mình. Giờ cô đang thầm cầu nguyện cho họ đây, ngay trong lúc đi qua cây xăng mới và gật đầu chào ông MacIsaac. Ở nhà thờ cô đã quên việc này, nhưng không sao, vì làm gì có khoảnh khắc bất tiện nào khi người ta cần cầu nguyện chứ. Đó chính là điểm tuyệt vời của việc này. “Hỡi Đức Chúa Trời kính mến, xin Người đừng phán xét quá khắt khe với những kẻ bè tôi của Người ở Sydney, những người đã ruồng bỏ chính ruột rà máu mủ của mình. Amen.”

Dù vẫn còn quá trẻ để đáp lại hai mươi lăm năm đầu của thảm họa một cách nhân từ, nhưng cô vẫn cố làm việc cật lực để bù đắp. Và vẫn còn nhiều thời gian, vì xét cho cùng, năm nay chỉ mới năm 1929 thôi. Trong thế kỷ hai mươi dù bị trọng thương nhưng vẫn trẻ trung này, Mercedes hoàn tất lời cầu nguyện của mình với một dấu thánh giá bí mật gồm ngón trỏ chồng lên ngón cái và rẽ vào tiệm Kosher Canadian của nhà Luvovitz để mua thịt quay cho bữa tối chủ nhật.

Cửa hàng thực phẩm nhà Luvovitz vừa bán thêm trái cây, rau quả, thức ăn đóng hộp, thức ăn khô, và thức ăn nhiều chất xơ, bởi vì rất ít người mua nổi thịt với giá thường.

Cái chuông kêu leng keng khi Mercedes mở cửa, và Ralph Luvovitz ở quầy tiền ngược nhìn lên. Hai vành tai chìa ra đáng yêu của cậu ta đỏ lên như đường sọc trên tạp dề của cậu khi nhìn thấy cô. Mercedes trông thật trẻ khi cô cười với cậu ta. Chúng trao nhau những lời nhận xét lịch sự, tránh và bắt gặp ánh mắt nhau khi cậu ta kéo dài thời gian cân đo, cắt giấy nâu, tháo một cuộn dây, chọn miếng thịt ngon, gói và buộc nó lại. Cuối quy trình, dường như cậu quên mất là Mercedes đang đợi cậu trao gói thịt cho cô. Mercedes cũng không buồn nhắc.

“Việc học cla-ri-nét sao rồi, anh Ralph?” Cô hỏi.

“Tôi vẫn đang tập luyện...”

“Tốt, anh có...”?

“Cô có... ? Xin lỗi...”

“Xin lỗi.” Cười.

“Tối chủ nhật cô vẫn có thể đến chứ?” Ralph hỏi.

“À có chứ. Tôi đưa mấy đĩa nhỏ đi cùng được không?”

“Đương nhiên là được, vậy sẽ rất tuyệt.” Cười.

Mercedes đã hơn một lần nhận thấy rằng đôi mắt nâu ngời sáng và những lọn tóc xoăn hung hung đỏ của Ralph không hiểu sao nhìn dễ chịu hơn cái khăn xếp và cái tròng mắt màu than của Valentino. Có lẽ là vì, nếu giơ tay ra lúc này, cô có thể chạm được Ralph. Cô lại ngượng ngùng và vụng về cầm lấy gói thịt. Ralph đánh rơi nó.

Hai người họ đã biết nhau từ rất lâu, nhưng vài tháng trở lại đây họ bỗng trở lên khách sáo cực kỳ. Đó là một thay đổi xuất phát từ bà Luvovitz, người đang kiểm hàng bên kia lối đi.

Mercedes là một cô gái tốt. Một cô gái tuyệt vời. Ta đã giúp mang nó đến thế giới này. Ta đã yêu thương mẹ nó như yêu con gái ta vậy. Nhưng.

Vấn đề nằm ở chỗ, nếu ông và bà Luvovitz có cháu nội - cháu nội Do Thái - thì nó không thể nào mang dòng máu Công giáo được, phải không?

“Cứ bình tĩnh,” Benny bảo bà.

“Làm sao tôi bình tĩnh được? Ông muốn có một đứa cháu đạo Công giáo hả?”

“Có cháu cũng tuyệt.”

Bà Luvovitz tức nghẹn và không thể tiếp tục tranh cãi. Benny nói, “Lại đây nào, lại đây.”

Bà làm theo. Ông nói, “Bà muốn nó đi học, và bà muốn nó ở nhà.” Bà gật đầu. Ông nói, “Bà muốn nó trở thành bác sĩ, và bà muốn nó làm người bán tạp phẩm.” Bà lại gật, và mỉm cười trong nước mắt. Benny tiếp tục, “Và, nó nên kết hôn với một cô gái đạo Do Thái và về ở trong một căn nhà phía cuối đường.” Bà gật đầu, nhét một cái khăn tay vào giữa vai của ông và mũi bà.

“Bà biết đấy, vợ yêu, chính chúng ta đã chọn đến đây ở. Nếu chúng ta ở lại Old Country thì đã có rất nhiều cô gái Do Thái xinh đẹp. Ralph không có lỗi khi được sinh ra ở đây.” Ông ngưng lại. “Và nó không có lỗi vì...”

Nhưng ông không cần phải nói thêm. Họ đều biết. Nếu Abe và Rudy không hy sinh trong chiến tranh, bà Luvovitz sẽ để Ralph

được cưới Mercedes.

Nhìn qua những lọ tẩy rửa Hà Lan, bà Luvovitz thấy Mercedes đếm từng tờ tiền đưa cho Ralph, rồi cậu cẩn thận bỏ nó vào máy. Bà thấy cậu thả một nụ hồng bằng sô-cô-la vào tay Mercedes trước khi cô rời đi.

Mercedes ra khỏi cửa hàng Kosher Canadian nhà Luvovitz, tâm trạng lâng lâng.

Cô đi qua vài dãy nhà với đôi má ửng hồng với ý nghĩ con của mình và Ralph sẽ trông như thế nào. Mercedes Luvovitz. Con của chúng ta sẽ theo đạo Công giáo, đương nhiên rồi.

Mercedes tự thỏa mãn bản thân như thế cho đến phố King mới chịu kiềm chế suy nghĩ và bung dù ra. Không biết Frances và Lily có vẫn đi picnic không nhỉ? Với thời tiết này mình hy vọng là không.

Cô đi vào đường Water và nhận thấy là cha vẫn chưa về. Cũng tốt thôi. Mình muốn ngả lưng một tí trước khi nấu bữa tối.

Mercedes leo lên cầu thang để lên phòng. Căn nhà thật yên tĩnh. Chắc cuối cùng Lily và Frances cũng quyết định đi picnic. Frances thật đáng yêu khi thân với Lily như thế - cũng đồng nghĩa với việc Lily sẽ không quanh quẩn bên mình suốt nhưng mình ước Frances có được một người bạn cùng lứa. Một người bạn tốt.

Mercedes nằm xuống trên chiếc giường gọn gàng của mình, và đảo mắt nhìn quanh căn phòng. Cô chỉ có những thứ tốt đẹp. Những cuốn sách. Trên chiếc bàn cạnh đó, cô có một bức ảnh cũ chụp cha và mẹ đứng dưới cổng vòm. Và được giấu kỹ là một tấm hình Kathleen lúc còn sống - Ừm, nó làm gì trên sàn vậy chứ, lúc

nào nó cũng được kẹp trong cuốn Jane Eyre, nơi mà cha sẽ không bao giờ thấy được kia mà. Mercedes với tay lấy tấm hình và đặt nó trên chiếc bàn cạnh giường. Cô sẽ nhét tấm hình lại vào trong cuốn sách sau khi chớp mắt một lúc.

Mắt Mercedes uể oải ngừng lại trên bức tường phía trên cái tủ, nơi cô treo bức ảnh Đức mẹ Đồng Trinh hiện ra với thánh nữ Bernadette lần đầu tại một hang động tại Lộ Đức (một tỉnh miền Nam nước Pháp). Những bông hồng vàng nở giữa những ngón chân của Bà, và xếp thành vòng hào quang trên đầu Bà là những lời Bà đã nói với Bernadette, “Ta là Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội.” Có một dòng suối chảy dưới chân họ, dòng suối trở thành nguồn nước chữa bệnh cho Lộ Đức, và hiện cung cấp ba-lần-chín ngàn ga-lông nước mỗi ngày. Đức mẹ Đồng Trinh đã xuất hiện với Bernadette ba-lần-sáu lần. Bà đã ba lần bảo Bernadette uống nước từ dòng suối, điều mà cô đã thực hiện sau khi đã bỏ đi ba vốc nước đầu tiên. Đức mẹ Đồng Trinh đã nói cho Bernadette ba bí mật mà cô sống để bụng chết mang theo. Bernadette đã trở thành nữ tu để rời xa dư luận. Trong nữ tu viện, cô giúp đỡ trong bệnh viện và nhà thờ và cô đã nỗ lực rất nhiều để kiềm chế bản tính nóng nảy cả đời của mình. Khi được hỏi cô đang làm gì, Bernadette đáp, “Tiếp tục công việc của tôi: bị bệnh.” Ba ngày sau Ngày Lễ Đức mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, cô nằm liệt giường. Ở tuổi ba-lần-mười hai, cô qua đời vì bệnh hen, bệnh lao và một khối u ở đầu gối. Cô được xúc dầu thánh ba lần. Có ba nữ tu quý xung quanh cô khi cô qua đời và ngày nay, mỗi năm có ba triệu con chiên tụ tập về ba vương cung thánh đường ở Lộ Đức, nơi mà thỉnh thoảng nguồn nước lại mang đến một phương thuốc thần diệu.

Mercedes thấy buồn ngủ khi nghĩ về Bernadette. Khi mắt cô hạ xuống khỏi tấm ảnh, chúng tự nhiên ngừng lại ở bức tượng Cô Gái Nhà Quê thân yêu. Mắt Mercedes mở to, lão đảo. Ma quỷ.

Cô Gái Nhà Quê có một cái dù cho cái đầu, và một cái đầu cho cái dù. Cô ta đang tạo nhã giờ cái đầu tóc vàng óng của mình về hướng mặt trời trong khi cái dù vàng vô tri vô giác lại được cắm vào cái cổ trống như một lá cờ. Frances.

Mercedes chớp mắt để nước mắt thấm vào trong. Luôn luôn là vậy - ngay khi mình vừa có được cái gì đó tốt đẹp, cái gì đó sạch sẽ. Cô đi đến cái tủ, lau nước mắt bằng cổ tay gầy guộc run rẩy của mình.

Cô kiểm tra phần thân. Những mảnh vỡ đã được dán lại như vậy, không sửa gì được nữa. Ít nhất không phải lúc này. Phải làm gì với nó, phải đặt nó ở đâu trong khi chờ đợi tìm được một nơi không có mùi tục tũ, vô hình nhưng không ngọt ngào. Cái rương. Nó đã bị khóa từ khi Frances lấy chiếc đầm rửa tội mặc cho con Trixie. Mercedes có chìa khóa.

Cô cầm pho tượng đã bị biến dạng lên nhưng không nhìn. Pho tượng kêu những tiếng leng keng dứt quãng. Trên đường đi, cô cầm tấm hình của Kathleen lên, dự định sẽ nhét nó lại vào giữa những trang sách Jane Eyre, nhưng Jane đã không cánh mà bay. Cô ấy không còn trên kệ sách gần cửa sổ nữa. Không thấy cô đâu cả. Chắc là Frances đã mượn rồi. Lại nữa.

Làm những chuyện đầu tiên trước đã. Mercedes sẽ tìm cuốn sách sau. Cô bỏ Kathleen vào túi và đi đến chân cầu thang dẫn lên gác xép. Lắng nghe. Sự im ắng. Cô leo lên những bậc thang.

Căn gác xép thật trống trải. Chẳng có gì khác ngoài cái rương.

Ngay cả một đặc điểm nhận dạng khác của căn gác xép cũng bị thiếu đi: dấu chéo ngay giữa tường nơi từng treo một cây thánh giá. Mercedes nhớ khi đây còn là phòng ngủ của Kathleen. Trước khi chị ấy chết ở đây, bình yên trong giấc ngủ.

Cái rương là nơi lý tưởng để cất những thứ như Cô Gái Nhà Quê đã hỏng vì căn gác xép hoàn toàn tách biệt với phần còn lại của căn nhà. Trong tình trạng cách ly vĩnh viễn. Nó thực sự là một căn phòng bỏ hoang. Đó là lý do không khí của nó thật buồn, Mercedes cho là vậy. Buồn như một nhà thờ đã hoàn tục. Có thể mình sẽ treo lại cây thánh giá lên đây nếu mình nghĩ đến nó lần nữa. Hoặc là không, bởi vì sau đó sẽ không thể cất những thứ như Cô Gái Nhà Quê bị hỏng lên đây nữa. Mercedes thấy được lợi ích thiết thực của việc có một căn-phòng-không-phải-là-phòng trong nhà.

Cô mở rương. Mùi tuyết từng dịu nhẹ tỏa ra thật sống động, gợi lại một nỗi buồn đã qua. Mercedes không muốn nán lại lâu hay lục lại quá khứ. Cô cầm lấy món đồ vun lên chạm tay nó - chiếc đầm rửa tội nằm trên cùng đóng đồ trong rương từ vụ Trixie - và gói Cô Gái Nhà Quê vào trong. Sau những gì chiếc đầm này đã trải qua, không thể coi nó như một món đồ thông thường được. Cô bé đóng nắp và khóa cái rương lại. Cô đứng lại một chút trong căn phòng trống. Sau đó ra khỏi phòng, nhẹ nhàng đóng cánh cửa phía sau lại.

Mercedes thấy bình tĩnh hơn khi xuống đến phòng khách. Cha sắp về nhà và cô không được để ông thấy bất cứ điều gì bất ổn. Cô ngồi xuống chỗ cây đàn piano. Chắc chắn Lily đã vô tình đánh đổ bức tượng rồi, xét cho cùng nó chỉ là một đứa trẻ - tiếng dình dách dách vang lên khi cô chạm vào nốt đô cao, cha cứ nói

là sẽ sửa nhưng vẫn chưa chịu làm - Mercedes có cảm tưởng rằng cô đã tha thứ cho Lily vụ cây gia phả và giờ lại chuẩn bị tha thứ cho Frances vì đã làm vỡ Cô Gái Nhà Quê. Cô giở trang ba mươi hai của cuốn Những Bài Hát Được Yêu Thích Nhất. Thật kì quặc, tha thứ cho Frances luôn dễ dàng hơn cho Mercedes so với tha thứ cho Lily, dù Frances đã ranh mãnh từ khi mới ra đời còn Lily lại hoàn toàn ngây thơ. Mercedes cần phải tha thứ cho Frances theo đúng cách mà Frances cần dỗ dành Lily.

Mercedes đưa tay tính chạm nhẹ vào những phím đàn nhưng ngừng lại và thọc tay vào túi, tấm hình của Kathleen vẫn còn yên vị trong đó. Cô lấy tấm hình ra và đặt nó đứng trên giá đỡ kế bên tập bài hát. Kathleen trong bộ đồng phục trường Holy Angels, hai tay đặt trên đầu gối, miệng cười rạng rỡ. Chị ấy đẹp quá. Vùng quanh tóc chị ấy hơi bị nhòe bởi vì chị ấy chẳng chịu ngồi yên đủ lâu để chụp hình. Mercedes thầm nhủ Kathleen, nếu ở nơi đó chị có thể nghe được và thấy được thì em sẽ chơi một bài tặng chị.

Mercedes bắt đầu chơi đàn. Và cất giọng hát với cả tấm lòng:

“Chị yêu ơi em đang già đi. Những sợi bạc xen lẫn sợi vàng, ánh lên trên trán em ngày hôm nay, cuộc sống đang trôi đi thật nhanh. Nhưng, chị yêu ơi, với em, chị sẽ mãi, sẽ mãi, sẽ luôn trẻ trung và xinh đẹp. Đúng như thế! Chị yêu ơi, với em, chị sẽ mãi, sẽ mãi, sẽ luôn trẻ trung và xinh đẹp.”

Trixie, Frances, sau đó là Lily lặng lẽ đi vào. Than đen bám khắp mặt Lily chỉ trừ một khoảng hình ô-van quanh miệng. Mercedes thấy chúng, nhưng vẫn tiếp tục hát. Frances nhìn Mercedes và nghĩ, mình đoán chị ấy vẫn chưa lên phòng.

Frances, Lily và Trixie ngồi trên sô-pha và lắng nghe.

“Với những bông hoa hồng tháng Năm, em sẽ hôn lên môi chị và nói, Ôi! Chị yêu quý của riêng mình em, Chị trẻ mãi không bao giờ già đi.” Cha đứng ngay cửa. Bài hát kết thúc.

“Hay lắm, Mercedes.”

“Cảm ơn cha.”

“Chơi bài gì khác đi con,” ông nói trong khi băng ngang qua căn phòng đến ngồi trên ghế bành.

“Chơi bài ‘Ôi Clementine Con Yêu Của Ta’ đi ạ,” Lily yêu cầu.

“Con đã làm gì với cái mặt của con vậy hả?”

“Chúng con biểu diễn hát lưu động ở dưới hầm cha ạ,” Lily nói.

James nhìn Frances, Frances chỉ nhìn lại. Cha cười với Lily,

“Lại đây nào cô bé nghịch ngợm.”

Lily nhảy vào lòng cha.

“Chơi đàn tiếp đi Mercedes.”

Mercedes đánh đàn, cha và Lily hát, ôm lấy nhau trên chiếc ghế bành. Frances nhìn họ như thể bị xuyên thủng. Lily gào to đoạn nó yêu thích, “Những chiếc hộp chạt cứng không có nắp, chất đầy những đôi giày dành cho Clementine.” Lily luôn thắc mắc chuyện gì đã xảy ra với Clementine, con gái của người thợ mỏ năm-bốn-chín, cô ta “đã đi và mãi không còn nữa”, nhưng là đi đâu mới được chứ?

Bài hát kết thúc; Cha nhẹ nhàng nhắc Lily ra khỏi đầu gối ông và đứng dậy.

“Con biết không, Mercedes, cha sẽ sửa phím đô cao đó ngay bây giờ.”

“Ôi tạ ơn Chúa, nó thật khó chịu làm sao, cha ạ.” Mercedes giờ đã là một phụ nữ. Chị ấy có thể nói chuyện với cha kiểu đó. Frances kinh ngạc. James mở nắp cây đàn và nhìn vào trong. “Gõ nhẹ xem, Mercedes.” Cô làm theo.

“Không sao hết,” James nói, “Ta đi lấy đồ nghề.” Rồi anh nhìn thấy tấm ảnh. Đứa con gái đang ngả về phía trước tươi cười với vệt nhòe vì muốn chụp xong nhanh, “Cha!” Căn nhà ở ngay sau nó và bạn có thể nhìn thấy Materia đang vẩy tay từ trong bếp. Có gì đó phát sáng trong tay cô ấy. Nó phản chiếu lại ống kính. James có thể nghe thấy tiếng Kathleen cười với anh, không chút sợ hãi, không có gì để sợ cả. Không như căn phòng này bây giờ. Bây giờ là quá khứ tối mờ. Còn lúc đó là thực tại ngời sáng. Anh nghe tiếng con bé cười. Anh nghe tiếng nước róc rách dưới lạch và bàn tay vẩy của Materia sáng lấp lánh, dù mặt cô ấy chỉ vừa đủ rõ. Kathleen mười bốn tuổi. Bạn nghĩ rằng mình đã được an toàn. Cho đến khi bạn thấy một tấm ảnh như vậy bạn mới biết mình đã lầm. Và rồi bạn nhận ra, bạn sẽ mãi là kẻ nô lệ cho hiện tại bởi sức mạnh của nó còn ghê gớm hơn quá khứ nữa, dù hiện tại đã xảy ra cách đây bao lâu đi chăng nữa.

Giá như anh đừng để con bé đi xa. Giá như anh đi cùng nó đến New York. Thì đã chẳng có chuyện gì xảy ra. Con bé đã chẳng có thai. Không phải mình chối bỏ Lily, Lily là niềm an ủi của mình, nhưng nếu chuyện không ra như vậy thì giờ đây đứa con gái đầu của mình... sẽ đang ở bên mình lúc này. Ôi con gái cưng của cha.

Hơi thở ập vào phổi James và anh bước ra khỏi bức ảnh trắng đen, quay trở về căn phòng đầy màu sắc sống động.

Và nhìn quanh. Con gái ngoan của mình. Con gái hư của mình.

Và con gái của con gái yêu quý của mình - với cái mặt đen. Cả việc đó cũng không đáng để nổi giận, dù Frances làm vậy chỉ là để chọc tức mình.

“Cái này làm gì ở đây vậy, Mercedes?”, anh nhẹ nhàng hỏi Mercedes. Không có hình của Kathleen ở bất cứ đâu. Không có guồng quay tở nào trong Vương Quốc, nói vậy nhưng rồi bạn vẫn bị đâm vào tay.

Mercedes trả lời, “Con xin lỗi, cha.”

Frances nhìn chăm chăm vào James, “Con đã làm đấy.”

Mercedes xoay người trên chiếc ghế piano. Cô muốn nói với Frances, không, mọi chuyện sẽ khó khăn hơn với em, em không cần phải bù lại việc làm hỏng những món đồ ngớ ngẩn của chị bằng cách nhận phần lỗi này về mình. Nhưng Frances đã tự đào hố chôn mình, “Kathleen là chị gái con và thỉnh thoảng con muốn nhìn lại chị ấy.”

Mặt James trắng bệch. Phần xanh trong mắt anh đang nóng lên.

Frances đốt thêm. “Dù sao đi nữa, tại sao chúng ta lại không thể chứ? Có chuyện gì không ổn với chị ấy sao? Chị ấy bị điên hay bị gì hay sao?” Vẫn giọng điệu xác xược như mọi khi.

Mercedes không tài nào cất giọng. Trong miệng cô giờ đang là mùa thu và tất cả những gì lưỡi cô có thể làm là kêu xào xạc. Lily không thích cha nhìn Frances như thế. Đó không phải là cha nữa. Không phải cha của nó.

“Chị ấy là gái hư sao?” Frances, với giọng điệu giúp đỡ. Àaaa, vậy là đúng rồi. Nhìn ông ấy kia, đỏ bừng hết lên y như ngọn nến Phục Sinh rồi.

James nhẹ nhàng nói với Frances, “Đi với ta.”

Frances nhún vai và đứng dậy, lãnh đạm, toét miệng cười với Mercedes.

Mercedes lấy tay che mặt mình. James bảo Mercedes, “Đưa em con ra ngoài một chút đi.”

“Đi nào, Lily.”

Lily nhíu mày không muốn nhưng nó phải nghe lời.

Frances thong thả băng qua căn phòng đi về phía James, ông cuối cùng cũng đã chấm dứt cái cảnh Frances thong thả đi về phía mình bằng cách chộp lấy cổ nó và ném nó qua cánh cửa. Mercedes đẩy Lily ra cửa trước.

“Mình đi đâu vậy, chị Mercedes?”

“Ra ngoài.”

“Em đã làm bể món đồ xinh đẹp của chị.”

“Chị không quan tâm, Lily, làm ơn cứ đi đi” - chúng đi xuống bậc thang công vòm.

“Frances đã dán nó lại nhưng chính em đã làm bể nó và em cũng đã xé sách của chị, em không cố ý đâu.”

“Chúng chỉ là đồ vật thôi, Lily, không quan trọng.”

Lily rất khó khăn mới theo kịp, nhưng nó không có sự lựa chọn, Mercedes đang nắm chặt cổ tay nó. “Em xin lỗi, Mercedes.” Không trả lời.

“Mercedes...”

“Đủ rồi đó, Lily.”

Chúng lôi nhau đi qua khắp thị trấn cho đến khi đến được vách đá phía trên bờ biển. Mercedes đứng nhìn chăm chăm ra biển xám. Lily ngồi trên mép đá, hai chân buông thõng.

“Sao chưa bao giờ em nhìn thấy bức ảnh đó vậy?”

“Em biết rất rõ còn gì, vì cha không thích nhắc đi nhắc lại mãi về Kathleen. Nó làm ông đau đớn.”

“Chị đã giấu nó hả?”

“Ừ, trong cuốn sách em đã phá hỏng. Đó là nguyên nhân nó lộ ra ngoài.”

“Đó là cuốn sách Frances thích đọc. Đó là vì sao em đã vô tình làm hỏng nó. Bởi vì Frances đã vô tình khiến em làm vậy.”

“À, ra vậy. Vậy thì con bé phải cảm ơn em về bất cứ điều gì cha mang đến cho nó.”

“Tại sao chị lại để nó trên piano, Mercedes?”

Mercedes sững người. Thực ra là vì sao nhỉ? Chắc chắn là không cố ý. Mercedes chậm chậm quay đầu lại nhìn Lily. Cô thấy con bé rơi khỏi vách đá xuống bãi đá phía dưới. Thứ duy nhất sẽ còn nguyên vẹn là cái chân khô quắt bọc trong khung thép của nó.

Không nhìn Mercedes, Lily đứng dậy và đi lang thang về phía Đường Shore. Nó quay lại xem Mercedes có đang đi đến không, nhưng Mercedes đang quỳ gối ở vách đá, mặt hướng ra biển.

“Mercedes,” nó gọi. “Đừng ngã, Mercedes.”

Mercedes làm dấu thánh giá và đứng dậy. Chúa sẽ tha thứ cho cô. Cô vừa hứa với Người một chuyện.

Trên đường Water, những bức tường ngoài của căn nhà một tầng thỉnh thoảng phát ra những tiếng thụi nghe như tiếng trống cái với một bàn đạp đang hoạt động bên trong để giữ nhịp. Trong căn nhà, buổi biểu diễn vừa bắt đầu. Nhịp cuối tóm lấy cổ con bé

cho đến khi nó vào đúng nốt, nhịp đầu ấn mạnh nó vào tường, cái đầu va vào gỗ tạo hai nốt móc đơn, tiếng đốt tay kêu lộp cộp làm nhạc nền. Trong quãng nghỉ dài một nốt trắng, gương mặt xanh xao của con bé sáng lên theo đôi mắt sáng như hai ngọn bấc xanh của ông, và những lời hát góp phần vào sự sinh động, mạnh mẽ của buổi diễn: “Mày có quyền gì, mày không có quyền gì cả, thậm chí cả quyền gọi tên con bé cũng không, ai là đồ gái hư chứ, nói xem, ai là đồ gái hư?” Hai đoạn tiếp theo cũng giống như đoạn đầu, sau đó ta chuyển sang màn thứ hai, quãng bạn diễn của mình từ chỗ bức tường sang bàn gia công, nó đón lấy con bé ở phần thắt lưng, con bé vấp ngã tạo thêm một nốt đệm vì nó còn trẻ nên người nó bị bật ngược ra. Đoạn ngắt âm chạy trên khuôn mặt nó, rồi nó mở rộng phạm vi gõ của mình và trở thành một cái lục lạc cầm lặng. Frances vượt qua đoạn này bằng cách tự giả vờ rằng nó thực sự chính là Hoa-Lan-ChuôngTả-Tơi, điều này khiến cô bật cười và việc đó làm cho đợt biểu diễn thứ hai của ông bắt đầu, “Tao không muốn mày gọi tên con bé,” nốt thăng giáng bất thường bằng giọng mũi chuyển thành hợp âm trưởng lớn, “Mày - Có - Hiểu - Không - Hả?” Chúng ta đã hoàn tất vai trò của mình trong vở diễn rồi, những nốt nhạc sẽ đảm nhiệm từ đây. Con bé lại bay vào một bức tường khác, và ông theo sau đường đi của nó, tranh thủ thời gian bởi giờ ta đang sắp vào hồi kết rồi. Thêm một cuộc xung đột giữa gỗ và khăn giấy và cuối cùng là nhạc kịch, “Tao sẽ cắt lia cái lưỡi mày ra đấy.” Nó lè lưỡi về phía ông và ném máu. Báo hiệu màn diễn chính sắp đến hồi kết. Frances gặp người xuống cho đến khi nằm dài trên sàn. Vũ công múa hiện đại.

Việc đầu tiên Mercedes đã làm là mang Cúm Tây Ban Nha và

những đứa con yêu thương còn lại của cô sang cho Frances và âu yếm xếp chúng trên giường. Dù Frances không biết chúng được đưa đến khi nào, nhưng Mercedes biết rằng chúng ở đó sẽ làm con bé khuây khỏa phần nào. Rồi cô đi lấy cái chậu và khăn để rửa mặt cho Frances.

Những vết sưng tấy làm cho Frances trông còn trẻ hơn tuổi mười sáu, đặc biệt là khi có thêm những con búp bê quanh mình. Cuối cùng cô cũng nói, giọng hơi nặng. “Trixie đâu?”

“Không sao, Trixie ổn.”

Toàn thân Frances đau ê ẩm, điều đó làm cô cảm thấy thật yên bình. Một cảm giác lần đầu tiên trong đời cô có được.

Mercedes vắt khăn, “Em không nên làm cha giận dữ như vậy.”

“Đáng đời ông ấy.”

“Chính em là người bị đau đấy!”

Frances cẩn thận nuốt nước miếng. “Em xin lỗi về những món đồ của chị.”

“Không sao đâu, Frances. Đáng lẽ em đừng nên nhận lỗi chuyện bức ảnh về mình mới phải.”

“Nên chứ.”

“Sao lại nên?”

“Vì chuyện đó nên diễn ra như vậy thôi, Mercedes. Chị không thể thay đổi được cách mọi chuyện diễn ra.”

“Chị không đồng ý, điều đó thật vớ vẩn, em không nên bị cha đánh vì một chuyện mà chị đã gây ra.”

“Thôi nào, ông ấy sẽ không đánh chị đâu.”

“Tốt lắm, vậy thì, không ai cần phải bị đánh cả.”

“Có, ai đó cần bị đánh. Hơn nữa, em có thể trả đũa ông ấy.”

“Về chuyện gì?”

Frances nhìn Mercedes và cười mỉm, làm cho vết rách còn mới ở môi dưới của cô rướm máu.

“Chuyện mà chị không biết. Và chuyện chị không biết sẽ không làm chị đau.”

Mercedes không nói gì. Frances với tay lấy con Hoa Hồng Bạch Hầu, ôm nó và khép mắt nó lại.

Mercedes nói với cha là tấm hình đã bị đốt trụi trong lò. Nhưng cô đã nói dối. Cô không thể xa tấm hình được. Cô để Frances nằm ngủ, nhưng trước khi đi xuống hầm để thực hiện lời hứa với Chúa Trời, cô leo lên căn gác xép lần thứ hai trong ngày. Mercedes biết rằng cha không bao giờ nhìn vào cái rương. Tấm hình sẽ được an toàn tuyệt đối trong đó.

Khi căn nhà đã trở nên yên tĩnh, Trixie nhảy lên những bậc thang vào phòng của Frances và Lily và lặng lẽ nhảy lên giường. Nó rúc vào giữa những con búp bê nằm trong vòng tay của Frances. Nó ngấm con bé ngủ một hồi lâu. Sau đó nó kê đầu mình lên gối, duỗi thẳng chân ra để tựa vào trán Frances. Cả hai nằm im như vậy cho đến sáng.

Chúng Ta Vừa Mới Lìa Trần

...Đơn độc một mình Tôi bước đi

*Không một ai bảo nên làm gì Một mình bên những dòng suối mát
Và trên những sườn núi giấc mơ...*

• **ROBERT LOUIS STEVENSON, “VÙNG ĐẤT GẬT GÙ”**

Một lỗ hổng xuất hiện trên mặt đất khi đã đi được một phần ba quãng đường dẫn lên một dốc đá vôi dựng đứng, lưa thưa cỏ và rất ít đất. Những cây thông diên đại mọc rải rác song song với đường dốc. Một cái cổng vòm trên mặt đất. Không một câu viết. Một cái mỏ rượi lậu bỏ hoang. Một cái mỏ ngang, loại mỏ đâm vào sườn dốc và đi sâu vào theo chiều ngang.

Mỗi khi người ta tìm thấy một cái mỏ cũ quanh đây, họ nghĩ họ vừa tìm được một cái mỏ kiểu Pháp cũ. Không có kho báu nào liên quan đến mỏ kiểu Pháp cũ, nó chỉ tình cờ là cái hố đầu tiên được đào nhằm mục đích chiết ra “ánh nắng bị vùi lấp”. Đây là thứ trở nên rất quan trọng khi bạn không có thánh đường.

“Nó là cái mỏ kiểu Pháp cũ,” Frances nói. “Không ai khác biết là nó ở đây.”

Frances và Lily đứng dưới chân đồi nhìn lên. Đằng sau chúng

là khu rừng, nơi Frances vừa đánh dấu vào vỏ cây thông bằng cây kéo làm bếp. Cô đưa một tay lên che mắt theo kiểu của người chỉ huy quân đoàn French Foreign Legion, mặc kệ bầu trời u ám của vùng Cape Breton. Hốc mắt trái của cô bé đã đỡ hơn và chuyển sang màu vàng nhạt, nhưng còn mắt phải thì vẫn bầm tím - những vết thương để lại sau cuộc so găng xáp lá cà mới đây của ta và bọn An-giê-ri, Chúa ơi!

Frances thực hiện ý định trở thành một nhân vật gan dạ của mình với một bộ đồng phục hướng đạo Thanh Nữ Anh màu xanh. Chiếc khăn quàng cổ được thắt lại gọn gàng, chiếc nón bê-rê đội chéch đúng quy cách, cái túi nhỏ được cài vào thắt lưng. Thứ duy nhất còn thiếu chính là những cái huy hiệu. Cô vẫn chưa kiếm được cái nào cả. Cô vẫn chưa tham dự buổi hướng dẫn thứ hai. Lily đang mặc bộ đồng phục hướng đạo Chim Non. Cuối cùng thì cha cũng đã cho nó tham gia vì con bé đã rất lâu rồi không được ra ngoài vận động. Thay vì đưa con bé đến buổi họp mặt nhóm Chim Non đầu tiên vào chiều nay thì Frances lại đưa nó đến đây. Chúng đi khắp nơi, chúng đã đi qua nhiều dặm đường. Frances cho Lily biết nó sẽ được nhận huy hiệu đi bộ đường dài.

“Có người chết trong đó, Lily. Và kim cương nữa.”

“Như trong truyện Aladin.”

“Đúng vậy.”

“Mình về đi, Frances.”

“Mình sẽ vào trong đó.”

Frances nắm lấy tay Lily, nhưng Lily lùi lại. “Coi nào, Lily, thăm một tí thôi mà.”

“Không, Frances, trong đó có người chết.”

“Người chết thì hoàn toàn vô hại mà.”

“Còn ma thì sao?”

“Làm gì có ma.”

“Vậy mình thăm ai trong đó nếu họ đều chết cả rồi?”

“Ambrose.”

Lily nhìn Frances dò xét. “Ambrose chết rồi.”

“Không, nó chưa chết.”

“Nó chết rồi, nó bị chìm, chị đã nói vậy mà.”

“Đúng, nó đã bị chìm, nhưng chưa chết, Lily, nó là thiên thần, nhớ không? Nó đã biến thành thiên thần. Và nó đang ở trong đó. Đó là nơi nó sống. Chị nghĩ giờ là lúc em nên gặp nó rồi.”

“Không.”

“Thôi nào, chị sẽ đi với em mà.”

“Không.”

Frances chụp tay Lily và kéo nó đi, giống như cố lôi một chú chó lên cầu thang vậy.

“Em sẽ kiếm được một cái huy hiệu cho việc này, Lily.”

“Em không muốn vào đó, Frances.” Giọng Lily run rẩy đầy sợ hãi.

“Em không thể tự mọc cánh và bay đến chỗ Những Người Dẫn Đường được nếu em không kiếm được huy hiệu thiên thần hộ mệnh của mình.”

Frances bắt đầu cười và Lily biết rằng mọi chuyện đang trở nên tồi tệ. Chúng bắt đầu leo lên dốc, Lily nhăn nhó vì bị Frances cầm tay quá chặt. Frances vác con bé lên vai như vác một bao

khoai tây. Lily thoi vùng vẫy. Chúng leo lên đến miệng mỏ. Chúng đi vào.

Không có nhiều thứ để xem - một vài lá gỗ và cột chống hầm mục nát, một cái xẻng gỉ sét. Frances lôi Lily đi tới. Trời tối hơn. Không khí ẩm mốc. Chúng đi theo một khúc quanh trong hầm và không còn thấy ánh sáng phía của hầm nữa. Frances chậm chậm bước vào bóng tối ẩm ướt và kì quái.

Lily khẽ hỏi, “Lỡ chúng ta bị lạc thì sao?”

“Không có đâu. Ambrose sẽ tìm ra chúng ta.” Lily khóc thút thít.

“Thằng bé yêu em mà, Lily, đừng sợ.”

“Em muốn về nhà.”

“Chúng ta đang ở nhà còn gì. Chúng ta đang ở nhà của nó.”

Frances ngừng lại và đặt Lily xuống. Tay cô lần tìm cái khóa trên chiếc túi Thanh Nữ Anh của mình. Cô bé lấy ra một điều thuốc, và đánh một que diêm vào khóa thắt lưng của mình. Một ngọn lửa bùng lên: một cái hồ phẳng lặng sâu thăm thẳm, Chúa ơi, hồ sâu đến mức nào? Và đằng kia, dựa vào tường - Lily thét lên.

Frances châm thuốc và thổi diêm đi.

“Có ai đó ở đây, Frances.” Lily run rẩy nói.

“Chị biết rồi.”

“Ông ta đứng bên kia kia. Bên kia hồ nước.”

Frances hút một hơi dài. “Ông ta trông thế nào?”

“Ông ấy mặc đồ công nhân. Và có một cái cuốc chim. Và một cái mũ lưỡi trai.”

“Có đèn trên mũ ông ta không?”

“Có. Loại giống bình trà.”

“Có lẽ ông ta đã chết khá lâu rồi đây.”

Frances nhả ra những đọt khói vô hình.

“Frances” - Nỗi sợ hãi của Lily đang dâng trào.

“Đó không phải Ambrose đâu, Lily. Chỉ là một người thợ mỏ đã chết thôi.”

Frances đốt một que diêm nữa: cái hồ, bức tường thấm nước - Lily lại thét lên khi ánh lửa vụt tắt.

“Đó không phải một người thợ mỏ đâu, Frances.”

“Chứ là gì?”

“Ông ấy mang mặt nạ.”

“Mặt nạ Halloween hả?”

“Mặt nạ khí. Ông ta có một cây súng trường và một cái lưỡi lê treo trên mũi súng.”

“Một người lính đã chết.”

Frances đốt thêm một que diêm nữa: mặt nước tối đen, đá và những bức tường bằng đất nung...

“Ông ấy đi mất rồi.”

“Ambrose đã đưa ông ta đi vì nó biết em sợ đó. Cô bé. Cô bé Chim Non.”

“Ambrose đã không ở đây.”

“Có chứ.”

“Ở đâu?”

Frances ném điếu thuốc xuống và nó kêu xèo xèo trên mặt hồ

không thấy được.

“Dưới đó.”

Lily nhìn xuống, hoa mắt vì bóng tối. “Thiên thần phải sống trên thiên đàng chứ.”

“Họ sống ở bất cứ nơi quái nào mà họ thích.”

“Em sẽ mách lại. Chị hút thuốc và chửi thề.”

“Đi mà ba hoa đi. Dù gì đi nữa thì chị và Ambrose vẫn sẽ chăm sóc em.”

“Làm gì có Ambrose nào chứ.”

“Ban đêm nó lặn sâu dưới hồ này và bơi trong một dòng sông trong lòng đất cho đến khi dòng sông trôi lên khỏi mặt đất và biến thành con sông nhỏ nhà chúng ta. Nó lấy hơi và bơi trong nước cạn, dài và trắng, bơi mãi cho đến khi nó đến được chỗ của ta. Sau đó nó leo ra khỏi bờ đê và bước thật chậm, ướt đầm, qua sân nhà mình và mở cửa bếp. Nó đi qua lò nướng. Nó đi vào sảnh băng qua phòng trước. Nó đi lên cầu thang không một tiếng động, và bỏ qua cánh cửa căn gác mái. Nó đi vào căn phòng nơi em đang ngủ. Nó đứng ở chân giường và cúi xuống nhìn em. Tóc nó màu đỏ. Và sau đó nó đi. Nhưng nó không thể bơi ngược trở lại. Nó phải dịch chuyển tảng đá trong vườn và đi xuống một cái hầm giờ đã trở nên quá nhỏ hẹp so với nó, cho đến khi nó về đến cái mỏ u buồn và cô độc. Nó bước đi hàng dặm dài trên đôi chân trần băng qua tất cả những người lính và thợ mỏ câm lặng đang nghỉ bên những bức tường. Và cứ mỗi khi nó quay lại cái hồ, trái tim nó lại vỡ nát. Giờ thì em thấy nó yêu em đến mức nào rồi đó, Lily, để có thể đi như thế hết đêm này qua đêm khác.” Im lặng. Lily tè cả ra quần.

Tiếng chân Frances chạy đi và vòng theo khúc quanh cho đến khi Lily không nghe thấy gì nữa. Đôi vợ Chim Non của nó ướt sũng. Nó ngất đi.

Khi không còn nghe Lily khóc la gì nữa, Frances quay đầu chạy ngược lại xuyên qua bóng tối và đốt thêm một que diêm nữa. Chúa ơi, “Lily!” Lily nằm bất động, chết vì trụ tim khi mới mười tuổi đầu, có thể lắm chứ, “Lily!” Frances lắc người con bé, hất nước lên mặt nó, và con bé tỉnh dậy. Frances công nó ra khỏi cái mỏ và trượt trên đất đá trên nửa quãng đường xuống đồi. Khi xuống tới chân đồi, cô bé để Lily ngồi tựa vào một cái cây bám đầy rêu rồi nín thở, tay chống gối.

Lily mở mắt. “Frances, em tè ra quần rồi.”

“Không sao, chúng ta sẽ về thẳng nhà và thay đồ, đi nào.”

Lily vẫn ngồi yên. “Frances. Lỡ Ambrose là tên Ác Quỷ thì sao?”

“Nó không phải Ác Quỷ đâu. Chị biết Ác Quỷ là ai và hẳn không phải Ambrose đâu.”

“Hắn là ai?”

Frances cúi thấp xuống như đang nói chuyện với Trixie. “Đó là điều chị sẽ không bao giờ kể cho em, Lily, dù em sẽ lớn đến mức nào, bởi vì Ác Quỷ rất hay ngại ngùng. Hắn sẽ nổi giận nếu có ai nhận ra hắn, vậy nên khi có ai nhận ra, tên Ác Quỷ sẽ bám theo họ ngay. Và chị không muốn hắn bám theo em.”

“Tên Ác quỷ có bám theo chị không?”

“Có.”

“Đức Chúa Giêsu có thể đánh được Ác Quỷ.”

“Nếu Người muốn.”

“Chúa Trời chống lại Ác Quỷ.”

“Chính Người đã tạo ra hắn.”

“Tại sao?”

“Để cho vui.”

“Không đúng, để kiểm tra chúng ta.”

“Nếu đã biết em còn hỏi chị làm gì nữa?”

“Bố nói Ác Quỷ không có thật, chỉ là tưởng tượng mà thôi.”

“Tên Ác Quỷ đang sống cùng chúng ta.”

“Không, không phải đâu.”

“Em gặp Ác Quỷ mỗi ngày đó. Ác Quỷ ôm em và ngồi ăn ngay cạnh em.”

“Cha đâu phải là Ác Quỷ.”

“Chị chưa bao giờ nói ông ấy là...”

Ánh nhìn của Frances khô khốc, bụi nhùi dễ bắt lửa ở trong mắt cô; giọng cô là một mớ cỏ khô đang cháy ở giữa, miệng cô là một đường may kín mít. “Chị chính là Ác Quỷ.”

Đây là lúc Lily thôi không còn sợ hãi với bất cứ điều gì Frances sẽ nói hoặc sẽ làm. Không còn sợ bất cứ thứ gì nữa hết. Nó đưa tay ra và nắm lấy tay Frances. Bàn tay trắng ngần luôn có mùi hương hoa dại nhỏ, hoa lan chuông. Bàn tay vẫn luôn cài nút và buộc dây cho Lily, và tạo ra những đồ vật tuyệt vời. Nó nắm lấy tay Frances và nói, “Không sao đâu, Frances.”

Gương mặt tím bầm của Frances nhăn lại và trán cô kê trên đầu gối, đẩy cái nón bê-rê lệch sang bên. Cô vòng hai tay ra ôm chặt lấy hai chân và bắt đầu khóc. Lily vuốt ve cái lưng gầy guộc

của Frances trong khi cô cứ làm bầm mãi điều gì đó.

Nhiều năm sau đó, Frances vẫn còn nhớ lúc đó cô đã nói, “Chị xin lỗi, chị xin lỗi, Lily, chị xin lỗi.”

Nhưng trí nhớ thường bịp bợm. Trí nhớ là phiên bản khác của câu chuyện, và do đó trí nhớ là thứ khó tin cậy nhất.

Phép Màu Đầu Tiên

Linh hồn con thét gào trong đau khổ, nó rất khát khao sự thanh lọc và tẩy uế.

Ngay khi con ngủ linh hồn con vẫn ước ao được hiến dâng cho Chúa.

Chúa Cứu Thế của con, trái tim con rỉ máu vì đau đớn và tình yêu.

Chúa ơi - Người biết điều đó mà - Đức Chúa của con!

“BÍ MẬT CỦA SỰ ẼN NẶN,”

TÁC GIẢ VÔ DANH

Trong khi Frances và Lily ở tại cái mỏ kiểu Pháp cũ, Mercedes đang ở nhà, cô đang thực hiện lời hứa của mình với Chúa Trời ở dưới hầm.

“Lỗi tại con, lỗi tại con, lỗi tại con mọi đàng.” Sự sám hối không chỉ làm linh hồn cô được thanh thản mà còn là dịp để Đức mẹ Đồng Trinh mang đến cho

Mercedes ý tưởng về một cái quỹ Lộ Đức cho Lily. Sao trước đây mình không nghĩ ra nhỉ? Nhưng Mercedes nhận ra ngay câu trả lời. Cô không xứng đáng được truyền cảm hứng khi nào cô vẫn chưa nhận ra tội lỗi của mình và chưa nhún nhường van xin Chúa tha tội.

Mercedes thú nhận toàn bộ tội lỗi một cách tự nhiên: “Xin Chúa tha thứ cho con, vì con có tội... Con đã ước cho em gái con chết vì bị ngã, con đã làm buồn lòng người cha đáng thương của con, con đã để đứa em gái con thương nhất chịu tội thay con. Con có một đứa em gái mà con yêu thương nhất.” Dù đã được ấn định một lời cầu nguyện sám hối tiêu chuẩn, nhưng cô đã chế thêm ra một phần sám hối phụ cho riêng mình ngay trong căn hầm này.

Dù không nói với ai về sự sám hối của mình nhưng Mercedes đã nói với cha và Frances về quỹ Lộ Đức để họ đóng góp vào, và nói với Lily để con bé có thể kỳ vọng. Mới có một tuần mà đã được gần hai đôla trong lon cacao rồi. Cứ đà này Lily sẽ có thể đến được Lộ Đức khi nó mười bốn tuổi. Đó là tuổi thích hợp để chữa bệnh. Tuổi dậy thì. Nghĩ xem Lily sẽ xinh đẹp hoàn hảo thế nào khi không phải chịu đau đớn nữa.

Mercedes đứng dậy, cởi bỏ chiếc váy trắng và giấu nó đằng sau lò lửa. Cô đứng khỏa thân trong bóng tối một lát rồi cầu nguyện cảm ơn Trái Tim Vô Nhiễm của mẹ Maria. Đức mẹ Đồng Trinh Tối Cao, Đức mẹ Nhân Từ, mẹ Chúa Giêsu Quyền Năng Nhất, Ngôi Vị Thông Thái, Tháp Ngà, Hoa Hồng Thần Bí, Nữ Hoàng của Các Tông Đồ, Những Người Tử Vì Đạo và các Thánh, Đức mẹ Thanh Khiết, hãy cầu nguyện cho chúng con. Hoa Hồng Trắng Của Sự Thuần Khiết, Hoa Hồng Quyến Rũ, Đấng Cao Quý Xinh Đẹp nhất Chúa đã từng tạo ra, Chiếc Hộp Huyền Bí Vĩ Đại, Công Chúa Xinh Đẹp, rằng cái chết xảy đến với con cũng được, nhưng xin hãy báo con biết trước bằng một nụ hôn, amen.

Rồi cô mặc đồ vào và đi lên lầu để rửa sạch lưỡi trước khi mọi người về nhà.

Cô vừa dọn bữa tối vừa xong thì Lily và Frances về đến nhà khá trễ từ các tổ chức Chim Non và Thanh Nữ. Lily đi thẳng lên phòng tắm để giặt bộ đồng phục và đôi vớ len “để được một huy hiệu sạch sẽ”. Frances đi ngủ luôn để tránh bữa tối. Vẫn chưa có huy hiệu nào cho hành động đó. Mercedes nói với cha rằng Frances thấy “khó chịu” và biết ông sẽ không hỏi gì thêm. Nói dối như thế không phải là tội, mà là sự hy sinh. Mercedes lên lầu để gọi Lily.

Lily đang quỳ chân không trong bồn, và nhờ đó Mercedes phát hiện ra rằng vết thương trên chân trái của con bé đã bị hở ra lại. Không tốt tí nào. Từ hôm Lễ Tưởng Niệm đến nay đã hai tuần rồi. Mercedes vắt khô bộ đồng phục Chim Non của Lily, và nhúng bên chân bị thương của nó vào nước muối ấm.

“Mai chúng ta sẽ gọi bác sĩ đến khám cho em.”

Gần đây, Lily nhận thấy có gì đó khác ở Mercedes. Ví dụ như ngay lúc này đây - những động tác của chị ấy. Chúng rất dịu dàng. Mercedes lấy ra trong tủ thuốc một cuộn băng sạch. Cô buộc vết thương nhẹ nhàng và hiệu quả, lần này không quá chặt, vậy thì tại sao Lily lại thấy sợ khi nó nhìn miếng vải trắng quấn tròn và tròn và tròn quanh cái chân bé nhỏ của nó?

“Xong rồi.”

“Cảm ơn, Mercedes.”

Mercedes cười với Lily với sự bình yên mà sự sám hối đó mang đến. Lily nhếch miệng mình sang phía tây và phía đông cùng một lúc. Và nó lại thấy hơi sợ bởi vì nụ cười của Mercedes là kiểu cười mà bạn cảm giác không phải dành cho bạn mà cho cái người đang đứng sau bạn, nhưng sau bạn chỉ có bức tường thôi.

Họ ăn bánh mì nướng cá mè vì tối nay không ai đói lắm.

Khi Lily bò vào giường, Frances đã ngủ rồi. Và nhanh chóng, Lily cũng thiếp đi.

Đó là Ambrose. Đang đứng ngay chân giường nó, nhìn xuống con bé theo cách nó vẫn nhìn. Lily thấy mình ở nơi đó một lần nữa, giữa những ranh giới. Lần này con bé nhìn thẳng bé thật chăm chú. Đôi mắt xanh to tròn của nó vẫn nheo lại dù là trong ánh sáng leo lắt. Vàng trán cao láng mịn còn in dấu sưng. Trên cơ thể nhợt nhạt hiện rõ những vùng xanh xao nằm dưới lớp da mỏng. Cái bụng trắng ngà, những khúc thịt mềm mại trông rất lạ lùng nằm tập trung giữa hai bên đùi nó. Cái đầu dù trọc lóc, nhưng vẫn có màu vàng mịn.

Lily hỏi nó, “Cậu là ai?”

Con bé chuẩn bị tinh thần để thấy nước ào ra nhưng thẳng bé không mở miệng. Thay vào đó, nó chỉ đưa lòng bàn tay mình về phía con bé. Chúng trống rỗng.

Lily hỏi lần nữa: “Cậu là ai?”

Nó mở miệng và nước tuôn ra ngoài nhưng Lily vẫn ngồi ở nơi-chính-giữa đó không động đậy cho đến khi cả nó, cái giường lẫn Frances đang ngủ bên cạnh nó đã ướt đẫm. Không tẻ lắm. Nước khá ấm, vì nước chảy từ trong cơ thể thẳng bé ra mà. Khi nước đã chảy ra hết, nó vẫn đứng nhìn mãi với hai lòng bàn tay rỗng không giờ về phía con bé.

Con bé hỏi lần thứ ba, “Cậu là ai?”

Ambrose nói những tiếng đầu tiên. Giọng nó u tối bởi vì nó sống ở một nơi u tối. “Tôi là Không-ai-cả”

“Đừng sợ, Ambrose. Đừng sợ. Tụi chị yêu em.”

Ambrose nói, “Xin chào.”

“Chào,” Lily nói. “Chào cậu bé. Xin chào.”

Lily tỉnh giấc vì Mercedes đang chà xát đầu nó. “Con bé đang tỉnh lại.”

“Ambrose,” Lily nói.

“Nó đang mê sảng.” Giọng Mercedes giống như một cuộc phẫu thuật trên da Lily vậy.

“Ai đã đánh cắp da của tôi?”

“Người ướm dằm vì sốt.”

Lily giấu mặt bên dưới cái gối ướm dằm mờ hôi vì ánh đèn sáng làm nó đau như vừa trải qua một cuộc phẫu thuật mắt.

“Đèn tắt rồi, Lily, thấy không? Không có đèn đâu.”

Cha đi vào cùng một bác sĩ. Đáng mừng Lily đã hết sốt, nếu không thân nhiệt của nó sẽ lại tăng cao. Chúng hoại tử. Đầu đó trong ánh đèn sắc như dao mổ Lily nghe ông ta nói chuyện với cha và hai chị nó, “Cháu làm đúng lắm, Mercedes.” Họ sẽ phải canh chừng nó đến hết đêm, nếu nhiệt độ của nó lại tăng, nếu nó tăng... Họ đi ra ngoài sảnh, Lily không còn nghe họ nói gì nữa ngoại trừ việc Mercedes hét lên điều gì đó, sau đó Frances quay trở vô và hát cho Lily nghe. Những bài thật hay. Những bài hát buồn hay tuyệt ở điệu thứ, những bài hát kể chuyện dài mà ông cha ngày xưa vẫn thường hát trên những con tàu vượt biển bằng những ngôn ngữ khác.

Lúc đó là nửa đêm. Ba giờ ba mươi phút sáng. Lily thức giấc. Mặt trăng sáng lấp lánh trên khung cửa sổ. Hai bên giường, Frances và Mercedes đang ngồi ngủ trên hai chiếc ghế, bên trên phủ những tấm trải giường có màu xanh như bóng hắt từ những ngọn tuyết dưới ánh trăng. Đêm nay là đêm trước Giáng sinh.

Những người chần cừ đã chìm vào giấc ngủ bên dưới những ụn tuyết của họ. Lily ngồi dậy. Da nó không còn đau rát nữa. Nó thấy thật mát mẻ và dễ chịu, sự trong trẻo nửa đêm. Nó đi giữa những ụn tuyết và những người say ngủ đến bên cửa sổ vì nó được mời. Ồ, hóa ra không phải là mặt trăng, đêm nay trời không có trăng, ánh sáng đó chiếu ra từ dưới sông.

Ambrose đang ở dưới sông. Nó đang chồm người tới vậy, tay trái giơ qua đầu, tay phải duỗi trên mép đất. Phần thân dưới của nó bị khuất sau bờ đê. Nó trông như một người cá đang vẫy chào Lily trong bài hát ru xa xăm, u buồn của đại dương, chào... Màu da nó chuyển từ trắng sang hồng phách và ánh sáng chói lóa ấy đã khiến cho cơ thể đang nóng như thiêu đốt của Lily trở nên dịu mát và hồng hào như sữa. Nó đặt một tay lên cửa sổ, chào... Ambrose là mặt trời trong nước, thằng bé là ánh dương bị vùi lấp, nó đang cất lời, đến đây Lily, đến đây nào. Chị gái của em. Và em sẽ chữa bệnh cho chị. Một khu vườn bị khóa, một nguồn nước bị chặn, em vẫn chưa hết khát dù uống nhiều nước. Nó tiếp, con suối trong vườn em bắt nguồn từ Lebanon, hãy đến với em và chị sẽ được nghỉ ngơi. Rồi Lily đáp, được.

Lily đang ngủ nhưng trái tim nó lại đang rất tỉnh táo, được, chị đến đây, Ambrose. Đợi chị nhé, em trai yêu quý, chị đang đến đây.

Lily bỏ những người ngủ trong tuyết lại rồi đi xuống lầu, băng qua nhà bếp, ra khỏi cửa sau và leo qua những đống than ở sân sau trên đôi chân trần. Với cái gót chân bị thương như vậy, lẽ ra nó không thể nào bước đi, thế nhưng nó lại có thể đi và không thấy đau tí nào. Nó chỉ thấy ánh sáng của Ambrose, đứa em trai to lớn của nó, đang đợi nó dưới sông. Thằng bé dang rộng đôi tay.

Nó đến với em mình. Thằng bé đón lấy nó trong chiếc đầm ngủ trắng và đong đưa nó, đầu nó gối lên khoảng cong trên vai trái trong khi cơ thể nó được ôm trọn trong cánh tay phải của thằng bé. Chưa bao giờ nó cảm thấy ấm áp và yên bình như vậy, mắt mình đang nhắm hay đang mở nhỉ, chuyện đó không quan trọng. Con bé hầu như không cảm nhận được sự thay đổi giữa không khí và nước, nên phải một lúc sau nó mới nhận ra tại sao lúc này nó lại thấy mình nhẹ hơn và vòng tay ôm cũng dịu dàng hơn - khi thấy mái tóc mình trải ra xung quanh và thứ ánh sáng dịu nhẹ màu cam, nó mới biết mình đang ở dưới nước, má kè vào ngực thằng bé, cơ thể đang uốn quanh người bạn đầu tiên của mình, em sẽ đưa chị đến căn nhà của mẹ em, đến căn phòng của người mẹ đã mang thai em - Lily chưa bao giờ quen với việc thui thui một mình. Chúng đi vào nước và quay trở lại, rồi Ambrose nhấc nó ra khỏi mặt nước một lần nữa, nước tuôn thành sông từ người nó. Thằng bé nhẹ nhàng đặt nó trên bờ sông và tim con bé đau nhói. Nước mắt nó bắt đầu tuôn ra vì thằng bé đang rời xa nó - đừng đi mà! Nó ngửa ra và lặn xuống nước - hãy đưa chị đi cùng em! Cơ thể thằng bé trắng trở lại và tỏa sáng từng đoạn cho đến khi tất cả đều biến mất. Lily nằm sấp theo phương vuông góc với con sông, đầu kê trên mép sông, hai tay duỗi ra, hướng về nơi nó nhìn thấy em trai mình lần cuối cùng.

Mercedes đã tìm thấy Lily như vậy vào lúc 5 giờ sáng, trong cơn mưa tuyết đầu tiên.

Mercedes tự trách mình về cơn sốt đang giày xéo Lily và có thể làm con bé mất đi chân của nó hoặc tệ hơn. Đó là lí do cô đi thẳng xuống hầm than sau khi bác sĩ đã ra về. Khi Frances hát cho Lily nghe trong bóng đêm, Mercedes đang khóa thân dưới lớp vải bọc,

quỳ cạnh lò than hiến dâng sự hy sinh của mình cho Chúa Trời.

Cô cầm cục than bằng hai tay, nâng nó lên và cúi đầu xuống; “Lỗi tại con.” Khi làm điều này vào tuần trước, cô không nghĩ ngợi gì cả, môi vẫn còn nở một nụ cười xuân ngốc. Vậy mà lần này cô lại thốn thức với những giọt nước mắt nóng hổi. Lần này cô thực sự hối lỗi. Vấn đề của lần đầu tiên chính là danh dự. Cô đã tự hào về bản thân khi đã diễn cảnh sám hối dưới hầm và vì đã lập ra lon cacao Lộ Đức. Cô hài lòng với bản thân khi đã tắm và băng bó chân cho Lily theo cách mà cô nghĩ là còn thành thạo hơn cả những y tá bệnh viện đa khoa New Waterford. Lòng mộ đạo của cô chỉ là danh dự trong lột Ác Quỷ, sự sám hối của không là gì khác ngoài một tội mới hình thành, ôi, cách bao lâu chúng ta lại phải học lại bài học cũ chứ? Chúa đã phản ứng lại rất nhanh và đã giáng hình phạt xuống Lily. “Lỗi tại con,” Mercedes chỉ có thể nói như vậy, và khi cô cắn miếng than đầu tiên, nhai và nuốt, nỗi buồn vây kín cô. Cô cay đắng nhận ra mình đã làm tổn thương Chúa thế nào, và Chúa với lòng nhân từ vô hạn đã cho cô cơ hội thứ hai mà cô không đáng được nhận ra sao. “Là do tội lỗi nặng nề nhất của con mà ra.” Cô cắn một miếng than khác...

Khi đã xong việc dưới hầm, Mercedes run rẩy đứng dậy, thay chiếc đầm ngủ của mình và lên lầu, nơi cô rửa sạch than đen, nước mũi và nước mắt trên mặt, chà lưỡi sạch nhất có thể, lấy chuỗi hạt cầu nguyện và đi trông chừng Lily. Cô thiếp đi trên chiếc ghế đối diện với Frances. Khi cô đột nhiên thức dậy lúc 4 giờ 55 phút sáng, Lily đã biến mất. Mercedes tuân theo phản xạ cổ xưa là nhìn ra cửa sổ và nhìn xuống bờ sông.

Đêm sau đó, khi Lily mở mắt và nhìn vào cái miệng đang cầu nguyện của

Mercedes, lần đầu tiên nó thấy như mình đang mơ, vì tại sao mà lưỡi Mercedes lại có màu đen như vậy được?

Lily không bị đánh thức bởi lễ xức dầu thánh, bởi tiếng bác sĩ nói rằng bây giờ thậm chí không cần phải cắt bỏ chân nó đi nữa và liệu nó có thói quen mộng du không? Nó vẫn ngủ khi cha tựa đầu trên ngực nó khóc nức nở. Nó vẫn ngủ khi Frances mua chuộc và đe dọa Chúa, “Này đồ khốn, tôi sẽ ngoan, được chưa? Chỉ cần ông đừng bắt con bé phải chết thì tôi sẽ không hút thuốc nữa, được chưa? Tôi không thề đâu, nhưng tôi sẽ không khiến ông bố điên rồ của tôi tức giận nữa, và tôi sẽ cầu nguyện mười lần một ngày và sẽ là một nữ tu mắc dịch, được chứ? Amen.”

Nhưng thứ đã đánh thức Lily chính là những lời cầu nguyện thầm thì của Mercedes.

Lily hỏi, “Sao chị lại có cái lưỡi màu đen chứ, Mercedes?”

Mercedes khóc òa, “Ôi tạ ơn Chúa - Cha ơi! Cha ơi!”

Ông ập vào phòng - “Ôi tạ ơn Chúa” - và quỳ cạnh Mercedes bên giường Lily. Lily nói, “Con đói quá.”

Cha và Mercedes phá lên cười và ôm chầm lấy nhau và cảm ơn Chúa lần nữa. Frances lảng vảng ở cửa và nói với Chúa, “Còn lâu tôi mới trở thành nữ tu vì chuyện này nhé.”

Mercedes cẩn thận né tránh cái ý nghĩ thoáng qua rằng toàn bộ sự hồi phục kì diệu của Lily là nhờ những hành động ăn năn của cô dưới hầm mà có. Việc này sẽ kêu gọi thêm lòng nhân từ vô hạn từ Chúa. Vậy nên cô an tâm khi Lily đưa ra một lời giải thích của riêng nó.

“Ambrose đã chữa bệnh cho em. Nó tắm cho em ở dưới suối.”

“Ambrose là ai?”

“Là thiên thần hộ mệnh của em.”

Mercedes kể lại cho linh mục nghe. Ông gật đầu nhưng lại nói với cô rằng điều quan trọng nhất là không được hấp tấp về những chuyện này. Thiên Chúa giáo đòi hỏi nhiều hơn một sự việc riêng lẻ tầm thường, trong khi những người phạm lại hầu như chẳng cần gì đã có thể dựng lên một nơi linh thiêng từ một con sông và một vị thánh từ một bé gái mười tuổi. Tốt nhất là nên im lặng và chờ đợi các dấu hiệu.

Vì vậy Mercedes nghe theo. Cô cố không chăm chăm vào những dấu hiệu bông dưng rõ ràng trong hồi ức: cái chân bị teo của Lily - các vị thánh thường phải chịu bệnh tật lúc còn nhỏ. Gương mặt xinh xắn của con bé - tấm gương phản chiếu linh hồn của nó. Hoàn cảnh ra đời bi thương của nó - một đứa bé mồ côi mẹ đáng thương. Thử tưởng tượng Lily thực sự có năng lực chữa lành vết thương. Hoặc giả nó chính là công cụ của một phép màu sau khi chết mà Bernadette ở Lộ Đức đã tạo ra. Mercedes cố hết sức chế ngự những ý nghĩ này, vì đã nếm kinh nghiệm đau thương về khả năng giả mạo của Ác Quỷ. Hắn là một kẻ hay giả danh và bắt chước, một kẻ buôn bán những cái bóng và những đường song song. Cứ thử nhìn tất cả những người tưởng là thánh mà Giáo hội đã phải thiêu chết cách đây vài thế kỷ. Các vị thánh và nguồn gốc của quỷ satăng có xu hướng cùng hình thành chung một cách. Bạn phải quan sát thật gần để thấy được lực lượng nào sẽ xông lên giành lấy linh hồn có tính dẫn cao của ứng viên - bởi vì nếu không là loại này thì bắt buộc phải là loại kia. Mercedes biết rằng chỉ cần Ác Quỷ đánh hơi được một chút gợn tham vọng ở nó, hắn sẽ đến và tóm lấy Lily.

Nhưng bởi vì Mercedes không thể nào không mong muốn Lily

hóa ra một vị thánh, cô cố mong điều đó chỉ là vì cha. Minh chứng căn bản.

Sau việc này Frances không cần phải kể thêm cho Lily những câu chuyện về Ambrose nữa bởi vì chúng đã trở thành chuyện của Lily. Cuối cùng Frances cũng đã thành công trong việc giao thẳng bé cho con bé. Lily vẫn ổn. Ngay lúc này. Frances có thể tiếp tục với những việc khác rồi. Cuộc sống của chính cô.

Cô lấy tiền trong lon Lộ Đức, mặc bộ đồng phục Thanh Nữ Anh của mình vào và đi lên trên chiếc Hupmobile. Ngay khi James ngừng xe lại, cô trượt khỏi xe và núp trong bụi rậm cho đến khi chiếc xe tải của Leo Taylor ngừng lại. Cô đợi đến lúc anh ta chất hàng xong và đi đến chỗ James để lấy tiền mới di chuyển từ bụi cây tới xe tải, nhảy vào sau xe và biến mất sau những cái sọt và thùng đựng rượu.

“Cảm ơn, ông Piper.”

“Được rồi, Leo. Lái xe cẩn thận.”

Frances thò đầu ra giữa những tấm che bằng vải nhựa và ngắm nhìn đường Shore xa dần bên dưới. Cô xoay người và cười toe toét như một chú chó vào ngọn gió biển đầy nắng, và mặc kệ hai bím tóc bung ra đằng sau.

Xe chạy chậm lại khi họ đến Sydney và ngừng hẳn ở khu Coke Ovens của Whitney Pier. Cô thụt người xuống khi Leo xuống xe, đi vòng ra sau và dỡ những tấm vải phủ ra để giao kiện hàng đầu tiên. Khi anh ta quay tấm lưng to bè lại, cô nhảy ra, lấy đi một khối lượng bằng 1,3kg từ chiếc xe. Cô bé đứng núp sau một cái trụ có mùi hắc ín của cầu tàu C.N. chờ anh ta lái đi. Sau đó cô tiến về phía căn nhà làm bằng ván ghép ọp ẹp và gõ một cánh cửa

thép lớn.

Nếu tôi có ý định,
nhảy xuống biển lớn kia,
sẽ chẳng liên quan đến ai nếu tôi nhảy, nhảy, nhảy, nhảy,
nhảy....

tôi thề tôi sẽ chẳng gọi viên cớm nào,
nếu tôi bị bố đánh cho một trận,
sẽ chẳng liên quan đến ai nếu tôi bị đánh...
Hoa hồng đều được để lại trên má của con...

Thứ bảy, ngày 31 tháng 8 năm 1918

Nhật ký thương yêu,

Ta không biết phải bắt đầu từ đâu nữa. Ta phải viết ra hết khi mọi thứ còn mới mẻ. Ta đang ở đây ngay dưới cái cây của ta trong Công Viên Trung Tâm và chúng ta có cả buổi chiều cho đến giờ ăn khuya. Ta sẽ phải quay lại một vài ngày, vì dù đã than vãn rằng chẳng bao giờ có chuyện gì đó xảy ra, thì giờ ta nhận ra rằng có hàng tấn chuyện đã đang xảy ra và đều dẫn đến việc mà ta sẽ nói với mi, chính là MỌI THỨ.

...Trước mi ta không thấy xấu hổ gì hết, Nhật Ký à, vì mi là chính ta mà. Mi sẽ không tỏ ra lúng túng, không thể bị sốc, mi biết rằng không có gì là đáng ghê tởm trong tình yêu, do đó ta sẽ cố gắng thoải mái với mi như ta đang thoải mái trong suy nghĩ của mình vậy. Để không quên, ta xin gửi đến Giles một bài kinh cầu nguyện thay lời cảm ơn. Cô ấy là người ít tò mò nhất trên mặt đất này đó. Nếu không có sự hoàn toàn thiếu thận trọng của cô ấy thì cuộc sống của ta đã chẳng bao giờ được bắt đầu. Nếu bố biết

được cô ấy là một người trông chừng kém như vậy thì ông sẽ đến đây ngay trong tích tắc để gửi ta đến chỗ mấy nữ tu cho xem. Điều này nhắc ta nhớ, ta nên viết cho ông vài chữ.Ồ, nhưng ta đang chọc gheo người, đúng không hả Nhật Ký. Người đang chịu đựng đau đớn vì sự đề phòng. Yên nào, hãy mở cửa trái tim, và ta sẽ bắt đầu ngay từ đầu và giải bày với mi mọi chuyện ta đã rõ...

Ta đã thấy chúng phai nhạt dần vào héo úa...

Chương 5

Nhật ký của cô gái lạc lõng

Đứa trẻ khôi hài

Ô cửa khoảng hai mươi xentimet bật mở và hai con mắt màu nâu nhìn vào cô bé dưới hàng lông mày nối liền nhau. Frances đưa cái chai của James lên, ô cửa trượt về và đóng lại như cũ, ngay sau đó cánh cửa bằng thép mở ra. Đứng ở đó là một người đàn ông to con, mái tóc đen gọn sóng, mũi to như nắm tay, hai cánh tay như những khẩu đại bác, làn da có lẽ là màu nâu ôliu nhưng rõ ràng là anh ta đã quá thiếu ánh nắng mặt trời. Trẻ tuổi và, Frances phải đoán, đần độn. Anh ta nhìn chăm chăm vào Frances một cách vô hồn và chặn những nỗi u sầu nội tâm mà cô bé đang định nhìn vào lại.

“Đóng cái tủ đá đó lại đi Boutros, ánh nắng mặt trời chết tiệt đang tràn vào đây!”

Một người đàn ông nhỏ con huých cùi chỏ vào bên sườn của chàng trai trẻ và liếc mắt nhìn, không phải nhìn Frances mà nhìn qua vai cô bé sau đó nắm lấy tay cô “Vào đi, vào đi!”

Cô đang ở bên trong.

Phía trong căn phòng chứa rượu lậu khác hẳn với bên ngoài của nó. Đó chỉ là một căn nhà buồn tẻ ở khu Coke Ovens, lớp sơn xám bong tróc, cửa sổ dát ván, bạn phải biết mình đang tìm gì thì mới có thể tìm ra được vì trông bên ngoài nó y như một ngôi nhà bỏ hoang - trừ tầng trên có vài cây thuốc lá cảnh và hoa cúc vạn thọ để mời thuốc đang bám víu vào sự sống trong cái hộp bên cửa sổ nhìn xuống bãi đổ rác của công ty sắt thép Dominion. Phía trên là cái cầu tàu lửa. Đây là đường Railway.

Frances chớp chớp mắt trong căn phòng lờ mờ và đầy bụi, căn phòng bắt đầu hiện rõ ra, những băng ghế xếp dọc tường, giấy dán tường bong ra, chỉ còn lại dấu vết hình của các vị thánh và các cô gái bay ra từ các góc của mái nhà bị xỉn màu lại vì nicotin và vì bị bỏ hoang. Trên sàn nhà, cái ống nhỏ bằng đồng thau ngập trong một đồng chất nhầy màu nâu và vài cái hũ thiếc gỉ cũng được dùng với mục đích tương tự. Một đồng tàn thuốc lá được quét dồn vào ngay giữa thảm. Một quán rượu tự chế - một đồng sắt vụn trên hai cái trống dầu - chai lọ và thùng, không có cái gương, không có ly bỏ tiền, không có những hình chạm khắc của thuyền hay tàu, không có tranh các trung đoàn, không có những anh hùng đấm bốc đang làm dáng trên tường. Ở một góc xa xa có cây đàn piano tự động.

Frances nhìn vào khuôn mặt bủng beo căng thẳng của người đàn ông nhỏ con, đám râu tóc lởm chớm rất hợp với cặp mắt của ông ta.

“Ai gửi cháu đến đây vậy, cháu không phải một đứa bé bán bánh”. Ông ta cười khúc khích, bỗng nhiên Frances cảm thấy buồn cười vì cái bộ quần áo nữ hướng đạo sinh của mình, vậy mà cô nghĩ rằng nó là món đồ hóa trang tốt nhất.

“Nó chỉ là một bộ trang phục thôi”, cô bé áp úng, “cháu là...”

“Cháu là gì nào?”

Cô bé không thể trả lời được, lông mày nhăn nhúm lại, cô tự nổi giận với chính mình - đồ con nít. Đồ con nít yếu đuối, Frances. Cô cắn vào phía trong má mình và nhìn xuống.

“Ta đang hỏi cháu đấy.”

Cô nhìn vào ông ta, ông ấy là một thứ gì đó mới mẻ, không phải một nữ tu, không phải một thằng bé hư, không phải là cha cô.

“Đi ra khỏi đây, đi đi, biến đi!”

Ông ta đẩy Frances về phía cửa, cô bé bị vấp và buột miệng “Cháu là một người làm trò.”

Ông ta dừng lại và cười to, nhét tay trong túi quần - một giọng cười buồn bã và hèn hạ, cái lưỡi nhọn của ông ta thè ra che hết môi dưới trong lúc một tay ông ta tạo ra những tiếng leng keng trong đồng tiền xu. Bên cạnh, Boutros cao to vẫn không hề thay đổi biểu cảm trên mặt - và vẫn nhìn thẳng vào cô. Có thể đang định nhảy xổ vào cô bé và không cho cô chút nào, sẽ không có chút nào. Frances nhìn quanh nhưng chẳng thấy chỗ nào để chạy. Tên khổng lồ ngu ngốc đang đóng cọc giữa cô và cánh cửa, tại sao cô lại không chịu đi khi người đàn ông khó tính kia bảo cô đi chứ? Đột nhiên Frances chỉ muốn ba chân bốn cẳng về nhà với Lily và Mercedes.

“Tên cháu là gì, nhóc con?”

Frances nói “Cháu phải đi đây, xin lỗi vì đã làm phiền”

Người đàn ông nhỏ ra hiệu cho cô “đến đây”, Frances đi chậm chậm quay về phía ông ta. Ông chụp lấy cái chai trong tay cô bé, mọi thứ của ông ta cứ như một cái lò xo xoắn tí và sẵn sàng bùng

vào mắt bạn bất cứ lúc nào. Frances không thấy ông ta cử động, cô chỉ thấy bỗng nhiên mình đang ngồi thẳng xuống một cái ghế dài.

“Làm ơn đi ông, cháu chỉ muốn về nhà thôi.”

“Coi nào cưng, cháu tên là gì?”

Frances không trả lời, ông ta nắm lấy cằm của cô bé bằng ngón cái và ngón trỏ cô nhận ra ông ta khỏe mạnh hơn vẻ bề ngoài của mình - và lắc đầu cô bé tới lúc cái cổ của cô nóng ran lên. Cô bắt đầu thả lỏng.

“Giờ thì cháu phải cư xử đàng hoàng. Coi nào. Cháu có định trả lời không?”

Nói chung thì cũng không khó khăn lắm. Cô bé nói “Biển đi.”

Ông ta nắm một nắm tóc của Frances và lôi cô bé đứng dậy, Frances rất phấn chấn vì sức mạnh của cái từ mà cô mới dùng, ở đây, lần đầu tiên từ khi lớn lên. Cô cười vào mặt ông ta và làu bàu “Ông nghĩ tôi là ai, nhìn vào cái chai đi, đồ ngốc!”

Ông tát cô bé một cái ra trò, mắt đã hướng về phía cái nhãn vở, ông xem xét nó, đôi môi vẫn mở và cong lên. Ông lại nhìn Frances và chầm chậm lắc đầu. Frances chỉnh cái nón thẳng thớm lại. Ông ta ném cái chai cho Boutros mà không cần nhìn rồi hỏi cô bé “Anh ta có biết cháu ở đây không?”

“Không. Nhưng ông ấy sẽ biết.”

“Vớ vẩn!”

Frances chỉ nhún vai.

Ông ta lặp lại, “Vớ vẩn, cháu mà nói cho ông ta biết thì ông ta sẽ giết cháu đấy!”

“Sau đó là giết ông, vì ông đã đụng vào tôi”, cô ghếch cằm lên và nhìn xuống mũi mình “Cha không thích vậy đâu.”

Ông ta suy nghĩ một chút về điều đó, sau đó nói “Cháu là đứa nào?”

“Frances.”

Ông ta nheo mắt “Cháu muốn gì, Frances?”

“Một công việc!”

Ông ta lại bắt đầu cười nhưng Frances chỉ nhìn thẳng vào mắt ông. Ông ta dừng lại và hỏi “Cháu có thể làm được gì?”

“Cháu có thể nhảy múa, có thể hát và chơi piano.”

Ông ta nhìn cô bé từ trên xuống dưới, rồi lại từ dưới lên “Gì nữa?”

Cô bé nặn ra một nụ cười chế nhạo trên mặt mà cô nghĩ là nó rất lạnh lùng “Tôi có thể làm tất cả mọi thứ.”

Ông ta cười thành tiếng một hồi lâu, sau đó gật đầu. “Đúng rồi Frances”, mắt vẫn không rời khỏi cô bé, ông ta nói với Boutros, “Chào chị họ của con đi, con trai”. Frances nhìn sang Boutros với đôi mắt tròn xoe rồi quay lại phía người đàn ông nhỏ con: “Ông đang nói gì vậy?”

“Ta là Jameel, chú của con, búp bê ạ!”

Đó cũng là lúc mà Frances phát hiện ra, giữa đồng màn màu vàng vàng xám xám trong bóng tối mờ ảo chỗ lối đi có một người phụ nữ béo phì đang nhìn chăm chăm vào cô làm cho cô rất ngạc nhiên. Chỉ có những người biết rõ mình thì mới có thể ghét mình tới mức đó được. Bà ấy có thể là ai được chứ? Sau đó Frances cảm thấy quặn lên trong ruột và nhận ra một mặt nữa của sự việc mà

cô biết và đã từng rất thích.

“Camille, đến gặp cháu gái của em đi này”, Jameel nói.

Nhưng bà Camille chỉ quay lưng lại và lại biến mất vào trong căn phòng tối tăm. Frances nghe thấy tiếng bước chân nặng nề của bà chậm chạp đi lên cầu thang, thật là kinh khủng. Không phải những người đàn ông này, không phải đồng nước dãi màu nâu trong mấy cái lon, không phải những cái tàn thuốc trên sàn, cũng không phải mùi hôi thối của mùi rượu trộn với mùi nôn mửa - mà chính là cái sự thật rằng người đàn bà đáng ghét kia lại là chị gái của mẹ.

Ngày thứ bảy tiếp theo, không cần chờ tới lúc cha rời khỏi nhà cho những chuyến đi đêm của mình, Frances rời khỏi giường, mặc bộ quần áo hương đạo, cột hai tấm ga trải giường lại với nhau, thắt nút trên đó và cột chặt một đầu vào cái lò sưởi. Cô trèo xuống qua cửa sổ và chạy dọc theo bên hiên nhà. Lily cuộn cái thang lại sau khi Frances đã xuống tới đất an toàn. Lily sẽ ngủ chập chờn cho tới gần sáng và chờ đến khi nghe thấy tiếng cục than gõ vào ô kính cửa sổ. Để giúp đỡ cho Frances, cô bé đã phải chọn một thứ ít xấu xa hơn trong hai thứ: rất tồi tệ khi cô không biết Frances đi đâu suốt cả đêm dài, nó còn tồi tệ hơn khi thấy khuôn mặt của Frances khi bị cha bắt được. “Xin Chúa nhân từ, xin hãy để Ambrose đi theo bảo vệ Frances.”

Cô ấy không ngọt ngào sao? Cô ấy đang đi trên đường.

Giờ tôi hỏi lại một cách tự tin, cô ấy ngọt ngào chứ?

Những người giàu có mua rượu một cách bí mật và sử dụng chúng một cách sang trọng tại nhà, những người bình thường thì chuyền tay nhau cái hũ trong bếp. Những cái nắp đậy lỏng và

những người trẻ tuổi thích gây chuyện đến nhà buôn rượu lậu của Jameel ở đường Pier để đánh nhau, chơi bài và say bí tỉ. Thợ mỏ, những người lái buôn trên biển và công nhân thép, một số người ngọt ngào và một số khác thì chua chát như binh sĩ. Vài thứ đồ uống có cồn thật, một số nhà tu hành bị tâm thần và có vẻ kì lạ vừa đi ngang qua, một thầy thuốc với những vết thương không thể nhìn thấy được.

Không có tiếng nhạc - chẳng ai thêm động vào cây đàn piano tự động cũ kĩ, nơi này còn chẳng đủ vui vẻ để tạo cảm hứng cho một đoạn nhạc như mèo kêu vào giờ đóng cửa. Khách hàng là những người da trắng trừ một hai người thủy thủ Mỹ. Dĩ nhiên là không có ai đến từ vùng Coke Ovens. Không có phụ nữ. Không có khách du lịch - đây không phải là Harlem. Không có những người đến từ khu ổ chuột. Frances là công chúa duy nhất bước qua ngưỡng cửa nơi này. Cô Camille của cô bé thì không được tính bởi vì bà ấy không tự nguyện đến đây. Bà ấy ở trên gác cho tới lúc cần phải xuống để đổ mấy cái ống nhỏ và lau nước tiểu trên sàn nhà.

Frances đã đến phía ngoài cánh cửa thép, hít một hơi không khí cuối cùng của Coke Ovens và bước vào chỗ tối tăm ồn ào, chui qua dưới cánh tay của Boutros như thể đó là một cây cầu. Không khí sệt lại như có thể nhìn thấy được, không phải chỉ bởi vì khói mà còn vì những đám chân tay và giọng nói đàn ông, quần áo dính đầy đất cát, mùi mỡ bôi trục xe, sunphua và mồ hôi. Đổ ca, những con tàu dơ bẩn to lớn đang trông chừng thả neo trong đêm và Frances phải bơi giữa chúng mà trong tay không có lấy một cái mái chèo hay một cây cột buồm. Cái gì có thể đáng sợ hơn được nữa? Bị chú ý và bị bắt? Hay vô tình bị nghiền nát? Cô tìm thấy Jameel và lấy lại tinh thần để gọi một cốc rượu mà cô mong

là sẽ tìm lại được cảm giác của kinh nghiệm và sự mất kiên nhẫn đối với lần đầu tiên ném trái tội lỗi của mình. Jameel bảo cô quên nó đi và bắt đầu làm việc.

Cô nhìn quanh. Làm việc... Không có sân khấu, không có đèn dẫn đường. Dĩ nhiên là cũng không có những đám đông im lặng dõi theo khi cô tiến đến bên cây piano. Phải bắt đầu từ đâu chứ? Frances ước gì có một bà tiên đỡ đầu hiện ra và vạch đám lông đà điểu này cho cô một con đường; trong cái đám ngực, hông, môi và son môi này - một giọng trầm khàn mà cô tưởng tượng là giọng của Louise Brook. Sẽ không có được một sự may mắn như vậy. Những người đàn ông cao to, tẻ nhạt như hai cục u trên cái bàn ủi quần áo. Eo mỏng manh như những chiếc đĩa - mười sáu tuổi, Frances đã trưởng thành hết mức có thể. Cô đứng trước cây piano bởi vì không có cái ghế nào ở đó. Nó đã bị mất vài phím, những cái còn lại thì đang hư hỏng dần, vài cái khác còn nguyên vẹn thì không phát ra tiếng. Những bản nhạc loang lổ và vàng ố thì đã được mua ở các cửa tiệm từ cái thời chuyển giao hai thế kỉ trước đây.

Frances quay sang đám đông thờ ơ ồn ào và cảm thấy chân mình như muốn sụm xuống, để tự ngăn mình bỏ chạy, cô đá chân cao lên và nhảy một điệu giậm chân đã giúp cô kiếm được rất nhiều tiền ở bãi đậu tàu. Không có phản ứng, thậm chí không có cả tiếng “Ê ê...”. Cô ấy cứ như vô hình. Một đồng nước nhày có vài vệt thuốc lá tình cờ bay lên ngay cạnh giày của cô. Cô bịt miệng lại, nhắm mắt và siết chặt nắm tay rồi ráng ép mình vào bài hát đang vang lên từ tận đáy phổi “Quý cô từ Armentières, cô có nói hay không? Quý cô từ Armentières, nói hay không? Quý cô từ Armentières, chưa từng biết mùi đàn ông từ bốn mươi năm

nay. Quý cô xinh xắn chưa hề bị vấy bẩn, nói hay không?”. Chẳng có ích lợi gì. Những thứ có thể gây náo loạn trong sân trường chẳng hề nhận được chút quan tâm nào ở đây.”

Cô diễn hết tiết mục của mình nhưng nó chẳng được gì. Ai muốn xem một cô bé gầy gò mặc bộ đồ hướng đạo nhảy một điệu focrot cũ xì bắt chước trong phim, hay là lắng nghe giọng hát lạnh lót ngọt ngào của cô? Jameel thì không. Ông muốn cô bé biến khỏi đây. Ông nắm cái khăn quàng cổ của cô lôi đi, cô quần quai đau đớn và trong lúc tuyệt vọng, cô giăng ra rồi ngã lên chân của một ai đó, tiện tay cô giật lấy ly rượu của anh ta - “Này!” - cô uống cạn ly rượu và cất giọng nói theo cái kiểu châm biếm thường thấy trong phim “Ôi bé yêu, sao các thiên thần lại để cho cứng rời khỏi thiên đường vậy?”. Cô len lỏi ra khỏi tầm với của ông ta và chen giữa đám eo thon vai rộng, lại cướp một ly rượu khác từ một người đàn ông với hình ba lá cờ - “Này, cô nghĩ cô đang làm cái gì vậy?” - và ném trả nó lại, nói “Tôi đã có những thứ không có trong sách vở”, ho, phun phì phì và hôn gió. Jameel đuổi theo với một cái chai trong tay, rót lại cho những người lính thủy và ra hiệu cho Boutros “Đuổi nó ra khỏi đây”. Khi Frances nốc hết cốc thứ ba sau một cú chộp gọn từ tay một “người đàn ông đẹp trai và cao to khủng khiếp” và cảm thấy rằng thực quản và ngực mình đang bốc cháy, đôi chân cô bỗng nhiên mọc cánh, chúng trở nên rất rất vui vẻ, cô loạng choạng đến bên cây piano. Cái máy bắt đầu vang lên bản nhạc hành quân “Xuyên qua vùng Rye”, Frances lột chiếc áo đồng phục của mình ra và hóa thân thành người đầy tớ gái thông qua điệu nhảy cancan vùng cao nguyên. Họ bắt đầu xem.

Vào thứ hai, Frances lại nghỉ học và chạy đến tiệm cắt tóc

Sachel Ass Chism. Cô đưa cho ông ta một bức hình của Louise Brooks, ông ấy lắc đầu.

“Tôi không biết cắt tóc phụ nữ”

“Tôi không phải phụ nữ”

“Nghe này cháu yêu...”

Cô chụp lấy cái kéo và xén đi một trong những bím tóc của mình rồi nói “Giờ thì sửa nó lại đi”

“Ôi Chúa ơi, cô bé...”

Những người đàn ông khác đã ngẩng lên khỏi bàn cờ tướng và nhìn từ lúc cô bước vào, họ nhướn mày khi cô ngồi phịch xuống cái ghế cắt tóc, giờ họ đang cười với cô. “Phải vậy chứ!”

Sachel Ass lắc đầu và cố gắng làm đẹp nhất có thể “Tôi không hiểu sao cô không đến Sydney và tìm một tiệm chăm sóc sắc đẹp phù hợp nào đó.”

Mấy người chơi cờ cười khúc khích và dùng giọng ngọng nghịu gọi ông là “Pierre.”

“Tôi không có thời gian để bắt tàu đến Sydney”, Frances nói, tự thưởng thức loại ngữ pháp kiểu găng-xơ của mình, “tôi còn nhiều việc phải làm.”

Hai mươi phút sau cô đã lại ở trên đại lộ Plummer, mái tóc giờ là một đám dây nợ màu gỉ sét lộn xộn. Canada lại có một tình nhân mới.

Cô nhún nhảy và tiệm thuốc và bánh kẹo MacIsaac “Chào ông MacIsaac, ông có thể lấy cho cháu một hộp kim không ạ?”

“Ta thích kiểu tóc của cháu đấy Frances, trông rất đúng kiểu nghệ sỹ nhạc jazz”

Khi ông ấy quay lưng lại, cô trộm một gói thuốc lá Thổ Nhĩ Kỳ, ông đưa cho cô hộp kim cùng với một cục kẹo chanh và hỏi “Năm sau cháu định sẽ làm gì sau khi tốt nghiệp, cô bé?”

“Sao cơ, cháu nghĩ là cháu sẽ tiếp tục dạy học, thưa ông MacIsaac. Cháu tin rằng việc quan trọng nhất là bọn trẻ có được một sự khởi đầu tốt trong cuộc sống, và đó là những gì mà một giáo viên tốt có thể làm cho chúng.”

“Cháu thông minh lắm, các cháu đều vậy, mỗi đứa đều có tài năng.” Cô bỏ tọt viên kẹo vào miệng rồi để hộp kim lại ở quầy tính tiền.

Cô đi vào giữa những đám đông trong sân trường giờ ra chơi. Frances đã quyết định rằng hôm nay sẽ là ngày cuối cùng cô đến trường, nếu cô không bị đuổi học sau những gì cô đang định làm thì sẽ chẳng còn gì là công bằng nữa. Cô đốt một điếu thuốc và nhìn quanh để tìm công cụ hỗ trợ cho sự kết thúc của mình. Ở trong lớp, Mercedes đang lau bảng, cô nhìn ra cửa sổ và thấy em gái mình đang hút thuốc hiên ngang trước mọi người. Và cái quái gì trên đầu Frances vậy? Một cái nón nhỏ kì cục làm từ tóc sao? Ôi Chúa ơi. Lúc Mercedes đi ra ngoài thì Frances đã biến đi đâu đó cùng với Puss-Eye Murphy. Con bé muốn làm gì với Puss-Eye bé bỏng tội nghiệp chứ?

Thực ra cái tên “Puss-Eye” đã bị nhại thành “Eye ngoan đạo” từ lâu, cho đến giờ thì mọi người vẫn gọi cậu là Pius hay “Cha xứ”, tất cả và cả chính cậu cũng khá chắc chắn về định hướng trở thành Cha xứ của mình. Mercedes đứng ở hành lang, đập đập mấy miếng giẻ lau xuống các bậc thang bằng đá, không thể ngăn cản mình có một cảm giác khó chịu mặc dù cô biết rằng bất kỳ cô

gái nào cũng sẽ an toàn tuyệt đối khi ở bên cạnh “Cha xứ” Cornelius Murphy.

Khi chuông báo hết giờ ra chơi vang lên, Puss-Eye lão đảo bước ra từ trong một căn nhà xí bỏ hoang ở rìa sân chơi, vừa chạy vừa khóc qua những khu trò chơi bóng sini, nhảy dây, nhảy ô, băng qua đường dẫn vào sân bóng chày và chạy thẳng về nhà. Sao cậu ta lại ôm bụng thế kia? Mercedes đảo mắt trong một biển học sinh để tìm Frances và bắt gặp cô đang đi ra khỏi nhà xí bỏ hoang. Chuyện quái gì đã xảy ra vậy? Học sinh tràn ra khỏi các bậc thang, vượt qua mặt

Mercedes và bắt đầu bàn tán về tội lỗi cuối cùng của Frances Piper. “Đá vào giữa hai chân cậu ta”, “Bỏ rắm vào quần cậu ta”. Mercedes nhìn cho đến khi Frances biến mất khỏi tầm mắt, sau đó hít một hơi dài, nhặt mấy cái bàn chải và giẻ lau của mình và quay trở lại lớp, hy vọng cho điều tốt nhất xảy ra.

Chiều hôm đó James nhận được một tờ thông báo từ xơ Saint Eustace, Frances đã bị đuổi học.

Giữa bữa tối, Frances trở về nhà và cùng ngồi với mọi người trong gia đình ở bàn bếp. “Ôi, cháo ngô với ngô luộc!”

Lily rất ngạc nhiên với hình ảnh mái tóc của Frances nhưng cô bé chưa kịp nói gì thì James đã bảo cô bé và Mercedes đi chỗ khác. Họ bỏ dao nĩa xuống và rời khỏi đó mà không nói tiếng nào. James đứng dậy và đưa một tay lên, Frances không thèm rúm người lại, thậm chí không nhìn lên, không có cơ bắp nào trên người vô tình co rúm lại. Cô với lấy cái nĩa của Lily và bắt đầu ăn. James thả tay xuống bên hông, anh nói và bỗng nhiên cảm thấy mệt mỏi “Đừng đem về nhà”. Con bé chỉ ngồi nhai, anh cẩn thận

kéo cái đĩa ra khỏi tầm với của nó và “Con nghe ta nói gì không Frances?”

Cô bé nhìn lên, trưng ra một khuôn mặt ngoan ngoãn và lơ đãng “Cái gì cơ?”

“Nếu con còn muốn ở đây...dù con có làm gì...thì cũng để nó tránh xa Lily ra” Frances với lấy cái đĩa và nói “Cha đừng lo”.

Anh nhìn con bé và cảm thấy mệt mỏi hơn: khuôn mặt xác lác, mái tóc ngắn cũn mới cắt, lác lõng, và sẽ mãi mãi ra đi. Chuyện gì đã xảy ra với con bé vậy? Frances bé bỏng của ta. James thờ dài. Anh không thể nghĩ đến tất cả những chuyện đó ngay lúc này được, như vậy là quá nhiều. Ở đây quá tối, và anh không còn chút sức lực nào. Anh nhìn con bé chống tay lên bàn và vừa nhai vừa ậm ừ, sau đó bỏ đi mà không tát con bé cái nào. Nó đã ăn đòn quá đủ rồi.

Frances đã nói với Puss-Eye rằng cô cần một lời khuyên về một tội lỗi khủng khiếp mà người ta thú nhận với cô. Đến khi đã vào trong bóng tối của nhà xí cùng cái mùi hôi thối ẩm mốc của nó, Frances đánh ngã cậu ta, nắm tóc và dùng đầu gối thụi vào ngực cậu bé, cô nhét tay còn lại của mình vào trong quần cậu, bóp và giật mạnh trong khi cậu bé khóc lên. Càng mạnh thì cậu bé càng khóc, cậu không thể ngừng một trong hai việc đó lại và nó cũng không kéo dài quá lâu, cậu bé chỉ mới mười lăm tuổi.

Frances chùi tay xuống sàn và bỏ đi. Nhiệm vụ đã xong. Cũng không giống mình đã làm cậu ta tổn thương hay gì cả.

Mẹ của Puss-Eye biết ngay khi cậu vừa xuất hiện, cậu bé không cần nói gì nhiều trừ cái tên thủ phạm. Cha của cậu đã chết, may cho Frances, còn Petal thì đang ở xa. Bà góa Murphy

đến trường và nói với xơ Saint Eustace, cố nói càng ít càng tốt.

Nếu có ai đó còn cái suy nghĩ rằng sâu trong bản chất Frances vẫn là người tốt thì cái ý tưởng đó đã vừa bị xóa sạch.

Sáng hôm sau, Mercedes đến trường sớm như thường lệ và có vừa đủ thời gian trước khi chuông reng để xách một xô nước xà bông đi lau những dòng chữ nguệch ngoạc viết bằng than trên tường “FRANCES PIPER SẼ BỊ THIÊU CHẾT DƯỚI ĐỊA NGỤC”.

Phụ nữ rẻ tiền và đàn ông bị lừa

Bỏ thêm một đồng tiền nữa, vào trong hũ đựng tiền,

Tất cả những gì ta cần là em, âm nhạc, âm nhạc và âm nhạc.

Ta sẽ làm tất cả cho em, bất kỳ chuyện gì em muốn.

Tất cả những gì ta cần là được yêu em, âm nhạc, âm nhạc và âm nhạc.

Giờ thì tất cả chỉ là giải trí, những người đàn ông bắt đầu mang các cuộc hẹn hò chớp nhoáng vào câu chuyện. Jameel đã kê vài bộ bàn ghế, đeo cái tạp dề vào. Mấy người phụ nữ ngồi xem buổi diễn với nhiều mức độ không tin tưởng khác nhau, khinh bỉ hoặc thích thú trong khi những người đàn ông của họ hoàn toàn thờ ơ. Frances đã rút bỏ mấy bản nhạc cũ trong cây piano tự động và cô vẫn tiếp tục dùng các phím cũ, lúc đầu là những bài nhạc kịch vui cũ của mẹ mà cô tìm thấy trong hộp đựng đồ, sau đó là những bài cô nghe được từ mấy cái đĩa nhạc mà các thủy thủ mang về cho cô từ New York.

Frances là một ngôi sao kì lạ một đêm, líu lo bằng cái giọng cao thanh thoát của cô bài “Moonshine Blues” và “Shave’em Dry, chơi một quãng tám trên mức bình thường và tuyên bố “Ta có thể hiện ngang với miếng lót giày của mình, có thể bôi dầu mỡ dễ

dàng, vì ta luôn biết rõ ý kiến của mình, do đó ta luôn luôn thấy hài lòng”. Ngày thứ bảy sau đó mọi người sẽ thấy cô thoát y từ phần eo trở lên, đeo cái túi lông ngựa cũ thời chiến của James như một bộ tóc giả và hát “Im just wild about Harry” bằng tiếng Ả Rập bồi. Cô biến cái nốt tàn nhang trên mũi mình thành dấu chấm than với một nét bút vẽ bằng chì kẻ mắt, đánh phấn hồng lên má, sơn phết cho đôi môi như cung tên của thần tình ái và nhảy khỏa thân sau một cái quạt tự làm từ lông mòng biển, “Ước gì tôi có thể nhảy được như cô ấy, Kate.”

Cô dành hết số tiền lúc đầu kiếm được để tô vẽ khuôn mặt và sắm trang phục. Cô sẽ xuất hiện ở Valentino trong chiếc áo choàng kẻ sọc và chiếc mũ không vành. Trong lúc một tay đang lướt trên các phím đàn, tay kia cô cởi chiếc áo choàng ra để lộ hình Mata Hari mờ mờ từ mực tím và đỏ, sau đó bảy tám mạng che sẽ được cởi bỏ từng cái một cho đến bản “Scotland the Brave” và để phòng trường hợp có ai đó bị kích thích hơn là thích thú thì luôn có một bất ngờ nhỏ để dập tắt những thứ đòi bại và khơi nguồn cho cảm giác không còn nghi ngờ nữa. Ví dụ như cô có thể thoát y đến cái quần cuối cùng sau đó đưa ngón tay cái lên miệng và nói “Trái tim tôi đã thuộc về cha mình, cho nên tôi không thể hư hỏng được...”

Những màn trình diễn của cô đồ đầy “chất jazz”, vì lúc đầu Frances để tiền lương của mình được trả bằng rượu cho đến khi cô khôn ngoan hơn. Uống rượu chỉ là một công cụ để đến được cái kết thúc: nó giúp cô tìm cảm hứng cho những trò điên rồ của mình, và nó làm cô bất khả xâm phạm dù cô đưa những người đàn ông ra ngoài, từng người, từng người một. Bởi vì tiền không đến từ những cuộc nói chuyện, nó đến từ bên ngoài.

Frances là một bì thư dán kín, nó không quan trọng việc cô đến từ đâu hay ai đã viết ra, không ai có thể đụng đến nội dung dù cái phong bì có bám bụi đến thế nào đi nữa. Và chắc chắn là không ai có thể buộc cô mở ra. Frances có thể sà vào lòng bạn, cởi nút áo bạn và ở yên đó cho đến khi nào đủ giá trị của hai đô la. Mặc tiền, nhưng hãy nghĩ đến lúc được ở riêng trên tầng, trong tủ quần áo. Thỏa mãn bằng tay sẽ tốn khoảng hai đô rưỡi - cô bé có một chiếc găng tay đặc biệt để lại từ sau lần quan hệ đầu tiên. Thêm năm mươi xen nữa có thể mang lại cho bạn những lời thì thầm, một bài hát, bất kì cái tên nào bạn muốn nghe. Chạm vào bộ ngực bé xinh của cô ấy và phải chi ra thêm một đô nữa, không có gì dưới thắt lưng, đó là “thực đơn” và không có món thay thế. Nếu cô ấy cười vào mặt bạn, đừng dại dột đánh cô ấy nếu không cô ấy sẽ gọi Boutros đến.

Frances bắt đầu kiếm ra tiền, khi cô bé đã kiếm đủ những món nữ trang rẻ tiền và rác rưởi để giữ cho mình lộng lẫy, cô bắt đầu để dành tiền ở một nơi bí mật. Khoản đó để dành cho Lily. Không phải cho việc chữa trị - Frances không quỳn góp vào lòng thương hại sung đạo của Mercedes. Thực ra, Frances cũng không chắc tại sao cô lại chắc chắn rằng khoản tiền đó dành cho Lily. Cô chỉ cất nó đi “phòng khi”. Phòng khi gì chứ? Chỉ để phòng khi.

Xét cho cùng Frances vẫn còn trinh nguyên, cô gìn giữ bản thân mình để làm gì chứ? Cô không nói được, đó chỉ là một cảm giác, còn cái gì đó mà cô phải làm.

“Dành cho Lily”.

Cái gì chứ Frances? Cái gì đó.

Mỗi đêm, khi những ly rượu cuối cùng đã đổ hết xuống sàn và

chảy ra ngoài, Frances đi qua đám màn cũ kĩ để vào căn phòng phía sau và thay đồ. Một đêm lúc mới bắt đầu sự nghiệp của mình, cô rón rén đi lên cầu thang phía sau và phát hiện ra cô Camille của mình đang ngồi chơi bài trong bếp, dưới ánh đèn vàng mù mờ. Và Frances lại một lần nữa bị buồn đột ngột vì cái đống buồn bã kia vừa giống lại vừa không giống mẹ. Camille quá tập trung vào bộ bài nên không phát hiện ra Frances đang nhìn ngó quanh chỗ kẹt cửa, Frances nhìn Camille nhấp một ngụm trà và tự chơi ăn gian.

Frances không thể không thắc mắc tại sao Camille lại lảng vảng đến đây và kết hôn với ông Jameel. Nhưng, cứ nhìn cuộc sống của mẹ đã kết thúc thế nào mà xem, có thể bà Camille cũng đã bỏ trốn theo trai. Những suy nghĩ của Frances về những chuyện tình lãng mạn kết thúc bằng cảnh cuối trong vở “Chiếc hộp của Pandora”: khi Louise Brooks cuối cùng cũng chịu dâng hiến vô điều kiện cho một chàng trai thì sau đó anh ta lại đứng dậy và giết chết cô.

Frances cũng không mong muốn tiến xa hơn vào cái bí mật hèn hạ của bà Camille, do đó cô không bao giờ lặp lại việc đột nhập lên tầng trên nữa. Gần đến giờ đóng cửa, cô trút bỏ quần áo của mình giữa một đống rương và thùng nhỏ trong căn phòng lạnh lẽo phía sau, ra vòi rửa mặt và rửa tay. Cô không bao giờ giặt quần áo của mình. Cô xỏ lại vào đôi vớ len, đôi giày nút đen, bộ đồng phục nữ hướng đạo sinh và cái nón rồi quay trở về New Waterford.

Lily luôn ngoan ngoãn đợi ở cửa sổ, sẵn sàng với tấm ga trải giường, mặc dù vào cuối tuần thì cha không còn về sớm hơn Frances nữa. James không muốn có mặt ở đó khi Frances lên vào

và lên đi khỏi ngôi nhà, anh không muốn biết cô bé đi đâu. Mỗi buổi sáng anh đều liếc vào phòng con bé và có một chút mong muốn rằng con bé đã biến mất. Có thể là bỏ trốn với một thằng đàn ông nào đó, cũng có thể là đã chết ở một cái giường nào đó.

“Rapunzel, Rapunzel, thả tóc em xuống nào!”, Frances kêu lên và Lily thả cái ga trải giường được thắt nút xuống. Frances thường khá tỉnh táo khi trèo vào cửa sổ trừ khi cô đã uống một chai khác trên đường về.

“Muốn một ngụm không Lily?”

“Không, cảm ơn chị.”

“Đến đây nào búp bê”. Lily bước lên chân của Frances và họ cùng xoay vòng trong lúc Frances hát “Hãy nhảy đi nào, dù căn phòng có nhỏ, hãy biến nó thành buổi dạ vũ, hãy nhảy đi nào...”

Mercedes đứng trong bóng tối chỗ cầu thang, trông như một con ma trong chiếc áo ngủ màu trắng.

“Muốn tham gia uống một chút trước khi ngủ với em không?”

“Frances, em say rồi.”

Frances huyền thuyên “Nồi đồng nấu ốc, nồi đất nấu ếch. Nói nhanh thử xem nào Lily.”

“Frances à, đến giờ ngủ rồi”. Mercedes cố gắng vừa ra vẻ bình tĩnh vừa ra giọng sai bảo cùng một lúc.

“Biến đi nào, chị gái”, Frances cười lớn.

Đôi khi nếu cứ để cảm xúc như vậy và Frances đủ say thì Mercedes sẽ ôm ngang eo cô bé và lôi cô bé vào bồn tắm để sẵn rồi dùng vũ lực tắm cho cô, giặt bộ đồng phục và tất cả đồ cho cô. Nếu không thì Frances sẽ bắn không thể chịu nổi bởi vì cô bé chỉ

rửa tay và rửa mặt, cô bé cũng không bao giờ giặt bộ đồng phục. Mercedes lục lọi trong túi áo để tìm khăn tay bản nhưng cô chỉ tìm thấy một chiếc găng tay trắng bản.

“Chiếc còn lại đâu Frances?”

“Em chỉ dùng một chiếc thôi.”

“Vậy thì nó phải sạch sẽ chứ?”

Mercedes vò nó dưới vòi nước nóng và hỏi: “Không phải nó quá nhỏ so với em sao?”

“Nó làm được việc lắm đấy.”

Mercedes không hỏi gì thêm.

Vào những buổi tối hơi hơi tỉnh táo, Frances cuộn mình bên cạnh Lily và thì thầm hơi rượu vào tai cô bé “Lily à, chúng ta là những người chết”, Lily giả vờ ngủ, “chỉ là chúng ta không biết điều đó thôi. Chúng ta nghĩ là mình đang còn sống, nhưng thực ra là không. Chúng ta đều đã chết cùng lúc với Kathleen và chúng ta đã ám ngôi nhà này từ lúc đó”. Lily cầu nguyện cho mọi người nếu như những gì Frances nói là đúng.

Vào những đêm khá tỉnh táo, Lily tâm sự nỗi sợ của mình.

“Chị Frances, em có phải đến Lourdes không?”

“Không, em không phải làm việc gì mà em không muốn cả.”

Lily nhét cái chân nhỏ xíu của mình vào giữa hai chân của Frances.

“Chị Frances. Al akbar inshallah?”

“In fallah inti itsy-bitsy spider”

“Ya koosa ginger bread boy kibbeh?”

“Shalom bi’salami”

“Aladdin bi’sesame”

“Bezella ya aini Beirut”

“Te’berini”

“Te’berini”

“Tipperary”

Mỗi đêm, cho dù say hay tỉnh, Frances vẫn cất tiền vào một nơi bí mật để dành cho Lily.

Quý cô hào phóng

Mercedes đỗ tốt nghiệp đứng đầu lớp năm 1930, Ralph Luvovitz đứng nhì. Mercedes đọc bài phát biểu chia tay trong đó cô căn dặn các công dân trẻ phải biết rút ra bài học từ những lỗi lầm trong quá khứ và nắm bắt những thử thách ở hiện tại, đồng thời cũng phải đặt niềm tin vào Chúa và con trai của Người, Giêsu Christ, amen.

James ngồi phía gần cuối hội trường với Lily và nhà Luvovitz, không nên cho Frances xuất hiện đâu đó trong khuôn viên nhà trường do đó buổi tối nay cô vắng mặt. Mặc dù sáng sớm nay Mercedes bước vào phòng và thấy một bộ sách Maroc đóng hộp “Tổng hợp truyện của Charlotte Bronte” trên tủ áo của mình. Ôi Frances! Một khoản chi lớn. Những khoản chi có nguồn gốc mập mờ. Sự hào phóng. Mercedes ôm lấy Frances khóc và nói với Frances rằng chị rất yêu cô. Còn Frances thì bảo Mercedes đừng có làm ướt hết cả bộ đồng phục của mình.

Sau buổi lễ phát bằng, Mercedes, Lily và James cùng đến nhà Luvovitz uống trà. Lily lại thắc mắc nhưng cô bé không hỏi tại sao tất cả gương trong nhà đều bị che lại. Mercedes và Ralph chơi những bản nhạc Klesmer vui buồn bằng piano và clarinet trong khi ông Luvovitz nhảy và hát theo, còn bà Luvovitz thì trông có vẻ hơi xấu hổ nhưng rất thích thú.

Khi Mercedes và Ralph hướng dần đến quyển sách nhạc Idit cổ, ông bà Luvovitz trao cho nhau những ánh mắt khó hiểu về phía cửa tiệm. James không để ý - anh chỉ đang hưởng thụ âm nhạc, thoải mái một cách khác thường. Một đêm văn minh cùng những người bạn cũ, chúng ta nên làm như thế này thường xuyên hơn. Anh tận hưởng cảm giác của sự bình thường lần đầu tiên trong nhiều năm qua. Miễn là không có mặt Frances, từ giờ về sau James có thể cảm thấy mình là một người đàn ông tốt.

“Ăn một cái bánh ruggalech nữa đi James.”

“Cám ơn, Ben, làm phiền quá. Nó ngon lắm đấy bà Luvovitz”

Ralph hộ tống họ về nhà và lang thang trước hiên với Mercedes, cậu nói với cô rằng cậu sắp sửa đi xa, cũng không có gì là không tốt, họ có thể viết thư cho nhau.

“Hãy hứa là sẽ viết thư nhé, Mercedes.”

“Dĩ nhiên là em sẽ viết mà, Ralph.”

Bố mẹ anh đã chặt bóp và dành dụm để cho anh đi học ở đại học McGill ở Montreal.

“Em nghĩ là anh sẽ học ở Saint F.X.” Mercedes rảng giữ giọng đều đều. Đại học Saint Frances Xavier chỉ cách nhà có một ngày đi tàu, cô định đến học ở đó khi gia đình cho cô chút rảnh rỗi, nhưng Montreal thì...

“Đó là một cơ hội tuyệt vời.”

“Đúng vậy, Ralph.”

Tuần sau cậu sẽ đi, điều đó thật quá đột ngột. Cậu sẽ sống với nhà Weintraub, bạn của bà con phía bên mẹ cậu, họ mới chuyển đi khỏi Munich. Họ đã tìm được sẵn cho cậu một chỗ làm trong

tiệm bánh. Ralph sẽ học thành bác sĩ. Cậu ấy là một chàng trai khá ngại ngùng và vì vậy mà không đưa ra bất kì lời đề nghị vội vàng nào nếu cảm thấy mình vẫn chưa xứng đáng. Cậu sẽ chờ đến khi cậu học xong đại học và sẽ hỏi cưới Mercedes làm vợ.

“Mercedes...”

“Sao Ralph?”

Trái tim Mercedes đập nhanh đến mức cô sợ rằng nó làm cho mấy cái tua trên chiếc áo lụa màu vàng của cô bị rung rinh. Ralph bất ngờ nghiêng sang và tô hồng đôi môi của Mercedes bằng môi mình, sau đó cậu ấy bỏ đi, còn Mercedes vẫn chưa thể thở nổi.

Lên gác, cô cố làm cho gò má mình bớt nóng bằng cách áp nó vào bìa của quyển Jane Ryre ấn phẩm hoàn toàn mới.

Mercedes và Ralph trao đổi những bức thư từ tha thiết tình cảm và cả tin tức trong suốt mùa hè và mùa thu. Mỗi liên lạc giữa họ đã cho Mercedes thêm sức mạnh để chịu đựng, để hoãn sự bắt đầu cuộc sống thực sự của cô lại. Cô đã từ chối học bổng của trường Saint Frances Xavier bởi vì làm sao cô có thể nghĩ đến chuyện rời khỏi nhà trong khi Lily vẫn còn là một đứa trẻ? Mercedes đã quá quen với việc làm mọi thứ vì cha cho nên sự hy sinh này cho ông cũng có vẻ rất bình thường. Nhưng tận sâu trong lòng cô là một mục đích khác: Frances cũng cần được chăm sóc. Còn hơn cả cha, hơn cả Lily nữa. Nếu như mình đang học ở một nơi xa tận Antigonish và một đêm nào đó Frances không về nhà thì sao?

Trong lúc đó Mercedes cũng không thiếu việc quan trọng để làm, cô có một kế hoạch mới: Lily. Đã không còn những dấu vết

công khai của trận bệnh vừa mới tháng mười một vừa qua của Lily. Đó là Mercedes không tính - cố tình không chú ý tới - những lọn tóc màu đỏ bắt đầu xuất hiện trên tóc Lily từ lúc đó. Và cô cũng tự nhắc mình rằng chỉ những điều kì diệu thôi thì chưa đủ để thể hiện sự gần gũi đặc biệt với Chúa mà chỉ các vị thánh mới có, “cuộc sống” cũng được tính giống vậy. Cho tới lúc này thì cô đã tăng cường dìu dắt Lily làm các hoạt động từ thiện lên nhiều.

Mercedes đang dư dả thời gian rảnh rỗi và việc cô không còn đi học nữa trở thành chuyện nhỏ sau khi cô lên lịch cho tất cả những nhu cầu của cộng đồng. Cô đã học được một bài học quý giá: nếu bạn nghĩ rằng mình là người tốt thì hãy cố gắng làm việc tốt. Bạn sẽ sớm nhận ra sự tốt bụng của mình nhỏ bé đến mức nào, đặc biệt là trong một thị trấn nhỏ, đặc biệt là trong thời kỳ khủng hoảng.

Mercedes oằn mình lại với sự quyết tâm mãnh liệt cho nhiệm vụ của mình - nếu bạn cảm thấy vui khi nhấn chìm ai đó vào sự đau khổ bốc mùi của những người kém may mắn thì đó không thể được coi là một sự hy sinh. Hãy hy sinh cho những người nghèo khổ bằng sự thành tâm, và hãy nhớ rằng thời gian là cần thiết vì hầu hết những vị thánh xuất hiện lúc còn nhỏ rất hiếm khi sống được tới lớn. Cuộc sống của Lily đã trải qua đau khổ và Mercedes mong là nó sẽ không kéo dài. Cô cầu nguyện, Lily chỉ cần sống để có thể chúc mừng sinh nhật lần thứ mười bốn, tính theo tiền của Lourdes thì nó khoảng ba mươi đô la.

Mercedes đã quan sát món quà mà Lily dành cho từng người cựu binh. Ở tầng trên cùng của khu tây bệnh viện trung tâm New Waterford có một số người đàn ông bị thương tật và mất hết gia đình đã đề nghị được ở lại lâu dài. Một số không có tay chân. Có

ba người bị nhiễm khí độc, cơ thể hoàn toàn lạnh lặn và khỏe mạnh trừ phổi của họ. Họ ngồi im lặng bên cửa sổ và mang mặt nạ ôxi cho tới khi mặt trời lặn và đến giờ nằm yên trong lồng ôxi của mình. Đôi mắt họ to ra và những nếp nhăn xuất hiện quanh miệng, sau cái mặt nạ. Trông họ như những đứa bé to xác, có thể đó là lí do họ rất thích khi Lily đến. Họ là những người lớn không trưởng thành còn Lily là một đứa bé trưởng thành.

Lily không hề co rúm người lại khi cô bé gặp người đàn ông không có mặt, chỉ là một miếng da như da em bé căng ra với hai cái lỗ để thở và một cái miệng không có môi và hầu như không bao giờ ngậm lại. Ông ấy không bao giờ đeo mặt nạ để che mặt mình lại vì ông không bao giờ đi ra ngoài, những người trong cùng khu thì đã quá quen với ông, hơn nữa, ông ta cũng không thể tự làm mình sợ vì ông ta không có mắt. Niềm vui lớn nhất của ông là hút thuốc, và bây giờ thì là chạm vào khuôn mặt của Lily. Ông tìm thấy cục bướu trên trán cô bé và cảm thấy rất thích thú. Ông ta thề rằng trước đây mình còn xấu hơn và đưa cho Lily một tấm hình để chứng minh điều đó. Lily hưởng ứng rằng trông ông thật tệ và ông ấy cười lớn. Mercedes ghi chú lại rằng đây là một điều đáng giá khi kết luận cuộc đời của thánh Lily, bởi vì Mercedes chưa bao giờ thấy người đàn ông này làm gì khác ngoài việc làm nhảm những lời tục tĩu chứ đừng nói đến việc cười lớn.

Lily không bị các cựu binh xua đuổi, cô cảm thấy tội nghiệp họ, họ đã bị thương quá khủng khiếp, nhưng nỗi tiếc chỉ là một cách sát thuốc độc. Lily đã từng trải qua cảm giác nỗi tiếc trước đây nhưng cô không biết gọi nó là gì, cô chỉ biết là nó làm cô sợ khủng khiếp, cứ như cô đã biến mất và đang là một con ma vậy. Tự trải nghiệm qua cảm giác bị biến mất nên cô bé rất chú ý đến

việc người ta được nhìn thấy là quan trọng đến mức nào, do đó mỗi khi nhìn vào họ - kể cả người bị mù- cô luôn nhìn để thấy họ, chỉ để phòng khi họ lạc ở đâu đó và cần được tìm thấy.

Họ chơi bài rumi cho tới khi cô bé biết chơi bài poker, những người bị ngộ độc khí ga là những người duy nhất không cười, mặc dù họ cũng rất thích thú.

Trên đường về nhà Mercedes luôn hỏi cô bé nhưng Lily mơ hồ cảm thấy rằng mình đã làm chị mình buồn khi cô trả lời thành thật là “Em vui lắm”.

Hàng đêm, khi sự chăm sóc của ban ngày đã kết thúc, Mercedes tự làm mình vui bằng những tờ giấy trắng lộng lẫy: “Ralph thân mến...”

Có những thứ mà nếu Lily nói với Mercedes thì nó sẽ đem lại một ảnh hưởng khác, nhưng cô bé không bao giờ làm vậy. Ví dụ như ông MacIsaac đã bỏ rượu, ông nói rằng cô bé đã chữa lành cho ông, nói rằng cô bé có một “năng lực”. Nó xảy ra vào một ngày khi Lily hỏi xem ông trồng những cây thuốc của mình ở đâu, ông dắt Lily ra cái nhà kính phía sau.

Ông MacIsaac cũng là một cựu binh, sau cuộc chiến ở Bua, nó cũng là một cuộc chiến tranh tàn khốc. Ông ấy từng nói không có gì gọi là chiến tranh tốt cả. Ông và Lily cùng bị đi khắp khiêng cùng bên chân và ông thích nói với cô bé rằng họ sẽ cùng nhau chạy trong cuộc đua chạy ba chân. Ông kể cho cô bé nghe cô giống chị gái Kathleen của mình tới mức nào, “Chúa phù hộ cho linh hồn cô ấy”, đặc biệt là bây giờ, khi mà tóc cô bé chuyển sang màu đỏ. “Tóc tiên”, ông MacIsaac gọi vậy, có một nếp nhăn trên con mắt lơ mờ của ông. “Đừng lo, con gái, đó là một chuyện tốt”.

Họ đi qua một cánh cửa bằng vải bạt để vào trong nhà kính, không khí ở đây thật tuyệt vời để hít thở, ẩm ướt như một cái hồ dưới lòng đất. Những cái hộp trồng cây ở khắp mọi nơi, mỗi cây có một khả năng đặc biệt khác nhau nhưng có vẻ như không cây nào có thể chữa khỏi cho ông.

Nhưng điều kì diệu ở ngay trên đầu, Lily ngẩng lên nhìn mái nhà đầy cỏ. Mặt trời ló ra khỏi một đám mây và chiếu qua những ô cửa bé xíu. Trước mắt cô một đám đông hiện ra. Những cái bóng màu xanh và xám, một đội quân ma quỷ trong màu đồng phục đang mỉm cười với cô. Mãi mãi tuổi thanh xuân.

Những khung ảnh bằng kính. Ông MacIsaac đã thu thập chúng, một số đã phá hủy trong chiến tranh, cũng chẳng cần thêm những bản in của mấy tấm hình đó nữa khi mà người trong ảnh đã chết.

“Đó là các con của ta”, ông nói, “Chúng ta chưa bao giờ được yên ổn với các con của mình, vì vậy ta nghĩ đến những người đã bị mất con và ta cũng đã mất các con mình như thế nào, dù gì mọi chuyện cũng đã vậy rồi.”

Bà MacIsaac đã mất hồi đầu năm đó và mọi người nghĩ rằng ông cũng sẽ sớm ra đi khi mà ông ngày càng nghiện rượu nặng.

Lily nói “Cháu sẽ làm con ông.”

Ông cười khò khè sau đó cúi mặt xuống. Ông lấy tay con bé đặt lên cái đầu hói của mình, sau một lúc ông thả tay cô bé ra và lại nhìn lên rồi nhờ cô bé làm cho ông vài việc.

“Mỗi khi đi ngang qua cửa nhà ta, cháu hãy nói một lời chào Đức mẹ Mary nhé, cháu sẽ làm việc đó chứ?”

Lily hứa rằng cô sẽ làm, và cô đã làm, cho đến tận bây giờ. Cô

bé không nói với ai vì chuyện đó có vẻ riêng tư, không lâu sau thì mọi người bắt đầu nói rằng đó là một điều kì diệu vì ông MacIsaac đã bỏ rượu. Mặc dù chỉ có một linh hồn duy nhất trong thị trấn không nợ tiền ông, không ai lại không muốn thấy ông nhanh nhẹn hoạt bát sau quỳ tính tiền.

Ông MacIsaac đã sống đủ lâu để mở rộng mức tín dụng của mình ngay trong thời kì Đại suy thoái và chết với tư cách là một người giàu có được báo chí nhắc đến.

Lily không cảm thấy phản bội cha khi nói với ông MacIsaac rằng cô sẽ làm con ông, Frances thì sẽ nói “Tại vì cha không phải là cha thật của em”, nhưng Lily biết rằng ông ấy đúng là cha mình, cũng như cô biết rằng có thể yêu thương mọi người nhiều hơn và cô không thể cưỡng lại việc yêu thương Frances nhiều nhất.

Chàng Ginger

Jameel đã bắt đầu thu phí vào cửa, ông bắt Boutros đội một chiếc mũ đầu đuôi seo, thay thế tấm màn bạc màu làm từ chuỗi hạt. Đã có gạt tàn thuốc, có ly rượu, ông cũng nâng giá của “thuốc độc” lên nhưng vẫn chỉ trả cho Frances 5 xu một đêm. Đến tháng chín thì ông bắt đầu có suy nghĩ rằng phải cắt giảm bớt số tiền cô kiếm được từ các khách hàng riêng của mình. Những gì ông có được là một giao kèo mới.

“Này ông già, nhìn xem, tôi đã giúp biến cái đồng rác này thành một trung tâm văn hóa Mecca, vậy sao ông không nói với tôi về việc cắt giảm bớt của ông mà lại cắt giảm của tôi. Ông bạn già, tôi sẽ có năm mươi phần trăm tiền vé vào cửa nếu không tôi sẽ bỏ đi và nói hết.”

“Mẹ mày!”

“Sáu mươi.”

“Bốn mươi.”

“Tạm biệt.”

Ông ta chụp lấy tay cô “Bốn mươi lăm.”

“Hôn vào miệng tôi này.”

“Năm mươi.”

“Cho tôi chút lửa đi nào.”

Ông ta đốt thuốc cho cô. “Được rồi, giờ cô đã có phần, nếu cô mà giở trò thì tôi sẽ cắt cổ cô như với một thằng đàn ông đấy.”

“Kiếm cho tôi một cây piano đang hoang đi.”

Boutros không hề phản ứng hay ủng hộ cách cư xử của Jameel, anh ta chỉ đếm một nửa số tiền vé vào cửa mỗi đêm và đưa cho Frances.

“Này Boutros, tôi không biết là anh có thể đếm được đấy, chàng trai”, cô nói, nháy mắt với anh và hướng về phía căn phòng phía sau để thay bộ đồ góa phụ vui vẻ của cô ra.

Ở chỗ như thế này thì tốt nhất là phải biết địa vị của một thằng đàn ông như thế nào - dọa cắt cổ và chỉ có cắt cổ mới có thể đơn giản hóa mạng sống của một người phụ nữ. Frances đổi tất cả tiền xu và những đồng hai đô la của mình để lấy tiền có mệnh giá lớn hơn, như vậy chúng mới nằm vừa trong chỗ cất giấu bí mật của cô.

Khi cục cưng của Whitney Pier được mười bảy tuổi, ở đó có bánh kem, quà tặng và tất cả mọi thứ. Những khách hàng đã thay đổi nhiều cùng với tiếng tăm của Frances đang hát bài “Chúc mừng sinh nhật”. Một người phụ nữ mà Frances gọi là “Nữ bá tước” bởi vì bà ấy trông giống người phụ nữ đồng tính trong vở “Chiếc hộp của Pandora” đã cho cô một cái vé một chiều đến Boston. Nữ bá tước học rất cao và đã có vài sự sắp xếp ở đó - bà ấy đã tả cho Frances nghe cả ngàn lần nhưng Frances, dù vẫn cố gắng giữ hai mắt nhìn về cùng một hướng cho dù có uống nhiều đến mức nào đi nữa, vẫn không thể nghĩ ra là người phụ nữ này đang điều hành một hộp đêm hay là một ổ gái. “Những ý định của ta hoàn toàn đáng trân trọng đấy Fanny”, nữ bá tước nói và

Frances ngáp một hơi dài rồi nháy mắt với bà ta. Một người thợ đốt lò tên Henry đã cho Frances đĩa nhạc mới nhất của Bessie Smith: “Black Mountain Blues”. Cô tặng anh một nụ hôn ướt át, sau đó xòe tay ra chờ một đồng hai mươi lăm xen và mọi người cười ồ lên. Archie MacGillicuddy “vớ trắng” mà mọi người vẫn coi là một chàng trai ẻo lả, xuất hiện với “của quý” đóng đưa bên ngoài quần được gói như một món quà với một cái nơ và một mảnh giấy ghi “Tặng Frances”. Frances bảo Boutros mở nó ra cho cô “Coi nào chàng trai, những thứ xinh đẹp thường nằm trong những cái hộp nhỏ đấy” nhưng Boutros từ chối. Leo Taylor xuất hiện ở cửa với một cái dù trên vai vào lúc anh thấy ông Jameel đang chen lấn trong đám đông đang tung hô một con gái điếm được tô vẽ và bé xíu. Taylor ráng hét lên trong đám âm ỉ “Ông Jameel, tôi mang thứ ông đã đặt đến đây.”

Jameel đặt Frances xuống và có vô số bàn tay đang che ngang mắt cô trước khi cô có thể quay lại, “Ai đã tắt hết đèn thế này?”. Boutros đi với Taylor, ngay sau đó họ quay lại, gân cổ nổi lên trong khi họ lôi một cây đàn mở nắp gần như mới qua cửa.

Taylor luôn giao rượu vào các buổi chiều trong tuần nên không thấy được cảnh hoạt động của nơi này và anh cảm thấy dễ chịu vì điều đó. Anh không thích những tên say xỉn, còn mại dâm thì làm anh mất tinh thần - họ đều là con gái của ai đó. Cô bé này chắc chắn là còn nhỏ nhưng chắc chắn điều đó là không thể anh chỉ cảm thấy vui vì khuôn mặt cô đã bị nhiều bàn tay che đi. Nhưng không thể không thấy đám tóc quăn giả màu đỏ quá khổ trên đầu cô, hay bàn tay cô đang xoay xoay cây dù - trắng ngần tới tận cổ tay, nơi hai ống tay áo bám bản. Bụi bản đã bám ở đó không do mối liên hệ với bất kì thứ gì khác ngoài thời gian. Và

anh không thể không ngửi thấy cái mùi của cô khi anh hạ cây đàn xuống ngay trước cô. Cô bốc mùi như một đứa bé lang thang, mùi như của nước tiểu và sữa chua hòa với nhau. Anh rời khỏi đó và quay lại với một dụng cụ chỉnh đàn piano nhưng cô đã ngồi quay lưng về phía anh và bắt đầu từ tốn trình diễn bản “Let me call you sweetheart” , nó đã làm anh xao động, một giọng hát như trẻ con.

Frances không lỡ một nhịp nào trong khi Boutros đứng dậy và thay vào đó cái dụng cụ.

Leo Taylor bỏ đi và cảm thấy như bị ốm, cánh cửa thép đóng lại sau lưng anh và anh nghe thấy tiếng piano giờ trở thành một thứ tình cảm ủy mị ngọt ngào rồi lại biến hóa sang nhạc nhanh và vui vẻ. Anh bước lên xe và nổ máy, anh muốn về nhà hôn vợ và các con mình một lần nữa trước chuyến đi nhưng không còn thời gian. Bên cạnh rượu, anh còn chở tôm hùm sống đến New York để giao cho những gia đình giàu có và các băng đảng mới bóc phát, những người có đủ tiền để mua chúng.

Anh rẽ xe về phía nam, đường cao tốc số 4 và tưởng tượng ra hình ảnh và giọng nói của vợ mình cho có bạn. Anh vẽ ra tất cả những chi tiết nhỏ nhất: mái tóc màu thép hoen rỉ, những đốm tàn nhang màu nâu sậm rải rác trên khuôn mặt sáng sữa, đôi mắt như của thiên xạ. Gầy gò và tiều tụy, nghĩ đến đó làm anh bật cười. Họ đi đi về về dọc quãng đường đến Strait Canso, cho đến khi anh ra khỏi đảo và tưởng tượng rằng anh phải để cho cô ngủ một chút. “Chúc em ngủ ngon, Addy”, anh nói và mỉm cười khi nghĩ đến cô sẽ cười vào sự phấn chấn của anh như thế nào nếu cô thấy anh tự nói chuyện với cô trong xe tải của mình lúc nó chạy lên phà. Anh nhìn thấy cô gượng cười khi cô chồm đến để hôn

anh “Chúc ngủ ngon, Ginger, lái xe cẩn thận nhé anh yêu!”

Leo Taylor không được gọi là Ginger do anh có làn da hơi đen, anh đen y như chị gái mình, Teresa. Anh được gọi là Ginger do anh ủ bia gừng thật theo một công thức vùng Tây Ấn do mẹ anh, bà Clarisse để lại. Bà Clarisse thường đem bán nhưng Ginger có thể xoay xở để đem chúng đi tặng như một món quà. Anh thường đếm những lần mình được phù hộ và thắc mắc làm sao cuộc sống của mình có thể may mắn như vậy. Một công việc tốt, những đứa con xinh xắn khỏe mạnh và một người vợ mạnh mẽ.

Đêm hôm đó Frances bò vào giường nằm bên cạnh Lily như thường lệ nhưng không lâu sau đó cô thức dậy vì một cơn ác mộng nữa. Đó là những giấc mơ đã quen thuộc với Frances, giống như giấc mơ cô đã cắt cho Lily cái chân của mình nhưng không thể gắn vừa hai cái chân với nhau. Cũng có những giấc mơ mà cô không thể quen được, ví như giấc mơ cô vô tình cho Lily vào bếp và nướng chín cô bé nhưng mẹ dường như không để ý món nướng là Lily và những người khác trong bàn cũng vậy. Nhưng đêm nay Frances thức dậy và cổ họng đang nghẹn lại vì một tiếng thét - mẹ đang bị treo trên cây cọc bù nhìn trong vườn, đội chiếc nón phớt cũ và mặc chiếc váy hoa nhàu nát, bà đang cầm cây kéo cắt gan và bít tết với một ít xương sụn màu hồng dính trên đó. Nhưng phần tồi tệ nhất là bà không có mặt. Mẹ! - Frances đã quyết định không xem cho đến cuối bức tranh tĩnh lặng này vì cô sợ nó sẽ cất tiếng nói. Cô phải ngủ ở một nơi mà không thể mơ được, một nơi hoàn toàn trống trải và im lặng. Góc xép, là một nơi làm cô rất sợ.

Trixie đi theo khi Frances lôi cái mền và một đồng gối qua hành lang và tiến về phía cánh cửa cầu thang đi lên góc xép. Cô

mở cửa nhưng cả cô và Trixie đều do dự, vấn đề là mặc dù gác xép không bị nguyền rủa nhưng cầu thang dẫn lên đó thì có.

Frances đứng chân trần và nhìn lên lối đi hẹp, cô cảm thấy da đầu mình căng ra như thể cô vẫn còn các bím tóc. Trong bóng tối, cơ thể cô căng ra và rúm lại như thể cô là một đoạn dây cao su - thoát cái đã cao tới ba mét với những đường nét rõ ràng, thoát cái đã nhỏ xíu lại như một đứa trẻ. “Quên mặc cái áo khoác trong nhà của mình vào rồi” - Frances thấy chiếc áo carô màu xanh lá của mình hiện ra trong đầu “nhưng thật là ngốc nghếch vì mình đã không còn mặc chiếc áo đó từ khi mình và Mercedes còn nhỏ và mọi thứ đều có một cặp.” Frances bước lên bậc đầu tiên. Một cảm giác ớn lạnh ướt át chạy dọc sống lưng và đưa cô về lại với hình dáng bình thường của mình, cô đang bị nỗi sợ hãi bao trùm bởi vì cô nghe thấy những giọng nói. Ngay dưới làn nước, chúng vẫn đang chỉ là tiếng nói của cá nhưng chúng vừa mới nổi bong bóng lên mặt nước và chẳng mấy chốc cô sẽ hiểu được chúng nói gì. Frances bắt đầu lẩm bẩm khẽ trong miệng, dùng tay bịt tai và cố ép mình bước lên bậc thứ hai. Những cái bóng lướt qua, Kathleen đang ở trên đó. Không, không phải, chỉ là mấy con mèo thôi, dừng lại - chúng phải được rửa tội - dừng - “ai là kẻ giết người?” - dừng - “mày là một con quỷ!” - dừng, dừng, dừng, dừng, trong suốt quãng đường lên cầu thang cho tới khi cô lên hết và mở cửa.

Bước vào gác xép cũng giống như bước vào một cái sa mạc sau khi mọi thứ đã chết đuối hết. Cô đóng cánh cửa sau lưng mình lại. Trixie lặng lẽ nhảy lên khung cửa sổ, Frances nằm xuống sàn, cô nhắm mắt ngủ thật sâu và hoàn toàn không mơ gì, không còn phải sợ cái chết trong những giấc mơ nữa.

Sáng hôm sau Frances thức dậy và tỉnh táo như chưa bao giờ tỉnh táo trong suốt một năm qua. Cô tìm thấy cái vé tàu đi Boston trong túi áo hướng đạo của mình nhưng không nhớ tại sao nó lại nằm ở đó. Cô đi đến nhà ga ở Sydney và bán nó lấy tiền, cô không định rời khỏi hòn đảo cho tới khi cô để dành đủ tiền cho Lily và đạt được một thứ gì khác nữa. Thứ gì Frances? Một thứ gì đó. Cô sẽ biết khi cô nhìn thấy nó. Cô là một chiến sĩ đặc công đang được huấn luyện cho một nhiệm vụ bí mật đến mức cô cũng không biết nó là gì. Nhưng cô đã sẵn sàng. Hàng đêm vẫn tập chạy vượt chướng ngại vật, tập vận động sau các chiến hào và tập hóa trang để có thể ẩn mình vào địa hình.

Giọng em rất buồn mỗi khi em nói...

Đêm trước khi chiến tranh kết thúc, Kathleen gỡ cái thắt lưng bằng ngọc lục bảo quanh eo chiếc áo mới bằng voan và lụa màu xanh ra, quấn nó quanh vành chiếc nón màu xám của người yêu cô. Cô đưa tay sờ vào chiếc áo đính kim cương ở phía trước và trượt hai bắp vế của mình vào giữa đôi chân đang mặc một chiếc quần màu đen rộng.

Có vài cái hộp đêm hỗn hợp mà họ có thể đến và một chỗ riêng tư trong Công viên trung tâm. Họ phải cẩn thận mặc dù điều đó rất khó. Họ còn quá trẻ và đã quên mất rằng thế giới này không yêu họ nhiều như họ yêu nó.

Và nước mắt đang làm nhòe đôi mắt em...

Chương 6

Tổ chức Thánh Nữ Anh

Đừng Thở Than

Vào tháng Năm 1931, Mercedes đang lo lắng không yên. Đã tám tuần rồi cô không nhận được thư của Ralph. Cô không hỏi bà Luvovitz anh đâu bởi con gái ai lại đi theo đuổi một chàng trai như thế, và Mercedes cũng không hề muốn bị coi là “dễ dãi” - đặc biệt là trong mắt mẹ chồng tương lai của mình. Và hơn nữa, nếu Ralph gặp rắc rối gì thì Bố mẹ anh ấy sẽ biết, nhưng họ vẫn đang hết sức bình thản. Dẫu vậy, Mercedes vẫn ghé tiệm Kosher Canadian của nhà Luvovitz đến vài lần trong một tuần, chỉ vì cô quên khuấy đi mất mấy thứ quái gỡ - “Ôi bà Luvovitz, bà tin nổi hay không cháu đã quên mua nửa ký dòi cho cha đấy.”

Vào một chiều thứ Năm, Mercedes trở lại tiệm nhà Luvovitz để mua một hộp muối mà cô đã quên mua lúc sáng. Khi đã tính tiền xong xuôi, bà Luvovitz nở một nụ cười hơi kì quặc với Mercedes và hỏi, “Xong rồi. Cha cháu khỏe chứ, cháu yêu?”

“Ồ vâng, cha cháu khỏe ạ, thưa bà Luvovitz, cảm ơn bà.”

Hai người họ gật đầu và cười với nhau nhưng không ai có ý

định rời đi. Mercedes hỏi, “Còn Ông Luvovitz thì sao ạ?”

“Ồ cháu biết ông ấy mà, ông ấy khỏe, cháu ạ, rất khỏe.” Mercedes cười nhẹ và gật đầu.

Bà Luvovitz hỏi, “Các em cháu khỏe chứ?”

“Lily rất khỏe, cảm ơn bà, còn Frances thì có vẻ - ồ, cháu hơi lo lắng cho Frances một chút, con bé... vẫn đang đi tìm chính mình, bà biết đó...”

“Ai cũng lo lắng cho nó hết, cháu ạ, Nhưng nó là - cháu biết đấy, ẩn bên trong nó vẫn là một đứa trẻ ngoan.”

“Cảm ơn bà, đúng vậy ạ.”

Bà Luvovitz lấy một lon Ovaltine và đưa cho Mercedes.

“Cháu uống thử cái này bao giờ chưa? Cái này là từ nước Anh đó.”

“Ồ vậy ạ? Chưa ạ, cháu chưa được thử bao giờ.”

“Đây, thử đi, cháu sẽ thích đó.”

“Ồ” - Mercedes đỏ mặt và tìm cái bóp của mình, không chắc về - nhưng bà Luvovitz đặt một tay lên tay cô và nói với giọng trách mắng thân thiết khiến Mercedes thoải mái trở lại, “Nào-nào-nào, cháu nghĩ mình đang làm gì vậy, cất tiền ngay đi.”

Mercedes nói, “Cháu cảm ơn bà nhiều, bà Luvovitz, bà tốt quá,” và cảm thấy mình thật ngốc nghếch, thấy rằng chắc cô đã cảm ơn bà Luvovitz hơi rối rít quá vì mặt bà hơi ửng hồng. Thực sự Mercedes chưa bao giờ trông thấy người phụ nữ đáng mến đó cười lâu như vậy. Mercedes cũng cười, lòng chỉ mong được hỏi, “Bà có nhận được tin gì từ Ralph không ạ?” Nhưng thay vào đó cô cảm ơn bà Luvovitz và quay đi, bà Luvovitz cất lời, “Cháu có nhận

được tin gì từ Ralph không?”

Mercedes quay lại. Giờ thì cô lo lắng thực sự. “Dạ không ạ, ôi trời...”

“Nó ổn, nó ổn, những người bạn của ta viết thư báo là nó vẫn ổn, rất tốt, chỉ là...”

“Ồ, vâng, đó là tin tốt...”

“Chúng ta không nhận được một lá thư nào từ nó cả và ta tự hỏi “

“Ôi trời.” Họ nhìn nhau một lúc, rồi Mercedes lắc đầu. “Cháu e là lâu rồi cháu cũng không nhận được lá nào ạ.”

Mercedes vừa thấy hoang mang vừa lúng túng trước những điều xảy ra sau đó. Bà Luvovitz xiết chặt hai tay cô và nói trong khi miệng cố cười ngăn dòng nước mắt, “Cháu là cô gái tốt, Mercedes, một cô gái tuyệt vời.”

“Cảm ơn bà Luvovitz.” Mercedes thả lon Ovaltine vào chiếc túi lưới và suýt quên mất hộp muối, cô nói thêm, “Cháu sẽ báo cho bà biết ngay khi cháu nhận được thư Ralph.”

Nhưng bà Luvovitz đã quay lại chỗ mấy cái kệ và đang cẩn thận sắp xếp lại hộp bụi nhùi thép.

Ba tuần sau, lá thư được mong chờ đã đến. Mercedes mang nó lên phòng, bước hai bậc cầu thang một lúc liền không như mọi khi, ném mình xuống giường, hôn hít cái phong bì trước khi đầu chạm được xuống gối, và nằm yên hồi lâu chỉ để vuốt ve vết dán thư. Ralph thương yêu. Nét mặt anh đã in đậm và tiếng nói anh đã ghi sâu trong lòng cô suốt nhiều tháng qua. Cô thở dài, nhìn thấy hai má đỏ ửng của mình trong chiếc gương tủ và ra lệnh cho mình, “Đừng có mà vỡ vẫn như con nít như vậy, bà Ralph

Luvovitz” - việc đó khiến cô bật cười khúc khích, cô ôm lấy gối và rúc luôn mặt vào đó. Cuối cùng cô đã có thể lấy lại bình tĩnh để mở lá thư. “Mercedes thương mến” - Ralph thương mến - “Anh vẫn cảm thấy mình thật cao ngạo khi viết thư này cho em vì em là một cô gái rất tốt và dù sao cũng sẽ có thể đến với bất kỳ chàng trai nào em thích trên thế giới thay vì miễn cưỡng chấp nhận anh, nhưng anh thấy anh vẫn nên nói với em vì nếu anh không nói, có thể em sẽ nghĩ anh thật hèn nhát. Chuyện là thế này. Anh vô cùng xin lỗi nếu anh đã từng khiến em hy vọng...”

Khi Mercedes có thể đứng dậy, cô đi qua cái tủ và gỡ bỏ tấm hình của Ralph trên khung ra, để lộ ra bài thơ mà cô đã dùng để thay cho hình của Valentino gần năm năm trước. Cô quay trở lại giường và ngồi yên lặng, cố ép những mạch máu đang cuồn cuộn chảy trong người hạ thấp xuống cho đến khi, dù cố gắng thì cô vẫn không thể tạo nổi một nắm đấm. Thân nhiệt cô hạ xuống từng chút một khi cô nhìn chăm chăm vào những từ ngữ thông thái trong khung ảnh, cố quên Ralph.

Đến tối thì cô đã hoàn toàn bình tĩnh. Đúng hơn là tỉnh táo, sự tỉnh táo đầu tiên sau cái ngày cô bắt đầu phải lòng đứa con trai của cửa hàng bách hóa. Một người Do Thái. Chúa ơi. Trong lúc đó những người rất cần mình lại bị mình bỏ rơi.

Mercedes đi xuống lầu với cái đầu đặt tuyệt đối cân bằng đối trên cổ và một tay lướt nhẹ trên tay vịn cầu thang. Tối nay Frances sẽ phải tắm, nhất định như vậy. Mercedes vào bếp, đi thẳng đến chỗ lon Lộ Đức và đếm tiền. Hừm, từ giờ chúng ta sẽ phải làm tốt hơn thế nữa, đúng không nào. Cô thắp một cây đèn trên cái lò và hóa kiếp cho bức ảnh nhàu nát của chàng trai có hai vành tai vĩnh. Cô nấu một bữa tối thịnh soạn cho cha. Cô đau

lòng khi nghĩ đến thời gian gần đây cô đã xao lãng việc bếp núc ra sao. Và cha thật tử tế, ông chỉ nói, “Ta sẽ mua vài miếng thịt nguội trên đường về, Mercedes, con đừng có vấn đề gì nhé.” Từ giờ Mercedes sẽ giữ cho bàn bếp lúc nào cũng có tiếng động. Tội nghiệp cho cha.

Mercedes không nói với ai về lá thư, cho nên khi ông bà Luvovitz đến Sydney hân hoan gặp lại con trai vào đầu tháng Sáu, họ ngỡ ngàng khi gặp vợ của anh. Marie Josée nhỏ nhắn, xinh xắn và phình to ở đúng chỗ nên phình to. Đen và đẹp. Đạo Công Giáo và đang mang thai. Cái tai nạn khủng khiếp này không thể nào che đậy được thực tế là cô ta và Ralph yêu nhau thắm thiết.

Đừng Thở Than

Hôm nay con đã trông thấy một cô gái xinh đẹp có mái tóc vàng óng.

Con ganh tỵ với cô ta và con ước, phải chi con cũng xinh đẹp được như thế.

Khi cô đứng lên đi, bước chân cô khập khiễng trên đường.

Cô ấy chỉ có một cái chân, chống nạng và mỉm cười.

Ôi xin Chúa hãy tha thứ cho con khi con than thở

Con có hai bên chân, và thế giới là của con.

Sau đó con ngừng lại để mua một ít kẹo

Chàng trai bán kẹo thật quyến rũ

Con nói chuyện với anh ta - đến trễ một tí cũng chẳng hại gì.

Khi con đi anh ta nói rằng, “Cô thật tử tế. Cô thấy đấy,” anh nói, “Tôi bị mù.”

Ôi xin Chúa hãy tha thứ tội con khi con than thở

Con có hai mắt, và thế giới là của con.

Sau đó, con thấy những đứa trẻ có đôi mắt xanh.

Nhìn những đứa khác chơi đùa và chẳng biết làm gì.

“Này cháu ơi, sao cháu không chơi với các bạn.”

Nó vẫn nhìn chăm chú về phía trước, nó không nghe được.

Chúa xin tha thứ tội con khi con than thở...

• **TÁC GIẢ VÔ DANH**

Những Người Phụ Nữ Da Đen

Frances đang mặc lại bộ đồng phục Thanh Nữ Anh của cô trong cái kho lạnh cóng của nhà chứa vào một đêm tháng Ba năm 1932. Dù phải chịu lạnh hơn nhiều người khác, nhưng cô vẫn hoan nghênh cái lạnh vì nó làm cho bộ quần áo của cô trông thật mới. Tối nay cô hơi bị hoảng hồn một chút: một giọng nữ yếu đuối ập xuống người cô y như một con sứa, “Mày là đồ bỏ đi.”

Frances nhìn lên. Miếng vá đen trong màn đêm đó rõ ràng là Camille.

“Ồ, chào dì Camille.”

“Mày là đồ rác rưởi.”

Frances kéo đôi vớ len khêu gợi của mình lên. “Dì cũng giống tôi trong lốt chồn thôi, dì yêu ạ.”

“Sao mày không chết đi.”

Frances phá lên cười và bỏ đi.

Khi nhìn Frances trong bộ đồng phục Thanh Nữ Anh lần đầu, thật khó mà tin được Frances đã mười tám tuổi chứ không phải là một đứa trẻ mười hai. Cái nhìn thứ hai, khó mà tin rằng Frances đã từng là một đứa trẻ. Camille nhìn con bé bỏ đi và tự hỏi, chị mình đã làm gì để phải chịu như vậy? Nhưng còn mình thì sao? Mình đã làm gì để phải sống như vậy chứ?

Khi người con gái đầu của Mahmoud Materia bỏ đi theo tên khốn enklese,

Mahmoud gả người con gái thứ hai cho Tommy Jameel, nghĩ rằng hẳn là người Libăng là đủ rồi. Đã không hề đủ, giờ Mahmoud đã nhận ra điều đó. Jameel không phải con rể gì của ông cả.

May là ông vẫn còn đến ba người con gái nên vẫn có thể bù đắp cho phần hai người đầu. Tất cả họ đều hạnh phúc. Hai người có chồng là người Canada Libăng tử tế đến từ Sydney và người nhỏ nhất lấy một bác sĩ - enklese, nhưng tốt. Và con trai của ông đều hạnh phúc: họ lấy ba người vợ người Canada: một người Libăng, hai người Acadian. Một con trai của ông làm linh mục, Chúa cao quý. Đến giờ ông đã có đến bốn mươi đứa cháu, trong đó hai bốn đứa mang họ Mahmoud, mười lăm đứa trong số này là con trai. Lạy Thánh Ala.

Camille lẽ ra đã được chọn chồng. Thực sự cô là người đẹp nhất trong gia đình có nhiều con trai đó. Cô có thể đã là Camille MacNeil, Camille Shebib hay Camille Stubinski. Thay vào đó, cô là Camille Jameel. Cô không đổ lỗi cho cha - người mà cô tôn sùng. Và làm sao cô có thể đổ lỗi cho Materia, người cô đã thần tượng hóa? Vậy cho nên cô ghét Frances, đồ gái hư sống trên đời này chỉ để bôi nhọ hình ảnh của Materia tội nghiệp.

Camille là một phụ nữ đơn giản chỉ mong được sống một cuộc sống giản đơn. Thế nhưng cô lại có một cuộc đời đầy phức tạp. Cô cười rúc rích và chớp mắt và hãy xem mọi thứ đã đưa cô đến đâu? Nhà chứa hỗn tạp của Jameel. Cưới cô, James nhận được từ cha một khoản hồi môn hậu hĩnh, nhưng chỉ có Chúa mới biết được số tiền đó đã đi đâu. Camille không có tài. Cô đã có thể giỏi những

thứ mà cô nên giỏi. Thế giới không nên được thiết lập để đòi hỏi nữ anh hùng, và khi một người được yêu cầu nhưng lại không thể trở thành nữ anh hùng thì ta không nên đánh giá họ. Chúng ta chỉ nên nói, tội nghiệp Camille, cô ta đã biến thành một con quỷ cái như nhiều người khác - và tránh xa cô ra.

Trong tim cô, dẫu vậy, vẫn còn chút hy vọng. Một nơi quang đãng trong rừng rậm. Không phải khi cô nhìn năm đứa con trai của cô, những đứa bám ngay lấy cha chúng khi vừa đủ lớn để vác một cái thùng hay đi đưa tin. Không phải khi cô nhìn chồng cô, người đã chẳng màng cạo râu ngay trong đêm tân hôn - người kiểm tra cơ thể cô và tắm trải giường ngay sau đó để chắc chắn mình không bị gạt. Nơi quang đãng trong tim cô là nơi Camille ngừng lại như một chú nai và chờ đợi được cha trông thấy.

Đêm sau đó, bóng đen hôm trước lại đứng đợi trong nhà kho. Frances thực sự thấy hơi lo lắng - Camille là loại phụ nữ chỉ ngồi yên một chỗ và xách búa lên lúc nào không ai biết.

“Chào dì Camille, cháu giúp gì được không?”

“Mày là đồ chết tiệt.”

“Chao ôi, bộ đồ dì mặc xinh quá.”

“Mày là một điều hổ thẹn của cha tao.”

“Ông ấy sao rồi ạ? Cháu luôn muốn ghé sang chơi.”

“Mày không xứng đáng bước chân vào nhà cha tao.”

Frances gài khóa cái túi Thanh Nữ của mình lại và bỏ đi. Camille vừa cho nó một ý tưởng mới.

Địa chỉ có trong số điện thoại. Frances tìm đường đến một căn nhà trên đồi. Frances đu từ hàng rào qua bên cây. Rồi từ cây đu qua bức tường - chỉ có một ụ than nhỏ xíu để núp. Nhưng bên

trong căn nhà của ông nó thì thực sự có khá nhiều nơi để núp. Và cả nhiều thứ để trộm nữa, khó mà biết phải bắt đầu từ đâu.

Có một cái lò sưởi ở trên bức tường trong căn phòng khách sang trọng. Người ta có thể thấy Frances ở trong phòng dễ dàng những ô nhỏ làm bằng sắt rèn, nhưng không ai nghĩ đến chuyện nhìn cô. Cái tủ nằm bên dưới cầu thang chứa đầy những thứ đen và mềm mại. Khi hé mở cánh tủ ra, rất dễ phát hiện một dải sọc trắng mỏng hiện rõ trên nền đen. Đó chính là Frances đang đứng trong tủ nhìn lên ra bên ngoài. Những bàn tay lần vào tủ tìm kiếm áo lông thú và khăn choàng đã vượt qua những lọn tóc xoắn của cô và vẫn không ngừng tìm kiếm vì nghĩ đó chỉ là lông cừu đã qua xử lý. Và nếu như, một đêm nào đó, người chủ căn phòng ngủ lớn nhất trên lầu thức giấc và tự nhiên nhìn xuống gầm giường, ông ta có thể sẽ thấy cô nằm đó, hai tay bắt chéo ngực, mắt nhìn chăm chăm vào vị trí trái tim của ông đang ngủ yên. Đó là nếu cô không đang nhìn lên ông qua những thanh đồng ở chân giường.

Frances say sưa ngắm cái khung hình tựa dài ra của ông ngoại mình, da của ông mang màu sắc và sự mềm mại của một con chó săn luống tuổi. Cô không thể thấy được mẹ mình đâu ngoại trừ ở màu da, ở đôi mắt đen lay láy - dù mắt ông hơi sắc hơn - và mái tóc màu lam pha xám gợn sóng của ông. Cô nhói đau vì bỗng dưng cảm thấy mong muốn được gặp bà ngoại và tự hỏi làm sao người ta lại có thể nhớ thứ mà họ chưa hề có được kia chứ. Dầu sao, cô cũng ngạc nhiên khi nhận ra một sự tương đồng của gia đình: có gì đó của Mercedes trong những góc độ của cơ thể ông Mahmoud, dáng người và xương sống thẳng tưng của ông.

Frances kết luận rằng không phải lần đầu, cô là một đứa trẻ thay thế cho đứa trẻ đã bị bắt đi mất.

Cô bé luôn mang quà về cho Lily, khi thì là một cái lược dát bạc có răng làm từ mai rùa, khi là một chiếc nhẫn đá mặt trăng, và khi lại là một dải viền.

Lily vuốt ve dải viền đen nhánh như thể nó là một sinh vật bị chết đột ngột vì hoảng sợ.

“Cái đó của mẹ đó,” Frances nói.

“Cho em được không?”

“Nó là của em đó.”

“Chị lấy nó ở đâu vậy?”

“Chị tìm thấy một cánh cửa lật giống trong truyện Nghìn lẻ một đêm. Nó dẫn đến một khu vườn dưới lòng đất. Ở đó mọi thứ em có thể nghĩ ra đều mọc lủng lẳng trên cây. Nữ trang, tóc... Và cả những em bé chưa được sinh ra nữa.”

Lily cho rằng đây là chỉ là cách Frances nói về cái mỏ than kiểu Pháp cũ. Nó không thích nghĩ đến việc Frances ở đó một mình, tìm kiếm kho báu. Cướp bóc những người đã chết. Lily nài nỉ xin theo nhưng Frances nói rằng khu vườn Ả Rập là một “nhiệm vụ đơn độc”. Tuy nhiên khi Frances mang về cho Lily một hạt ngọc trai, Lily bắt đầu lo lắng vì điều này có nghĩa là Frances đã bắt đầu lặn xuống nước. Nó sợ rằng Frances có thể có ý định chết chìm dưới cái hồ trong mỏ than kiểu Pháp cũ. Lily biết việc uống nước dưới hồ có sức hút mạnh mẽ đến mức nào nên nó nhờ Ambrose canh chừng Frances. Làm ơn nhé, em trai, hãy cứu chị Frances thân thương nhất của chúng ta khỏi bị chết đuối như em đã cứu chị.

Lần đầu tiên Frances đi suốt đêm không về, Mercedes phát điên lên. Cô thay chiếc đệm ngủ ra rồi lại vào, vò đầu bứt tay và

vài lần đi ra đến giữa phòng khách - nhưng vì không biết phải tìm ở đâu nên cô nhanh chóng quay trở lại chỗ cầu nguyện của cô ở bàn bếp. Hơn nữa, lẽ Frances gọi điện thoại về ngay lúc cô đi ra ngoài thì sao?

Mercedes giữ sự bất an của mình trong yên lặng để khỏi khiến cha phải lo lắng trong khi đang trong một giấc ngủ sâu khác thường và cần thiết trên chiếc ghế bành. Vào buổi sáng, Lily đi xuống và thấy Mercedes đang lột vỏ củ hành ở bàn bếp.

“Chị đang nấu món gì vậy, Mercedes?”

“Không gì cả, Lily, đi ngủ đi.”

“Trời sáng về chưa ạ?”

Mercedes vô tình quệt mắt bằng bàn tay dính hành và không thể làm gì khác ngoài nuốt nước bọt ừng ực.

“Mercedes -”

“Chị chỉ đang xắt hành thôi, Lily, đừng ngạc nhiên.”

“Đừng lo lắng quá về Frances, Mercedes, em đã nhờ Ambrose trông chừng chị ấy rồi.”

Mercedes kéo Lily vào và ôm nó. Lily cảm thấy có vật gì đó cứng đang cạ vào xương sống của nó - Mercedes quên bỏ con dao gọt vỏ xuống - nhưng Lily quá lễ phép nên không thể nói gì cả. James đi vào bếp, hai tay chà vào nhau, sáng khoái dù một đêm ngủ ngòì trên ghế vẫn còn ghi dấu lại trên quần áo ông, “Ai thích ăn thịt xông khói và trứng nào? Ta sẽ nấu.”

“Ôi cha ơi,” Mercedes nói, “đừng lo về Frances, con bé chắc chắn sẽ về thôi.”

Và nó đã về, vào chiều hôm đó, với một diễn viên múa balê

chạm khắc nhỏ xíu làm quà cho Lily.

Bây giờ thì Mercedes đã thôi lo lắng khi Frances biến mất như một con mèo vào ban ngày, tự tin rằng con bé đang được dõi theo qua sự can thiệp đặc biệt của Lily. Mercedes coi đó như là một dấu hiệu khác và thêm nó vào bản báo cáo đang ngày càng dài thêm mà nó sẽ đưa cho giám mục một ngày nào đó.

Mahmoud không bao giờ nhớ đến dải viền vì ông còn không biết đến sự tồn tại của nó sau khi Matera bị khai trừ. Frances đã tìm thấy nó bên dưới lớp vải lót bằng nhung đỏ ở đáy hộp nữ trang của Giselle. Một sự thoát hiểm trong gang tấc.

Mahmoud nằm trên giường và ngủ thiếp đi ở bên kia căn phòng. Frances đứng cạnh bàn trang điểm của người bà quá cố của mình và ngắm nhìn những đồ đạc bày ra trước mắt. Bàn chải bạc, lược và gương cầm tay. Một chiếc hộp nữ trang bằng gỗ hồng sắc. Cô mở nắp hộp và lật lên một dàn nhạc quay và một vũ công balê váy hồng. Frances đập nắp hộp lại ngay tức khắc và quay người lại nhìn ông Mahmoud rên ư ử, lăn qua và nhìn thẳng vào cô. Họ cứ ở yên như thế, trừng mắt nhìn nhau, cho đến khi cô nhận ra là ông vẫn đang ngủ. Cô vẫy vẫy ông. Cô đưa một ngón tay về phía ông. Cô quay lại chỗ cái hộp nữ trang và hơi hé mở nó ra một khoảng bằng sợi tóc - đúng vậy, giờ thì cô đã có thể nhìn thấy vũ công bé nhỏ đang nằm úp mặt. Frances luồn một ngón tay qua khe hở và giữ cô vũ công nằm im ở tư thế thiên nga chết trong khi từ từ mở nắp và bắt đầu cướp bóc. Cô kiểm tra cái đáy giả để tìm tiền sót lại, lật tấm lót nhung đỏ lên, và cô đã tình cờ tìm thấy dải viền màu đen cuộn tròn trong cái tổ nạm ngọc như thế. Chắc chắn đây là đồ của mẹ rồi vì nếu không vậy thì tại sao nó lại bị giấu đi chứ? Đồ dùng của những cô gái thất lạc thì luôn

bị cấm tiệt mà. Frances nhét dải viền và mấy món trang sức vào chiếc túi Thanh Nữ Anh của mình, chỉ để lại một sợi dây ngọc trai thật. Cô tách con búp bê vũ công balê ra khỏi đế, đôi chân nhọn của cô ta kéo theo một mảng nhung đỏ. Con bé đã tính đặt nó lên gối của ông Mahmoud như một món quà kỳ quái của bà tiên rừng, nhưng đã nghĩ lại rằng Lily có thể thích nó. Cuối cùng, cô cầm sợi dây ngọc trai lên và cẩn thận cắt đứt. Cô lấy ra một viên ngọc, sau đó cuộn phần còn lại vào chiếc hộp gỗ hồng sắc đáng ra đã trống rỗng và nhẹ nhàng nhón chân ra khỏi phòng với chiến lợi phẩm của mình.

Tuy nhiên, thứ Frances thực sự muốn trộm hay bị trộm lại chính là Teresa, người vẫn đang làm việc cho Mahmoud. Teresa của cây kẹo trắng và đen. Nữ hoàng Teresa, trong lót một cô hầu gái. Frances không hề bị gạt bởi cái ví nhiều tiền và cái đầm giản dị của cô. Với người có khuôn mặt giống như Teresa, việc mặc những trang phục tầm thường đến nỗi chỉ có thể làm tôn lên nét đẹp của người mặc thì cũng hầu như vô ích. Khi nhìn thấy Teresa dùng chìa khóa riêng mở cửa bếp vào nhà lần đầu tiên, Frances chắc chắn một điều kì quặc là giờ Teresa đã trở thành bà Mahmoud - bà ngoại kế của mình! Nhưng Teresa về nhà lúc sáu giờ tối hôm đó, sau khi đã dọn xong bữa tối cho ông Mahmoud, và Frances nhận ra rằng cô ấy có nhà riêng để về - với những đứa trẻ may mắn trong đó nữa, chắc chắn là vậy.

Có một cánh cửa bếp dẫn xuống hầm và Frances rất thích ngồi sau những đốm sáng của cánh cửa để nhìn Teresa làm việc. Cô cứ nhìn như vậy hàng giờ, đến khi mắt cô chuyển sang nhìn cục bột Teresa đang nhào, hay cái ly Teresa đổ sữa vào, hay cái tạp dề Teresa chùi tay lên. Một lần cảnh tượng đó yên bình đến nỗi

Frances thiếp đi và lăn cù mèo trên những bậc thang dẫn xuống tầng hầm. Cô trốn đi khi Teresa đi xuống để xem tiếng ồn ào đó là gì, và mặc dù Frances khát khao được nói, “Là con, con tự làm đau con đó,” thì tất cả những gì nó có thể nói chỉ là, “Meo meo.”

Một ngày nọ, một người đàn ông đến và ăn trưa tại bàn bếp trong khi Teresa làm việc. Tên cậu ta là Ginger - “Lại đây nào, Ginger cưng.” Anh ta là cưng của cô nhưng không phải chồng cô - Teresa gọi ông Mahmoud trong phòng khách, “Em trai của tôi đang ở đây, thưa ông.” Ginger mặc bộ đồ liền nhưng không phải là một thợ mỏ, anh ta trông quá khỏe mạnh. Frances nhận ra anh ta ngay lập tức - anh ta là người từng đưa đón Kathleen đi học bằng chiếc Ford mô-đen T màu đen. Anh ta đã chở Kathleen về vào ngày Teresa cho Frances cây kẹo sọc trắng đen. Anh ta gọi Teresa và họ cùng nhau lái xe đi và Kathleen đã lấy mất cây kẹo của Frances và quăng nó xuống sông. Thậm chí Frances còn nhớ tối hôm đó họ đã ăn gì nữa - bánh pa-tê thịt nướng và bầu dục. Frances tự hỏi tại sao những chi tiết ngu ngốc như bữa ăn tối lại dính chặt trong đầu mình khi mà có những chuyện khác cô sẵn sàng đánh đổi bất cứ gì để có thể nhớ thì lại không, như lần cuối cô cảm nhận sự vuốt ve của mẹ chẳng hạn.

Ông Mahmoud đi vào khi Leo ở đó và nói, “Chào Leo” - và Frances gần như mất thăng thăng trên mấy bậc thang lần nữa vì giật mình bởi hình ảnh của hai người đàn ông vừa va mạnh vào nhau trong đầu nó. Frances thấy cái tên in phía sau chiếc xe tải chở rượu đậu trước lò nấu rượu của James, sau đó chiếc xe tải biến thành chiếc Ford Mô-đen T nhưng những chữ in thì vẫn còn rất rõ: “Vận tải Leo Taylor.”

Anh ta nói, “Xin chào, ông Mahmoud.”

Mahmoud hỏi với giọng nặng nề của mình, “Anh đã nhận được yêu cầu đặc biệt của tôi chưa?”

“Chắc chắn là rồi ạ, thưa ông Mahmoud, và mạnh như ông thích.”

Sự ngạc nhiên khi nhận ra Leo Taylor ảnh hưởng đến cô bé còn mạnh hơn sự sững sốt của cô khi thấy ông ngoại tu ừng ực thứ chất lỏng đựng trong một cái chai màu nâu theo “yêu cầu đặc biệt”. Frances có thể đã không bao giờ coi ông là một bọm rượu. Ông ấy không phải bọm rượu, hẳn rồi, đó chỉ là bia gừng mà thôi. Và khi Teresa rót rượu ra ly cho mình và em trai, Frances mới nhận ra rằng bên cạnh sự thật cô vừa phát hiện ra thì cô còn đang khát nước nữa. Khi nhìn thứ nước vàng óng sủi bọt trượt qua môi Teresa rồi chảy róc rách xuống cổ họng cô, Frances thấy thêm vô hạn. Leo Taylor nhắm nháp ly của mình thật chậm rãi, từ tốn.

Frances nhìn và nhớ lại lúc cô nói với Lily rằng bố ruột của con bé là một người da đen ở vùng Coke Ovens. Người cô nghĩ đến chính là Leo Taylor, sau khi gặp anh ta ở lò nấu rượu của James. Cô kể chuyện này với Lily để tìm xem sự thật có đúng vậy hay không. Như chuyện con mèo-màu cam ngày xưa - nó đã làm Ambrose ngạt thở ra sao, và cha đã chôn nó trong vườn. Như câu chuyện về mẹ đã chìm chết Ambrose dưới sông như thế nào, và câu chuyện về cái mỏ than kiểu Pháp cũ. Frances cần phải nói ra một câu chuyện để phỏng đoán xem có bao nhiêu sự thật bị che giấu bên dưới bề mặt của nó.

Trên những quăng đường chật hẹp lên căn gác xếp vào đêm, Frances đã thấy một bức tranh mà cô không hề biết cô đang sở

hữu: Kathleen với cái bụng thẫm màu đỏ và đen, tóc bết dính, hai em bé nhỏ xíu còn sống nằm giữa hai gối của chị ấy. Không còn ai trong bức tranh nữa ngoại trừ một người đang nhìn nó - người đó chắc là mình. Có một giọng nói nằm sâu trong trí óc Frances, kêu la xin được cất lên. Nhưng cô vẫn chưa để giọng nói đó phát ra được, nó chỉ mới là một tiếng thở dài, thở ra một câu hỏi. Câu hỏi là, những đứa trẻ xuống được dưới sông bằng cách nào vậy, Frances? Giọng nói đang đến gần hơn. Cô đến bậc thang đầu tiên. Vừa muốn nhấn chìm giọng nói đó xuống lại vừa muốn được giúp để gặp nó, Frances tự kể một câu chuyện khác.

Đứng ở đỉnh cầu thang dẫn xuống tầng hầm nhà ông ngoại, ngay sau khe cửa, nhìn ngắm Teresa và em trai cô uống bia gừng, Frances lầm rầm trong cổ họng to và nhanh như Mercedes đang cầu nguyện: Kathleen là mẹ của Lily, tại sao Ambrose chết chìm thì chúng ta không biết được, Kathleen không kết hôn, chị ấy có một khối u trong bụng nhưng thực sự không phải vậy, có một người cha bí ẩn, đó là Ginger - anh ta là tái xế của chị và họ đã yêu nhau trên đường đến trường, chính vì vậy mà cha không cho chơi thứ nhạc da màu trong chiếc rương đó - ông gửi Kathleen đến thị trấn New York nhưng Ginger lái xe tải đi theo, cha lại đưa chị về, nhưng đã quá trễ, chị đã qua đời vì hai đứa trẻ song sinh - các cháu có biết Ông Ginger không, Ông Ginger, Ông Ginger, các cháu có biết Ông Ginger không, ông ta sống ở Đường Ginger. Amen Lily và Ambrose.

“Về nhé Ginger yêu”, Teresa nói vọng ra từ cửa bếp, “lái xe cẩn thận nhé.”

Teresa rửa ly và Frances nhẹ nhàng đi xuống hầm. Phần nào câu chuyện cô kể là thật. Và có phần thì thật vừa đủ. Frances sẽ

tìm ra nơi anh ta sống và sẽ tự mua cho mình một thùng bia gừng.

Cô bò lên đồng than và nhảy ra ngoài, hòa vào ánh nắng chói chang.

Ginger nhìn thấy một cô gái nhỏ đi trên Đường Biển giữa New Waterford và Sydney. Cô bé đi lang thang trên mép đường ngó nghiêng khắp hướng trừ hướng nó đang đi. Sao cô bé lại được phép đi lang thang trên xa lộ một mình như thế thay vì ngồi trong lớp học chứ? Cha cô là ai? Mẹ cô đâu? Lạ ở chỗ lúc nào cô bé cũng mặc bộ đồng phục Thanh Nữ Anh trong khi trông con bé chỉ ở tuổi Chim Non chứ chưa đủ lớn để là một thành viên Thanh Nữ Anh.

Lần thứ ba Ginger đi qua, họ cùng đi về một hướng và anh chạy chậm lại một tí, nghĩ về việc cho cô bé đi nhờ một đoạn, nhưng lại quyết định không làm vậy vì sợ sẽ làm cô hoảng hốt. Tuy nhiên, cô ngẩng đầu lên nhìn chiếc xe tải chạy phía trước, và anh thấy mặt cô bé qua kính chiếu hậu. Nó làm anh thấy đau lòng quá đỗi. Ai lại có thể để cô con gái nhỏ của mình một mình tha thẩn trên Đường Shore hết ngày này qua ngày khác vậy chứ? Anh sẽ không làm thế đâu. Anh có ba cô con gái: hai đứa tuổi Chim Non và một đứa tuổi Thanh Nữ.

Anh rùng mình và lái xe đi. Anh liếc nhìn chiếc huân chương Thánh Christopher đang đung đưa trên kính hậu. Ginger chưa bao giờ gặp tai nạn khi lái xe, anh là một tài xế giỏi, nhưng gần đây anh lại thấy đường đi thật kỳ quặc. Trước đây tự nhiên mà anh nhìn vào con đường và lái xe một cách thả nhiên như chớp mắt, như hít thở, nhưng giờ giống như anh thấy con đường tách rời từng mảng khi bánh xe anh lăn qua. Hai bên đường, mỗi hòn

đá, mỗi cái cây đứng tách biệt, và anh đã mất luôn thói quen mong chờ thấy con đường trải rộng ra quanh khúc cua. Lái xe là cuộc sống của anh - anh không thể để mình hoảng sợ được.

Ginger bắt đầu thấy bất ổn kể từ chuyến đi cuối cùng đến New York. Chưa bao giờ anh thực sự thoải mái, hay thực sự tỉnh táo kể từ lúc đó. Cứ như có một cánh cửa sổ mở toang trong đầu anh, để mặc cho gió lùa vào. Anh không thể với ra để đóng nó lại được. Nhưng anh lại có thể nhìn ra ngoài cửa, dù rằng tất cả những gì anh thấy là sương mù dày đặc. Nó tràn vào đầu óc anh, vây kín sự thoải mái và khiến cho anh run rẩy. Tuy vậy, anh vẫn cứ nhìn mãi. Bởi vì ở đâu đó trong sương mù, anh cảm nhận được có thứ gì đó đang nhìn lại anh.

Vợ anh, Adelaide, biết rằng có gì đó không ổn nhưng làm sao Ginger có thể giải thích cho vợ điều mà chính bản thân anh cũng không rõ? Anh nghe loáng thoáng tiếng nhạc từ New York. Điều đó nghe thật điên rồ, anh biết vậy, nên ít nhất anh đã giữ kín điều đó cho riêng mình. Âm nhạc có thể mê hoặc người ta không nhỉ? Có. Mọi người đều biết vậy. Và họ sẽ cười nhạo anh nếu anh nói ra điều đó.

Khi đó anh ở trong một hộp đêm ở Harlem. Anh có khá nhiều thời gian rảnh trong lúc chờ đợi chờ một kiện áo váy về cửa hàng tạp hóa Mahmoud trên đường Pitt. Bất cứ lúc nào Ginger ở một nơi có đầy người da đen, anh lại thấy như trút khỏi gánh nặng mà anh chỉ nhận ra khi nó không còn đè nặng lên anh nữa. Anh đi lên đại lộ Lenox lòng nhẹ nhõm. Ở Harlem này Ginger thấy thật hạnh phúc nhưng không kém phần cô độc. Ở nhà và xa nhà trong cùng một lúc. Anh vào một hộp đêm trên đường số 135, là một nơi đón chào người da đen cả ở hàng ghế khán giả chứ không chỉ

trên sân khấu. Một bộ ba đang biểu diễn thứ âm nhạc yên tĩnh cho một đám đông yên tĩnh. Khung cảnh chung cực kỳ không bình thường. Không có trò vui trên sàn diễn, không có tiếng kèn hay tiếng hi-de-ho. Chỉ có piano, ca sĩ hát tông trầm và sáo. Ginger đứng yên lắng nghe.

Người chơi piano là người chơi chính của nhóm. Một người đàn ông gầy nhom với những ngón tay đẹp và cổ tay điêu luyện. Thật tốt là anh ta đã chọn chơi giữa dàn nhạc. Chương trình này không dành cho tất cả mọi người và người nghệ sĩ piano kia đã không mặc một bộ trang phục mới từ rất lâu rồi. Cái quần mơn chỉ, cái áo hở ra để lộ một cần cổ dài đẹp đẽ. Cái mũ phớt màu xám đậm chéch xuống, và quanh chân nón là dải lụa màu xanh lục bảo.

Ba phút hay ba giờ sau gì đó, Ginger nhận ra bài hát đó là “Honeysuckle Rose”, nhưng vẫn chưa thể phân biệt được tay trái với tay phải khi cầm ly bia của mình lên. Điều kì lạ là khi nghe nhạc Ginger cảm thấy thật thân thuộc, đầm ấm. Nếu như bài hát này là để hát tập thể thì chỉ mình anh ta cũng đã hát quá hay rồi.

Đương nhiên anh ta không hề tuyên bố là mình am hiểu âm nhạc hay gì cả. Nhưng khi người nghệ sĩ kia lướt tay trên phím đàn chơi giai điệu giữa các vì sao tiếp theo, Ginger đã phải dừng lại và lắng nghe.

Vào đêm lái xe về lại Cape Breton anh mới nhận ra có vết nứt đang xuất hiện trong đầu, và đến hai lần anh phải tự nhắc mình ngừng xe khi hết đường đi: một lần vì đã đến lúc xuống phà, và lần thứ hai là vì đã đến nhà anh. Anh ôm Adelaide chặt như thể cô là thức ăn cứng đầu tiên anh được ăn sau nhiều tuần.

Tuy nhiên, anh vẫn chưa thể rũ bỏ sự lo lắng, và những hình ảnh như cô gái Thanh Nữ Anh nhỏ bé đi lạc đang làm anh phiền muộn thậm chí còn nhiều hơn bình thường. Lần thứ ba nhìn thấy cô bé, Ginger định kể cho Adelaide nghe, nhưng anh quên khuấy đi và vào ngay đêm hôm đó anh đã mơ thấy cô. Anh thấy gương mặt trắng gầy guộc đến gần trong kính hậu - đôi mắt xanh nâu nghiêm nghị, một vết tàn nhang trên mũi. Gương mặt đó giống một đứa trẻ, nhưng lại già dặn một cách vô cùng khó hiểu. Đó là gương mặt buồn nhất anh từng thấy. Ginger bật dậy dù rằng đó không phải một cơn ác mộng. Lần đầu tiên anh có ý nghĩ cô bé Thanh Nữ Anh là một con ma. Cô đang nói gì với anh qua ánh mắt đó? “Tôi đã chết như vậy nè... Hãy cầu nguyện cho tôi.” Ginger vuốt mặt - nó ướt nhưng toàn thân anh lại không nên đó chắc chắn không phải mồ hôi trộm. Lạ quá. Anh sang kiểm tra những đứa con đang say ngủ của mình. Khi quay trở lại giường anh nhìn ngắm người vợ với mái tóc nhuộm đã phai màu của mình đang ngủ trong tư thế sẵn sàng đánh nhau. Cảm ơn Chúa vì Adelaide.

Ginger dự định bữa trưa ngày hôm sau sẽ kể cho chị gái Teresa nghe về cô bé Thanh Nữ và về giấc mơ của anh khi anh mang bia gừng đến thết đãi Mahmoud, nhưng anh lại quên mất.

Jameel liếc nhìn Frances. “Chi vậy?”

“Cứ cho tôi biết đi.”

Frances đã đánh thức ông vào giữa trưa, da ông ta vàng như mặt trời.

“Tại sao?”

“Vì nếu ông không nói thì tôi sẽ đốt trụ căn nhà khốn kiếp này

của ông.”

Jameel nhổ toẹt chất nicotine còn vương lại của tối qua. “Cô nên cẩn thận, tôi chỉ nói vậy thôi, vợ của Leo Taylor xấu tính lắm đó.”

“Tôi không quan tâm đến vợ anh ta.”

“Hắn sống trong một căn nhà màu tím trên đường Tupper.”

Frances quay người đi; Jameel lắc đầu cảnh báo, “Đừng có mà khóc với tôi nghe chưa.”

Nhưng cô không đếm xỉa đến ông ta.

Ginger giật bắn người khi anh rời mắt khỏi vỏ sò trong tay đưa con nhỏ nhất của mình và nhìn thấy cô gái Thanh Nữ Anh đang đứng trong sân sau nhìn chăm chăm vào anh. Cô ta là ma. Cô ta muốn gì chứ?

“Cho tôi một ít bia gừng được không?”

Adelaide đi ra cửa sau. “Cô muốn gì?”

Frances nhìn cô. Mái tóc hung đỏ của người phụ nữ cho Frances thấy khả năng nhìn thấu tâm can người khác. Tốt nhất không nên trả lời.

Adelaide không rời mắt khỏi Frances. “Ginger à, nó là ai vậy?”

“Anh không biết, em yêu.” Nói rồi anh ta quay sang Frances, “Cô tên gì, cô bé?” Frances bỏ đi. Đứa trẻ đi theo cô nhưng Ginger đã bế nó lên.

Adelaide và Ginger nhìn Frances đi ra khỏi con hẻm, sau đó Adelaide nói, “Nó không phải một cô bé.” Và đi vào nhà.

Muối

Thứ đầu tiên Mahmoud chú ý là một trong những chiếc lược

bạc đã biến mất. Điều đó dẫn ông đến chỗ chiếc hộp đựng nữ trang bằng gỗ hồng sắc. Ông mở nó ra. Một cái cây kim loại trơ trụi bật thẳng lên và xoay theo giai điệu bài “Điệu Valse Kỷ Niệm”. Chiếc hộp chẳng còn gì ngoài chuỗi ngọc trai. Lắc đầu bàng hoàng, ông chụp lấy những hạt ngọc - chúng trượt ra khỏi sợi dây chắc chắn và văng tung tóe trên sàn nhà.

“Teresa!” Ông gào lên.

Cô lên ngay lập tức, chùi hai tay, những hạt burghul màu trắng bám chặt hai tay cô - cô đang nấu món kibbeh - và khoảnh khắc sau đó cô vẫn còn may là ông vẫn chưa gọi cảnh sát: “Cuốn gói đi đi.”

Mahmoud liên lạc với con gái út của ông và cô lập danh sách những người thay thế từ những người phụ nữ trong họ. Dù người trong gia đình rất nhiệt tình chu đáo, nhưng dọn dẹp chăm sóc một ông già cả ngày lại là chuyện khác. Họ sẽ phải trả lương cho những người bà con này bởi đại gia đình Mahmoud thành công đến nỗi không có người phụ nữ nào rảnh rỗi, loanh quanh làm việc không công cả.

Cả hàng người gồm những cô gái Ai-len và những cô gái da màu và những cô gái quê diễu qua trước mặt ông nhưng dường như Mahmoud không thể chọn được một Teresa mới, thành ra chỉ còn Camille có thể thế vào chỗ trống đó. Cô bây giờ thực sự rất giống một góa phụ.

Điều làm Mahmoud tức giận chính là đã để mình bị ảo tưởng vì quá tin vào Teresa - nghĩ rằng cô ta khác. Đó là lúc con rắn độc tấn công. Lẽ ra ông không bao giờ được quên màu da của cô ta. Họ có thể là những người tử tế, tốt bụng nhất thế gian, nhưng

cũng như trẻ con, họ không nên được giao quá nhiều trọng trách. Theo cách đó thì họ là loại phụ nữ thậm chí còn tệ hơn đàn ông nữa - điều này nhắc ta nhớ, không biết liệu người em trai của cô ta có móc nối với chị hẳn không nữa.

Ở tuổi Mahmoud lúc này thì việc giảng giải từng chuyện nhỏ nhặt cho những người họ hàng nữ mà nhiệm vụ chăm sóc ông là chuyện khó chịu vô cùng. Họ đều đã cố hết sức nhưng thực tế đáng nguyên rủa ở đây chính là không ai có thể hiểu ông bằng Teresa. Và - đây mới là điều kinh khủng nhất - không ai có thể nấu món Li Bãng tuyệt như cô ấy. Hơn cả vợ của ông, Xin Chúa phù hộ cho linh hồn bà ấy, và Xin Chúa tha thứ cho con. Teresa dường như đọc được ý nghĩ của ông. Cô làm mọi thứ thật dễ dàng. Và Mahmoud biết rằng, khi đến lúc thích hợp, ông có thể đã chấp nhận sự chăm sóc nhiệt tình của cô mà không mảy may màng đến phẩm giá của mình nữa. Giờ cô ta là một phụ nữ tốt. Và giá cô ta là bao nhiêu? Hơn cả hồng ngọc. Quý tha ma bắt. Đổi lại chỉ là vài món nữ trang rẻ tiền thì làm được gì chứ? Ông đã sẵn sàng cho cô ta tất cả của cải nữ trang và - ta đang nghĩ gì vậy chứ? Ta đúng là một ông già ngu ngốc. Và ta được gì chứ? Một cái mộng nếu ta không cẩn thận. Ta cần con gái mình trong lúc như thế này, máu mủ ruột rà của ta, chuyện này đã minh chứng cho điều đó.

Mahmoud đau lòng khi thấy rằng những vụ trộm vẫn tiếp diễn sau khi Teresa đã ra đi. Chúng xuất hiện trở lại theo sau sự săn sóc ngày càng thường xuyên của Camille con gái ông.

Mahmoud tự trách mình. Nếu ở Old Country thì ông sẽ không bao giờ gả con gái mình cho Jameel, bởi vì ở đó sự khác biệt chủ yếu giữa hai gia đình sẽ rất rõ ràng.

Nhà Jameel là người Ả Rập. Còn nhà Mahmoud ta thật ra là mang gốc Địa Trung Hải nhiều hơn. Gần cái gốc người Châu Âu hơn. Những sự phân biệt như vậy thường dễ bị mờ nhạt đi ở nước mới, nơi bạn mở rộng vòng tay với người anh em từ quê nhà nói cùng một ngôn ngữ đẹp đẽ với mình. Thứ ngôn ngữ hài hước một cách quyến rũ có cả đất và nước trong đó. Thật nhẹ nhõm biết bao khi được ngồi xuống ăn cơm hay chơi bài cùng ai đó, một Jameel chẳng hạn, mà cùng nói tiếng giống ta. Thật là một sự giải thoát khỏi thứ tiếng Anh lạnh lùng đó, thứ tiếng không khác gì việc ngâm giọng mình trong nước đá khi nói. Và rốt cuộc thì, bạn cũng chỉ là “những người Syria da đen” trong mắt người enklese. Chỉ khi đã quá muộn màng Mahmoud mới nhận ra rằng những tiêu chuẩn Old Country của ông đã bị bào mòn đến mức ông đã gả đưa con gái xinh đẹp nhất của mình cho một tên Ả Rập bán văn minh dơ bẩn. Thật tội cho Camille, một đứa con gái ngoan chỉ sinh toàn con trai, và sinh tận năm đứa - thật lãng phí. Và ông đã mất Teresa.

Mahmoud ngồi cạnh giường ngủ của mình, để mặc nước mắt tuôn rơi. Ông đã lên tận đây để khỏi phải gặp một đứa cháu gái làm việc cầu thả. Ông ngồi trên chiếc ghế được bọc vải cùng loại với tấm trải giường - theo thị hiếu của Giselle, theo kiểu nhà quê ở Pháp, Xin Chúa phù hộ linh hồn bà ấy - và mắt ông hạ xuống bản sao chép của tác phẩm Đôi tay cầu nguyện của Dürer được khắc trên gỗ dái ngựa treo trên tường. Vợ ta đã mua nó. Một cơn rùng mình xa xăm dành cho Giselle lại khiến nước mắt trào dâng bởi vì đó là bàn tay của Teresa.

Cứ khóc đi, khóc cho hết một lần. Rồi hãy quỳ xuống và tạ ơn Chúa vì con gái

Camille của ông đã bị thằng chồng vô dụng của nó đầu độc để trở thành một kẻ trộm vặt, và vì ông đã đuổi việc Teresa vì tội của Camille. Hãy tạ ơn Chúa, vì ông biết rằng nếu không thế thì ông đã sớm cầu hôn Teresa.

Mahmoud trượt khỏi ghế và quỳ phịch xuống sàn nhà. Chắc chắn là Chúa đã can thiệp vào khi những hạt ngọc trai biến mất, vì nếu tự Mahmoud nghĩ thì ông đã không bao giờ tin được rằng tên trộm lại có thể là một phụ nữ mà ông đã giao phó tiền bạc trong nhà trong suốt mười lăm năm qua. Chính Chúa đã khiến những lời đó thốt ra từ miệng ông. Tạ ơn Chúa. Uyên thâm vô cùng, nhân từ vô cùng, con không xứng đáng với điều đó.

Mahmoud quỳ gối và úp mặt vào hai bàn tay cầu nguyện của mình mà khóc. Dưới gầm giường, Frances lắng nghe với sự thích thú.

Teresa cũng đang khóc, nhưng là khóc vì tức giận. Cô ngồi trên chiếc ghế tình nhân của nhà mình bên dưới bức ảnh Bridgetown vẽ tay và tự hỏi sẽ làm gì sắp tới. Tệ hơn việc mất việc làm là việc thanh danh của cô bị hủy hoại. Và giá của nó là gì chứ? Bị buộc tội oan. Và là vì điều gì đó ẩn sâu bên dưới cô và cái xuất xứ của cô. Sao ông ta dám chứ? Ông già đáng ghét. Cũng chỉ như những người khác thôi, thậm chí còn tệ hơn nữa. Tên Syria độc ác, ti tiện, bẩn thỉu - ôi Chúa kính yêu, con đang cố gắng nhưng Người lại làm mọi chuyện khó khăn thêm. Làm sao có thể vừa sống vừa tha thứ cho được chứ?

Sự việc luôn kết thúc theo cách này: người không da màu không thể chịu đựng được khi một người da màu quá giỏi việc gì đó. Teresa tự trách bản thân đã quá tin rằng Mahmoud không thể

thiếu cô được. Sự kiêu hãnh dâng lên cao trước khi rơi tòm xuống đáy. Cô đã làm cho ông ta mọi thứ. Cô nhớ tất cả tên và tất cả ngày sinh nhật của mọi đứa cháu của ông, và mua tặng hàng đồng món quà dưới tên ông. Cô nhớ người con trai nào thích món gì và nấu đúng món đó khi họ đến nhà ăn tối. Cô biết khi nào nên vá một chiếc vớ và khi nào thì nên quăng nó đi, cô biết chỗ ông để cái kẹp cà vạt kim cương và cặp mắt kính đọc sách của mình, cô gửi tiền của ông vào ngân hàng, chi trả các hóa đơn và làm mềm vết chai ở chân ông. Nếu cô không làm công việc của mình quá tốt như vậy thì Mahmoud đã không bực bội với cô và sa thải cô với lời bịa đặt ác ý. Ông ta sẽ làm vậy. Ông ta đã đuổi việc cô vì lười biếng “giống như tất cả bọn người như cô”. Dù thế nào thì chuyện cũng sẽ kết thúc y như vậy, để cho bạn phải liếm muối và cầu xin Đức Chúa Giêsu giúp xóa đi lòng thù hận.

Hector đưa tay ra lau đi giọt nước mắt vương trên má cô, việc này làm cô òa khóc lần nữa. Họ cưới nhau đã mười ba năm rồi. Suốt cả ngày Hector chỉ ngồi yên dưới tấm mền đợi cô về. Tạ ơn Chúa về Ginger, Adelaide và những đứa con của họ, tạ ơn Chúa về những người hàng xóm tốt bụng, nếu không có họ chắc Hector đã chết vì cô đơn từ lâu rồi.

Hector đã không bị đuổi việc, chưa từng bị buộc tội oan và, không giống như Ginger, anh không bao giờ phải kiếm sống bằng những cách thức bất hợp pháp. Hector đã có một công việc tốt tại một nhà máy thép. Anh và Teresa lấy nhau được mười bốn tháng thì một thanh xà lỏng lẻo rơi xuống trúng đầu anh. Giờ anh chỉ đi được vài bước nếu có người vịn tay, nhưng hầu hết là anh được đẩy đi bằng xe lăn.

Hector và Teresa đã hoãn lại việc có con vì lúc đó anh sắp trở

thành một bộ trưởng và họ sắp chuyển đến New York, có những đứa con quốc tịch Mỹ và một cuộc sống tốt đẹp hơn. Teresa vỗ nhẹ tay Hector, rồi đi lấy một cái tả mới cho anh trong cái tủ bằng vải lanh. Đã từ lâu cô không còn nghĩ đến chuyện những đứa con của họ sẽ trông như thế nào.

Jameel xông vào phòng ngủ của Boutros ở tầng hai và nói, “Bảo Leo Taylor tối nay đến đây và mang theo một thùng bia gừng.”

Boutros đang đứng cạnh cánh cửa sổ đang mở quay người lại đáp, “Con sẽ tự đi lấy, cha.”

“Câm miệng lại và làm điều tao nói đi.”

“Tại sao chứ?”

Jameel bước đến và nện một cái rồ đau vào sau đầu Boutros, “Tại như vậy đây.”

“Ui da.”

Jameel cười và giải thích, “Em họ của mày muốn hấn, nhóc ạ.”

Boutros không nói gì. Jameel lắc đầu, Chúa ơi, tôi phải giải thích mọi thứ thật cặn kẽ cho đứa trẻ này, y như mẹ nó vậy - Nữ hoàng nhà chúa, Frances chết tiệt đó, nhóc ạ, nó thích tên da đen đó.”

Boutros run rẩy. Nhưng với một người đồ sộ như Boutros, thật khó mà nhận ra điều đó. Nó mười chín tuổi. Nó sắp hết kiểm chế nổi ý định dùng dây nịt quật vào bố nó nữa rồi. Jameel cười nhạo Boutros, hai tay ôm lấy mặt nó, ép chặt hai má nó và tát yêu nó, “Làm như bố nói đi, mau lên.”

Jameel ra khỏi phòng và Boutros quay trở lại bên cánh cửa sổ mở toang. Nó cầm một cái thùng dầu cũ kỹ để trên gờ cửa và tưới

cho xong những cây cúc vạn thọ và dã yên thảo của mình.

Cái tên Boutros có nghĩa là Peter. Và Peter có nghĩa là tảng đá. Và trên tảng đá này, Jameel đã dựng nên bình rượu của mình. Làm con trai đầu là vận rủi của Boutros. Nó có đến bốn đứa em trai. Hầu hết bọn chúng đều giống y như Jameel và vì vậy rất thích hợp để làm con đầu, ngoại trừ đứa giữa rõ ràng đang có ý định trở thành một linh mục. Boutros mơ ước có thể dành dụm đủ tiền để mua một nông trại; cưới được chị họ Frances và đưa cô và mẹ nó, Camille, về một miền quê, nơi họ sẽ sống thật hạnh phúc. Họ sẽ có thật nhiều con và nó sẽ yêu tất cả bọn họ, nhưng đặc biệt nó sẽ yêu vợ nó, và làm cho những năm tháng cuối đời của mẹ nó trở thành thời gian hạnh phúc nhất. Về bề ngoài Frances chỉ là một con diêm say xỉn ăn mặc lòe loẹt, nhưng Boutros thấu hiểu được điều đó vì nó yêu cô và dự định sẽ cứu lấy cô một ngày thật gần.

“Cha muốn ông tối nay đến và mang theo một thùng bia gừng.”

Ginger ngược lên nhìn Boutros đang đứng choán hết cả cánh cửa. Adelaide nói vọng ra từ trong bếp, “Tự lấy đi, anh bạn.”

“Cha muốn ông đến.”

“Được rồi Addy, anh sẽ về ngay thôi.” Ginger đi lấy áo khoác.

“Không phải bây giờ,” Boutros nói, “sau nửa đêm hãy đến.”

“Chi vậy?” Adelaide thắc mắc.

“Tôi không biết, bà Taylor, cha tôi nói vậy.”

“Em sẽ bắt ông ta trả tiền,” Adelaide nói và chế thêm nước sôi vào tách Teresa Adelaide đang làm bánh nhân thịt băm và đề nghị hãy lấy thùng đập lão già Mahmoud một trận.

Ginger nói với Boutros, “Nói với ông ấy ta sẽ đến.” Nhưng Boutros không đi ngay. Nó đứng đó nhìn xuống Ginger một lát. Cuối cùng nó quay đi không nói một lời.

“Hai người có thấy không?” Ginger hỏi những người phụ nữ trong lúc quay lại bàn ăn. “Trố mắt nhìn tôi cứ như tôi là ma vậy?”

“Cái nhà đó đúng là điên rồ,” Adelaide nói, không chỉ nghĩ đến ông già tham lam đã đuổi việc Teresa mà còn nghĩ đến Camille xấu xa - đã sống cả hai mươi năm ở vùng Coke Oven này nhưng cô ta chưa bao giờ chào hỏi bất cứ một ai. Rồi cả nhánh của nhà đó ở New Waterford nữa. Thật tệ khi Ginger phải dính líu đến bất cứ ai trong mấy người đó.

“Xin Chúa bao dung với họ,” Teresa vòng hai tay quanh tách trà và nói.

“Bao dung cái chân của em này,” Adelaide đáp, “lại đây cưng.” Adelaide đặt một đĩa bánh Muffin Nellie trước mặt Ginger. Anh tặng cô một nụ hôn rồi ngồi xuống và đưa cái bánh ngon nhất cho Hector, Hector nhận chiếc bánh vui cười thích thú.

Adelaide đã nấu tất cả những món Nova Scotia đơn giản nhưng ngon lành đó. Cô là người của một cộng đồng có tên là Africville ở Halifax. Cô rất tự hào về dòng máu tôi trung với Liên Minh Đế Chế Ai-len Châu Phi của mình. Tự hào vì được rửa tội ở Vịnh Badford, và không bao giờ chán kể chuyện về vụ nổ năm 1917 - tôi đã không chết là vì một lý do: để đâm vào mũi anh đấy, anh bạn - để nhảy với anh đêm nay, cưng ạ - để thấy con cái của tôi lớn lên.

Sau đó, khi vợ chồng Teresa và Hector đã về và đã cho bọn trẻ

đi ngủ, Adelaide nói mà không nhìn anh, “Đừng đến đó, Leo.”

“Anh phải đến, cưng ạ.”

“Vậy thì quay về ngay, nhớ đừng la cà ở đó.”

“Anh không muốn làm thế đâu.”

“Lại đây nào,” cô nói và nhìn anh say đắm.

Anh mỉm cười và tuân lệnh cô.

Ginger mang thùng rượu tới trước cửa nhà chứa của Jameel. Anh ghét nơi này. Anh có thể nghe thấy âm thanh phát ra từ buổi tiệc bất thường đang diễn ra bên trong. Ở ngoài này anh có thể ngửi được cả mùi say xỉn trong đó, nó y như mùi đồ ăn sống khiến người ta buồn nôn. Anh thấy thương cho vợ của Jameel.

Sau khi nghĩ thật kỹ, anh quyết định đi vòng cửa sau. Ginger không hề thích việc dùng cửa hậu tí nào, nhưng trong trường hợp này thì anh thà làm vậy còn hơn đi vào từ cửa trước và bị chú ý bởi đám đông mà hễ khi có ai đi vào lại quay ra nhìn như một con thú hung tợn - đừng quan tâm đến ả điếm có mùi trẻ con bệnh hoạn bên đàn piano. Mình nên bỏ cái nghề này cho rồi - để xem mình có thể tìm được việc gì ở nhà máy thép hay không. Nhưng Ginger biết chắc rằng anh sẽ không bao giờ tìm được việc gì ở đó hay là ở nơi khác. Cả người da trắng cũng khó mà tìm được việc.

Bụng anh thắt lại khi anh bước vào kho lạnh và nhìn thấy bộ đồng phục Thanh Nữ Anh dơ dáy vắt bừa trên những cái thùng nhỏ cùng với vớ, nón bê-rê, và cái túi nhỏ. Theo bản năng anh đợi trông thấy một cơ thể trần truồng - đây là điều thường xảy ra với những bé gái không được coi sóc, lẽ ra mình nên điều tra xem con bé là con ai, lẽ ra nên cho nó đi nhờ... Khi không thấy cô bé đâu, anh mới bình tĩnh lại một chút. Nhưng như vậy đâu có nghĩa

con bé chưa từng bị một tên say xỉn nào đó trong quán Jameel lôi ra ngoài và cưỡng hiếp. Ginger bỗng thấy tức giận - vì đang làm việc cho một kẻ như Jameel và vì đang giúp một nơi như vậy tồn tại và hoạt động trong vùng anh sinh sống, nơi hai cô con gái nhỏ của anh đang lớn lên từng ngày. Ginger đập cửa. Boutros mở cửa và nói: “Cha đang ở đằng kia.”

Ginger vác thùng chen qua đám đông, đi ngang qua cô gái điếm đang chơi đàn piano - “Jeepers creepers, where’dya got those peepers?” - và đưa mắt tìm Jameel. “Jameel, chuyện gì xảy ra với cô bé mặc bộ đồng phục Thanh Nữ Anh đó rồi?”

“Cậu nên gọi ta là ông Jameel đó chàng trai ạ.”

Ginger bỏ cái thùng xuống và túm lấy cổ áo Jameel.

“Cô bé đâu rồi, đồ độc ác?”

Ginger nhận thấy hơi đau sau cổ và thứ mà mắt anh đang nhìn là đôi giày của Boutros. Jameel cúi xuống nhìn anh và cười. “Hắn muốn mọi chuyện thật-tệ!”

Một giọt nước mát lạnh nhỏ trên trán Ginger. Anh ngẩng lên nhìn. Cô gái điếm trong bộ tóc giả màu cam đang nốc ừng ực một chai bia gừng. Anh nhìn thấy phần dưới cằm trắng ngần và cái cổ áo đầy ghét của cô.

“Cô ta ở ngay đây nè, chàng Leo,” Jameel cười khẩy, “Mời cậu thưởng thức. Phải trả bằng tiền mặt đó nhé.”

Con bé nhìn xuống Ginger với đôi mắt nâu xanh nghiêm nghị. Bọt bia vàng óng còn vương trên khóe miệng đỏ tươi dơ bẩn của cô. Anh lấy hai tay bịt mắt mình.

“Anh nghỉ việc, anh không lái xe nữa đâu,” là tất cả những gì Adelaide nghe được từ miệng anh hai mươi phút sau đó.

Anh cần phải khóc nên cô để anh khóc. “Anh đã làm việc quá sức rồi, nghỉ ngơi một chút đi nhé, được không anh?”

Anh chỉ có thể gật đầu và khóc nức nở với cô cho đến khi ngủ thiếp đi.

Adelaide ôm anh. Tính từ chuyến đi New York cuối đã được năm tuần rồi. Có gì đó không ổn.

Đến sáng, mọi chuyện cứ như một cơn ác mộng. Anh kể với Adelaide, “Jameel có một cô bé đang làm gái ở quán của hắn.” Adelaide lắng nghe. “Và điều đó làm anh liên tưởng đến những đứa trẻ nhà chúng ta và chuyện gì sẽ xảy đến nếu -”

“Em hiểu, anh yêu.” Anh ấy quá nhạy cảm rồi. “Sao hôm nay anh không nghỉ ngơi đi?”

“Anh không sao, Addy, anh ổn mà.” Nói rồi anh chui vào xe tải.

Anh lái đi và nhận ra rằng mình đã quên kể cho Adelaide điểm mấu chốt của câu chuyện - đó là đứa trẻ làm gái chính là cô bé mặc bộ đồng phục Thanh Nữ Anh đã đến nhà họ hôm nọ, và anh đã thấy nó trên đường và trong kính chiếu hậu trong giấc mơ đêm nọ. Nhưng anh đã quên. Và Adelaide đã nói gì về cô bé Thanh Nữ Anh hôm nọ nhỉ? “Nó không phải một cô bé.” Ừ rõ ràng là không phải thật, giờ thì anh đã biết.

Tối về mình sẽ kể Adelaide nghe, anh nghĩ, và rẽ vào đường Shore.

Harem Scarem

Thoạt đầu, Frances thắc mắc không biết bao giờ Teresa mới quay trở lại làm việc sau kì nghỉ lễ, hay sau bệnh hay bất cứ gì đi nữa. Nhưng chiều nay khi đang đi trên đường Shore để về New Waterford, Frances nghĩ đến một điều khủng khiếp. Lỡ Teresa bị đuổi việc thì sao? Lỡ Mahmoud gán tội ăn trộm cho cô ấy thì sao? Ông ấy chắc phải điên lắm mới làm vậy - tại sao chứ, mới hôm qua Frances còn lấy đi một cô gái chặn cừ Douulton Hoàng gia và một ngư dân Trung Hoa từ cây đàn piano, và Teresa đã nghỉ cách đó ba ngày rồi.

Ngồi trong xe tải, Ginger nhận thấy mình đang tìm kiếm cô bé Thanh Nữ Anh trên khắp đường Shore. Anh muốn nói chuyện với cô, chỉ vậy thôi, nhưng ở một nơi khác với nhà chứa. Anh muốn hỏi xem bố cô là ai, gia đình cô ở đâu nếu cô còn gia đình. Và nếu không, có thể anh và Adelaide sẽ giúp được cô.

Dù nghe thấy tiếng xe tải thảng lại ngay sau lưng mình nhưng Frances không ngoái nhìn mà vẫn đi tiếp.

“Này.”

Cô ngừng lại nhưng không quay lại.

“Này cô bé, cảm phiền.”

Cô quay lại và ngược nhìn anh đang nghiêng ra trên cửa sổ

cabin. Mình đã đoán đúng, Ginger nghĩ bụng, cao lắm là mười hai tuổi thôi. Cô đi về phía chiếc xe, leo lên bậc thang và ngồi vào ghế cạnh anh. Cô đã coi anh là một người tốt... điều này có thể hơi lâu một chút.

“Em tên gì vậy, và bố em là ai?” anh hỏi khi cho xe quay lại đường.

“Tôi là Frances Eupharasia Piper. Bố tôi là James Hiram Piper, ông ngoại tôi là Ibrahim Mahmoud. Tôi không biết tên đệm của ông ấy.”

Mắt Ginger không rời khỏi con đường. Anh bị sốc, không biết phải nói gì.

“Có thật vậy không?” anh nói, “Anh biết chị Kathleen của em.”

“Tôi biết.”

Anh liếc nhìn cô. Cô đang nhìn anh.

“Ngày trước anh là tài xế của cô ấy, em biết đấy, anh là Leo Taylor.”

“Tôi biết.”

Ginger thấy một cái cây vụt qua bên trái anh. Rồi một tảng đá. Một tảng đá khác. Anh nói những điều thật bình thường nhưng lại cảm thấy như đang nói dối mặc dù hoàn toàn không phải vậy. “Thật tiếc là cô ấy đã qua đời khi còn quá trẻ như vậy, cô ấy đẹp lắm.”

“Tôi biết, tôi đã thấy chị ấy.”

“Anh đoán là em thấy qua ảnh chụp, đúng không?”

“Tôi nhớ rất rõ về chị ấy.”

“Nhưng lúc đó em đã ra đời đâu.” Anh cười thầm, một nụ cười

giả tạo.

“Lúc đó tôi lên sáu tuổi,” cô nói. “Tôi nhớ tất cả mọi thứ.”

Ginger thẳng lại và tấp vô lề, trượt lên những viên đá cuội.

“Có chuyện gì vậy?”

“Anh nghĩ em còn rất nhỏ.”

“Anh là em trai của Teresa, hử?”

“Đúng vậy.” Anh thấy hơi chóng mặt. Đó là do lái xe, anh không thể lái tiếp được nữa.

“Tại sao cô ấy không làm ở nhà ông tôi nữa?”

“Chị ấy bị đuổi việc rồi. Ông ấy nói chị ấy ăn trộm đồ nhưng chị ấy thực sự không làm.”

“Ông ấy sẽ phải hối hận.”

Anh ngòì thẳng lên. “Nhìn em kia, bố em có biết em đang làm gì và tại sao em lại làm vậy khi mà em đang có một ngôi nhà đang hoang và cả một gia đình không?”

“Tại vì em hư.”

Anh nhìn cô bé. “Không, em đâu có hư.”

“Sao anh biết?”

Ginger lấy hơi. Mắt anh ngấn nước và anh nói, “Anh nhìn là biết ngay. Nhìn vào mắt em anh biết. Em không hư... em chỉ lạc lối thôi.”

“Em biết chính xác mình đang ở đâu.”

“Vậy đâu có nghĩa em không bị lạc chứ.”

Anh đưa tay ra ôm lấy một bên mặt con bé. Nó có đôi mắt thật thông minh. Chúng đem đến cho anh một nỗi buồn sâu thẳm đến

nỗi anh quyết định phải làm gì đó. “Anh muốn em cùng đi về nhà anh và nói chuyện với vợ anh, cô ấy tốt lắm.”

“Anh có muốn làm bạn em không?”

“Anh muốn giúp em, cưng ạ.”

“Vậy cho em đi theo mỗi khi anh chạy xe.”

“Anh không làm vậy được.”

“Anh làm cho chị em được đó thôi.”

“Anh chưa bao giờ đưa chị em đi qua gần nửa châu lục.”

“Vậy anh đưa chị ấy đi đâu?”

“Đến trường và về nhà, em nghĩ sao?”

“Bánh Gừng bé nhỏ... em cần ai đó chăm sóc em. Em đã lớn thật rồi, nhưng bên trong em vẫn chỉ là một cô bé mà thôi. Em muốn anh tìm kiếm em bởi vì em bị lạc, lạc ở một nơi tối tăm sâu thẳm, xin anh đó, xin anh, xin anh, xin anh đó, ôi anh thật là thơm.”

Anh lấy tay cô bé ra khỏi người và đẩy nó, không quá mạnh, sang bên kia ghế.

“Em muốn xuống chỗ nào?”

“Rạp Empire.”

Anh phóng về hướng New Waterford và Frances nhảy xuống khi xe đến trước rạp chiếu phim. Hôm nay chỉ có phim nói, nhưng Frances vẫn cứ mua một vé. Cô cần phải suy nghĩ. Giờ thì cô đã biết cô muốn làm gì cho Lily. Tuy nhiên, vẫn còn một mảnh ghép của công việc chưa hoàn tất.

Camille hay tưởng tượng lúc mình là một góa phụ. Cô sẽ về nhà chăm sóc cha và ông sẽ nhận ra rằng cô là đứa con gái duy

nhất thực sự yêu thương ông. Cô cảm thấy nặng nề khi mà cha ở trong ngôi nhà to lớn đó một mình kể từ khi mẹ mất, và chỉ có một người hầu gái da đen hầu hạ ông. Cô đã khóc thật nhiều về điều đó. Đó là thứ duy nhất làm cô khóc kể từ những ngày đầu lấy chồng, khi cô vẫn còn sức lực để khóc cho bản thân. Giờ thì Teresa đi rồi, Camille ở đúng trong môi trường của mình. Cô chỉ tiếc một điều là cô buộc phải về nhà mỗi tối.

Camille biết Teresa không phải ăn trộm. Những món nữ trang bị lấy cắp từ chiếc hộp gỗ hồng sắc của mẹ lại xuất hiện ở nhà chứa, trang hoàng những ngón tay, đong đưa trên tai và lấp lánh trên cần cổ gầy trơ xương của Frances. Cái đuôi bạc của một chiếc lược thò ra bên ngoài túi của Frances. Nếu Camille có thể dùng mắt để đốt Frances ra tro thì có lẽ giờ này nó đã bị thổi bay hết rồi, nhưng Camille có lý do để giữ chuyện về những món nữ trang trong im lặng.

Cô lục soát từ mái đến sàn trong nhà cha cô để tìm lỗ hổng mà con vật phá hoại đã chui vào. Bên dưới tầng hầm, cô thoáng thấy tia sáng tội lỗi giăng hình một cái bẫy đung đưa trên đỉnh ụ than. Cô đóng một tấm ván che chỗ đó lại rồi leo lên cầu thang để ra phòng khách và gọi cho cửa hàng phần cứng.

Frances kiên nhẫn đứng trong tủ đợi, đến khi Camille cúp máy và đi vào bếp, cô liền nhẹ nhàng nhảy lên cầu thang hai bậc một vào căn phòng ngủ lớn nhất, nơi cô chuẩn bị cho màn trình diễn tối nay. Buổi diễn cuối cùng của cô trên sân khấu này.

Camille đã lấp lỗ chuột lại nhưng không hé một lời về con chuột. Nếu cha phát hiện ra kẻ trộm không phải là Teresa, ông sẽ thuê cô ta vào làm trở lại và trả cô về với chồng cô.

Mahmoud vẫn ngồi ở cửa hàng cả ngày như thường lệ. Ông ngồi ngoài tiệm, khắc bánh xà phòng và chơi cờ vây với mấy ông bạn già trong khi con trai ông lo liệu mọi việc. Họ đã mở rộng kinh doanh và giờ họ là một công ty xuất nhập khẩu về hàng hải lớn với một kho hàng lớn ở Sydney và trụ sở đặt tại Halifax. Vận tải hàng hóa biển là mục tiêu kế tiếp. Mahmoud không bao giờ chơi chứng khoán hay mua hàng tín dụng, và công ty đã trả hết nợ. Nền kinh tế thế giới bị suy thoái, nhưng kinh tế gia đình thì vẫn mở rộng. Những người con trai của Mahmoud đề cao bố mình bằng cách làm ông cảm thấy ông vẫn là chủ, cho nên vẫn nói “Chắc rồi cha, bất cứ điều gì cha nói,” trước khi tiếp tục làm việc đó theo ý họ.

Mahmoud đã trải qua một ngày tạm chấp nhận được với việc cầu nhàu mấy đứa cháu nội và nhìn ngắm xe cộ qua lại. Ai cũng biết ông, và ai cũng tôn trọng ông. Ông mặc một cái áo kẻ sọc, một áo khoác xám pha xanh và thắt cà vạt y như lúc ông vẫn còn làm việc. Hôm nay là thứ Tư, nên trên đường về ông mong được ăn món koosa nhồi của Teresa. Gần đây ông hay quên như vậy. Sẽ không là quá tệ nếu ông nhớ lại trước khi mở cửa bước vào nhà, vì khi đó ông có thể chuẩn bị sẵn sàng cho sự vắng mặt của Teresa. Nhưng nếu ông đi thẳng luôn vào bếp, băng qua lò nướng để ném thử món ăn được đây cẩn thận - “Teresa!” Ông kêu lên bàng hoàng vì không thể tin được cô ta đã hủy hoại món đặc sản của mình với muối rồi quay người và chỉ thấy Camille đứng ở đầu cầu thang dẫn xuống hầm.

“Chuyện gì vậy, Cha?”

“Không có gì.”

Ông không trách Camille. Đến người đầu bếp giỏi nhất nhà này còn không thể nấu được như Teresa thì huống hồ chi một đầu bếp tồi như Camille. Một sự ảnh hưởng khác từ cuộc hôn nhân sai lầm của cô - một phụ nữ không hạnh phúc

trong hôn nhân cần phải là một đầu bếp tồi - và do đó lỗi này lại thuộc về chính ông, theo như ông biết. Vì lỗi của ông mà Camille trở thành kẻ trộm. Ồ, mà tại sao con bé lại không nên có những món đồ đẹp đẽ của mẹ nó chứ? Những thứ khác nó cũng hầu như không có, kể cả tài năng ẩm thực. Ông tha thứ cho cô.

“Cha đói chưa Cha?”

Ông làm bầm và lê bước đi. Ông không muốn nhìn thấy nụ cười nhạt thếch của cô, cô làm ông thấy mệt mỏi. Ông sẽ chỉ chớp mắt một tí trước khi cố ăn cho qua một bữa tối mà như mọi khi, sẽ có vị không khác gì Biển Chết. Ông tha thứ cho cô bởi vì ông không yêu cô.

Ông tự an ủi mình bằng cách nghĩ về những đứa con gái khác mà ông yêu thương - xin Chúa phù hộ cho đứa con gái có con đã lớn của con sớm trở thành góa phụ và xin giải thoát cho con khỏi Camille, xin Chúa tha tội con không có ý đó.

Sau bữa tối, Mahmoud uống một ly nước thật to và ngủ thiếp đi trên ghế sa-tanh màu hoa cà trong phòng khách. Không gì có thể giúp ông hết khát và hết mệt mỏi trong những ngày qua. Ông nghĩ nhiều về Giselle, không phải theo cách bình thường như một người thân yêu đã xa, mà cứ như bà ấy mới bước ra khỏi căn phòng. Và lần đầu tiên trong suốt ba mươi hai năm qua, ông thừa nhận ký ức về Materia. Cô xuất hiện với hai bím tóc đen nhánh và nụ cười tinh quái. Ông không nhận thấy môi mình đang nở nụ

cười - la hown, ya Helwi. Cô trông giống mẹ cô và nó xuất hiện ở độ tuổi gần bằng tuổi của Giselle khi ông cưới bà, nhưng điều đó khác, ồ, rất khác. Lúc đó là ở Old Country nơi mà họ có chung với nhau mọi thứ.

Vùng Old Country là một bộ phận của Syria lúc đó và mọi người đang di cư sang Hoa Kỳ. Ông và Giselle phải ngừng lại ở Cape Breton do một tên thuyền trưởng dối trá chó chết đã lấy hết tiền bạc của họ rồi bỏ họ lại vùng núi cần cỗi này. Nhiều ngày chăm chú nhìn về phía chân trời mong được trông thấy đất liền và cuối cùng - đất liền! Mong đợi để thấy tượng Nữ Thần Tự Do hiện lên, được cập bến tại Đảo Ellis trước khi đi phà qua hòn đảo Mahattan tươi đẹp. Họ thả neo ở Sydney và tay thuyền trưởng tống họ xuống thuyền - “Có gì khác đâu, ở đây cũng là đảo, không phải sao?”

Bố của Jameel cũng đi trên con tàu đó. Mahmoud đã không tài nào biết được bố của Jameel đang trốn nợ ở Syria, bởi ông ta nói mình cũng đang chạy trốn bọn Thổ Nhĩ Kỳ và bọn Druse như những người khác. Và khi được hỏi về mình,

Mahmoud trả lời, “trốn bọn Hồi Giáo độc ác chết tiệt.” Nhưng trên thực tế, ông và Giselle bỏ trốn vì gia đình bà ấy có ý bắt giữ ông và giam bà ấy vào một nữ tu viện. Nhưng việc đó không giống trường hợp Matera và tên khốn enklese - khác ở chỗ, ông và Giselle đều cùng chủng tộc, văn hóa, ngôn ngữ và tín ngưỡng. Mặc dù gia đình Giselle không nhìn nhận sự việc theo cách đó. Họ là bác sĩ và luật sư, nói tiếng Pháp nhiều hơn tiếng Ả Rập, tự cho mình có dòng máu vùng Địa Trung Hải nhiều hơn, thậm chí là dòng máu Châu Âu. Họ là người Beirut, ở miền Tây Li-Băng, trong khi ông là người Ả Rập đến từ miền Nam. Ông đã quay về

Li-Băng, quê hương của ông, trải qua thời niên thiếu với việc nhặt bông gòn ở Ai Cập. Đừng nói với tôi làm việc để làm gì.

Ông đưa Giselle đến một nơi tốt hơn bên kia đại dương và cho bà mọi thứ gia đình bà có thể cho và còn nhiều hơn thế nữa. Ngay khi có thể, ông không để bà đi làm nữa, dù ban đầu vì là một phụ nữ tốt nên bà đã nằng nặc từ chối. Ông tôn trọng bà, không bao giờ động chạm tay chân khi tức giận - chưa bao giờ ông phải làm vậy. Ông tặng cho bà một căn nhà xinh đẹp, những người hầu và những món nữ trang vào mỗi dịp kỷ niệm. Một bộ áo ngủ bằng lụa từ Beirut để bù đắp cho việc chưa bao giờ bà được mặc váy cưới; ba lớp vải màu xanh Địa Trung Hải và một tấm khăn che mặt viền ngọc trai thật. Đương nhiên tấm khăn thực ra chỉ là để cho vui, một trò đùa lãng mạn. Nhìn bà trong bộ đồ này thực sự thú vị không thể tưởng.

Giá như cái gia đình kiêu căng, ngạo mạn của bà thấy được những gì Mahmoud đã làm được ở New York.

“Cha?...Cha?”

Ông tỉnh dậy hơi nhăn nhó một tí và nhìn thấy Camille. Cô mặc áo khoác và căn phòng tối đen như mực.

“Con về nhà đây, cha à.”

“Mẹ con đâu rồi?”

Ông nói tiếng Ả Rập, nhưng cô đáp lại bằng tiếng Anh để làm ông tỉnh táo lại,

“Tỉnh dậy đi cha, cha có muốn uống gì trước khi con đi không? Một tách trà thật ngon nhé?”

Ôi!. Gì chứ? Đã đến giờ ngủ rồi, có Ter - ? Ôi! “Không, không, không, Ta đi ngủ đây.” Camille đến đỡ ông nhưng ông vô tình đẩy

cô ra khi đứng dậy.

“Con sẽ mở đèn cho cha.”

“Không, không, về đi Camille.” Ôi, cuộc đời ông - Cuộc đời ông đã trở thành cái gì vậy?

Không có gì cho Camille làm nữa cả, cô đã lấy sẵn bộ đồ ngủ cho ông, ông không muốn bật đèn. Mahmoud đi đến chân cầu thang và vẫy nhẹ tay nói mà không quay người lại, “Cảm ơn con Camille.”

Những cô con gái khác của ông chưa bao giờ được nghe cha mình nói cảm ơn. “Cha không bao giờ nói lời cảm ơn với em.”

“Với chị cũng không, em ạ.”

“Ông không bao giờ nói gì khác với em ngoài câu “Khép chân lại.” Mahmoud cảm ơn Camille vì ông không thương cô.

Camille đứng đó nhìn ông chậm chạp leo lên cầu thang cho đến khi ông biến mất vào bóng đêm nơi đầu cầu thang. Sau đó cô đi về, dù biết rằng thật tội lỗi khi để một ông già ở một mình trong căn nhà rộng lớn đó cả đêm, dù là ông khẳng khẳng muốn vậy đi nữa. “Chỉ có mình mình quan tâm hay sao chứ?” cô tự hỏi.

Nhưng ông đâu có một mình. Còn có ai đó đang quan tâm ông đủ nhiều để làm bạn đồng hành với ông qua đêm dài cô độc.

Mahmoud thức dậy với một nụ cười vài giờ sau đó vì âm thanh của một vở hài kịch Ả Rập. Hai vợ chồng nhà nọ trách nhau vì không chung thủy. Rồi họ cùng hát một bài tình ca. Ông đã mua đĩa này và nhiều đĩa khác nữa từ Beirut. Ông và Giselle hay ngồi cạnh nhau trên sofa và không bao giờ thấy chán những trò cười giống hệt nhau. Rồi bà sẽ nhảy cho ông xem, và ông nhảy cho bà xem. Chuyện như vậy chỉ xảy ra khi bọn trẻ đã đi hết. Chỉ

thình thoảng thôi. Nhưng đó quả là những giây phút đáng quý...

Nụ cười vụt tắt trên môi khi ông chợt bàng hoàng nhận ra sự bất khả thi của thứ ông đang nghe thấy. Gì chứ, ông đã chết rồi sao? Hay nhà có trộm? Tên trộm đó đang nghe những đĩa nhạc cũ trầy xước của ông? Tại sao?

Ông khoác lên mình chiếc áo choàng nhung, thắt dây quanh eo và rón rén đi xuống lầu. Ông chết rồi. Ông hẳn phải chết rồi. Có Giselle ở đó nữa.

Phía bên kia cổng vòm, căn phòng sáng bừng trong ánh nến và ba lớp vải xanh Địa Trung Hải. Chiếc váy xoay tít, bình bông tung sang bên này rồi lại hất về bên kia, cặp móng mời gọi, những ngón tay cuộn tròn trong không khí, trên hai cánh tay giơ cao, cổ tay này đang ve vuốt cổ tay kia, những viên ngọc trai trên chiếc mạng che mặt của bà cũng chuyển động nhịp nhàng theo tiếng sáo, tiếng trống và tiếng ca ai oán của những bài tình ca.

Lòng Mahmoud ngập tràn nỗi khao khát, và tim ông lại nhói đau vì lại bị kích động lần nữa sau một thời gian quá dài sống trong trạng thái ù lì, không vận động. Bà đã thấy ông và đang ra sức quyến rũ ông vào điệu nhảy. Ông đã qua khỏi cổng vòm mà không biết mình đã đi ra được đến đó bằng cách nào. Đứng giữa vòng tròn lửa, bà cúi người về phía trước, lớp lụa xanh phập phồng trên khuôn ngực bà - đến gần nữa đi, để nhìn rõ em hơn, Haibibi. Bên trên tấm mạng che mặt, đôi mắt bà rạng ngời niềm vui và những ngón tay chuyển động nhịp nhàng trong khoảng không ngăn cách bà và người bà yêu thương, gần hơn nữa, gần nữa. “Giselle,” ông thì thầm, đưa tay với lấy bà. Bà cười khúc khích và ông cũng cười thật to, không hiểu có chuyện gì đáng cười, “Giselle,” ông khẽ nói, “Haibibi.”

Nhưng bà linh ra khỏi vòng lửa và biến mất. Ông gọi theo nhưng bà không trả lời. Ông cầm cây nến lên, vì biết rằng đi tìm một cái bóng thì nến có ích hơn đèn điện nhiều, và đi kiểm khắp tầng trệt lẫn tầng hầm. Ông quay trở lại phòng khách. Ông thổi tắt nến và mở đèn chùm lên vì ông cảm thấy được là bà đã đi rồi. Bài hát đã kết thúc, chỉ còn lại tiếng thờ dài liên tục ở chính giữa đĩa - ông gỡ kim máy hát ra và đi về phòng. Ông mở chiếc tủ làm bằng gỗ sồi của vợ ra, những bộ quần áo lộng lẫy của bà vẫn còn treo nguyên ở đó. Ở trong cùng là chiếc đầm màu xanh lơ cùng tấm mạng che mặt đang đong đưa của nó. Chắc là này giờ ông đang mơ rồi. Nhưng còn ánh nến? Cái đĩa hát? Mất trí rồi. Nếu không thì chắc có kẻ nào đó đã giả mạo. Ta không quan tâm. Ông chạm vào lớp vải lụa, nhưng không cảm nhận được liệu mình có đang cầm trên tay một công trình dài cả đời người hay không. Ông chạm vào nó nhưng không cảm nhận được nó - cũng như ông đã thấy cái không thể thấy. Ta không quan tâm em là gì, nhưng hãy quay về với ta, Xin em! Xin em! Xin em! Ôiii!!!...

Đó chính là sự rung động cuối cùng và day dứt cuối cùng của tình yêu trong ông, nó mới và nhức nhối như tuổi thanh xuân vừa quay về xuyên qua không gian và thời gian. Giờ thì ông chẳng còn gì để làm nữa ngoài việc chết đi, nhưng lúc đó còn lâu lắm mới đến bởi ông là một sinh vật sống dựa trên thói quen, và sống đã trở thành một thói quen cố hữu trong ông.

Tên Trộm Trong Đêm

Nếu Ginger có là một gã đàn ông độc ác đi nữa thì cũng chẳng vấn đề gì với Frances. Cô cũng vẫn sẽ làm như vậy. Tốt hay xấu, tất cả đều là ngẫu nhiên và tóm lại thì cái nào tồi tệ hơn nhỉ? Người ta chịu đựng sự độc ác dễ hơn, nên có lẽ sự tử tế là thứ tệ nhất. Một câu hỏi duy nhất đặt ra là, làm sao có thể khiến một người đàn ông tốt làm một việc xấu xa?

Cô ngưng uống rượu. Cô muốn tập trung trí tuệ để suy nghĩ về những điều sắp tới. Frances khi không có rượu hơi đáng sợ đối với khách hàng của mình. Không còn những lời ngọt ngào có cánh, hay những cái hôn tiếp rượu mà thay vào đó là việc lấy tiền trước và phục vụ khách hàng một cách hờ hững với chiếc bao tay luôn đi liền. Đeo đầy những món nữ trang của bà ngoại, cô chẳng màng đến việc thay bộ đồng phục Thanh Nữ dính đầy than ra, và ngồi bên đàn Piano, cô chơi nhạc của Sô-panh và đọc những lời nhạc buồn bã, thiếu não với giọng lớn nhưng ngang phè mặc cho khán giả la hét phản đối. Khi thoát y, cô chẳng còn hát hay nhảy điệu simmi nữa, cô thoát y như một người máy và gào thét bằng giọng thật nặng nề:

“IRENE NGỦ NGON. IRENE NGỦ NGON. NGỦ NGON IRENE. NGỦ NGON IRENE. TA SẼ RU EM TRONG GIẤC MƠ.”

Cô không còn thú vị nữa, nên khách hàng nhanh chóng nhìn

đi nơi khác. Khi Frances tỉnh táo, gần như cô đang khinh miệt khách hàng của mình, và nếu vậy thì thật là một sự sỉ nhục vô cùng cho họ, vì một đứa như cô thì có quyền gì chứ?

Frances muốn kiếm ba ngàn đô cho Lily trước khi giải nghệ như một diva biến mất nên cô tự tăng giá. Việc này cũng không được hoan nghênh cho lắm - vài người đàn ông cố tranh thủ tận dụng cô trong khi những người khác tỏ thái độ khinh bỉ cô ra mặt. Boutros đã đập gãy cổ tay một tên và đập nát xương má của một tên khác, nhưng Frances không quan tâm mình có bị đánh không mà chỉ lo việc mình có bị cưỡng hiếp hay không - cô không muốn có bất cứ gì cản trở kế hoạch của mình.

Ginger Taylor đã lái xe tải đi được một tuần rưỡi rồi. Căn nhà màu tím của anh luôn nằm trong tầm ngắm của Frances. Cô biết mai anh sẽ về vì cô tiếp cận đủ gần để nghe ngóng thông tin. Cô bé có động lực. Cô có cách. Cô ngắm trăng và đợi thời cơ đến.

Đêm nay Boutros lại đi theo Frances về nhà như mọi khi. Cậu từ bỏ việc đi cùng với cô vì lần nào cô cũng kêu cậu đi đâu đó. Vậy nên cậu bí mật hộ tống cô suốt đường về New Waterford và nhìn cô biến mất quanh phía sau căn nhà trên đường Water. Cậu đứng trước căn nhà chờ đợi ánh đèn hắt ra từ cánh cửa sổ chống mở trên đỉnh ngôi nhà. Tối nay khi cậu đang đợi, ánh đèn pha của một chiếc xe chạy ngang qua rọi thẳng vào hai tia sáng vàng vọt chiếu xuống từ căn gác mái - có một con quái vật trên đó, nó thu người lại và đang chờ đợi Frances! Boutros đã chạy nửa đường đến hành lang thì trông thấy ánh đèn của Frances và bóng của một đám lông đen vây quanh hai con mắt màu vàng. Cậu nhìn cô đi về phía cửa sổ, ngồi trên mép cửa và vuốt ve con mèo. Mặt cậu dịu đi. Cậu mừng vì biết rằng cô bé không chỉ có mình cậu là bạn.

Đến giờ thì Boutros vẫn chưa phát hiện ra bất cứ ai cố gắng mai phục Frances trên đường về. Nhưng nếu có thì tên đó sẽ chết chắc. Tách. Chỉ đơn giản nhẹ nhàng vậy thôi.

Ngày hôm sau khi Ginger trở về, anh đặt Giáng Sinh Tháng Tám trên bàn ăn. Những cuộn dây ren trắng và ruy băng màu cùng cả đồng vải. Một bộ sưu tập mặt trời, mặt trăng, và sao hiện trên nền màu xanh đen như khói, một súc vải chấm bi hồng trên nền đen ánh, những bông hoa mùa xuân cho con gái, vải flanen xám cho con trai. Kẹo, thơm và cả một con nai đông lạnh ở phía sau xe tải.

Adelaide rớt nước mắt khi nhìn thấy vải. Những người phụ nữ khách hàng may đồ của cô đều mua những miếng vải thật đẹp nhưng chưa có gì sắc sỡ như vậy. Cô may đầm cho hầu hết các đám cưới trắng ở Sydney. Cô dùng lụa, satin và vải bông mịn để may cho khách hàng của mình, và may đồ cho gia đình mình trong tưởng tượng. Thường thì đều có vải thừa sau khi hoàn tất một bộ quần áo, nhưng nếu những người phụ nữ đó không đòi lại vải thì Adelaide cũng mang đi cho hàng xóm vì sẽ trái với quy tắc nghề nghiệp của cô khi cho con mình mặc những bộ quần áo may từ vải còn thừa.

Cô đã từng may được những chiếc tạp dề tuyệt đẹp từ những bao tải đựng bột mì và cô... Tính đến lúc Teresa bị đuổi việc thì gia đình Mahmoud chính là khách hàng lớn nhất của Adelaide, và khi nói thêm rằng đó là những lúc tồi tệ hơn bao giờ hết thì Leo không có lý do gì để ném tiền qua cửa sổ để mua những thứ vớ vẩn này.

Madeleine, Sarah, Josephine, Cleo, Evan, Frederick và Carvery

vây quanh mở kẹo, chúng la ó, chia phần, tranh giành, còn Adelaide thì lại muốn biết, “Những thứ này là cái quái gì vậy, thưa Ngài?”

Ginger tươi cười. “Nó là một đồng những thứ chẳng có gì chẳng vì lý do gì.”

Tay cô sờ vào vải. “Anh đã làm gì vậy? Cướp ngân hàng sao? Tốt hơn là anh nên làm thế.” Họ đang dành dụm tiền bạc cho lũ trẻ ăn học, sao anh lại có thể?

Anh đánh trống lảng. “Anh thấy mình hạnh phúc quá, Addy à, anh đã phải ra ngoài và phung phí một ít tiền nếu không anh sẽ nổ tung, chính bởi vì anh yêu em. Vì em là người phụ nữ tuyệt vời nhất, em là người cứng đầu nhất, khó ưa nhất, xinh đẹp nhất và không thể tin được là anh lại có được em!” Anh nâng cô lên bằng một cú ôm xoay người thật chặt.

“Anh điên rồi, anh biết không? Anh đúng là đồ điên, và bỏ em xuống nào, anh bạn!” Bàn tay xương xẩu của cô vỗ bóp trên bờ vai mềm của anh. “Thả em xuống ngay, trước khi em đánh anh bằng cái bình!”

Và anh làm theo. “Đánh thử xem nào,” anh vừa nói vừa giả vờ đấm cô bằng tay phải, cô đáp trả bằng một cú đấm móc bằng tay trái, cô mảnh khảnh nhưng lại khá dẻo dai - đấm, đấm vào cẳng tay giơ cao và nắm đấm đang nhấp nhô, thụi một cái rõ mạnh vào bụng anh, cho đến khi cô cúi gập người lại vì nếu cười quá nhiều cô sẽ tè cả ra quần, và vì mắt cô đã nhòe đi vì nước mắt nên không thấy đường để đấm anh nữa.

“Mời hàng xóm sang cùng ăn đi,” anh bảo cô. “Anh sẽ đi gọi Trese và Hector. Evan yêu quý, nhóm một đồng lửa lớn ở sân sau

cho bố nhé.”

Evan chạy đi ngay. Nó mười hai tuổi, là đứa lớn nhất.

Nai nướng và bắp luộc, đủ cho cả xóm, và cả xóm đang tụ tập ở sân sau. Mặt trời xuống núi, lửa bốc lên cao, mặt trăng cũng lên cao. Hector ngồi dưới cái mền, mắt mở to và miệng mỉm cười, chân gõ nhịp nhàng theo tiếng đàn violon của Prince Crawley già nua. Lần đầu tiên từ khi bị đuổi việc Teresa thấy vui vẻ trở lại. Cô đã quên mất những niềm vui ngọt ngào của xã hội, của việc huyền thuyên trò chuyện với mọi người, xung quanh là những đứa trẻ, thức ăn và tiếng nhạc. Cô đã nấu món cà ri cá thích hợp để cứu sống người chết - khẳng định lại lần nữa danh hiệu đầu bếp hàng đầu khu vực Tây Ấn - và một bình kem để làm dịu đi cái nóng. Cô đi xa đến mức để mình bị Adelaide thuyết phục đứng lên hát - “Bài này dành cho em thôi đó, Addy, và chỉ lần này thôi đó.” Teresa hát bài hát mà mẹ cô, Clarisse vẫn hay hát cho cô và Ginger nghe:

“Cây mangut tinh quái, dù tinh quái nhưng con chó vẫn biết lối mày đi. Cây mangut tinh quái, tinh quái vậy nhưng con mèo đang đứng trên đường mày đi...”

Và bài hát nào có hay ho gì nếu bạn không nhảy theo nó? Teresa là một vũ công tài ba khi lũ ngựa hoang đã đặt cô trên lưng và chuyển động. Khi đã chuyển động, cô chỉ còn cảm nhận được hạnh phúc.

“Cây mangut đi vào bếp của quý bà, bắt lấy hai trong số những con gà nhanh nhất của bà, bỏ chúng vào túi áo vest của mình, Cây Mangut tinh quái...”

Đám đông cùng hòa vào cuộc vui, say mê, Hector ngồi cười và

vỗ tay, những bé gái đều đứng lên nhảy nhót với Teresa. Miệng cô cười hết cỡ, cặp mông đã trở nên ngông cuồng, những ngón tay bật kê tanh tách, hai tay vỗ vào nhau, “Nhảy đi các cô gái!”

“Em thấy như anh đang cách xa hơn một dặm, em thấy như anh đang cần uống nước, em thấy như máu anh đang ngừng chảy, uống trà đi nào, uống trà đi nào.”

Cô bắt đầu tự sáng tác lời nhạc, và chuyện bắt đầu trở nên hài hước hơn vì cô chế ra mọi kiểu chuyện phiếm theo nhạc về tất cả mọi người ở đó, và mọi người cũng tự sáng tác để đáp trả lại cô. Cuối cùng Teresa bắt nhịp đoạn điệp khúc và mọi người hát cùng cô, sau đó cùng lắc lư trong ánh lửa. Teresa vẫn chưa lấy lại hơi thở khi cô để ý thấy Adelaide với cái nhìn cảnh giác như của một con mèo đang hướng về phía hàng rào sân sau. Trước khi cô kịp hỏi, “Có chuyện gì vậy em?” thì Adelaide đã nhào đi - qua hàng rào và lao xuống ngõ hẻm.

Adelaide hộc tốc chạy theo bóng người nhỏ bé đang bỏ trốn và dễ dàng tóm được cổ áo của nó.

“Có chuyện gì, hử? Tại sao mà cứ lảng vảng quanh gia đình tao vậy?”

“Xéo đi - ui da.”

Adelaide biết sử dụng chiêu vịn tay.

“Mày tên gì, con nhóc?”

“Harriet Beecher Stowe, ha ha - ui da!”

Teresa đã đuổi kịp. Frances nhìn thấy cô. Và nó không thể không nói chuyện với cô.

“Chào Teresa.”

Adelaide nhìn Teresa. “Nó là ai vậy, Trese?”

“Chị không biết, Addy.”

“Teresa,” Frances ngược nhìn cô. “Cô không nhớ cháu sao?”

Frances quên việc nói dối. Cô bé quên cả việc Adelaide đang giữ chặt cổ tay nó đằng sau. Cô muốn kể cho Teresa nghe mọi chuyện. Vì Teresa sẽ hiểu cho cô. Teresa sẽ sờ trán cô và mọi thứ sẽ tan biến hết, sức nặng của mọi thứ Frances biết và không biết, sức nặng khủng khiếp của cái đầu đang chất chứa hàng đống vấn đề của cô.

“Lạy Chúa tôi,” Teresa thốt lên. Cô vừa nhìn thấy hai hàng đá quý trên tay Frances. “Cháu lấy những chiếc nhẫn đó ở đâu ra vậy, cô bé?”

“Cháu nhặt được.” Ngọt như sữa - cô ấy gọi mình là “cô bé”.

Ginger chạy đến nhưng ngừng lại cách đó một quãng. Adelaide quay về phía anh, “Lại là con bé đó, em không biết nó là ai và nó muốn cái quái gì nữa.”

Vừa nói xong Adelaide đã tìm được câu trả lời cho câu hỏi thứ hai của mình: liếc xuống tù nhân của mình, cô nhìn thấy Frances đang nhìn Ginger chăm chăm, vẻ thanh thản hiện rõ trên gương mặt nó.

“Nó là ai vậy, Leo?” Adelaide đành giọng nói, mắt dõi theo chuyển biến trên mặt anh.

Anh nhìn lại con bé Thanh Nữ Anh giả mạo lần nữa và Adelaide biết rằng điều anh sắp nói sẽ là lời dối trá.

“Anh không biết, Addy.”

Chưa bao giờ Leo nói dối cô. Khả năng phát hiện nói dối của

Adelaide có thể gọi là giác quan thứ sáu, nhưng cô không thấy gì đáng sợ trong chuyện này. Phân biệt thật giả thì dễ như phân biệt giữa muối và đường.

“Thôi bỏ đi,” cô nói với chồng và chị chồng. “Quay vào và vui chơi tiếp đi, em sẽ vào ngay.” Nhưng họ nán lại. “Đi đi, hai người hãy làm ơn làm phước đi vào giùm cho.” Và họ đi. Adelaide nâng cổ tay Frances lên một tí, làm cho nó hoàn toàn tập trung. Rồi cô nghiêng người qua thật gần cho đến khi bốn mắt họ nhìn nhau. Cô nói thật khẽ, thật chăm chú: “Mày mà lảng vảng quanh nhà tao, đụng đến con tao hay chồng tao là tao giết mày đó.”

“Vâng, thưa bà.”

Adelaide buông cổ tay Frances ra và quay lại sân sau nhà mình.

Teresa và Leo đã nói với mọi người rằng Adelaide đã tóm được một tên nhìn trộm, một gã da trắng. Và đã hù cho hắn sợ phát khiếp rồi. Mọi người cười lớn vì tội nghiệp cho kẻ nào gặp phải Adelaide. Và khi cô bước qua cánh cổng với gương mặt dữ tợn, họ càng cười lớn hơn. Adelaide đi thẳng vào nhà và quay trở ra với cây đàn organ thổi miêng của mình ra. Cô thổi bài “The Old Rugged Cross”. Tiếng đàn khiến cho bản nhạc trở nên thật hay, nhưng lại man mác một nỗi buồn da diết. Teresa luôn xúc động đến rơi lệ mỗi khi nghe bản nhạc này, như cách bài “Ave Maria” khiến cho một tín đồ Công Giáo thấy mỗi mệ. Cười đó rồi khóc đó trong chỉ một đêm, đây quả là một bữa tiệc tuyệt vời.

Ngoại trừ chuyện đứa bé Thanh Nữ Anh dơ dáy có những chiếc nhẫn của bà Mahmoud. Làm thế nào mà nó có được chúng vậy chứ? Ở chợ đen? Hay trong ống thoát nước? Tên trộm thật chắc

giờ đã đi xa lắm rồi. Lúc đó Teresa bàng hoàng đến độ không thể nghĩ được phải làm gì, nhưng giờ cô cũng đành chấp nhận sự thật là cô không thể làm được gì. Lấy lại mấy chiếc nhẫn hay nói cho Mahmoud nghe cũng chẳng ích gì, ông ta sẽ chẳng tin cô đâu, rõ ràng là ông ta không hề tin cô. Và ông ta cũng không xứng đáng được biết sự thật - Xin Chúa tha tội cho con, chỉ Người mới có thể biết mỗi người trong chúng con xứng đáng với điều gì - dù sao đi nữa, tại sao phải làm Adelaide khó chịu vì những thứ không cải thiện được? Bài “The Old Rugged Cross” nhắc nhở Teresa nên quay mặt đi và đừng nhìn lại, chuyện gì qua đã qua rồi. Prince Crawley góp thêm tiếng đàn violông, vài người góp giọng còn Hector thì ngân nga âm ừ. Buổi tối kết thúc đúng cách của nó.

Trong lúc chờ Hector về, Teresa bỗng nghĩ đến một vấn đề đáng lo ngại. Sao đứa trẻ lang thang đó lại biết được tên mình?

Ginger cố gắng đi ngủ trước Adelaide. Anh thấy xấu hổ khi giả vờ ngáy khi Adelaide cời đồ và bò vào cạnh anh. Anh không làm gì sai cả, nhưng anh biết lý giải cách nào đây? Một lời nói dối vô hại không vì lý do gì. Không có vấn đề gì.

Cô ngẩng nhìn anh một lúc rồi khẽ gọi tên bí mật của anh, không phải “Ginger” mà là tên khác. Tên chỉ hai người họ mới biết. Anh cự nhẹ nhưng mắt vẫn nhắm nghiền. Cô hôn vai anh rồi nằm xuống cạnh anh. Để gìn giữ gia đình này, cô có thể làm mọi thứ.

Ngày hôm sau.

Adelaide về nhà từ tiệm tạp hóa Beel, cầm theo một phong bì đựng những hạt nút còn mới tinh.

“Josephine, Evan, xuống đây ngay trước khi mẹ đập chết hai

đứa, cái gì đây hả?”

“Con xin lỗi mẹ - Xin lỗi, thưa mẹ.”

Hai vành tai mềm bị nhéo không thương tiếc giữa ngón trỏ và ngón cái sắc nhọn. “Mẹ sẽ nói chuyện gì xảy ra, em trai Carvery của hai đứa đang chơi đùa với lò nấu!”

“Dạ! Mẹ - Dạ! Mẹ.”

Thả hai vành tai ra!

“Nó là em các con. Các con phải có trách nhiệm với nó và với nhau chứ!”

“Dạ mẹ - Dạ mẹ”

“Các con không bao giờ để gia đình mình bị nguy hiểm.”

“Dạ không, mẹ - Dạ không, mẹ.”

Sau đó cô dọa sẽ méc lại khi bố chúng về, và hai đứa trẻ thờ phào nhẹ nhõm, vì những gì bố chúng sẽ làm là hỏi, “Xem nào, chuyện xảy ra thế nào?” và cho chúng ngồi vào lòng ông.

Tại Bàn Bếp

Adelaide ngồi với những hạt nút và mấy súc vải quý của mình. Quần chèn gối kiểu hoàng tử cho Frederick, quần tây lịch lãm cho Evan, sơmi trắng có cổ cho cả hai đứa. Váy đầm kiểu viền ruybăng cho mấy đứa con gái, chiếc áo sơmi bụi bặm hình mặt trời, mặt trăng, và sao cho Leo, và một cái y như vậy dành cho nhóc tì Carvery. Và cuối cùng thì dù miễn cưỡng dành thời gian để may - “chỉ để làm vừa lòng Ngài thôi đó, thưa Ngài” - cô đã may cho mình một cái đầm không tay, ôm sát, dài chấm gót bằng vải satanh đen chấm bi xanh nhiệt đới. Khi nhìn thấy Adelaide trong bộ đầm này, bạn buộc sẽ phải mời cô nhảy chỉ để được thấy cô trượt qua tay bạn như một con cá lộng lẫy.

Tại xuất chiếu buổi trưa.

“Phim bắt đầu chưa ạ?”

“Gần hết rồi.”

“Làm ơn cho tôi một vé.”

Ginger trả năm xu và tiến vào rạp Empire. Trong rạp thật yên ắng, trên màn hình là cảnh trong phim *Diary of a Lost Girl* do Louise Brooks đóng. Không có nhiều người lắm. Nếu Frances có ở đây thì sẽ khá dễ tìm ra. Anh đứng ở trên cùng lối đi thoáng dang và đợi đến khi mắt đã quen dần với bóng tối. Hình dáng cái

nón bêrê của nó. Ở chính giữa hàng đầu tiên, nhưng con bé đi cùng ai đó.

Bộ phim kết thúc, “NẾU TRÊN ĐỜI NÀY CÓ NHIỀU TÌNH YÊU HƠN, THÌ CÓ LẼ CHẴNG CÓ AI LẠC BƯỚC.” Đèn bật lên, anh nhìn thấy Frances đứng dậy. Người đi cùng nó còn khá nhỏ, dù anh đã cố thận trọng tránh đi đến kết luận quá sớm. Nhưng không, chắc chắn đó là một cô bé còn nhỏ, anh nhận ra điều đó khi cô bé đứng lên và quay người lấy chiếc áo len đằng sau ghế ngồi. Một đứa trẻ thực sự xinh đẹp với mái tóc hung đỏ dài qua eo, có gì đó rất quen. Bây giờ khi thấy Frances đi cạnh một đứa trẻ đứng nghĩa, anh không thể tưởng tượng nổi anh đã từng nhầm nó là một đứa trẻ. Thực sự thì mặt nó khá già dặn. Anh quan sát. Hai đứa bắt đầu đi hết dãy ghế để ra đến lối đi chính giữa và dáng đi của đứa trẻ tóc dài hình như hơi lệch về một bên. Và điều đó lặp lại, sau mỗi bước chân. Chắc nó bị đau sao đó, anh nghĩ, và đến khi nó đi vòng qua chiếc ghế cuối cùng trong hàng và đi dọc lối đi lên chỗ anh đứng thì anh đã hiểu. Cô bé nhỏ xinh đẹp, thật đáng tiếc thay. Đứa nhỏ nhất nhà Piper, hẳn rồi, và người mà nó gọi mình nhớ đến chính là chị gái Kathleen của nó. Nhìn càng gần càng thấy con bé giống cô ấy đến kỳ lạ.

Ginger đợi lúc Frances nhìn thấy mình. Nhưng dù có thấy thì Frances cũng đứng đưng như không. Nó đang nói chuyện với em mình, “Thứ Bảy tới sẽ chiếu phim The Wind” do Lillian Gish đóng, cô nói về một cô gái đẹp đi về phía tây nhưng khi đến đó thì bị gió làm đảo điên đầu óc.”

“Sao gió làm hư đầu óc cô được?”

“Đừng nói ‘làm hư’, phải nói là làm đảo điên, Lily.”

“Làm đảo điên.”

Frances choàng tay qua người Lily và đi ngang qua Ginger.

“Chào, Frances.”

Đứa trẻ tóc dài quay lại nhìn anh bằng cặp mắt xanh biếc - thật giống với Kathleen, nhưng cũng rất không giống vì Kathleen có nhìn anh bao giờ đâu. Frances không nhìn lại mà chỉ lôi mạnh em gái mình đi, suýt nữa thì làm cho nó ngã sấp xuống đường. Ginger bối rối. Đây có phải một cái tát vào mặt không? Nếu đúng vậy thì với mục đích gì chứ? Anh thấy mình giống như một bí mật dơ bẩn của ai đó. Mình không phải. Mình chưa làm điều gì sai trái và cũng không có ý định sẽ làm. Không muốn làm!

Nhưng anh phải nói chuyện với cô bé. Để nói rằng nó không được lẩn trốn quanh nhà anh như vậy, và không được cứ đến gần anh như một gái điếm, anh không phải loại đàn ông đó. Đúng, anh phải nói chuyện với nó càng sớm càng tốt. Cuộc trò chuyện đó có nghĩa như vậy. Tối nay, thứ Bảy.

Ginger không có ý định bước vào chiếc hộp Pandora đó lần nào nữa, nên đến ba giờ sáng anh mới rời khỏi nhà vì anh biết nó sẽ về nhà lúc đó.

“Xin lỗi em, Addy, anh quên nói với em là Jameel kêu anh đến quán lúc đóng cửa.”

Nói dối lần hai. Làm sao Adelaide có thể bảo vệ được gia đình mình khi cô không biết chuyện bắt đầu từ đâu? Cô đã lo sợ khi thấy rằng đứa Thanh Nữ Anh giả mạo đó không có ý gì tốt đẹp với chồng cô cả. Nó nhìn anh như một kẻ yêu ma: thèm khát nhưng kiên nhẫn.

Adelaide nghe tiếng cửa đóng lại sau lưng Ginger. Cô cuộn

mình trong chần tịt vấn, nó muốn gì ở anh ấy? Và Leo thấy gì ở thứ da trắng nhỏ bé và dơ bẩn đó chứ?

Con điên, con yêu tinh hư đốn, con hoang... Adelaide ngồi dậy vì thấy nhói đau: anh ấy thương hại nó. Ôi không! Ôi không, không, không, không, không!

Ginger đứng đợi đằng sau cột gỗ bên dưới cầu tàu khi những người khách ủa ra từ quán của Jameel. Tiếng đàn piano đang vang lên thật chậm - “The Funeral March”. Đợi khi những người khách cuối cùng rời khỏi quán, Ginger mới đi vòng lại. Anh dự tính sẽ tóm lấy cô bé trước khi cô kịp leo lên chiếc xe nào đó về nhà. Anh đứng ở góc tòa nhà quan sát khi cô đi ra. Trong bóng tối anh thấy cô đã mặc lại bộ đồng phục nhưng vẫn còn trang điểm và đeo trang sức hóa trang. Ở trong đó, nhiều gã đàn ông, và cả đàn bà nữa đều cười nhạo cô như một con hề. Làm gái điếm thôi cũng đã quá tệ rồi, nhưng có ai đã từng nghe đến một con hề làm điếm chưa? Ginger thắc mắc không biết sẽ như thấy thế nào khi nhìn qua đôi mắt của những kẻ có thể thấy sự gợi cảm hay buồn cười ở con bé. Cô khóa cửa nhà kho lại và khi Ginger sắp lộ diện thì con bé biến mất trong bóng tối - cái gì? Cô bé đi đâu rồi?

Anh không la lên vì không muốn lôi Jameel vào việc này. Anh đi vòng ra đằng trước. Không có chiếc xe nào đang đợi, này giờ anh cũng không nghe thấy tiếng xe chạy.

Trên đầu có tiếng lộc cộc phát ra từ một cây gậy dọc theo những thanh ngang trên đường tàu. Anh ngược nhìn qua trụ cầu và thấy đôi chân bay qua những thanh gỗ mỏng và chạy hết tốc lực đuổi theo. Mặt đất cao dần lên đến lúc ngang hàng với đường tàu và khi chạy lên đến mép đường, anh thở không ra hơi nữa trong khi con bé vẫn chạy nhanh về phía trước, nhảy qua ba

thanh tà vệt một, hai tay dang rộng. Giờ họ đã ở rìa thị trấn, cô quẳng cây gậy đi. Anh gặp người cố hít thở - anh không phải tuýp người giỏi thể thao. Khi đứng thẳng lên anh thấy cô đã đi trước anh một đoạn trong ánh trăng, nhìn như cô chỉ đang nhảy lên nhảy xuống cùng một chỗ trong một điệu khiêu vũ biểu diễn hoang dã, nhưng thực tế thì dáng cô đang nhỏ dần, nhỏ dần. Anh học tốc đuổi theo.

Bên tay trái anh, mặt nước lấp lánh ánh bạc phía xa xa vách đá. Tiếng trống ngực và tiếng thở của anh át cả tiếng bước chân, và tiếng dế lẫn tiếng ếch kêu trong đám cỏ cao ven đường. Họ đang đi song song về đường Shore. Cô chạy suốt quãng đường, đây là cách cô về nhà mỗi ngày. Chúa ơi! Họ đã ở khá xa thị trấn, an toàn để gọi rồi, “Fra...” và anh nằm úp mặt trên mặt đất nồng nặc mùi nước tiểu, ruột anh không còn tí không khí nào, lưng anh chỉ còn cảm nhận được cú va chạm đẩy anh bay về phía trước - cái gì đó túm lấy tóc anh và nện anh xuống sỏi liên tiếp hết lần này đến lần khác, và bóng tối.

Tối nay, Frances thối tắt nện trước khi bước vào căn gác mái. Ánh trăng. Bốn khoảng sáng hình chữ nhật tắt dần khi những tấm màn cửa sổ được bung ra. Ánh trăng có thể khiến đàn ông phát điên nhưng nó lại làm một cô gái hoang dại trở nên bình tĩnh, bởi vì nó dịu mát, rõ ràng, nó thật minh bạch. Đặc biệt là trong một căn phòng trống như vậy. Frances ngừng lại và thư giãn đầu óc. Rồi nó đến bên cửa sổ. Một buổi tối thích hợp để ngắm nhìn.

Ở tầng dưới, phía sau ngôi nhà, Lily đang ở bên cửa sổ phòng ngủ của mình nhìn ra nhánh sông. Môi nó khê động đập như đang thì thầm với ai dưới đó, nhưng không thấy một linh hồn nào

cả, chỉ có ánh sáng lung linh của mặt trăng trên mặt nước. James đang ngủ ở bên kia phòng khách, ngay dưới cửa sổ căn gác mái chỗ Frances vừa ngồi xuống, anh mơ thật nhiều, anh vẫn hay như vậy từ khi Frances dần bước khỏi cuộc sống của mình. Anh lại là một cậu bé, chỉ có anh và mẹ trên cánh đồng hoa dại. Mercedes cũng đang ngủ trong phòng riêng, hai mí mắt khép hờ để lộ tròng trắng. Cô mơ về thép, về màu xám, về những cuộn tóc màu xám trong khung cửa.

Frances vuốt ve Trixie đang nằm gọn trong lòng và phát hiện ra mình bị theo dõi. Cô thấy Boutros bên dưới và hẳn chẳng thể thấy cô. Hẳn đang nhìn lên, đợi ánh nến của cô sáng lên và sưởi ấm căn phòng. Hẳn đang dán mắt vào ô cửa kính, nhưng chỉ nhìn thấy mỗi mặt trăng.

Frances không gìn giữ sự trinh tiết căn bản của mình để rồi bị cưỡng hiếp bởi một thứ to như vậy - và hẳn còn theo mình về nhà vì lý do gì nữa? Đầu cô nghĩ đến Người Vợ Công Giáo. Nhiều năm trước cô vợ vét căn phòng của Ralph Luvovitz khi tất cả họ có lẽ đang chơi nhạc Klesmer dưới lầu, và cướp đi Thứ mà mọi con trai nên biết của cậu ta. Người Vợ Công Giáo đã không còn dễ kiếm nữa mà phức tạp hơn rất nhiều. Người vợ Công Giáo phải luôn nghĩ đến một đồ thị trong đầu, vẽ sơ đồ hành trình chậm chạp của trứng, dừng dừng như một cái đập đá, đi đến điểm giao của nó với một chiếc xuống máy cao tốc. Trung bình cứ sáu hay bảy ngày trong một tháng thì việc này có khá nhiều khả năng xảy ra, và những ngày khác thì ngược lại. Đó là phương pháp nhịp nhàng. Cũng như trong hài kịch, cái quan trọng là việc canh thời gian. Tránh thai bằng phương pháp nhịp nhàng là có tội nhưng tội này có thể tha thứ được và được Đức Giáo Hoàng ở La Mã phê

chuẩn, miễn là khi thực hiện hành động tạo sinh bạn không ham mê nhục dục và không mong muốn không có thai. (Trừ phi bạn thực hiện hành động tạo sinh nhằm tránh việc chồng bạn có ham muốn với phụ nữ khác, trong trường hợp đó, bạn đã phạm tội vì nhượng bộ ham muốn của chồng, nhưng tội được giảm nhẹ vì ý định của bạn là nhằm ngăn cản anh ta phạm phải một tội lớn hơn với một phụ nữ không phải vợ mình. Hãy đi xưng tội, bạn sẽ ổn thôi.) Mọi biện pháp kiểm soát sinh đẻ khác đều là trọng tội sẽ đẩy bạn thẳng xuống địa ngục nếu không được xưng tội trong giờ lâm tử.

Frances gần như hoàn toàn không thấy kinh, chỉ đều đặn có vài giọt ít ỏi vào mỗi tháng mà thôi. Hôm nay là ngày đầu tiên của thời gian năm hay sáu ngày có khả năng thụ thai cao. Và điều này khiến cô rùng mình khi nghĩ đến Boutros đang lảng vảng dưới sân, bởi vì thật kinh khủng khi nghĩ đến việc hấn leo lên trên nó và chín tháng sau một mảnh bé xíu của cái khối to bự đó chui ra từ người cô. Cô phải nhanh lên mới được. Cô tức tối. Tại sao Ginger Taylor lại phải biến thành người tốt kia chứ?

Via Dolorosa Con Đường Thương Khó

“Vài tên bộm nhậ đã tấn công anh ở ngoài quán Jameel.” Nói dối lần ba.

“Ui, Addy, nhẹ thôi!”

Adelaide lấy ra thêm một mảnh gỗ vụn và xịt thêm axit cacbô-lích vào cái trán dập nát của Ginger. Thật may vì đó là phần cứng nhất hộp sọ. Và cũng thật may là khi đầu anh đập xuống thanh tà vẹt đường ray thì mũi và răng anh chỉ sượt trên sỏi. Và điều may mắn nhất là nhờ có tiếng rì rầm ấm áp của những thanh ray bên dưới mà anh đã tỉnh dậy vừa kịp lúc để lăn vào lè, để đoàn tàu chở than lúc giữa trưa chạy qua. Ai là thiên thần hộ mệnh của anh nhỉ?

“Em muốn biết nó là ai và đừng nói những điều vớ vẩn nữa.”

“Sao chứ?” Nhưng có giả vờ cũng vô ích. Làm sao mà đã có lúc anh nghĩ rằng cô có thể tin lời nói dối của anh chứ? “Nó là một trong những đứa con nhà Piper ở New Waterford.”

Adelaide thấy ớn lạnh, nhưng cô gật đầu nói, “Frances.” Cô biết đứa bé hư nhà đó có tên là Frances.

“Anh không biết nó muốn gì. Tối qua anh đi theo nó nhưng anh bị tấn công bất thành linh trước khi kịp nói lời nào, anh không biết ai và bao nhiêu người đã đánh anh.”

Adelaide nhìn anh. Đợi phần sau câu chuyện.

“Anh xin lỗi, Addy. Anh đã cho nó đi nhờ một lần, anh không biết tại sao trước đây anh lại nói dối em nữa.” Bỗng dưng anh thấy thật mệt mỏi. “Nó là cô bé nhỏ ở nhà chứa và anh muốn giúp đỡ nó. Anh nghĩ mình có thể giúp.”

Adelaide xếp một lớp băng trắng mềm trên chân mày anh. “Nhà đó rắc rối lắm,

Leo. Đầu óc con bé đó không ổn lắm. Nó sẽ hại anh phải vào tù vì tội cưỡng hiếp.”

Ginger bị sốc, “Anh sẽ không bao giờ, không bao giờ -”

“Nhà Piper có tiền. Anh là một gã da màu, và con bé đó đang đeo theo anh.”

Với băng quấn đầy đầu và mặt đang đóng mài sắp lành khá nhanh, anh gõ gõ cánh cửa thép.

“Mày muốn được lên lương, phải không nhóc?”

“Không, thưa ông Jameel, tôi muốn nghỉ việc, nhân giùm với ông Piper là tôi cũng nghỉ làm chỗ ông ta.”

“Mày tự nói đi.”

Ginger quay đi và nói, “VẬY chắc ông ấy sẽ tự biết khi không thấy tôi đến lấy rượu mà ông đặt.” Ginger muốn tạo một khoảng cách giữa ông với mọi thứ liên quan đến nhà Piper.

“Tên da đen khốn kiếp, biến ngay ra khỏi chỗ của tao - Boutros!”

Ginger đã bỏ đi nhưng sẽ không chạy. Liếc ra sau, anh thấy đứa con trai to xác đã đến ngay cửa. Ginger không sợ Boutros, dù vết thương trên cổ anh có được khi tóm lấy Jameel hôm nọ vẫn

chưa lành - thẳng nhóc chỉ đang bảo vệ cha mình. Ginger biết những người như thế sẽ trở thành những người tử tế hơn là những kẻ hiếu chiến.

“Tên da đen chết tiệt,” Jameel làm bầm chửi. “Lấy xe đi, nhóc,” ông bảo Boutros mà không màng nhìn cậu.

“Bố, con sẽ lấy vợ.”

Jameel quay lại đập mạnh vào mặt Boutros, “Đem cái xe chết tiệt đến đây.”

Lúc đó tầm năm giờ chiều.

“Vấn đề gì?” Ginger hỏi.

Ginger biết những điều cơ bản về nhà Piper - những điều mọi người đều biết và những điều anh biết được từ nhiều năm lái xe đưa đón cho nhà họ. Giờ thì anh chở rượu cho Piper, nhưng việc đó cũng chỉ đưa anh đến lò rượu ở trong rừng và tất cả những gì Piper nói là “Cảm ơn, Leo, lái xe cẩn thận.”

Nhưng Adelaide lại biết những điều Teresa đã kể. Teresa không bao giờ nghĩ đến việc kể cho em trai mình nghe những chuyện như vậy. Ginger là một đứa trẻ đáng yêu, và giữ anh khỏi những điều không hay là bản năng thứ hai của cô. Bên cạnh đó, có những điều sẽ là đúng đắn khi kể cho một người bạn gái nghe, nhưng sẽ thành mất lịch sự nếu lặp lại. Có vài chuyện nếu kể cho người chồng yêu quý hay em trai sẽ trở thành thuốc độc. Những người phụ nữ tốt thảo luận với nhau nhiều việc theo cách những nhà nghiên cứu bệnh dịch xác định và lần ra bệnh mà không báo cho dân chúng biết. Đây là việc của phụ nữ với nhau.

Đàn ông sinh ra đã không thích hợp với việc này và nên được bảo vệ khỏi những chuyện này, cũng như là phụ nữ thì không cần

phải xuống mỏ. Đàn ông quá ngây thơ để tiếp cận với những chuyện như vậy.

“Nói anh nghe đi, Addy.”

Đã đến lúc tiêm chủng. Adelaide hít một hơi thật sâu.

“Người mẹ đã tự tử. Đó chính là con gái ông Mahmoud, người đã bỏ nhà đi theo

Piper. Mahmoud đã từ bà ta. Con gái của họ, đứa có giọng hát hay mà anh chờ.”

“Kathleen...”

“Cô ta có con ngoài giá thú, một cô bé bị tật ở chân. Piper giết con gái của mình bằng cách không gọi bác sĩ khi con ông ta đang hấp hối trên giường sinh. Pearleen Campbell ở dịch vụ tang lễ đã tắm cho thi thể, có một vết tự cắt ở ngay bụng, Pearleen và Teresa cùng là chị em bạn gái với nhau nên Teresa đã được biết chuyện. Nhiều năm trước, Teresa giúp ông già Mahmoud đưa cho Piper một tờ chi phiếu nhiều tiền. Tiếp theo thì anh biết đó, cô ca sĩ đi đến New York, trong khi mẹ cô ta ở nhà thì ăn mặc rách rưới tả tơi. Cô ca sĩ đó là một ả lẳng lơ. Người mẹ chết ngay sau hôm cô ta được an táng, không có vết tích gì trên người bà ta nhưng mùi gas vẫn còn nồng nặc tỏa ra từ tóc bà ta khi bà ấy được mang đến chỗ Ferguson. Teresa đi dự đám tang người mẹ và thấy Frances cười ở đó. Đó là những gì em biết, nên chỉ có Chúa mới biết còn chuyện gì nữa hay không, hay con bé Frances đó đã lớn lên cùng những chuyện gì. Có lý do khiến cho nó bị điên, anh bạn ạ, nhưng không phải vì vậy mà nó thành vô tội.”

Lúc đó đã qua bữa tối. Khi ăn Ginger đã thay chiếc áo sơ mi hình mặt trời, mặt trăng và sao để đánh dấu việc anh rũ bỏ mọi

điều không hay. Bánh bắp dẹt và mật đường, đậu và bit tét Cape Breton - lấy bảy lạng rưỡi xúc xích hun khói; xắt mỏng; giờ thì chiêm vàng lên. Một bữa tiệc mừng, dù việc ngừng chở rượu lậu cũng đồng nghĩa với việc thu nhập lại ít đi. Ginger chỉ nhận ra tầm quan trọng của nhà Mahmoud đối với gia đình anh khi Teresa mất việc, Adelaide mất khách, còn anh thì gần như mất hết phần hợp pháp trong công việc lái xe tải của mình. Và giờ đến phần bất hợp pháp của cô bé đó. Mọi chuyện gần đây tệ hơn bình thường đối với tất cả mọi người; nhưng so ra thì nhà Taylor có phần khá hơn. Ít nhất họ có một khoản riêng để dành cho con cái đi học sau này. Họ có thể bắt đầu sống bằng tiền đó.

Bọn trẻ đang ngủ. Teresa vừa đến cùng Hector, người đưa cho Adelaide một ổ bánh mì chà là với nụ cười nhều nhão nước miếng.

“Cảm ơn, cưng!”

“Chồng em đâu, Addy?” Teresa hỏi.

“Đi New Waterford để nói với Piper chuyện thôi việc.”

“Nó nghỉ việc để làm gì?”

“Ngồi đi đã, em sẽ rót trà cho chị.”

Tạ ơn Chúa đã cho trà, và cho Teresa để con có người cùng trò chuyện. Hector ngồi trên xe lăn gật gù khi Adelaide kể Teresa nghe toàn bộ câu chuyện về Frances và kết thúc với câu: “Em đã nói anh ấy đừng đến đó, nhưng anh ấy nói thật chẳng ‘đáng mặt đàn ông’ nếu không dám nhìn thẳng vào mắt người ta thông báo mình nghỉ việc sau chừng đó năm.” Cô hớp một ngụm trà. “Ít nhất thì bây giờ mọi chuyện đã qua và đã kết thúc.”

Teresa không nói một lời.

“Trese?”

“Đúng đó em, con bé đó điên quá, tất cả họ đều dở hơi.” Nhưng Teresa hơi xao lãng và cô đứng dậy. “Chị muốn ngắm Carvery một tí trước khi về.”

Teresa thích ngắm nhìn Carvery ngủ. Thằng bé giống hệt Ginger lúc nhỏ và khi đó Teresa đã chăm sóc anh. Khi cưới Hector, cô đã mong muốn sinh một đứa con đáng yêu như Ginger. Carvery cũng đã thừa hưởng những nét của bố nó. Say ngủ trong chiếc áo sơ mi mặt trời, mặt trắng và sao bé xíu của nó. Cậu nhóc đáng yêu, đáng yêu quá.

“Cô Teresa?” Evan thì thầm.

“Sao nào cháu yêu?”

“Thằng Leary khó ưa lên vào phòng giữ đồ và lấy mất cơm trưa của cháu, nó gọi đó là thức ăn da đen.”

“Rồi nó làm gì với thức ăn?”

“Nó nói nó quăng đi rồi, nhưng cháu thấy nó ăn hết.”

“Nó đói bụng đó.”

“Mẹ nói cháu nên lấy cái thùng đập cho nó một trận. Cô nghĩ cháu làm vậy được không?”

“Cô nghĩ nó không có đủ thức ăn để ăn.”

“Vậy tại sao nó không xin cháu mà lại gọi cháu bằng những từ bậy bạ chứ?”

“Nó xấu hổ nên nó cố làm cháu xấu hổ.”

“Cháu chẳng có gì phải xấu hổ hết. Hay cháu đập cho nó một trận te tua nhé cô?”

“Nếu cháu muốn làm một tin đồ Cơ Đốc thực thụ, thì mỗi ngày

hãy bí mật để nửa phần cơm trưa của cháu vào túi nó. Những lúc khác cháu hãy quên nó và tập trung vào việc của mình. Cháu to lớn và khỏe mạnh. Cháu có thể đánh bất kỳ đứa con trai cùng tuổi nào cháu muốn, nhưng khi cháu làm vậy thì trò chơi trong trường sẽ là ‘Ai đánh thắng được Evan’? Rồi những đứa lớn hơn sẽ tìm đến cháu và khi thầy cô đến thì cháu sẽ là người bị phạt. Lớn lên cháu có muốn làm một võ sĩ quyền Anh không?”

“Không ạ, cháu muốn làm bác sĩ thú y cơ.”

“Vậy thì hãy quên việc đấm đá và tập trung học hành đi. Cháu sẽ thắng nhiều đứa trong bọn chúng, bởi vì, cháu yêu à, hầu hết bọn chúng sẽ không đi được đâu ngoài lòng đất đâu.”

“Hoặc vào nhà máy thép.”

“Đúng vậy.”

Teresa quay xuống lầu. “Chị đã bảo Evan đừng đánh nhau, nó hỏi chị.”

“Tốt lắm, em kêu nó hỏi chị đó.” Adelaide tin rằng mọi trẻ em nên có đủ những người lớn yêu thương chúng xung quanh để một người có thể khuyên chúng nên đánh nhau, một người can ngăn chúng và một người khuyên chúng đừng quá lo.

Teresa cùng Hector ra về. Vẫn còn sớm, họ còn chưa chơi bài nữa. Adelaide đứng ngay cánh cửa đang mở và nhìn họ đi về. Nói đến bất cứ chuyện gì dù là một nhánh nhỏ của nhà Mahmoud cũng làm cho Teresa đau khổ. Mình phải làm gì đó thú vị cho Teresa mới được. Mình sẽ đan cho chị ấy một cái khăn choàng. Tuy nhiên việc đó hơi khó một chút vì Teresa chỉ luôn muốn cho đi. Chị ấy thấy ngại khi nhận lấy bất cứ thứ gì về mình.

Teresa đẩy Hector xuống con hẻm về nhà để được hoàn toàn

yên tĩnh một mình.

Cô bị sốc vì đó là Frances Piper. Đứa cháu gái không được công nhận của Mahmoud. Một nữ quái có nét mặt thanh tú cùng những lọn tóc rối bù và những chiếc nhẫn của bà Mahmoud. Bằng cách nào đó nó đã chui vào nhà - nó đủ nhỏ con để làm vậy - và ăn trộm giữa thanh thiên bạch nhật để trả thù. Nó đã lấy đi công việc của mình. Danh dự của mình. Danh dự của em trai mình. Nó lấy đi miếng ăn của gia đình em mình. Và giờ nó đang cố lấy cả em mình.

Giờ Teresa chưa thể nói cho Adelaide nghe chuyện về những món nữ trang được.

Nói ra chuyện đó cô bạn gái thân nhất của cô khi chuyện về Ginger đang khiến cô áy đau đầu ư? Không. Làm vậy sẽ giống như đổ tất cả mọi vị đắng vào một chiếc cốc để bạn thấy mình phải uống nhiều bao nhiêu. Teresa thấy chóng mặt khi nghĩ về chuyện đó, tức giận sẽ làm cô mất lí trí mất - Ôi Chúa ơi, Chúa kính yêu, làm ơn đừng bắt con phải cảm thù. Xin Người cai trị những kẻ độc ác và điên rồ để con có thể an tâm chăm sóc gia đình con, amen.

Ngay khi đang cầu nguyện, Teresa cũng nhận ra một điều thật ghê tởm. Đêm hôm nọ cùng với Adelaide trong hẻm, Frances đã nhận ra cô. Vậy nghĩa là nó đang theo dõi mình. Trong suốt thời gian ở nhà Mahmoud mà mình nghĩ chỉ có mình mình. Đứa con gái đã cười trong đám tang của chính mẹ nó. Teresa rùng mình. Và nó cũng theo dõi mình khi mình nhảy và hát bài hát của mẹ.

Tên trộm đáng sợ nhất không phải là tên lấy cắp những thứ tầm thường.

Ginger vẫn chưa về. Đã mười một giờ đêm. Adelaide cứ cố dối lòng mình. “Anh ấy ghé quán Beel để đánh một ván bài, anh ấy thua nhẵn túi nên quyết định chạy một chuyến cuối cho Piper với giá gấp đôi, anh sẽ gọi về ngay thôi.” Dầu vậy cô vẫn rất lo sợ vì cô biết thực sự là “Nó đã có được anh ấy.” Sau giai đoạn dối lòng là đến giai đoạn bực tức, “Mình ngu quá, mình là đồ ngốc chẳng biết gì cả, anh ta có thể sắp xếp và qua đêm với con nhỏ da trắng dâm dăng chết tiệt đó,” khi cô biết rằng “Nó bệnh hoạn, nó nguy hiểm, giờ nó đang ở cùng anh ấy.”

Lúc sáu giờ tối hôm đó, Jameel và Boutros chạy đến chỗ Piper làm rượu lậu trong rừng.

“Tên khốn da đen đến và bảo nghỉ việc rồi,” Jameel nói khi đang bước ra bên cửa khách của xe.

James khinh thường những kẻ dùng từ “da đen”. Một người văn minh không nên dùng đến những tiếng lóng của nhà chứa khi muốn nhấn mạnh việc gì.

Tất cả những gì James nói trong suốt quá trình chuyen rượu cho Jameel hết thùng lớn đến thùng nhỏ và Jameel lại chuyen tiếp cho Boutros. Boutros lại ném chúng vào sau chiếc Kissel Brougham tám xilanh mới cứng đã bỏ hết ghế và kéo hết màn lên chỉ vòn vẹn mấy từ, “ở chỗ nó có nhiều lắm.”

James nhìn Jameel càng ít càng tốt. Anh tiếc rằng công việc làm ăn của anh lại cần phải liên lạc với loại người này. Chòm râu đen ngắn ngắn tương phản với nước da vàng nhợt nhạt, mái tóc đen bóng loáng và mùi mốc của bánh mì chiên. James khinh bỉ Jameel cứ hết “da đen này” đến “da đen nọ” vì anh thừa biết tên Jameel sợ phát khiếp việc bị coi là người da màu. Đàn ông mà để

nỗi sợ hiện rõ ra ngoài là một kẻ ngốc. Hơn nữa, James nghĩ, dù Jameel không đen, nhưng chắc chắn hẳn là người da màu, vì rõ ràng là hẳn không trắng. James biết ơn vì mấy đứa con gái của anh đều rất đẹp. Nhưng rõ ràng chúng đã thừa hưởng một xu hướng bệnh tật từ mẹ chúng, Materia, cho nên Kathleen mới giống người da màu hơn. James vừa nhận được thêm một thùng sách nữa. Anh đang miệt mài đọc sách của Tiến Sĩ Freud để cố tìm ra nguyên nhân của sự trái khoáy ở trường hợp của Kathleen. Freud gọi phụ nữ là “châu lục đen”. James hoàn toàn đồng ý với cách gọi đó. Anh không ghét những người da đen, anh chỉ không muốn họ ở gần dòng dõi huyết thống của anh.

“Ông sẽ phải đi ba đến bốn chuyến đó,” James nói khi đang đếm tiền.

“Này Jimmy, ta nên mua một chiếc xe tải riêng và để một trong mấy thằng con trai tôi lái.” James để Jameel gọi anh “Jimmy” vì thà như vậy còn hơn nghe tên “James” thốt ra từ cái miệng đầy mỡ của hẳn. Ngoài ra, khi để ai đó gọi bạn không-phải-bằng-tên-thật thì mỗi khi hẳn ta gọi bạn lại nhớ đến hẳn khốn kiếp ra sao.

“Tôi không cần có đối tác, Jameel, anh mua đi, tôi sẽ thuê.”

Rượu đã chất đầy hết phía sau xe và Boutros đóng cửa thùng xe lại. James nhìn thấy hình bóng Materia ở thẳng nhóc đó. Cùng một sự trống rỗng - đứng đó nhìn mình chăm chăm như thể có gì muốn nói, rồi lại thôi. Bởi vì không có gì để nói, đầu nó không hề có một ý nghĩ nào. Chúng ngu dần của gia đình đó, đó lại là chuyện khác.

Boutros nổ máy xe. James leo vào bên cạnh. “Hẹn gặp anh vài

tuần nữa nhé, Jimmy.”

“Tốt hơn là nên gặp nhau sau một giờ nữa.”

“Để làm gì?”

James cúi xuống cửa sổ đang mở bên phía hành khách. “Tôi đã thuê Leo Taylor vì tôi biết tôi có thể tin tưởng được anh ta trong việc mua bán, và trước khi tìm được một người khác đáng tin cậy tôi muốn cá nhân ông phải chịu trách nhiệm.”

“Anh nói gì vậy anh bạn? Boutros sẽ làm việc đó.”

“Ông sẽ phải đi cùng cậu ta.”

“Anh tin một thằng da đen hơn tin con trai tôi, phải vậy không?”

“Đây là chuyện làm ăn, Jameel. Tôi mong sẽ gặp lại ông ở đây sau một tiếng nữa hoặc chấm hết.” James đứng thẳng lên khỏi khung cửa sổ.

Jameel thò đầu ra, “Mẹ kiếp mày Piper, đồ khốn tự cao tự đại chết tiệt, mày có biết mày đang cung cấp gái điếm họ Piper cho quán tao không? Và cả chuyện nó đang ăn nằm với cái đuôi quý báu của mày, Leo Taylor nữa?”

James liếc qua tấm kính chắn gió nhìn Boutros này giờ cứ nhìn anh. Jameel cười khẩy. James không thể nào đặng đến hẳn khi một tên to lớn đang ngồi ở đó.

“Anh đang nói về ai vậy, Jameel?” anh điềm tỉnh hỏi.

“Frances con gái mày đó,” hắn đáp với một nụ cười bạn tốt.

“Tôi không có đứa con gái nào tên như vậy hết.” Trời ạ, hắn bình tĩnh thật.

“Nếu một giờ nữa anh không quay lại đây, Jameel, tôi sẽ coi

như chuyện buôn bán của chúng ta đã kết thúc.”

Anh quay người và bước thật điềm tĩnh về phía cái lều.

Jameel tức giận, hấn nhô cả đầu lẫn vai ra khỏi cửa sổ, “Ai cũng đều chơi nó hết rồi, anh bạn ạ! Theo tao đoán thì chỉ còn mỗi mày là chưa chơi nó thôi, hay có khi mày chơi nó rồi cũng nên?”

Boutros rò ga làm đầu của Jameel đập mạnh vào thành xe sơn vàng bên ngoài. “Mẹ kiếp!” Boutros lãnh đủ một loạt cú nhéo đau điếng vào tai nhưng cậu dường như không để ý, cậu đang bận quan sát James đang khuất dần vào trong cái lều qua kính hậu.

Bên trong lều, James uống rượu trở lại sau mười ba năm. Chuyện làm ăn giữa anh và tên Jameel này sẽ kết thúc sau vài giờ tới. Sau đó anh sẽ cầm một khẩu súng trường và đi đến chỗ Leo Taylor để nói chuyện.

“Chậm thôi, mày sẽ khiến cho mấy tay cảnh sát cười ngửa rượt theo cho xem.” Boutros không thêm phản ứng.

“Tao nói chạy chậm lại.”

Nhưng Boutros vẫn cứ chạy đều đều bảy mươi cây số trên giờ trên Low Point.

Boutros không nói một lời trong ba chuyến chở hàng tiếp theo, việc này khiến Jameel không vui chút nào vì đã quen được nghe “Dạ cha, đúng vậy thưa cha” mỗi khi hấn ngừng nói. Jameel giận dữ nên ngồi lại trong xe để mình Boutros đi lấy rượu từ Piper, người lúc nào cũng say và câm như hến. Đó là cách một kẻ enklese có được mày, Jameel nghĩ, bằng sự im lặng. Họ dùng sự lạnh lùng như băng, họ thông minh nhưng không giống con người cho lắm. Không có cảm xúc. Nhưng khi chuyện tương tự

xảy đến cho Boutros con trai hẳn, hẳn lại không nghĩ đến “im lặng” mà là “đàn độn”.

Boutros bình tĩnh được là vì cậu đã quyết định tối nay sẽ hành động. Cậu sẽ lấy tiền mà cậu đáng được nhận từ kết sắt của ba cậu, và cậu sẽ đi đón Frances và hai đứa sẽ lái xe đi. Đến bất cứ nơi nào con bé muốn đến. Quên cái nông trại đi, quên mẹ cậu đi, đó chỉ là mơ ước trẻ con, người trưởng thành trong cậu cho biết rằng cậu cần phải nhanh chóng đưa Frances ra khỏi nơi này. Ở đây có rất nhiều gã cần phải bị giết, và kẻ đầu tiên trong số đó là cha ruột của cô ấy. Thứ đàn ông gì lại ruồng bỏ chính con gái mình kia chứ? Frances là một viên kim cương, dù đã trao qua nhiều bàn tay dơ dáy, bản thủ nhưng vẫn không bao giờ bị lu mờ. Những kẻ đã có cô không thể nào để lại tí vết gì bởi giá trị của cô cao hơn bọn chúng rất nhiều. Cứng rắn, vô vọng, bị lãng quên. Những điều này hiện rõ trong giọng nói và trong đôi mắt của cô, cô đang chờ đợi một người thợ mỏ mạnh mẽ và ngoan cường tìm xuống bên dưới đó và kéo cô lên mặt đất nơi mọi giá trị của cô có thể được tỏa sáng.

Ngay trong tối nay Boutros phải đón được cô, trước khi có chuyện gì xảy ra, chuyện gì thì anh vẫn chưa biết. Cậu thấy khó chịu kinh khủng khi nghe cha cậu nói lời cay độc với Piper về chuyện đã ngủ với con gái của ông ta. Boutros biết rằng chuyện đó có thể có thật. Bởi vì Frances dám làm mọi thứ cô ấy muốn ngay dưới mũi cha cô, nên chắc Piper biết cô đã bị hại, và ông ta biết được là vì chính ông ta đã hại cô ấy. Nhưng Boutros biết rằng thứ mà Chúa đã âu yếm tạo ra thì không dễ gì có ai có khả năng hủy hoại. Job đã chứng minh được điều đó. Ác quỷ có thể thử, nhưng hẳn sẽ chẳng thành công.

Tại sao Adelaide lại tin Ginger khi anh nói anh phải đi nói chuyện rõ ràng giữa đàn ông với nhau với Piper? Bởi vì cô đã quá mệt mỏi việc không tin anh. Khi đã mệt mỏi thì con người ta thỉnh thoảng làm điều mà bình thường họ không làm. Materia chộp mắt ngủ với cái đầu dúi vào trong lò nấu. Đó không phải kiểu của Adelaide. Khi đã mệt, cô thôi không gặm nhấm sự thật nữa mà thậm ước chưa bao giờ làm gì đúng đắn. Đây là chuyện xảy ra khi Adelaide ngừng khó khăn trong một giây.

Nếu không quá vội như vậy thì có lẽ cô sẽ chạy ra ngoài và đổ hết bữa tối vào nhà vệ sinh, nhưng cô không có thời gian, nên cô run rẩy bước đến tiệm tạp hóa Beel ở góc đường. “Tối giờ bà có nhìn thấy chồng tôi đâu không ạ?” là một câu hỏi tu từ. Bà Beel đi ngay đến nhà Adelaide để trông chừng lũ trẻ trong lúc cô đi lo giải quyết vấn đề. Wilfried Beel ở đó với mái đầu bạc trắng rất triết học. Ông đề nghị chờ cô đi bất cứ đâu cô cần đi.

“Tôi sẽ báo ông biết sau, Wilf.”

Cô đi ra và cuộc bộ đến nhà Teresa.

Đầu đêm hôm đó, Ginger nhìn thấy có ánh sáng dưới gara sau khi đặt Carvery vào trong cối. Anh ra ngoài và mở hai cánh cửa lên trên cặp đèn pha xe tải sáng rực. Anh đứng yên một lúc, nhất thời không nhìn thấy gì, và rồi nghe thấy tiếng khóc thút thít.

“Xin chào?” anh nói.

Lại tiếng thút thít khe khẽ.

Tiếng đó phát ra từ cabin. Ginger mở cửa tài xế và nhìn thấy một bóng đen ngòi rúc vào cánh cửa còn lại. Một giọng nói khe cất lên, “Đừng nói với ai em ở đây.” Cổ họng anh giật lên vì sợ hãi. Là cô. Theo bản năng anh tắt đèn và chúng chậm rãi mất dần ánh

sáng.

“Em sợ lắm,” cô nói, giọng nghẹn lại sau hai bàn tay ôm lấy mặt.

“Anh sẽ không làm hại em đâu.”

Cô nói gì đó anh không hiểu, chỉ vừa đủ nghe và biến âm bởi nỗi buồn.

“Em không ở lại đây được, Frances.”

Tiếng khóc lại vang lên - yên lặng, đều đều theo nhịp, không còn đam mê gì nữa. Như tiếng một đứa trẻ thường xuyên khóc cho đến khi ngủ thiếp đi, và tỉnh giấc và giờ không còn khóc thành tiếng nữa vì không còn sức lực gì.

“Chuyện gì vậy?”

Tiếng nấc nhẹ, giọng nói nhão nhẹt và yếu ớt, “...đánh em.”

“Cái gì?” anh nói, chân bước lên bậc thang. Cô sợ hãi lùi lại khỏi anh.

“Suyt suyt, Anh không đánh em đâu, có chuyện gì vậy?”

“Em bị đánh rồi.”

“Chuyện gì xảy ra vậy?”

“Em không kể được.”

“Em kể được. Nhưng Frances, em không ở đây được, đi vào nhà nào.”

“Không-g-g” Nỗi kinh hoàng mới, những giọt nước mắt mới.

“Làm sao anh giúp em được nếu em không chịu vào nhà?”

“Hãy đưa em đến một nơi an toàn.”

“Nơi nào.”

“Một nơi mà ông ấy không bắt được em.”

“Ai?”

“Cha em.”

“Frances. Cha em đánh em hả?”

Không có câu trả lời. Chỉ có tiếng bàn tay lau nước mũi.

“Ông ta đã làm gì?”

Giờ cô nói hơi chín chắn hơn một tí. Dũng cảm. “Em đã khiến ông phát điên lên.”

“Nói anh nghe ông ta đã làm gì em.”

Giọng cô đanh lại. “Là lỗi của em.” - khịt mũi - “Em không ngoan, cha nói đúng. Sao mọi người, sao anh lại phải quan tâm đến em, em là đứa hư đốn trong mắt mọi người.”

Ginger tìm được một que diêm trong túi áo. Khi anh đốt diêm lên, cô lùi lại và lấy tay che mặt, “Không!”

Anh nhìn cô, co rúc trong góc, thật quá mong manh. Anh đưa tay ra, nhẹ nhàng kéo một tay ra khỏi mặt cô và, ngay trước khi que diêm tắt ngấm, “Ôi Chúa Ơi.” Anh kinh hoàng. Ai có thể làm được một chuyện như vậy chứ?

“Đừng nhìn, em xấu lắm.”

“Em không xấu.”

“Em xấu, anh đi đi.”

“Em bị đánh. Anh sẽ giúp em, để anh đi gọi vợ anh.”

“Đừng!” Nó rít lên.

Cuộc đời cô phụ thuộc vào chuyện này. “Không ai được biết. Em đến đây tối nay là vì em chỉ có thể tin mỗi anh. Nếu có ai khác

biết, nếu ông ấy biết em ở đâu, ông ấy sẽ tìm đến và giết em.” Nó hít thở thật sâu. “Nếu anh không muốn giúp em cũng không sao đâu, em hiểu mà, anh đã có đủ rắc rối rồi, dù sao cũng cảm ơn anh.” Cửa hành khách lộc cộc mở trong bóng tối.

“Đợi đã, đợi đã -”

Cô ngừng lại, hai chân buông thông.

“- em cần đi đâu?”

“Cách New Waterford khoảng năm dặm. Không ai biết nơi đó hết, nó là một cái mỏ than cũ. Em đã có tiền và thức ăn rồi. Nếu em có thể ở lại đó vài ngày, ông ấy sẽ nghĩ em đã rời khỏi hòn đảo này. Sau đó em có thể đi nhờ đến bến phà và ra đi một cách an toàn.”

“Đi đâu?”

“Chỉ đi thôi.”

Anh lưỡng lự.

“Quên chuyện đó đi,” cô nói. “Xin lỗi đã quấy rầy, ông Taylor.”

“Anh sẽ đưa em đi.” Im lặng.

“Anh nói anh sẽ đưa em đến đó, Frances.”

“...Chúa phù hộ cho anh.”

“Đợi anh một chút thôi.”

Boutros bình thần ngồi sau tay lái. Họ đang đi về hướng Sydney, đó là chuyến cuối cùng của đêm hôm đó, mặt trời đã lặn từ rất lâu rồi, một ngày nóng không chịu được. Nếu Frances đồng ý, hai đứa sẽ đi đến tận British Columbia. Anh muốn trồng cây. Cây anh đào. Và nho, để làm rượu. Ý nghĩ về vườn cây ăn quả của riêng cậu, và Frances tự do đi tung tăng giữa những hàng cây có

những cành đang cho hoa, cho trái, những giàn nho trĩu nặng - cậu tưởng tượng cảnh nhét gạo và thịt cừu vào lá nho trong vườn của chúng, cậu thích được nấu ăn, nấu bất cứ món gì có thứ này bọc trong thứ kia. Lái xe là một nơi tuyệt vời cho việc mơ tưởng.

Boutros không thích bạo lực. Những việc cậu vẫn làm cho cha cậu chỉ là vì công việc. Hầu hết bao gồm việc đi vào đám nhốn nháo bạo lực của những gã khác và đập tắt chúng, giống như lần tìm cái công tắc trong một cái hầm lộn xộn và tối tăm. Thường cậu phải đánh họ thì mới làm được việc đó. Rất hiếm khi cậu nổi giận. Dù mới hôm qua cậu vừa nổi giận với Taylor trên đường xe lửa xong. Boutros tha cho hắn là vì nghĩ cho bà Taylor. Bà ta là người chăm chỉ và không đáng trở thành một góa phụ. Và Taylor có vẻ đã học được một bài học và đã rút lui.

“Chúa ơi, chạy chậm lại đi, cái thằng ngu!” Jameel đã mất hết dũng khí.

Phía trước họ xuất hiện chiếc xe tải của Leo Taylor. Nó phóng vèo qua họ bên phía gần đất liền của đường Shore. Cú nhá sáng dài một giây của đèn pha đã chụp cho Boutros một hình ảnh mà giờ đang chuyển thành hình trắng đen qua lớp phim trên mắt cậu: Frances đang ngồi trong cabin nhìn thẳng vào cậu, mặt đầy những vết bị đánh đập. Taylor ngồi sau tay lái, cười với cô.

“Mày đang làm cái quái gì thế hả!” Jameel chụp lấy bảng đồng hồ và bị dội lại vào ghế hành khách đau điếng như bị kính đập vào lưng - “Mẹ kiếp!” - và chiếc Kissel lạng ra khỏi cú vòng ngược và đuổi theo chiếc xe tải khiến cho những thùng rượu phía sau xe chao mạnh.

“Leo Taylor bắt được Frances rồi.”

Jameel hét to, “VẬY thì mắc quái gì chứ?” và bắt đầu tát Boutros.

Boutros giơ một tay lên để giữ được tầm nhìn, họ đang gần đuổi kịp chiếc xe tải.

“Cô ấy là chị họ của con.”

“Nó là một con điếm!”

“ĐỪNG nói về cô ấy như vậy.”

Jameel phá lên cười. Boutros run lên.

“MÀY kết nó hả nhóc con? Hử? MÀY kết con điếm đó? MÀY chết mê chết mệt nó à? Ha ha.”

Boutros chớp mạnh mắt.

“Giờ MÀY sắp khóc đúng không, hả đồ khóc nhè?” Nước mắt đã đọng trên mi Boutros. “Ê thằng nhóc yếu ớt, đồ nhóc con hèn nhất, ờ, bé trai của mẹ sẽ khóc bây giờ sao, hử? Khóc đi nào, khóc đi -”

Đầu Jameel làm bể tung tấm kính chắn gió, che mất tầm nhìn của Boutros. Cậu ngó ra cửa sổ để nhìn đường vừa đúng lúc để lách ra khỏi đường đi của một chiếc xe chở các nữ tu đang đi đến. Một tay cậu vẫn đang nắm phía sau cổ của cha mình khi chiếc Kissel lao ra khỏi đường, lao qua những con đường mòn và chạy dọc vách đá ở tốc độ tám mươi cây số trên giờ cho đến khi địa hình đột ngột chuyển sang không khí yên lặng. Jameel đã chết trước khi họ va xuống đá bên dưới.

Các nữ tu quay đầu và rồi chạy ngược lại, để ba người ở lại để kiểm tra tình hình trong khi ba người còn lại chạy về New Waterford để gọi xe cấp cứu. Khi vị nữ tu chơi bóng bầu dục vừa

đặt chân xuống mép nước, chỉ thấy có một người đàn ông, cổ ông ta còn nguyên tuy nhiên tình trạng vết thương của ông rất nghiêm trọng. Xác người đàn ông còn lại được tìm thấy vào ngày kế tiếp. Máy trưởng đã không xoay sở để kịp thời dừng đoàn tàu lại, tuy nhiên gã đàn ông to con nằm chắn ngang trên đường ray đã chết từ trước đó rồi.

“Anh vừa mới nói chuyện với Piper xong và đã vòng sang phải về nhà” Ginger nói với Adeline vào khoảng hơn chín giờ.

“Em yêu anh...”

Anh cảm thấy không thoải mái khi nghe cô gọi tên riêng của mình như thế, tuy nhiên anh không nói dối vì mục đích của cá nhân anh, và lúc này đây anh có lý do của riêng mình - để bảo vệ cô gái bị đánh đập đang đợi anh trong xe tải. Mấy ngày nay, cô ấy đang dự định đi khỏi vùng núi đá này, anh lơ mơ cảm thấy mình như đang nói dối vậy.

Đó là một đêm đầy sương mù bao phủ, tuy nhiên Ginger lại nhìn thấy rất rõ Frances trong khi họ cố gắng vượt qua các đống lửa tại nhà máy thép. Máu trào ra từ mũi cô gái, tràn xuống nhân trung và môi trên của cô. Môi cô rách toạc và vẹo sang phía bên trái. Mắt trái của cô sưng húp và bầm đen. Lão Piper đó còn tồi tệ hơn cả một ông bố khắc nghiệt. Điều này đã giải thích cho mọi chuyện. “Có chuyện gì với anh vậy?” cô hỏi, và trong một vài giây kế tiếp anh không thể bắt kịp câu chuyện cô đang nói đến vì mãi tập trung xem các vết thương của cô.

“Tối hôm qua” anh ngập ngừng, “anh không biết phải nói sao nữa”. Anh bỗng cảm thấy đỏ bừng mặt. “Anh đã đi theo em về nhà, dọc theo con đường mòn. Vì anh có vài điều muốn hỏi em.”

“Điều gì vậy anh?”

“Ừ bây giờ thì anh biết câu trả lời rồi, anh chỉ muốn biết em tại sao em lại cứ quanh quẩn bên anh suốt ngày như thế thôi.”

“Bởi vì anh là người đàn ông tử tế duy nhất mà em từng quen biết.”

Ginger cảm thấy xấu hổ. Hiện giờ Sydney đang ở sát ngay đằng sau họ. Anh nhấn ga tăng tốc trên con đường Shore.

“Em xin lỗi vì đã phớt lờ anh trong phòng tranh”, cô nói. Sẽ tốt hơn cho Lily nếu nó không biết gì về chuyện này”.

“Đó là em gái của em à?”

Anh quay đi. Trời tối, đủ để nuốt chửng đi những vết thương và rọi sáng đôi mắt cô. Cô nhìn anh bằng cái nhìn bình tĩnh và tinh khôn. Đó giống như một lời đề nghị yên bình - anh đừng tiếp tục cố gắng và cũng đừng tiếp tục chiến đấu nữa. Em biết. Em hiểu có một điều gì đó sâu sắc ở phía sau anh. Nhưng dường như cũng không phải. Nó ẩn sâu bên trong con người anh. Hãy để em chạm vào nó.

“Lily”, anh lẩm bầm. “Cái tên thật đẹp”, anh tự nói với chính mình một cách ngu ngốc. Bao tử anh còn cào cứ như vừa uống cạn một ly rượu nồng và giờ này đang nó lan tỏa ra khắp cơ thể anh. Anh lắc đầu. “Chúng ta cùng một phe mà, phải vậy không?”, anh cười tủm tỉm.

“Anh đang nghĩ gì vậy?”

Giọng cô lớn đến nỗi anh cảm thấy thẹn tuy nhiên anh vẫn giữ được vẻ bình thản. “Ý của anh là hai đứa mình với hai khuôn mặt bầm dập như vậy, thật là một cảnh tượng.” Anh quay đầu lại, cười với cô, và cô cũng mỉm cười, khi đó anh nhìn thấy tín hiệu một

chiếc xe khác đang muốn vượt qua. Frances để ý ngoài đường hiện lên một luồng sáng do đèn pha của một chiếc xe tải xoáy vào chiếc Kissel.

“Thứ này có thể đi nhanh hơn nữa có được không?” Cô tò mò muốn biết.

Tại nhà của Teresa, Hector khẽ lắc lư người theo nhịp nhạc rock bên cạnh lò sưởi ở gian bếp và lặng lẽ quan sát cuộc trò chuyện. Adelaide đang lo lắng điên cuồng.

“Em phải đến đó thôi, Teresa, con bé đó đã chiếm được anh ấy mất rồi, ôi Chúa ơi!” Cô khom người xuống và ôm lấy bụng.

“Bình tĩnh nào, bây giờ hãy nghe anh nói những việc chúng ta phải làm, Addy. Đầu tiên chúng ta phải tìm hiểu xem cô ta có ở nhà hay không bởi vì nếu ả vẫn ở nhà thì chúng ta không có gì phải lo lắng cả - Chúng ta sẽ nhờ Wilf Beel chở đi, và bây giờ là những việc chúng ta sẽ phải làm tiếp theo, nghe nhé: Anh sẽ đi đến cửa và nói rằng lão Madmoud đang hấp hối và rất muốn gặp các cháu gái của mình trước khi nhắm mắt, và nếu Piper bảo hãy quên chuyện đó đi, anh sẽ nói với hắn là có thể sẽ có liên quan đến một số của cải trong bản di chúc. Rồi anh sẽ lại bảo rằng Madmoud muốn hết thầy mọi người cùng đến hoặc không ai cả, nhờ đó chúng ta sẽ biết được nếu Frances không có ở nhà - và bây giờ, việc các em phải làm, các cô gái, là ngồi xuống đây.

“Khẩu súng của Hector đâu rồi?”

“Em định làm gì với nó?”

“Đừng có đặt những hỏi ngớ ngẩn nữa và bỏ những ý nghĩ ngu ngốc của em ngay lập tức.”

Hector trừng mắt với Adelaide rồi chỉ tay về hướng đầu tủ.

Adelaide trèo lên đầu tủ, Teresa đưa tay giữ chặt gối cô lại.

“Chị cảnh cáo em, Trese.”

“Addy, đi nhanh lên nào “

Ái da, một chân đạp ngược lại đúng ngay bụng cô. “Ôi trời, em xin lỗi”. Adelaide kéo khẩu súng trường trên đầu tủ xuống. “Cảm ơn, anh Hector.”

“Khẩu súng đó không còn sử dụng được nữa đâu” Teresa kêu lên, trong lúc vẫn đứng yên trên sàn nhà.

Adelaide bắn thử lên trần nhà, Teresa thét lên.

“Vẫn còn tốt” Adelaide nhảy xuống khỏi tủ, cũng bình tĩnh như mọi người trong tình thế khó khăn này.

Teresa nói nhanh. “Được rồi, Addy, chúng ta sẽ gọi Wilf và nhờ anh ấy lái xe chở tụi mình đi tìm cho đến khi nào tìm được họ mới thôi, không cần phải đến nhà họ đâu, anh nói đúng, ả không có ở đó, ả đang ở cùng với anh ấy, cho nên bây giờ hãy bình tĩnh và lên xe nào.

Trong lúc Jameels dỡ lô hàng cuối cùng đi khỏi, Jame đang uống stone - cold. Anh trèo vào chiếc Buick mui trần close-coupled 1932 không một chút tì vết và cho nổ máy xe. Chiếc xe màu nâu vàng. Những tên găng-xtơ thường hay đi xe màu đen. Anh chạy xe với tốc độ trung bình về New Waterford. Anh đã quyết định không tìm một khẩu súng trường. Cách giết người xấp lá cà tốt nhất là dùng lưỡi lê. Súng trường chẳng qua chỉ là dụng cụ hỗ trợ mà thôi, nó chỉ hữu dụng khi nào lưỡi dao bị mắc kẹt vào nòng súng và trong trường hợp đó anh sẽ phải nổ súng tự do. Tuy nhiên một thời gian sau khi bạn đã quen dùng nó, bạn sẽ phải tự biết cách để không gây ra tiếng động. Cả phía dưới lẫn

bên trên.

“Dừng lại.”

Một cảnh thông cong sà xuống chắn ngang và cạ sát vào xe tải của Ginger. Đây thậm chí còn không thể gọi là đường nữa. Anh tắt máy xe.

“Chúng ta phải đi bộ từ đoạn này rồi.” Frances nói. “Nắm tay em với.”

Anh làm theo. Phải vậy thôi, xét cho cùng thì chỉ có cô biết đường đi còn anh thì không và đó là một đêm tối mịt mù. Quả là một bàn tay gầy guộc và mềm mại.

Mercedes đang lau dọn cây piano. Cô vừa lấy hết các bức tượng nhỏ, khăn lót xuống và đang chuẩn bị tra dầu chanh thì cha cô bước vào, “Đưa cho ta chìa khóa của cái rương nào, Mercedes”.

Ông nồng nặc mùi rượu. Mercedes cảm thấy bất an.

“Có chuyện gì vậy cha?” Mặc dù hỏi như vậy nhưng cô biết cô chỉ cần đưa cho ông chìa khóa là đủ rồi.

“Đừng lo con yêu, sẽ không lâu đâu.”

Ông bước một lúc hai bậc thang một cách từ tốn. Mercedes đóng nắp chai dầu chanh lại, chùi tay và theo ông leo lên căn gác xép phía trên. Ông đang quỳ cạnh những món đồ trong rương bị rơi tung tóe trên sàn.

“Cô-Gái-Nhà-Quê này bị làm sao vậy?” Ông nhẹ nhàng hỏi, trong lúc cầm nó lên tay.

“Con lỡ tay làm hỏng nó trong lúc lau dọn, cha à, con không cố ý làm như vậy đâu ạ.”

“Ta sẽ cho con một con búp bê khác, Mercedes.” Ông tiếp tục

tìm kiếm. “Ta xin lỗi đã làm mọi thứ lộn xộn.”

Trixie nhảy xuống từ mép cửa sổ và đụng phải bức tường khi đến bên ngoài. Mercedes cảm thấy lạnh cả người. Giọng của ông rất lạ, chỉ khác với con người bình thường của ông khoảng chừng hai inch, bằng cách nào mà nó lại tăng lên khi ông uống say? Mùi hương này lại làm cô nhớ đến những đau khổ luôn luôn hiện hữu trong mình, trong cả những khoảng thời gian được xem như là tốt đẹp nhất của cô.

Ông tìm thấy thứ mà ông muốn tìm ở sâu dưới đáy rương, “Á”. Ông đã chuẩn bị để tìm thấy nó khi cần thiết một cách nhanh chóng, nhưng nó sắc như dao cạo, tuy vậy ông nhớ đã đặt nó bên trong rương vào thời kỳ chiến tranh. Được lắm, ông nghĩ thầm trong lúc mút mấy giọt máu ở đầu ngón tay.

“Cha định đi đâu vậy?”

Ông ấn mạnh đầu cô xuống, trước đây ông chưa bao giờ từng chạm đến cô. “Con phải ở nhà và coi chừng em.”

“Mọi người làm gì trên đó vậy?” Lily ở ngay dưới chân cầu thang gác xép.

“Quay trở về giường ngay” Mercedes ra lệnh.

James chạy nước kiệu xuống cầu thang gác xép, với lên gọi Mercedes, “Cha phải đi tìm Frances”.

“Không!” Mercedes thét lên.

Lily ngạc nhiên - âm thanh vừa nghe thấy còn quái lạ hơn cả việc cha hôn lên đầu nó với con dao dài đang cầm trong tay. Mercedes nhảy vào ống thông hơi của cầu thang gác xép, dùng lòng bàn tay của mình bám vào thành tường đẩy người tới trước. James tóm lấy cổ tay cô khi cô vừa xuống đến hành lang, ông

suýt nữa để rơi lưôi lê, và bây giờ nó đang nằm ở một góc. Lily không thể rời mắt khỏi nó.

“Cha sẽ không làm gì Frances đâu. Ta chỉ theo dõi cái thằng đang đi cùng với nó, chỉ có vậy thôi.” Ông bắt đầu cảm thấy hơi men bốc lên. “Ôi, đứa con gái bé bỏng của tôi...”

Ông ngược nhìn lên phía đầu cầu thang dẫn ở sảnh trước và ông đặt lưôi lê của mình trên tay vịn. “Ta sẽ quay lại ngay.”

Mercedes dùng một cánh tay che mắt Lily lại. Sau đó cô đẩy cha mình xuống dưới cầu thang.

Mặt đất dốc đứng. Họ vừa leo lên đỉnh đồi nơi có hầm mỏ cắt vào bên trong ngọn đồi.

“Cần phải trèo lên thôi,” Frances nói.

“Anh sẽ đi phía trước,” hấn rẽ về phía ngọn đồi và bọn họ bắt đầu.

Cô thở hổn hển và tay cô tuột khỏi tay anh, anh đưa tay tóm lấy ống tay áo đồng phục của cô, “Em có sao không?”

“Không sao.”. Cô tăng tốc. “...Ôi”

“Đợi đã.” Anh dùng tay nhắc bổng cô lên. Nhẹ tênh như một sợi lông vũ. Cô quàng tay qua cổ anh, và nói với vẻ trịnh trọng: “Cám ơn anh.” Anh bế cô lên đồi.

“Kia rồi.” Anh nhẹ nhàng đặt cô lên mặt đất trước một khung cửa tối mù mịt.

“Giờ thì ông có thể đi được rồi, thưa ông Taylor.”

Anh do dự. Anh không thể bỏ mặc cô gái này tại đây một mình trong đêm tối, anh có nữ nào làm như vậy hay không?

“Chờ đã, Frances, em không có một cái đèn pin nào à, hay là

em có mang theo một cái chăn hoặc thứ gì khác vào đó không?

“Anh đừng lo cho em, em sẽ ổn thôi. Tạm biệt anh nhé.”

Cô quay đi, hình bóng cô nhạt dần rồi bị nuốt chửng ở cửa khu hầm mỏ.

“Frances?”

Nhưng cô không đáp lời anh. Anh thu người lại, chồm người xuống dưới chỗ tối đen: “Frances!”

Ngập ngừng. Anh nhảy xuống cái hố.

Anh dùng một bàn tay lần dọc theo bức tường ẩm ướt, tay còn lại duỗi thẳng, anh đi chậm chậm, chậm chậm, lắng nghe từng bước chân của cô, “Frances?” Tại sao anh kêu thật khê, và tại sao cô không trả lời? Từng bước, từng bước, từng bước một trên sàn gập ghềnh. Anh rời tay khỏi bức tường và đốt một que diêm lên không có gì khác ngoài một bên đang được bóng tối bao trùm và phía bên dưới, đôi giày bụi bặm của anh đang nhìn lên một cách đầy tin cậy. Ánh sáng vụt tắt. Từng bước. Từng bước. Bây giờ thì anh dang rộng cả hai tay, tiếp tục bước đi trong chùng hai phút dài dằng dặc. Chân anh vấp phải một hòn đá làm cho nó lăn đi một đoạn, sau đó là ba khoảnh khắc im lặng trước khi có một tiếng đánh sầm chát chúa xuống mặt nước. Âm thanh nghe như ai đó vừa cắt cổ hòng Quỷ Sứ không chỉ là một rãnh nước nhỏ, mà là nước sâu. Tim anh đập mạnh, anh vội chộp lấy vách tường nhưng nó xa hơn anh nghĩ, và bị ném mạnh về phía khoảng trống trước mặt - anh bị trượt chân, và cảm thấy đau rát ở vai. Mặt sàn gần hơn anh tưởng tượng. Anh nằm cuộn lại một lúc cho cơn đau dịu lại. Chỉ có Chúa mới biết được một cái hồ nước nằm trong căn hầm tối tăm này sâu thăm thẳm như thế nào - đầu tiên là chìm

sâu xuống dưới nước, kế đó là sự hoảng loạn cùng cực, lịm dần từ dưới lên, đó là những gì bạn phải trải qua khi bị chết chìm cho dù bạn có là một tay bơi cự phách đi chăng nữa.

Anh hít một hơi sâu và hoàn hồn trở lại ngay, vẫn còn tốt hơn là “Chuyện gì sẽ xảy ra nếu cô ấy cũng rơi vào đây?” Anh không nghe tiếng quẫy nước, nhưng lúc đó cô rơi xuống quá nhanh, việc này có thể xảy ra trước khi anh bước vào khu mỏ, có nhiều khả năng là như vậy lắm hoặc cũng có thể là - anh đốt que diêm cuối cùng lên, đúng là có một cái hồ lớn, mặt nước đen ngòm. Có thể cô ấy đã nhảy xuống hồ với ý định trầm mình tự sát tối nay. Que diêm tắt. Anh cẩn thận hạ thấp người xuống sàn, đuổi người ra và cho một cánh tay sâu xuống bên dưới mặt nước, trong đầu anh thầm cầu nguyện, tim anh tràn ngập nỗi sợ hãi, cố gắng cảm nhận xung quanh. Lạnh buốt. Chẳng có gì. Có vật gì đó mềm mại. Ôi lạy Chúa Giêsu! Anh lần lượt thét lên như đứng trên xỉ than, giật phắt lên cùng với một vật gì đó thành linh tóm chặt lấy cổ tay anh, dưới mặt nước, đầu và vai ngập sâu, eo, đầu gối bám chặt mép hồ trong lúc anh giữ chặt một cánh tay vô hình bằng cả hai cánh tay mình, kéo cô gái trôi lên cùng với anh và xé toạc bề mặt hồ với một âm thanh mạnh mẽ và đau đớn.

Cô gái không mảnh vải trên người. Anh tìm nách cô và cho cô nằm trên nền đất gồ ghề, cô không trả lời, mắt nhắm nghiền, anh cảm thấy điều đó, anh tìm miệng cô, bóp mạnh miệng, hít một hơi dài - những người chết đuối vẫn thường kéo theo vị cứu tinh của họ cùng chết chìm với mình - luôn một tay đỡ dưới đầu cô và ấn mạnh miệng anh lên miệng cô, mở vết thương ở miệng cô, anh nếm được mùi máu và chính điều này làm anh cảm nhận được sự sống, vẫn còn âm ấm, anh hà hơi vào cô, cô phun nước ra

và bắt đầu nức nở.

“Em có sao không, Frances, anh không cố ý làm em đau đâu, bé cưng, đây rồi.” Anh muốn cởi áo khoác của mình đắp lên người cô nhưng quần áo của anh ướt sũng nên thay vào đó anh ôm cô trong vòng tay.

“Em xin lỗi,” cô khóc nức lên, “Em xin lỗi,” và dựa vào người anh.

“Không sao đâu, không sao mà,” Anh vỗ nhẹ lên vai cô.

Một lúc sau cơn run rẩy dịu lại, cô mân mê gáy anh, hôn đôi má anh rồi phớt nhẹ qua tai anh, “Cảm ơn anh”, cô tựa đầu mình giữa hai cẳng chân anh rồi bất giác đưa lưỡi lướt qua miệng anh, “em xin lỗi.”

“Đã ổn cả rồi em”.

“Xin anh đừng bỏ lại em, xin anh đó, em rất sợ bóng đêm”, cô tựa sát hơn.

“Không phải anh bỏ rơi em, chỉ là __” anh cảm thấy xấu hổ khi nhận ra điều này thật khó khăn, cho đến giờ anh vẫn chưa biết rằng anh khao khát cô, vẫn không hay biết, “xin lỗi,” và anh buông cô ra.

“Rồi sẽ ổn thôi mà,” cô thì thầm, hôn lên môi anh, di chuyển sát bên người anh “Ôi...”, cô rên lên và đưa mấy ngón tay bấu thật chặt vào vai anh. Anh kéo cô vào sát người thêm nữa tuy không có ý định gì khác, cô lại thở dài và cúi xuống, “sẽ ổn cả thôi mà Bánh Gừng bé nhỏ”, giọng cô thật êm ái, cô nhẹ nhàng kéo quần anh xuống. Anh rên lên. Đau khổ và khao khát, bởi vì như vậy cô đang ở trên anh và anh chỉ có thể tựa quây ở phía bên trong cô mà thôi.

Không được phép nhắc đến tên riêng của Ginger ở đây. Frances biết được tên anh đã là một điều tồi tệ lắm rồi.

Khi Mercedes rời tay ra khỏi mắt Lily, Lily nhìn thấy cha đang nằm sóng sượt dưới chân cầu thang. Lưỡi lê cũng đáp xuống một cách an toàn phía trên cách ông sáu nấc thang. Nghĩ lại, Mercedes dự tính khả năng ông không rơi xuống ngay bất kỳ vị trí nào cạnh lưỡi dao là rất cao, xét về vị trí tay ông trên thanh vịn cầu thang và cả khả năng ông có thể trượt lên món vũ khí lúc đang rơi xuống. Hơn nữa, ông đã chỉ ngã say nên cú ngã có vẻ không nguy hiểm. Tuy nhiên Mercedes phải đối mặt với sự thật là chính cô đã chỉ đẩy ông xuống. Rồi sau đó mới tính toán. Cô đã không đọc quyển Dr. Freud. Cô không tìm sự an ủi trong tiềm thức. Cô dám nhận lãnh trách nhiệm. Trong phút chốc cô quyết định chấm dứt sự ăn năn của mình trong mỏ than. Nó đột ngột xuất hiện trong cô khi cô gào khóc. Đúng rồi, cô sẽ thú nhận tội lỗi đã đẩy cha mình. Nhưng bây giờ cô đã hiểu được rằng trên thế gian này chưa từng có việc làm tốt đẹp nào mà không được đồng hành bởi tội ác. Đó là căn nguyên tội lỗi đã giáng xuống chúng ta. Chính vì vậy mà chúng ta mới được gọi là con người. Bản thân hoàn cảnh gây nên lỗi lầm chính là nỗi thống khổ mà con người chúng ta phải gánh chịu.

Chúa Trời không đưa cô đến thế gian này để làm ngơ trong khi đứa em gái Frances của cô sẽ bị giết. Nản chí là một chuyện. Nhận thức sai lầm là một chuyện. Và bị đâm bằng lưỡi lê lại là một chuyện khác. Dám vượt qua. Đủ mạnh mẽ để gánh lấy tội lỗi mình gây ra khi ta phải làm việc cần thiết phải làm. Đó chính là vị thánh trong gia đình này nhưng mình lại không phải là người như thế.

Chúa trời đã tạo ra Mercedes để trở thành một vị quan tòa. Không ai yêu mến bạn vì lẽ đó. Không giống như đứa trẻ tật nguyền vẫn hằng ảo tưởng. Người mà Mercedes yêu thương. Không giống như người phụ nữ vẫn tận tụy giúp vui cho mọi người. Người mà Mercedes quý trọng.

Mercedes đang đứng như trời trồng, nhìn chăm chăm vào James. Những người có đôi mắt nâu thường mang lại sự ôn hòa đến khắp mọi nơi. Và ấm áp. Hãy ngẫm lại mà xem.

Lily cẩn thận đi xuống cầu thang bằng chân trần, cả hai tay vịn lấy thanh tay cầm. Nó cúi người xuống chỗ James. Một hàng nước bọt trào ra từ khóe miệng ông. Nó vuốt tóc ông và hôn lên má ông. Hai hàng mi ông khẽ run lên. Cô ngược lên nhìn Mercedes và nói: “Cha vẫn chưa chết.”

“Tốt rồi. Bây giờ thì đi ngủ đi.”

Nằm cuộn tròn trong cái rương vừa được James mở ra, Trixie nghe tiếng Frances gọi tên mình và trườn ra ngoài, bước se sẽ xuống cầu thang, băng qua hành lang và đi vào căn phòng của Frances dùng chung với Lily. Nhưng Frances không có trong đó. Chỉ có mình Lily đang quỳ ngay cạnh cửa sổ, tay chống vào khung cửa nhìn ra ngoài. Trong khi Trixie vừa chạm vào lòng bàn chân của Lily thì Mercedes đi vùn vụt băng qua phòng ngủ, lưỡi lê lóe sáng lên trong tay cô. Phía bên trên ngay trong bóng tối của căn gác mái, Mercedes vội vã dồn mọi thứ vào bên trong rương rồi đẩy nắp rương lại để tránh cho chúng bị ẩm ướt và tránh bướm đêm.

Frances mở choàng mắt ra. Cô vừa có một giấc mơ về Trixie. Frances gọi mãi gọi mãi nhưng Trixie đã bị nhốt trong một cái

rương và ngạt thở dần. Nó chỉ là một giấc mơ. Không được cử động. Không được đánh thức anh chàng đang mê mết này của mình.

Frances không muốn đứng dậy và đánh mất đi cảm giác tuyệt diệu phía bên dưới chân mình. Và cô sẽ phải đứng lên khi anh tỉnh dậy bởi vì anh sẽ làm âm lên để rời khỏi nơi này, tự hỏi không biết anh đã làm điều quái quỷ gì, và nếu anh bỏ đi, cô sẽ phải bám theo anh, vì cơn đau của cô không có ý định đi bộ năm dặm để trở về nhà. Những gì cô hy vọng không phải là tình trạng nhạy cảm của chính mình.

Cô sẽ nằm yên như thế thêm một vài giờ đồng hồ nữa.

“Ngọ ngoạy ngón chân nào.”

James lầm bầm và đưa đầu ra. Mercedes đổ thêm nhiều nước đá nữa lên mặt ông và ông giật ngược trở lại theo phản xạ.

“Tốt rồi,” cô nói. Cô vòng ra phía sau ông, quàng hai tay qua nách ông, kéo ông lên ngồi trên ghế.

“Giúp chị với”, cô ra lệnh. Ông khụy gối xuống. Cô đỡ ông đứng dậy, sau đó lôi mạnh ông như kéo một khúc cây vào tiền sảnh, rồi ông ngã xuống tràng kỷ và tiếp tục mê man. Cô khoanh tay nhìn ông một lát, sau đó cô chạy ra ngoài và quay lại với một cái mền. Cô trải nó lên người ông.

Đều đều hiện về trong tâm trí cô là những mảnh ký ức mà cô và Frances không thể chứng kiến cùng một lúc. Cô đã lưu giữ ký ức này ở phía trên hàng tá những sự kiện còn đọng lại trong tâm trí của mình. Không thể chôn vùi. Ngay chỗ kia là nơi mà cô sẽ lại phải nhìn thấy nó mỗi khi đi ngang qua cánh cửa đang mở. Nhưng khi cất nó vào căn phòng phía sau nhà, cô vẫn có thể tin

rằng nó thuộc về một trong những thứ lật vạt cũ kỹ. Miễn là cô đừng nhắc đến nó, nó cũng sẽ không bị chú ý đến bởi những tay nghiệp dư và cả những chuyên gia theo cùng một cách thức tương tự theo kiểu: một cái khung sơn son thiếp vàng phủ đầy bụi, một bức họa bị quên lãng - ai mà có thể nghĩ ra nổi tại đây ẩn giấu cả một kiệt tác bên trong.

Nhưng nó vừa chuyển mình. Nó đang tự giằng co để thoát ra khỏi cái khung ảnh, và giờ đây nó đang đến gần hơn, gần hơn nữa - dừng lại đi. Quá xa như vậy đã đủ lắm rồi.

Mercedes mở nắp chai dầu chanh và nhặt miếng giẻ lau bụi lên. Nếu cô cứ phải nhìn thấy những thứ đã hiện ra trước mắt cô, cô cần phải cầm một thứ gì đó trong tay.

Nó ở đây ngay trong phòng khách này. Bức tranh được nhặt ra từ đồng lật vạt mang tên “Cha và Frances trên Chiếc-ghế-bập-bênh”. Nhưng ở đây chưa từng hiện hữu chiếc ghế bập bênh nào cả, cả phòng này hay những phòng khác cũng vậy. Chỉ có mỗi chiếc ghế tựa màu xanh nhạt. Mercedes dùng miếng giẻ trắng lau đi lau lại, mang đến một vẻ sáng bóng cho cây đàn piano bằng gỗ dụ.

Đó là vào cái đêm Kathleen mất. Tôi bị đánh thức khi Frances bước ra khỏi giường. Bạn có thể nhìn thấy dấu chân của con bé in trên tấm trải giường và cái gối trắng như tuyết. Tôi nhìn ra ngoài con sông nhưng con bé cũng không có ở đó. Tốt. Có thể nó đã xuống dưới nhà tìm thức ăn. Đến giờ có lẽ con bé đã đói lắm rồi, đến bây giờ nó vẫn chưa có gì bỏ bụng, chỉ ăn trong tưởng tượng suốt hai ngày nay. Mình cũng sẽ đi xuống đó, và làm món bánh mì quế. Tôi hình dung ra cảnh mình và Frances cùng ăn bánh mì quế và uống Coca ở bàn ăn trong nhà bếp, nhưng tôi chưa mặc áo

khoác hoặc mang dép, đó là nguyên cớ vì sao tôi biết tôi không chắc chắn lắm về món bánh mì quế. Có chuyện gì đó tồi tệ đang xảy ra khi Frances rời khỏi giường. Tôi không sợ bóng tối. Tôi có hai bím tóc dài tết theo kiểu Pháp. Trong khi đang đi xuống cầu thang, tôi nghe một âm thanh giống hệt như tiếng kêu của một chú chó con. Tôi bước xuống cầu thang, đi theo hướng có đèn đến hành lang bên phải trước nhà. Phía bên trái là gian bếp tối om và một cái mùi nghe cứ như mùi nội tạng của một ai đó. Trong phòng khách có một cái đèn đọc sách đang được bật sáng, ánh đèn màu vàng, chụp đèn có nếp gấp đứng đằng sau chiếc ghế tựa. Tôi bước đến lối đi. Tôi đã đứng, chính là cái đèn đọc sách. Frances ở đó và đang nhìn tôi. Tôi tự hỏi không biết nó đã chờ tôi ở đó bao lâu rồi. Khi đó mái tóc vàng của nó xoắn tít và không có nếp nhăn. Nó đang ngồi trên đùi cha, nghiêng nghiêng, đối diện với tôi. Đong đưa. Cha đang đong đưa dỗ dành cho nó ngủ. Nhưng vô ích, nó vẫn còn thức. Cha không nhìn thấy tôi vì ông vẫn đang nhìn mái tóc của nó. Miệng cha khê hé ra, có dạng trăng khuyết ngược. Gương mặt cha trông cứ như ông đang bị sóng biển kéo giật lùi về sau, đầu rướn về phía trước để tránh bị nhận chìm. Tay phải cha thả lỏng, hầu như không chạm đến mái tóc vàng tơ của Frances lúc nó trở mình trên cái gối, và tay trái xoa lên xoa xuống áo ngủ của nó cứ như một con rối. Cha nói gì đó tôi không nghe rõ, sau đó thở dài, rồi lại “con gái bé bỏng của tôi”, và nhai đi nhai lại từ “xinh đẹp”, rồi ông lại đẩy nó xuống kẹp vào giữa hai chân và dùng một tay chặn trên ngực nó, tay còn lại vẫn còn ở dưới, hai cha con lúc này cùng hướng về một phía nhưng Frances quay mặt lại cố giữ liên lạc với tôi bằng mắt. Đầu cha giật ngược lại và ông lại dùng hai chân kẹp nó lại lần nữa, một lần nữa, ba lần và

một nửa, cho đến khi cha run lên dữ dội. Đó là khi nỗi sợ hãi rời bỏ ông và ông lau nhàu gì đó với nó rồi nức nở trên mái tóc của nó. Frances và tôi nhìn nhau cho đến khi cha thiếp đi như thế, rồi sau đó nó trườn ra khỏi tay cha và đi đến chỗ tôi. “Không đau chút nào đâu,” nó nói. Rồi tôi chợt nhìn thấy một phần da thịt của cha xuyên qua lỗ thủng nhỏ trên chiếc quần của ông. Tôi lấy chiếc khăn quàng cổ được móc bằng tay trên tràng kỷ và tôi đặt nó lên người ông mà không dám quay nhìn lại, thật khiếm nhã khi nhìn chăm chăm như vậy. Có tiếng kêu xèo xèo từ gian bếp. Tôi không thích mùi nấu bầu dục. “Em cũng không thích” Frances nói. Chúng tôi quay trở lên trên lầu và tôi cất giọng hát ru đến khi tôi cũng ngủ thiếp đi. Ngày kế tiếp, Frances mút bột rồi đến mẹ qua đời trong gian nhà bếp.

Đàn piano bóng loáng như một cái gương nhưng Mercedes không nhìn vào hình bóng mình trong gương, cô đang nhìn trân trân vào cha đang mê man dưới cái chăn.

“Mercedes?”

“Em đang làm gì vậy Lily?”

“Frances có ở nhà không?”

“Không có.”

“Dạo này chị có gì lo lắng à?”

“Ừ.”

“Em biết chị ấy ở đâu rồi. Ambrose đã kể cho em nghe.”

Lily không thể cho Mercedes biết bằng cách nào mà nó biết được nơi mà Frances đã đến những lúc không về nhà. Bởi vì như vậy nghĩa là nó đang ba hoa chuyện của nó với Frances về việc nó sợ đến tè ra quần vào cái ngày chúng đến khu mỏ cũ kiểu Pháp

khi mà hai đứa vẫn còn là Chim Non và Thanh Nữ. Đó cũng có nghĩa là nó sẽ để lộ ra chính Frances là người đã kể cho Lily về Ambrose tại nơi chốn đầu tiên, cả nơi ở của thằng bé hiện giờ, và cả việc thằng bé đã làm những gì vào ban đêm. Nếu Mercedes khám phá ra chuyện đó, nó sẽ bắt đầu đối xử với Frances như thể một nhân vật vô cùng đặc biệt đối với Chúa trời. Frances không phải như vậy. Nó có thể chạy trốn. Hay tồi tệ hơn, nếu Mercedes biết được Ambrose chính là món quà từ Frances, cô có thể nghĩ rằng Ambrose chính là tội lỗi.

Mercedes biết Frances hư hỏng, nhưng cô vẫn yêu quý Frances, bởi vì thật khó để mà trở thành một đứa con ngoan trong gia đình, và lại càng khó hơn nữa khi vẫn cứ mãi là một đứa con hư hỏng. Lily hiểu điều đó. Còn có ai trên thế giới này mà Lily yêu quý hơn Frances? Thậm chí không phải là cha. Còn có ai trên cõi đời này mà nó sợ hơn Mercedes, người mà ly ca cao của chị ấy đã được rót đầy gấp hai mươi lần ly ca cao dành cho Lily trong buổi sinh mười bốn tuổi của nó, khi mà chuyến đi của họ đến Lourdes cùng với một đám người đặc biệt khác đến để tắm tại con sông của chị em chúng ta và để lại mọi thứ đặc biệt của họ tại dòng sông này mãi mãi? Lily tự hứa với lòng mình, với cái chân nhỏ bé của nó, rằng - điều thứ nhất - nó sẽ không bao giờ để cho nó bị cắt bỏ. Và - điều thứ hai - nó sẽ không bao giờ để nó biến mất ngay cả với bất kỳ phép màu nào. Cái suy nghĩ phản bội lại một phần thân thể kiên cường của mình, phần thân thể lúc nào cũng gắn kết và đồng hành cùng sải bước ngay cả khi nó bị tàn phế. Có thể nói rằng, đây chính là phần thưởng của bạn: không ngừng trở thành - trở thành, thay vì, một cặp song sinh giả tạo cho một cái chân lành lặn. Cái chân hỏng của nó trở nên đặc biệt

bởi vì nó quá mạnh mẽ. Tuy nhiên, Lily cũng hiểu rằng đối với những người khác thì nó đặc biệt chỉ vì nó yếu. Không một ai, kể cả các chị em trong gia đình này, lại để mặc cho họ vẩy nước thánh lên đôi chân nhỏ bé của nó.

Mình không thể cho Mercedes biết sự thật về Ambrose, Lily nghĩ thầm. Mercedes yêu quý mình vì mình đặc biệt với Đức Chúa Trời. Nếu chị ấy nghĩ mình rất gần với Quỷ sứ, mình có lẽ sẽ bỏ chạy mất thôi. Mình có thể nhìn thấy điều đó từ cái móng tay bị gãy của Mercedes cách mà cha đã bị thương ở ngay dưới chân cầu thang.

“Ở đâu?” gương mặt Mercedes không biểu hiện chút gì cảm xúc.

Lily ngược nhìn Mercedes và nhìn thấy vết sưng trên thóp thoáng hiện ra trên trán của cô. “Ambrose bảo là đừng có lo lắng. Chị ấy đang đi với một gã không tệ chút nào đâu.”

Công bằng mà nói Lily chắc chắn rằng ít ra phần sau đúng với sự thật. Hôm nay cha đang đi làm, Mercedes đã xin nghỉ phép để lau dọn phòng cầu nguyện ở nhà thờ Mount Carmel và Lily đang viết nhật ký trong phòng riêng của nó - “Nhật ký thân yêu, cho phép chị tự giới thiệu nhé” - khi Frances chạy xuống khỏi gác xép và băng ngang qua cánh cửa phòng ngủ, Lily thoáng thấy cô và gào lên, “Frances!” Nhưng Frances vẫn lọc cọc chạy xuống cầu thang tiền sảnh, năm bước cuối cùng nó phóng nhanh, nhảy mạnh xuống sàn và phóng cái vèo qua cửa. Lily chạy xuống cầu thang một cách nhanh nhất mà nó dám chạy, “Frances, có chuyện gì vậy?”, nó suýt trượt ngã và phải bám lấy thành cầu thang. “Frances!”, Lily hét lên.

“Frances!”, cô chế giễu, kéo mạnh cửa và ngẩng lên cười toe toét với Lily, nửa gương mặt bên trái đầm máu, chiếc khăn quàng cổ cũng ướt sũng. Nước mắt Lily rơi lã chã nhưng Frances đã cho Lily biết sự thật, “Đừng có lo, Lily, không phải máu thật đâu.” Và cô bỏ đi.

Lily quay trở lên gác xép nhưng ở đó chỉ có một cái thùng than đá rỗng. Nó chạm vào mép thùng và trên ngón tay bỗng xuất hiện màu đỏ. Nó nếm thử. Muối và sắt. Cô rửa thùng than trong phòng tắm và mang trả nó về hầm rượu.

Lily không thể kể với Mercedes là Frances đã tự đánh mình. Mercedes có thể sẽ nghĩ rằng Frances đang mất trí. Đó có thể là nguyên do của sự đặc biệt của nó với Đức Chúa Trời.

“Mặc áo vào đi, Lily.”

Trước đây Mercedes chưa từng cầm lái. James luôn đỗ xe ở thì thứ hai nên luôn phải giữ thì thứ hai trên suốt cả đoạn đường, Mercedes ghì chặt tay lái và chạy băng băng vào trong bóng đêm.

“Gương mặt chị ấy vừa bị đánh, nhưng không phải do người đàn ông kia làm”

“Chị biết, Lily.”

Lily liếc ngang qua Mercedes và nói một cách thận trọng: “Em đã nhìn thấy nó xảy ra như thế nào nè”

Mercedes nhìn lại: “Vậy hẳn có thấy em chứng kiến chuyện đó không?”

“Em không nghĩ vậy đâu”

“Đừng có lo, Lily, hẳn sẽ không bao giờ đụng đến con bé nữa”

đâu” - Lily suýt nữa buộc miệng nói, “Không phải cha làm đâu”, nhưng nó đã kịp thời dừng lại. Sương mù ngưng đọng và họ đang ở giữa một khoảng trống êm ái - có vẻ như là họ đã không hề di chuyển về phía trước, và cái xe giống như đang lắc lư qua lại tại chỗ. Mercedes lại nhìn băng quơ về hướng kính chắn gió. “Mình sẽ không để cho hấn ta...”

Họ lặng lẽ di chuyển trong bóng tối một lúc. Bạn có thể chỉ ra mép đường ở đâu bằng cách nhìn ra cửa sổ cho đến khi bạn thấy một rặng thông chạy qua. Lily không thể hoàn thành nhiệm vụ này cho đến khi có một vật gì đó lạnh lẽo đặt xuống bàn tay kia của cô.

“Hãy cùng chị cầu nguyện cho cha nào, Lily.” Và Mercedes nắm chặt tay Lily.

“Hãy cầu xin Chúa tha thứ cho cha.”

“Bởi vì cha không biết ông đã làm những gì...” Lily nói.

“Hãy cầu nguyện một thập kỷ cho chuỗi tràng hạt nào.”

“Chị có mang chuỗi tràng hạt theo không?”

“Chúng ta không có chuỗi tràng hạt, chúng ta có niềm tin.”

Nhưng Mercedes cần phải có gì đó để đếm, vì thế cô đếm những nấc nhỏ trên cái vô lăng gỗ, mỗi nấc là một lời khẩn nguyện, cho phép chúng lần giữa các ngón tay cô. Một nấc. Từng nấc. Từng nấc một.

Khi mà tay trái của Mercedes lần ba vòng trên cái vô lăng, tay phải của cô cảm thấy hơi ấm từ tay của Lily, cả hai đều lạnh lẽo.

Lưng của họ càng lúc càng đè nặng lên ghế tựa phía sau cho thấy con đường đang dốc lên. Từng gợn sương mù vuốt ve chiếc xe, và bỏ mặc nó cùng với thời gian, không gian và bóng đêm.

“Về vang thay cho người cha, và Con Trai, và cho những Linh Hồn, vì chỉ mới bắt đầu, bây giờ và cũng có thể sẽ là__”

“Queo ở đây.”

“Đó đâu phải là đường, Lily.”

“Em biết.”

Họ lão đảo và gầm thét vượt qua những nhánh cây đang gào thét cho đến khi đuôi của một chiếc xe tải xuất hiện trong ánh đèn pha của họ. Mercedes cảm thấy mắt và bụng của cô ứa dấm. Cô đọc dòng chữ in trên đó “Vận tải Leo Taylor”.

“Anh ta không phải là người xấu đâu Mercedes.”

Ánh sáng chiếu trên chiếc xe tải mờ dần. Họ ra khỏi xe. Mercedes đã mang theo một cái đèn dùng trong hầm mỏ của cha. Cô bật nó lên.

Lily cảm thấy thật tội lỗi khi để cho Mercedes nghĩ rằng cha đã đánh Frances. Nhưng ngày xưa ông đã từng làm như vậy. Những sự thật không nghi ngờ trong quá khứ vẫn có thể được nhắc lại và không hề tàn lụi theo thời gian. Đó là vòng đời, có thể nói như vậy. Mặc dù Lily biết rằng người đàn ông ở cùng với Frances trong hầm mỏ đã không hành hạ chị nó, nó không mảy may lo lắng về điều đó. Trong các bộ phim, khi một cô gái để ý đến một anh chàng nào đó cô nàng sẽ trang điểm cẩn thận, nhấn lại phần mũi và tô điểm thêm một tí son. Nhưng anh ta là loại đàn ông nào mà đến mức độ một cô gái để làm cho mình quyến rũ hơn phải tự đâm mạnh vào mặt mình chứ?

Lily và Mercedes đi từ từ, dọn dẹp đường bằng qua những thân cây, ghim chặt lại cho người sau đi qua. Lily căng thẳng khi phải chỉ ra dấu vết của Mercedes đã đánh dấu vào một ngày tháng

Mười Một khoảng ba năm về trước. Cô không chỉ những dấu vết đó ra cho Mercedes thấy. Vì suy cho cùng, bạn không thể để ý thấy những dấu vết đó trừ khi bạn đã được biết trước là chúng hiện diện ở đó. Frances khắc lên mỗi thân cây bằng cái kéo làm bếp. Cây kéo chẳng bao giờ thay đổi trong lịch sử cổ đại. Người Ai Cập cũng đã từng dùng kéo, màu mắt, nữ trang và cả thú cưng như mèo cũng hết như chúng ta đang sử dụng, trong một quyển sách mạ vàng lộng lẫy mà Lily được Bố tặng vào dịp Giáng Sinh, quyển Bí Mật Của Vua Tut. Tuy nhiên họ vẫn chưa có vô lăng xe.

“Chị có nghĩ là người Ai Cập đã có vô lăng xe không, Mercedes?”

“Chị chắc rằng chị chưa từng biết hoặc cũng chưa bao giờ quá bận tâm về điều đó.”

“Em nghĩ họ có sử dụng nhưng nó quá linh thiêng nên họ không vẽ nó ra. Hoặc giả là họ muốn giữ cho nó thành bí mật của riêng họ.”

Mercedes dừng lại. “Còn bao xa nữa?”

“Chúng ta đã đi được khoảng phân nửa đường rồi.” Họ vừa mới đi qua khỏi cây có đánh dấu “R” - chữ thứ tư trong tổng số cả thảy bảy chữ, mỗi chữ được đánh dấu cách nhau bảy cây.

“Suy cho cùng thì,” Lily tiếp tục, “họ thờ phụng mặt trời và mặt trời thì tròn.” Lily đếm bảy cây và sau đó lại dừng lại.

Mercedes hướng ánh đèn lên một cái rãnh ở vỏ cây nơi mà Lily đang nhìn.

“Em đang nhìn gì vậy?”

“O” Lily đọc. Sau đó quay sang Mercedes. “Chúng ta sắp đến rồi.”

Mercedes biết chắc rằng em cô đã được hướng dẫn trước. Cô nhìn vào mắt Lily, và Lily cảm thấy lưng cô bỗng trở thành một quyển sách được mở ra từ giữa sống lưng, vào một hành lang tối đen và dài vô tận tràn ngập những điều mà Mercedes khẩn cầu. Đây là cái nhìn của sự Tôn Kính. Cũng như cái nhìn của Lòng Trắc Ẩn, thật đáng sợ. Nhưng Lily đã học được cách để vẫn cứ là Lily khi phải đối diện với một cái nhìn như thế. Chị ấy giữ đôi mắt của mình theo cái cách mà bạn có thể khoanh tay khi đối diện với một ai đó đang gặp nguy hiểm như ngã xuống từ trên cao chẳng hạn: đứng yên lặng, điềm tĩnh. Con người hèn nhát này từ việc tự mình nhảy xuống và cả việc tự giết mình, vì một lẽ rằng họ chỉ muốn biết có thể có một ai đó ở bên dưới đang chờ đợi để đón lấy họ hay không. Cái cách mà Lily nhìn khi mà đôi mắt của nó điềm tĩnh theo kiểu này chính là cái nhìn của Lòng Trắc Ẩn và sự Tôn Kính, có thể được gọi là “ban phúc lành.”

“Em có mệt không Lily?” Mercedes hỏi nhỏ, và để cho lưng của Lily tựa sát vào.

“Em không sao. Chúng ta sắp đến rồi.” Và họ tiếp tục đi. “S.” Và cuối cùng là “E.”

“Trên kia.” Lily chỉ.

Mercedes rọi ngọn đèn đến chỗ mặt dốc đột ngột của ngọn đồi. “Tốt hơn em nên chờ ở đây, Lily.”

“Không. Em nên đi.”

Họ nắm tay và đi ngang qua ngọn đồi. Không như Frances, Mercedes thường để tâm đến các nhóm Hướng Đạo và đã học được cách để trèo lên một ngọn đồi dốc mà không bị té, và cách lội ngược dòng an toàn.

Mercedes biết rằng Frances không xa lạ gì bọn đàn ông, cô chỉ tự hỏi tại sao Frances có thể tránh thai trong một thời gian dài. Nhưng đêm nay thì khác. Để cha phải giận dữ, thì phải làm như vậy. “Khác nhau như thế nào ? “ Mercedes tự hỏi, miễn là James vẫn còn nằm sóng xoài dưới chân cầu thang. Cô nảy ra nghi vấn và dần dần tìm ra câu trả lời. Chính Lily đã nói rằng Frances không đi với một “gã tồi” đã gợi ý cho Mercedes. Chắc hẳn rằng Frances đang yêu. Lên kế hoạch chạy trốn với một người đàn ông, cho dù hẳn ta có là ai đi chăng nữa. Nhưng tại sao lại phải chạy trốn ? Chắc hẳn phải có trở ngại nào đó. Người đàn ông đó chắc hẳn đã lập gia đình rồi.

Như vậy mới là Frances, chạy trốn với một người đàn ông không bị ràng buộc và anh ta sẽ chăm sóc cho nó ? Một người nào đó, bất kể là đàn ông hay phụ nữ có thể chịu đựng Frances được trong bao lâu? Ai mà có thể yêu thương Frances ngoài Mercedes? Frances và người tình của nó sẽ sống ở đâu khi mà hẳn ta đã có được mọi thứ? Hàng trăm, có lẽ sẽ là cách đây hàng ngàn dặm, cũng có thể ở một đất nước xa xôi nào khác? Frances cạn kiệt, không tiền cũng không có tình yêu, sẽ chết ở một nơi tha hương nào đó. Mercedes không thể chịu đựng ý nghĩ này. Điều này như đốt cháy cổ họng và sát muối vào mắt cô. Frances yêu quý. Frances bé bỏng, cô đơn, sẽ chết dần chết mòn mà không có ai ở đó để yêu thương nó vì chẳng có ai nhớ đến nó cả.

Mercedes đi lên ngọn đồi, họ gần như đã đến nơi. “Nhanh lên, Lily.” Cảm ơn Chúa Trời, cảm ơn chúa Giêsu, Mery và Joseph và tất cả các vị Thánh Thần, vì đã ban cho Lily khả năng tuyệt diệu này. Nếu linh cảm của Lily là đúng, và ngăn chặn Frances chạy trốn, đó sẽ là một kỳ tích thật sự. Vẫn còn đủ thời gian để đi gặp

Tổng Giám Mục khi Frances an toàn trở về nhà.

Ngọn đèn cũ rọi sáng mép vòm - một rãnh nứt dài trên mặt đất, một cánh cửa đại, một vệt đá vôi và bên trong là bức tường mục rỗng. Những tác phẩm điêu khắc sẽ chẳng bao giờ tồn tại nổi ở một cái nơi như thế này, quá ẩm ướt.

Mercedes khẽ gọi: “Frances.”

Lily thì thầm, “Đường hầm có một khúc quanh, rồi đến một cái hồ sâu.” Cầu xin Chúa, xin người hãy cho đó là một người đàn ông tốt.

Họ đi vào.

“Frances”

Frances nhất định sẽ chạy trốn, Mercedes nghĩ, vì thế cô thật từ từ, chậm chậm, hướng ngọn đèn từ nơi này đến nơi khác, kiểm tra mọi góc ngách và mọi vết nứt. Lily vẫn nhìn xuống dưới chân, chờ đợi sự sợ hãi kéo đến khi Mercedes nhìn vào khu mỏ chết chóc, cái xác người lính. Nhưng nó đã không đến. Với quá nhiều sự khác biệt so với những gì nó nghĩ, Lily nghi ngờ, liệu khi đó chỉ là một giấc mơ hay không? Nó đã xảy ra thật sao? Liệu đó có phải là mình hay không?

Hành lang bắt đầu chuyển hướng sang phải.

Frances đã nghe thấy tên mình và đẩy Ginger đi khỏi đó. Anh thức dậy, lạnh người vì xấu hổ, và tràn ngập hối hận.

“Im lặng,” Frances kêu. “Có ai đó đang đến.”

Cô mò tìm xung quanh tảng đá nơi cô đã giấu bộ đồng phục.

“Ngồi yên ở đây, Frances, anh sẽ ra xem đó là ai.”

“Đó là chị của em và có trời mới biết được còn có người nào

khác,” nó vội vã mặc quần áo vào.

Anh vô cùng bối rối. Ngay cả nước trong hồ còn chưa lạnh như thế này.

“Frances, anh không có ý lợi dụng em.” Cô cười trong lúc kéo mạnh đôi giày.

Lần này cả hai đều nghe tiếng gọi cô.

“Ôi lạy Chúa”. Anh cảm thấy tỉnh táo và cài cúc áo vào. Anh nghe tiếng bước chân nó bắt đầu bước đi. Ginger chạy vụt ra và bắt lấy cánh tay cô, thật mỏng manh.

“Ôi”. Cô dẫn ra nhưng anh không để cho cô đi.

“Em sẽ đi đâu?”

“Về nhà.”

“Em làm sao vậy, cô bé?”

“Bỏ tay ra khỏi người em.”

“Anh xin lỗi đã chạm vào em, nếu anh mang lại phiền phức cho em, và nếu anh đã làm em tổn thương__”

Cô cười. Anh để cho cô đi khỏi đó.

“Xem kia”- cô kêu lên -” Hãy quên chuyện này đi. Cả hai chúng ta đều đã có được điều mình muốn rồi.”

“Em muốn anh giúp em.”

“Anh đã làm, cảm ơn anh. Nếu chuyện đó không thành công thì có lẽ em đã sinh con, bởi vì rõ ràng anh không thể.”

Khi anh bắt được cô lần nữa, anh kẹp khuỷu tay cô về phía xương sườn. “Nhưng vậy là ý gì?” Anh bị sốc vì chính cơn giận của mình.

“Bình tĩnh nào, anh bạn, em sẽ không cần thứ gì khác từ anh.

Và em sẽ không kể cho bất kỳ người nào khác nếu anh không muốn.”

Nhưng anh không để cho cô đi. Hơi thở nóng hổi của anh phả thẳng vào mặt cô. Anh cảm thấy mình có thể xé cô ra làm hai mảnh ngay lập tức, như vậy đó, và điều này làm anh thấy sợ. Frances thì hiểu rõ hơn. Nếu một người đàn ông muốn đánh bạn, thì đòn đầu tiên sẽ đến trong vòng ba giây. Đã hơn mười giây rồi, mà anh vẫn còn đứng yên trong bầu không khí nặng nề.

“Thôi nào, Leo. Anh thích như thế, em có thể nói như vậy đó.”

“Anh đã cứu sống em.”

“Cái mộng của em, anh đã làm như vậy đó.”

Anh chùn bước, không muốn tiếp nhận điều nay ngay.

“Vậy còn cha em thì sao, em có thể về nhà không, ông ấy sẽ giết em mất.”

Cô bắt đầu ra vẻ ngạo mạn và quý phái. “Cha em chưa bao giờ động đến em”. Anh để cho cô đi. Có ánh sáng xuất hiện ở ngay khúc quanh. Frances đi về hướng đó.

Anh chưa bao giờ thật sự thấy có bao nhiêu người đến với cô. Trong tất cả mọi chuyện, có lẽ điều anh xấu hổ nhất vẫn là ẩn nấp đằng sau, sợ hãi vì phải dựa dẫm vào lời hứa của Frances không kể ra sự việc. Nhưng điều gì sẽ xảy đến với gia đình anh nếu tối nay anh bị giết. Hở thẹn và cơ cực.

Cùng với suy nghĩ về gia đình, Ginger chìm đắm trong những suy tưởng mà dường như đó là khói thuốc phiện đối với anh. Ở đó trong khu mỏ ẩm ướt, đầu óc anh lần đầu tiên thấy rõ ràng và thông suốt toàn bộ những điều mà anh không được biết trong một quãng thời gian dài. Kể từ ngày ở New York. Trái tim anh

nặng nề, rỉ máu và đấu tranh dữ dội, nhưng đó là trái tim của anh. Anh cảm thấy rõ ràng sự hiện diện của con người mình trong từng phần tử nhỏ của cơ thể và cơ thể anh rõ ràng trông kiệt sức hơn so với hình dáng lần trước - hết như cơ thể của người yêu dấu, một người tưởng chừng như đã chết từ lâu, bỗng trở về với dáng vẻ dãi dầu sương gió hơn xưa nhưng rất gần với bản ngã của anh ta hơn bất kỳ hình ảnh nào lưu lại trong ký ức hoặc trong tấm ảnh nào khác.

Anh tràn ngập niềm vui và phiền muộn khi lại được sum họp với chính mình. Lòng khoan dung.

Mặt trời sắp ló dạng. Đầu gối Adelaide khẽ run lên và cô không thể nén lại một cái ngáp dài. Teresa nhìn Wilfried Beel đầy ngụ ý. Wilf nói, “Có một cái buồng đi sẵn trước đây tôi thường dùng ở ngay cuối con đường này, nếu nó vẫn còn tồn tại thì rất có thể chính là điểm đó__”

“Đừng lo, Wilf,” Adelaide nói. “Hãy về nhà, có lẽ anh ấy đang đợi em ở nhà.”

Teresa cảm thấy nhẹ nhõm. Họ đã chở Addy đi vòng vòng suốt đêm và phủ lên người cô một lớp bụi đường, họ đã lái xe nửa đoạn đường đến Meat Cove, và cuối cùng cũng có kết quả. Teresa không lo lắng nhiều về cuộc tìm kiếm của họ rốt cuộc sẽ dẫn đến điều gì. Cô chỉ muốn giữ Adelaide tránh xa khỏi ngôi nhà của Piper nơi có khẩu súng trường kia thôi. Cô đã thông minh đột xuất, em dâu cô, Chúa trời đã phù hộ cho nó. Chẳng tốt đẹp gì khi phải nói rằng Ginger sẽ không chạm đến con quỷ cái đó khi bị nó mê hoặc.

Adelaide nói đúng. Khi họ đi vào trước ngôi nhà của cô, bên

trong đủ sáng để họ nhìn thấu qua mấy ô cửa sổ của cửa cái hai lớp đã bị khóa chặt và thấy Ginger đang ở bên trong gara an toàn.

Khi Frances chào Lily và Mercedes trong khu mỏ cô chỉ nói, “Chị có mang theo xe hơi không?”

Mercedes cảm thấy nhẹ nhõm và không hề chú ý lúc đầu Lily lạc mắt ở khúc quanh nơi Frances xuất hiện. “Lily, chúng ta đi về nhà nào.”

“Còn người đàn ông thì sao?”

“Hắn đã có xe riêng rồi,” Mercedes trả lời. Cô không hy vọng sẽ nhìn thấy những gì đang nằm nơi gần khúc quanh. Việc Frances bằng lòng bỏ nó lại đối với Mercedes là đủ lắm rồi.

Về đến nhà, Frances nhất định không chịu đi tắm, “Em đã tắm tối hôm qua rồi.” Khi Mercedes dùng đôi tay khỏe khoắn để ép cô, Frances phản kháng lại như một con mèo, bám chặt tay và chân vào bồn tắm cho đến khi Mercedes bỏ cuộc. Sau đó Frances rửa tay, mặt và chân trong khi Mercedes đứng chờ với một cái khăn sạch.

“Em yêu anh ta à?”

Frances chỉ khịt mũi.

“Em có định gặp hắn nữa không?”

“Cái gì, chị đang ghen tị hả, Mercedes?”

“Chị chỉ không muốn em bị tổn thương mà thôi.”

“Chị có đồng tính không đó, Mercedes, chị có bao giờ nghĩ về điều đó chưa? Có muốn không? Chúng ta có thể thử.” Frances cười nhưng cô chẳng thấy vui về gì, chẳng có thứ gì khác có thể vui hơn, cô vừa trải qua cái cảm giác kiệt sức và tuyệt vời.

“Em có đói không?” Mercedes hỏi.

“Có.”

“Chị sẽ đi nướng bánh mì quế”. Và cô quay đi.

“Mercedes?”

Mercedes ngáp ngừng ở cửa phòng tắm nhưng không quay đầu lại. Frances tiếp tục, “Từ nay em sẽ cố gắng tốt hơn. Em sẽ có một em bé khỏe mạnh.” Mercedes thở mạnh và cúi đầu.

“Mercedes?”

“Ừ?”

“Chúng ta có uống ca cao nhé?”

“Ừ, tất nhiên rồi.”

“Vào uống tách trà nhé?”

Wilf và Teresa lịch sự từ chối. Adelaide vào nhà, mệt lử.

Ginger đã pha sẵn trà và bánh quy, và anh đã tắm sạch sẽ và thay quần áo. Anh nói với vợ, “Addy, anh sẽ kể với em mọi chuyện, rồi em có thể nói với anh rằng em muốn anh đi khỏi đây.”

“Cho em một tách trà trước đã, Leo.” Cô chìm vào chiếc ghế trong nhà bếp để nghỉ ngơi và điều đó có ý nghĩa cô đã đi dạo thay vì lái xe suốt đêm.

Đến cuối câu chuyện, những đốm tàn nhang của Adelaide nổi rõ hơn bao giờ hết, nhưng cũng có thể do cô ấy quá mệt mỏi. Anh phá vỡ sự im lặng bằng một câu hỏi “Em có muốn anh rời khỏi đây hay không?”

“Không”

“Anh chỉ có thể ở lại nếu em tha thứ cho anh, nếu không, anh

sẽ không thể”

Cô nhìn anh qua ly nước trà. Có vẻ như sự ảm đạm đã không còn trên gương mặt anh. Anh đã quay trở lại vẻ thường ngày. Cô rùng mình nghĩ lại việc anh ấy đã từng lạc mất chính mình và quanh quẩn ở một nơi hoang vu.

“Anh có thể tha thứ cho mình không?” cô hỏi.

“Anh nghĩ anh có thể. Bởi vì, em thấy đó, cô ta đã đi khỏi cuộc đời anh rồi.”

“Em tin anh.”

“Nhưng em có tha thứ cho anh không?”

“Em đã nói rồi.”

“Em nói __”

“Em tha thứ cho anh.” Cô ít khi khóc. Vì thế khi cô khóc, những giọt nước mắt cay sè như hạt tiêu.

“Anh xin lỗi,” anh nói.

“Đừng bao giờ rời xa em.”

“Không bao giờ, anh hứa.”

“Em yêu anh.”

“Anh yêu em.”

Cô cho một tay vào mái tóc mềm mượt chỉ dài khoảng nửa inch của anh, ôm chặt vai anh, chìm đắm vào cái ôm của eo anh và cảm nhận được đôi cánh tay rắn chắc của anh trên lưng mình, cái ôm cũng mạnh như hình dáng bên ngoài của nó vậy. Họ ôm nhau, nghĩ đến những đứa con và hòa vào nhau với những ý nghĩ không bờ bến về những việc họ có thể làm cùng nhau, và những gì họ có thể dành cho nhau. Cô đưa tay vào hông anh. Trên đầu

đứa bé đang thức dậy. Bình minh.

Một ngày mới tươi đẹp

Phía bên kia thành phố, Camille pha ấm trà đầu tiên trong ngày hết như một bà góa phụ. Vẫn chưa có tin tức gì về con trai nhưng bà đã được biết về việc mất tích của chồng mình. Một anh chàng trẻ tuổi có tên là Mountie đập mạnh cửa lúc gần nửa đêm. Bà đã không ra mở cửa cho anh, vì nghĩ rằng có thể đó là một vụ tấn công; rồi thì bà nghĩ, vậy thì có gì khác biệt nào? Dường như không phải vì chồng bà đã từng giữ rịt lấy bà theo lẽ lối kiểu như vợ của một gã đánh bầy thành đạt xem việc ngóng chờ đã trở thành một thói quen chính đáng. Vì vậy bà đã mở cửa và Mountie nói với vẻ mặt dài thườn thượt, “Tôi rất lấy làm tiếc, thưa Bà nhưng tôi có vài tin xấu muốn thông báo bà.” Sau đó anh rời đi bỏ lại nỗi cùng cực của cuộc đời.

Đứa con trai đầu của Camille đã về đến nhà và rất khó khăn mới mở được cái cửa cái trước sức nặng của thân hình như tử kéo kền càng.

“Mẹ, chuyện gì xảy ra vậy?”

Bà kéo lê mình xuống cầu thang cùng với cái hộp đựng mũ bên tay này và rương đựng bộ đầm cưới của bà ở tay bên kia. “Cha con mất rồi, mẹ về nhà đây.”

Giờ đây Camille sửa lại tách trà theo kiểu mà cha bọn trẻ yêu thích và mang nó để lên phòng ngủ của ông trên lầu. Trời vừa

rạng sáng. Ông không biết rằng bà đang ở đó. Bà sắp sửa gây cho ông một sự ngạc nhiên.

Mercedes ngồi xuống ghế của cây đàn piano và ngồi nhìn James cho tới khi ông bật mở mắt vào lúc bình minh. Đó là thói quen có từ thời chiến tranh. Cô đã học được điều đó từ ông.

“Cha còn nhớ chuyện gì đã xảy ra vào đêm qua không?”

James chớp mắt, đôi mắt pha lê xanh và có vẻ không còn nhớ chuyện gì đã xảy ra.

“Dậy đi nào” cô nói. Điều cuối cùng mà Mercedes muốn bây giờ là xem ông như một đứa bé trai đầu tóc rối bù. Ông quăng mình xuống ghế trong khi ông cảm thấy cơn nhức đầu chuẩn bị hành hạ ông. Nó xiết chặt da đầu ông và kéo ông trở về thực tại ngay tại cái tuổi bốn mươi.

“Đã xảy ra chuyện gì?” Ông hỏi.

“Bố say rượu và bị ngã “

Ông cau mày và nhìn xuống sàn. Rồi bỗng nhớ lại, “Frances đâu rồi?”

“Frances đang ngủ, hãy ngồi xuống cái đã!”

Bây giờ thì ông hoàn toàn tỉnh ngủ và nhận thấy vẻ khác thường trong giọng điệu của Mercedes. Ông nhìn cô, và chậm rãi ngồi xuống. “Ta đã làm gì sao?”

“Cha đã định đánh Lily.”

Ông vươn đôi bàn tay ra cố giữ cho khuôn mặt đang choáng váng khỏi tràn xuống thảm, có tiếng rên rỉ bật lên qua kẽ tay. Mercedes cảm thấy sự hối hận đang dày vò, rồi nhấn mạnh câu chuyện dối gian của mình bằng giọng điệu trầm bổng, “Con phải

kéo cha ra khỏi nó.”

Ông gập người lại vì đau khổ, bóp mạnh vào cạnh sườn, tiếng rên rỉ bỗng trở nên the thé. Mercedes thông báo. “Nó vẫn chưa thức dậy.”

Đầu ông bắt đầu run lên không phải đàng sau hai bàn tay, ông rời ghế bành mà không thể đứng thẳng người lên được, vì nếu làm vậy ông sẽ mất hết ý chí rồi ông lao đảo bước ra khỏi phòng và ra khỏi nhà trong hình dáng như vậy. Mercedes nghe tiếng động cơ ô tô nổ máy. Nếu cha cô chọn cách tự lái xe vòng ra vách đá thì sẽ là như vậy. Và nếu Mercedes thiêu đốt thêm hàng thiên niên kỷ nữa trong sự ăn năn sám hối thì kết quả vẫn đơn giản là cái giá phải trả với Chúa trời. Điểm mấu chốt là cô vừa cứu nguy cho Frances. Rốt cuộc thì Mercedes không phải là vị thánh cũng không phải là một tên tội đồ. Cô ở đâu đó chính giữa cả hai. Sự ăn năn sám hối đã được bịa ra mà lý do chính lại nằm ở cô.

Sau bữa sáng muộn màng và thịnh soạn khác thường, Frances đọc bản tin về tai nạn trên báo Cape Breton Post. Dù sao chẳng nữa thì đối với Jameel, đó chẳng phải là vấn đề gì lớn lao. Những ngày sống như một nữ hoàng say xỉn túy lúy của cô đã qua nhưng với đối với Boutros - thì lại cảm thấy nhẹ nhõm. Cái cách nó nhìn cô không giống những gã khác. Nghiền ngẫm cô cứ như nó muốn đạt được một thứ gì đó mà cô có để đổi chác. Đó có thể là cái gì, cô chỉ có thể hình dung ra một vụ cưỡng hiếp.

“Chị chắc là muốn ăn thêm một ít cháo yến mạch nữa chứ, Frances?”

“Hãy nhìn này Lily, đó là đứa em họ và chú rể của chúng ta kia mà.”

Lily cho thêm cháo vào tô của Frances và đọc dòng tiêu đề, “Cái chết của một vị anh hùng để cứu lấy Whitney Pier man.” Bài viết ghi lại rằng chiếc Kissel 8-xylanh mới cóng mang biển số 1932, đột ngột chuyển hướng để tránh toa xe chở Giáo đoàn các nữ tu sĩ truyền giáo từ Nhà thờ Notre Dame đang trên đường trở về Holy Angels sau một buổi tối tập dượt ca đoàn đại chúng.

“Mercedes đã ở đó!”

“Vậy thì sao, Lily?”

“Chị ấy nói là Xơ Saint Monica đề nghị đưa chị ấy về nhà nhưng chị lại bảo rằng chị muốn đi tản bộ, nếu như chị ấy nhận lời thì các Xơ đã không vượt qua chiếc ô tô của đứa em họ cùng ông chú và họ đã không đâm vào nhau.”

“Phải rồi, Lily, nếu vô khối những kẻ nhu nhược quanh đây không chết cách nay hàng nghìn tỉ năm ngớ ngẩn thì chúng ta cũng chẳng có con đường lái xe bằng sỏi như thế này đây.”

Lily đọc to. “Ở đây nói rằng hai cha con nhà Mounties lên xe và đã thấy một người khác đang lái xe bởi vì ‘Ông Jameel bị văng vào vị trí ghế dành cho khách trong xe. Boutros Jameel được tìm thấy ngay trên đường ray xe lửa. Sau khi xảy ra vụ va chạm vì tránh xe các Xơ, anh ấy đã đi bộ hai dặm về hướng New Waterforld trong cơn đau dữ dội, có lẽ để tìm bác sĩ cho bố anh.’”

Frances hoàn toàn sồn tóc gáy. Tưởng tượng ra cảnh một xác chết khổng lồ còn sống và bước đi xiêu vẹo về phía New Waterford, gắng sức lê thân mình với hơi thở chết chóc về phía cô. Chỉ là hấn ta giấy chết khó khăn như thế nào chính là chừng mực những gì mà cô sẽ phải lâm vào nếu hấn chạm đôi găng tay đồ sộ của hấn vào cô.

Anh chàng trẻ tuổi Mountie hướng dẫn cho đội tuần tra của anh băng qua lối mòn dơ bẩn và xuyên qua cánh rừng theo chỉ dẫn của một tấm bản đồ vẽ bằng tay sơ sài. Jameel đã từng là một gã thương gia ma mãnh giả vờ đứng đắn. Ông giữ một bản kê khai chi tiết về tất cả những vụ giao dịch mua bán trong một quyển sổ tay nhỏ được viền bằng da mà Mountie đã tìm thấy bên trong túi áo sát ngực nạn nhân nơi xảy ra vụ tai nạn. Dù vậy Jameel đã cẩn thận không dùng bất cứ tên thật nào. Tên bằng mặt mã ông ta ghi cho James: kẻ lai căng Enklese. Tấm bản đồ bằng bút chì chỉ dẫn đến một nhà máy chưng cất rượu của bọn lai căng Enklese tuy có nhiều thiếu sót nhưng đó là chỉ dẫn tạm thời, ông đã vẽ nó theo chỉ dẫn của James qua điện thoại lúc Taylor bỏ đi.

Chữ X đánh dấu vị trí nhưng khi anh chàng Mountie kéo lê cả buổi sáng để chờ đợi thộp cổ gã đàn ông kia hoặc là nằm đó chờ đợi, toàn bộ những dấu X còn lại chỉ còn là mảnh vụn đã cháy thành than trên mặt đất và những tấm ván ám đầy khói. Quá nhiều để có được một Bằng chứng. Anh chàng Mountie quay lại và đầu hướng ra sau về phía Sydney. Anh không nhìn thấy chiếc Buick mui trần màu nâu vàng nhạt đậu ở một cái mương gần đó.

“Cô ta sẽ hét toán lên về vụ cưỡng hiếp chứ?”

“Không đâu”

Tờ The Cape Breton Post đang nằm trên bàn bếp của Teresa. Cô và Adelaide đã thống nhất rằng Ginger sẽ chọn thời điểm tốt nhất để thoát khỏi Jameel. Hector đang ở nơi quen thuộc của hắn, đang nhún nhảy theo nhịp Rock. Teresa châm thêm trà cho Adelaide.

“Điều gì làm em chắc chắn đến thế?” Teresa hỏi.

“Bởi vì cô ta đã có những gì cô ta cần, cô ấy nói thế đấy.”

“Là gì vậy?”

“Một đứa con”

Teresa bị cảm thấy choáng váng nhưng cô cố giấu nó đi. Cô chậm rãi ngồi xuống và bắt đầu khuấy rồi lại khuấy trà lần nữa, rồi hỏi, “Em có tin chuyện đó không?”

“Nếu cô ta tính toán đúng thời gian, thì chắc chắn là vậy. Cô thư thả kể lại, cô biết đó, tôi luôn đúng trong lần đầu tiên.”

Adelaide thỉnh thoảng có dự cảm chằng lảnh bởi vì lúc nơi này cô đang trò chuyện với Teresa về chuyện làm sao một phụ nữ biết cô ấy đang mang thai trong khi chính Teresa không bao giờ làm vậy, mặc dù đó là điều cô mong muốn nhất.

Adelaide luôn tự hỏi làm thế nào một vết thương trên đầu lại có thể làm tổn thương đến khả năng tình dục của một người đàn ông. Thanh thép đó chưa từng rơi trúng lên vùng kín của Hector, tinh dịch của anh tốt hơn bao giờ và anh ta không hoàn toàn tê liệt chỉ là bị suy giảm khá mạnh. Nếu đó là Adelaide, cô sẽ xem là anh ta vẫn còn khả năng hay không rồi mới quyết định chuyện có con với anh ta. Hector yêu trẻ con. Họ đã có thể cố gắng. Cô và Ginger sẽ thay phiên nhau chăm sóc chúng. Nhưng Adelaide biết rằng Teresa thì khác, chị ta rất đảm đang. Chị ấy thích sự vương giả, một cách thực sự chứ không phải thói học đòi trưởng giả, mà phải là sự cao quý bẩm sinh. Bạn không thể hình dung ra cảnh Teresa vất ngang qua người một gã đàn ông suy nhược chỉ để có con. Thế nên nếu như Hector vẫn cứ hành động theo cách ấy thì Adelaide tin chắc rằng Teresa đã không thử nghiệm anh ta. Teresa đang trong độ tuổi bốn mươi. Sớm muộn rồi cô ấy cũng

trở nên quá già nếu cô ấy không chịu chuẩn bị sẵn sàng cho việc đó.

“Addy, sẽ ra sao nếu đó là sự thật?”

“Đừng lo lắng, Trese, tôi đã có ý này trong đầu rồi”

“Addy___”

“Trese, đừng có hỏi bởi vì tôi sẽ không nói cho bất kỳ ai quá sớm đâu, tôi không muốn ai đó thay đổi quan điểm của tôi bây giờ hay tìm cách lái cho tôi sang bên nửa kia cánh đồng địa ngục. Adelaide vỗ nhẹ lên đầu Hector và trở về nhà dùng bữa tối. “Cám ơn về tách trà nhé, cô bé”

Teresa tiến cô ra tới cửa và trở về gian bếp nơi Hector đang nhìn chăm chú lên nóc tủ bếp với vẻ đầy lo lắng hiện lên trong mắt.

“Đừng lo, anh yêu,” cô nói với Hector, “nó vẫn ở đó.”

Tuy vậy cô vẫn đi tới gian nhà sau lấy cái thang dự định là sẽ xem lại cho chắc chắn. Teresa không phải là người leo lên trên tủ bếp.

Adelaide không kể với ai về ý định của mình. Cô đã tha thứ cho Ginger. Cô đã tha thứ cho việc Teresa đã ngăn cản cô tối qua. Nhưng điều đó lại chứng minh một điều, về việc này, cô chỉ có thể tin vào bản thân mình. Cô sẽ lập kế hoạch một cách cẩn thận và lúc này không ai có thể ngăn cản cô.

Ngay sau bữa tối, cô lên xe đạp với mấy cái giỏ đan bằng liễu gai gài bên hông xe. Khi việc kinh doanh phát đạt lên cô có thể chở cả một chồng vải cao trong giỏ xe. Hôm nay cô bỏ thêm một vài món khác vào giỏ xe. Cô chạy từ đường Shore đến New Waterford. Một buổi hoàng hôn tươi đẹp bắt đầu.

Adelaide đã có thể chờ đợi trong ba tháng và tìm hiểu xem có phải Frances thật sự có thai hay không trước khi làm điều mà cô dự định làm. Tuy vậy máu chốt ở đây là gì? Nếu cô ta không có thai thì cô ta lại rất có thể quấy rối anh ấy lần nữa. Thay đổi quan điểm xem. Cái phần rối rắm nhất trong câu chuyện rối rắm của Leo là Frances biết được tên riêng của Adelaide đặt cho anh ta. Thực tế thì cô ta chỉ có thể ngủ cùng giường với họ thì mới biết được điều đó. Và rồi một đứa con gái có thể sẽ dùng khổ nhục kế hay liều mình chết đuối để có được những gì cô ả muốn - một đứa con gái như vậy mà để yên không dùng thư tống tiền hay sao?

Hay là buộc tội Leo cưỡng hiếp nếu anh ta không cho cô ả những gì ả muốn? Adelaide nhấn mạnh bàn đạp, không hề chú ý đến bầu trời rục rĩ phía bên phải và dãy nước lấp lánh bên trái.

Mercedes trở về nhà sau cuộc nói chuyện với vị giáo sĩ. Ông đã đồng ý trình lên

Giám mục. Lời cầu nguyện của ông sẽ quyết định nó có thích hợp để phỏng vấn Lily về chuyện nó có liên quan đến một loạt các sự kiện khác thường - dĩ nhiên là không để cho Lily biết nguyên do của việc thẩm vấn này. Mercedes ngược mặt nhìn về hướng mặt trời đang chiếu rọi. Mọi vật được bao phủ bởi màu vàng hung đỏ, phước lành của Chúa ngự trị trong từng tia nắng ôn hòa, "Mọi lẽ phải đều nằm ở nhân gian". Tai ương của Frances đã lên tới đỉnh điểm và rõ ràng chỉ vì sự thánh thiện của Lily và Mercedes thấy dễ chịu khi bản thân xử trí được cả hai việc. Ngày mai cô ấy sẽ đi xưng tội và nhận được lời xá tội vì đã làm điều sai quấy với cha mình.

Khi trở về nhà, cô thật sự lo lắng khi thấy chiếc ô tô biến mất và

cố chịu đựng nỗi khiếp sợ dâng trào khi gặp cảnh Xơ Saint Monica đang đợi ở phòng khách. Mercedes biết rằng Xơ Saint Monica qua đội xưởng ca quần chúng, nơi mà ngay lập tức họ tạo lập được mối thân tình, nếu họ sử xử trang trọng và hòa đồng. Tuy nhiên “tin xấu” là tất cả những gì Mercedes có thể nghĩ được vào thời khắc đặc biệt này là hình ảnh chiếc áo choàng dài và khăn trùm của nữ tu sĩ.

Lily đưa vị Xơ vào và thết đãi bằng một tách trà và bánh Date Square. Mercedes ngồi xuống chiếc ghế tựa, nhẹ nhàng bảo Lily ra ngoài, cố tỏ ra cứng rắn để đón nhận tin tức về cái chết của Bố cô.

Nhưng không! Nhìn chung còn một điều gì đó khác nữa. Xơ Saint Monica đã cầm lái khi Boutros lao nhanh xuyên qua đường của họ và dẫn đến cái chết của hắn ta, và rồi bà đã nhìn thấy, trong một khoảnh khắc trước đó, Frances đang ở trong chiếc xe tải cùng với một người đàn ông da màu.

“Thật sự là ta muốn kể cho con nghe ngay lập tức, Mercedes ạ, nhưng vụ tai nạn nhất thời đã làm nó biến mất khỏi suy nghĩ của ta”

Mercedes giải bày tâm sự với Xơ Saint Monica về tình thế khó khăn có thể xảy đến với Frances.

“Xin Chúa tha thứ cho con”

“Thưa Xơ, Xơ vô tội trong hoàn cảnh này”

Tuy vậy cả hai người phụ nữ đều biết rằng chẳng ai vô tội cả.

“Nếu ta kịp thời ngăn chặn, thì có lẽ Frances đã không bước chân vào con đường cám dỗ.”

“Thưa Xơ, lẽ ra con không nên trút gánh nặng này lên Xơ

nhưng vì con cần phải vạch ra kế hoạch cho Frances và con không biết có thể xin ở đâu một lời khuyên hữu ích”

“Dĩ nhiên rồi.”

Ít ra đó là điều Xơ Saint Monica có thể làm. Còn rất nhiều điều cần thảo luận. Đó là khi nào Frances nên rời khỏi New Waterford, cô ấy sẽ sinh ở đâu... “Ta sẽ sắp xếp cho cô ấy ở tại một nữ tu viện ở Mabou. Họ có một bệnh xá tuyệt vời.”

Việc biết rằng đó sẽ là một đứa trẻ da màu chính là điều hữu ích nhất để xác định tương lai của nó. Trước mắt thì hiện giờ không có vấn đề gì trong chuyện giữ lấy nó. Tình trạng có chữa hoang thật kinh khủng cứ như là một vết nhơ vô hình, trong khi đó hôn nhân giữa hai người khác chủng tộc là chuyện không thể che giấu được. Cả người mẹ và đứa bé đều không đáng phải sống một cách ô nhục. Đó chính là sự khoan dung. Cho nên, vấn đề thứ hai là việc chọn lựa một trại trẻ mồ côi phù hợp, phải biết rằng việc nhận nuôi một đứa trẻ không có trường hợp nào giống trường hợp nào, có bao nhiêu gia đình người da trắng tốt bụng theo đạo Thiên Chúa giáo sẽ sẵn lòng nhận nuôi một đứa trẻ da màu? Đặc biệt nếu nó lại là một đứa bé trai. Còn về những gia đình da màu tốt bụng theo đạo Thiên chúa, có rất ít cộng đồng, phần lớn thuộc về Anh giáo trên đảo và người theo phái Tin Lành trên đất liền. Có lẽ điều đó cũng không sao, Mercedes nghĩ, bởi vì tổ tiên của các gia đình loài người thông thường không gặp khó khăn nào trong việc nuôi lớn con cái của chính họ, kể cả con cái của người khác hay sao?

“Cám ơn Xơ”

Xơ Saint Monica chạy lướt xuống đường trong trang phục

trắng đen, chạy ngang qua Adelaide đang ngồi trên xe đạp. Adelaide không thể tưởng tượng nổi trong cuộc đời mình làm thế nào mà ai đó có thể mang lời thề nguyện đồng trinh, rồi cô liếc nhìn Teresa và không khó khăn gì khi hình dung bà ấy ra một nữ tu. Cô nhấc cái nắp ra khỏi giỏ bằng liễu gai để kiểm hàng trước khi khuân nó xuống ngay trước nhà Piper.

Trở lại với câu chuyện của Teresa và Hector, cây súng trường đã biến mất khỏi nóc tủ bếp. Hector cố kiềm chế bản thân, bật ra tiếng the the làm văng tia nước bọt nhỏ xuống cầm, tất cả những gì anh muốn nói đã được thể hiện ra bằng ánh mắt. Đâu đó ở trong đầu, anh ta vẫn còn nguyên đó, nhưng đã chuyển vào trong một căn hộ chật hẹp phía đằng sau và đang nhìn xuống bộ não già nua. Teresa cố an ủi anh ta. “Hector anh yêu, nào hãy bình tĩnh lại, mọi việc sẽ đâu vào đấy thôi”

“Mercedes,” Lily gọi vọng ra từ cửa sổ phòng khách, “có một người phụ nữ đang đi bộ tới”

“Đừng la hét nữa Lily, mà người đó là ai vậy?”

Mercedes mở cửa chính và định giải thích rằng hàng hóa phải được giao ở cửa sau thì nhận thấy người phụ nữ kia có vẻ đến đây không phải để bán hàng.

“Tôi có thể gặp cô Frances Piper được không ạ?”

Bây giờ thì Mercedes đã biết chính xác đây là ai rồi.

“Em gái tôi đang không được khỏe, bà vẫn vào chứ?”

Adelaide ném một cái nhìn về phía sau chỗ chiếc xe đạp và Mercedes nói thêm, “Tôi có thể bảo đảm với bà rằng để nó ở đây rất an toàn, nhưng chúng tôi sẽ không phiền nếu bà mang nó đến mái vòm nếu bà muốn.”

“Vâng, tôi muốn như thế”

Trong căn phòng khách, Adelaide chọn một chỗ trên chiếc ghế sofa mà Xơ Saint Monica vừa mới ngồi khi này.

Frances nhận ra Adelaide từ cửa sổ gác mái. Bao tử trào lên một nỗi sợ hãi trong lúc cô đi rón rén lên lối đi trên lầu. Cô có thể trèo qua từ cửa sổ lầu hai nhưng cô không dám làm gì có hại đến sinh linh vừa mới hình thành trong cơ thể mình. Frances không còn ăn mặc như một Thanh Nữ nữa. Cô đang mặc một chiếc áo váy cũ của mẹ đựng trong cái rương. Quái dị và rộng thùng thình. Mặc dù chỉ mới mang thai có một ngày nhưng Frances cho rằng không quá sớm để mặc nó lên người. Những hình hoa văn hoa cỏ bạc màu trong sắc đỏ và xanh của vùng nhiệt đới. Nó mang mùi của mẹ - tiền bạc, nước hoa hồng, làn da ẩm ướt và cây tuyết tùng. Để trốn khỏi nhà, Frances cần phải xuống cầu thang và đi ngang qua lối đi có mái vòm của phòng khách.

Mercedes không rời mắt khỏi vị khách.

“Lily hãy đi pha một ấm trà mới đi nào”

Lily miễn cưỡng bỏ đi. Nó hiếm khi nào nhìn thấy một người da đen gần đến thế. Nó bị thu hút bởi những đốm tàn nhang của Adelaide. Adelaide cũng có một cái nhìn thiện cảm đối với Lily, đứa bé ra đời từ vết rạch trên bụng của Kathleen Piper.

Khi Lily rời phòng khách nó va đầu vào Hoa-Lan-Chuông-Tả-Tơi. Nó đến gặp Frances ở đầu cầu thang điệu bộ như có một cái dây phéc-mơ-tuya vắt ngang qua miệng. Lily nhặt Hoa-Lan-Chuông-Tả-Tơi lên và lặng lẽ đi lên cầu thang.

Trong phòng khách, trà không được pha như đã định nhưng Mercedes quên khuấy đi vì bị mê hoặc bởi những gì bà Taylor

đang nói, “Chúng tôi nhận đứa bé đến với gia đình như con ruột của mình”. Sẽ không một ai biết điều này cũng như không một người nào khác nữa được biết đến. “Đôi mắt Adelaide sắc sảo hơn bao giờ hết nhưng lại trở nên yếu đuối khi cô nói thêm, “Nhưng cô phải chịu trách nhiệm về phía em gái của cô nữa, thưa cô.”

Với lời nhận xét cuối cùng, Mercedes cảm thấy bị xúc phạm bởi cảm giác kinh sợ ập đến khi nghe lời đề nghị đáng kinh ngạc của người phụ nữ kia - nó đã vượt ra ngoài những hoài nghi có thể nghĩ đến, tất nhiên rồi, tuy nhiên đối với Đạo cơ Đốc thì nó mang một ý nghĩa riêng, tuy vậy lại làm cho người ta cảm thấy lạc lối. Một chút hơi ẩm từ Mercedes bốc lên và ngưng đọng lại thành một cơn mưa ở một nơi nào khác.

“Bà Taylor. Trong bất cứ ai có thể trở thành người giám hộ em gái tôi, người đó chính là tôi. Bởi vì khả năng sẽ có một đứa trẻ - và vì nó cũng chưa được xác nhận một cách chắc chắn - nên tôi cũng sẽ nhận trách nhiệm tương tự về khoản chăm sóc cho nó nữa.”

“Cô có thể yêu thương nó không?”

Mercedes lại một lần nữa ngạc nhiên. Cơn tức giận di chuyển đến hết như đám mây tích mưa giông trong một ngày quang đãng. Adelaide không sợ hãi. Cô chờ đợi câu trả lời.

“Bà có thể đi được rồi, Bà Taylor”

Mercedes đứng dậy nhưng Adelaide vẫn ngồi đó và nói, “Cô thấy đó, tôi có thể yêu nó. Và tôi có ít lý do để làm như vậy hơn là cô, cưng à.” Không có gì thể hiện sự yêu mến trong chữ “cưng” này cả.

“Tôi không cần bà phải chỉ ra cho tôi thấy bốn phận của tôi

nằm ở đâu, bà Taylor ạ”

“Này cô gái, bốn phận chính là công việc của cô đấy” Giờ thì Adelaide ngồi dậy và đi, nói thêm, “Hãy bảo em cô tránh xa chồng tôi ra nếu không tôi sẽ bắn cô ta, cho dù nó có thai hay không.”

Và bà bỏ đi. Mercedes bắt đầu run lên. May mắn thay, có sẵn rượu Sherry bên trong tủ thuốc.

Trên đường qua New Waterford, Adelaide suy ngẫm về sự kỳ lạ của gia đình Piper. Cứ như thể không có bất kỳ biểu hiện nào, lúc đi ra khỏi phòng khách bà chạm mặt Lily đang đẩy một xe đựng búp bê to cũ, đầy búp bê chặt cứng và một con mèo còn sống, phía bên ngoài cửa chính. Nó phải chừng mười ba hay mười bốn tuổi và vẫn còn chơi nhà chòi. Adelaide dõi theo khi con bé khập khiễng vác cái xe đựng búp bê nghe lộc cộc khi bước xuống các bậc hành lang ở mái vòm, cái nhíp bánh xe đầy bụi căng ra dưới một sức nặng tưởng như to lớn. Nó còn cái quái gì khác nữa ở đó, Adelaide tự hỏi - nhà tù hay chuyện tưởng tượng?

Teresa cũng có một chiếc xe đạp. Đó là cái xe cũ của Hector. Nó có một cái thanh tà vẹt, dĩ nhiên là vậy và Teresa thì không hài lòng lắm khi mặc váy ngồi dang chân lên nó nhưng cũng chẳng sao. Ít ra thì cô cũng khá cao nên trông có vẻ không quá lố bịch. Hồi xưa cô cũng đã từng ngồi trên chiếc xe đạp này, nhưng khi đó cô ngồi vắt vẻo trên thanh ngang của xe ở vị trí ngay trước mặt Hector, anh ta đạp xe và thỉnh thoảng bẻ ngoặt hướng làm cho cô kêu thét lên và khúc khích cười. Khi cô lắc lư mình trên yên xe rồi cô bỗng tự hỏi, mình đã từng dịu dàng như vậy sao? Cô đã từng là một cô gái dịu dàng thật sự. Một nàng công chúa. Mọi thứ khi đó đều phải thật quý phái, bữa tối cũng đã được chuẩn bị sẵn

sàng khi anh ta đến nhà mẹ cô để dùng bữa. Thật là hoàn hảo vì Hector cũng là một quý ông lịch thiệp hay ít ra thì anh cũng được nuôi dạy để trở thành một con người như thế vì khi đó anh ấy vẫn còn là một cậu bé tinh nghịch. Mặc dù họ không còn quá trẻ để xây dựng kế hoạch cho tương lai. Anh có sự hiểu biết và đã được sắp đặt để trở thành một vị mục sư thuộc Anh giáo. Chuyển đến vùng phía nam của biên giới. Họ muốn có thật nhiều con cái. Những người như chúng ta nên có con cái, họ đã thống nhất với nhau như vậy. Teresa có một giấc mơ là sáng lập ra một vương triều bao gồm tất cả những con người xuất sắc tiêu biểu không chỉ đối với dòng dõi của họ mà đối với tất cả những ai biết đến họ.

Con đường tiến về mục đích cao quý này, nằm ở sâu dưới đáy tận cùng của cái thiện, đâu đó một giọng nói chực bật lên mà không cần đấu tranh hay bệ đỡ nào cả, nó gào lên: “Mình sẽ cho họ thấy, sẽ cho bọn họ thấy tất cả”. Hoan hỉ, hồ hởi; cái tàn bạo của nó chính là sức mạnh đằng sau vẻ nghiêm trang quý phái và sự quyết đoán. Dù cô chỉ vừa mới nghe thấy nó mà thôi. Cô hoàn toàn không nhận thức được sức mạnh của cơn thịnh nộ đầy hứa hẹn bên trong, sức mạnh đó có khả năng dời núi, và trèo ra khỏi giếng trong niềm hân hoan của một kẻ chiến thắng. Cô không nhận biết được sức mạnh của bản thân mình. Khi Hector gặp nạn, giọng nói ấy càng trở nên to hơn nhưng nó vẫn bị bóp nghẹt bởi sự quyết tâm chịu đựng tất cả mọi thứ một cách kiên nhẫn với sự cứu giúp của Chúa. Việc bị mất đi công ăn việc làm một cách vô lý của cô đã kết thúc sự cạnh tranh của tất cả các giọng nói khác và rồi cô mới có thể nghe thấy nó thật rõ ràng. Nó không còn nói “Mình sẽ cho họ thấy” mà khẳng định rằng “Mình sẽ đạt được điều đó.” Nó đã chuyển thành lòng căm hận. Chính sự căm

hận đó mà cô vẫn cầu xin Chúa Giêsu hãy mang nó đi. Tuy vậy nó chính là một phần của điều đã giữ cho cô tiếp tục kiên cường nên cô có thể làm gì mà không có nó bây giờ? Sự căm hận kiểu ấy cứ như kiểu những mảnh kim loại nhảy múa. Gỉ sét, ăn mòn từ bên trong, rồi thấm dần qua các cơ quan sống. Chính vì nó mà Teresa lên cơn ốm. Nó có khả năng giết người.

Adelaide dừng lại trước tiệm thuốc và bánh kẹo của MacIsaac . Lão MacIsaac vừa mới đóng cửa vào tối, cô vừa đuổi kịp lão khi ông ta đang trên đường về. “Ông MacIsaac, tôi là Addy Talor đến từ gia đình Pier.”

“Chào Bà Taylor.”

Ông chìa bàn tay già cỗi đỏ lựng ra và cô bắt tay ông. Khi đó đôi mắt vẫn sáng, vẫn ân cần.

Adelaide thọc tay sâu vào giỏ liễu gai. “Uống một ngụm rượu đi, ông Mac.”

Cô mở nút chai màu nâu. MacIsaac lắc đầu, ông đã kiêng rượu được hai năm.

“Đây là loại rượu gừng ngon nhất mà ông được nếm đó nha,” Adelaide nói.

Ông mỉm cười. Đón lấy và uống. Đúng thật. Đầu tiên bạn cảm thấy là vị ngọt rồi sau đó mới có cảm giác như xé toạc sau cuống họng đến khi ráy tai rung lên bần bật.

“Bà gọi nó là loại rượu gì vậy?”

“Mè rượu trên đảo của Clarisse.”

“Bà đến từ miệt Đảo phải không bà Taylor?”

Adelaide cười to, “Tôi đến từ Halifax cách đây một trăm năm

mười sáu năm rồi, thưa ông, thế ông đến từ đâu?”

“Cách đây tám mươi hay chín mươi năm và cũng lâu như là tôi biết trước đó nó có tên là Đảo Skype, đảo Man và bây giờ, để xem nào, Đảo Wight.”

“Người dân nơi ông ở có sở thích mang hương vị của biển đảo.”

“Cô có nghĩ là chúng ta nên học hỏi điều đó từ bây giờ hay không?”

Ông thở khò khè và cô cười to. Ông đưa ra ba khả năng cho cửa hiệu và xem xem nó tiến triển thế nào.

Frances được nuôi lớn từ cái xe nôl và bây giờ thì Adelaide đã ngồi trên chiếc xe đạp. “Trông cứ như mụ phù thủy trên cán chổi vậy.”, Frances rùng mình suy nghĩ. Cô đã cho Lily về nhà , và nói rằng cô cần “được gần gũi với thiên nhiên.”

Một trong những chế độ tập luyện sức khỏe mới của Frances là bài tập thể dục điều độ. Thật khó để biết là phải tin vào điều gì trong thời điểm mang thai, trong đó ở trên phim ảnh, việc sảy thai là một điều phù hợp với tình tiết của câu chuyện cũng gần giống như những bậc thang sát nhau của cầu thang, mặc dù trong quyển sách Những người phụ nữ tiên phong vĩ đại, thì rõ ràng hết thảy phụ nữ đều chiến đấu với gian khổ và thu hoạch ngô ngay sau khi sinh xong. Frances quyết định đón nhận hạnh phúc này bằng việc dạo bộ dọc bờ biển hàng ngày. Những nữ anh hùng lãng mạn luôn biết cách thu xếp để có thể đón lấy không khí trong lành từ biển. Trừ khi họ mắc bệnh lao phổi, trong trường hợp đó có lẽ họ đã bị đày đi tới vùng đất nơi đó trồng loại cam máu đỏ. Frances nhận thấy tình trạng mình không có khả năng bị lao phổi. Thật ra, với việc bị kết tội vì đã có thai, cô cũng

tự nhận biết được rằng bản thân mình đã nhận thức được một cách sâu rộng hơn như một người phụ nữ trưởng thành. Chạm chạp và tròn trịa với khuôn ngực của phụ nữ thay cho bộ ngực của đàn ông như trước đây.

Trixie đã đi theo cô suốt buổi đi dạo. Có điều gì đó trong cách cư xử ân cần của nó, cũng như cái dáng mà nó phải có khi phi nước đại do thiếu mất mấy cái móng vuốt, làm cho Trixie trông giống như chó hơn là mèo. Rồi nó theo thói quen, ném một cái nhìn lên Frances, kiểm tra theo kiểu loài chó hay làm. Họ đi đến chỗ rìa vách đá. Trixie bám theo Frances đi ngang qua con đường dốc đầy đá, tránh thói quen trước kia là lao nhanh xuống dốc bằng chân trước và gót chân. Xuống đến cuối đường, Frances dừng lại và hít một hơi thở sâu và mạnh.

Cô chuyển hướng sang phía bắc và bắt đầu đi tản bộ như thể đang băng qua vùng nước ấm, hoặc nhিপ nhàng lướt nhẹ qua bãi cát trải dài vô cùng tận của một bãi biển nào đó mà cô chưa từng đặt chân tới, tuy vậy cô vẫn có thể đi đến đó theo bản năng của mình. Kiểu đi bộ này phù hợp với cái hông mới của cô, điều này thường được mô tả là như là quá trình “mang thai.”

Họ tiếp tục tản bộ. Đây là thời điểm đẹp nhất của mùa hè. Vẫn chưa đến tám giờ tối, mặt trời đã mang đi màu xanh lục của biển và nhuộm chúng bằng một màu đỏ êm dịu. Những buổi như thế này thì thật quý giá biết bao. Frances dừng lại và nhìn ra biển, và khẽ run lên vì sự vuốt ve triu mến của ánh mặt trời. Cô cảm thấy mẹ đang ở gần bên mình như thể bà chưa bao giờ đi xa. Frances cảm nhận được một cảm giác thân thuộc ngày xưa mà cô vẫn chưa thể gọi được thành tên. Một thứ gì đó cô chưa từng biết đến đó chính là những gì thuộc về cô mà cô đã từng lãng quên. Hạnh

phúc. Không giống như cơ thể mới trong trí tưởng tượng của cô, cái cảm giác này là có thực.

Trixie nhìn lên và thấy Teresa đang đứng trên đỉnh đồi ở phía trên. Do ngược sáng, Teresa trở nên tối và sáng hơn bình thường nhưng lại lộng lẫy hơn bao giờ hết.

Nhìn xa từ phía dưới lên là như thế, cô đã khá cao và bây giờ còn cao hơn nữa. Trong ánh sáng này, từ độ cao này, mọi thứ đều trở nên một đường màu xám đậm rõ ràng. Cơ thể của Teresa là một nét thẳng đứng in đậm. Cắt ngang giữa người cô là một đường nằm ngang có chiều dài bằng một nửa chiều cao của cô. Tương phản với màu sắc vàng đỏ rực rỡ của buổi tối. Frances nhìn lên và cảm thấy như có một mũi tên xuyên qua trái tim mình. Mũi tên chính là tình yêu, cơn đau lan rộng ra bên ngoài và sự đau đớn đó như là niềm tin, điểm xuất phát của mũi tên lại là sự bất hạnh. “Teresa,” Frances nghĩ thầm, môi mấp máy cái tên trong khi duỗi cánh tay lên cao và dang ra xa về phía người phụ nữ đang đứng xa xa trên đó.

Đường thẳng bắt ngang qua Teresa quay tròn giống như cây kim của một cái la bàn cho đến khi nó biến mất khỏi nét thẳng đứng từ cơ thể cô, và lát sau có một tiếng nổ vang lên. Frances bật lên trong không khí và lưng cô tựa dọc nằm trên bãi biển đầy sỏi.

Giọt máu quý giá

Không ai biết Hector hiểu những được gì, ngay cả Teresa cũng vậy. Cô ấy đã từ lâu không còn tìm kiếm những dấu hiệu của Hector thân yêu. Điều duy nhất cô ấy có thể làm là quen với sự mất tích của Hector. Và bên cạnh đó, bác sĩ nói rằng Hector bị hư não và phải sống một cuộc sống thực vật. Mặc dù những kỷ niệm duy nhất của anh từ trước khi tai nạn xảy ra chính là những cảm giác về mùi, anh đã phải học để hiểu tiếng Anh một lần nữa theo cái cách mà một đứa trẻ học chữ, từ danh từ và động từ và các khái niệm. Anh ấy cũng có thể học cách đọc lại nếu ai đó nghĩ ra cách chỉ dạy cho anh. Tuy nhiên, không giống như một đứa trẻ, anh sẽ không bao giờ có thể tự nói những ngôn ngữ của chính mình. Những gì còn lại với anh ta cũng giống như tiếng sủa của một con chó.

“Này, này, Hector, có chuyện gì thế?”

Lão già Wilf Beel đã bắt kịp chiếc xe lăn của Hector và kéo anh ta vào lề đường.

Hector la lên và cào vào áo vét của Wilf, miệng đầy nước bọt với vẻ hoảng sợ, và Wilf hỏi: “Anh lạc đường hả, Hector?”

Hector rên rĩ trong thất vọng, sau đó bùng nổ thành cơn giận dữ khi Wilf quay chiếc xe lăn trở lại và bắt đầu đẩy anh trở về nhà.

“Này, này, này b'ý -” nói với Wilf. Nhưng Hector vẫn chống mạnh vào thanh tay vịn và cố gắng ngoái đầu lại để nhìn cho được Wilf.

“Anh có muốn đi thăm Leo và Adelaide không, Heck?”

Và Hector chỉ có thể lắc nhẹ đầu và lặng lẽ để đưa ra thông điệp bằng âm thanh to và rõ ràng, ĐÚNG RỒI! CHÚA GIÊSU toàn năng, ĐÚNG RỒI!

“Ồ, được rồi, tôi sẽ dẫn anh tới đó.”

Wilf lại quay chiếc xe lần nữa và đẩy Hector theo cùng, nếu không chậm hơn Hector tự mình đẩy xe đi, thì ít nhất cũng di chuyển một cách ngay ngắn hơn.

“Này Hector, Teresa ở đâu vậy?”

Hector phớt lờ câu hỏi nhưng Wilf không để ý.

Teresa ở trong trạng thái của sự nghi ngờ. Ít phút trước cô đã đạp xe dọc theo đường bờ biển, trèo lên mặt dốc trên con đường vòng khoảng chừng tám dặm. Cô bắt gặp một hình bóng trên bãi biển bên dưới vì những màu sắc tươi sáng của bộ đồ mà nó đang mặc, ánh lên dưới ánh sáng mặt trời đang tắt dần. Bộ đầm trông rất quen thuộc. Teresa xuống xe và đi bộ đến rìa vách đá để nhìn rõ hơn. Hình ảnh quen thuộc của chiếc váy đã thức tỉnh một cảm xúc khác ngoài bối cảnh hiện tại. Cảm thông - và... thương hại. Đúng vậy. Cô cảm thấy tiếc cho bà ấy. Người phụ nữ ra đón cô ở bục cửa cũng trong bộ trang phục đó, à, cách đây đã lâu, có một đứa bé tóc vàng đứng bên cạnh. Bà ấy đã kết hôn - đó là chiếc váy của Materia Piper. Một chút sơn gai ốc trên cánh tay trái của cô khi nhận ra bộ áo và cả người mặc bộ áo ấy, cả động tác băng quơ và ngay cả dáng điệu cũng có thể làm cô liên tưởng đến Materia.

Có một con chó nhỏ màu đen cũng ở dưới đó, chạy nước kiệu vào gót chân của người phụ nữ. Khi đó nhà Pipers cũng có một con chó nhỏ màu đen thì phải, Teresa đã cố gắng nhớ lại khi cô chậm rãi đi song song cùng họ dọc theo các vách đá, cây súng trường đang được luồn vào trong cánh tay đang gập lại của cô.

Đó là một người phụ nữ đáng thương ... Teresa luôn luôn mơ ước làm một số điều tốt đẹp cho Materia, vì bà ấy là người duy nhất mà Teresa đã từng gặp có hoàn cảnh có lẽ thực sự tồi tệ hơn mình.

Teresa không tin vào ma quỷ, tuy nhiên lúc nào cô cũng mong đợi hình ảnh đó mờ dần và tan biến vào ánh sáng của đại dương.

“Có lẽ đây là một dấu hiệu”, bà nghĩ, “yêu cầu mình không được làm hại con gái của bà ta.”

Và Teresa cảm thấy xót thương cho người phụ nữ không đủ sức mạnh để sống, nhưng đủ mạnh để xuyên qua cái chết để bảo vệ con mình.

Teresa đã giải quyết để đi trong hòa bình khi hình bóng đó dừng lại, và ngược lên nhìn cô dò xét. Trên gương mặt của Ác Quỷ hiện lên vẻ thương hại. Teresa nhìn Frances giương cao tay trong chiến thắng, một nụ cười chế nhạo nhảy múa trên đôi môi nó, và huýt tên “Teresa”, Teresa xoay khẩu súng trường một trăm tám mươi độ, đeo nó vào vai, và khai hỏa. Con ác quỷ ngừng lại và đổ gục xuống như một con búp bê rách nát.

Hiện giờ Teresa vẫn đang quay cuồng với khói thuốc súng đang lơ lửng trước mặt cô, cố gắng để biết được cụ thể những gì mà mình đã gây ra.

Hector kiệt sức trong thời gian anh ở tại nhà bếp của Adelaide

và Ginger.

“Hector thân yêu, bây giờ anh chỉ cần ngồi đây, bọn em sẽ đi tìm Teresa, được không?”

Ginger đã ghé đầu vô bên trong để kiểm tra nhà của Teresa. Thật đáng nghi ngại. Hector không đi những nơi không cần thiết phải đi tìm. Nhưng anh cũng sẽ không chịu ngồi yên.

“Hector, có chuyện gì đó xảy ra với Teresa phải không?”

Hector lắc đầu ra dấu hiệu “không”, một cách biểu hiện mà là chỉ những người biết anh mới hiểu được. Sau đó, anh ta gật đầu “có” hai lần khẩn trương cho đến khi cuối cùng anh ta cảm thấy sáng suốt. Hector chỉ lên nóc tủ bếp nhà Adelaide. “Gì thế, Hector? Anh muốn cái gì? Không có gì trên đó, bây giờ, anh muốn gì?”

Anh ta phát ra một loạt tiếng rên rĩ thất vọng nhưng vẫn không thấp hơn cánh tay đang chỉ của mình, mặc dù nó đã bắt đầu lung lay, Adelaide nhún vai. Đi đến quầy bếp và khi leo đến nửa chừng khi cô như bị đóng băng khi nhận thấy một điều.

“Ôi lạy Chúa Giêsu, Hector ơi”.

Cô quay và anh gật đầu vui vẻ, “Có. Có. Có. Có. Có.”

“Tốt lắm ông anh Hector ạ”, cô nói trong lúc lấy áo len của mình, “ở lại đây trông chừng lũ trẻ nhé”, và cô ra khỏi cửa.

Teresa bắt đầu hít thở trở lại và cầm khẩu súng trường trong tay để cho sức nặng của nó tựa vào vai mình. Điều đó được thực hiện. Trái tim của cô bắt đầu loạn nhịp trong một nỗ lực để đánh thức tâm trí cô. Cô vươn ra, nắm lấy nòng súng trong cả hai bàn tay và ném mạnh nó xuống bãi biển phía bên dưới, ở đó nó lại nổ một tràng dài đá sỏi. Cô đã nghe thấy phát súng thứ hai, và nó

làm cho cô chạy nước rút hết như viên đạn được bắn lên từ khẩu súng lục. Cô đạp mạnh lên vách đá, chỉ có chạy và chạy, chạy không nghĩ cho đến khi cô nhảy qua tay vịn của đường sắt mới dẫn đến Waterford, và tất cả những gì cô được biết là những gì cô nhìn thấy lóe lên trước mắt, không phải những gì cô dự định làm. Số 12 Colliery, khổng lồ phía bên phải của cô, những ngôi nhà liên hợp nhỏ bé, vụt qua ngắn gọn như những cột điện thoại lướt ngang qua một tàu hỏa đang chạy. Cô ấy không phải chạy như một người phụ nữ, mà cô chạy hết như một nhà vô địch. Điều kế tiếp cô để ý đến là cô đã nhảy lên các nấc thang của Bệnh viện đa khoa New Waterford; và từ đó cô đoán chừng rằng cô đã đến đó để nhờ người cứu giúp cho các cô gái mà cô đã giết.

Sấm chớp nổi lên ở New Waterford bên cạnh Ginger đang ngồi trong chiếc xe tải của mình, Adelaide hét lên, “Dừng lại!”

Đó là chiếc xe đạp của Hector nằm ở gần đường ray trên con đường ngay phía bên bờ biển. Adelaide nhảy xuống khỏi xe tải trước khi nó dừng hẳn và quẹo ngang qua. Ginger theo sau và cũng đứng trên vách nhìn xuống bên dưới cùng với cô.

“Ôi! lạy Chúa!”

Trixie đang nằm cuộn tròn quanh đầu của Frances. Trong mười phút đầu sau khi súng nổ nó đã dùng những móng vuốt không bao giờ được cắt tũa của mình đau đớn cào vào da đầu Frances. Hai người khi này đã trượt xuống đồi và bây giờ họ đang lao xào bước xung quanh nó và Frances.

Khi họ đến. Frances lặp lại những lời mà cô ấy đã lầm bầm, “Ôi! Trixie! Ngăn nó lại.”

Mắt Frances đã sụp xuống giờ chỉ còn một đường nhỏ. Màu sắc

duy nhất trên trên khuôn mặt cô là những nốt ruồi nhỏ ở mũi, cô lúc này đã trở nên gầy gò hơn, một phụ nữ nhỏ bé trong một chiếc váy rộng thùng thình.

Hai tay nặng cứ như đeo chì. Đã đến lúc phải ngủ rồi.

“Chúng ta có nên chuyển cô ấy đi không?”

“Chúng tôi không có nhiều sự lựa chọn”. Adelaide trả lời.

Thật khó để xác định được vết thương và chỗ để nâng người cô lên vì có quá nhiều máu, Trixie liên tục đào bới và nó không ngừng kêu gào. Ginger luồn cánh tay của mình dưới Frances và cẩn thận nhắc cô lên. Lần này rõ ràng cô không dối trá và anh một lần nữa tự hỏi bằng cách nào anh có thể có được diễn xuất của cô trước đây. Anh quyết định tự làm cho mình bớt căng thẳng và thừa nhận rằng cô là một diễn viên tuyệt vời. Adelaide nhặt khẩu súng trường lên và họ bắt đầu quay trở lại dốc. Trixie theo sau, đôi mắt chứa đầy sự nài nỉ van xin. Nó đưa mắt nhìn chiếc xe tải kéo đi sau đó đánh hơi tìm đường trở về nhà.

Máu Frances chảy thấm vào áo của Adelaide và bàn chân cô gác ngang qua đầu gối của Ginger. Anh cố gắng cho xe chạy sao cho nó đạt tốc độ nhanh nhất đồng thời cũng ít dằn xóc nhất.

Teresa được mang đến cho một tách trà trong sảnh trước của Bệnh viện đa khoa New Waterford. Y tá trưởng là người đầu tiên đi ngang qua của cô. Nếu như cô bác sĩ thực tập trẻ đẹp ấy không có ở đây, người phụ nữ kích động kia có lẽ đã bị bắn vào tĩnh mạch thay vì được cho một tách trà. Tuy nhiên y tá trưởng đã nhận thấy rằng, cho dù họ uống trà hay không, thì chỉ riêng hành động với ra để đón nhận một vật gì đó để nó không bị đổ dường như có tác dụng xoa dịu tất cả mọi việc, nhưng không phải là một

kẻ điên cuồng.

“Nếu cô ta đã chết, tại sao cô lại cần xe cứu thương?”

Teresa giữ tách trà trong cả hai bàn tay và lần đầu tiên mở miệng từ sau khi nổ súng, “Cô ấy vẫn còn cơ hội được cứu sống. Cô ấy quy xuống bờ biển. Cô ấy bị bắn.”

Đây là một ví dụ điển hình về việc trà có thể có tác dụng tốt hơn ma túy hay sự lãng quên.

Cô y tá trưởng ngay lập tức vụt dậy và vun vút chạy đi để lấy băng ca. Teresa nói thêm, “Tôi đã bắn cô ấy.”

Cô y tá nghe xong và nghĩ, “Chuyện gì quan trọng thì phải được làm trước” và tiếp tục đi về Phòng cấp cứu.

Chiếc xe cứu thương tồi tàn được điều đi nhanh chóng để tránh va chạm với xe tải của Ginger, Ginger phóng đi rất nhanh. Mắt của Frances đã bắt đầu mờ đi mặc dù Adelaide và Ginger đã cố gắng lay gọi cô, Adelaide không thể biết được rằng cách châm vào da đầu của Frances có thể giữ cho cô khỏi lịm đi.

Teresa nâng tách trà lên môi và hớp ngụm đầu tiên khi Adelaide bước vào cửa trước và hỏi lớn, “Chúng tôi có thể sử dụng một số dịch vụ ở đây không?” Hai y tá trẻ chạy lại để hỗ trợ Adelaide, người cô dính đầy máu và cô nói một cách ngắn gọn, “Không phải tôi!”. Cô xoay ra hướng cửa và chỉ vào Ginger lúc này đang bồng Frances vào, và bắt gặp Teresa đang gặp người trên chiếc ghế đối diện với bức tường, đang uống trà. Cô y tá trưởng quay trở lại và bước đi rất khẽ. Cô có một đôi mắt nhà nghề vì vậy cô đi lướt qua Adelaide mà không cần quay nhìn cô, đi đến đỡ Frances từ đôi tay ướt đầm của Ginger và mang cô đặt vào băng ca đang được hai cô điều dưỡng trẻ nhanh chóng đẩy đến. Cô y tá

đặt Frances xuống băng ca trong khi di chuyển và biến mất vào trong phòng mổ.

May mắn là y tá trưởng đã từng trải qua chiến tranh. Cô biết cách để xử trí với các vết thương do súng đạn.

Lần này, Lily không biết gì về chỗ mà Frances đang ở. Ambrose cũng thế. Mercedes đuổi Trixie ra khỏi ghế tựa để tìm vết máu tại chỗ của cô. Vết máu vẫn còn ướt.

“Trixie, trở lại đây.”

Nhưng mọi người đều biết loài mèo đều không đến như vậy. Mercedes lục soát ngôi nhà cho đến khi cô tìm thấy Trixie trong căn hầm ngay giữa lò sưởi và bức tường. Nếu có điều gì đó đã xảy ra với con mèo, Frances sẽ gặp nguy hiểm. “Đến đây, Trixie.” Không đến.

Mercedes bắt lấy nó nhưng Trixie chạy ngược trở ra xa. Mercedes đi lên nhà bếp và trở lại với một chiếc đĩa cá trích muối, nhưng đó chính là miếng mồi nhử mà Frances hay sử dụng để chọc phá Trixie.

Lily cũng tham gia dụ dỗ nó. “Nó có thể chịu đến nếu chị gọi bằng tiếng Ả Rập.”

Mercedes như bị mắc nghẹn trong cổ họng. “Ồ, vì lợi ích của Chúa trời, Lily - ““Trixie. Inshallah”.

Trixie thò móng vuốt ra.

“Trixie”, Mercedes gọi, “taa’i la houn, Habibti ... ya Helwi” Trixie rón rén bước về phía trước.

Mercedes đặt Trixie lên trên quầy bếp để kiểm tra - “Te’berini” - lau chùi máu với một miếng vải ẩm cho đến khi sạch sẽ “Không có vết thương nào hết”.

Lily nhặt cái khăn dính đầy máu lên và dùng lược liếm. Mercedes liếc Lily. Lily ném thử và nói, “Em nghĩ rằng chị Frances đang gặp nguy hiểm.”

“Ôi! Chúa ơi!”, Mercedes thôn thức và thảm nghĩ: “Mình sẽ cố hết sức, thưa Đức Chúa trời, đến khi nào Người sẽ cho con được phép nghỉ ngơi?”

Mercedes gọi đến bệnh viện, sau đó với lấy cái mũ và nói, “Ở đây nhé, Lily”

“Khi nào cha mới về nhà?”

Tuy nhiên, Mercedes đã đi ra khỏi cửa.

Mercedes chùng bước khi nhìn thấy chiếc xe tải Taylor đậu phía trước cửa bệnh viện. Cô bước vào mặt đối mặt với bà Taylor và một người đàn ông chắc hẳn là chồng bà ấy, cùng với một phụ nữ xa lạ đang cầm tách trà bằng cả hai tay.

“Chuyện gì đã xảy ra vậy?” Mercedes hỏi, đứng quay lưng vào bức tường buồn bã màu xanh. Teresa chìm đắm trong một thế giới cầu nguyện của riêng mình. Mercedes ghì lại để cư xử một người phụ nữ đàng hoàng. Chỉ có duy nhất một người không bị dính máu. Máu của em gái tôi.

“Cô ấy bị thương”, Adelaide trả lời. “Chúng tôi tìm thấy và đưa cô ấy tới đây. Đáng lẽ ra tôi nên gọi cho bà nhưng chúng tôi không có nhiều thời gian để nghĩ đến.” Mercedes quay sang Adelaide, chiếc váy bằng cotton của cô vấy đầy màu đỏ máu tội lỗi. “Bà có thể kể câu chuyện này cho cảnh sát”, cô nói bằng giọng run run, “một khi bà đã thông suốt”.

Teresa bắt đầu cầu nguyện thành tiếng. Mercedes nhắm mắt và cùng cầu nguyện. Cô không cho phép bản thân mình phung

phí nước mắt. Nước mắt sẽ không giữ Frances ở lại. Dạ dày Mercedes sôi sục, cổ họng cô co lại từng cơn. Cô rút lui khỏi trạng thái rối loạn của cơ thể, hướng đến một nơi không ô uế ở ngay phía trên trán cô, nơi đó chỉ có cầu nguyện là trên hết. Cầu nguyện sẽ giữ Frances ở lại đây.

Một cô y tá trẻ xuất hiện từ quầy tiếp nhận.

“Em gái của cô vẫn còn đang phẫu thuật, cô Piper à. Cô có muốn dùng một tách trà không?”

Khi cô y tá trẻ quay trở lại với ba ly trà nóng, Mercedes đang ngồi cạnh Teresa. Họ nắm tay nhau, cùng nhau cầu nguyện trong im lặng, mắt họ nhắm nghiền lại và đầu cúi xuống. Adelaide nhận cái khay từ cô y tá và nghĩ đến mình, “Mình có thể viết sách. Mình thực sự có thể làm được.”

Lily đến mang theo một túi dệt. Ginger chú ý tới cái đuôi màu đen đang lộ ra giữa quai xách bằng gỗ của cái giỏ. Anh đứng dậy và đưa cho nó cái ghế của mình.

“Cám ơn, thưa ông.”

Lily đặt cái túi dệt trên sàn nhà bên dưới ghế của nó. Cái túi động đậy một chút. Ginger và Adelaide nhìn nhau. Lily không hỏi gì về vết máu của họ. Nó sẽ biết ngay nếu cô ấy có hai người chị, hoặc chỉ một người. Mercedes đã nghe tiếng đi vào lách cách không thể nhầm lẫn vào đâu được của Lily nhưng cô không buồn mở mắt. Cô ấy không muốn rời bỏ ngang việc cầu nguyện cùng với người bạn mới không quen biết. Đây quả là một phụ nữ mạnh mẽ. Bạn có thể cảm thấy sức mạnh của niềm tin nơi cô ấy.

Vết thương ở bụng là do nguyên nhân mất máu. Y tá trưởng đã thực hiện một số phẫu thuật cho Frances nhưng bây giờ là vấn đề

thời gian và nó qua đi như tên bắn. Cô y tá đi ra đến chỗ đoàn người sặc sỡ đang chờ đợi ở khu tiếp nhận và hỏi Mercedes “, Nhóm máu của cô loại gì, thưa cô?”

Ở phía xa cuối dãy phòng hồi sức, Lily có một ống truyền tĩnh mạch được cắm vào khuỷu tay phải, chuyền vào một túi căng phồng được treo vào một cái giá đỡ bằng kim loại và nối vào ống thứ hai dẫn vào tay của Frances. Mercedes đang đứng thẳng như một tân binh bên dưới chân giường không rời mắt khỏi các em cô. Các màn cửa màu trắng được kéo lùi lại giường do căn phòng không có bệnh nhân.

Frances không cử động, mí mắt cô không nhấp nháy trong suốt thời gian cô bất tỉnh trong vũng máu. Mercedes đang cố gắng nghĩ ra những thứ khác mà cô có thể dùng để cầu xin Đức Chúa đổi lấy cuộc sống của Frances, cô chợt nghĩ rằng phép màu thứ ba của Lily có thể không khả thi. Nhưng không được, không được nghĩ về điều đó. Không được thừa nhận niềm tự hào và tham vọng ở trong phòng bệnh, chỉ có thể cầu nguyện mà thôi. Mercedes nhẹ nhàng bước năm mươi bước tới cửa phòng và cố gắng không làm nhiễu loạn nhiệm vụ Lily.

Trong phòng tiếp nhận, Mercedes và Teresa đang chấp tay cùng nhau cầu nguyện lần nữa. Một cô y tá trẻ đặt tay lên vai Mercedes vì đã hai lần cô không nghe thấy tiếng gọi tên mình. Teresa nhìn lên và nhìn thấy cái chạm vai.

Cô tá nói, “Em gái của cô đã tỉnh lại rồi, cô Piper.”

Mercedes giật nảy mình nhưng cô y tá vẫn tiếp tục nói, “Cô ấy yêu cầu được gặp người phụ nữ tên là Teresa.”

Teresa đứng dậy, và đi theo cô y tá lên cầu thang. Mercedes

nhìn Teresa bước lên cầu thang và tự hỏi làm thế nào mà Frances biết cô ấy.

“Cô ấy là ai?” Mercedes hỏi y tá tại bàn làm việc.

“Đó là chị gái của tôi”, Ginger trả lời.

Chắc hẳn phải có phúc lành trong tất cả chuyện này, Mercedes nghĩ, rồi nhìn vào anh ta. Nếu Frances đang mang thai, thì chắc chắn vết thương sẽ làm nó sảy thai. Anh ta trông không giống như một người đàn ông xấu. Nhưng người vợ thì trông giống như một người phụ nữ có khả năng giết người. Đến mắng nhiếc mình nhân danh lòng khoan dung của đạo cơ đốc, rời khỏi nhà mình, săn tìm em gái mình rồi bắn nó như một con chó. Cô ta sẽ phải trả giá. Cô ta sẽ bị treo cổ.

Adelaide nhìn đi chỗ khác.

Mercedes lên giọng “Chị?”

Y tá trẻ nhìn lên từ bàn làm việc của mình; “Cô có muốn dùng thêm trà không, cô Piper?”

“Tôi có thể sử dụng điện thoại được không?”

“Tất nhiên rồi.”

Adelaide và Ginger chờ đợi và nhìn trong khi Mercedes gọi cảnh sát.

Y tá trưởng thắt túi máu lại rồi nói với Teresa, “Nói ngắn gọn thôi nhé,” và đóng màn cửa lại theo yêu cầu của Frances. Cô lặng lẽ kéo ghế ngồi xuống trong tầm nghe và tầm với, nghiền ngẫm biểu mẫu theo dõi của mình.

Teresa ngạc nhiên khi nhìn thấy một con mèo cuộn tròn dưới chân giường.

“Frances. Teresa đến rồi.”

Cô gái tật nguyền có đôi mắt màu xanh biển đang thì thầm vào tai trái của Frances quay lại và nhìn chăm chăm vào Teresa. Frances mở mắt ra nhưng không quay đầu lại.

“Bà nên đi vòng qua nơi chị tôi có thể nhìn thấy bà, thưa bà,” Lily nói.

Teresa đi vòng qua phía bên phải giường, nghĩ xem Lily giống với mẹ của nó - con bé ca sĩ đến mức nào.

“Teresa.” Frances thì thào.

“Tôi đây?”

Teresa miễn cưỡng cúi xuống cho đến khi cô ngồi xổm bên cạnh giường - cô không có ý định quỳ xuống, mặc cho cô đã làm những gì. Cô ấy nhìn vào đôi mắt đang nhắm nghiền của Frances. Màu nâu đỏ. Đúng hơn là, màu nâu với những mảng màu xanh nằm yên hoặc di chuyển.

“Teresa. Hãy kể về mẹ tôi”

“...Tôi không biết mẹ cô.”

“Cô đã đến đám tang của bà.”

“Đúng vậy.”

“Cô phải biết chút ít về bà ấy chứ. “

“Có một chút.”

“Vậy cô đã biết điều gì?”

Teresa thở dài. “Tôi cảm thấy tiếc cho bà ấy, chỉ có vậy thôi,” và cô ngạc nhiên khi nhận thấy nỗi phiền muộn đang nghẹn lại trong cổ họng. Tiếc cho ai? Cho một người nào đó thậm chí cô còn chưa biết.

“Cô đã cho tôi một viên kẹo.”

“Tôi à?”

“Mùi bạc hà cam thảo.”

“Tôi không nhớ cô.”

“Khi đó tôi có mái tóc vàng.”

Teresa cứ cho rằng cô bé tóc vàng là một người khác, cái người mà cô vừa mới cùng cầu nguyện khi nãy. “Cô còn quá bé để nhớ những chuyện đó.”

“Tôi nhớ rõ mọi chuyện.”

Frances nhắm mắt lại một chút, nhớ lại bên trong hàng mi của mình khuôn mặt tuyệt đẹp của Teresa. Teresa chờ đợi. Cô ấy chờ đợi cô gái nhỏ mà cô đã cho kẹo. Frances lại mở mắt ra lần nữa.

“Và tôi nhớ là cô đã đến đứng ngay bên giường tôi và chạm vào đầu tôi để tôi không phải sợ hãi.”

“Tôi không làm điều đó.”

“Vậy ai đã làm?”

Và Teresa làm một điều tốt đẹp theo cách mà cô luôn muốn làm nhưng không bao giờ làm. “Mẹ của con đã làm đấy, con gái ạ”

“Frances nhắm mắt cho đến khi có vẻ như cô lại chìm vào giấc ngủ, rồi cô mỉm cười và nói, “Cảm ơn, Teresa.” Và ngủ thiếp đi.

Bên dưới nhà, Mercedes bước từng bước với dáng vẻ chỉ ít nghiêm chỉnh hơn một đoàn quân đang diễu hành một chút. Bộ môn bóng đá vững vàng của đội cảnh sát kỵ mã hoàng gia Canada đã cắt đứt lời rên rỉ kéo dài như tiếng kèn túi trong đầu cô.

“Cô Piper?” Anh ấy còn quá trẻ, phải không nào? “Có gì rắc rối ở đây nào?”

Mercedes uốn cong đôi lông mày, có thể thấy trước cung cách của một nhà giáo mà cô vẫn luôn mong muốn trở thành.

“Em gái tôi đang trong tình trạng nguy kịch khi bị thương do đạn bắn ra bởi người phụ nữ mà anh thấy đang ngồi ở kia.” Cô nói mà không thèm nhìn lại.

Mountie nhìn Adelaide và hỏi, trong lúc lấy quyển sổ tay ra ngoài, “Điều này có đúng không, thưa bà?”

Mercedes nhanh nhẩu đáp, “Dĩ nhiên là đúng rồi, hãy nhìn vào quần áo của họ kia!”

Và lúc quay đầu lại cuối cùng cô nhận ra vết máu của họ và đối chiếu chúng với tình trạng không có vết bắn nào của người phụ nữ ở trên lầu “Ôi! lạy Chúa tôi!” Sự cao ngạo của cô sụp đổ và khuôn mặt của cô chảy dài đến mức ngay cả Adelaide cũng bắt đầu có thể tha thứ cho cô, nhưng không có đủ thời gian để làm điều đó vì Mercedes đang đi lên cầu thang, bỏ Mountie lại với một chút hụt hẫng. Anh ta quay sang Adelaide, “Thưa bà, tôi sẽ phải yêu cầu bà đi với tôi đến _”

“Xin hãy đợi một phút, chàng trai”, cô nói, lướt ngang anh ta và đi thẳng lên cầu thang.

Ginger đi theo sau, sau đó đến lượt Mountie. Đó là một ít những ngày khó khăn đối với tân binh. Đêm hôm qua anh vừa báo tin cho một người phụ nữ về cái chết của chồng bà ta trong một tai nạn xe hơi và bà ấy đón nhận nó như bản tin thời tiết. Hôm nay anh lại thất bại khi không thể có được bằng chứng về việc sản xuất rượu bất hợp pháp và bây giờ anh gần như ngất xỉu

- anh có thể xử trí tình huống khi nhìn thấy máu, miễn là anh ta không bị bất ngờ bởi nó. Anh theo đám người lên cầu thang, quyết định tự mình hoàn thành trách nhiệm thực hiện lệnh bắt giữ.

Mercedes đang chạy lên, chân trượt lên trên sáp ong, cô vươn tay nắm lấy mép cửa của phòng hồi sức, đẩy mình qua, nhìn thấy cái giường có phủ rèm ở phía xa cuối phòng trong giống như một cái chén kiểu. Cô vội vã hướng về phía đó cầu nguyện. Có âm thanh phát từ bên trong. Y tá trưởng đã thấy cái nhìn từ ánh mắt của Mercedes hiện lên cách hai mươi feet, đặt biểu mẫu theo dõi qua một bên và chộp lấy cổ tay Mercedes ngay trước khi vừa cô định xé toạc màn cửa. Mercedes bắt đầu thở lại dưới cái nhìn cứng cỏi của cô y tá và lắng nghe. Có ai đó đang hát. Y tá trưởng bỏ tay Mercedes ra và nhẹ nhàng vén màn.

Teresa ở phía trên Frances, khẽ hát, một khúc hát ru của vùng Tây Ấn. Một tay đặt nhẹ lên trán Frances. Frances và Lily và cả Trixie đều đã ngủ. Cô y tá và Mercedes cùng nhìn vào và giờ có cả Adelaide, kế đó là Ginger, rồi Mountie. “Bây giờ, dường như __” Mercedes ra hiệu cho anh giữ yên lặng bằng một cái nhìn.

Teresa kết thúc bài hát ru. Cô quay sang phía anh cảnh sát. “Tôi đã sẵn sàng đi rồi.”

Lily và Trixie mở mắt. Teresa bước đi khỏi giường nhưng bị Frances giữ chặt tay lại. Frances, trên gương mặt cô vẫn còn dấu vết của việc tự đánh mình ngày hôm trước, hướng về phía các khán giả đang đứng đầy quanh cái màn được vén ra và nói, “Mercedes?”

“Tại sao Frances đột nhiên nói giọng Anh vậy?” Lily ngạc

nhiên.

“Em thực sự hối hận đã mang lại sự ô nhục và nỗi đau khổ cho gia đình mình. Anh cảnh sát, hãy bắt tôi đi, hãy trừng phạt tôi đi, vì tôi tự nhận thấy mình có con nhưng lại không có chồng. Tôi đã dẫn thân đến bên bờ vực sâu nơi mà tôi đã tự bắn mình. Vâng, vậy là tôi đã chết rồi.”

Frances thay đổi khuôn mặt trịch thượng và bật khóc nức nở. Sau đó, cô y tá lau dọn phòng bệnh nhân. “Màn kịch đã kết thúc rồi, các bạn ạ”

Và đó là cái cách Frances làm tiêu tan sự căm hận của Teresa.

Chín tháng rưỡi sau, Teresa hạ sinh một bé gái tuyệt vời cô đặt tên là Adele Claire. Adelaide đã đúng. Hector vẫn còn hoạt động tốt.

Chương 7

Viên đạn

Nghệ thuật của con đực ban phước giữa đám phụ nữ

Những mũi khâu của người y tá trưởng là một tác phẩm của cái đẹp, chúng đã được cắt chỉ từ khoảng một tháng nay, để lại một nụ cười bên lên ở chỗ phía dưới sườn bên phải của Frances. Nụ cười ranh mãnh hơi mở rộng chỉ ra những áp lực ở chỗ làm trong người Frances, cô ấn vào bụng mình và trả nụ cười lại như cũ, Xin chào.

Mercedes chú ý và hưởng ứng “Em đang mập lên đấy”. Frances vừa mới bước ra khỏi bồn tắm hơi và Mercedes quấn cô lại trong một cái khăn tắm lớn đã được ủ ấm bên lò sưởi. Lúc đó mới là tháng mười một nhưng Mercedes đã bắt đầu đốt than từ “tai nạn” hồi tháng bảy, và sợ rằng Frances có thể bị ốm vì lạnh. Frances cũng đã tự cho phép mình được ngâm vào bồn, tắm rửa và lau khô, ngoan ngoãn như một đứa bé say thuốc.

Thời kì dưỡng bệnh của Frances thật là bình yên, cô ngồi ở bàn

mà không có chút lo lắng sợ hãi nào và ăn rất nhiều. Cô đã thực sự cười thay vì chỉ mỉm cười. Cô cũng không còn lang thang, cả ngày ngồi trùm mền ngoài hiên, khi khỏe hơn, cô đi dạo ban đêm đến vách đá bên biển với Lily và Trixie. Frances đã trở nên sạch sẽ và mềm mại, mùi thơm ngọt ngào. Khuôn mặt cô ấy rất tròn trịa. Đôi mắt bình thản, đã không còn ánh mắt lén lút nữa. Cái sọc trắng trên mũi cô, biểu tượng của niềm vui sướng đã không còn xuất hiện nữa, dù chỉ một lần. Cô có ngực, trưởng thành, ở ngay giữa, những quầng màu tím đang chuyển sang trạng thái dựng đứng lên, chỗ duy nhất trong cơ thể cô không nghỉ ngơi. Mái tóc chia đủ mọi hướng của cô bắt đầu tỏa sáng. Một cái mũ làm từ những lọn tóc xoắn thuần khiết và tỏa ánh sáng màu nâu đồng. Frances rất xinh đẹp. Vâng, đúng là vậy.

“Đã bốn tháng rồi, đã đến lúc em có gì đó để khoe ra rồi”, Frances đáp, lặng lẽ ngồi im trong lúc Mercedes chải mái tóc ướt của cô. Mercedes ngừng lại, nhìn xuống và gỡ một cọng tóc màu vàng dính trên cây lược.

“Frances, không thể được”

Cô y tá đã dặn Frances rằng với một vết đạn như vậy thì mẹ thiên nhiên sẽ chăm sóc cho tình trạng của cô, nó sẽ giống như một giai đoạn khó khăn. Mercedes đã mong chờ những sự trôi buộc Frances xảy ra, nhưng Frances hẳn đã phải chịu đựng trong im lặng, làm sao mà cô vẫn có thể...

“Nhìn em này”, Frances vẫn đứng khóa thân trên sàn gạch phòng tắm.

Mercedes nhìn và đảo mắt lên với một cảm giác nhoi nhói. Không thể tiếp tục giả vờ là cô đang chăm sóc cho một đứa trẻ

nữa. Cô đã tắm rửa, chăm sóc, cho ăn, lau khô cho một người phụ nữ đang nở rục rờ như một đóa hồng trong nhà kính. Những cái đầu vú đã sẵn sàng cho việc chứa và tung ra hạt giống, đám lông mu màu nâu đỏ trông tự hào như một chùm nho. Một cái lá sung sẽ không có tác dụng trong trường hợp này - trưởng thành và nguyên vẹn, hồng hào và mơn mớn như thứ trái cây đó, con thuyền chất đầy những món hàng sinh dục của Frances, từ đôi môi cho đến âm vật ở mũi tàu đang đong đưa đều để đáp lại những đợt thủy triều từ chính cơ thể của cô. Cô gần như là lúc nào cũng hơi gợi tình, cảm nhận được cái thuyền mềm mại của cô đang mở ra, đóng vào và đón nhận nước từ bên trong cơ thể. Cơ thể của cô đang tự làm tình với chính nó. Cho đến giờ Frances vẫn không hiểu những việc ồn ào lộn xộn đó là về chuyện gì.

Một lần duy nhất Frances đã cởi bỏ sự châm biếm, cô đang tồn tại trong một cái gì đó to lớn hơn - nói rõ hơn là chính bản thân cô. Hay ít ra là cái bản thân đang nằm trong một cơ thể mới. Đó là cách mà Đức mẹ đồng trinh đến với chúng ta, người chiếm lấy máu thịt của chúng ta và làm cho tình yêu toát ra từ đó. Không có gì là châm biếm trong cái khoảnh khắc của tình yêu đầu tiên, và Frances đang yêu. Cô yêu chính cơ thể của mình và những gì mà nó mang lại.

“Frances, em không thể tiếp tục có thai được, không phải sau những chuyện đã xảy ra.”

Frances trả lời: “Đặc biệt là sau những chuyện đã xảy ra”, cô lấy chiếc áo ngủ màu trắng chỗ lò sưởi và tròng vào từ trên đầu rồi nói: “Cám ơn chị, Mercedes”.

Mercedes bị đau sau khi Frances rời khỏi phòng tắm, đột ngột mất hết sức, cô ngã xuống sàn và áp má mình tựa vào bồn tắm

bằng men. Giọt nước cuối cùng chảy xuống cống và trước khi cô biết lí do thì cô đã khóc. Đó là nỗi đau giống với cái đã chờ đợi và đóng chai cho cái ngày Frances chết. Tại sao nó lại được khai ra và xảy đến vào lúc này? bé bỏng của chị”. Mercedes cố gắng bịt cái chai lại, vội vàng lúng túng và không chú ý rằng nó là một cái chai thần kì có thể tự làm mình đầy lên lại mãi.

Cô tát nước lạnh lên mặt và nhận ra cô khóc là do Frances đã thực sự đi xa Frances của cô, chính là vì vậy. Frances mới đã biết nói cảm ơn, đã biết chăm sóc sức khỏe của mình và đang mong làm mẹ. Frances của mình không phải là một bà mẹ. Frances của mình là một đứa trẻ, hư hỏng nhưng đáng yêu, đứa trẻ của mình.

James bị đột quỵ lần đầu tiên nhưng không ai biết, ngay cả James. Anh chỉ trông có vẻ, và cảm thấy, già đi. Một bên mặt anh đã chảy xệ xuống, con mắt trái bây giờ lúc nào trông cũng có vẻ hơi buồn ngủ, phía miệng bên trái luôn luôn buồn bã. Và anh cũng không thể nắm chặt tay trái được nữa. Cái tình trạng “mới ngủ dậy” đã chiếm giữ toàn bộ phía bên đó của cơ thể.

Cơn đột quỵ thực ra là một kinh nghiệm dễ chịu, dù hơi kì cục. Nó xảy ra vào cái ngày anh đốt máy chưng cất rượu trong rừng, cái ngày mà thảm họa đã xảy ra vào bốn tháng trước.

James tưới cái máy ngập trong xăng, châm lửa và bỏ chạy. Cái máy phát nổ bốc cao lên trời, đó cũng là lí do tại sao Mountie trẻ tuổi tìm thấy khá nhiều mảnh đất còn cháy âm ỉ. Có thể là do tiếng nổ đã gây ra cơn đột quỵ của James - vẽ ra một con đường mong manh trên bức tường động mạch và run rẩy cho tới khi nó đào được một cái hang và làm ngập một khu vực nhỏ trong não. Các nơron bị chết đuối.

Khi tỉnh dậy anh cảm thấy mình bị mất phương hướng về thời gian, anh để ý thấy mặt trời vẫn ở chỗ cũ khi anh bỏ chạy trốn vụ nổ. Anh đứng dậy và đi vài bước trước khi sự mất cân bằng bắt kịp và làm cho anh ngã sang bên trái.

James có hàng tá lí do để cảm thấy chóng mặt vào thời điểm đó khi xem xét lại những chuyện anh đã trải qua. Cái suy nghĩ rằng có thể mình bị đột quỵ có vẻ như khá ngu ngốc đối với anh. Bị giết hụt. Anh nhắc người lên và đi cẩn thận từ gốc cây này sang gốc cây khác cho tới khi anh đến được rìa của chỗ phát nổ, sau đó anh cúi xuống và bò đến chỗ đen thui trên mặt đất, nơi mà anh đã từng làm việc, nó đã lạnh đi, đó là cách giúp anh biết được rằng đã có ít nhất là hai mươi bốn giờ trôi qua.

Anh ngủ, hoặc là bất tỉnh. Lần tiếp theo mở mắt ra thì trên bầu trời đang đầy sao và mặt trăng mới mọc. Trong một khoảnh khắc anh không còn quá khứ nữa, anh chẳng là ai, chẳng là người nào, anh là bầu không khí về đêm thoáng mát. Chớp mắt tiếp theo, anh đã lại đầy những kí ức. Những hình ảnh đã mòn của những thứ đã từng xảy ra giờ xoắn lại với nhau đến mức không nhận ra nổi nữa. Anh cúi mình trên hai tay và hai đầu gối, đầu anh giờ là một quả banh đang hư hỏng và mù mờ đi vì đau đớn. Nhựa cây nóng chảy đang tuôn trào trong những mạch máu của toàn cơ thể phía bên trái của anh, trong khi lẽ ra đó là chỗ của máu. Phía bên phải lần đầu tiên có cảm giác phải kéo lê phía bên trái như một người đồng chí bị thương ở chân trong khi chiến đấu, tay phải của mình đang ôm chặt người bạn xơ xác để giúp đỡ anh ta. Anh ở lại đủ lâu để nhựa cây chảy ra khỏi tay anh, vào thân cây ốm yếu và anh để một lớp da lại đằng sau khi tự trả tự do cho mình và loạng choạng bước đi.

Anh khụy xuống đầu gối của mình khá thường xuyên mỗi khi trọng lực giành được phần thắng trong cái bộ tiền đình mới trong tai anh. Anh tự nắm đầu lên để một làn sóng máu mới đổ về não của mình, thực sự rất đau đớn nhưng đó là cách duy nhất để không bị ngất đi. Đôi khi anh ngã nặng hơn vì sức nặng của cái đầu, chống từ đầu gối đến hai tay. Tay trái của anh không thể mở ra khi va chạm nên đất đá va thẳng vào mấy khớp ngón tay. Sau khi nghỉ ngơi một chút, người chiến sĩ khỏe mạnh lại vác người bạn bị thương của mình lên và tiếp tục đi một quãng nữa, lòng bàn tay phải rỉ máu, những khớp xương của tay trái trầy xước hết cả.

Xe của anh đang đậu ở cách chỗ đó rất xa, anh đã phục hồi lần thứ hai mươi lăm khi bình minh lên, sau đó anh ngủ, có thể là bất tỉnh. Nhưng tự cơn đột quỵ lại cảm thấy vui sướng, anh có một giấc mơ và thêm thất vào một chút. Anh đã thấy mẹ mình, anh vẫn là một người đàn ông trưởng thành như bây giờ:

Trong những giấc mơ trước về bà, bà đứng ở một khoảng cách rất xa nhưng đâu đâu cũng có tiếng nhạc, tiếng đàn piano lúc xưa, ngọt ngào không tả xiết và đầy ý nghĩa, không thể gọi tên được nhưng nó quen thuộc như chính nhịp tim của anh. Anh biết mẹ mình đang ở giữa âm nhạc này, nước mắt anh dâng tràn và chảy ra, làm tươi mới con người anh. Anh đang ở khu đất phá hoang giữa một khu rừng sáng sủa xanh tươi. Không có thông, không có bóng tối quanh đây nhưng có sự trưởng thành tạm thời, già nua, cao to và chắc chắn. Có một cây bạch dương giữa đám sồi và cây đu. Anh biết đó chính là mẹ anh, anh nhìn vào lớp vỏ trắng trên cây và nhận ra đó chính là cái váy của bà.

Anh nằm xuống, cuộn mình dưới bóng cây bạch dương và

nghe thấy tiếng của bà, Xin chào! Anh biết nếu mình quay sang để nhìn vào mặt bà thì bà sẽ biến mất, do vậy anh tập trung vào một ngọn cỏ trước mắt mình và bà nói chuyện với anh, gọi anh bằng cái tên Xentơ lúc nhỏ, Xin chào, Seamus. Moghraidh. M'eudail. Nước mắt vuốt ve khuôn mặt anh, nứt nẻ như bị thiêu đốt.

Anh nói chuyện với bà, kể cho bà nghe câu chuyện của mình, anh cảm thấy bàn tay mình lạnh đi bên cạnh khuôn mặt, anh biết bà đang chữa lành cho anh và anh cũng nhận ra rằng việc này có nghĩa là bà sắp đẩy anh đi xa mình, “Không!”. Anh cảm thấy bà đang tống anh về lại cái địa ngục mà anh không thể nhớ ra nổi. “Không!”, anh mở mắt ra.

Sau đó lại nhắm lại do ánh nắng mặt trời và lại tiếp tục chuyển đi về chỗ chiếc xe.

Cố gắng tìm con đường,
Nhưng không thể quay lại.
Cũng không nhớ được rõ ràng,
Thứ âm nhạc mà mình đã nghe.

“Nếu cha chết thì chị sẽ là người chăm sóc gia đình này.”

Chạng vạng ngày xảy ra vụ nổ súng, Frances vẫn đang biết ơn người y tá mà lúc đầu cô cho là tồi tệ, còn James vẫn mất tích. Mercedes đã bắt đầu cho phép cái ý nghĩ rằng cha mình đã chết xuất hiện trong đầu. Cô đang ngồi ngoài hiên nhà, nhìn ra đường và lột một quả lựu - một sự thôi thúc nông cuồng, mua từ một người phụ nữ Tây Ấn già ở góc đường Seventh.

“Nếu cha chết, mình sẽ bắt đầu dạy học, mình sẽ bán những máy móc của ông” Mercedes càng lúc càng chắc chắn về những ý

nghĩ trong đầu mình, mặc dù cũng tự mình hơi ngạc nhiên vì cái suy nghĩ “Nếu cha chết đi thì chúng ta sẽ dễ chịu hơn”. Cô ngọam một miếng lựu ngọt “Nhưng nếu ông chưa chết” - Mercedes cũng phải nghĩ đến khả năng này nữa - “công việc của mình đơn giản chỉ là nhiều trách nhiệm hơn”.

Lúc cô nhìn thấy rõ hình dáng chiếc Buick đằng sau ánh đèn pha, kế hoạch của Mercedes đã chắc chắn tới mức cô không muốn tin vào điều đó. Cô nhìn chiếc xe bò từ từ ở số hai và khập khiễng lao vào các ổ gà trên đường, lúc đó ý nghĩ đầu tiên của cô là “Mình phải học lái xe.”

Cô khoanh tay, nhìn chiếc xe lết vào đường chạy và nảy lên một cái rồi dừng lại.

Khi ánh đèn tắt đi, cô thấy đầu của James đang ngả ra sau, miệng thì mở ra. Ngay sau đó cô nghe thấy tiếng ông lóng ngóng với cái chốt cửa, cửa mở và ông bước ra, cô thấy ông gục ngã từ từ xuống đầu gối của mình và ông cứ đi như vậy dọc con đường đá dẫn lên thềm.

Điều duy nhất Mercedes không nghĩ đến là cha cô lại quay về và trở thành một người ăn năn hối cải, chuyện như vậy sẽ làm ảnh hưởng đến kế hoạch của cô, cô không còn sức lực để làm con gái của một người đàn ông tốt nữa, cô chỉ còn sức để đứng đầu cái nhà này.

Lúc ông đến được các bậc thang và dùng cả tứ chi để kéo lê chính mình lên thì cô ở gần đủ để nhận ra sự cố gắng trong hơi thở của ông và không phải ông ăn năn hối cải mà ông chỉ bị bệnh thôi. Cô cho rằng ông không nhìn thấy mình nên đã giật mình khi ông nói “Chào con gái!”

Giờ thì ông đang nằm một đống dựa vào cửa trước. Sự sỉ nhục phản thân của cô giờ lại được thay bằng cảm giác dễ chịu rằng cứ để mọi thứ phơi bày ra giữa họ. Đúng vậy, tôi thấy cha ngã xuống nhưng không buồn chạy đến giúp.

James nhướn mắt nhìn cô, đôi mắt ông trở nên trẻ trung hơn, xanh hơn. Hay có thể đó chỉ là ảo giác tạo ra bởi vì khuôn mặt ông đã già hơn. Mercedes vẫn chưa nhìn thấy điều đó, tất cả những gì cô thấy chỉ là đôi mắt ông trông trẻ hơn và một nửa khuôn mặt ông đang ở trong bóng tối. Cho tới khi ngồi dưới ánh đèn điện thì cô mới nhận ra rằng đó không phải là một cái bóng, ít nhất cũng không phải theo nghĩa bình thường.

Cô đứng lên khỏi chiếc ghế gỗ và đưa cha cô vào căn nhà tối tăm.

“Cha!”, Lily lao điên cuồng xuống cầu thang, chân trần, mặc áo ngủ và ôm lấy ông “Ôi cha, cha của con!”.

“Vẫn là một đứa trẻ” - Mercedes cố nghĩ điều đó một cách vui vẻ.

James vỗ vào đầu Lily một cách kì cục khác hẳn thường ngày.

“Tay cha bị thương rồi”, Lily khóc òa lên, cô nắm tay ông và cảm nhận: bàn tay trái không có chút sức lực nào với những khớp tay bị thương, còn bàn tay phải vẫn mạnh khỏe thì lòng bàn tay bị trầy xước hết.

“Con sẽ đi pha trà”, Mercedes nói và đi từ sảnh trước vào bếp, hơi rùng mình khi có một cơn gió bất thường thổi qua cái khoảng trống mới dọc sống lưng của cô.

James hơi loạng choạng khi chỉ còn mình Lily đỡ ông, ông lại muốn ngã xuống nhưng cô bé đã giúp nó không xảy ra.

“Cẩn thận nào”, ông sợ mình sẽ làm con bé bị thương.

“Không sao đâu cha, đặt tay lên vai con này”

Ông không làm theo và cố tựa người vào tường nhưng con bé đã ôm ngang người ông và giữ chặt, giúp ông đi ra phòng khách, cô bé tin tưởng vào cái chân phải mạnh khỏe của mình.

Ông nằm xuống lần thứ hai trong vòng hai ngày, Lily nhắc chân ông đặt lên ghế và mở cái đèn đọc sách lên, ngay lập tức cô bị xúc động và nước mắt tràn ra. Cô ngồi cạnh ông và đặt bàn tay mát lạnh của mình lên khuôn mặt bị thương của ông, ông nhắm mắt lại, mệt mỏi đến mức không thể ngăn nước mắt của mình lại. Chúng xuất hiện giữa hàng mi cong và dài rồi chảy xuống những chỗ hõm mới trên mặt ông.

“Con thương cha lắm”

Mercedes đến bên mái vòm với khay trà trong tay và dừng lại trong ánh sáng tỏa ra từ ngọn đèn đọc sách. Cô bị vấp nhưng không làm đổ giọt trà nào. Lúc cô quay trở lại, trà vẫn bốc hơi nóng và Lily cũng đang tỏa ra một hơi ấm tương tự trên ngực James, cô bé đang gác đầu mình lên gối ở đó. James đang nằm thẳng lưng, ngủ hoặc hôn mê, và Lily nằm như một chiếc lá mát lạnh dọc theo người ông, bàn tay cô đặt ngay dưới cằm ông như một bông hoa nở lúc nửa đêm.

James ngủ hầu như suốt cả tuần sau đó, khi thức dậy, ông ăn một chút thứ gì đó mà Lily mang đến rồi nghe cô đọc sách. Những câu chuyện cổ tích và Freud cho tới khi ông đủ khỏe để nhận ra rằng ông đã đánh mất niềm vui thích của mình và muốn cô đọc hết quyển này đến quyển khác của “Biên niên sử Halifax”. Mọi thứ lại xoay quanh Châu Âu.

Vào lúc Frances xuất viện về nhà thì James đang ngồi thẳng dậy và tự đẽo cho mình một cây gậy.

Lily và Mercedes bận rộn với hai người đang dưỡng bệnh nhưng họ không để mình bị mệt mỏi vì chuyện đó, còn các bệnh nhân là những thiên thần - không than phiền, trân trọng và cố gắng phục hồi. Mercedes không thể nhớ ra lúc nào vui hơn vì ngay cả khi mẹ còn sống thì vẫn luôn có một đám mây, một mối đe dọa thường trực. Nhưng giờ tất cả rất bình yên, mọi thứ đều sáng sủa.

Thứ duy nhất cần phải lo vào những ngày thanh bình này là James có xu hướng nói nhiều về Materia, cũng bình thường nếu nói về người chết một cách đầy yêu thương, nhưng bởi vì nó đã bị hoãn lại mười bốn năm nay nên Mercedes cảm thấy như nó là một sự xâm phạm đau đớn. Cô vẫn cảm thấy biết ơn vì ông vẫn chưa nhắc đến Kathleen.

James khắc cây gậy của mình thành hình đầu chó và đi dạo với Lily. Ông đã bắt đầu một công việc mới trong cái lán của mình, lần đầu tiên ông lại cầm những thứ dụng cụ làm giày lên sau nhiều năm. Công việc diễn ra chậm chạp, ông đang phải cố huấn luyện lại cho bàn tay trái bị hỏng của mình và ông sẽ không nói ra là ông đang làm gì. Cái lán vẫn là một chỗ cấm đối với tất cả mọi người, trừ Trixie. Đó sẽ là một ngạc nhiên.

Tất cả những chuyện này và cả thiên đường nữa - cho tới cái ngày Frances bước ra khỏi bồn tắm và Mercedes không thể phủ nhận rằng em gái mình vẫn đang có thai.

Xơ nhân từ

“Các xơ sẽ sẵn sàng khi đến giờ, thưa cô Mercedes”

“Cám ơn xơ Saint Monica”

Mercedes đã hội ý với xơ Saint Monica trong lớp học địa lý ở trường Holy Angels, ngay dưới bức tranh màu vẫn đang được treo một cách đầy tự hào phía trên bảng đen. Thánh Monica: vị thánh của những bà mẹ, người trừng phạt những kẻ gian dâm ở Châu Phi.

“Cô đã bàn bạc với Frances về việc này chưa?”

“Vẫn chưa thưa xơ. Tôi nghĩ là có thể cô ấy sẽ không chịu ở xa đứa bé.”

“Như vậy thì tốt hơn hết là không nên hỏi cô ấy”

“Tôi cũng nghĩ vậy”

“Có những cách khác nữa”

“Những cách tốt đẹp hơn”

“Đúng vậy”

Những bánh xe đã được đặt vào vị trí, từ giờ đến năm tháng sau, Frances sẽ ở lại trong bệnh xá của nữ tu viện ở Mabou. Sau đó đứa trẻ sẽ được đưa đến một trại trẻ mồ côi thích hợp.

“Bức tranh đẹp lắm đấy xơ”

“Cám ơn cô, Mercedes”

Đã đến lúc Mercedes phải nói chuyện với Lily, Lily đã mười ba tuổi. Mercedes đã định đợi đến lúc Lily bắt đầu có kinh nguyệt nhưng hình như cô bé bắt đầu hơi chậm - có thể là một dấu hiệu nữa. Có thể con bé sẽ không bao giờ chảy máu. Chắc chắn đó là một dấu hiệu cho sự yêu thích của Chúa. Dù sao đi nữa thì những việc đang xảy ra với Frances cũng nên rõ ràng, đã đến lúc rồi.

“Lily, em có biết em bé ở đâu ra không?”

“Chúng do Chúa gọi đến”

Họ đang ở trong bếp làm bánh quy, dính đầy bột đến tận khuỷu tay trông cứ như là đôi găng tay của các ca sĩ opera.

Mercedes đỏ mặt, “Đúng vậy, nhưng Chúa phải nhờ đến da thịt của chúng ta để tạo ra một sinh linh mới”, có vẻ tốt đấy, Mercedes cảm thấy dễ chịu hơn, điều này cũng không quá xấu.

“Em biết chuyện đó, chị Mercedes”, Lily nói và mắt vẫn nhìn xuống đồng bột làm bánh trong tay mình.

“Làm sao em biết?”, Mercedes ngắt lời.

“Chị Frances nói với em”

Điều này thật sự khó khăn rồi đây.

“Chị ấy nói gì với em, Lily?”

Lily hơi đỏ mặt, thực sự rất xinh đẹp và tiếp tục nhồi bột.

“Sao nào?”, Mercedes chờ đợi.

“Đó là chuyện riêng tư đúng không?”, Lily nói và liếc nhìn đi chỗ khác, tự cắn môi. “Đúng vậy, đó là chuyện rất riêng tư, đó là chuyện chỉ của hai người và Chúa.” Lily không nói gì.

“Lily à, chị..., chị không phải là đang cố làm cho em cảm thấy

xấu hổ hay bôi rối đầu, chị chỉ muốn chuẩn bị trước cho em những chuyện - tuyệt vời - sẽ xảy ra khi em trưởng thành thôi”. Đôi tay Lily vẫn đang làm việc nhưng Mercedes đã dừng lại và đi đến chỗ bơm nước để che giấu sự xấu hổ của mình.

Lily trả lời một cách tế nhị “Ồn cả mà chị Mercedes, em có kinh nguyệt lần đầu tiên vào tháng ba vừa rồi và chị Frances đã nói cho em biết mình cần phải làm gì rồi.”

Vậy đấy! Còn cái gì quanh mình mà mình không biết nữa chứ, Mercedes thắc mắc và bơm mạnh. Lily nhìn sang chị gái mình, bỗng nhiên nhận ra rằng mình đã làm chị ấy tổn thương. Cô không nghĩ là Mercedes sẽ cảm thấy bị bỏ rơi vì một

chuyện như vậy, cô chỉ nghĩ là có lẽ Mercedes muốn bớt liên quan đi. Lily muốn xin lỗi nhưng cô sợ rằng nó sẽ chỉ làm chị cô bị tổn thương hơn.

“Chị Mercedes, chị Frances thực sự sắp có em bé hả?”

“Thì chị ấy nói với em rồi đấy”

“Vâng, nhưng em không chắc là nó có đúng hay không?”

“Đúng vậy đấy”, Mercedes rửa sạch tất cả chỗ bột và với lấy lọ nước kiềm, sau đó cô hỏi “Frances có nói cho em biết làm sao chị ấy có em bé không?”

“Dạ có”

Giờ thì mặt Lily hoàn toàn đỏ ửng lên, không phải vì những kiến thức tội lỗi mà là vì sự xấu hổ tế nhị khi cảm thấy mình đang xâm phạm sự riêng tư của người khác.

Mercedes dùng cái bàn chải lông cứng nhúng kiềm chà từ móng tay lên đến khuỷu tay.

“Sao? Chị ấy nói với em những gì?”

Lily nhào và nặn bột một cách cẩn thận.

“Chị ấy nói chị ấy có thai sau một đêm ở lại với ông Taylor ở trong mỏ.” Tay của Mercedes đã khô lại.

Lily tiếp tục với thái độ chững chạc “Nhưng chị ấy đã bị sẩy thai vì hậu quả của vụ nổ súng.”

Mercedes tắt vòi nước và giữ cao tay lên cho nước nhỏ xuống hướng khuỷu tay, cô hỏi “VẬY chị ấy có giải thích tại sao chị ấy lại như bây giờ không?” Lily trả lời “VÌ viên đạn” và tiếp tục nhào bột.

Mercedes lau khô tay bằng một cái khăn uống trà, lau khô, lau khô, lau khô chúng

“Chị ấy nói vậy chỉ để không phải nói với em sự thật thôi, Lily”

“Không, chị ấy tin là vậy mà”

Mercedes ngừng lại, gấp chiếc khăn trong tay mình “Đó không phải là cách mà phụ nữ có thai đâu.”

“Em biết, chị Mercedes.”

Mercedes đã mất kiên nhẫn “VẬY bây giờ em có thể nói cho chị biết là cuối cùng thì em đã biết gì về những hành động diễn ra trong cuộc sống được chưa?”

Thực sự thì Lily nghĩ nhưng không nói ra, thay vào đó, cô cời cái tạp dề rồi đi ra khỏi bếp và nói “Xin lỗi”.

Mercedes cảm thấy bối rối, con bé thật là tầm thường, có là thánh hay không thì sao chứ, tại sao không một ai trong nhà này có thể có một cuộc nói chuyện đàng hoàng với nhau?

Sau đó cô thấy bức tượng:

Một cái dương vật và âm đạo nhỏ nhắn đang trong tư thế giao cấu, đã bắt đầu nhào ra vì bột bị nhào quá tay.

“Frances, sao em lại kể câu chuyện viên đạn cho Lily nghe?”

“Tại vì đúng là vậy mà”

Đây là thứ cuối cùng mà Mercedes muốn nghe, cô đã chuẩn bị cho một câu đùa tục tĩu hay ít nhất là một lời nói dối chứ không phải là điều này. Frances nào đây? Chính là người lạ đã bước ra từ bồn tắm ngày hôm trước.

“Em thật sự tin là vậy sao Frances?”

Frances đang nằm ngửa, gói gọn trong chiếc võng cắm trại treo ở mái hiên phía trước và ngắm nhìn buổi chiều đi qua. Trixie đang đuổi bắt những cái áo trong sân. Frances lại làm một việc không hề giống Frances nữa. Cô chồm lên nắm tay Mercedes và cười. Tay Frances rất ấm.

“Em vui lắm, chị Mercedes, em rất vui”

Nụ cười của Frances là thật, nó chứa đựng tất cả những kí ức của những nụ cười trước đó, những nụ cười mỉm một thời, không có gì biến mất khỏi khuôn mặt cô nhưng có một thứ gì đó mênh mông vô hạn đã được thêm vào.

“Mọi thứ sẽ ổn hết thôi, chị Mercedes”

Mercedes siết chặt tay Frances và quấn cái mền quanh cô.

“Đừng lo Mercedes, em không bị điên đâu”

“Chị không lo”, Frances luôn cần có mình.

“Đừng buồn, Mercedes”

“Chị vui mà cưng”, và Mercedes mỉm cười trong nước mắt khi cô vuốt ve lông mày em gái mình.

“Chị Mercedes?”

“Sao em?”

“Đừng buồn vì chuyện của Lily, nó quá xấu hổ và không thể nói những từ đó ra được nên mới nặn tượng”

“Em nói đúng”, Mercedes nói một cách thanh thản và đứng dậy chuẩn bị đi, “Lily hoàn toàn vô tội”

“Có thể là vậy, cũng có thể nó là người của quỷ” Mercedes quay phắt lại.

““Em chỉ đùa thôi Mercedes”

Cái sọc trắng xuất hiện trên mũi Frances trong một khoảnh khắc đã làm xáo động tất cả những kế hoạch tuyệt vời nhất của Mercedes. “Khi nào cô có thể bắt đầu, cô Mercedes?”

“Tôi có thể bắt đầu hôm nay thưa xơ Saint Eustace”

Mercedes rất thích mùi gỗ trong văn phòng hiệu trưởng ở trường trung học Mount Carmel. Những cuốn sách đã mòn được xếp trên kệ, tượng Giêsu trên thánh giá, cái bàn to làm từ gỗ sồi với lọ mực tinh khiết và một cây bút, những tờ ghi chú nhăn nheo cuộn lại và nhét vào trong một cái ngăn kéo. Đây là kiểu văn phòng mà Mercedes luôn muốn một ngày nào đó mình sẽ có, một ngày nào đó mình sẽ cắt tóc và vào tu viện, mình sẽ dạy học, cũng có thể mình sẽ tham gia một nhóm tu hành.

Mercedes ngắt cái sự tuyệt vời này lại ngay khi nó chỉ mới đâm chồi vì nó làm cô khó chịu khi nghĩ rằng cả nhà cô sẽ phải chết hoặc đã kết hôn hết trước khi chính cô có thể trở thành cô dâu của Chúa. Và bởi vì kết hôn là một chuyện khá kì lạ với bất kì ai trong số họ, giấc mơ của cô tương đương với việc tất cả họ phải chết đi. Ôi không, Frances có thể ở với mình như một người bị

thương, không được sao?

“Frances thế nào rồi?”

“Cô ấy đã rất to rồi, khỏe mạnh và...”

“Cô ấy định giữ đứa trẻ lại sao?”

Mercedes cảm thấy bối rối vì sự thẳng thừng của câu hỏi mặc dù cô không tự lừa dối mình rằng cả cái đảo Cape Breton này không biết về vụ tai tiếng mới nhất của nhà Piper.

“Tôi nghĩ là...tôi thấy Frances có thể sẽ quyết định cho nó đi làm con nuôi”

“Đúng vậy”

Mercedes cảm thấy nóng lên vì cái nhìn của xơ Saint Eustace. Tại sao chứ? Mình đâu có làm gì sai.

Xơ nói tiếp “Chúa làm việc theo nhiều cách khác nhau, Frances cuối cùng đã có thể tìm thấy chính mình, nuôi dưỡng một đứa trẻ.”

“Rõ ràng là vậy xơ à, không còn nghi ngờ gì nữa”

Mercedes mỉm cười và biết rằng mình đang nói dối nhưng cô không chắc làm sao để thú tội vào ngày chúa nhật này, vì nó là một tội sao? Đúng vậy. Không đúng. Ôi đầu mình đau quá.

“Tôi tiếp tục với lớp một nhé xơ?”

“Vâng”

Mercedes đứng dậy “Cám ơn xơ Saint Eustace” nhưng bà ấy đã quay lại với những công việc giấy tờ của mình.

James đang hưởng thụ sự về hưu của mình, quanh chiếc ghế dựa là những đống sách ngày càng đầy lên. Đây là một kế hoạch khác của ông, bên cạnh cái bí mật trong lán. Ông đã mở tất cả các

rương sách và lấy hết tất cả những cuốn sách mình chưa đọc trên kệ xuống. Trước tiên là đếm chúng: một trăm lẻ ba quyển. Sau đó ông bắt đầu xếp chúng theo thứ tự mà ông định sẽ đọc, những quyển cuối cùng sẽ được dùng làm nền. Đây là một quá trình chậm chạp và cần phải suy ngẫm. Ông biết ông định đọc gì trước và đã đặt nó riêng ra trên đỉnh ngọn tháp: Dante's Paradiso. Đã từng đọc qua cuốn Inferno nhiều năm về trước, ông đã định sẽ ăn gian và bỏ qua quyển Purgatorio, háo hức chờ đợi sự sung sướng và đoàn tụ với Beatrice.

Giờ ông đã được nghỉ ngơi sau khi lao động, ngồi trên chiếc ghế sau những chiến hào được xây dựng từ chữ nghĩa và để cho đầu óc mình được lang thang. Cô con gái lớn giỏi giang của ông đang dẫn dắt mọi việc rất tốt. Đứa con lêu lổng thứ nhì thì đang chuẩn bị ổn định bằng việc nuôi dưỡng một đứa con da màu - ồ, ông vẫn không quên chuyện đó. Ông chỉ quên làm sao một chuyện như vậy lại có thể gọi dậy một tên sát nhân trong lòng ông; sự ra đời của một đứa bé vô tội. Và Lily, niềm an ủi của ta.

Ông giật mình khỏi sự mơ màng của mình bởi tiếng đạn nổ ở đâu đó xa xa, Lily đang đứng bên cạnh và chải tóc cho ông “Không sao đâu cha...”

“Cái gì...”

“Đã mười một giờ rồi”, nhưng James vẫn còn đang ngỡ ngác, “buổi sáng”, Lily lấy một đám tóc và bắt đầu thắt bím, nhẹ nhàng giải thích “Hôm nay là ngày tưởng niệm”

“À!”

Họ ngồi cạnh nhau trong im lặng khoảng hai phút, sau đó James lấy lại giọng nói đã yếu ớt của mình “Frances”.

Frances và Trixie chậm chậm đi vào, “Vâng thưa cha?”

“Con chơi gì đó đi con yêu?”

“Cha muốn con chơi gì nào?”

“Một thứ gì đó của ngày xưa.”

Cô bắt đầu “Chiếc xe ngựa ngọt ngào, hãy đến và đưa ta về nhà...”

“Hay lắm!”

“Chiếc xe ngựa ngọt ngào..., hãy đến và đưa ta về nhà...”

Vào bốn rưỡi chiều, Mercedes về đến nhà sau ngày đầu tiên đi dạy để chứng kiến một cảnh tượng: Frances đang chơi bản “The maple leaf rag” trong lúc cha đang ngủ gà gật trên ghế, trên tóc là một đồng các bím tóc nhỏ. Frances ngừng chơi và đứng dậy “Em sẽ chuẩn bị bữa tối, Mercedes.”

Mercedes không phản đối, gần đây Frances đã bộc lộ tài năng thiên phú trong việc bếp núc, cô cứ nấu và nấu, món nướng, món cari, món hầm... Thật là kì diệu, Frances giống như một trong những người lạ một buổi sáng thức dậy và chơi được tất cả nhạc của Bach mà không cần học.

Mercedes gọi “Cha ơi”, ông mở mắt, chớp chớp nhìn đi nhiều hướng trước khi tập trung nhìn thẳng vào cô. Cô đang đứng trước mặt ông với một cái gói giấy màu nâu. “Cái này được gửi đến cho cha đây”, cô đặt nó vào lòng ông và quay lưng đi.

James nhìn vào con dấu bưu điện. New York. Địa chỉ được viết bằng nét chữ con gái ngoằn ngoèo. Anh chú ý và cảm thấy nhẹ nhàng khi đó không phải là nét chữ trong bức tranh bí ối được gửi đến nhiều năm trước. Đây có thể là ai chứ? Ông phải mất một lúc

mới tháo hết được mấy sợi dây ra.

Bên trong là một bức thư màu tím được gấp lại và đặt trên một gói gì đó được bọc bằng giấy mềm màu trắng.

Bữa tối

Mercedes ngồi ở đầu bàn, Lily đặt một đĩa kibbehnayeh ở ngay giữa bàn, tiếp sau đó là một tô tabooleh, món ninh đầy ắp koosa nhồi và một nồi bezella và roz. Mercedes trải chiếc khăn ăn của mình ra và thắc mắc Frances đã học nấu - trong trường hợp này thì cũng không phải là nấu - những món ăn của mẹ từ đâu. Món kibbeh y như mẹ làm chỉ trừ một điểm là ở giữa không phải hình một cây thánh giá mà là hình một cái lồng đèn quả bí.

“Frances.”

“Sao, chị Mercedes?”

“À, không có gì.”

Tiếng bước chân chậm chậm của James cùng tiếng gõ cốc cốc của cây gậy vang lên ngoài sảnh. Ông đi đến bên bàn ăn và ngồi vào ghế của mình ở đầu bàn còn lại, đối diện với Mercedes. Mercedes bắt gặp ánh mắt của Frances nhưng Frances không hề thể hiện điều gì bất thường. Mercedes nói “Cha...”

“Chuyện gì?”

“...Không có gì.”

Không sao, cứ để ông ấy ăn và để yên mấy bím tóc như vậy, nó có ảnh hưởng gì đến ai đâu? Còn hơn là khiêu khích chuyện gì đó trong bàn ăn như những ngày xưa.

Họ nói lời tạ ơn. James không cảm thấy ngạc nhiên vì bữa tiệc thịnh soạn toàn những món Li-băng đang bày ra trước mặt ông. Ông dùng nữa lấy phần kibbeh của mình, rắc dầu ôliu lên, xé miếng bánh mì vừa miếng rồi kẹp một miếng kibbeh vào đó và ăn. Từ tốn, lúc nào ông cũng vậy, ngay cả khi ông làm trong hầm mỏ, vì nhận thức được việc ăn uống ấm cúng như thế nào.

“Con đã làm rất tốt đấy Frances”, ông nói, “nó ngon y như mẹ con nấu vậy.”

Mercedes biết là cô nên vui mừng nhưng cái bầu không khí hòa bình bất thường giữa cha và Frances làm cho cô lo lắng.

“Cám ơn cha”, Frances đáp lại và kéo ghế ra “con học bằng cách nhìn đấy”.

“Vậy là con có một bộ nhớ thiên về quan sát. Đó là một dấu hiệu của thiên tài đấy.”

Lông mày của Mercedes nhướn lên muốn đụng tới cả trần nhà, thật là một ngày đầy ngạc nhiên. Cô cầm lấy nữa của mình và ném thử món kibbeh, còn hơn cả ngon nữa, cứ như là mẹ đang ở đây vậy. Cô nhắm mắt và hồi tưởng về khoảng thời gian trước đây mà cô biết là chưa bao giờ có: khi mẹ còn sống và tất cả chúng ta đều rất vui vẻ. Lúc đó là lúc nào? Đó là ở đâu? Mưa bắt đầu lác rắc ngoài ô cửa sổ bếp, Frances mở nắp nồi bezella và roz và Mercedes nhớ ra: đó là trong chiến tranh. Ở trong bếp cùng mẹ và Old Country. Thật là hạnh phúc. Mercedes mở mắt ra.

“Có chuyện gì sao chị Mercedes?”

“Không có gì đâu Lily”

Mercedes cho phép mình nghỉ ngơi một chút. Cô dựa ra ghế và thỏa mãn quan sát không khí đầm ấm quanh bàn ăn của gia đình

mình, cô được sưởi ấm trong những cuộc nói chuyện ấm áp và văn minh. Có vẻ như mọi người đều đã có một ngày vui vẻ. Frances chia phần đĩa thứ hai. Lily cầm khăn ăn của mình chồm đến và lau một miếng thức ăn dính ở khóe miệng James, một việc làm nhỏ xíu mà không cần người ta phải biết ơn hay xấu hổ. Tất cả đều im lặng quanh bàn ăn.

Frances đổ nước đã đun sôi vào bình trà và Mercedes phải chú ý để James không chạm vào bình nước nóng. Đầu lờm chờm những bím tóc, phía bên phải nở một nụ cười tươi rói đủ để bù đắp cho bên trái đã mất đi thói quen của mình. Ông cười nhiều đến mức ông bị rơi vào một cơn ngộp thở nguy hiểm và thở khò khè. Frances và Lily cũng cười cho tới lúc cổ họng bị đau và nước mắt chảy ra, khuỷu tay chống lên bàn làm rung rinh mấy món dao nĩa. Ngay cả Mercedes cũng tham gia và một khi đã bắt đầu thì không thể ngừng lại ngay cả khi những người khác đã bình thường lại và sắp vì cô mà bắt đầu tiếp tục nữa.

Một lát, họ bồi bổ cho mình bằng một chảo bánh Nellie's Muffin ngon lành vừa mới ra lò và uống trà, lắng nghe tiếng mưa. Bên ngoài, cả thế giới đang đói khát và tuyệt vọng, nhưng bên trong này là một hòn đảo nhỏ đầy sự mãn nguyện.

Cuối cùng thì Mercedes cũng cảm thấy có một gia đình. Cha đang yếu đi vì tuổi già, Frances thì bị điên, Lily rất hay xấu hổ còn mình thì vẫn độc thân. Nhưng chúng ta là một gia đình, sẽ sớm có thêm một cái khác nữa. Và lần đầu tiên trong đầu Mercedes có ý nghĩ là sẽ giữ đứa con của Frances lại.

Những ảnh hưởng nhất định

“Frances”, James nói sau bữa ăn tối với các món Li-băng tuyệt vời, “đến đây nào, ta có vài thứ cho con”.

Frances ngồi với ông ở nhà trước, cô ngồi trên chiếc ghế chơi đàn piano và ông đưa cho cô cái gói được bọc trong giấy mềm màu trắng.

“Cái gì vậy?”, cô hỏi.

“Vài thứ thuộc về chị gái Kathleen của con”, sau đó ông đi ra khỏi phòng.

Frances lấy một cây nến mới từ hộp bàn dưới bếp, cô đi lên cầu thang dẫn lên gác xép, nơi mà những giọng nói bây giờ lớn hơn bao giờ hết. Cô ngừng lại và mong họ có thể nói từng người một và đừng hét lên như vậy nữa: “Tôi đang nghe đây”, cô nói. Nhưng những tiếng ầm ĩ cứ to dần lên nên cô tiếp tục đi lên.

Giờ thì cô và Trixie đang ngồi trên sàn gác xép dưới ánh sáng của ngọn nến, Frances nhìn xuống cái gói trong lòng mình và mở lớp giấy gói ra. Trên cùng là một quyển vở bài tập cũ, bìa in hình lá cờ nước Anh, cờ Nova Scotia và tiêu ngữ của trường Holy Angels. Trong chỗ “Tên” là một chữ kí phô trương ghi “Kathleen Piper”, ở trong khung “Môn học” là hàng chữ bay bướm không kém “Cuộc sống màu hồng!”

Frances cầm quyển vở lên và lật ra trang cuối cùng rồi đọc:

Nhật kí thân mến, người bạn trung thành của ta. Ở đó có tình yêu, ở đó có âm nhạc, ở đó không có giới hạn nào, ở đó có việc làm, có những cảm giác đáng quý rằng giờ là lúc biết ơn khi mọi thứ tụ họp lại và được cất giữ để tạo thành phần còn lại trong cuộc đời của mình. Mình không tin vào Chúa, mình tin vào tất cả mọi thứ, và mình thực sự ngạc nhiên vì mình được ban phước nhiều như thế nào.

Sau đó Frances lật ra trang đầu tiên rồi bắt đầu đọc:

20:00 ngày 29/02/1918. Thành phố New York.

Nhật ký dấu yêu ơi,

Tôi sẽ không dùng lối viết nhật ký cũ nữa đâu. Đó là bút tích ngây thơ của thời ấu thơ. Quyển nhật ký này sẽ ghi nhận và lưu giữ quá trình trưởng thành thành ca sĩ của mình. Tôi chỉ ghi lại những sự việc liên quan, hữu ích đến quá trình luyện tập của mình mà thôi. Không viết kiểu tình cảm ủy mị nữa...

Sáp chảy tràn ra khỏi cái rãnh để nén lúc Frances lật đến trang cuối một lần nữa. Cô đóng quyển nhật kí lại “Chúc ngủ ngon, Kathleen”.

Cô hướng sự chú ý của mình vào những thứ còn lại trong gói đồ. Sau đó cô mở rương đựng đồ ra.

Ngày hôm sau James ra ngồi chung với Frances ở ngoài hiên.

“Con đã đủ ấm chưa?”

“Dạ rồi, cảm ơn cha”

Nhưng ông đã mang ra một cái mền cũ và trùm nó lên người cô và Trixie. “Đây”. Ông lấy một chiếc ghế trong bếp và ngồi cạnh

bên phải cái vông của cô. Ông nhìn xuống nhưng không nhìn thẳng vào một cái gì cụ thể và bắt đầu nói “Ta đến New York vì ta nhận được một lá thư.”

Frances không xen vào, cũng không nhìn ông, cô biết ông sẽ bỏ đi ngay nếu cô làm vậy, do đó cô ngồi im thư giãn và lắng nghe câu chuyện.

“Hôm đó là ngày đình chiến, ta xuống ga Grand Central và đi bộ suốt đến nơi con bé ở vì ta không tìm được một chiếc taxi. Những đám đông ở khắp nơi. Ta không biết hôm đó chiến tranh đã kết thúc...”

Ông kéo dài lê thê. Họ ngồi im lặng bên nhau trong một khoảng thời gian lâu nhưng dễ chịu cho đến khi ông nói “Hình như đến lúc ta phải làm chút việc rồi”, ông cầm cây gậy và lê bước về phía cái lán, Trixie theo ngay sau.

Mất sáu ngày, Mercedes thấy họ ở ngoài hiên như vậy vào mỗi buổi sáng khi đi làm và đến chiều khi cô về thì họ vẫn ở đó, cứ như thể họ không hề cử động, mặc dù Lily khẳng định với cô rằng họ vẫn ăn uống đúng giờ. Nhìn họ ngồi bên nhau thật bình yên, đôi mắt thả ở những góc riêng biệt nào đó trên bầu trời. Như những người bạn cũ, cha và Frances.

Mercedes cũng muốn ngồi nói chuyện với một người bạn cũ nhưng cô không có một ai. Cô từng có Helen Frye, và hơn hết là cô có Frances. Nhưng bây giờ Frances đang ở đâu?

Mercedes có thể thấy môi của James đang mấp máy khi cô đến. Ông ấy đang nói gì với Frances vậy? Hết ngày này qua ngày khác? Ông luôn im lặng mỗi khi Mercedes đến đủ gần để có thể nghe được.

Đi bộ về từ trường dọc theo đường Water trong một ngày mười bảy lạnh lẽo của tháng mười một, Mercedes có thể thấy ông thờ.

Ông ấy đang nói và nói rất nhiều, nhưng ngay lúc cô bước đến thềm thì những lời của ông biến mất như những bóng ma. Cô chào họ như thường lệ trên đường đi vào nhà, và cuối cùng cô cũng nghe thấy gì đó.

“Làm sao bọn trẻ xuống lạch được hả cha?”

Mercedes đông cứng ở ngưỡng cửa và nhanh chóng đi vào hành lang và không cởi áo khoác ra mà chạy thẳng lên cầu thang về phòng mình. Cô dựa lưng vào cửa, đặt một tay vào trong áo để chạm vào chuỗi hạt của mình.

James đưa bàn tay trái cong cong của mình lên mà không nhìn, ông tìm đến đầu của Frances, vỗ nhẹ vào nó và nói nhẹ nhàng như một cách trả lời “Tất cả đều đã qua và đã giải quyết xong rồi.”

“Con đã ở đó”, Frances nói, “đúng không?”

James đứng dậy, “Đến giờ ta phải làm vài việc rồi”, và lại chậm chạp đi về phía cái lán, câu chuyện đã kết thúc.

Frances vẫn ngồi đó và nhìn lên bầu trời đầy mây xám.

Benny Luvovitz đưa James và Lily đi trên chiếc xe trượt tuyết và giúp James chặt một cái cây tốt. Trên đường từ trường về nhà, Mercedes mở cánh cửa có chuông ở tiệm MacIsaac và thấy Frances đang ngồi mút thanh kẹo quế, nói chuyện và cười giòn giã với ông già đang uống li bia gừng. Ông nhìn lên, “Giáng sinh vui vẻ, Mercedes”. Những cái kệ của ông không còn đầy ắp như những ngày dư dả nữa nhưng ông vẫn với lấy một cái hộp kẹo đậu phộng giòn bằm bụi.

“Cám ơn ông MacIsaac”

“Sẽ không còn lâu nữa đúng không?”

“Cái gì cơ?”, Mercedes hỏi.

“Sự kiện trọng đại”, ông MacIsaac nhìn sang Frances và cười rạng rỡ. Mercedes nhét cây kẹo vào trong cái túi học sinh của mình và nói “Đi nào Frances, đến giờ về nhà rồi”. Cô đã quên mua thuốc bột nhức đầu mà đó là lí do cô ghé vào đây.

Mercedes nắm tay Frances và đi khá nhanh dọc đại lộ Plummer, băng qua nhiều cửa hiệu nhưng không bán gì mà chỉ có những khoảng không bỏ trống “Cho thuê, cho thuê, cho thuê..”, ít ra cũng không có đôi mắt tò mò nào sau những quầy tính tiền đó.

Frances muốn ghé vào nhà Luvovitz để mua một ít nho khô cho món thịt băm.

“Chị sẽ đi mua nho khô, em về nhà trước đi Frances, trời lạnh lắm.”

“Không, em muốn vào chào một tiếng.”

Mercedes đã cầm đủ số tiền cần thiết trong tay nhưng bà Luvovitz lại kê một cái ghế ra cho Frances ngồi và nói “Khi nào đến lúc thì cứ gọi ta nhé” và đưa ra vài ý kiến chuyên gia về giới tính của đứa bé “Cái bụng của con lớn thế này chắc có thể là con gái, nếu không sẽ là một thằng bé cực kì thông minh”. Bà Luvovitz nháy mắt, Frances cười và hỏi “Còn Ralph thì sao rồi ạ?”

Mercedes lấy một hũ bột làm bánh để né ánh mắt dè chừng xấu hổ mà bà Luvovitz nhìn cô. Bà chần chừ, sau đó lấy ra một tấm hình thằng cháu hoàn hảo nhất thế giới của bà. Jean-Marie Luvovitz.

Frances hét lên “Nó có tai vễnh này!”

“Cháu nói gì vậy, “tai vễnh”, này thì ta sẽ làm cho cháu có “tai vễnh!”

Frances cười lớn và bà Luvovitz cũng vậy, Mercedes ngẩng cao đầu và tiến về phía quỳ tính tiền. Cô liếc vào tấm hình rồi nhìn thẳng vào bà Luvovitz và lịch sự nói “Chúc mừng bà.”

Cuối cùng sau khi ra ngoài Mercedes mới nói “Tốt nhất là mấy ngày này em đừng đi ra khỏi nhà nữa, Frances. Trời quá lạnh, em không nên đi dạo ở ngoài nữa, em có thể bệnh chết đấy.”

Frances không trả lời, cô quẹo sang đường Ninth.

“Frances”, cô ấy định đi chỗ quái nào vậy? Ôi Chúa ơi.

Frances gõ cửa nhà Helen Frye, Mercedes đứng nhìn từ trong góc tối của con đường khi cánh cửa mở ra và Helen xuất hiện dưới ngọn đèn. Frances quay ngang qua làm nổi bật cái bóng không biết xấu hổ và nhìn về phía Mercedes như đang đợi cô. Mercedes thấy Helen từ từ đưa tay lên chào cô nhưng Mercedes không làm gì để đáp lại. Một lúc sau, bàn tay Helen lại thả xuống và để vào bên hông. Mercedes nghe Frances nói “Chúc mừng giáng sinh, Helen.”

Frances quay lại với Mercedes trên đường và họ lại quay lại hướng về nhà. Frances khoác tay Mercedes, Mercedes đang rùng mình.

Ở nhà, cha và Lily đã bắt đầu trang trí cái cây. “Giờ này năm sau sẽ có một thằng nhóc khùng bố bé bỏng đang bò dưới cái cây này”, James nói và cẩn thận xâu những hạt bắp rang lại. Frances đã bắt đầu nướng bánh. Ở phòng trước, Mercedes nhìn thấy một tấm séc trên cây piano do James viết bằng nét chữ bay bướm của

minh, gởi đến quỹ cứu trợ Đức mẹ Mount Carmel - ba chữ số không. Cô vò nó lại và ném vào ngọn lửa. Có làm rượu lậu hay không thì cái nhà này cũng không thể sống dựa vào đồng lương của một nữ giáo viên cấp thấp được. Có thể cha muốn làm lương tâm yên ổn bằng cách cho đi những số tiền xấu xa mà ông kiếm được nhưng Mercedes phải đặt sự đầy đủ của gia đình lên trước. Phải có ai đó làm vậy.

Ngay sau bữa tối ngày hôm đó, Mercedes sửa bài tập về nhà và bị đau đầu, cô lên gác nằm nghỉ. Đó là một lời nói dối, cô không đau đến mức đó. Một lần nữa ở trong phòng mình, cô tắt đèn và mặc nguyên quần áo nằm trên giường. Cô có thể nghe thấy bài hát Giáng sinh từ dưới nhà - Frances đang ngồi ở cây piano và cùng hát với cha và Lily “Chúa phù hộ cho mọi người, những người vui vẻ, không để thứ gì làm người ta phiền lòng...”. Nước mắt dâng đầy lên trong mắt Mercedes. Thật không công bằng khi Frances được sưởi ấm trong tình yêu thương của cha và nhận được sự ủng hộ từ mấy người bán hàng tạp nham cho một việc mà lẽ ra nó phải rất xấu hổ đến mức phải giấu mặt đi. Thật không công bằng khi xơ Saint Eustace cứ làm cho cô cảm thấy như mình là một người xấu trong khi mọi người đều biết rằng cô là một người tốt. Thật không công bằng khi Frances sẽ có em bé còn Mercedes thì lại không thể lấy chồng. Không có gì trong những điều này là công bằng cả, nhưng đó không phải là lí do mà Mercedes vùi mặt vào gối để khóc. Cô không ghen tị cái tình cảm mà Frances nhận được từ nhiều phía Mercedes là người đầu tiên thương yêu Frances, xét cho cùng là vậy. Cô biết rằng cô thậm chí còn có thể tìm thấy sức mạnh để chịu đựng sự xấu hổ và nuôi lớn đứa trẻ. Nhưng cô không chịu nổi cảm giác mất Frances, đó

chính là những gì làm cô đau lòng trên đường về nhà. Frances mới đã không còn là một đứa trẻ hư hỏng nữa, cũng không phải là một cô gái giang hồ nữa. Frances mới xem mọi nơi là nhà và không hề thiếu bạn bè. Mọi người nghĩ rằng được làm mẹ là điều tốt nhất có thể xảy đến với cô. Mọi người, trừ Mercedes vì cô biết rằng một khi Frances có con, cô bé sẽ không cần một người mẹ nữa.

Mercedes dùng tay che mặt và để cho trái tim mình chạy theo vết thương cũ rích. Bé Frances của mình sẽ đi về đâu? Cô bé sẽ biến mất. Cô bé sẽ chết và mình sẽ không còn ai để yêu thương và chăm sóc. Frances bé bỏng sẽ trở thành một con ma cô độc, đêm đêm ngồi khóc trên cầu thang, lạnh lẽo và trong suốt với những bím tóc xù màu vàng hoe và cái nhìn can đảm “Nó không đau đâu”. Và mình thì sẽ không thể dỗ dành con bé được nữa.

Mercedes khóc cho tới khi người cô khô lại và cảm thấy trống vắng, sau đó cô bật dậy và ngồi ở thành giường. Bên dưới nhà họ đang hát bài “Đêm thánh vô cùng”. Cô với đến ngăn tủ của cái bàn kê bên giường và tìm một cái khăn tay sạch để xì mũi, sau đó thắt lại tóc trong bóng tối. Đúng vậy. Đừng khóc lóc. Hãy sửa đổi nó.

Tháng một thổi những cơn gió nhẹ làm mặt biển gợn sóng, những cây thông rung rinh trong những chiếc áo thủy tinh của mình, còn bên trong nhà rất ấm.

“Hitler đã lên làm thủ tướng”

Lily đang đọc lướt qua những cái tiêu đề cho James.

“Vậy là lại có chiến tranh nữa”, ông nói, và đặt thêm một cuốn sách nữa vào chồng sách của mình.

Frances ngồi căng bụng ra bên cây đàn và chơi bản “Hoa hồng Ailen”.

“Hát đi Lily”, James nói và ngả mình vào cái ghế dựa.

Ở trên gác, Mercedes đang học liên thông với đại học Saint Francis Xavier nhằm nâng cao khả năng kiếm tiền của mình.

Tháng hai sẽ không bao giờ kết thúc, nhưng cũng chẳng sao.

Lily đưa tờ báo lên cách cặp kính mới của James một khoảng đủ để ông có thể nhìn thấy rõ cái hình: Thủ tướng Hitler và Đức giáo hoàng Pope Pius XI đang bắt tay nhau.

“Đấy”, James nói, “Con thấy đấy”. Và đột ngột ngã ra ngủ theo cái cách ông vẫn làm dạo gần đây.

Tháng ba đến như một con sư tử

“Franklin D.Roosevelt đã đắc cử tổng thống. Cha có muốn xem hình không?” Họ cùng nhau nhìn vào bức hình một người đàn ông cao và đeo kính đang đứng ở đài vận động bầu cử, gói trong lá cờ Mỹ và vẫy tay. “Đảm bảo mang lại công bằng cho những người Mỹ da màu.”

Ngày cá tháng tư. Mặt trời buổi sáng tỏa ánh nắng qua ô cửa sổ gác xép.

“Diphtheria Rose”, Frances nói.

Lily đưa cho cô con búp bê rách rưới nhưng vẫn xinh đẹp. Frances cầm Hoa Hồng Bạch hầu trên cái nắp rương đựng đồ đang mở và ngâm thơ:”Tất cả những cô gái xinh đẹp, cũng như những người dọn dẹp, tất cả đều trở về cát bụi...”

Frances đặt con búp bê cạnh Cơn sốt Tây Ban Nha, Typhoid và TB Ahoy, Small Pox, Scarlet Fever và Maurice. Trixie và Lily nhìn theo một cách tôn trọng. Trên sàn nhà, bên cạnh rương đựng đồ, cái áo rửa tội đang nằm ngoài.

“Một chút nhạc đi Lily”

Lily lên dây cót cho “Cô gái nhà quê” và đặt nó xuống sàn, cái đầu nghiêng duyên dáng trên tay. Cô ngân vang “Hãy để em gọi anh là anh yêu, vì em đang yêu anh...”Trixie chăm chú nhìn theo

bức tượng nhỏ và sẵn sàng chụp lấy nó nếu nó lạc ra khỏi cái vòng tròn của mình.

Frances lấy cái áo rửa tội ra và nhẹ nhàng đặt nó lên trên mấy con búp bê của mình. “Lần tới chị mở cái rương ra thì chị sẽ mặc chiếc áo này cho con chị.”

“Và để lấy búp bê ra nữa”

“Không”

Frances hạ cái nắp rương xuống nhưng Lily chặn cô lại.

“Chị quên cái này rồi, Frances”

“Đó là của em đấy, Lily”

Bức hình của Kathleen, bức hình mà Mercedes đã kẹp trong cuốn Jane Eyre cho tới khi Lily xé nát cuốn sách, hình như đã lâu lắm rồi. Lily ngồi ngắm nghía nó một lúc. Có hình mẹ ở phía sau, chỗ cửa sổ.

“Cái gì trong tay mẹ vậy chị?”, Lily hỏi.

“Kéo”

“Bà đang vậy kìa”

“Ừ”

Mắt cô vẫn đang nhìn vào bức ảnh, Lily từ từ liếm môi trên và môi dưới, sau đó khẽ cắn chúng và thả ra.

Cuối cùng cô nói “Cái hình này thuộc về chị Mercedes”.

“Không phải”

“Em không cần nó”, Lily nhìn đi chỗ khác.

“Chị ấy rất đẹp, đúng không?”

Lily không nói gì, cũng không nhìn lên.

“Cô ấy là mẹ em đấy Lily”

“Cô gái nhà quê” đã ngừng xoay nhưng Trixie vẫn còn ngồi canh chừng, Frances nhẹ nhàng tiếp tục “Chị ấy đã chết, nhưng đó không phải lỗi của em”.

Lily ngồi bất động và lắng nghe, khuôn mặt bị che bởi một cái màn bằng tóc mà cô đã thả ra, chúng bò xuống sàn và nằm quanh cô như một bức màn lửa.

“Chị ấy đến New York”, Frances nói, “Chị ấy là một ca sĩ opera, có chuyện gì đã xảy ra ở đó và cha đã mang chị ấy về nhà. Chị ấy đã nằm trong căn phòng này và không nói một lời nào. Ambrose bị chết đuối dưới lạch, đó là một tai nạn. Em thì không chết đuối thay vào đó em bị bại liệt. Chị cũng có mặt ở đó.”

Frances càng nói thì lại càng nhớ ra nhiều thứ, cứ như chúng đều đang nằm chờ ở đâu đó đằng sau những tấm màn sân khấu mỏng manh - cũng có thể là một tấm vải lót - và đột ngột hiện ra nhờ một trò với ánh sáng, vùng nông thôn biến mất, làm lộ ra chiến trường và kéo theo tất cả mọi thứ.

“Cái đêm em sinh ra, chị không biết tại sao chị lại bế em xuống lạch, chị rất yêu em, điều đó không phải là do chị không yêu em. Chị đã mang em xuống nước, giữ em lại và cầu nguyện.” Frances chạm vào bụng mình, có cảm giác như mới có một cú đập từ bên trong nhưng mọi thứ vẫn im lặng.

“Chị có rửa tội cho Ambrose luôn không?”

“Có”

Họ ngồi bên nhau một lúc lâu, không nói chuyện, chỉ hít thở cái không khí mang mùi gỗ tuyết tùng dễ chịu.

Frances đặt “Cô gái nhà quê” vào lại trong hộp đựng đồ, sau đó

quay lại nhìn Lily, cô bé đã lớn hơn nhiều.

“Lily, nếu em có gì muốn hỏi thì chị sẽ nói cho em nghe sự thật.” Lily đã bỏ tấm hình cô gái đang cười xuống và nhìn lên.

“Ambrose cũng yêu chị, Frances”

Frances nắm lấy tay Lily và đặt nó lên bụng mình. “Này, em có thể cảm thấy nó đấy, nó đã thức dậy rồi này”

Lily cảm thấy có tiếng sóng vỗ, cô áp tai mình vào đó.

“Em nghe thấy gì Lily?”

“Đại dương”

Tiếng còi xe vang lên bên ngoài, Mercedes đã bắt đầu học lái xe. Frances và Lily đến bên cửa sổ và vẫy tay xuống. Cha đang đứng dựa vào cây gậy của mình, bên cạnh cái xe và ngẩng mặt lên cười. Lily đi khỏi chỗ cửa sổ, định đóng cái rương đựng đồ lại trước khi đi xuống nhưng cô thấy Frances đã đóng lại rồi. Cô bé dừng lại ở đầu cầu thang và nói “Chị đi luôn không chị Frances?”. Frances quay lại và đi thẳng về phía cầu thang, không cần phải đóng cái rương đựng đồ lại vì cô thấy rằng Lily đã đóng nó rồi.

Đó là một ngày đẹp trời để lái xe đến Mabou. Frances có lẽ sẽ muốn để con mình ở nhà cho bà Luvovitz nhưng cô lại mỉm cười vì điều này có vẻ rất có ý nghĩa với Mercedes. “Chúng được trang bị cho trường hợp khẩn cấp đấy Frances, còn an toàn hơn là đi vào bệnh viện nữa đấy, làm ơn vì chị đi mà.”

James đứng giữ cánh cửa mở cho hành khách ngồi vào. Mercedes đeo vào một đôi găng tay trẻ em khi Frances trèo vào ngồi bên cạnh cô.

“Frances, chị phải nói với em một bí mật”

“Gì cơ?”

“Chị cũng có thai.”

Nụ cười của Mercedes run rẩy trong một khoảnh khắc, sau đó nó vỡ òa ra thành tiếng khúc khích “Cá tháng tư!”

Chiếc xe lao đi về phía đường lớn, Frances nhìn khuôn mặt đang cười của chị cô và nghĩ rằng Mercedes chắc chắn đang bị căng thẳng.

Váy xanh

Cha và Lily đang rất vui vẻ khi họ ở nhà một mình với nhau, thật là thanh bình. Đã ba tuần rưỡi trôi qua, Lily không nhận ra sự kéo dài những cái giới hạn của ông cho tới khi cô cảm thấy ông hơi bốc mùi. Cô giúp ông vào phòng tắm mỗi tuần một lần, xếp quần áo sạch hàng ngày và tẩy trắng những bộ còn lại. Sạch sẽ và thơm tho, cô sẽ kiểm tra nếu ông ở trong phòng tắm quá lâu, vì đôi khi ông ngủ gục trong đó. Cô tắm rửa cho ông sạch sẽ sau đó gọi ông dậy. Ông vẫn bỏ ra một giờ mỗi ngày để làm việc trong lán nhưng ông thường nhớ sự bầu bạn của Trixie. Họ không còn thấy nó từ khi Frances đi. Lily mong là sẽ thấy Trixie quanh chân giường của Frances ở Mabou. Trong khi đó thì Lily cũng phải đặt bẫy chuột ở dưới hầm rượu và trong bếp.

Vào ngày 25 tháng 4 một bức điện được gửi đến: “Con trai, thứ tư sẽ về”. Lily và cha chúc mừng tin tức này bằng sữa, họ xem xét một loạt tên: Isadora, Ignatius,

Malcolm, Rupert, Bingo, George, Sebastian, Christopher, Pius, Lief, Horace,

Romulus, Patrick, Pierre, Cornelius, Michael, Alec, Eustochium,

Felix, Augustus, David - và không chọn được cái nào cho tới khi Lily nghĩ ra cái tên Aloysius và có vẻ như nó đã nói lên tất cả.

“Aloysius”, James nói, “Aloysius, đúng đấy.”

“Aloysius”, Lily trả lời.

Ngày đầu tháng năm, tháng của Đức mẹ Mary trong trắng. Lily vẫn còn mặc chiếc áo trắng và mũ trùm đầu từ buổi điểu hành lúc trưa và đang đi trên đại lộ Plummer hướng đến nhà thờ. Có vẻ như đây là một bộ đồ phù hợp để chào đón chị gái và đứa cháu mới của cô. Cô đã rải dây đăng ten và hoa cúc trên con đường đá dẫn vào nhà. “Chào mừng về nhà” được viết theo kiểu Gôtích được treo ở mái hiên. Ở trong bếp, những bức tượng làm từ bánh mì đang nguội dần trên bàn - Madonna và em bé Prague, và một bức tượng pietà, cô đã chuẩn bị một bữa đại tiệc: món nướng xắt miếng to với củ cải sống xắt lát, nước sốt nam việt quất, khoai tây nướng - hai thứ không thể nổ được trong lò nướng - bánh quy uống trà và cam thảo, bánh vuông. Trên gác, hoa lily thung lũng được rải trên gối của Frances. Tất cả đều đã sẵn sàng. Cuối cùng nhưng cũng không kém phần quan trọng là một cái bánh lớn màu xanh với hàng chữ trắng “Chúc mừng sinh nhật Allowishes”

Cơn mưa buổi sáng đã chuyển thành những viên kim cương bốc hơi trong cái nóng của buổi chiều. Lily đã ngồi ngóng ra đường trong suốt ba giờ qua. “Họ về rồi!”

James chạy ra hiên với cô. Ngay khi chiếc xe vừa vào tới trong sân, Lily vẫy tay và chạy vào trong nhà để lấy cái máy chụp hình mới. Cô đã chụp một tấm hình chiếc xe lúc nó rẽ ra đường lớn. Mercedes cũng đang vẫy tay nhưng ở phía sau thì Frances, dĩ nhiên là đang bận rộn lo cho cái bọc màu xanh trước ngực cô. Tách. Chiếc xe dừng lại. Tách. Tay Mercedes đặt lên cửa sổ phía cô. Tách. Cánh cửa chỗ tài xế bật mở ra. Tách. Mercedes bước ra,

vẫn vậy tay. Tách cô chạy dọc con đường đá về phía Lily. Tách. Tách. Tách. Và giằng lấy cái máy chụp hình đồng thời cũng kéo đầu Lily về phía trước vì cái máy chụp hình có dây da đeo cổ. Cô rít lên với Lily “Đừng nói gì hết, em nghe rồi chứ? Đừng nói một lời nào.”

Mercedes liếc nhìn lên để dặn dò luôn cả James nhưng ông đang trên đường bước xuống các bậc thang với cây gậy của mình, đến gặp Frances đang đứng lại ở giữa con đường rải hoa. Mercedes chạy đến để giữ ông lại nhưng Lily nói, “Đừng, chị Mercedes”

Mercedes cảm thấy ngạc nhiên nhưng cô vẫn nghe theo và hiểu rằng Lily chỉ là đang làm theo một điều gì đó trong bản chất của các vị thánh.

James đến bên Frances và đưa tay cho cô nắm lấy, họ cùng nhau đi vào nhà. Frances đang mặc một chiếc áo màu xanh da trời cùng với một bọc gì đó xanh đậm hơn mà cô đang đong đưa trước ngực trong khi hai tay đang thả lỏng. Khi họ đến chân thềm, Lily mới thấy đó không phải là một bọc gì cả, đó là ngực của Frances, to kinh khủng và đang rỉ sữa ra, nhuộm chiếc áo của cô một màu xanh hoàng gia.

Cho đến tối thì Frances vẫn còn ngủ trên gác, trong phòng của mình, khuôn mặt ngập trong mùi hương nồng nàn của hoa lan chuông. Ở dưới, những món đồ trang trí đã được tháo xuống, họ cũng không ăn tối, Mercedes chỉ bằng lòng với một tách trà.

“Việc sinh nở diễn ra suôn sẻ”. Mercedes nâng cái tách lên nhưng tay cô quá run rẩy nên cô lại đặt nó xuống trên bàn bếp. “Frances đã rất can đảm, các xơ nói rằng cứ như thể cô ấy không

hề đau vậy.” Lily và James đợi cô tiếp tục.

“Nó là con trai. Dĩ nhiên là hơi đen, và rất khỏe mạnh.”

“Con thấy nó rồi à”, James nói.

Mercedes gạt đầu và nước mắt trào ra. “Nó rất xinh đẹp, một đứa bé xinh đẹp với tiếng khóc mạnh mẽ”, cô hơi mỉm cười khi nhớ lại.

“Chị có bé nó không?”, Lily hỏi.

Mercedes gạt đầu.

“Còn Frances?”

“Nó được cho bú ngay lập tức, không có vấn đề gì”

Mercedes bắt gặp ánh mắt của James và ông nhìn xuống, lắc đầu.

“Chuyện gì đã xảy ra với nó?”, Lily cảm thấy rối, có vẻ như cô là người duy nhất không hiểu, Mercedes quay sang cô và nhẹ nhàng giải thích “Thằng bé đã chết, Lily à. Đôi khi chuyện đó vẫn xảy ra, em bé chết trong lúc ngủ và không ai biết tại sao”

James gạt đầu, môi mím lại. Ông nói bằng một giọng quả quyết và chắc chắn “Chết trong nôi, đó cũng là chuyện đã xảy ra với Lily đầu tiên”

“Lily khác sao?”

“Đúng vậy”, James nói và đứng dậy bỏ đi “Nó đã được rửa tội chưa?”

Mercedes gạt đầu và lại bắt đầu khóc. Khi James cà nhắc ngang qua ông dùng bàn tay yếu đuối của mình vỗ lên đầu từng đứa con mình một cách tình cảm và nói mà không nhìn, “Ngủ ngon nhé các con gái.”

“Chúc cha ngủ ngon”

Ông lê bước ra khỏi căn phòng, họ nghe thấy tiếng ông tăng hắng một hai lần khi ông ra đến sảnh. Mercedes đưa một tay ra và chạm vào mái tóc Lily “Đôi khi nếu như một đứa bé quá đặc biệt thì Chúa sẽ không bắt nó chịu đựng những nỗi đau đớn của thế giới này mà đưa nó đến thẳng với Người”.

“Có chuyện gì với nó?”, Lily nghi ngờ.

“Sao, không có chuyện gì cả, nó hoàn toàn khỏe mạnh”

“Chị nói rằng nó ‘đặc biệt’”

“Đúng vậy, đặc biệt được Chúa yêu thương”

“Có nghĩa là có chuyện gì đó không ổn với nó, nó đã bị tàn tật”

“Nó không bị tật”

“Em không tin chị”

“Lily, nhìn chị này”, Mercedes nhẹ nhàng nói tiếp “Chị cũng có vài tin tốt nữa”

Lily chờ đợi, nhưng vẫn không tin. Mercedes cầm lấy tay Lily và cúi người xuống

“Lúc chị ở Mabou chị đã thấy một vị giám mục, ông ta muốn nói chuyện với em”

Lily nhìn lên, “Để làm gì?”

“Ông ta muốn nghe về những gì mà em đã thấy”

“Ý chị là Ambrose sao?”

“Đúng vậy, và vài thứ khác nữa”

“Những thứ khác nào?”

Tay Lily lạnh lại và đổ mồ hôi để đáp lại hơi ấm của Mercedes.

“Cái cách đặc biệt mà em đối xử với những người đau ốm và lạc lõng.”

“Ai?”

“Ví dụ như mấy người cựu binh, và chị Frances, và cha...”. Đôi mắt Mercedes bắt đầu sáng lên, tạo cho Lily cái cảm giác rùng mình khi xưa, giống như mình đang ở ngay phía trước một cái gì đó vừa mới hiện ra ngay sau lưng, một cái gì đó mà cô biết là nó sẽ biến mất ngay lập tức cho dù cô quay lại nhanh đến mức nào đi nữa.

“Và những gì mà em biết về dự định của Chúa”.

Đám tóc sau gáy Lily bỗng dựng lên, cô không thể cưỡng lại được nữa, cô quay lại nhưng không có ai ở sau lưng cô - không nhìn thấy gì ngoài cái bếp lò vẫn đang ở nguyên cái chỗ thường ngày của nó.

“Em đang nhìn gì vậy Lily?”

“Không có gì. Em nghĩ là em nghe thấy tiếng gì đó”

Ánh mắt Mercedes đi theo Lily và hướng về phía cái bếp, giờ thì đến lượt tóc gáy Mercedes dựng lên.

“Ông ấy muốn gì?”, Lily hỏi, cô đã quay lưng lại.

“Ai?”

“Người giám mục”

“Ông ấy muốn nói chuyện với em, để xem Chúa có kế hoạch đặc biệt nào cho em hay không”

“Làm sao mà ông ấy biết được?”

“Bằng cách nghe em kể những câu chuyện của mình, và - Lily à, đây là phần tuyệt vời nhất đấy - em biết chị đã để dành tiền để

mình có thể đến Lourdes vào ngày sinh nhật thứ mười bốn của em không?” Lily chờ đợi.

“Chúa đã cho chúng ta kiếm được nhiều tiền còn hơn cả đủ nữa, mình có thể cùng đi đến đó và ở lại cho đến khi nào thỉnh cầu được Đức mẹ chữa lành cho em.”

“Em không bị bệnh”

Mercedes hơi đỏ mặt, ánh mắt cô đã quay về lại với thế giới này.

“Lily à, em không muốn có cả hai chân khỏe mạnh sao?”

“Không”

Mercedes chưa hề tính tới chuyện này.

“Nhưng mà, Lily, nếu em được ban phước và chữa lành, đó sẽ là bằng chứng cho thấy rằng Chúa thực sự có một kế hoạch đặc biệt cho em”

“Em không cần bằng chứng”

Mercedes cảm thấy bực bội, vì Lily, dĩ nhiên. Cô bé không cần bằng chứng bởi vì cô bé có niềm tin, nhưng vị giám mục cần bằng chứng, La Mã cần bằng chứng, và Mercedes muốn sự tốt bụng của Lily - sự tốt bụng cần thiết cho cả cái nhà này được tất cả mọi người biết đến.

“Lily...”, Mercedes lấy một lọn tóc của Lily và bắt đầu mân mê, “Em có biết em xinh đẹp đến mức nào không?”

Lily lại bắt đầu cái thói quen cắn môi của mình, đẩy chúng ra vào giữa hai hàm răng.

“Chị biết là em sợ, Lily à”. Mái tóc của Lily thật mượt mà, làn da bánh mật, gò má ửng hồng, đôi môi đỏ căng mọng. “Thay đổi

luôn luôn đáng sợ, cho dù là cho một điều tốt. Nhưng mà Lily, chị cũng biết là em rất yêu gia đình mình và cuối cùng thì em vẫn mong điều tốt đẹp nhất đến với mọi người”. Mercedes nắm lấy bím tóc dài sáng bóng của Lily và thả nó xuống.

Lily vẫn ngồi yên trong khi Mercedes đứng dậy, cầm lấy tách trà của mình và ra khỏi phòng. Một lúc sau cô nghe thấy tiếng piano và tiếng hát yếu ớt của Mercedes hòa trong đó “A-a-a-a-a-a-a-a-ve Mari-i-i-i-i-i-a.....”

Cũng giống như “London derry Air” - hay như Frances vẫn gọi là “London Derrière” - rất nhiều người cảm thấy khó chịu khi nghe bài thánh ca này và cảm thấy một chút tội lỗi vì cái cách cư xử mà lẽ ra họ phải làm tốt hơn đối với cha mẹ mình khi còn có cơ hội. Nhưng vì lí do nào đó nó lại làm Lily nổi giận, có thể là vì lúc nào cô cũng quá tốt.

Lily đứng dậy và rời khỏi bếp, đi ngang qua phòng trước - “Gra-a-a-a-a-a-zia-a pleena-a-a-a” - nơi cô có thể thấy mái đầu khô màu nâu vàng của cha giữa những bức tường sách của ông. Cô đi lên cầu thang, băng qua căn phòng mà Frances vẫn đang nằm không động đậy giữa đám mền gối ẩm ướt và đi lên gác xép để làm cái việc duy nhất mà cô có thể làm cho Frances.

Lily định sẽ dùng đôi tay của mình để mở cái khóa của rương đựng đồ - cô định lấy cái áo rửa tội ra và hủy nó đi như vậy thì Frances sẽ không bao giờ nhìn thấy nó nữa. Nhưng cái rương đựng đồ không có khóa. Cái nắp đang đập lại nhưng không khớp với viền của cái hộp, Lily nhấc cái nắp lên. Mùi gỗ tuyết tùng thoang thoảng giúp che đậy sự xuất hiện của một cái mùi khác - nó rất giống với mùi khi một con chuột chết và bị phân hủy. Cái thứ ánh sáng gì đang phản chiếu lơ mờ từ màu vải sa tanh của cái

áo rửa tội vậy? Lily nhớ là cái áo được trải ra trùm lên đám búp bê của Frances chứ không phải gói lại như vậy, nhưng chắc là cô nhớ nhầm bởi vì khi cô đưa tay vào dưới cái bọc và lấy lên thì cái áo rất nặng. So với búp bê là quá nặng, có lớp lông mát lạnh. Trixie. Bị quấn và bị siết.

“Trixie”, hẳn là nó đã nhảy vào đây ngủ và nắp hộp đóng lại. Ôi Trixie, ôi không. Chắc nó đã rất hoảng sợ và tự quấn mình vào đây sau đó lăn lộn cho tới khi bị siết chết. “Trixie tội nghiệp”. Lily vuốt đôi mắt màu vàng nhắm lại, nhưng cô không thể làm gì với cái miệng đang há ra được.

Một cái mùi thật sự kinh khủng, cơ thể nó đã bắt đầu phân hủy. Lily cố gắng nhịn thở để không hít phải cái loại khí đó khi cô mang nó xuống những bậc thang của gác xép. Khi đi ngang qua phòng Frances, cô thấy Mercedes dưới ánh sáng nhấp nháy của ngọn nến, cô đang ngồi ở thành giường của Frances với một cái khay trống trong lòng. Lily tiếp tục đi xuống cầu thang của phòng trước. Ở trong phòng Frances, Mercedes nghe thấy tiếng cửa bếp sập lại, cô vừa định đi đến cửa sổ thì Frances cũng thức dậy vì tiếng động đó.

Frances nhìn Mercedes.

“Frances, đã đến lúc làm cho em sạch sẽ khô ráo rồi, cưng à” Frances chớp mắt, Mercedes mỉm cười.

“Chị mang cho em những món mà em thích nhất này, nhìn xem”

Frances nhìn vào cái khay trong khi Mercedes chỉ ra từng món, “Sữa bột mì, mật đường, rượu mật ong và thịt cừu...”

“Nó trông trơn mà”

“Frances...” Đầu Mercedes bắt đầu lắc.

“Mercedes, có chuyện gì vậy?”

Những ngón tay của Mercedes bắt đầu lần mò trên chính khuôn mặt của mình và sờ mó ở hai hốc mắt - Frances chồm tới và nhẹ nhàng kéo hai tay cô xuống. Mercedes hít một hơi dài và căng mình ra. “Chị xin lỗi, chị không muốn thằng bé...” cô run rẩy và nấc lên “...chết! Chị...” Frances chồm đến và ôm Mercedes vào lòng, vỗ về cho cả hai người. Mercedes ngửi thấy mùi sữa mới. “Chị xin lỗi, Frances”

“Thằng bé đã chết rồi, và đó không phải là lỗi của chị”

Mercedes nói trong đau khổ vào cổ Frances “Nếu mà chúng ta ở nhà và để cho bà Luvovitz lo thì...”

“Suýt...”, vỗ nhẹ vào lưng cô chị, “Im nào, mọi chuyện đã ổn rồi.”

Mercedes đã nói rất nhiều khi cô tựa vào cổ Frances như vậy nhưng Frances không thể nghe được chị mình nói gì trừ “Chị rất thương em, Frances.”

“Suýt”

“Tối nay chị ngủ ở đây được chứ?”

Nhưng Frances đang nhìn qua vai Mercedes ra phía cửa sổ, “Lily đang làm gì vậy?”

Mercedes nhìn lên.

Họ thấy Lily đang bò trên cả chân và tay trong vườn, làm cách nào đó mà nó đã tự đẩy được cục đá to và nặng ra. Có thứ gì đó nằm bên cạnh - một cái gói màu nổi bật trên nền đất. Lily đang xúc đất trong cái lỗ mới đào ra.

“Nó đang đào”, Mercedes nói.

Họ nhìn Lily ngừng lại và tựa vào hòn đá nghỉ một chút.

“Nó đang cầu nguyện”, Frances nói.

Họ thấy Lily quỳ trên hai đầu gối và nhặt cái gói lờ mờ lấp lánh lên, cô bé ôm trong tay và đong đưa nó một chút trước khi đặt nó vào trong lỗ. Mercedes đứng dậy và vươn hai vai thẳng ra.

“Chị lo lắng cho Lily quá, Frances”

“Cứ để nó vậy đi”

“Em biết không Frances, có những thứ nhìn giống y như một thứ khác”

“Mercedes...”

“Cái loại sinh vật nào lại muốn mình bị tật cơ chứ, Frances? Trả lời chị đi” Mercedes đã bước vào một lớp học điên loạn, I đứng trước e trừ khi đứng sau c, thời điểm đã đến, người Walrus đã nói, để ban cho người bốn mươi cú đánh.

“Mercedes, quay lại đi”

Nhưng Mercedes đã rời khỏi phòng và bây giờ thì cô ấy gần như ngất xỉu vì cái mùi gớm ghiếc đang bao phủ ngoài hành lang. Cô đi theo cái mùi thối tha đó xuống cầu thang và vào cái bếp tối tăm trong khi Lily đang nửa đường băng qua sân để đi vào nhà. Mercedes đứng chờ, tay đặt trên công tắc đèn và cố gắng không thở. Có những thứ nhìn giống y như một thứ khác, nhưng cái mũi sẽ nhận ra. Ở đây cũng có mùi của thần thánh, và cũng có mùi hôi thối của địa ngục.

Cánh cửa bếp mở ra và Lily bước vào ánh sáng đột ngột của căn bếp.

“Em đã làm gì vậy?”, Mercedes hỏi với giọng ra lệnh.

Hai tay Lily đang chụm lại bọc quanh một bí mật, nhìn cô bé cứ như là đứa trẻ với cái trứng chim: nó rơi ra khỏi tổ và em đã cứu lấy nó, thật đấy.

“Em đi chôn Trixie”, Lily nói.

Mercedes chờ đợi và cho cô bé cơ hội cuối cùng, Lily đi đến bàn bếp và trải kho báu của mình ra. Một cái xương sọ em bé nhỏ xíu đã bị than làm đen đi được gói trong tàn dư của một miếng vải lanh mục nát, mỏng manh như vỏ sò với những cái đường nổi vẫn còn nguyên. Bên cạnh đó là vài cái xương nhỏ và mấy hòn đá cuội những thứ từ trong cái tổ.

“Và em đã tìm thấy anh trai của mình”

Cô nhìn Mercedes sụp xuống hai đầu gối và co rúm lại, mắt nhắm nghiền và thì thào cầu khẩn Chúa bắt con quỷ trong người Lily đi - “exorcizo te, immunde spiritus, maledicte diabole” - lặp đi lặp lại mãi cho đến khi không còn từ nào mà chỉ còn lại âm thanh. Cô làm dấu thánh giá và làm lại, làm lại mãi. Sau này cô sẽ liên lạc với vị giám mục để Lily được đưa đến một nơi mà một thầy tu đặc biệt sẽ đuổi linh hồn không đen tối trong cô bé ra bằng sức mạnh của những lời cầu nguyện và có thể là có những cách khác nữa, tàn nhẫn với cơ thể nhưng tốt cho linh hồn. Sau này Mercedes sẽ cầu xin sự tha thứ của Chúa vì đã tự nịnh bợ mình rằng cô là chị gái của một vị thánh.

Lily đi ngang qua Mercedes đang co giật và rít lên như một cái bánh xe bị xì và đi lên phòng trước. Cô đang định hỏi James một câu hỏi. Cô đã tha thứ cho James về những điều mà mình không biết. Ngọn đèn đọc sách vẫn mở, cô bước qua một lỗ hổng trên

bức tường sách của ông và thấy ông đang ngồi sụp xuống trong cái ghế của mình như thường lệ, miệng hơi mở ra. Quyển Dante's Paradiso đã tuột khỏi tay ông và rơi xuống đất. Lily nhặt nó lên và cẩn thận đặt vào lòng ông. Cô cúi xuống và hôn lên trán ông nhưng cô không hỏi ông câu hỏi nào, bởi vì ông đã chết.

“Chị Frances, em đã chôn Lily và cầu nguyện cho nó, và em đã tìm thấy Ambrose.”

Frances nói “Lily, với lên lấy cho chị quyển “Wuthering Heights” đi nào” Lily đưa cho cô quyển sách.

“Còn nhớ lúc mình chôn cây gia phả không?”, Frances hỏi và mỉm cười.

“Nó rã ra rồi”, Lily trả lời, “Nó chỉ là một cuộn giấy”

“Em có tìm thấy cái áo ngủ của chị không?”

“Chỉ một mảnh nhỏ thôi”

Frances mở quyển “Wuthering Heights”, những trang sách đã bị khoét ở ngay giữa và thay vào đó là một xấp tiền. Frances đưa số tiền cho Lily.

“Đây là tiền Lourdes hở?”

“Không, chị đã kiếm nó một cách đàng hoàng đấy”

“Cha chết rồi”

“Chị có một món quà cho em, Lily. Chị đã định chờ đến sinh nhật của em nhưng tối nay chị muốn em có nó.”

“Đó là gì vậy?”

“Nó ở trong hộp đựng đồ ấy”

“Chị Frances...”

“Âm thanh gì vậy?” Frances nghiêng đầu nghe ngóng. “Em

nghe thấy gì không?

Nó giống như tiếng của một đàn....”

“Đó là Mercedes, em sợ chị ấy”

“Chị ấy nghĩ em là một vị thánh”

“Không còn nữa rồi”

“Chị biết”

“Em không tin có quỷ dữ, chị Frances.”

“Chị Mercedes tin.”

“Thì sao?”

“Chị không thể chăm sóc cho em được nữa.”

“Được rồi chị Frances, em tự chăm sóc cho mình được mà, em không sợ chị Mercedes nữa đâu.”

“Không phải chỉ là Mercedes, em phải đi, Lily. Đừng lo, chị sẽ cho em biết phải đi đâu.”

“Không!”

Frances ôm lấy khuôn mặt của Lily trong tay mình và nhìn thẳng vào mắt cô bé.

“Có”

Làm sao một người có thể tự nhìn vào khuôn mặt của chính mình và đồng ý rời bỏ nó? Đối với Lily thì Frances vừa là người đầu tiên, vừa quen thuộc gần gũi như bầu trời, và giống y như bàn tay của chính cô vậy. Đốm tàn nhang trên mũi, ánh sáng xanh trong đôi mắt, cái miệng xinh xắn, từ bỏ khuôn mặt mà lần đầu tiên bước vào sự tồn tại mình đã nhìn thấy sao?

“Em không muốn rời xa chị”

Trán Lily nhăn lại nhưng Frances khẳng định “Em phải đi, cái bánh gừng bé bỏng à, chạy đi và cho dù có làm gì thì cũng đừng bao giờ nhìn lại.”

“Đây không phải là một câu chuyện đâu, chị Frances”, Lily vừa giận dữ vừa đau khổ.

“Nó đúng là vậy đấy Lily. Hayola kellu bas Helm”

“Không phải!”

“Taa’I la hown, Habibti...”

“Không!”

“Te’berini”

“Ngừng lại đi!”

Frances chồm đến ôm Lily nhưng cô bé đã bay vào một cái lồng, xua đuôi vòng tay của chị cô cho đến khi cô nhớ ra rằng Frances không phải là một quyển sách hay một cái tượng bằng sứ. Frances không cử động để bảo vệ khuôn mặt và ngực của mình trong khi Lily đang tự làm mình kiệt sức.

Khi Lily đã gục ngã, những cơn sóng ngược đã ôm lấy khuôn mặt của cô và bóp méo nó thành một chú hề đau khổ. Con sóng đó cũng làm giọng cô khác đi “Em không muốn rời xa chị, Frances”. Ở khóe miệng Lily nước bọt chảy ra, cô bé không thể ngậm miệng lại hay thở được nữa. Frances chạm vào nắm tay của Lily và mở cổ họng cô bé ra, không khí tràn vào và những tiếng nức nở vang lên:

“Đến đây nào Lily!”

Frances mở chiếc áo ngủ của mình ra và đưa miệng Lily vào.

Ngay sau khi bình minh, Lily quỳ gối bên cái rương đựng đồ

lần thứ hai trong đêm.

Cô thò tay sâu xuống và lấy ra một gói mềm được bọc trong giấy mềm màu trắng. Cô lấy ra một cái váy cũ xinh đẹp bằng lụa màu xanh lá cây, và nhật quyển vở mới rơi từ trong cái gói đó ra. Trường Holy Angels.

Mười phút sau, cánh cửa lán bật mở và Lily bước vào. Không cần phải tìm kiếm vì nó đã ở ngay đây, kế hoạch của cha, đã hoàn thành. Chúng vẫn đang được đóng vào khuôn giày. Hai chiếc giày màu đỏ. Một chiếc nhỏ hơn, có cái đế giày được tôn cao hơn đang mỉm cười với cô, anh trai to lớn hơn của nó cũng vậy. Lily gỡ đôi giày ra khỏi hai cái khuôn sắt. Cô mang chúng vào, cột dây cẩn thận cho bên trái vì đó là cảm giác đầu tiên của nó, cô nhét số tiền Frances cho mình quanh cổ chân, siết chặt dây thắt và đứng dậy. Da bê, chúng ôm vào chân cô như lớp da thứ hai, không cần phải cởi chúng ra. Chúng hoàn toàn hợp với cái váy mới xinh đẹp bằng lụa màu xanh của cô bé - dĩ nhiên là vẫn hơi lớn so với cô bé và thiếu đi một cái thắt lưng, bạn có thể thấy được khi nhìn vào những cái lỗ xỏ thắt lưng trống trơn, nhưng vẫn rất xinh đẹp. Kẹp quyển vở trong tay, Lily bước ra khỏi lán.

Không khí mát mẻ và ẩm ướt mùi muối. Đêm đang chuyển sang màu xám, đây là lúc tốt nhất để ngắm nhìn thành phố - những mỏ than, đường ray, những chiếc xe đẩy than và các ngôi nhà công ty trông thật tuyệt trong ánh sáng mờ mờ lúc bình minh, cả bãi biển đầy đá và đại dương cũng vậy. Tạm biệt. Lily cảm thấy thật sáng khoái. Cứ như thể cô có thể đi mãi. Tạm biệt Nova Scotia. Cô đóng cánh cửa sau lưng mình và hướng về phía đường Shore. Cô nhìn lại một lần nữa và tiếp tục bước đi.

Chương 8

Hejira

Nhật ký

8 giờ tối, ngày 29 tháng Hai, năm 1918, thành phố New York

Nhật ký đầu yêu ơi,

Tôi sẽ không dùng lối viết nhật ký cũ nữa đâu. Đó là bút tích ngây thơ của thời ấu thơ. Quyển nhật ký này sẽ ghi nhận và lưu giữ quá trình trưởng thành thành ca sĩ của mình. Tôi chỉ ghi lại những sự việc liên quan, hữu ích đến quá trình luyện tập của mình mà thôi. Không viết kiểu tình cảm ủy mị nữa. Hãy để cho mấy đứa con gái khác ghi chép lại những khoảnh khắc phải lòng mê muội, những chiếc váy hoa, những kiểu bím tóc và mấy thứ đồ linh kinh trước khi về nhà chồng. Tôi ở đây để làm việc. Tôi sẽ ghi chép lại tất cả mọi thứ tôi học hỏi một cách khoa học như đây là một cuốn giáo trình. Tôi sẽ khách quan và không ngần ngại tự phê bình bản thân mình. Tôi sẽ không bị sao nhãng bởi thành phố ồn ào và náo nhiệt này. Và trong đây, trong quyển ghi chép của chính mình, tôi sẽ không cho phép bất kỳ cảm xúc nào len lỏi, làm sai lệch nhận thức của mình.

1 giờ 12 phút sáng - Tôi đang bùng cháy. Tôi phải sống, tôi phải hát, tôi muốn biến đổi bản thân mình thành hàng ngàn nhân vật khác nhau và mang cuộc sống đầy màu sắc của họ theo tôi lên sân khấu, cái sân khấu lúc thì sáng đèn, lúc thì tối thăm thẳm cùng một lúc, chỉ biết rằng có ba ngàn người ngoài kia đang nóng lòng được trải nghiệm và chìm đắm bởi niềm đam mê biểu diễn, cảm xúc mạnh mẽ dâng trào vượt ra ngoài tấm màn sân khấu đỏ, với điều đó, tôi hiến dâng tấm thân của mình và hiến dâng tâm hồn mình, tôi có thể dâng hiến hơn cả bản thân mình, tôi cảm thấy con tim mình đập rộn ràng và giọng mình như một cái van khóa, giọng tôi như một con tàu đang gào thét, nó phải được hát nếu không thì nó sẽ nổ tung mất, con tàu với quá nhiều nhiên liệu, quá nhiều khí đốt, và điều tôi sắp làm với chất giọng này nếu tôi không giải phóng nó, nó sẽ không chỉ hát thôi đâu. Tôi chỉ là đóm nhỏ ở đây, nhưng tôi không sợ cũng như chẳng bao giờ bay đi nơi khác, tôi cảm thấy tất cả New York là một vòng tay ôm ấp áp, chỉ mong chờ ôm ấp tôi. Tôi đang yêu. Nhưng không phải với một người. Tôi đang đắm chìm yêu đương với cuộc sống của chính mình.

Ngày thứ Sáu, ngày 01 tháng Ba, năm 1918 - Tôi sẽ gọi giáo viên luyện thanh của mình một cách giản đơn là ông Blutwurst. Ông ấy cọc cằn, thô lỗ, và nếu bài luyện đầu tiên của tôi là một dấu hiệu nào đó, hoàn toàn không có chút trình độ chuyên môn nào, tôi chỉ có thể kết luận ông ta là một kẻ lừa đảo. Tôi sẽ thử khả năng của ông ta đến cuối tuần coi sao. Ông ta đúng là một người tẻ nhạt. Tôi thấy đáng hợm khi nghĩ về ông thầy đó. Tôi hoàn toàn lễ phép đó nhé. Ông ta liếc nhìn tôi như thể ông ta đang mua một con ngựa. Ông ta có một chất giọng thật khủng

khiếp. Ông ta ra lệnh cho tôi “hát một khúc hát nào đó” (chất giọng bản xứ Đức nói không rõ nghĩa tiếng Anh). Tôi hát, và ông ta lộ vẻ kinh khủng như thể ông ta mới vừa ăn phải một con hào sống. Tại sao chẳng có điều nào đó xảy ra với người đàn ông này khi cho ông ta bước chân vào bất kỳ lĩnh vực nào khác, tránh xa và không hề liên quan đến nhạc nhẽo gì hết vì ông ta hoàn toàn ghét âm nhạc? Sau khi nghe tôi hát xong Quanto affetto, ông ta nói chán nản, “Chúng ta có nhiều việc đây.” Tôi lẽ ra đã đáp lại, “Đồ đầu bò, tao biết điều đó chớ, đó là lý do tại sao tao ở đây”. Ông ta muốn tôi bật khóc, nhưng tôi sẽ không khóc, cha tôi đã giết nhiều người dân nước ông ta rồi đó chớ.

Lợi thế đầu tiên của tôi: tôi có tất cả. Lợi thế thứ hai: đó chẳng qua chỉ là một hòn đảo nữa chớ có gì đâu. Lợi thế thứ ba: Tôi lớn mạnh hơn tất cả mọi thứ đó.

Ngày 2 tháng Ba - Tôi đi bộ xuống công viên Trung tâm. Tôi đã không khóc trước mặt ông Kaiser. Tôi đã không khóc trước mặt ông Kaiser bởi vì ông ta ghét cay ghét đắng những ca sĩ, những người có thể hát, ông ta tự cho mình là người Hunggari nhưng tôi biết ông ta là một kẻ Bất Tài, đó là lý do tại sao ông ta không bị bắt đi lính, dù một cuộc chiến có thể xảy ra.

Ngày thứ Hai, ngày 4 tháng Ba - Hôm nay tôi thưởng thức món ăn tuyệt nhất. Món bánh quy xoắn. Đó là thứ bánh nướng có hình dáng được thả nơ lại. Bạn phải ăn bánh với tương mù tạc. Nghe có vẻ như tầm thường nhưng vị nó thật tuyệt vời. Phải ngồi viết bài thi lý thuyết vô nghĩa, nhưng phải gây ngạc nhiên cho Kaiser mới được.

Ngày thứ Ba - Có ai đó làm ơn nói cho tôi hiểu “tiếng huýt sáo chê bai”? Bạn nhật ký dấu yêu ơi, chúng tôi cũng đã có tiến bộ

trong việc luyện thanh! Bây giờ, tôi bị ruồng bỏ, không chỉ đối với việc ca hát, mà còn đối với bất kỳ nỗ lực luyện giọng nào.

Ngày thứ Tư - Đi thăm Bảo tàng Lịch sử Tự Nhiên với Giles và bà bạn cổ lỗ sĩ Bà Morriss. Chúng tôi đi uống trà cùng nhau, và sau đó, họ dẫn tôi đi xem sáu cô gái sành điệu nhảy tưng bừng trong trang phục như ga trải giường với mấy con dao sáng bóng dắt xung quanh. Có lẽ tôi nên trở thành một vũ công. Nói lại về bà bạn Morriss một chút, cả hai người họ đều thật tử tế còn tôi thì thật buồn chán.

Ngày thứ Năm - Kaiser rón rén lên sau lưng tôi và bàn tay xương xẩu của ông ta sờ soạng vòng eo sau của tôi và nói, “Để tập được các bài tập này, tôi phải kêu cô nới lỏng hay cởi bỏ dây nịt ngực.” Thật là một gã già bản thủ, dâm dục.

Ngày thứ Sáu, ngày 8 tháng Ba - Đội hờ cái nón theo kiểu quý bà Godiva để tôi đỡ thấy mình trần trụi khi không mặc áo nịt ngực. Cảm giác thật tuyệt vời, mặc dù cũng rất lạ lẫm, như thể tôi luôn sẵn sàng lao vào giường đi ngủ hay sắp đi bơi. Tôi đi thẳng đến khu trung tâm Manhattan chỉ để lột bỏ bộ quần áo lót đã lỗi mốt.

Ngày thứ Bảy - Đạt điểm cao cho môn thi lý thuyết gốc nghềch, đầy giả tạo. Làm ông thầy phục lặn ra, khiến ông ta phải thừa nhận rằng, “Cô gần như luyện được chất giọng hoàn hảo, cô Piper ạ”. Không hề có “gần như” ở đây và ông ta biết rõ điều đó. Tôi hỏi ông ta khi nào tôi có thể hát lại. Ông ta đáp, “Đến chừng mức mà tôi có thể nói cho cô biết, cô Piper ạ, cô không bao giờ hát trong đời cô cả.”

Ngày Chủ nhật - Giles hỏi tôi coi tôi có muốn đi dạo ngắm cảnh

không. Tôi đáp không. Cảm ơn.

Ngày thứ Hai, ngày 11 tháng Ba, tôi đi xe lửa điện chạy trên cao tại Đại lộ thứ Tám, người đông nghẹt, chật cứng như cá mèi - “Điều đó chẳng thể giết tôi được, nó chỉ làm tôi thêm mạnh mẽ thêm thôi.”

Ngày thứ Ba - Vùng thắt lưng của tôi luôn đau nhức âm ỉ. Tôi đã không khóc từ trước đến nay, tôi chỉ chịu đựng, để nó trôi qua, tôi bị tê, nhưng tôi gằn như ngất đi, “Bây giờ nào”, ông ta ra lệnh. “Bắt đầu lại đi. Hít vào, đứng vậy đấy, ...” và tôi thì “huýt dài khinh khỉnh”.

Ngày thứ Tư - Ôi thật là vui sướng! Hôm nay tôi sắp sửa được thử giọng nhé! Không mở miệng. Tôi hoàn toàn không hiểu những gì ông ta lái nhải suốt buổi và đó thật sự không phải là vì rào cản ngôn ngữ: “Hãy tưởng tượng rằng cô đang giữ một quả trứng luộc ở phía sau cổ họng.” Quả trứng còn vỏ hay đã được bóc vỏ? Gần hết khoảng nửa thời gian của buổi học, khi mà tôi đang cố gắng ngâm nga, phát ra cái thứ âm thanh bé nhỏ yếu đuối bằng cái miệng khóa kín, lưỡi tôi đặt tại vị trí “n”, vậy mà trong lúc tôi đang cố gắng “nở một nụ cười vào trong âm giọng”, ông ta lại đáp ngay, “Nó đó”. Rõ ràng ông ta đã tìm thấy giọng đúng của tôi. Ở cái khu cuối của một thư viện bị bỏ hoang.

? - Tôi tự hỏi có ai đó đã tự tử chỉ vì buồn chán mà thôi hay không? Hôm nay tôi được phép hé miệng khê khàng và phát ra âm “ee’s” một cách yếu nhất. Sau đó, ông ta bảo tôi đặt âm “ae” vào trong âm “ee”. Âm “ah” và “oo” phát ra tiếp ngay sau nhưng ông ta không để cho tôi phát hết những âm đó - ông ta nói với tôi là tôi bị thiếu hơi. Tôi đáp rằng tôi còn một đồng hơi đầy thôi thì ông ta đáp lại là tôi chỉ có đủ hơi để sống mà thôi, chớ không phải

nghe theo lời thầy dạy. Tôi phải học cách hát “bằng hơi”, theo như ông ta nói. Làm ơn cho tôi thêm sức mạnh!

Giles vừa gọi tôi để cùng ăn tối. Tất cả những gì bà ấy nấu đều có màu trắng hay nâu nhạt. Ngoại trừ món rau luộc, nó sẽ có màu xám. Bà ấy nói, cái giọng làm tôi nhớ đến bụi bám ở khăn lót dưới chén ăn, rằng “Cô sẽ có nhiều bạn ở đây và cái thành phố này dường như sẽ trở nên một thành phố khác hẳn cái cô đã nghĩ trước đây”. Tôi không muốn có bạn, tôi không phải đến đây để kết bạn. Mặc dầu bà ấy là người tử tế, dễ thương. Tại sao tôi lại phải cảm thấy mang ơn khi có ít nhất một ai đó nói chuyện tử tế với mình. Dù vậy, thỉnh thoảng, bà ấy cũng làm cho tôi sồn tóc gáy. Bà sẽ nhìn tôi như thể bà biết điều gì đó rồi lại nói ra một hơi tẻ nhạt. Cả căn hộ nồng nặc mùi hoa oải hương, có những tấm rèm viền đăng ren và lời nguyện cầu khắp mọi nơi. Tất cả như là một bức ảnh nhạt nhòa buồn tẻ, ngoại trừ tôi. Tôi không ngừng thấy mình quay cuồng vận động, phá vỡ mọi thứ ngay khi chưa từng chạm tay vào, điều đó làm tôi muốn nói to hơn, muốn thở sâu hơn, không thể không làm gì khác ngoài những việc trần tục.

Tôi tự ngắm mình khỏa thân. Vâng, vậy đó, đó là lời thú nhận của chính tôi. Trong cái gương lớn soi được cả người đặt trong phòng tôi. Tôi tự ngắm chính mình bởi lẽ tôi tự nhủ với chính mình là tôi vẫn ở đó. Không thể, tôi ngắm chỉ bởi tôi thích ngắm và dù tôi biết nó sai. Nhưng sao hành động đó lại sai cơ chứ? Tôi cảm thấy nhức nhối. Tôi muốn một ai đó gạt gỡ tôi và vuốt ve tôi trước khi tôi đã già. Trước khi tôi trở nên nhăn nhúm, héo tàn và khuy ngã, tôi không thể tin rằng điều đó sẽ xảy ra với chính mình.

Ngày 14 tây - Quảng đời (trong âm nhạc). Lên rồi xuống và lên

rồi lại xuống và lên và xuống và hãy để cho tôi chết đi.

Ngày 15 tây - dành tiền vé xe đi trong một tháng để mua một chiếc váy mới - vải lụa the màu xanh lá cây nhạt, rất thanh lịch, rất hợp thời trang, tôi trông chỉ mới hai mươi lăm tuổi. Tôi không có nơi nào đến để có dịp mặc nó.

Ngày 16 tây - Quảng ba (âm ba trong âm nhạc)

Ngày chủ nhật, ngày 17 tháng Ba - Không có lớp hôm nay, không có thính phòng đầy ải. Tôi cũng không phải thức dậy từ tờ mờ sáng để LỘI BỘ đến đó đúng giờ chỉ vì tôi phí phạm nhiều tiền vào cái váy ngu ngốc mà tôi chẳng bao giờ mặc. Nhưng quên tất cả những chuyện đó đi nào! Tôi rất vui vẻ và hài lòng với mọi chuyện xung quanh, bởi vì tôi đang ở Công viên Trung Tâm chỉ một mình, nắng ấm áp, chan hòa, cuộc đời thật là dài, tôi có đủ thời gian trong cái thế giới này và tôi sẽ hát. Ông ta ném giọng hát của tôi vào xà lim đơn độc và buồn tủi nhưng cô ấy sẽ thoát ra thôi. Tôi biết điều đó bởi tôi cảm nhận cô ấy đang vẫy vùng, chống trả lại, cô ấy càng bị kìm hãm lặng im chừng nào, thì cô ấy càng trở nên mạnh mẽ chừng ấy. Đó có thể là việc chỉ dạy của Kaiser đã có hiệu quả? Hoặc cũng có thể là giọng hát của tôi đang trưởng thành, lớn mạnh dần lên trong nghịch cảnh? Đó là tinh thần ngang tàng, cố chấp không thể phá vỡ của nhà họ Piper. Cảm ơn cha, cha nhé!

Có một đôi đang “ôm ấp, âu yếm” nhau giữa ban ngày ban mặt, cách chỗ tôi không quá ba bước chân; thật ra là một cô bảo mẫu và một bé gái sáu tuổi có nhiều vết tàn nhang trên khuôn mặt, bé nhe răng cười toe toét với tôi - làm tôi nhớ đến Frances. Bé gái tinh nghịch ném trái banh cao su của nó về hướng tôi, trái banh bật qua ghế tôi ngồi, và giờ nó yên vị trong ao nước.

Tôi phải “câu” trái banh lên, chơi đùa như một con ngốc với đứa bé thêm gần một tiếng rưỡi đồng hồ, quá tốt để cô giữ trẻ nghỉ ngơi đôi chút.

Sau bữa ăn tối - Vì đây là cuốn nhật ký của chính mình, tôi phải hỏi câu này: Bạn có bao giờ nghĩ rằng Giles đã từng không trong sáng trong suy nghĩ và việc làm?

Tại sao tôi lại có suy nghĩ như vậy về một quý bà lớn tuổi hoàn toàn ngây thơ?! Nhưng không ai có thể hoàn toàn trong trắng ngây thơ. Một ca sĩ giỏi biết rõ điều đó. Tôi là người thật khủng khiếp. Tôi thật không quan tâm lắm. Tôi muốn tỏ tình với giọng hát của chính mình để cho ba ngàn bốn trăm sáu mươi lăm người chứng giám cùng một lúc.

Ngày thứ Ba, ngày 19 tây - Tôi bị đày ải, chỉ sử dụng một nửa (khả năng) giọng hát của mình. Đó là sự chuyển đổi. Ông ta gọi nó là “vùng đất hoang trong ngữ giọng”. Lại thêm một kỹ xảo tàn bạo. Tôi bất đắc dĩ trở thành tù nhân, kẹt giữa quãng tám và một nửa trên nốt Đô nằm giữa nốt Mi và nốt Son.

Ngày thứ Tư, ngày 20 tây - Ông ta muốn tàn phá giọng tôi.

Ngày thứ Sáu - Sự chuyển đổi bị ruồng bỏ. Sự chuyển đổi không gì khác hơn là lặng im. Sự chuyển đổi là một từ khác để chỉ chốn lao tù.

Ngày thứ Bảy - Tôi dậy muộn sáng nay. Tôi không thể chớp mắt tối qua và không thể thức dậy sáng nay. Ông K còn tỏ ra tệ hơn thường ngày là lẽ đương nhiên.

Ngày thứ Hai, ngày 25 tháng Ba - Có vẻ như cuối cùng thì Sự chuyển đổi đang luẩn quẩn đâu đó. Bị ám ảnh thì đúng hơn. Đây những tiếng thở dài quý quái và làm bầm chê bai.

Hai giờ sáng - Tôi mơ về Pete. Nó đang mặc cái tạp dề của mẹ và đôi ủng cao su của cha, nó đang khóc và đòi tôi ôm ấp nó. Không thể có chuyện như thế được. Vẫn sáng đèn đó chớ. Không thể có thứ như Pete được.

Tôi muốn về nhà. Tôi muốn được gặp cha.

Trưởng thành lên nào, Kathleen.

Ba giờ rưỡi sáng - Không viết vào đây được.

Tôi không thể ngừng khóc?

Giá như có một ai đó bên ngoài cửa?

Trời ạ. Nếu tôi nghĩ vậy, cánh cửa sẽ mở toang thôi.

“Đừng để bất cứ cái gì quấy nhiễu bạn, không có gì làm bạn sợ hãi. Tất cả mọi thứ sẽ qua đi thôi.” Thánh Teresa, con cầu xin Người.

Ngày thứ Năm, ngày 28 tây - Giles pha cho tôi một tách trà đặc biệt để tôi có thể ngủ tối qua. Nó có công hiệu. Phải chăng bà ấy đang bí mật theo dõi tôi?

Ngày thứ Sáu - Hôm nay là địa ngục của âm Đô giữa. Có vẻ như tôi đang cố tọng vào họng cái bánh nướng sôcôla. Kaiser không có vẻ gì là hài lòng cả - xét cho cùng, tôi là người hát giọng nữ cao. Người hát giọng nữ cao thì không thể hát trong khi họng đầy sôcôla.

Ngày thứ Bảy - Hôm nay tôi đã khóc, ông ta kêu tôi hát thang âm nốt Đô chính, lần đầu tiên ông ta cho phép tôi hát nhiều hơn hai nốt cùng một lúc. Nhưng vẫn không thể thuận tai, chỉ là “ah”. Tôi thấy như mình đang leo lên những bậc thang bằng đá trong khoảng tối đen thăm thẳm và khi tôi thoáng thấy ánh sáng le lói

trên đỉnh đầu, tôi bắt đầu khóc nhưng tôi đã làm tốt cái thang âm chết tiệt.

NGÀY CÁ THÁNG TƯ (Ngày mừng 1 tháng Tư) - Hôm nay ông Knibs quăng cho tôi cái liếc nhìn tái nhợt, đúng kiểu kèn kèn và - à, không phải, ông ta có vẻ giống động vật lưỡng cư hơn chứ, và có thể ông ta hoàn toàn được bao phủ bởi lớp vảy ngoài khô cứng / queo (thang âm, haha! Chơi chữ, từ scala vừa chỉ vảy bên ngoài vừa chỉ thang âm) từ đầu đến chân và ngấm ngấm ngậm nhấm bữa tối với những con vật đầy lông lá ba lần một ngày. Tôi còn có thể trông thấy miếng mồi dư còn sót lại vụn vụn cố gắng trôi qua cái cổ họng chật hẹp của ông ta. Ông ta có ợ ra xương mỗi tối không nhỉ? Rồi thì, hôm nay ông ta bảo tôi, “Tôi sẽ nhận cô làm học sinh / đệ tử, cô Pipah” Sao tôi đã không nói ra những lời lãnh đạm hoàn hảo nhỉ? Tôi đáp lại - và cũng như tôi hoàn toàn chân thực với chính mình khi viết cuốn nhật ký này từ trước đến giờ, tôi kể bạn nghe - tôi đáp, “Cảm ơn ông.” Có lẽ tôi đã sợ chết khiếp.

Ngày thứ Tư - Hôm nay cha gửi cho tôi một cuốn sách và Mercedes và Frances gửi cho tôi kẹo bơ cứng loại mặn! Tôi chưa bao giờ nghĩ mình lại nhớ đám yêu tinh bé nhỏ của mình nhiều đến như vậy. Tôi ước ao sao cha sẽ để mấy đứa tiểu yêu đó vào trong một cái thùng gỗ thưa đặc biệt và gửi đến cho tôi như thể gửi mấy chú mèo con trong ngày một ngày hai.

Ngày thứ Năm - “Kết hợp giọng”. Trong mỗi âm / quãng trưởng vang lên trong đầu, đó là sự cộng hưởng từ ngực. Trong mỗi âm / quãng trưởng phát ra từ ngực, hiếm có sự cộng hưởng từ đầu. Trực tiếp trèo đến Thiên đàng thôi.

Ngày thứ Sáu - Giles bảo tôi hát bất kỳ cái gì cho bà nghe vào

buổi tối và tôi phải đáp lại, “Tôi xin lỗi, tôi không được phép hát bất kỳ cái gì ngoại trừ thang âm và hợp âm cả. Cái ông nhà Kaiser nói rằng ông ta sẽ biết ngay khi tôi giấu giếm ông ta hát “những lời ngớ ngẩn”. Giống như là tôi bị buộc tội ngoại tình với giọng hát của chính mình hay cái gì giống như vậy, ông ta thật đáng khinh.

Ngày thứ Hai - Ông ta buộc tôi búi tóc thật chặt, sát vào da đầu. Ông ta nghĩ tôi là ai vậy kìa, một nữ diễn viên múa ba lê?

Ngày thứ Ba - Tôi đang trải nghiệm sự thấu hiểu vị nghệ thuật. Bây giờ tôi mới hiểu những gì người ta nói, khi họ bảo bạn rằng bạn sẽ phải chịu đựng đờn đau vì nghệ thuật. Tôi luôn nghĩ rằng họ nói đến các lần diễn tập gian nan cho đến khi bạn kiệt sức, biểu diễn khi bạn không hề mang chút tâm trạng nào của nhân vật, khổ sở dày vò cho đến khi tài năng của bạn được phát hiện và tôi luôn nghĩ là “Tuyệt, tôi không thể chờ thêm nữa, hãy để tôi chịu đựng” nhưng đó không phải là tất cả. Nỗi khốn khổ, chịu đựng thật sự là ông thầy này đang cố gắng giết chết tôi trong sự nhàm chán cùng cực, bắt tôi luyện lên và luyện xuống từng mỗi thang âm, mà loài người đã biết đến. Tốt thôi. Tôi sẽ đánh bại ông ta trong chính trò chơi mà ông ta lập ra. Tôi bắt đầu luyện đi luyện lại bài luyện thanh của cả buổi sáng hôm nay ba lần mỗi ngày.

Ngày thứ Tư - “Thanh âm của cô thật là một bất thường của tạo hóa, cô Piper ạ, ấn tượng không hơn không kém dãy núi Everet cả. Dường như nó cho thấy rằng không biết cô có khả năng chịu đựng và kỹ năng để luyện thang âm hay không.” Thang âm một lần nữa!

Ngày thứ Năm - Tôi yêu các tòa nhà. Chúng được gọi là các tòa

nhà chọc trời. Chúng là thứ gần tựa như, to lớn như đại dương ở nơi đây. Nhưng đó là đại dương chỉ luôn đứng thẳng, cao cao mãi, không bằng phẳng chút nào hết. Người ta nói rằng khối nước mênh mông cuốn trôi phần phía đông của Manhattan là đại dương làm đó nhưng điều đó không đúng. Dù sao thì, cũng không phải là đại dương của tôi. Điều đó thật kỳ quặc làm sao nhưng khi về nhà, tôi cho rằng ý nghĩ điên rồ trên là đúng, đại dương xanh xám của riêng tôi. Nhưng giờ tôi có một đại dương màu đá granit, xám bạc. Nó mang lại cho tôi niềm vui nỗi buồn mà thỉnh thoảng tôi cũng cần chúng. Khi tôi ngược nhìn lên mấy tòa nhà chọc trời đó, tôi cảm thấy cô đơn nhưng trong một cách riêng tốt đẹp. Không như trong một tâm trạng khủng khiếp mà không ai có thể hiểu được.

Ngày thứ Sáu - Đây không phải là một thành phố. Đây là một thế giới bao trọn cả các vùng miền. Bạn có thể phát điên ở đây nếu bạn là tuýp người cho rằng mình sẽ bị điên ngay từ khi đặt chân tới. Tôi đã tìm thấy thứ gì đó qua cái đại dương xám bạc này. Bạn có thể đi dạo trong một giờ đồng hồ mà không bao giờ nghe thấy bất kỳ từ ngữ tiếng Anh nào, bạn có thể ăn năm món từ năm quốc gia khác nhau chỉ trong vòng năm tòa nhà, bạn có thể nghe nhạc khắp mọi nơi. Tại sao tôi lại đang học, tại sao tôi muốn giam giữ mình nơi sân khấu khi mà những ca sĩ thực thụ đang ở ngoài kia, ca hát về các loài cá, hò reo những giai điệu xuyên qua những bánh xe hàng trĩu nặng hoa quả đến các cái trống định âm của vùng dải thiếc, một dàn hợp xướng của xe điện chạy quanh thành phố, móng ngựa đập dồn dập trên đường, của dao kéo hay các con vật sống, đó là nơi thật sự của nhạc kịch. Giảng dạy đã lỗi thời. Thính phòng nhạc là phòng đưa tang. Trời ạ, tôi không

muốn bị lên dây, làm việc trong một viện bảo tàng.

Ngày thứ Hai - Có vài chỗ ở Công viên Trung Tâm không nên bèn mắng tới hay tự tiện khám phá một mình và tôi sẽ không làm cho bạn chướng tai gai mắt hay cảm thấy bị phiền toái vì đã báo cho bạn biết tại sao.

Ngày thứ Ba, ngày 16 tháng Tư - Đến bán đảo Coney thăm thú! Ăn toàn mấy thứ còn hồng hồng, chưa chín kỹ. Phải nhở hết đi. Đáng làm vậy với đồ ăn đó.

Ngày thứ Tư - Bắt đầu dạo từ bến tàu trên đường South. Nó rất cổ, gấp hơn hai mươi lần đối với thành phố Halifax. Họ nên hy vọng là nó không bao giờ nổ tung. Tôi thấy những con ngựa được quàng dây quanh bụng và kéo lên tàu bằng máy nâng hạng nặng. Lũ ngựa như bị bắt đi lính vậy. Đó dường như là việc hữu dụng nhất mà các con tàu mang lại. New York nuôi dưỡng chiến tranh. New York ảnh hưởng đến / bay ra đến toàn thế giới và toàn thế giới hội tụ ở New York. Tôi yêu thích ngắm nhìn thùng gỗ lớn / khổng lồ in chữ Trung Quốc bên ngoài nâng bổng trên không và xếp thành từng dãy dài trên bến tàu cùng với tất cả mọi ngôn ngữ khác trong lịch sử loài người. Tôi muốn dành nguyên cả ngày chỉ để ngắm nhìn mọi người và hàng hóa ở đây nhưng tôi không thể nán lại quá lâu bởi lẽ những gã cáu bẳn, khó tính sẽ tự hỏi một cô gái xinh đẹp như tôi đang làm gì ... Họ sẽ làm thế nào nếu tôi đáp, “Hey ông anh, tôi nghĩ ông anh tuyệt đẹp, ông di chuyển như vũ công người Nga Nijinsky, nhìn chung tôi hình dung ra ông như một vị thần Hy Lạp vậy.” Nhưng tôi không được phép nói bất kỳ điều gì cả bởi họ sẽ nghĩ tôi đang muốn làm quen và trò chuyện cùng họ. Đàn ông thường bắt chuyện với người lạ và học hỏi rất nhiều điều. Phụ nữ thường đến thư viện chộp lấy một cuốn sách

và học ở đó ra. Khi tôi trở thành một ca sĩ nổi tiếng, tôi sẽ chuyển trò với bất cứ ai tôi thích.

Đi hướng lên trên xuyên qua Bowery, khu phố người Ý - lũ trẻ con, những chiếc xe nô em bé, thức ăn, phụ nữ mặc toàn màu đen, những anh chàng bánh trai nhưng không thể để họ thấy bạn đang liếc nhìn họ, nhạc kịch Ý - khu Greenwich, và thừa quý ông quý bà, khu đèn đỏ đầy náo nhiệt Tenderloin - đói quá, mua một cái bánh quy xoắn, và ăn trưa ở tiệm Hell's Kitchen - Thật sự nhỉ! Tại sao họ đặt tên tiệm như vậy? Dường như đó là cái tên hay một cách hoàn hảo, thật sự bạn có thể có một bữa trưa gần như miễn phí tại quán rượu Devlin. Đó là sự thật, có cái bảng ghi rõ "Lối dành cho phụ nữ" và tôi bước vào và có cả một lũ đàn bà mặt mày đỏ gay, khủy tay xương xẩu và tất cả những gì bạn cần trả chỉ là một đồng năm xu cho một ly bia và một đồng đồ ăn nóng hổi. Chénh choáng hơi men một tí nhưng vẫn lên hướng Broadway - trước giờ tôi không quen uống bia - đúng là một khu đất vàng, Quảng trường Thống Nhất, Quảng trường Madison, Quảng trường Herald, xuyên qua Bảo tàng Nghệ Thuật - nó rất đáng được quý gởi bái phục - dạo xuyên qua Quảng trường Thời Đại, trung tâm thương mại Columbus, mua một gói bắp rang cho lũ chim bồ câu để cố gắng giữ nguyên hình mẫu kinh doanh / tượng trưng (cái thứ hình mẫu đại diện cho dịch vụ dân sự vô giá, gìn giữ cái quá khứ huy hoàng, rục rờ theo đúng triển vọng của nó), đi vào công viên, ngoằn ngoèo xuyên qua khoảnh thiên nhiên bao la, rộng lớn như là một điểm nhấn nổi bật trong cuộc trình diễn hoành tráng nhất trên Trái Đất, băng qua The Pond ở công viên Bryant, rồi qua Hồ nước lớn The Lake, rồi qua trung tâm giải trí The Castle, bỏ qua khu hồ nước the Reservoir nó không quá rộng và

không quá nhỏ, tự hứa với lòng là sẽ đi thăm Bảo tàng Nghệ Thuật lần tới, chỗ Harlem Meer (ngồi xuống nghỉ và nghĩ rằng tôi đã đi bộ đủ xa rồi), ra khỏi chỗ này thôi rồi hướng lên phía Bắc của Công viên Trung Tâm, lên hướng Lenox qua gần 37 tòa nhà để đến sông Harlem. Trời sập tối.

Chạy ra Đại lộ thứ Tám để hoan hỉ quay về nhà, mệt mỏi rã rời nhưng tốt cùng vui sướng với cả thành phố xoay cuông trong trí óc tôi như một hào quang sáng chói. Không có người Hà Lan nào ở khu Harlem. Tôi để ý trong khi tản bộ rằng nhìn chung, người da màu và người nước ngoài hoàn toàn khác nhau ở đây. Ở New York nhưng không có vẻ họ đang sống trong thành phố của một ai khác, ít nhất không phải trong khu phố mà họ đang sống. Cả vùng như là thành phố / thánh địa của riêng họ mà thôi. Vừa về nhà khi tôi đi qua khách sạn The Pier hay vùng Fourteen, tôi cảm thấy hơi buồn buồn và nghĩ rằng tôi thật sự may mắn làm sao không sinh ra ở khu phố Harlem đó, nhưng ở đây khi tao đi vào khu Harlem, tôi cảm thấy khác lạ, không tự nhiên khi tôi là một người da trắng. Đó là một khu phố đầy các nhà thờ, và mọi gia đình chỉ di dạo bên ngoài vào buổi tối. Tôi thấy thật đáng quan tâm. Nhưng tôi chẳng bao giờ nhốt mình trong nhà cả ngày khi tôi còn ở nhà cả, vậy đâu là sự khác biệt?

Mọi thứ ở New York như một bức ảnh. Tất cả mọi thứ thường được coi là bản thiêu hay thô ráp xù xì hay chưa qua tinh chế đều là những thứ đẹp đẽ nhất. Rác vỏ hộp dòn đống cuối các con hẻm trông có vẻ như chúng thức thâu đêm chuyện trò cùng nhau. Những ô cửa sổ khô tróc lớp sơn ngoài trông có như những nếp nhăn thông thái quanh mắt của người đàn ông từng trải. Tôi dừng lại và nhìn trừng trừng ô cửa nhưng không thể nán lại lâu

bởi người ta sẽ cho rằng tôi đang muốn rao bán thứ gì đó. Hay tệ hơn, muốn cuỗm thứ nào đó đi. Tôi ước ao mình có thể tàng hình nhỉ. Hay ít nhất tôi trông có vẻ không phải ai đó mà người ta muốn nhìn thấy. Người ta không còn là một phần của bức tranh nữa, họ dừng cuộc đánh cờ lại và ra khỏi khung tranh, cảm tâm nhìn của tôi. Họ thấy được gì khi họ nhìn tôi vậy kìa?

Ngày thứ Sáu, ngày 19 tháng Tư - Lạy chúa tôi, thánh Mary và thánh Joseph, tối qua tôi lên ra ngoài khi Giles còn say ngủ. Tại sao tôi đã không làm điều tương tự nhiều tuần qua nhỉ? Tôi đã nghĩ âm nhạc hiện diện khắp nơi suốt cả ngày, nhưng đêm thì chắc chẳng có gì cả. Vấn đề là tôi không thể lên vào bất kỳ chỗ hay ho nào mà không có ai đi theo cùng. Nhưng ở một chừng mực nào đó, nhắm nháp chút rượu vào ban đêm, những ngọn đèn đường, cuộc sống bên vỉa hè của xã hội ngoài rìa khu Broadway, phía sau những ô cửa sổ được giăng màn, những câu lạc bộ riêng tư kín đáo với cửa cuốn lúc nào cũng đóng im ỉm, âm thanh yếu đuối từ kèn trumpet và trống, những cái xe hơi dài nhất mà tôi đã từng trông thấy cũng đã đủ với tôi. Tôi đã nghĩ Harlem sẽ ngủ vùi khi tôi lên đến đó, hãy nghĩ về số lượng nhà thờ thì bạn thấy ngay, nhưng có lẽ nhà thờ cũng biến thành câu lạc bộ đêm như đồ chơi con nít bất thần sống dậy và cử động như thiết vì đó là một thành phố hoàn toàn khác - dù sao thì nó là như vậy trên các con phố chính. Cha thường nói rằng ở Ireland số lượng nhà thờ chỉ bị lép vế / qua mặt / vượt quá bởi số lượng các quán rượu. Đại lộ Lenox tập nập hàng đoàn người ăn mặc hào nhoáng, xa hoa, đẹp đẽ, hàng dãy dài xe hơi hạng sang nối đuôi nhau, một lô một lốc người da trắng, ngay cả những cặp đôi mà người da trắng đi với người da màu lũ lượt đổ dồn về rồi lại đi ra khắp mọi chốn.

Hơi bị trắng hóa một chút trong đêm. Tôi đang sắp sửa đáp trả lại người đàn ông đứng kế bên mình, khi hắn ta hỏi, “Cưng ơi, bạn trai của em đâu?” để rồi tôi có thể đi vào bên trong một nơi nào đó, bất kỳ nơi nào, miễn là nơi đó có âm nhạc, âm nhạc và âm nhạc. Tuy thế, tôi vẫn đến một nơi. Câu lạc bộ Jerry Chan’s Chop Suey ở giao lộ Canal và Bowery. Thật tuyệt. Đây là vận may của tôi: “Bạn có thể gặp một người khách lạ cao to, rám nắng và bảnh trai.” Thật là lãng mạn, phải không nào?

Ngày thứ Ba - Hôm nay, Kaiser bắt tôi đứng chân trần trong một xô nước đá trong lúc học xướng âm.

Ngày thứ Sáu - sáng nay ông ta đưa ra cuốn Phương pháp luyện âm của nghệ thuật ca hát Ý, của tác giả Vaccai. Tôi gần như phát khóc khi gặp lại người bạn thuở ấu thơ. Tôi không bao giờ nghĩ mình lại sung sướng phát cuồng như vậy khi bắt đầu mọi thứ lại từ đầu một lần nữa. Đúng là trời đất như sụp đổ! Ông Kaiser mở trang một ra, “Thang âm” - ít nhất là nó được ghi như vậy - rồi nói, “Chỉ nguyên âm thôi, nếu cô vui lòng làm”. Tôi nói với ông ta rằng tôi có thể đọc tiếng Ý, nhưng ông ta phớt lờ tôi. Vậy thế thôi. Ông ta vẫn chưa bắt tôi nhai thức ăn cứng đấy thôi. KHÔNG CÓ PHỤ ÂM NÀO HẾT (không thể nghe thuận tai được). Tôi ngấm ngấm bày mưu thủ tiêu ông ta thôi.

Bây giờ tôi có người đệm nhạc. Cô ấy chỉ là cỗ máy ông ta nhập khẩu để nhọc nhằn chơi bản Vaccai trong khi tôi quẩn quại dính với việc luyện nguyên âm. Tại sao tôi bực bội ư? Và ông ta thật “chạm mạch”, cả gan khi kêu tôi chú ý vào “thứ âm nhạc” mà cô ấy gảy đàn.

Ngày thứ Bảy - Tôi có thể nói khi nào một cây đàn piano đánh sai nhịp và, như vậy đấy, điều đó thật quan trọng.

Ngày thứ Hai - Tại sao tôi lại phí phạm thời gian của mình và của những người khác? Tôi không thể hát, đã quên mất phải hát như thế nào, đã quên mất tại sao tôi đã từng muốn hát. Bà Giles nói cho tôi biết tôi trông thật xanh xao, tốt thôi. Tôi sẽ nằm dài trên giường vào ngày mai vậy.

Ngày thứ Tư, ngày 01 tháng Năm - Ông quý Kaiser nổi điên khi tôi vừa bước vào, “Cô đã ở cái nơi quái quỷ nào vậy?!” Tôi bị bệnh. “Tôi không quan tâm nếu cô bò đến đây dù có đổ máu, cô phải có mặt! Lần sau cô mà lộn xộn như vậy, tốt hơn hết là tôi sẽ viết cáo phó cho cô luôn để cô không còn xuất hiện nữa, cô hiểu ý tôi chứ?”

“Vâng, thưa ông Kaiser”. Ông ta gào lên rằng ông ta sẽ đá tôi ra khỏi lớp nếu tôi bỏ một buổi học nữa.

Tôi đã không đáp lại, “Vâng, thưa ông Kaiser,” Tôi đã đáp, “Tôi xin lỗi, thưa ông”. Và đâu đó tôi chợt nghĩ, đồ quái quỷ, ông ta đã điên lên với tôi rồi mà, nên tôi nói luôn, “Thưa ông, tôi không cho rằng một ngày, luyện tập nhiều hay ít hơn thang âm sẽ mang lại bất kỳ sự mát mát trầm trọng nào cho thế giới âm nhạc cả.” Và ông ta tát tôi. Tôi nhìn sang cô gái đệm đàn - cô ta như được đúc từ đá. Cô ta không thèm nhìn tôi nữa. Cô ta chỉ đợi chờ ông ta ra lệnh, “Cô Lacroix, nốt Mi phụ”. Và cô ta bắt đầu đánh như là một cái đàn piano tự động mà bạn không thể tổng khứ nó đi. Tôi hát nhưng tôi không biết hát từ đâu nữa.

Nếu tôi kể cho cha nghe về chuyện này, chắc ông sẽ đến và giết chết ông thầy quý quái. Tại sao tôi lại không đánh trả lại nhỉ? Điều lạ lùng là, hôm nay, tôi cảm thấy như lần đầu tiên tôi hát những thang âm khốn khiếp đó. Tôi không thể giải thích, không thể giải nghĩa bằng lời, sự am hiểu thật sự về thang âm tự dưng

tuôn trào ra như thể tôi biết nó suốt thời gian dài nhưng lại không biết rằng tôi biết nó, và tất cả âm nhạc là nằm trong thang âm. Thang âm giống như là nơi an toàn mà âm nhạc có thể xếp gấp lại và tích giữ để trao dồi, bồi dưỡng. Như là những hạt giống.

Và thang âm nghe có vẻ thuần túy, tinh khiết đối với tôi. Như là đến nước đường cùng, nếu bạn bị đày tới một hoang đảo, bạn sẽ không vớ lấy Traviata hay Bohème, bạn sẽ chỉ lấy mỗi thang âm. Bởi nó chứa đựng hết thảy mọi thứ trong mình. Tôi hy vọng tôi không phải bị đánh đau mỗi khi tôi học một bài học gì đó lớn lao, vô tích sự.

Ngày thứ Năm, ngày 02 tháng Năm - Hát thành lời!

Ngày thứ Bảy - Hôm nay ông ta hỏi tôi liệu tôi có biết sự khác nhau giữa cảm tính và cảm giác.

Ngày thứ Hai - Hôm nay, ông ta bảo, “Giọng cô như một khuôn mặt kiêu diễm. Điều cô cần lưu ý là nắn bóp, biến hóa sự thô cứng của một thẳng hề rập xiếc.” Lời khen ngợi đầu tiên của tôi từ ông thầy Kaiser.

Ngày thứ Năm, ngày 09 tháng Năm - Ông Kaiser dàn xếp cho tôi thử giọng với Ông Gatti-Casazza, người giỏi nhất ở Nhà hát lớn! Ngày 12 tháng Mười Một. Ông ấy sẽ cho tôi hát một bài Aria. Bài Aria? Đó là cái gì vậy? Ông Kaiser nói rằng nếu tôi may mắn ông G-C sẽ cho tôi một chỗ trong dàn hợp xướng trong mùa biểu diễn tới. Và cuối cùng thì tôi cũng cả gan đáp lại rằng thà tôi trở về New

Waterford và để mười đứa con còn hơn là nhai đi nhai lại những giai từ trong dàn hợp xướng của Met, đứng sau lò sưởi Franklin nào đó của một nữ diva già nua. Không, bạn Nhật ký

yêu quý ơi - Tôi phải thật sự thành thật ngay lúc này! Tôi đáp ngay, “Thưa Ngài, tôi không phải loại ca sĩ hát trong dàn hợp xướng.” Và ông ta đáp lại, “Đó là câu trả lời chính xác, cô Piper.”

Ngày thứ Bảy - “Lắng nghe tiếng đàn, cô Pipah, cô không lắng nghe gì cả.” Tôi chán ngấy tiếng đàn piano đó. Đã đến lúc cây đàn piano đó bắt đầu lắng nghe theo tiếng hát của tôi.

Ngày thứ Hai - Tôi chạy đến hỏi thăm cô nàng đệm đàn, vô cùng nhã nhặn và lịch thiệp, là cô ấy chơi đàn bao lâu rồi cô nàng rướn một bên lông mày và đáp, “Tôi luôn chơi đàn trong suốt cuộc đời mình.” Ôi trời, hãy cho phép tôi quỳ xuống tôn sùng cô, cô Lacroix ạ, trời đúng là nhân sư / một người bí hiểm.

Ngày thứ Ba - Đúng là cô Lacroix đang liên minh với ông Kaiser. Cô ấy không thể chơi sai bất kỳ phím đàn nào. Cô ấy chơi đàn như một cây piano tự động và tôi được bảo là phải học hỏi theo gương cô ta. Sau khi nghe vậy, tôi nói thẳng với ông Kaiser là tôi cũng có thể chạy xuống nhà máy của Henry Ford và hát theo âm thanh, giai điệu của băng chuyền sản xuất tại đó. Tôi đã nói chính xác những lời như vậy và ông ta chỉ hơi nhún vai một chút. Có lẽ là ông ta đang trở nên mềm mỏng hơn. Có thể cách tôi không ngừng phản kháng ông ta đang làm ông ta dụi đi đôi chút, hay có lẽ - ối trời, thật là khủng khiếp - ông ta thích tôi. Cô gảy đàn vẫn chỉ liếc chào tôi mỗi buổi sáng khi chúng tôi cùng tập, cô ta nghĩ cô ta là ai kia chứ? Ông ta đào được cô ấy ở đâu lên vậy nhỉ? Tôi đã từng nghĩ người da màu được cho là có khả năng âm nhạc.

Ngày thứ Sáu - Cô ấy cũng có một cái tên đó chớ: Rose. Nếu bạn có thể gặp cô ấy, bạn có thể biết ngay cô ấy không hề giống cái tên của cô ta chút nào. Và còn thêm gì nữa đây, cô ấy thật sự

có thể chơi đàn piano.

Hôm nay tôi đến lớp sớm. Tôi nhìn thấy ông Kaiser đang tán gẫu với Hoàng đế uy quyền và đáng sợ nhất của ông ấy, Ông Gatti-Casazza ngay ngoài cổng, tôi chuồn nhanh qua và leo lên cầu thang. Đó là lúc tôi nghe thấy một thứ âm nhạc thăng hoa, tuyệt vời nhất. Lúc đầu, tôi đã nghĩ đó là bản Chopin, nó thật lãng mạn, trữ tình và đầy sâu lắng, nhưng tôi biết nó hơi khác một chút, sau đó tôi đã nghĩ đến bản của Debussy, nó cũng đủ mộng mơ nhưng không có nhiều khoảng trống / khoảng ngừng giữa vài nốt nhạc và cũng không nhiều khoảng ngừng giữa những thứ khác và những lúc đối nhịp, mọi thứ chỉ vút đi trước khi bạn kịp ghim nó lại và đột nhiên nhận ra, bắt gặp một giai điệu ngọt ngào sâu lắng, rồi nó chợt ngừng lại như cây cầu đang mắc kẹt giữa không trung và nó lại chuyển thành một cái gì khác, và rồi một loạt những giai điệu khác, bạn không bao giờ có thể ngân nga tất cả chúng cùng một lúc được, và cũng không thể đoán ra làm sao chúng lại có thể thuộc về / hòa hợp trong cùng một bản nhạc được như vậy và cho như các giai điệu hòa hợp ở một chừng mực nào đó, bạn cũng không thể biết là khi nào và làm sao bản nhạc này ngừng lại. Thật sự là bản nhạc không hề có kết thúc, nó chỉ ngừng lại thôi. Tôi cho rằng đó là một nhà soạn nhạc đương đại nào đó.

Dù sao thì cô nàng gảy đàn đã chơi bản nhạc đó! Cái cô nàng gảy đàn cáu bẳn và khó chịu đó. Cô ấy đã không nhìn thấy tôi. Ai đó nên làm gì đó cho quần áo của cô ta. Cô mặc đồ màu hồng, với kiểu tay áo phồng lên, váy xếp li và ngắn khoảng một inch trên đầu gối. Trông như là cô ta vừa bước ra khỏi nhà thờ khoảng hai mươi năm về trước. Có thể là loại hàng may sẵn rẻ tiền, có thể cô

ta lấy nó từ một mục già nào đó ở Hội Những Người Sống Mẩu Mực. Dù sao thì, khi cô ấy ngừng chơi đàn, tôi nói, “Bản nhạc thật tuyệt, ai viết nó vậy?” Và cô ta chỉ nhìn tôi trừng trừng. Nếu cái nhìn có thể giết chết ai đó. Vừa lúc đó thì ông Kaiser đi vào, vì vậy cuộc chuyện trò đầy vui vẻ của chúng tôi bị gián đoạn. Ông ta ra lệnh như thường ngày “Chúng ta bắt đầu với nốt Đô chính, cô Lacroix,” và bạn sẽ không bao giờ nhận ra rằng cô ấy là một nhạc sĩ. Nhưng tôi biết rõ điều đó.

Ngày thứ Tư - Cô Lacroix và tôi đang đóng tuồng trong cùng một trò chơi. Trò đó gọi là Kathleen Chạy Đến Đích Trước Ngài Kaiser và Lắng Nghe Cô Lacroix Chơi Đàn Piano, Cái Cô Nàng Giả Vờ, Làm Ra Vẻ Không Biết Cô Piper Đang Hiện Diện ở Đó. Tại sao lại có những hạng người không già yếu thì tàn bạo hay lập dị mà tôi gặp phải ở cái thành phố này.

Ngày thứ Năm -Sau khi thưởng thức bản nhạc cô Lacroix chơi vào mỗi buổi sáng trước giờ luyện thanh, tôi cảm thấy mình là một kẻ hoàn toàn mạo danh không có tài năng âm nhạc. (Cô ấy sẽ muốn biết điều này đấy.) Tôi vừa khám phá ra một trong những bí mật của cô nàng. Cô ấy chính là người soạn ra thứ âm nhạc tuyệt đẹp nhưng lạ thường đó. Nếu ngay cả như cô nàng “soạn” ra những bản nhạc đó tôi nghĩ cô nàng chỉ chợt nghĩ ra nó hay bịa ra những bản nhạc trong lúc cô nàng đang say sưa chơi đàn bởi vì các bản nhạc luôn luôn ngừng lại vào cái khoảnh khắc trước khi tôi nghe thấy tiếng cửa chính tầng dưới mở ra, có nghĩa là cô nàng đã trông thấy ông Kaiser đi vào qua lớp cửa sổ.

Ngày thứ Bảy - Sáng nay tôi đến lớp sớm hơn bao giờ hết và vi phạm tất cả mọi luật lệ từ trước đến giờ của ông Kaiser. Tôi hát bất cứ thứ quái quỷ gì tôi cảm thấy hài lòng, vui sướng và hạnh

phúc. Tôi đã hát Tosca! Tôi cảm thấy mình một tên tội phạm chính cống hay một người nghiện chứng cuồng dâm. Và khi cô Lacroix đến lớp, tôi nóng lòng được trông thấy nét mặt cô ta khi cô ta phát hiện ra rằng mình bị cản trở trong chính trò chơi của mình, nhưng tôi đã không muốn thừa nhận sự hiện diện của cô ta cũng như cô ta chẳng bao giờ thừa nhận sự hiện diện của tôi trong lớp học này. Cô ấy ra về và tôi đã có thể giết cô nàng chỉ trừ chuyện là tôi cho rằng / nghi rằng cô ta ra khỏi lớp để lạng lã đến phòng đợi trộm lắng nghe tôi từ nơi đó, vì không muốn cho tôi thấy sự hài lòng từ một khán thính giả.

Ngày thứ Sáu, ngày 31 tháng Năm - Năm được thóp của cô nàng rồi! Sáng nay, tôi đã đi đến đoạn kết của “Hãy để cho thiên thần âm nhạc tỏa sáng”, tôi đi lên lầu thật nhẹ nhàng và trườn qua cạnh cửa và Rose đang ngồi đó, ngồi trên ghế nghiêng vào tường, nhắm nghiền đôi mắt. Nét nhìn nghiêng của cô ấy gây ấn tượng mạnh mẽ. Tôi ao ước tôi có thể vẽ lại nó. Cô nàng mang đầy vẻ ngạo mạn với đôi mắt nhắm nghiền. Đặc biệt với đôi mắt nhắm nghiền. Trán cô cao rộng và mũi dọc dừa, tất cả như điểm tô cho cái tôi của cô nàng, luôn chọc gai ai đó và đôi môi mím chặt lại như gói đệm đen huyền. Gần như là tím. Đôi môi tôi chỉ có thể trông giống như vậy một tí nếu tôi chu môi hôn mà thôi, nhưng cô nàng không có vẻ gì là cô ấy đang đợi chờ một nụ hôn từ bất kỳ ai hết. Đôi mắt cô ấy rướn lên nhẹ nhàng hầu như nhìn vào một khoảng không nào đó như thể cô nàng đến từ Phương Đông. Cô ấy có xương gò má cao và một lún đồng tiền trên má, cái lún đồng tiền hoàn toàn quá lãng phí dành cho cô gái này, và đó là khi cô cười để lộ lún đồng tiền, làm tăng thêm nét duyên / sức hấp dẫn của người con gái đó. Cô nàng làm tôi nhớ đến bức họa

về phụ nữ Châu Phi trên áp phích quảng cáo của P.T. Barnum ngoại trừ cô nàng không đeo vòng quanh cổ. Và cô nàng không đội khăn xếp nhiều màu sắc sỡ, tóc cô thắt bím hai bên với dải ruy-băng nhỏ, làm tăng vẻ ngoài bướng bỉnh của cô nàng. Không kể đến cái váy kiểu như Pollyanna có rất nhiều nếp gấp của cô ta. Cô ta không có mẹ ư? Hay một cái gương soi? Tôi nhận thấy tất cả những điểm trên trong vòng ba giây trước khi cô nàng mở mắt và trông thấy tôi. Cô chẳng nói một lời nào, chỉ đứng dậy, tiến tới phòng luyện thanh và bắt đầu chơi đàn. THANG ÂM. Rồi cô ta bắt đầu lên tiếng, và tôi nên phải đập chết cô nàng như đập một con ốc sên vậy. Cô ta nói mà chẳng thèm nhìn tôi, “Cô đang thêu dệt mọi chuyện lên trong đầu cô. Đó chỉ là một phần trong quá khứ.” Tôi đã từng nói cho bạn biết là cô ta cao năm feet mười chưa vậy?

Hai giờ rưỡi sáng - Giai điệu Harlem cứ luẩn quẩn, ám ảnh trong tâm trí! Nhưng mặt trời bắt đầu mọc rồi, chúc ngủ ngon nhé, bạn nhật ký yêu thương.

Ngày thứ Bảy - Bạn có thể rên rỉ như cây đàn saxophone đó, bạn có thể bách bộ như cây guitar bass đó, bạn có thể chuyện trò như cây kèn trumpet đó và đập mạnh như cái trống kia không? Vậy thì mày đang làm gì ở nơi đây, nơi xa nhà đến hàng ngàn cây số, cô gái bé nhỏ kia ơi?

Ngày thứ Hai, ngày 03 - David thì quá ngưỡng ngừng đến nỗi anh ta không thể khiêu vũ được nhưng có hàng tá gã trai khác sẵn sàng khiêu vũ cùng tôi và tôi thấy hoàn toàn được che chở, bởi, rốt cuộc thì, tôi cũng có một vệ sĩ. Anh ta khó chịu, thấy chướng tai gai mắt khi tôi khiêu vũ bên một gã trai da màu tên là Nico nhưng anh ta phải cho qua chuyện đó thôi, tôi không thể hiểu nổi tại sao màu da lại có thể gây ra một cuộc bạo loạn, hiềm

khích như vậy. Tôi đang tự hỏi có điều gì giống như vậy đang diễn ra ở khu Pier bên cảng hay Đại lộ thứ Mười Bốn hay không? Tôi đang rất nóng lòng tìm hiểu cho ra lẽ chuyện này. Tối mai, David sẽ dẫn tôi đến Ziegfield's Follies. Có lẽ tôi sẽ giới thiệu / đưa anh chàng đi gặp Giles chơi.

Ngày thứ Ba - Bây giờ tôi muốn trở thành một cô gái nhảy nhót trong ban nhạc, tôi đang tính học lớp nhảy điệu clacket, quên hẳn nhạc opera đi. Tôi nghĩ đây là một thành phố mê hoặc, huyền bí nơi bạn có thể nghe với những đôi tai khác nhau và có thể nhìn với những đôi mắt khác nhau. Tôi có cảm tưởng như trước giờ tôi đang sống dưới hầm mộ mà thôi.

Ngày thứ Tư - Tôi thật tức trách, nhật ký dấu yêu ơi, làm sao mà tôi lại không kể với bạn về David lúc trước nhỉ?

David là một người lính, vệ sĩ của tôi. Anh hỏi tôi, "Làm ơn cho tôi hỏi, thưa quý cô, tôi có thể ngồi ở chỗ này không?" Anh mười chín tuổi và anh đang trên con đường đời tiến về phía trước. Anh vui vẻ, tự tin và yêu đời. Ít nhất thì cách anh ăn mặc nói lên điều đó. Giọng anh nói chuyện thật ngọt ngào và dễ chịu. Anh là nông dân và cha anh đã tức điên lên với con mình vì anh nhập ngũ nhưng anh đã quyết như vậy. Anh muốn trải nghiệm cuộc sống đôi chút trước khi bị trói buộc bên cái cày, cắm mặt vào thửa ruộng cho đến hết đời và ai có thể buộc tội anh vì làm điều đó được? Tôi gặp anh ở Chan's, nơi tôi thường đến đọc sách và ăn chút gì đó trước khi tôi bị nghiền nát ở lớp luyện thanh. (D. cao lớn và khá đẹp trai, nhưng tôi cho rằng anh không thể là người đàn ông trong đời mình vì tóc anh hung đỏ và mắt xanh dương. Dù sao thì, chúng tôi đã đi cùng nhau tới mười lăm câu lạc bộ đêm và chúng tôi dừng lại ở một nơi, nửa nhà hát nửa quán rượu,

tên là Club Mecca (Quán Mecca). Nó ở tận Harlem trên Đại lộ số Bảy và tôi đã phải lôi chàng lính của tôi vào trong quán. Và đó là nơi tôi thưởng thức NHẠC JAZZ.

Làm thế nào mà tôi có thể mô tả thứ âm nhạc này nhỉ? Ở nhà tôi từng nghe mẹ tôi chơi nhạc ractim (của người Mỹ da đen) nhưng Jazz lại là thứ gì đó hoàn toàn khác.

Ngày thứ Sáu, ngày 07 tháng Sáu - Cô nàng ngọt ngào Jessie Hogan thật là một ca sĩ tuyệt vời. Tôi không phải là một ca sĩ.

Ngày Chủ Nhật - Tôi dẫn David đến chơi với bà Giles. Anh thích nói chuyện với bà. Anh ăn tất cả thức ăn bà nấu. Bà đưa cho anh xem một cuốn album hình cũ kỹ, và hơi rách nát - bộ sưu tập hình ảnh của những bà cô không chồng - và hoặc anh thật sự là một nghệ sĩ lớn, nếu không thì anh lại không thật sự thích thú đến vậy.

Ngày thứ Ba - Jazz.

Ngày thứ Tư - Lắng nghe, thưởng thức Razzmatazz.

Ngày thứ Năm - Tôi có thể đổi chác, đánh đổi mọi thứ. Tôi có thể mạo hiểm, Tôi Có Thể Điên Dại, nhưng Tôi Không Ngốc Nghếch, vậy Hãy áp ử Tâm Hồn Tôi Trong Cái Nôi Của Tình Yêu.

Ngày thứ Sáu, ngày 14 tháng Sáu - Một câu đố khó: làm sao tôi có thể hát, luyện thang âm với ông Kaiser ở khu phía trên ở bờ Tây của cái thành phố New York này, trong khi cách đây nhiều cây số, ở khu phía Đông Bắc này, cô nàng ca sĩ Jessie Hogan ngọt ngào, danh ca của cái quán Club Mecca, đã cống hiến hết mình cho đêm jazz tuyệt vời tối qua? Cô Hogan có từng luyện thang âm không nhỉ? Cô ta có từng chịu đựng như tôi không nhỉ?

Ngày thứ Bảy - Giọng cô cao như mười hai cây kèn saxophone

và kéo dài ngân nga tựa xe lửa chuyên vận chuyển, cô ấy ăn mặc một màu vàng lấp lánh, ban nhạc chỉ có thể cố gắng chơi để theo kịp cô ấy. Cô ấy không phải là một quý bà thật sự. Tất cả các bài cô hát đều buồn rầu hay liên quan đến tình dục đến kinh ngạc. Đó là nhạc Blues. Cô hát về cái chân đau, về các mối quan hệ xác thịt, món ăn nướng, giết chết người tình, đau khổ vì tình, về những người đàn ông được gọi là cha, những người đàn bà ăn mặc như đàn ông, công việc, hay chỉ cầu trời mưa. Những chuyện cứ đến rồi đi. Rượu Whiskey và thuốc giảm đau. Cô ấy kể những câu chuyện giữa chương đoạn trong Thánh Kinh và mọi người trong cái quán nhỏ bé này gào lên, đồng tình với mọi câu chuyện cô kể đều chân thật / đúng với cuộc sống. Hãy tưởng tượng nhé - càng nhiều khoảng gián đoạn (khán giả vỗ tay, gào thét trong lúc cô hát), càng nhiều lời tán thưởng, ngợi khen - như là một dàn đồng ca thật sự vậy. Bức chân dung của cô nàng Jessie Hogan treo ở Met (Nhà hát Thành phố). Giọng opera hay nhất chính là giọng Blue cao.

Ngày Chủ Nhật - David nói rằng nếu như anh bị giết chết / hy sinh trên mặt trận, anh không muốn chết mà “không bao giờ biết tình yêu là gì”. Dịch lại thành: anh không muốn chết khi vẫn là trai tơ. Tôi không tin anh là trai tơ, nhưng tôi là một cô trinh nữ, nhưng tất cả sẽ được giải quyết bây giờ thôi. Tôi không muốn bất kỳ gã trai nào nghĩ là David có một tài lẻ đặc biệt nào đó để “dạy tôi” và ngoài ra thì, David rất dễ thương. Chúng tôi đặt phòng trong hai giờ đồng hồ. Anh nói cả hai chúng tôi đều mới mẻ trong chuyện này nhưng người đàn ông đang ngồi trên cái bàn đó trông có vẻ lo lắng lắm. Ừ thì, tôi thích phần hôn nhau và đoạn kế tiếp nữa.

Và tôi không phiền lòng nếu cả hai được thoải mái nghỉ ngơi nhưng anh dường như muốn nữa, muốn nhiều hơn - ừ thì, anh đã lên đến được cung trăng còn tôi thì vẫn ở trên mặt đất. Và anh trông có vẻ hoàn toàn thỏa mãn như một con chó con ngu ngốc, ngọt ngào rồi nói, “Anh yêu em.” Tôi cảm thấy như chúng tôi vừa bước vào hai bức ảnh động khác nhau hoàn toàn và không biết nó là gì.

Ngày thứ Ba - “Đừng đòi hỏi, yêu sách những việc nằm ngoài kinh nghiệm của cô, cô Pipah ạ. Nếu cô chưa bao giờ chịu đựng hay đau đớn, đừng ngụy tạo ra thứ giống với sự chịu đựng hay nỗi đau đớn. Nếu cô không bao giờ yêu ai cả, đừng xúc phạm đến khán thính giả với sự ngọt ngào giả tạo.

Ngày thứ Tư - Tôi nghĩ là tôi yêu David. Hay ít ra, khi chỉ hai chúng tôi ở bên cạnh nhau, tôi cảm thấy là tôi yêu anh. Nhưng sau đó, tôi lại chẳng nhớ, chẳng nghĩ về anh chút nào cho đến khi tôi gặp anh, vậy đó có thể là tình yêu không? Tôi nhận thấy thứ gì đó buồn cười hôm qua, tôi nhận ra rằng tôi chưa từng nói cho anh hay tôi là một ca sĩ. Tôi tự hỏi anh có nghĩ tôi làm việc gì cho cả ngày dài không?

Ngày thứ Bảy - Tình dục rất tốt, có lợi cho chất giọng. Tại sao họ lại không dạy bạn điều này ở trường nhỉ?

Ngày Chủ Nhật - Đây là ngày xin tội. Thành thật mà nói, tôi không tin Chúa Trời quá chán hay phóng dăng đến nỗi Ngài để tâm thân thể và các bộ phận khác trên người tôi va chạm, gần gũi đến nhường nào đến thân thể của một ai đó.

Ngày thứ Hai - Tôi không thể ngừng nghĩ về David (theo) cách mà bạn đã biết rồi đó.

Ngày thứ Ba - Hôm nay tôi nhận một lá thư của cha hỏi xem liệu tôi có sống ổn không vì đã lâu rồi tôi không viết thư về nhà. Tôi thấy thật có lỗi, tôi ngồi xuống viết cho cha ngay lập tức. Tất nhiên là không viết về Mecca rồi. Hay là David. Tôi viết kể cho cha nghe tất cả mọi chuyện khác. Và tôi gửi cho hai thú cưng yêu dấu của mình hai con búp bê trai mặc đồ thủy thủ, một cho Mercedes và một cho Frances.

Ngày thứ Sáu - ngày thứ hai mươi tám - Hôm nay tôi bật khóc trên xe điện công cộng không hiểu vì lý do gì. Đường phố rất đông đúc và tôi trông thấy một bé gái nhỏ nhắn có bím tóc đen và vàng giống hệt như Frances bé bỏng của tôi thì bàn tay một người phụ nữ vuốt ve mái tóc cô bé. Đó là bàn tay của mẹ. Khớp đốt ngón tay của mẹ nhăn nheo và mềm mại và những đường tĩnh mạch, rồi những đường trong lòng bàn tay trông như máu khô đi trên cát. Cổ họng tôi nghẹn đắng và tôi khóc trước khi tôi hiểu chuyện gì. Và tôi cảm phẫn. Xe điện công cộng trở nên vắng người và tôi trông thấy vẻ mặt của người phụ nữ. Đó là một người phụ nữ da màu. Tôi bắt đầu không thể hình dung, nhớ ra khuôn mặt mẹ chút nào nữa nhưng tôi có thể nhớ chính xác bàn tay của mẹ. Bà đã từng nói “Salaam idEyyik”, cầu Chúa ban phúc cho đôi tay của con.

Ngày thứ Bảy - Hôm nay Rose Lacroix đang đứng đó đợi tôi thì tôi vừa đến và cô ta hỏi tại sao trước đây tôi đã không đến lớp sớm như hiện nay, tôi đáp, “Cô nhớ nhưng tôi sao?”. Cô ấy đỏ mặt thẹn thùng. Bạn có cho là rõ ràng khi nói rằng cô ấy khá đen, nhưng rất cuộc thì nó không đến nỗi rõ ràng như vậy. Suốt cả ngày đó, cô ta không thêm nói chuyện với tôi nữa lời và tôi ân hận vì đã khiếm nhã trả lời như vậy, nhưng ít ra cuối cùng thì tôi cũng

có cái gì đó gọi là đối thoại giữa con người với nhau từ cô ta. David rời tôi đi Pháp. Anh khóc nhưng tôi chẳng khóc tí nào và tôi thậm chí xấu hổ khi bảo anh rằng tôi yêu anh. Đó không phải là lời nói dối hoàn toàn, tôi có thỉnh thoảng yêu anh.

Ngày thứ Hai - Ngày 01 tháng Bảy - Nữ hoàng của Sheba vẫn không thèm nói chuyện với tôi nữa lời. Hôm qua tôi hỏi nếu cô có muốn đi uống cà phê với tôi không thì cô đáp, “Không, cảm ơn,” và tôi lại hỏi cô lần nữa hôm nay rồi cô nàng cũng đáp trả lời chối từ tương tự. Tôi hỏi thẳng, “Tại sao không?” Và cô ta ném cho tôi một trong những cái nhìn kiêu kỳ, ngạo mạn như thể con mèo con đang thừa chuyện cùng Nữ Hoàng rồi đáp, “Tôi có tinh thần trách nhiệm.” Như thể tôi chẳng có tinh thần trách nhiệm nào hết. Như thể dẫm bước chân chinh phục lên Malibran và Patti không phải là một trách nhiệm (chỉ việc mời một người khó chịu đi uống cà phê). Như thể thân thiết, vui vẻ với thiên tài của các nhà soạn nhạc từ Monterverdi đến Puccini là trò chơi con nít. Lacroix sẽ luôn viện ra cơ nếu cô ấy không trở thành một Paganini bên cây đàn piano, nhưng tôi không xa xỉ như vậy.

Ngày thứ Ba - Tôi vào kỳ kinh nguyệt ngày hôm nay, cảm ơn Cha, mẹ Mary, thánh Joseph và các thánh thần.

Ngày thứ Tư - Ông Kaiser bảo tôi sáng nay rằng, “Chào đón trở lại, cô Pipah.” Tôi chưa từng lần đi đâu hết và tôi đáp lời ông ta như thế, nhưng ông lại nói, “Có, cô đã từng như vậy,” và rằng nếu tôi không trình diện trước ông ta cả về thân thể hay trí óc từ giờ trở đi, ông ta sẽ hủy buổi thử giọng của tôi. Tôi thề bỏ các buổi lang thang dạo đêm cho đến sau ngày 12 tháng Mười Một.

Ngày thứ Bảy - Làm việc

Ngày thứ Ba - Tôi nhận được thư của David. Anh hỏi cưới tôi! Tôi dự định sẽ viết thư hồi đáp càng dễ thương, dịu dàng đến mức có thể - nhưng tôi thật sự viết một lá thư dễ thương như vậy. Chẳng bao lâu nữa tôi sẽ cưới một anh lính đánh mìn. Bạn có thể hình dung tôi trở thành vợ nông dân không? Ở Montana? Trời đất ạ, vùng đó phía dưới tỉnh Winnifried! Nhưng đây là những gì xâm chiếm tâm trí tôi: trong một lúc lâu tôi chỉ nghĩ nhiều về chuyện ái ân, chơi đùa với David trong phòng khách sạn nồng nặc mùi hôi hơn là công việc của mình. Tôi quan tâm nhiều hơn đến chuyện một người phụ nữ da màu ca hát trong một quán rượu chui có một trăm ghế ngồi với một lũ nhạc sĩ không hề biết đọc một nốt nhạc, hơn là sự nghiệp của chính bản thân mình trong một Nhà hát vĩ đại, nổi tiếng nhất trên toàn thế giới. Cha chẳng gửi tôi đến đây vậy tôi có thể lè mề, chậm chạp trong việc mình một chút, tôi có thể làm điều đó ở nhà đó thôi. Từ bây giờ trở đi, tôi chỉ bắt đầu lắng nghe thứ âm nhạc thực thụ tại những buổi học khai hóa này. Điều gì thật sự làm cho tôi không bao giờ kể với David rằng tôi là một nhạc sĩ, hay anh chưa từng hỏi bao giờ. Anh thật sự không biết chút gì về tôi cả, nhưng anh sẵn sàng kết hôn cùng tôi.

Ngày thứ Sáu - Ngày thứ 12 - Cô nàng bắt kịp tôi trên đường tôi rời lớp luyện thanh và nói, “Cô đã làm việc thật chăm chỉ.” Ai bảo cô ta điều đó? Tôi giả vờ không nghe thấy cô ấy nói cái gì. Cô ta đã có cơ hội kết bạn với tôi lúc trước và cô ta đã phá hủy nó.

Ngày thứ Bảy - “Cô Piper, bài hát này không phải là kẻ thù của cô đâu.”

Ngày thứ Ba - Tôi không có chút tự trọng nào. Tôi đã hỏi cô Chuyên Gia Âm Nhạc là cô ta có ý gì khi nói “Cô đã làm việc thật

chăm chỉ” và cô nàng rất thích thú chuyện đó, tôi có thể thấy được vậy. Cô dừng lại, thoáng qua một chút ngại ngùng, rồi cô đáp, “Hôm nay tôi phải về thẳng nhà mình, nhưng trưa mai, chúng ta có thể đi đến nơi nào đó và trò chuyện.”

Ngày thứ Tư - Ngày 17 tháng Bảy - Cô nàng là người thông minh nhất mà tôi từng gặp gỡ chuyện trò! Ngoại trừ cha tôi ra. Cô không giống bất kỳ người nào khác.

Cô không có giọng New York hay một chất giọng nào đó thộc phía Nam Harlem. Tôi đang tự hỏi cô ấy từ đâu đến? Có thể cô ta giàu có.

Ngày thứ Bảy - Chúng tôi đi đến quán cà phê ấm cúng, dễ thương Abernathy’s mỗi buổi trưa. Cô nghĩ âm nhạc đã rõ ràng hiện hiện ngoài kia bay bổng xung quanh và thực sự phụ thuộc vào mỗi chúng ta có chịu mở lòng mình để âm nhạc chan hòa, thâm nhập vào thế giới của riêng mỗi chúng ta để chúng ta có thể nghe, có thể thưởng thức nó. Mặc dầu thế giới ngập tràn âm nhạc, chúng ta không thể nghe với “một đôi tai trần tục”. Và hôm nay, trong lớp học, tôi thầm nghĩ, ừ thì, bài hát như nó được làm ra để hát đang lung linh lấp lánh xung quang tôi như không khí trên sa mạc, và tất cả những gì tôi có thể làm là đón nhận nó. Và rồi tôi nhắm mắt lại và mở rộng lòng mình ra và để âm nhạc xuyên thấu, tan chảy trong tôi, và tôi nghĩ, “Không có chuyện hát bài hát, chỉ là phóng thích, giải thoát âm nhạc đó thôi.” Khi tôi chấm dứt bài hát, ông Kaiser gật đầu. Tôi nhìn Rose và cô chỉ lặng lẽ mỉm cười qua phím đàn.

Ngày thứ Hai - Cô ấy nói tôi thật sự là một ca sĩ có giọng nữ trung. Cô ta chắc là bị điên rồi.

Ngày thứ Ba - Tôi hỏi cô nàng coi cô có thích đi ăn món thập cẩm không. Nhưng cô không thể đi bất kỳ đâu hay làm bất kỳ điều gì ngoài nửa giờ uống cà phê cùng nhau và cô sẽ không kể cho tôi biết tại sao hay cô ấy ở đâu hay bất kỳ điều gì khác. Cô giả vờ ra vẻ đề tài tế nhị và chuyển sang đề tài khác nhưng tôi quyết phải tìm cho ra bí mật của cô nàng là gì. Có thể cô rất nghèo đến nỗi cô ngưng ngưng khi cho tôi biết nơi cô sống. Có thể cô đã kết hôn. Có thể cô đang có một đứa con ngoài giá thú.

Ngày thứ Tư - Cô nói, “Malibran cơ bản chỉ là giọng nữ trầm với phong thái cứng rắn, mạnh mẽ.” Malibran hát Desdemona và Otello. Và Romeo và Giulietta. Và bất kỳ cái gì ở giữa như vậy. Nhưng đó là chuyện hầu như của một trăm năm trước đây, không ai được phép làm như vậy nữa. Cô đáp ngay, “Trước đây, họ cũng không được phép hát như vậy”

Ngày thứ Năm, ngày 25 - Tôi mời Rose ăn bữa tối. Tôi nghĩ có thể cô nàng không có tiền để ăn món thập cẩm. Cô không nghĩ gì về điều đó chút nào cả, cô chỉ chối từ và cảm ơn.

Ngày thứ Sáu, ngày 26 - Tôi theo dõi cô nàng. Cô sống ở tòa nhà thứ ba ở số 851/2 đường thứ 135 giữa Đại lộ Lenox và Đại lộ thứ Bảy, chỉ vài bước ngang qua một tiệm thịt, mà cái tiệm này bị nhét, kẹt giữa một phòng nha và cửa hàng bán đồ lót đàn ông có tên là “Trung tâm mua bán dành cho quý ông Dash Daniels Harlem”. Cứ theo đường thứ 8 đi thẳng lên.

Ngày thứ Bảy - Hôm nay tôi lại theo dõi cô nàng và cô gần như bắt gặp tôi vì cô chạy khỏi tòa nhà quay lại hướng tôi chỉ năm giây sau khi cô bước vào bên trong tòa nhà. Tôi né mình sau ô cửa và thấy cô gọi điện cho cửa hàng thịt. Một đứa nhóc mời tôi

ném thử kem vị cây mâm xôi. Tôi le lưỡi liếm kem và vì một lý do nào đó, đứa nhóc nghĩ tôi là người vui nhộn.

Ngày của Chúa - Ngày Chủ nhật được ban phước lành. Đi nhà thờ với bà Giles và cô Morriss thật sự là một sự đày ải. Tôi đi lên đường thứ 135 để xem coi liệu tôi có gặp Rose ở đó không, và nếu cô nàng rời nhà, tôi sẽ đi theo cho đến khi khoảng cách cô đi đủ xa để tôi có thể viện cớ là “gặp nhau tình cờ.”

Tôi đến đó và âm nhạc đang vui nhộn len qua ô cửa sổ lầu hai - nếu cái nhà thờ mà tôi mới dự lễ có thứ âm nhạc thế này, tôi hẳn sẽ là người mộ đạo. Nó thật tuyệt vời. Ai đó đang đánh đàn piano và có thể là, tôi chỉ đoán thôi, một người chỉ huy dàn nhạc, và có sự đồng điệu hòa hợp cùng bài hát, tới lui, tới lui, có người biểu diễn độc tấu, thêm thắt vào cuộc trình diễn như thể bạn chưa từng nghe tại một nhà hát baróc nào, và tôi thề rằng, tôi thấy cả khu nhà đang rung chuyển theo âm nhạc. Tôi đoán đó là trạng thái sung sướng say mê. Đám đông đi dự lễ trong ngày nghỉ Chủ Nhật đẹp nhất bắt đầu túa ra trên mọi nẻo đường và một người phụ nữ to lớn, đội nón cắm nhiều hoa hơn là chúng được trồng ở New Waterford trong cả mùa hè, xuyt đuổi tôi đi chỗ khác nói, “Đây là một khu phố yên lành.”

Nhưng người đàn bà có khổ người to như nhà thờ kia đạt được mục đích của bà ta (xuyt đuổi người khác đi chỗ khác) vì bà ta che chắn tôi thoát khỏi tầm nhìn của người mà bạn biết là ai rồi đấy, khi cô cũng ra khỏi đám đông, ăn vận nhập nhằng, phô trương theo lối ăn mặc luôn gây bối rối, không hợp mốt của cô nàng và tôi tự hỏi liệu có phải chính cô điệu nghệ trên các phím đàn trên đó không. Theo một cách nào đó tôi không thể hình dung được nó - mặc dù tôi muốn. Rose tiến về hướng tây và tôi đi

theo cô. Cô đến Đại lộ Số tám. Tôi theo sau cô cả đoạn đường đến khu Tây thứ 14, nơi cô ấy dừng lại, đi dọc xuống Greenwich, quẹo vào con đường của tôi và đi thẳng tới tòa nhà tôi! Tôi cảm thấy như tôi đang ở trong một trò chơi. Người gác cửa làm khó cô và tôi đi vào trong và thì thầm nói khẽ.

“Cảm ơn Ernie, tôi sẽ lo chuyện này” và anh nói “tôi xin lỗi thưa cô, tôi nghĩ quý bà trẻ đã vào nhầm nhà.”

Tôi như sắp điên người lên để nói với cô là tôi đã theo cô suốt cả đoạn đường từ nơi cô ở, nhưng có một điều gì đó đã mách bảo tôi rằng cô sẽ chẳng thấy buồn cười về việc đó - chính xác tôi chỉ nhìn cô ấy mỉm cười (cười mỉm chi) duy nhất một lần. Và không bao giờ cười to. Vì thế tôi cố gắng không cười, và trông cô rất nghiêm túc như thường lệ khi cô lấy trong túi da và mang ra vài mẫu nhạc. Cô đưa nó cho tôi và nói, “tôi nghĩ cô phải xem cái này”. Sau đó tôi đáp lại cảm ơn, và cô nói tạm biệt. Cô dự định về nhà ngay! Nhưng tôi nói hãy đến đi dạo, và cô ấy đồng ý.

Tôi mở giấy viết nhạc ra khi chúng tôi đến Quảng trường Washington và đó là “Osiecau Rebelle” và Rosina’s “Una Voce Poco Fa” của Carmel. Cô nói chúng đối lập với với “Cherubino” và “Let the Bright Seraphim” (Hãy để ánh dương tỏa sáng) - và Mr Gatti Casazza sẽ chắc chắn đề nghị tôi hát một cái một cái gì đó ngay khi tôi đã chuẩn bị và nên như thế. Cô ấy tặng món quà cho ai đó như thể cô vận chuyển bức điện tín có gờ đen. Tôi nói, “Hãy cho nó qua một bên việc cô cho rằng tôi có một giọng nữ cao, không phải là giọng nữ trung, tại sao cô lại giúp tôi?”

Và cô nói, “Cô sẽ trở thành một trong những ngôi sao bằng cách này hay cách khác, nó rất là hiển nhiên.” Tôi nói nó không hiển nhiên với tôi tí nào hết, tối thiểu là không phải bây giờ, và cô

nói, “Thầy giáo của cô biết điều đó, ông ấy đã kể cho Gatti Casazza những điều đầy hứa hẹn. Có rất nhiều ca sĩ nhưng người có chất giọng như cô thì không thường có cho lắm. Cũng như bao phẩm chất khác “Cái khác gì nữa đây, tôi hỏi. “Sự hiện diện / có mặt đầy đủ trên lớp.”

Cô ấy nói tất cả những điều ấy như thể cô là bác sĩ đang chuẩn đoán tôi một căn bệnh hiểm nghèo. Tôi hỏi “Cô vẫn chưa trả lời tôi là tại sao cô giúp tôi”. Và cô đáp, “người ta trả tiền để đi nghe những ngôi sao hát. Tôi nghĩ họ nên nghe âm nhạc với chính cách hưởng thụ, cách nghe thật sự về âm nhạc”. Vì thế cô đang làm công việc phục vụ dân chúng à? Cô chắc chắn biết rõ về chính mình. Tôi hỏi nếu cô có đồng ý với mọi người là Kaiser là một trong những thầy giỏi nhất trên thế giới. Cô nói “ông ta là một nhà kỹ thuật rất xuất sắc. Cô có thể học được rất nhiều từ ông ta, có thể không học được cái gì hết, tất cả điều vô lý mà cô đã làm trước đây. Bây giờ cô hãy dừng hát lại và bắt đầu lắng nghe chúng hơn.” Cô có thể bán tháp Eiffel cho một người Pháp. Tất cả những gì cô nàng nói tựa như sương khói, bạn không thể nắm bắt được chúng và cơ bản chúng vô nghĩa. Nhưng nó có hiệu quả. Cô ấy không thể ở lại cho buổi tối. Cô ta mười chín tuổi; tôi hỏi tuổi cô.

Thứ năm - tôi chạy thật nhanh sau buổi học nữa, để có thể bắt được cô, và hỏi ý kiến cô về công việc. Cô đáp lại tôi “bạn nên trả tiền tôi cho cái này,” vì thế tôi đã đề nghị tôi sẽ trả tiền. Tôi nghĩ Rose sẽ bị xúc phạm bởi việc trả tiền nhưng có vẻ như thể cô đang cân nhắc việc đó. Cô nói, “bạn nghĩ là tôi có thể dạy vì tiền à?” tôi nói vâng, nhưng việc đó thật vô nghĩa. “Tại sao?” bởi vì quà của bạn như nhà soạn nhạc và nhạc sĩ, tôi nói. Sau đó cô bắt đầu

đi dạo nữa và tôi nói dọc theo đường đi, “tôi không phải là nhà soạn nhạc. Tôi chỉ bịa ra thôi. “ Tôi kể cô nghe những gì mà tôi gọi là soạn nhạc, nhưng cô nói cô không ghi nó xuống. Nó khác nhau mỗi lần tôi chơi đàn. “ Vì thế ngồi xuống đây”, tôi bảo với cô. Và cô nói, “không.”

“Tại sao không” tôi hỏi.

“ Bởi vì bạn sẽ giết chết con chim mát” cô nói.

Cô thật lạ lùng. Nhưng tôi biết chính xác cô muốn nói gì. Tôi chưa từng nghe bất cứ người nào nói như cô ấy, cách chơi đàn như cô ấy, khi tôi nghe cô ấy chơi, tôi cảm nhận như thể tôi đang nghe âm nhạc lần đầu tiên. Và âm thanh thật đẹp đã làm nhói lòng tôi. Tôi đề nghị cô ấy quay lại căn hộ chung cư của Giles và chơi đàn. “Làm ơn đi”, tôi nói, “làm ơn, làm ơn, làm ơn đi”. Và cô không khước từ ngay tức khắc, một hồi lâu cô nói, “tôi rất thích, tôi cũng muốn mời bạn đi ăn tối. Nhưng tôi không thể vào tối nay,” Ngày mai thì sao?” ; “Tôi sẽ hỏi”, và cô đáp. Hỏi ai, tôi thắc mắc nhưng không hỏi. Tôi không muốn để con chim bay đi.

Buổi tối - Frances gửi tôi bức vẽ của chính cô ấy vẽ tôi đang hát. Thật không tin nổi. Và bạn biết điều lạ nhất là gì không? Cùng với những dòng nốt nhạc bay nhảy ra từ miệng tôi, có một con chim nhỏ!

Thứ sáu 2 tây tháng tám, 5:45 tối - cô đến ăn buổi tối! cô sẽ ở đây khoảng 15 phút.

Sau đó:- Ít nhất là Giles không kỳ thị hay có thành kiến gì. Bà hành động bình thường khi tôi giới thiệu Rose như bạn tôi, một người đồng hành. Rose - cuối cùng cô bảo tôi gọi cô Rose, tôi bảo cô gọi tôi là Kathleen như cách đây nhiều tuần và cô không còn

gọi tôi là cô Piper nhưng bây giờ cô không còn gọi tôi bằng cái hết Rose thật sự rất lịch sự, hỏi Giles tất cả những câu hỏi về việc làm tình nguyện của bà trước đây. Giles có những công việc kỳ dị nhất trên thế giới. Cô chăm sóc những nữ tu. Tôi sợ hãi lên nếu như tôi là một trong những bà cô già và nhìn thấy bà ấy đến với tôi cùng chiếc khay . Thú thật: tôi đã uống chút rượu. Giles rót rượu cho chúng tôi- rõ ràng là nó có tác dụng gấp đôi như một liều thuốc và khoảnh khắc ăn mừng. Vậy đâu có gì nếu không phải là sinh nhật của bạn hay không. Như bạn đang bị giải phẫu cắt chân và bạn dành dựa vào một ngum rượu vang mùi nho của bà Giles. Tôi tự hỏi không biết Rose có chướng tai gai mắt không nhỉ? Chúng tôi nghe máy hát đĩa một lúc rồi Giles nhắc cái kim quay nhạc ra khỏi máy và yêu cầu Rose chơi đàn và tôi thì hát. Cả hai chúng tôi đều ngưng ngưng, nhưng Rose hỏi Giles rằng bà có bản nào đặc biệt ưa thích không, “À, có chứ, cô bé”, Giles đáp lại bản “Tình yêu của tôi như một đóa hồng đỏ thắm”. Tôi nghĩ tôi chết ngay đây. Tôi không thể nhìn Rose. Nhưng cô ấy chẳng nháy mắt chi hết, chỉ lật đến bài hát và bắt đầu chơi đàn. Và tôi hát. Và sau một lúc nào đó, việc này không có vẻ gì là ngớ ngẩn cả, và tôi vui vì Giles đã yêu cầu hát nó vì nó làm cho tôi nhớ đến cha và nhớ nhà.

Giles nhắm nghiền mắt vào lúc cuối và nói, “Thật tuyệt, các cô gái ạ, thật tuyệt”. Tôi định hỏi Rose cô muốn chơi tiếp bản nào nhưng cô đã chơi rồi. Bản nhạc của cô bắt đầu như vậy - trước khi bạn biết chúng bắt đầu, chúng đã ở đó và hợp lại cùng nhau. Tôi không thể nói về nó. Tôi không biết bản nhạc dài trong bao lâu bởi lẽ, chỉ nhớ là khi tôi hỏi về nhạc dạo đầu trôi qua thế nào và luyến lặc ra sao? Ừ thì, trong tất cả thời gian tôi hỏi vậy trong khi

cô nàng vẫn đánh đàn. Tôi gần như lạc giữa không gian. Tôi muốn sống trong thứ âm nhạc đó, không, tôi muốn mặc ngay nó thay vì lột trần nó, và sau một khoảnh khắc nào đó, tôi ngập chìm trong suy nghĩ rằng chính Rose cũng nghĩ như vậy. Tôi đang có vẻ quá chất Irish trong con người tôi. Đó chắc không phải là do nguồn gốc Lebanese một phần, đúng vậy không? Lời tán tỉnh ngọt ngào nào trong tiếng Arabic vậy? B'el Arnay?

Tôi đã nghĩ đó có thể là do rượu. Nhưng đó là âm nhạc. Bà Giles ngủ thiếp đi khi Rose dừng đánh đàn. Mặt tôi đầy nước mắt, nhưng không có nghĩa là tôi đang khóc. Rose ngồi im lặng một hồi lâu, sau đó cô xoay người lại và nói rằng cô phải ra về. Tôi muốn cô ở lại và trò chuyện nhưng tôi biết là sai nếu phá hủy âm nhạc, vì vậy tôi tiễn cô ra trạm dừng xe điện công cộng và chúng tôi không nói với nhau một lời nào. Đầu tiên thì nó có vẻ như hợp lý và đúng đắn khi cùng lặng im. Sau đó thì có chút gì ngượng ngịu, nhưng tôi trong số hết thấy mọi người không biết nói gì bây giờ. Nên tôi chỉ nói lời cảm ơn. Cuối cùng thì xe điện công cộng cũng tới ga và cô trượt đi mất.

Thứ bảy - Bạn có nghĩ chúng tôi hoàn toàn là những người xa lạ. Cô ấy gọi tôi là “Cô Piper”! Tôi muốn đuổi theo cô sau buổi học nhưng Kaiser giữ tôi lại và đưa tôi một món quà! Đó là một quyển sách đẹp, hồi ký của Emma Albani, Bốn Mươi Năm Dòng Ca. Ông ấy nói nó sẽ tạo cảm hứng cho tôi, “Cô sẽ gặp lại người đồng hương,” và tại một thời điểm khác nó sẽ là điểm sáng trong cuộc đời tôi, nhưng hôm nay nó có nghĩa Rose đã sẵn sàng bắt chuyến xe điện vào lúc tôi nói cảm ơn Kaiser.

Ông ta viết trên đó là “Tặng Cô Piper”. Một ai đó được vỗ về để thấp sáng nguồn cảm hứng. Bạn có thể mang nó theo thêm bốn

mười năm nữa. Thật là tuyệt.

Emma Lajeunesse đã đổi tên cô là Emma Albani. Có lẽ tôi nên đổi tên tôi thành cái gì đó cũng như Ý chẳng hạn. Kathleen New Waterford. Đến từ Capo Bretoni.

Thứ hai-5- cô chẳng thèm nhìn tôi cả buổi học. Sau này, tôi sẽ không để cô lên xe điện, tôi nắm lấy cặp cô cùng với cả âm nhạc của cô và chạy vào Central park. Tôi cười nghiêng ngả, nhưng cô thì giận dữ. Và cô ấy rất mạnh. Gần như nắm lấy tay tôi và giật mọi thứ trở lại. Nghĩ là cô sẽ giết tôi mất nhưng cô nặng nề chạy cùng tôi với mái tóc cột ruybăng ngớ ngẩn nên tôi nghĩ cô sẽ không phản đối. Đầu tiên tôi hét lên từ đầu phổi của mình, “tôi thích bạn, tôi muốn bạn là bạn của tôi, tại sao bạn như một con ngỗng vậy?” Nhưng cô vẫn bỏ đi. Sau đó tôi bắt kịp được cô và bắt đầu hát. Tôi cười đến nỗi tôi không thể hát được bài hát lên, “Tình yêu của tôi như một đóa hồng đỏ thắm”. Tôi không hiểu tại sao tôi cười, tôi cảm thấy mình như ác quỷ và tôi không thể dừng. Cô ấy bỏ mặc tôi cho tới khi chúng tôi đi tới cổng công viên một lần nữa, sau đó cô quay lại và vỗ tay thật mạnh trước miệng tôi. Làm tôi như hoang dã. Tôi cản tay cô, tôi giật lấy cặp cô lần nữa và lần này tôi không ngớ ngẩn nữa, tôi chạy tới hồ bên phải cô, tôi biết là cô sẽ ném cái lon vào tôi nếu tôi bắt được cô ấy. Cảm ơn chúa trời tôi đến cái hồ trước cô, tôi nhảy lên tảng đá, dung đưa cái túi trước dòng nước.

Chúng tôi nín thở và tôi cảm thấy rất tội tệ ngay khi cô nói , “làm ơn”. Nhưng tôi nhấn lại, “làm ơn cái gì?”

“...Làm ơn, Miss Piper, đừng bỏ nó xuống.”

Và tôi hét lại cô như một banshee, tôi không hiểu tôi bị cái gì,

“làm ơn, Ai?”

“Làm ơn...”

“Tên tôi là gì?”!

“Kathleen”

Tôi cảm thấy thật xấu hổ khi cô không còn giận tôi nữa, cô là một cái gì đó, tôi không biết là cái gì. Nhưng tôi không muốn bỏ qua cho cô một cách dễ dàng, tôi nói, “ Có lẽ tôi có một cái nhìn nhỏ nhen, hãy tìm ra cái gì bí ẩn của bạn”

“Không!”

Cô lao tới và tôi đánh rơi nó. Nhưng nó nằm ở tay phía bên kia làm cho cô ấy nói thê lên. Tôi bắt đầu mở khóa. Và điều lạ nhất - cô quay lại bước đi một cách chậm rãi. Tôi không đành lòng mở ra sau đó. Tôi bước theo cô và nói, “đây cô lấy lại đi”. Nhưng cô không thèm trả lời tôi. Tôi bắt kịp cô một cách dễ dàng và bắt gặp cô đang khóc. Ấy là lần đầu tiên cô thật sự rất hợp với bộ đồ cô đang mặc. Tôi cảm thấy tội tệ. Tôi ước thà cô giận. Tôi để cái cặp trong tay cô và nói, “Tôi không mở ra.” Cô lau nước mắt không nhìn tôi nữa. Tôi đưa cô khăn tay, tôi dẫn cô đi trở lại trạm tàu điện và đứng bên cạnh cô đợi, mặc dầu cô chẳng bao giờ nhìn vào tôi hay nói một lời.

Tôi cố gắng không nhìn cô bởi vì nước mắt cô vẫn còn rơi. Tôi không thể nào chịu nổi âm thanh cô cố nín, hay cô giữ đầu cao lên, tại sao cô không nhìn xuống? Tôi sẽ cảm thấy thật xấu hổ. Tôi không cố ý, tôi muốn cô khóc. Tại sao vậy? Tôi đã làm sai cái gì đó. Cô không nên khóc trước mặt ai, Rose xinh đẹp. Tôi xin lỗi, tôi yêu em.

Rose sẽ ghét tôi nếu cô đọc được điều này.

Chẳng trách tôi không có bất cứ bạn nào.

Thứ ba-hôm nay Cô không đến. Kaiser nói cô ấy không làm nữa. Nói, “Điều đó đã được dự tính trước.” Tôi hỏi tại sao và ông trả lời, “ cô ấy rất có khả năng nhưng cô ấy thật vô trách nhiệm.” Tôi đáp lại là tôi không đồng ý và cô là người có trách nhiệm nhất mà tôi từng biết. Anh ta nói, “cô đã đi xa nhất có thể và thật tốt nếu cô ấy biết điều chỉnh lại tài năng của cô ta vì lợi ích của cô ấy”. Tôi nói, “ âm nhạc không màu”. Ông cười. Tôi có thể giết ông chết đi.

Nhưng bạn biết không, ông ấy đúng, âm nhạc có màu sắc, nhưng nó không nên là vấn đề ai là người chơi. Brahms sẽ trở nên đen đúa đi khi Rose chơi âm nhạc của ông ta à ? nếu vậy có vẻ tốt cho ông ta và ông là người may mắn. Dù sao thì, tại sao cô ấy lại nên chơi thứ âm nhạc già cỗi, ai quan tâm? Tôi quan tâm. Tôi yêu Brahms. Tôi yêu Verdi và Mozart , nhưng tôi yêu Rhythm Hounds và tôi yêu Sweet Jessie Hogan, cô nàng là một danh ca ngự trị ở cái thành phố này nhưng những con ngựa quản lý cái thành phố phồn hoa, xa xỉ này sẽ không bao giờ biết điều đó và không xứng đáng biết nó. Cả thành phố này mùi của âm nhạc mà Kaiser không có ý kiến gì về nó. Tôi yêu tất cả. Nhưng tôi yêu âm nhạc của Rose nhất.

Cô không cần bất cứ cái gì trong chúng. Tôi không thể tìm thấy âm giọng của mình hôm nay và Kaiser để tôi đi, nói rằng, tất nhiên cô sẽ giảm tiến bộ lại đôi chút trước khi thương thảo căng thẳng với người đệm đàn may mắn có được công việc này. Tôi muốn đi gặp Rose nhưng tôi biết cô sẽ ghét tôi vì đó là lỗi của tôi mà cô từ bỏ. Đó là lỗi của tôi mà Kaiser nghĩ tất cả những việc tồi tệ về cô ấy, tôi nghĩ về ai để tôi nói là cô không cần gì hết? Cô cần

công việc này.

4am- vừa về nhà. Xe đạp của Rode Giles đang ở trên thị trấn. Nằm ngay ở cửa đối diện tòa nhà của Rose. Tôi đã nghĩ cô sẽ làm gì? Nhìn ra ngoài cửa sổ và mời tôi miếng bánh mì nướng mùi quế ?

Có một máy đĩa nhạc đặt ở trước phòng, nhạc ractim linh tinh, đồ bắt mắt và những đèn vàng. Những chiếc màn mở ra. Ô cửa sổ thì mây mù nhưng tôi có thể nhìn thấy bóng của các cô các ông đang nhảy. Họ ôm, tôi nghe tiếng cười. Sau đó họ biến mất. Rose có bạn trai chưa? Hay có chồng?

Thứ tư-7 tháng tám- tôi kể Kaiser là tôi bỏ hôm nay. Tôi nghĩ ông sẽ giận tôi, nhưng ông đã không. Ông ta im lặng một hồi, sau đó hỏi tôi tại sao. Tôi bảo ông ta là tôi không thể tiếp tục nếu như không có Rose. Ông ta bảo tôi ngồi xuống, ông chưa từng làm thế bao giờ. Tôi bắt đầu nghĩ là đồ đạc ông ấy là tất cả những gì trên sân khấu. Tôi ngồi trên một cái ghế màu hồng sọc kẻ xám đáng yêu và ông ta bảo tôi một cách điềm đạm là tôi không thể giải quyết một cách tình cảm được, tôi nên học quen với việc mọi người đến và đi , đó là một phần của cuộc sống. Tôi phải nhận ra rằng trở thành người nữ diễn viên chính trong nhạc kịch sẽ cô đơn trong suốt cuộc đời cho dù có cả đám đông hâm mộ. Ông ấy làm ra vẻ kinh khủng và thảm thiết cùng một lúc. Tại sao nó có nghĩa là một mình? Ông chỉ nói là, “Cô có muốn hát không? Tôi nói đó là việc mà tôi muốn làm. “ Vậy đừng hỏi bất cứ chuyện gì về cuộc sống nữa, bạn có thể hát hoặc là sống”.

Ông ấy đang làm cho tôi sợ nhưng nó không có tác dụng chút nào. Tôi sẽ hát và tôi cũng sẽ sống nữa. Tôi đã có cả đời không có bạn bè, không có cái gì hết, chỉ có âm nhạc thôi, đó không có vẻ

dù là bí ẩn của một nữ danh ca lớn đang chờ đợi để bộc lộ trước tôi - nỗi cơ đờn áp ủ. Vì vậy tôi bảo với ông ấy những gì mà ông cần nghe: “Tôi đã chuẩn bị để hy sinh cho việc ấy, thưa ông”. Nhưng tôi cũng chuẩn bị để yêu cầu tốt nhất. Kia là lý do tại sao tôi học với ông. Và đó cũng là tại sao tôi không tiếp tục việc học của mình nếu như không có Miss Lacroix”. Tôi nghĩ đó là tất cả bây giờ và tôi chỉ nói thế. Ông nghĩ một hồi. Trong hồi phúc đó tôi tự hỏi, tôi đã đẩy ông bao xa? Tôi thăm dò cái cravat đen và màu lục của ông ta. Ông ta là một người khôn khéo, tôi không biết tại sao tôi sợ ông ta. Ông ấy đáp, “tôi sẽ cân nhắc tôi có thể làm gì” và tôi tự hỏi ông ta có thể làm được bao nhiêu, cô ấy là một người cứng rắn.

Thứ năm - cô quay trở lại. Chắc hẳn ông ta phải dụ cô tốt. Nhưng bây giờ tôi không biết tại sao tôi phiền não. Cô sẽ không nói với tôi. Hoặc nhìn tôi.

Chủ nhật - tôi viết một lá thư dài cho cha và các cô em. Tôi kể họ nghe tất cả những việc hay. Và hầu hết tất cả điều là những việc tốt đẹp. Tôi không quan tâm về cái mụn nhọt khảm đàn piano đó. Tôi kể cha nghe tôi hứng khởi như thế nào về buổi hát thử giọng vào tháng 11. Nó sẽ đến nhanh. Đây là cơ hội mà tôi thể hiện những điều tôi có thể làm và khi tôi nghĩ về việc đó tôi xóa đi mọi ý nghĩ về những người bạn phản bội.

Thứ hai - tôi làm việc chăm chỉ hơn bao giờ và tôi chưa bao giờ hạnh phúc hơn. Tôi cảm thấy mình là một thanh thép mới cứng, bóng bẩy từ thùng chứa đồ uống Cola tại Bến cảng. Mỗi khi tôi nhìn nó, mắt tôi chóa đi.

Thứ ba- sự trả thù của quanto offetto rất vui bạn quay lại, Gilda. Kaiser đang rất hài lòng, tôi có thể nói như vậy. Một góc

miệng ông như co giật nhỏ lại như ông đang có cái gì nắm chặt lại. Và ông chọn cách hành xử như vậy cho mọi người, nhưng đối với ông thì có nghĩa anh hạnh phúc. Ông ta càng sửa chùng nào, ông ta càng kỳ quái trong bộ dạng của mình, ông ta càng nói nhiều, “Không, không, không, không,” như thể tôi đang kim tây vào anh ta, càng hạnh phúc hơn khi tôi biết như vậy. Anh ta không có vẻ như là một con thằn lằn không có sắc tố da, anh ta như một con chó Afghan.

Thứ năm- Kaiser hỏi tôi hôm nay tôi sẽ hát gì nếu Mr G-C hỏi tôi một cái khác. Ông ta hỏi nó như thể nó là một món trong phần chọn lựa của mình và ông sẽ giúp tôi chuẩn bị nó. Vì thế tôi sẽ chuẩn bị một bài thơ tình yêu của Cherubino từ Le Nozze. Tôi nhìn Rose nhưng cô giả vờ như tôi chẳng nói gì. Kaiser gật đầu và nói tôi có cách chọn hay, “hoàn toàn thích đáng.”

Hôm nay cô vẫn ở trạm xe điện khi tôi đi ngang qua tôi nói, “sao bạn không nói với tôi là tôi có lỗi?” Cô nhìn tôi từ phía cao và nói, “làm thế nào tôi biết?” ; “bạn biết bao nhiêu về âm nhạc, cô là người quản lý tài ba cho các ngôi sao trong tương lai hay tôi được biết là vậy”, “À điều đó sẽ không là bây giờ đúng không?” Nó là một chuỗi. Nhưng tôi không thể quan tâm ít đi về cô ấy những gì cô nghĩ về tôi, và bằng cách nào đấy tôi biết cô đang dối, phải để cô biết là tôi không chọn Carmel, vậy thôi.

Tôi biết là tôi đang đào cái huyệt cho mình, nhưng không còn cách nào khác, tôi không thể để mọi việc đối trá. “ Tại sao bạn lại ghét tôi?” Tôi nói. Và trả lời, tốt như mọi việc, “bạn không xứng đáng để ghét” ; “làm thế nào bạn lại có giọng như thế một cách bất ngờ, cho dù chuyện gì xảy ra vậy tôi rất vui lòng đến ăn bữa tối, cô Pipah?” Và cô nói “khốn nạn thật!”

Tôi không thể nói gì bởi vì không một ai đã từng nói với tôi như thế, họ sẽ không như thế, đặc biệt là không một đứa con gái có màu da nâu đậm nào mặc một cái đầm đi mượn như vậy.

Thứ sáu - tôi có thể làm cô mất việc nếu như tôi muốn thế. Tôi bảo cô hôm nay và cô nói, “đừng hòng làm việc đòi bại với cô”. Và tôi nói, “đó là chuyện của cô, cô chẳng quan tâm hay cần biết về bất kỳ cái nào khác,”; “cô chẳng biết gì”, cô nói. Và tôi nghĩ, ở đây tôi đang trò chuyện với mỗi câu đều chứa từ “chết tiệt”, nếu các vị thiên chúa thần có thể nghe tôi nói! Tôi có thể cho nhiều như tôi có thể mang lại và cô ta nên nhìn nhận nó, “tôi đã biết vậy chết tiệt.” tôi nói, đó là thứ ngu ngốc để nói và cô cười.

Không khịt mũi, không cười lớn. Sau đó tôi nói, “tôi muốn cái khăn tay chết bầm lại” cô cười nhiều thêm. Tốt, tôi vui nhộn lên, nó tốt hơn là tạo bộ mặt khó coi như vậy. Tôi nói, “cô có nghe tôi không? Tôi muốn nó lại và khi xe điện ngừng lại cô thì thầm với tôi, “tôi sẽ trả lại cho cô, sau khi tôi chùi đít”. Sau đó cô đi, cánh tay áo phồng, dây cột tóc, cặp sách và tất cả. Có lẽ cô bị sở hữu bởi quỷ dữ.

Thứ bảy 17 tháng tám. Buổi sáng này khăn tay tôi được xếp gọn gàng với chữ viết lồng nhau bên mặt, tất cả ngay ngắn trên chiếc piano khi tôi đến. Rose đang khởi động và Kaiser sẵn sàng ở đó. Tôi nhặt chiếc khăn và tôi biết Rose đang nhìn tôi ở góc đó, tôi đặt khăn lên mũi và hi. Tôi không ngờ là tôi rất bất lịch sự và thật thiếu ý thức. Rose không tin vào việc đó. Cô quên đi lối sách bỏ mặc tôi, cầm cô chùn xuống, cô lóng ngóng thẳng vào tôi và cười toe toét trở lại. Kaiser quay về phía chúng tôi và nói, “Cô Piper, chúng ta sẽ bắt đầu với cái hít sâu chứ?” Tôi cười khúc khích và Rose vỗ hai tay lên mặt mình. Kaiser hỏi tôi có chuyện

gì thế, tôi bật cười lớn, làm cho Rose cười và làm tôi té ngã trên thảm sàn Ba Tư của anh ta. Tôi khúc khích trong tấm thảm, Rose đang rú lên, tôi nghĩ, chúng tôi sắp chết, tôi không còn nhớ tại sao chúng tôi lại cười như thế. Kaiser từ bỏ.

Trang 492. Cuối cùng, khi tôi có thể lấy lại được nhịp thở, tôi cuộn tròn mình và nhìn lên tầng nhà màu nhòe nhạt. Rose lau mắt và bắt đầu chơi, một mẫu nhạc bắt đầu chậm rãi, buồn và bỗng quảng trường như đám tang lễ người Ý, sau đó trở nên dồn dập như tôi đang nghe cô đang bước ra cửa sổ nhà thờ, nặng nề bên phía trái. Cô trở nên hoang dã, từng khúc từng khúc rung động, khủng khiếp hơn, khủng khiếp hơn tới khi điều duy nhất mà tôi có thể nghĩ tới là đang nhảy, bởi vì làm thế nào mà tôi có thể hát như thế nhỉ? Nhìn ra Isadora, chúng tôi đang co rúm lại. Tôi xoay tít như một cơn lốc cuốn tôi đi, tôi cử động như con cá trê, đôi vai tôi có hai nhịp sống khác nhau, tôi mang Mecca vào lớp học! Chúng tôi đi nhanh hơn, nhanh hơn, nhanh hơn, tới khi tôi nhảy lên, không còn làm từng bước nữa sau đó Kaiser quay trở lại trong.

Ông ta nói trong thì thầm, “nhiệt độ bên ngoài là 19 độ. Trong phòng thì nóng hơn. Cô Piper, cô có muốn dời ngày lại không?” Tôi xin lỗi và đồng ý rằng nhiệt độ này thì quá cao đối với tôi. Rose không đưa ra bất cứ lời biện minh nào, chỉ nhìn chăm chăm vào phím đàn, nhưng tôi trông thấy một giọt nước mắt rơi trên phím F. Tôi cảm ơn ông ta và đồng ý rằng sẽ tốt hơn để tập vào ngày mai. Tôi đổ mồ hôi như nước.

Chúng tôi bước ra ngoài cùng với nhau và bắt đầu chạy ra phía trước, không nhìn lại, chỉ biết cô sẽ đuổi theo tôi, sự hài lòng của cô. Vào công viên tiến tới cái hồ và tôi không ngần ngại, tôi chạy

thẳng vào trong. Chiếc đầm của tôi bị thổi phồng lên như bong bóng to cùng tôi lênh bênh như nữ diễn viên ba lê trong chiếc hộp âm nhạc. Nó thật là tươi mát. Tôi nhìn lại dòng sông và Rose đang nghiêng mình về phía đầu gối, “bạn thật điên!”

Cô đứng đó cười tôi, vì thế tôi đi dạo bên dòng sông, ước như dòng suối và tôi choàng vai cô. Cô cố đẩy tôi ra xa. Cô đi dạo vài bước nhưng cô dẫn tôi đi cùng như một con trăn kẹp. Cuối cùng cô dừng lại và đứng lại đó một lúc trong khi tôi ôm cô. Mặt tôi áp sát vào cổ cô. Hương trên người cô ấy như rô gia vị trong bếp của mẹ nhưng tôi không thể nhớ món nào vì tôi chưa bao giờ nấu. Mùi cô ấy như cách cô ăn mặc.

Cuối cùng cô đặt cánh tay bên tôi. Tôi ngừng thở vì cô và chúng tôi ôm nhau một hồi lâu. Cô thật ấm. Tôi nói, “tôi yêu cô”. Nhưng không lớn. Tôi cảm thấy hơi thở cô áp vào lồng ngực tôi, và cảm thấy nhịp đập trái tim của cô làm cô thật có tình người. Tôi không biết làm cách nào đó tôi nghĩ là cô không thể làm tổn thương tôi hoặc bất kỳ ai. Yêu dấu. Tôi cảm nhận má cô áp sát vào của tôi. Tôi chưa bao giờ cảm nhận được cái gì mềm mại đến thế. Tôi hôn đôi môi của cô. Trong tâm tưởng tôi, tôi cảm nhận nó rất tự nhiên, nhưng tôi biết điều đó không đúng. Thậm chí cái hôn lên má - và sự cho phép của bất cứ ai để hôn lên đôi má - nhưng thậm chí nó không đúng lắm bởi nó phải là cái gì giả tạo cho cách hôn như vậy mà tôi muốn trao cô ấy. Vì lẽ đó, nó thật không hay lắm khi đứng đây ôm nhau một hồi lâu với người khác ban ngày như thế này. Cô thật đẹp, Rose của tôi. Đẹp dịu dàng hơn tranh, và mềm mại hơn cát. Rose, tôi muốn hôn cô bây giờ. Ôi chúa ơi, tôi phải hôn cô. Tôi sắp chết mất nếu tôi không hôn cô, tôi biết điều đó bây giờ. Nó là sự thật. Tôi sẽ chết mất. Điều đó

sẽ giết tôi.

Khi cái ôm được kết thúc tôi bảo cô tôi xin lỗi mọi thứ. Cô nói cô trải qua điều tồi tệ nhất và cô sẽ không màng đấu tranh vì chuyện đó nữa. Cô mỉm cười - nụ cười thật... thuần khiết.

Chúng tôi đi ngược lại cổng công viên tay trong tay như bao như bạn gái khác, tay tôi bị ướt và tay cô cũng thấm ướt. Liệu cô có nhìn thấy làn da tôi đang sôi lên? Cô sẽ nghĩ như thế nào nếu như cô biết tôi đang nghĩ gì? Tôi nhớ Xơ Siant Monica cảnh báo chúng tôi rằng “sự kết nối quá đổi mạnh mẽ” kia không áp dụng với Rose. Lòng kính yêu không phải là tội lỗi.

Và, bởi vì đây là Quyển Nhật Ký của tôi và tôi bảo cô mọi việc: tôi cảm thấy như tôi đã làm một việc đó thỉnh thoảng khi tôi cùng với David. Ướt át. Không chỉ từ cái hồ. Tôi biết tôi thật sự tồi tệ như thế nào. Tại sao tôi không thể yêu cô với một tình yêu trong trắng?! Không phiền muộn những việc mà không hề có liên quan tới? Từ bây giờ trở đi tôi sẽ đối xử với cô rất bình thường.

Bởi vì nếu tôi có thể không hôn cô, điều đó đủ để nói lên sự tồi tệ. Nhưng nếu tôi mất đi một người bạn chỉ vì điều đó thì đó là điều tồi tệ nhất. Nếu tôi không biết làm thế nào để có một người bạn, có lẽ tôi có thể tìm ra cách giả vờ. Và một trong những cái khác: không còn gì thân thờ về cô trong Quyển Nhật Ký này.

12:17 sáng - Tôi không thể ngủ được. Tôi chuẩn bị đi qua bên kia.

1:03 sáng- Xe đạp của Giles bẻ bánh xe. Tài xế tắc xi không muốn tôi xuống ở đây. Anh ta là người Ý, tại sao đơn giản vậy bởi vì tôi đang thức trong khi những người khác thì ngủ, bởi vì tôi da trắng trong khi những người hàng xóm là da đen, cần phải làm

nó rắc rối hay tôi tự tìm rắc rối ? Nếu như tôi là con trai, anh chẳng màng nhìn lần hai.

Mọi việc đều tốt đẹp. Tôi ngồi trên những bậc thềm ngay cửa đối diện với tòa nhà của cô và không có ai ở đây để xua đuổi tôi. Mọi thứ rất tĩnh lặng. Không có câu lạc bộ nào ở đây “người hàng xóm ở đây rất hiền”. Con đường hôm nay không bóng người. Ánh trăng sáng soi như những viên kim cương đen và các ô cửa không còn mùi hay màu đỏ tươi. Harlem thì cũng ám cúng và đầy kịch tính. Cầu nguyện cho ai? Tôi đang thắc mắc nơi đầu tiên ở đây là gì. Có thể là bệnh viện. Trong cửa sổ của Dash Daniels Harlem Gentlement’s Emporium. Trong bóng tối có người treo cổ ở đây. Hãy cầu nguyện cho chúng tôi. Tôi chỉ có sự rùng mình.

Thật là ngớ ngẩn. Cửa sổ này sẽ một nơi tốt để ẩn mình với bọn cướp. Ha ha. Nhưng tôi không sợ. Bầu trời thì tím đen. Ánh trăng thì vàng. Có chiếc xe chất đầy dưa hấu, xanh ngon, tôi có thể cảm nhận nó. Không ai sợ bị đánh cắp.

Một người đang bước ra! Tôi rút mình vào trong cánh cửa. Đó là người đàn ông. Tôi không thể nhìn thấy mặt đàn ông che dưới cái nón. Ông bước đi một cách một cách nhanh nhẹn. Một cách bất thiệp, bạn có thể nói thế. Bạn trai cô ấy? Tôi không thể hình dung cô cùng với bạn trai. Tôi không thể tượng cô với bất cứ ai. Tôi muốn đi xung quanh phía sau tòa nhà. Có thể phòng ngủ của cô ở đó.

4:53 sáng - Giles đang ngủ, cảm ơn chúa trời. Tôi không cảm thấy chút mệt mỏi nào. Tôi có bạn.

Ngày chủ nhật đáng chú ý - tôi nghĩ một trong những nghệ thuật điêu khắc nổi tiếng nhất thế giới. Bên ánh đèn dưới ánh

trăng mờ. Tôi ngồi trên chiếc băng đá mình thích trong Công Viên. Trời đang mưa nhưng có một cây hạt dẻ to trước tôi. Tôi có cây dù che vai và tôi có mang giày cao. Đó là một nơi hoàn hảo để nói đến bạn tri kỉ Nhật Ký. Hoàn toàn riêng tư, thế giới tuyệt đẹp.

TỐI RỒI!

Tôi đi dạo xuống một cái ngõ hẻm dốc dẫn đến một cái sân nhỏ phía sau tòa nhà của cô cùng dây phơi quần áo phía trên đầu. Tất cả cửa sổ màu đen. Tôi nhìn lên và tự hỏi phòng nào là phòng của cô và có một người đàn ông ngồi trên lò sưởi phía ngoài cửa sổ đang mở! Anh đang đeo chiếc mũ phớt mềm và không có gì khác chỉ chiếc áo sơmi sọc dài. Tôi bị cồng bởi anh nhìn tôi và nói “ Cô làm cái quỷ gì ở đây thế?” cặp mắt tôi nháy lên đầu, và tôi đáp lại tôi không thể ngủ và cô ấy cũng thế. Và chúng tôi chỉ đứng đây một hồi lâu nhìn lẫn nhau, không biết nếu cô sẽ xuống hay tôi sẽ lên hay về nhà hay cái gì...

Cô đứng lên, bước xuống với chân không và để thang cuốn xuống đất cho tôi để tôi có thể leo lên. Cô đang mỉm cười. Chúng tôi không ôm nhau hay làm cái gì. Chúng tôi ngồi phía ngoài cửa sổ nhà thờ. Tôi lén nhìn vào trong... Đó là nón của ba cô. Cô đợi nó khi cô cần tôi nghĩ. Tôi hỏi, “nghĩ về gì vậy?” Và cô nói “nó như thế là... thế giới thì phía ngoài và tôi có thể ở trong cái suy nghĩ của mình.” Nó là cái nón màu xám đậm. Cha cô chết trước khi cô ra đời, chiếc nón rất hợp với cô. Chiếc nón có thể làm điều đó cho bạn. Cô không chỉ đẹp, cô còn đẹp trai nữa, nhưng tôi sẽ không miêu tả thêm nữa, tôi có một người bạn và tất cả cảm giác tệ hại trôi qua, chúng không cần thiết!

Chúng tôi trò chuyện khoảng ba tiếng đồng. Tôi chẳng cần quan tâm. Tôi càng chạy càng mệt, càng ít buồn ngủ, tỉnh giấc

nhieu. Rose được huấn luyện một cách kinh điển bởi những người giám hộ từ New York Conservatory. Tôi đúng. Người có tài năng bẩm sinh. Cô bắt đầu chơi khi cô mới lên ba. Cha cô là nhà âm nhạc. Đó là những gì cô biết. Và khi ông mất vì TB. Mẹ cô có một người bạn mà tôi đoán là một nhạc trưởng nổi bật đã trả tiền học cho Rose và đưa cô gặp đúng người khi cô là một đứa trẻ. Rose là người da đen đầu tiên được yêu cầu chơi với New York Symphony tại Carnegie Hall. Cô sẽ không kể với tôi nghe tên của người đàn ông và cô cũng không kể cho tôi nghe tại sao cô không kể cho tôi nghe, cô chỉ nói “ một người bạn của mẹ cô”. Cô giữ bí mật mình, nhưng từ từ tôi sẽ biết tất cả. Tôi có thời gian rất tuyệt.

Nếu cô là con trai, chúng tôi chắc đã yêu nhau, nhưng như thế sẽ tốt hơn. Chúng tôi có thể nói cho nhau nghe tất cả. Cô muốn biết về nhà tôi, nhưng tôi đề nghị cô đoán. Cô đoán tôi xuất thân từ cha mẹ tôi gọi “ mẹ và cha”. Tôi để cô nghĩ bây giờ cô thông minh. Sau đó tôi sẽ đưa cô hình của gia đình tôi. VÀ cô nghĩ tôi có một ngữ điệu! Cô hỏi “ bạn từ đâu đến?” và tôi trả lời đó thỉnh thoảng lại nữa rồi, bạn cũng có ngữ điệu và thỉnh thoảng thì bạn không, sao thế?” và cô nói “tôi hỏi bạn trước”. Tôi nói, “Cape Breton Island”. Và cô nói, “C’Bre’n Ireland?” tôi nói, “ tôi không nói như thế.” Cô nói, “chính xác bạn nói như thế.”

Cape Breton thì ở Canada, không phải Ireland, ở đây họ dạy bạn những gì ở trường?”

Cô nói, “ những việc hữu ích mà người khác có thể lớn lên để trở thành một nhà tổng thống.”

Tôi nói, “ bạn không biết bất cứ điều gì về Canada sao?”

“Sợ chết khiếp rồi, đúng không?”

Tôi không bao giờ biết khi nào cô ngỡ ngẩn nhưng tôi biết bây giờ là cô thích làm tôi tức giận. Chuyện gì đây! Tôi nói với cô là tôi đến câu lạc bộ Mecca và cô không nói lời gì. Tôi thích việc đó khi tôi có thể đánh lại cô với một tình huống bất ngờ và cô thôi không nhìn như thể không có gì mới dưới ánh nắng mặt trời. Tôi đề nghị cô đi với tôi lần sau bởi vì tôi không thể đi một mình. Cô nói cô không thể làm việc đó bởi vì mẹ, tôi hỏi làm sao mẹ cô có thể biết được khi không ai trong chúng ta kể cho bà nghe. Cô đáp sau một hồi lâu, “mẹ tôi biết rất nhiều.”

Vì thế tôi kể cô nghe về Sweet Jessie Hogan và Harlem Rhythm Hounds của cô.

Không đề cập tới trang phục của cô- nhìn ra ngoài, Aida. Nhưng tốt nhất là, nhảy. Rose nhìn tôi như thể cô nhìn tôi lần đầu tiên vậy và nói. “Bạn không phải là một cô gái ngoan ngoãn đúng không?”

Tôi cảm thấy bối rối, tôi có chút bực bội thật ra... “tôi không nghĩ về điều đó nếu như tôi yêu tất cả âm nhạc và yêu tất cả các ý nghĩa của điệu nhảy.”

Cô nói, “tôi xin lỗi. Những gì tôi nói có nghĩa là ... bạn có gan dạ. Bạn biết không. Gan da à? Bạn làm tôi cảm thấy như nhút nhát”

Tôi cảm thấy hơi ngu ngốc do tôi không thể hình dung Rose sợ tất cả mọi thứ.

“Đến với tôi” tôi nói. Nhưng cô chỉ nhún vai “Mẹ có thể làm gì với bạn?”

Cô sẽ không trả lời tôi. Cô chỉ nói, “bạn không hiểu.”

“Hãy kể tôi nghe đi, để tôi hiểu.”

Cô ấy trèo lên và nhìn xuống. Hình bóng của cô bên dưới chiếc mũ phớt mềm. “Hãy nói đi Rose, làm ơn”.

Cô ấy nhìn đi chỗ khác và tôi nghĩ, ôi không, tôi lại làm việc đó lần nữa rồi. Nhưng ngay sau đó, cô ấy nói bằng một giọng lạnh lùng, “thực ra, tôi không yêu thích nhạc Darktown một cách thái quá”. Sau đó cô ta cười với tôi một nụ cười lịch sự, “nhưng nếu muốn đi với tôi đến buổi hòa nhạc, tôi có vé cho buổi chiều thứ năm”.

Tôi không muốn làm hỏng kế hoạch của cô ấy lần nữa, vì thế tôi nói “Ồ, cảm ơn, Tôi rất vui và tôi sẽ cố gắng đi”. Lúc đó cô ta cười lớn.

Cô ấy không có bạn trai, tôi hỏi. Tôi nói với cô ta biết một chút về David. Cô ấy hỏi tôi rằng có phải tôi đã từng yêu anh ta không và tôi nói “trong một khoảng thời gian, tôi nghĩ rằng tôi đã yêu. Nhưng bây giờ thì tôi biết là tôi không.”

“Làm sao mà cô biết được?”

Tôi không thể nhìn cô ta, nhưng tôi đã nói sự thật “bởi vì nếu anh ta quay lại ngay bây giờ, tôi có thể bỏ đám cháy này ở đây và đi gặp anh ta.” Mặt tôi bắt đầu nổi gai bởi vì tôi không cảm thấy là tôi đang nói thật và tôi có thể cảm nhận thấy Rose đang nhìn tôi, sẵn sàng ghét tôi trở lại, và tôi nhấn mạnh rằng, “tôi rất hạnh phúc khi có một người bạn.”

Cuối cùng thì tôi cũng nhìn cô ta nhưng cô ta đưa mắt về phía trước và gật đầu “tôi cũng vậy”. Tôi cảm thấy rất nhẹ nhàng. Tạ ơn chúa tôi không làm điều gì ngu ngốc như ngày hôm ở công viên. Cảm ơn chúa tôi chỉ tự làm nhục mình trước mày thôi, bạn nhật ký yêu dấu ơi.

Thứ ba, ngày 20 ___ Buổi hòa nhạc rất chán. Schumann. Mọi người bắt đầu liếc mắt nhìn Rose. Tôi bắt đầu hiểu ra vì sao biểu hiện bình thường của cô ấy lại không hề tỏ vẻ thiện chí. Cô ấy có vé đi dự buổi nhạc hòa tấu nhưng sống ở chung cư ba phòng. Xây dựng như một nữ hoàng Ethopia với má lúm đồng tiền và một lỗ mũi của người La Mã. Xếp nếp từ năm 1995, phù hợp cho những cô gái bé nhỏ và phụ nữ lớn tuổi. Đóa hồng bí ẩn.

Thứ tư__ Tôi không nhục nhã về mẹ của tôi.

Thứ năm__ nằm trên giường ngày hôm nay.

Thứ sáu__ Tôi không có bạn. Tôi chỉ có đồng nghiệp. Kaiser đã đúng. Tôi cho rằng mọi người sẽ chạy về nhà bây giờ nhưng đó là cái gì mà mọi người chạy vào?

Chẳng phải thủ đô của cái gì. Chỉ có bố ở đó và khi tôi giàu có và nổi tiếng tôi sẽ cho ông ghế hạng nhất trong những buổi trình diễn của tôi. Tôi cảm thấy mình thật là thờ ơ. Tôi không thể tập trung bất kì tham vọng nào. Tất cả dường như chết và tẻ nhạt. Tôi sẽ phải làm việc siêng năng và bước chân vào tất cả những chốn đó. Tôi có thể thấy được công việc kéo dài, không do dự để đến đích thành công. Tôi rất ghét khi tôi có thể nhìn thấy được kết quả của việc gì. Tất cả những gì còn thiếu là làm việc cật lực để đến được thành công. Biết quá nhiều điều cũng tương tự như cái chết. Tôi cầu cho tôi đừng biết tất cả mọi thứ. Đó là niềm tin của tôi: để tin tưởng thì tôi phải không biết gì. Nhưng đôi khi cũng rất khó. Và trong tôn giáo của tôi, thứ tội ác chết người là sự nhầm chán.

Thứ bảy - Cảm giác của tôi về Rose mà tôi viết ra có vẻ như là một giấc mơ. Nó xảy ra với một vài người nào ở một vài đất nước

nào khác.

Chủ nhật - không có điều gì xảy ra.

Thứ hai - không có điều gì xảy ra.

Thứ ba - tôi cố gắng

Thứ tư - thêm một sự thay đổi

Thứ bảy, ngày 31 tháng 8, 1918

Gửi Nhật Ký thân yêu,

Mình không biết phải bắt đầu từ đâu. Mình phải viết ra tất cả ngay bây giờ khi nó còn mới. Tôi ở đây, dưới cái cây trong công viên trung tâm và chúng tôi có cả buổi trưa đến giờ ăn tối. Tôi sẽ phải quay trở về vài ngày bởi vì mặc dù tất cả mọi sự rên rỉ ấy đều từ việc không có gì xảy ra. Tôi nhận ra rằng hàng tấn việc xảy ra và tất cả những việc đó đều dẫn đến việc tôi phải nói với bạn rằng **TẤT CẢ**.

Nhưng cái gì cần làm trước thì phải làm: mình thức dậy ở Carmel. Ông Kaiser “Chống đối quyết liệt” nhưng cũng đã nhượng bộ, vì sự chọn lựa nào mà ông ta có, sau cùng hết thấy? Ông ta vẫn còn công kích rằng tôi vẫn còn “ngoan cố” làm những việc đi ngược lại với “Sức sống tự nhiên của tuổi trẻ” - “Ôi chúa ơi, Cô Piper, cô thật là ngây thơ, Carmel là một con điếm”. Nghĩ về ý nghĩa tôi là ca sĩ hát giọng nữ trung là một sự tự vẫn đầy chuyên môn, “lũ phù thủy và mấy mù đàn bà, học sinh cứng của tôi” ông nói nhưng tôi từ chối dính líu vào đó. Tôi không định trở thành Gilda mãi mãi. Không phải khi tôi trở thành một phụ nữ nhẵn nhéo ba mươi hai tuổi. Giọng nữ trung thường trụ lại lâu hơn. Mình sẽ hát vở Carmel và mình sẽ diễn Tosca. Và sẽ không chỉ có một vài cái quần chưa được mặc để biểu diễn. Kaiser

không biết rằng anh ta được chứng kiến lần đầu tiên việc mình trở thành một diva có nguồn cảm hứng tuyệt diệu hay không, hay mình đang có cảm giác bay lơ lửng. Mình cũng không, nhưng ít nhất mình cũng không cảm thấy buồn chán! Anh ấy đã nhìn thấy sự khôn khéo trong sô diễn Gatti-Casazza sự phát tác mạnh mẽ trên lĩnh vực của mình, không chỉ nhất thời mà là rất sâu sắc. Bởi vì đó là cuội nguồn nơi nó bắt đầu. Không đủ để có được giọng hát hay nhất. Nếu mình phải hát thật tẻ để đưa cảm xúc của một khung cảnh vào, thì đó thật là rồ dại, nó đầy đam mê và khủng khiếp và đẹp đẽ và bạn không thể nói với tôi là những phụ nữ như vậy không rống lên nhiều như khi cô ta hát. Và điều đó không kể đến những vai diễn hài, những vai diễn còn lố bịch hơn nữa. Nhưng mình đã đi lạc đề rồi...

Được rồi, bạn thân yêu ạ. Đây rồi. Mình không cảm thấy xấu hổ trước mặt cậu, Nhật Ký ạ, bởi vì cậu chính là mình mà. Cậu không hề bị lúng túng, cậu cũng không thể bị choáng, cậu biết rằng không có sinh vật nào đang yêu là xấu xa cả vì thế mình sẽ cố gắng trải lòng với cậu hết như ý nghĩ của mình vậy. Hãy để mình quên đi, hãy để mình cầu nguyện thật lòng cho Giles. Cô ấy là người tò mò cuối cùng còn sót lại trên mặt đất này. Không có sự thiếu cảnh giác của cô ấy mà cuộc đời mình sẽ không bao giờ bắt đầu. Nếu Bố biết được cô ấy là một người trông coi ủy mị như thế chắc hẳn ông ấy sẽ xuống đây ngay lập tức để gắn tôi với mấy bà sơ thôi. Điều này làm mình nhớ ra, mình nên viết thư cho ông ấy. Ôi, nhưng mình đang trêu bạn đúng không nè, bạn Nhật Ký? Bạn có đang trong nỗi đốn đau tuyệt vọng không. Hãy bình tĩnh, mở lòng ra, và mình sẽ bắt đầu mở nó ra cho cậu, và cũng mở nó ra cho mình. Sự bí ẩn đáng vui mừng của Rose...

Trên chuyến phà ngay giữa eo biển Canso, Lily đặt quyển nhật ký xuống và nhìn lại Cape Breton vì cô sẽ chẳng bao giờ được gặp lại nó nữa. Cô cố gắng cảm nhận lại lần nữa không khí mằn mặn của đảo, vị chát, hương vị từng bách mát rượi, màu xám không thể mô tả được đó là tất cả. Gia đình. Sự từ biệt.

Cô tò mò về cái đế giày màu đỏ mới của mình. Mười một ngày sỏi đá trên Đại lộ 4, hàng trăm dặm đi đến eo biển Canso. Có rất nhiều người tử tế nên Lily chỉ bị đói một chút thôi. Quan trọng là không tiêu tốn quá nhiều tiền trong đôi giày ống của cô. Không được xài cho đến khi đến nơi. Cô đã mút nước từ những cọng rong rêu xanh sáng và nằm ngủ bên dưới những rặng thông, lá kim của nó mềm và non vào tiết tháng Năm. Trời đêm rất lạnh nhưng Lily thì không. Mỗi đêm cô ngủ cô cảm thấy có ai đó đi ngang qua làn sương và đắp chăn cho cô. Và mỗi sáng thức dậy cô cảm thấy ấm áp và khô ráo.

Người lái phà nhận máy đồng xu của cô và nhìn cô lo lắng. “Tên cháu là gì vậy?”

Bố cháu là ai?”

...Lớp học đầu tiên của tôi sau cuộc “gặp gỡ” khi cô thoát ra khỏi lớp học quái quỷ đó. Tôi đã sợ rằng Rose sẽ lại đối xử với mình như người xa lạ. Nhưng cô ấy đã không làm vậy. Cô ấy không hẳn là nồng nhiệt, nhưng cô gọi tôi là Kathleen và nói rằng, “Hãy đi làm nhé,” và đó là những gì mà chúng tôi đã làm ngày qua ngày như những người thợ tán đinh trên những tòa nhà chọc trời.

Cuối cùng thì tôi cũng mời được cô dùng bữa tối lần nữa - kéo cô ra khỏi nhiệm vụ của một người con gái - và Giles lại ngủ khi

Rose chơi đàn và tôi hát bài hát xưa mà Giles thích. Sau đó tôi dẫn Rose vào phòng mình và gỡ dây ruybăng ra khỏi tóc cậu ấy và làm gì đó ít trẻ con với nó. Nhưng cậu ấy không để tôi đụng đến nó. Tôi đã quyết định là mình sẽ đến gặp mẹ cậu ấy và trò chuyện với bà ta. Tại sao bà ấy lại sinh ra một cô gái trưởng thành cao như một người đàn ông và xinh đẹp hơn cả thầy mọi phụ nữ, trang điểm hệt như một con búp bê lộng lẫy.

Tôi đợi cho Rose nhìn thấy bức hình của cha và mẹ trên áo đầm của mình. Cậu ấy hỏi: “Ai vậy?” Tôi trả lời, “Đó là cha tôi.” Và cô hỏi tiếp: “Vậy ai bên cạnh ông ấy vậy?”. Rồi tôi trả lời: “Đó là mẹ mình.” Rồi cô chỉ nhìn vào bức hình, rồi nhìn về tôi và nói, “Không phải mẹ ruột của cậu.”.

“Cậu nói vậy là sao?”

“Không có họ hàng với cậu”

“Vâng.”

Rồi cô nhìn lại bức tranh: “Tôi không thể nhìn được nó.”

“Không ai có thể.”

“ Bà ấy là người gì vậy ?”

“ Người Canada.”

Rose đỏ mặt. Hoan hô ! Nhưng tôi đã giải tỏa thắc mắc của cô; “Bà ấy là người Lebanon”

“Bà ấy là người Ả Rập ‘Ayrab’ à?”

“ Họ không thích bị gọi là Ả Rập ‘Arab’. Đặc biệt không phải là ‘Ayrab’.”

“Có gì sai nào, tôi vẫn thường gọi như vậy đấy thôi.”

“À, dù gì đi nữa, có rất nhiều người Lebanon đến từ vùng ven

biển và họ trông giống người Địa Trung Hải hơn, giống Châu Âu hơn, cậu biết đó. Không giống người Ả Rập.”

“Bà ấy chắc hẳn phải đến từ đất liền.” Rồi cậu ấy nhìn tôi và nói, “Cậu đừng có lừa mình đấy nhé.”

Tôi trả lời: “Mình không lừa dối ai cả.”

“Cậu có vẻ là người da trắng thuần chủng.”

“Mình là người da trắng thuần chủng. Mẹ mình là người da trắng.”

“Không phải thuần chủng à?”

“Bà ấy không phải là người da màu.”

Cô ấy cười - gần như chế nhạo - và nói: “Đừng có lo, cưng à, cậu đủ trắng cho cả hai người ấy chứ.”

“Điều đó có nghĩa là gì vậy?”

“Cậu đang nổi điên lên vì mình gọi cậu là người da trắng.” Cô ấy đang cười nhạo tôi.

“Tôi muốn được gọi mình bằng tên. Làm ơn đi.”

Cô nín cười và nhìn tôi trong chốc lát và gọi, “Kathleen.”

Nhưng tôi muốn đạt được mục đích. “Tôi không cảm thấy xấu hổ về mẹ mình, nhưng tôi theo bước đi cha mình. Mẹ tôi không có nhiều tham vọng và không được hoạt bát lắm, tuy nhiên bà ấy là người mẹ hết sức tận tụy.

“Thật tốt cho cậu.”

Xuất hiện ngay trên đầu lưỡi rằng: “Cô xuống địa ngục đi.” Hoặc tệ hơn nữa khi cô ấy bỗng nghiêm túc và nói rằng: “Mình xin lỗi nhưng cậu không thành thật với mình. Cậu cảm thấy xấu hổ về mẹ của cậu.” Tôi cảm thấy nóng ruột. “Và mình cho rằng

đó là một điều đáng buồn.” Cô ta nói thêm.

Cảm giác đang dâng lên trong da thịt tôi. Tôi chắc rằng Rose có thể nghĩ thấy nó.

“Kathleen?” Cô ấy trông có vẻ tiếc cho tôi, và điều này làm tôi cảm thấy lạ. Cứ như đang chìm trong một giấc mơ dính nhớp, đôi mắt mở ra nhưng không thể đứng lên.

“Mình xin lỗi.” Cậu ấy nói.

Tôi phải tựa người về trước.

“Cậu có sao không?”

Tôi nghĩ, cầu xin Chúa trời đừng để con từ bỏ.

“Có muốn mình gọi Giles không?”

Miếng ván sàn đang chuyển động. Cô ta đặt tay lên sau cổ tôi. “Hít thở nào.”, cô nói. Tay cô ấy mát rượi.

“Ổn rồi.” Cô nói. “Nhưng quan điểm ở đây là, một khi bạn đã thở ra, nó sẽ giúp cho bạn tiếp tục hít thở trong tương lai không xa... Kiểu như vậy đó.”

Tôi hít thở và cô ấy giữ tay ở đó cho đến khi đầu tôi ngừng quay cuồng và bao tử tôi dịu lại.

“Bây giờ mình ổn rồi.”

Chúng tôi nằm trên giường và chơi cờ vây Trung Quốc trong khoảng một tiếng đồng hồ và Giles mang cho chúng tôi cacao và bánh quy yến mạch. Tôi muốn Rose ở lại suốt đêm để chúng tôi có thể kể chuyện ma nhưng cô phải về nhà trước chín giờ tối nếu không mẹ cô sẽ lo lắng.

Ngày kế tiếp tôi nói chuyện với Rose rằng cô ấy đã phạm phải tội lỗi xã hội nghiêm trọng vì cô ấy chưa từng mời tôi đến nhà

chơi. Tôi phải đến như một tên trộm vào buổi tối và ngay cả khi cô không mời tôi vào nhà. Tôi hỏi thẳng thừng là tại sao không. Cô ấy nói: “Mẹ tôi là một người tàn tật.” Cô ấy đã nói dối.

“Minh sẽ không làm ồn đâu. Cậu chỉ cần cho mình xem phòng ngủ là được rồi.”

Cô ấy nói: “Để xem nào.”

“Đồng ý đi mà.”

“...Ừ.”

“Khi nào?”

“Minh sẽ xem xem.”

Ngày qua ngày rồi mà cô vẫn chưa nói được nên tôi làm mặt lạnh với cô ấy, nhưng chẳng ăn thua gì - cô ấy đã được miễn dịch theo cách riêng của mình. Vì thế tối qua tôi ghé qua mà không cần được mời. Vào khoảng thời gian thích hợp lúc bảy giờ ba mươi, tôi biết lúc đó buổi tối đã được dùng xong và còn quá sớm để sử dụng xe công cộng thay vì bắt một chiếc xe con.

Có rất nhiều trẻ con đùa nghịch trên đường phố, và mẹ của bọn chúng có mặt ở khắp mọi nơi, ngồi ở ngay mái vòm trong một buổi chiều mát mẻ. Đàn ông cũng vậy, mặc áo sơ mi trắng, ngồi tựa vào các tòa nhà thành nhóm hai hoặc ba người, ngoài một số người khác chơi cờ, thì mọi người trò chuyện với nhau. Nó gợi cho tôi nhớ đến New Waterford, ngoại trừ Harlem thì thật sự rất phồn thịnh. Không kể đến việc tôi là người khác biệt ở đây. Mọi người bắt đầu nhìn chăm chăm vào tôi như thể tôi là một súc vật cho đến khi tôi cảm thấy có gì đó vượt ra ngoài show chơi khâm P.T Barnum, “Hãy nhìn con bé nô lệ công chúa kia kìa, nó được loài chó sói nuôi dưỡng trong khu rừng sâu nhất ở Canada.”

Một vài gã choai choai hát hò khi tôi đi ngang qua - nhỏ nhẹ, không thô tục, nhưng dù sao thì nó cũng làm tôi đỏ mặt, gọi tôi là “em yêu” và “cô bé”, ôi, những gì tôi được nhận là vô hình, hay được nâng niu bởi một người đàn ông.

Trước khi đến tòa nhà của cô tôi đã có thể nghe tiếng đàn của Rose. Nó phát ra từ cửa sổ của nhà thờ, nhưng nhà thờ không có lễ, và đây dứt khoát không phải là tiếng đàn của nhà thờ, chỉ là tiếng đàn của Rose mà thôi. Vậy ra đây là nơi mà Rose đã luyện tập. Thay vì chơi đàn vào ngày chủ nhật, tôi đoán vậy. Tôi ngồi dưới cửa sổ, chìm đắm vào tiếng đàn của Rose, nhưng tôi nhanh chóng bị làm phiền bởi ba người phụ nữ đang ngồi gập người trên ghế trước cửa nhà. Họ không đuổi tôi đi, họ cho tôi biết một sự thật đáng khinh về Rose! Họ không biết nên cảm thấy ái ngại cho cô hay cho rằng cô là một con điên. Tôi hiểu cảm giác đó. “Tôi nghiệp con bé,” họ nói tiếp, “nó đã chịu đựng quá nhiều đau khổ rồi”. “Chúng tôi đều chịu nhiều đau khổ.” Tôi muốn nói, “Cậu ấy không phải là một cô bé”, và tôi buộc phải cười khi họ tiếp tục. “Và luyện tập chơi đàn hai mươi bốn tiếng mỗi ngày, nhưng không bao giờ học được một tí âm nhạc nào từ cho dù nó có cố gắng đến cỡ nào đi nữa.”

“Đúng vậy đó, chỉ đánh vắn vơ trên mấy phím đàn, lạc trong thế giới này vậy.”

“Ngoại trừ chủ nhật, nó chơi đàn như thiên thần vậy vào ngày chủ nhật.”

“Đó là việc của Chúa Trời mà.”

“Cảm ơn chúa Giêsu.”

Sau đó một người trong bọn họ cầu nguyện rằng Rose nên có

được sự khiêm tốn và họ giễu cợt vì họ cho rằng cô quá kỳ lạ - và mọi thứ - quá “vô duyên” để có được chồng và có gì tốt đẹp ở một vị hôn thê là một phụ nữ vô duyên. Tôi xin phép nhưng bọn họ xem ra chẳng để ý đến, họ vẫn tiếp tục tán gẫu trong khi tôi đi ngang qua họ lên bậc thang và lần đầu tiên đi vào cửa trước.

Lối vào có một trần nhà hình vòm đá khảm ngói màu ngọc lam và trắng. Có lẽ nó đã từng là cái bồn tắm Thổ Nhĩ Kỳ. Tôi nghe thấy mùi thịt hầm rất hấp dẫn. Tôi theo tay vịn bằng đồng thau và bậc thang bằng đá hoa cương đã bị bào mòn thành những đường cong đã trải qua hàng trăm năm dưới những bước chân lên xuống, đi lên cầu thang tầng hai, và chuẩn bị đi vào nhà thờ để làm Rose ngạc nhiên khi tôi nảy ra ý tưởng. Một ý tưởng độc ác. Tôi tiếp tục đi lên cầu thang tầng ba và gõ cánh cửa căn hộ mà tôi biết là của cô. Trong một phút tôi nghĩ rằng không có ai ở nhà và tôi sắp sửa quay trở lại xuống cầu thang thì bỗng có giọng nói của một phụ nữ ngăn lại.

“Tôi có thể giúp gì cho cô, cô gái thân yêu?”

Tôi quay lại người phụ nữ và nói: “Xin lỗi, cháu nhầm nhà.”

“Cô đang tìm ai vậy?”

“Rose Lacroix”

“Rosie đang luyện tập ở tầng dưới.”

“Dạ vâng, cháu chỉ ghé qua để chào hỏi thôi.”

“Nó không muốn bị quấy rầy đâu.”

“Dạ vâng ạ, cậu ấy biết cháu.”

Người phụ nữ cười một cách ranh mãnh và nói, “Cháu vẫn chưa hiểu rõ nó, đúng không nào? Vào nhà và đợi một lát, vài phút nữa nó sẽ lên ăn bữa chiều.”

“Ồ, cảm ơn.” Tôi đã rất bối rối. “Cháu không muốn làm phiền bữa ăn chiều của bác đâu ạ.”

“Không sao đâu nếu cháu cùng dùng bữa với chúng tôi.”

Tôi đi theo người phụ nữ vào phòng tiếp khách chung. Nó rất lôi cuốn đồng thời cũng rất tiêu tụy. Hệt như một quý bà giàu có đang ngủ trong bộ quần áo của mình vậy. Nhưng phủ khắp nơi. Một cái ghế tràng kỷ lộng lẫy màu mận tím có nhiều miếng vá sáng chói. Những cái màn cũ kỹ được thả xuống - màu vang đỏ với những tua màu vàng chói. Một tấm gương mạ vàng khổng lồ trên bệ lò sưởi. Mùi thịt hầm trộn lẫn với mùi dầu thơm của bà làm tôi cảm thấy thật lạ lùng.

Tôi nói, “Cháu là bạn của Rose ở lớp thanh nhạc, Kathleen Piper.”

“Ồ, thật vậy sao? Tôi không biết Rosie có một cô bạn nhỏ.”

Tôi cảm thấy bà ấy có vẻ hơi châm biếm, không phải nói là thô lỗ, nhưng tôi không hình dung tại sao, càng không thể đoán ra bà ấy là người như thế nào. Mặc dù bà ấy biết Rose rất rõ.

“Bác xin lỗi, cháu gái, bác là mẹ của Rosie, Jeanne. Ngồi xuống đây đi.”

Tôi đoán là cảm tôi chắc hẳn phải rơi xuống đến cả dậm nhưng tôi không thể ngăn lại được, tôi không nói nên lời. Bà ấy đốt một điếu thuốc lá và cười một cách uể oải với tôi. Bà ấy đang mặc một bộ đầm ngủ dài - vải sa tanh màu đỏ xỉn, ốm và rộng thùng thình với những mảnh dây nhỏ xíu và cổ sâu hình chữ V, có hoa văn là những đồng tiền màu đen. Và đặc biệt không có áo lót ở bên trong. Tôi nghĩ điều này làm cho tôi bị sốc hơn việc bà ấy là người da trắng, với mái tóc vàng và thẳng thả lộn xộn xuống

vai, và đôi mắt xanh nhạt. Tiny lines, bà ấy phải gần bốn mươi, nhưng có gì đó không rõ mà tôi không thể nói được. Bạn có thể thấy được bà ấy đã từng rất đẹp. Không tô mắt, ...

Trời đang mưa trên vịnh Fundy. Lúc này không có người lái phà riêng rẽ lúc này, có cả một đoàn người lái phà. Không ai nói với cô khi cô lên khoang tàu, hoặc không ai hỏi bố mẹ cô là ai, không ai trông có vẻ lo lắng cả - mặc dù trông họ có vẻ hơi ngờ vực. Đã qua 88 ngày kể từ New Waterford. Lily phải làm gì với cái đế giày của cô? Cô ôm quyển nhật ký và nhìn ra đường ray. Đại lục Nova Scotia đang ở đằng sau cô, New Brunswick thì ở phía trước.

Vĩnh biệt Nova Scotia, biển kéo dài đến tận bờ của bạn Hãy để cho ngọn núi của bạn vẫn tối tăm và ẩm đạm Khi mà tôi đang đi xa trên mặt đại dương mặng và rung rinh Bạn có bao giờ nhận thấy dấu hiệu và cầu chúc cho tôi?

Phòng của Rose khác với những phòng khác trong căn hộ chung cư như có thể. Cô có một căn phòng đơn với tấm trải giường bằng vải bông trắng tinh và không có tủ đầu giường. Không có thảm trải trên sàn nhà. Một cái ghế gỗ, một cái bàn gỗ với một xấp giấy trắng và, trong tất cả mọi thứ, quyển Kinh Thánh mở ra ở nhưng tôi không có cơ hội để đọc vì cô đã đóng nó lại khi tôi liếc qua nó. Bạn có thể nghĩ cô đang đọc một quyển sách khiêu dâm. Trông cứ như phòng của một nữ tu sĩ của một Thiên Thần (Tôi biết vì tôi đã chui vào trong đôi cánh của họ vào những ngày cuối cùng khi tôi còn học ở trường). Hy vọng sẽ tìm được một bộ tóc giả thơm mát như của Xơ Saint' Monica nhưng không được may mắn như thế.) Vấn đề khác biệt duy nhất chính là, thay cho bức tượng chúa trên vách tường là bức tranh

Beethoven. Và bạn có tin nổi chuyện này không? Cô ấy không có lấy một cái gương!

Rose đóng cánh cửa phía sau chúng tôi lại và nói, “Rồi. Có ai muốn chơi cờ không?”

“Tại sao bạn không nói với tôi cô ấy là người da trắng?”

“Tại sao tôi phải làm vậy?”

“Tôi đã kể với bạn về mẹ tôi”

“Cô ấy thì sao nào?”

“Bạn nói rằng cô ấy không phải người da trắng.”

“Cô có màu sạm này trong suốt một năm, điều này không thể tính là da màu được.”

“Cô đã nói điều này tối kia rồi mà”

“Đúng rồi, đó chính là vấn đề đang bàn cãi, đúng không nào, cần nhắc làm sao bạn có thể cãi lại đi”

“Tôi không thể chiến thắng, có phải không?”

“Ồ tất nhiên là bạn có thể rồi, không có gì có thể ngăn cản bạn được, cô bé à.”

“Bạn ghét tôi vì tôi là người da trắng.”

“Tôi ghét bạn vì bạn rất dốt”

“Vậy thì hãy khai sáng cho tôi đi”

“Tại sao tôi phải phiền lòng để làm điều đó chứ?”

“Vì tôi là bạn thân của bạn”

“Bạn thân không dòm ngó, theo dõi nhau”

“Tôi xin lỗi. Bạn đâu có cho tôi sự chọn lựa”

“Đúng là không có sự chọn lựa. Hãy để tôi được một mình”

“Không.”

“Tại sao?”

“Tôi thích bạn.”

“Tại sao?”

“Bạn là người thông minh nhất mà tôi từng gặp, ngoại trừ cha tôi.”

“Đó có được xem là một lời ca tụng không?”

“Và bạn rất đẹp nữa.”

Điều này làm cô không nói gì nữa. Cô ấy nhìn vào mình cứ như thể tôi vừa bảo với cô ấy rằng cô chỉ còn sống thêm được một năm nữa thôi. Vì vậy tôi nói thêm, “Nhưng mẹ cô ăn mặc rất buồn cười.”

“Tôi mặc cái gì chẳng thành vấn đề.”

“Câm miệng lại.”

“Hãy đến Mecca với tôi đêm nay.”

“Tôi đã nói là tôi không thể.”

“Bộ tất cả mọi thứ là do mẹ bạn kể cho bạn à?” Cô ngồi cạnh giường, khoanh tay trên đùi và trích dẫn Kinh Thánh, “Cô ấy có cùng sở thích với tôi”

“Ồ, thật thế sao? Đó là gì vậy?”

“Ra khỏi mở lòng vòng đó đi”

Tôi ngồi xuống bên cạnh cô, cố gắng nhỏ nhẹ “Có chuyện gì xảy ra với cô ấy à?”

“Không có gì cả. Cô chỉ làm hết mình rồi.”

“Bạn mới là người phải xấu hổ.”

Rose trở nên im lặng và nhìn tôi như thể cô đang ôm một con chó con và cầu xin tôi đừng làm nó đau. “Bạn có thể nghĩ, bởi vì cô ấy sống ở đây, nên cô ấy không phải là một người tử tế. Chỉ vì tôi mà cô ấy phải sống ở đây. Bạn có biết chuyện gì xảy ra với cô ấy chưa? Họ đối xử với cô như rác rưởi vậy, họ chẳng biết tí gì về cô cả. Một người da đen ngu dốt.”

Tôi không thốt nên lời. Rose tiếp tục “ Cô ấy đã từ bỏ tất cả vì lợi ích của tôi.”

“Cô ấy hài lòng về tôi.”

“Cô có vẻ khá lịch sự để khác đi.”

“Tôi không nghĩ cô là người hơi bất lịch sự”

Rose trông có vẻ rất hoang mang. Bằng cách nào cô có thể biết quá nhiều về rất nhiều thứ cô đã từng được biết về người mẹ thân yêu của cô? Nhưng tôi chỉ nói “Cái nón của cô đâu rồi?”

Tôi theo cô đi ngang qua phòng tiếp khách chung và đi ngang qua nhà bếp, nơi Jeanne đang dọn bàn ăn. Lúc đó, cô đang đứng ở kia với một cái nĩa trong tay, nhìn chăm chú vào khoảng không. Rose dẫn tôi vào phòng ngủ của Jeanne, tôi phải gọi đó là khuê phòng. Một bức tranh sơn dầu to vẽ một phụ nữ da trắng mập mạp ở phía trên giường. Một đồng hồ đồng những thứ phù phiếm như bàn chải bạc, lọ sơn và một mớ tóc vàng - một ly cốc-tai pha lê có dính vết sơn, một cái gạt tàn thuốc ních đầy đầu thuốc lá màu đỏ, một mớ nữ trang lộn xộn, kẹp nhíp và cái bấm mi. Quần áo rơi vãi đầy sàn nhà, và trong căn phòng có quá nhiều mùi khác nhau. Rose mở một cái tủ áo to, lục lọi phía trên tủ và kéo cái mũ màu than chì xuống.

“Rosie!”.

Đó là tiếng của Jeanne từ nhà bếp. Cô kêu lên cứ như cô vừa bị đau. Rose thấy cái nón trở lại kệ và chạy ra khỏi phòng. Tôi nhặt nó lên lại và đội vào, và đi ngược lại hướng phòng khách. Rose quay trở lại với tôi. Nhưng Jeanne đang nhìn chăm chú vào tôi từ cái ghế bành mà cô đang nằm. Trông có vẻ như cô đang bị đau, nhưng dù sao vẫn khá thích thú khi nhìn thấy tôi đội cái nón. Điều đó làm tôi rùng mình. Rose đang vớ tay lấy cặp xách. Tôi có thể nhìn thấy bản nhạc bên trong. Cô mang ra một cây kim mà cô đã bỏ nó vào một cái lọ tí hon. Jeanne vung mạnh cánh tay trái và đập mạnh nắm tay. Gương mặt cô bắt đầu nặng nề và tái hơn, lúc này cô đang nhìn lên trần nhà. Rose chen ngang cô và Jeanne nhắm nghiền mắt lại hệt như một nữ tu đang chìm đắm trong cầu nguyện. Lần đầu tiên cô thư giãn, cô khẽ rên lên, vươn ra và vuốt vào mặt Rose. Cô lẩm bẩm gì đó rồi thiếp đi. Rose cho tay cô ấy khoanh lại trước bụng, đứng dậy và nhìn tôi.

“Cô ấy chịu rất nhiều đau khổ.”

Tôi cảm thấy xấu hổ với Rose vì đã lại nói dối.

“Cô ấy có thấy bạn đội cái nón đó không?”

“Tôi nghĩ là có”

“Bạn đừng làm vậy nữa nha. Nó sẽ làm cô ấy buồn đấy.”

“Mình xin lỗi.” Tôi trao lại cho cô ấy cái nón. “Cậu có hình của anh ấy không?” Tôi hỏi.

“Không có.”

“Cậu không có gì khác ngoài cái nón đó sao?”

Rose nhìn vào mẹ cô đang nằm ở ghế bành - hồ hững - và dẫn tôi trở ra phòng khách. Và biến mất bên trong cái tủ áo. Tôi đã có ý nghĩ điên rồ là cậu ấy có thể sẽ bỏ đi mãi mãi đến một thời gian

và không gian hoàn toàn khác. Nhưng cậu ấy trở lại một vài phút sau đó với một bộ com lê của đàn ông đang được treo trên một cái giá đỡ. Cái quần sọc trắng bằng thuộc da màu đen. Áo gilê đen có đuôi. Cà vạt da có chấm tròn đen. Cái áo sơmi trắng được hồ cứng có những khuy bằng kim cương.

“Để mặc cùng với cái nón,” Tôi nói.

Và cậu ấy trả lời: “Đúng rồi.”

Và tôi nói: “Hãy mặc thử xem.”

Cô ấy không hề giả vờ bị sốc, đó là vì sao tôi biết rằng tận sâu bên trong trái tim của tâm hồn cô ấy chuyện này đã từng xảy ra trước đây rồi. Đó cũng là vì sao tôi biết được lúc này có một số điều chắc chắn đã xảy ra đằng sau chúng tôi. Cảm ơn trời. Cậu ấy chỉ nói “Mình không thể làm vậy được.”

“Tại sao?”

“Nó giống như là - sự xúc phạm”

“Ông ta không phải là Thượng Đế gì cả, ông ta chỉ là một người đàn ông quên mà thôi.”

“Ông ta là cha của tôi.”

“Và tất cả những gì ông ta để lại cho bạn là quần áo mà thôi.”
Nàng ngật ngưỡng. Rồi tôi bắt đầu thay quần áo.

“Cô đang làm gì vậy?”

Tôi không đáp lại bởi vì tôi không để ý tới câu hỏi ấy. Tôi cởi đồ và bận rộn với đôi ống vớ, và cô nàng nói, “được rồi, được rồi”. Và tôi mặc quần áo vào trong khi cô nàng cởi hàng triệu những núc áo trên người mình và nói “hãy quay lại” Tôi nghe theo. Cô nàng cứ rề rà hoài.

“Đừng có lén nhìn trộm nhé”

“Minh có nhìn trộm đâu”

Cuối cùng cô nàng nói, “ được rồi, bây giờ có thể nhìn tôi.” Tôi quay lại. Ôi trời ôi.

Cô nàng trở thành một thanh niên trẻ gầy gò trong bộ lễ phục màu xám bắt mắt.

Cô nàng bị lôi cuốn bởi cái màu lờ mờ đó, đen không ra đen, trắng không ra trắng, đó là gam màu gạch của tòa nhà Battery Park ở đây.

Cô nàng hỏi “nhìn mình như thế nào vậy?”

“Minh đi ra cùng bạn nhé”

“Bạn”

“Nhìn lại bạn đi”

Cô nàng ngập ngừng nên tôi đóng cái cửa tủ lại để cho cô nàng có thể nhìn mình trên gương. Tôi đứng phía sau cô nàng trong khi cô nàng đang chiêm ngưỡng mình trên gương trong bộ dáng của một người thanh niên trẻ có gương mặt thanh tú hợp với chiếc mũ và cái cavat. Cô nàng nhìn mình trong gương một hồi lâu. Và rồi_ “Bạn nghĩ như thế nào...?”

“Ờ, vậy được rồi”

Cô nàng gật đầu và quay mình về một phía.

Tôi nói, “ mẹ sẽ không thể nào nhận ra mình, và cả những bạn của mẹ cũng thế”

“Bạn có mang theo tiền không”

“Có hai đô thôi “

“Minh có tiền cho xe rồi”

“Đi nào”

“Chưa”

Tôi thầm nghĩ, “ôi trời, cô nàng có chút e thẹn sao”, nhưng cô nàng nắm choàng tay tôi với một nụ cười và nói, “mình đi ăn tối trước nha!”

Jeanne dường như đã dọn xong bàn ăn. Đó là cái bàn trong bếp nằm giữa và thùng nước đá nhưng nó được trải với tấm khăn bông tuyết và đồ dùng bằng bạc có khắc “J.B”. Rose thấp nển. Cô ấy rót bia vào ly và chắt đông đĩa bằng sứ cho bữa ăn tối mà chúng tôi gọi là rau nhà lá vườn. Khoai tây, cà rốt, khoai tây chiên heo (cô ấy gọi đó là “chân heo”) doughboys, nhưng thay vì là bắp cải thì được thay thế bằng một loại lá xanh. Cha nói đúng. Có một phút nào đó tôi sẽ nghĩ nó là một món ăn ngon nhất trên thế giới. Chúng tôi ngồi đối... “Uống mừng vì Mecca”

“Uống mừng vì Mecca”

Và nâng ly. Có một chỗ được dành cho Jeanne nữa.

“ Cho dù thế nào đi nữa cô nàng ăn không được nhiều,” Rose nói.

“May mắn thật có thể dọn được thêm một chỗ nữa trên bàn.”

“Tại sao vậy?”

“ Để khi thần hộ mệnh của mình muốn ăn cùng”

“ Đừng đùa giỡn với mình như thế chứ”

“ Các chị ấy không đùa đâu, các chị ấy lo cho bạn đấy”

“ Bạn không tin chuyện ấy à”

“Ôi, mình tin chứ”

“ Tại sao chứ, thế thần hộ mệnh của bạn đã từng làm gì cho

bạn chưa?”

“ Dẫn mình đi New York. Và giúp mình được gặp bạn”

“ Bạn thật may mắn nhỉ?”

“ Bọn mình sẽ hiểu cho nhau cho đến cuối cuộc đời”

Sau một lúc cô nàng nói “ Mình không nghĩ mình cần có một thần hộ mệnh. Mình nghĩ mình có thể tự mình xoay sở mọi thứ”

“Bạn luôn có thiên thần hộ mệnh chừng nào mà mình ở bên bạn.”

Cô nàng lắng nghe và tôi có thể nói cô nàng muốn tin tưởng tôi. Và tôi hoàn toàn không nghĩ về những gì mình đã nói, tôi chỉ nói, “Và nếu mình có chết trước bạn, mình cũng sẽ quay trở lại.

Những giọt nước mắt đọng lại trong mắt nàng và tôi cũng thế, chuyện luôn xảy ra như thế khi bạn kể về những câu chuyện ma. Tôi có hai phần thịt hầm. Em có tin là Jeanne đã nấu món này không?” Cô ấy nấu tất cả các món này à”. Tôi đoán là cô ấy không thể nào làm hết tất cả trừ khi có mẹ giúp.

“J.B thay thế cho cái gì?”

Rose ngập ngừng , sau đó nói “Julia Burgess”

“ Đó là ai vậy”

“ Là bà của mình”

“Bà vẫn còn sống chứ”

“ Còn”

“Bà đang sống ở đâu?”

“Long Island”

“Bạn có viếng thăm bà không thường xuyên không?”

“Mình chưa bao giờ gặp bà cả”

“Mình cũng chưa bao giờ gặp được bà của mình cả”

“Cầu cho lũ già xuống địa ngục hết đi”

“Mình uống mừng cho điều đó nè”

Chúng tôi cạn ly lần nữa, sau đó tôi nâng cái cốc nhỏ của mình lần thứ ba.

“Hãy cạn ly cho thế kỷ hai mươi nào” tôi nói, “bởi vì đó là thế kỷ của chúng mình.”

“Cho thế kỷ hai mươi nào”

Các chị có nghĩ là chúng mình sẽ bị say vì bia hơi không?

Lily giật mạnh những chiếc lá to xù xì từ một cây thích và xếp chúng vào dưới đôi ủng của cô ấy. Cô bé đi xuyên qua ranh giới nước Mỹ đến Maine và trải qua những con đường gồ ghề đến những con đường phẳng lì. Cô quỳ xuống bên đường và thì thầm những lời cầu nguyện, cuối cùng, cô đã đặt chân lên một đất nước khác.

Đó là vùng đất gần Calais, và nếu bạn đi đến đó bây giờ chiếc đồng hồ của bạn sẽ thôi hoạt động.

Lily biết rõ nơi cô sẽ đến, chỉ cần đi dọc theo bờ biển. Nếu cô có thể nhìn thấy đại dương bên phía trái thì cô không thể nào đi lạc.

Chúng tôi nhanh chóng rửa bát đĩa, sau đó, Rose đặt cái khay bạc, hai cái ly, một thùng nước lá, một hộp nhỏ soda và chai rượu whiskey, và đặt nó trên bàn cà phê bên cạnh sôpha nơi Jeanne nằm. Tôi sợ rằng Jeanne sẽ thức giấc và bắt gặp chúng tôi, nhưng Rose nói, “đừng lo lắng. Bà ấy sẽ không thức giấc cho đến khi

bạn của bà ấy đến đâu.” Tôi không có hỏi “ người ấy là ai” bởi vì tôi không muốn Rose sẽ nói dối với tôi một lần nữa. Cô ấy dẫn tôi đến cửa, mở cửa cho tôi, thật lịch thiệp, và nói, “phụ nữ trước”. Khi tôi bước qua cửa, tôi đã quay mình mỉm cười với Rose và bị Jeanne bắt gặp trong gương phía trên bệ lò sưởi. Bà ấy vẫn đang nằm gọn gàng trên chiếc sôpha , nhìn thẳng chăm chăm vào tôi.

Bạn có bao giờ nghĩ sẽ có một người đang đeo mặt nạ như trong buổi khiêu vũ không? Bạn có bao giờ tin rằng có những người mà cơ thể của họ như vẫn đang còn sống trên trái đất nhưng linh hồn của họ thì đang ở trong địa ngục không ?

Lily bị mất dấu nguồn nước nhiều ngày tại một thời điểm nào đó, ngừng lại để dò thăm, “ nước đang ở đâu?” Cô bé đã đi ra khỏi những con đường bằng phẳng. Cô bé chia phần khoai tây luộc của mình với một người đàn ông gầy gò chậm rãi đến từ Oklahoma, ông ấy không dự định đi một nơi nào cụ thể cả. Cô bé hỏi ông có biết nơi nào có nước không. Ông ta dẫn cô đến đường ray mà hướng về phía đông nam đi cho đến khi hình ảnh của đại dương dần hiện ra. Có thể nó nằm giữa những dãy cây và đường ray, dưới bầu trời đen mịt mù, ông ta bắt đầu kể quê hương của mình, một vùng đất của sữa và mật ong và Lily hỏi tại sao ông ấy lại ra rời xa quê hương. “Chỉ muốn bay xa thôi” ông ta đáp lại. “Kia là quyển gì mà cô đang đọc thế?”

“ Quyển nhật ký của mẹ tôi”

“Mẹ cô đang ở đâu?”

“Bà ta không còn nữa”

“ Thế nên cô giữ quyển sách kia, đó là kỷ niệm rất đáng giá”

Và ông ta đưa cô xem tấm ảnh của vợ và con mình “Họ đã qua

đời rồi sao?” Lily hỏi:

“ Theo như tôi biết thì chưa”

Ông ấy trở người làm Lily tỉnh giấc. Cô lặng nhìn ông ngủ, và thầm nghĩ khi mà cô có thể xoa dịu mọi nỗi thống khổ trong lòng người đàn ông đó, hơi thở khò khè kia có thể chột ngừng. Lúc rạng đông ông ngồi dậy và quên cả ho. Ông xốc eo cô lên và thúc mạnh vào bên trong cô gái, dù cô nàng trẻ hơn ông rất nhiều, đối trọng với từng lớp mỡ thừa có từ hàng ngàn thế kỷ trước của người đàn ông từng trải, đầy đam mê và hoang dại.

Tôi không kể cho Rose rằng mẹ cô ấy đã nhìn thấy chúng tôi.

Cảm giác thật tuyệt khi đi dạo tay trong tay với Rose. Mọi người nhìn chăm chăm một cách tò mò. Tôi đoán tôi đã tìm được một thứ mà có thể gây được sự tò mò hơn ở tôi cho các nhà hàng xóm ở đây. Đó là một buổi tối gió mạnh. Rose đã đánh bóng đôi giày ống màu đen cũ kĩ đến sáng loáng và tôi ao ước đến điên cuồng có thể mặc chiếc đầm mới. À, lần sau vậy.

Tôi bắt buộc cô đi xuyên qua cửa của Mecca như thể phải chìa súng vào cô ấy. Điều tuyệt vời nhất về Mecca là có hết tất cả mọi thứ. Tôi chưa bao giờ lục tung nơi này lên như tôi đã làm đêm qua ở chỗ Rose. Tôi nhìn thấy việc đó qua đôi mắt của cô và tôi có thể chỉ ra thế nào là được gọi là thứ tự. Hầu hết là những đàn ông da màu và không mấy có nhiều phụ nữ. Những người đàn ông ăn mặc bóng nhẫy ngoại trừ túi tiền họ thì đã cháy sạch sành sanh. Họ kiếm nhiều tiền hơn cả những thợ mỏ, tôi biết được chuyện ấy bởi vì tôi được nghe từ một gã thanh niên trong chiếc cavat bằng lụa tên Aldridge. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy những gã thanh thiếu niên điệu bộ làm dáng như cách bọn họ đã làm. Họ dựa vào

quầy bar như những con ong chuẩn bị hút mật, đợi những phụ nữ vi vu xung quanh, và như bạn biết đấy bọn họ đã làm cho mẹ mình đau lòng biết bao. Họ tạo những nụ cười bí ẩn và khúc khích khi trò chuyện với những chàng thanh niên da trắng.

Cũng có những cặp trai gái ở tuổi trung niên, những người cười ngượng nể nổi tiếng. Họ là những người duy nhất đã dẫn vợ mình đi theo, hai người phụ nữ trông có vẻ rất nghiêm túc. Có một nhóm đàn ông từ Tây Ấn Độ trong bộ râu mép chì mỏng đang trò chuyện cùng nhau. Một trong số họ là luật sư và người khác nữa thì quen thuộc với tôi - Nico. Ông ta gọi tôi là “ chérie”. Có một người đàn ông trẻ siêng năng lúc nào cũng ngồi một mình viết sách.

Tối nay tôi thấy có ba hay bốn cô gái da trắng đang ngồi cùng với bạn trai da màu của mình và tôi nói với Rose là, tối thiểu chúng ta không phải là những người tham gia buổi tối nay và cô ấy đáp lại “vâng đúng vậy.” Tôi nói, “ Họ nhìn không như da màu”. Và cô ấy nói, “Say Negro”

Một người Do Thái mang theo một thùng bia đi cùng với ông ta vào quán- ông ta là một người đàn ông lạch lăm đứng tuổi, nhắm đôi mắt mình lại và gật gù theo tiếng nhạc bất kể âm điệu có hoang dã đến đâu. Đêm nay cũng có những bàn cho tầng lớp cao trong xã hội đã tồn tại trong một thời gian dài - các cô nàng và các chàng không biết một điều gì về nơi họ đang hiện diện và cứ nghĩ rằng mình thật sự thông minh khi hiện diện nơi này. Chắc chắn rằng họ cũng nghĩ như thế về tôi.

Thỉnh thoảng tôi thắc mắc, có thể nào nó còn khó hơn cả lau sàn nhà ? hoặc có tới bảy đứa nhóc?

Việc làm ăn phải phát đạt bởi giám đốc đã lắp đặt một sân khấu nhỏ, đèn sân khấu, và tấm màn tím lấp lánh với “MECCA” được viết là À la Araby trong đồng xê quin vàng phản chiếu lại bóng hình của những cái tháp, mười phút sau khi chúng tôi ngồi xuống , một người đàn ông trong bộ tuxedo bước ra từ sau chiếc màn và tuyên bố, “ thưa quý ông và quý bà, Club Mecca rất danh dự được giới thiệu “ Ali Baba và Bốn Mươi gã điên rồ!”

Sau buổi diễn, ban nhạc chơi những bản nhạc nhảy, but I couldn't for the life of me get Rose up on her feet. Cô ấy đã làm vậy, tuy nhiên, sự nhận lời một cách hòa nhã khi những người lịch sự hay không lịch sự yêu cầu cô ấy cho phép họ được nhảy với tôi. Tôi đã nhảy với một người. Những người Do Thái bán đồ kim chỉ nhảy tất cả những điệu nhạc van xơ. Với một cậu trai trắng trẻo xinh xắn từ Long Island - Tôi hỏi cậu ấy nếu cậu ấy có quen với Dân Thành Thị và cậu ấy trả lời một cách quan trọng hóa là họ là những người bạn thân của anh ta. Tôi hỏi cậu ấy có biết Jeanne và cậu có vẻ như không biết - sau đó cậu ấy nói có nghĩ đến một đứa con gái người mà “chết một cách rất bi kịch ở nước ngoài”. Tôi cười và cậu không yêu cầu cho lần nhảy thứ hai- cũng vậy thôi, cậu ta chỉ như di chuyển hai cái que củi vậy.

Một lúc, Rose đi với dáng điệu lừ đừ với ly bia trong bộ trang phục thật đáng yêu. Cô chẳng để mắt tới cho tới khi tôi nhảy cùng với bạn thân yêu Nico. Điều đó làm cho cô để ý, tôi có thể nói vậy, mặc dầu tôi không biết tại sao có sự khác nhau giữa những người đàn ông da trắng. Một sự khác nhau duy nhất mà tôi có thể thấy là, ngoại trừ những gã Ailen bặm trợn, gân cốt thì đàn ông Negro là nhất. Khi tôi ngồi xuống bàn trong khi ban nhạc nghỉ giải lao, Rose nói, “Mình sẽ nhảy với bạn nếu bạn dạy cho mình.”

Đó là điều đầu tiên cô ấy đã nói sau một tiếng đồng hồ. Tôi đã làm cho cô ấy ghen. Tôi hỏi cô buổi diễn như thế nào.

“Tầm thường không thể tưởng tượng nổi”

“Điệu nhảy rất hay”

“Quần áo mặc bên ngoài thật ngớ ngẩn”

“Nhìn ai đang nói kia.”

“ Ít nhất là tôi vẫn mặc đủ quần áo”

Tôi bắt cô ấy uống vài ngụm Whiskey của mình, sau đó tôi đã làm một việc thật điên khùng- tôi hôn lên đôi môi cô. Nhanh chóng, bạn biết không, cả hai chúng tôi ửng đỏ. Cô chẳng kháng cự lại, cô chỉ đưa tay lên gọi hầu bàn và yêu cầu thêm hai ly nước uống bằng một giọng lẳng sâu làm tôi bật cười, tôi nói thầm thì bên tai của mình là “ Bạn có đủ tiền trả không?” tôi chạm tai mình trên môi cô nàng. Cô vẫn đứng yên. Tôi hôn lên cổ cô giữa cổ áo và tay. Cô quay lại nhẹ nhàng và hôn lên môi tôi. Thật dịu dàng. Tôi quên đi nơi mình đang ở. Chúng tôi đang ở bất cứ nơi nào. Chúng tôi nhìn nhau... như thể em là ai.

Nước uống đã đến. Và Rose quay chỗ khác, e thẹn. Điều gì sẽ xảy ra cho tôi nhỉ, nếu Rose chưa bao giờ e thẹn . Mình sẽ bị đột quy vì những sự xấu hổ dồn nén này mất.

Có một điều gì đó đã xảy ra mà tôi chưa bao giờ nhìn thấy. Nơi đây tràn ngập những người da đen. Tôi dám cá rằng tôi đã nhìn thấy những quý bà ở phía Rose đang say mê với âm nhạc ma quái. Từ đó bao phủ nơi này từ khi tôi ở đây. Ánh đèn mờ mờ và đèn sân khấu lấp lóa trên tháp của Mecca. Sự im lặng phủ trùm cả câu lạc bộ và ông bầu nhạc bước vào gọi lên Thần của nhạc Blues, “các quý bà và quý ông, ngôi sao của buổi biểu diễn:

Hoàng hậu của Blues, Cleopatra của nhạc Jazz. The Lowest, the Highest, the Holiest, the Sweetest, Miss! Jessie! Hogan!”

Sự vỗ tay, la hô âm vang cả màn sân khấu mà chưa được vén lên. Giọng cao lên, trợ phụ, nổ tung lên cho đến khi bạn không rõ chắc là cô ấy đang cầu nguyện hay đang nguyện rửa. Cô ấy lê giọng lên những sỏi đá, sau đó êm ả như tơ tằm, cô đóng giá, chết, chôn, và tỉnh dậy, nó cứ đến giữ lại sự sống và cái chết. Mọi người đồng thanh khen ngợi, la hò, thỉnh thoảng cùng với nhau, thỉnh thoảng hát. Cô bước xuống sân khấu. Khán giả ửng ửng, cây kèn vang lên một âm thanh khá là gây sốc và cô ta găng với bài hát của mình, thời gian gấp bốn, dáng đi khệnh khạng đến giữa hội trường, nhảy, ban nhạc theo cô như những kẻ ngoan ngoãn đi theo một kho báu ngoại trừ cho piano- người đánh trống đánh từng hồi, thời gian cho mọi người bắt đầu vỗ tay. Cuối cùng cô nói “hân hạnh và một buổi tối vui vẻ” cứ như cô là một sự sống thuần khiết. Sự ngọt ngào từ vòng cột tóc ngọc trai và cô lóe lên nụ cười vàng ngà voi. Tôi đoán cô ắt hẳn nặng khoảng gần một trăm kí.

Tôi ngược lên nhìn Rose. Trong khi mọi người đang đứng đưa, lúc lắc, cô ngồi xuống nghiêm chỉnh, lắng nghe, và xem.

Sau lúc đó, bạn có biết cô nói gì về âm nhạc không?

“ Thật thô và thúc ép” Thật ra lời ca tụng.

Tôi càng uống nhiều, tôi càng nhớ hết mọi thứ mà tôi chưa làm. Tôi như một bóng ma cho tới khi chạm vào người bạn. Chưa bao giờ nuốt chửng thức ăn cho tới khi tôi ném được bạn, không bao giờ hiểu từ đã tuôn ra cho tới khi tôi tìm thấy được lưỡi của bạn. Tôi từng là người đi cà ngật , mở rộng tay để đập vào một vật rắn mà có thể làm tôi thức dậy với đời thường. Tôi đứng ở đây

dưới ánh đèn soi sáng mình. Tôi nhớ hết các bạn trong cuộc đời mình.

Cô hôn trên mặt tôi nồng nhiệt. Điều đó đã xảy ra, tôi rất ngại ngùng và chỉ có thể đưa cô trán của mình. Cô ấy thì thầm rằng tôi có bao giờ nghe trước đây , “ Mình chưa từng nghĩ là bạn có sự hấp dẫn, nhưng bạn lại có.” Chính điều này đã làm mình bật cười bởi vì đó là điều để nói! Nhưng cô giải thích, “Không, ai cũng có sự hấp dẫn và bạn cũng thế hoặc là bạn không, hoặc bạn không nhận ra. Và tôi nghĩ rằng đó là ma quái.

“ Bạn thật là quý quái”

Tôi thích nói chuyện tay trong tay với nhau

“ Điều đó dường như chẳng mấy là tính người” cô đáp.

“ Mình không_”

“Không_”

“ Con mèo chết nhất”

Cô hôn tôi nữa và chúng tôi không thể dừng một hồi lâu, lạc ra khỏi ánh sáng khi chúng tôi nghe tiếng ngựa đến. Chúng tôi nép mình vào một khúc hẻm và kéo áo cô xuống. Tôi ấn ngực mình vào cô, và cô thở dài. Tôi đã chìm đắm vào trong âm nhạc du dương. Cuối cùng tôi nhảy. Tôi trượt bàn tay dưới và để bên hông cô. Tôi muốn thời gian chậm chậm lại nhưng điều ấy không thể, cô nắm lấy tôi và di chuyển phía dưới. Tôi cảm nhận được đầu vú cô ấy trong lòng bàn tay tôi và tôi nghĩ tôi đã mê đi. Rose nhảy giật như thể tôi đâm vào cô và tôi cảm thấy như một tên dã man cướp đi cây linh thiêng, bóp đùi cô giữa chân của tôi. Tôi đã tìm thấy cô và để nó vào nơi tôi đã biết. Tôi mất hết tất cả dấu vết. Và cuối cùng, tôi có thể dừng.

Ôi Rose, nó vẫn chưa đủ cho đến khi tôi có em bên trong tôi, sau đó hãy đưa em quay về thế giới tươi mát và mới từ thắt eo em. Cô ấy chỉ nói một cách nhẹ nhàng “Ôi...” cho một thời lâu nhất.

Hãy tưởng tượng, trong một ngõ hẻm. Không quá lãng mạn. Nhưng bằng cách nào đó nó thật. Khinh khủng.

Thật thô nhưng thúc giục.

*

Dấu hiệu nói “ Lebanon” tôi có thể ngủ một hồi lâu được không?

Lily thắc mắc

“ Tôi đã nói ra!”

Lily hiện ra từ bóng tối của toa và người giám hộ tỏ ra hối hận.

“ Có cần sự giúp đỡ không”

Cảm ơn, thưa ông”

“ Cô sẽ đi đâu thưa cô?”

“Thành phố New York”

“Ừ thì cô chắc chắn đang suy nghĩ về chuyện này, đúng không?”

“Tôi đang ở Lebanon. New York ở đâu?”

“Tám mươi hoặc nhiều dặm đi ngược về phía cô đến, đến Portland sau đó rẽ phải, heh heh- hey, cô đang đi đâu?”

“Trở về”

“Cô không thể đi bộ”

“Vâng tôi có thể, đừng lo lắng”

Hai tiếng sau:

“Chào cô lần nữa, thưa cô”

“Chào ông, thưa ông. Tôi quên nhật ký của mẹ tôi ở trên xe.”

He hand-pumps them over the rails twelve miles to the lumberyards. Ông nhảy vào toa 29.

“ Đây à”

“ Vâng. Cảm ơn”

“Không có chi”

“Tạm biệt”

“Ở đây nè”

“ Cảm ơn, ông”

“Đừng đợi quá lâu mới ăn nó, có sốt ở trong đó”

“Đừng khách sáo”

*

Ngày 6 tháng 9- âm nhạc mỗi buổi sáng. Mecca mỗi buổi tối. Nó thật rõ ràng Rose trong ngục trang.

Ngày 7 thứ bảy - Hôm qua Jeanne nghiêng mình vào gần tôi và nói “Cô đã làm tôi nhớ về một người”

Tôi hỏi, “Thật không, Jeanne? Ai vậy”

Và cô đáp lại với nụ cười quanh co, hiển nhiên, xứng đáng trả tiền “ tôi”.

Tôi không nói lời nào. Bà lấy ra hết sức lực, giữ nó lại và hít vào. “ Ta đoán là cha của cháu sẽ phải nổi cáu về cháu.”

Tôi đang định nói lời chào Đức mẹ Mary trước khi tôi bước vào căn hộ.

Ngày 9 thứ hai - Bạn có bao giờ nhìn thấy hai ông giáo sư.

Kaiser thì rất thích sự tiến bộ của tôi. Thỉnh thoảng ông nói với tôi, “ hát” và với Rose, “ cô Lacroix, chơi nhạc đi nếu như cô muốn”. Và ngồi xuống.

Thỉnh thoảng tôi lấy lại cảm giác- không sớm thì muộn do i take leave of Rose in the afternoon in her ribbons and bows and dead composers, than i meet my lover in the snazzy suit fir a night of jazz and jive. Chúng tôi thử nó. Nó được làm từ một cây. Mùi hương tuyệt. Được mua từ Chinaman. Làm bạn mất thời gian, làm bạn nghe từng nốt nhạc từ mỗi hướng một lần. Làm tình một cách chậm chậm.

Nhưng tôi không mua thêm gì nữa vì tôi không muốn đánh thức tâm thức điên dại. Nếu tất cả âm nhạc đều lồi cuồn, thì không còn gì hơn. Và có rất nhiều thời gian để chậm chậm lại, tất cả là phần còn lại của cuộc sống chúng tôi.

Khoảng 3 đêm rồi chúng tôi không đi Mecca. Tôi đến nhà Rose và đợi trong khi cô đang móm thuốc cho mẹ, đổi quần áo (tôi đưa cô chiếc thắt lưng từ áo đầm mới của mình. Tôi làm trầy nó xung quanh chiếc nón than để nhắc nhở cô. Cô nói cô không yêu cầu sự nhắc nhở. Sau đó cô hôn tôi theo cái cách mà làm tôi ghét thời gian. Chúng tôi ăn trưa và đi ra. Chúng tôi không thể ở chỗ cô ấy bởi vì “bạn” của Jeanne. Chúng tôi đi ngang qua một trong những quý ông đang đứng trên cầu thang tầng hai. Một người đàn ông đứng tuổi rậm râu với bụng phê, kính một mắt. “Ông ấy điều hành tổ chức tín dụng,” Rose kể tôi nghe. Tôi đoán Jeanne khá xinh đẹp. Bà ấy phải trả viện phí cho dù thế nào. Có đủ các ông sẽ trả cho công chúa tóc vàng thậm chí bà ấy gội rửa sạch sẽ và bị treo lên.

Đó không phải công việc mà đã phiền bà ấy, chính bà ấy. Bà ấy

thực sự đang ở đâu? Bà vẫn không nói lời nào về việc đã nhìn thấy chúng tôi. Tôi đã quen với việc ở nơi đây bây giờ khi Rose cho phép bà ta làm. Đó là tất cả những gì bà quan tâm. Bà ấy vẫn nấu, dọn bàn cho ba người mỗi buổi tối, - đến để nghĩ về nó, tôi chưa bao giờ nhìn thấy bà ấy ăn. Và tôi đã quen với thái độ không đứng đắn. Những buổi tối khác bà nói giọng lè nhè với tôi, “tôi là người Burgess, cháu biết không tôi không biết nếu Rosie đã kể cho cháu chưa- một trong những Burgess ở Long Island. Cha tôi là George Morecombe Burgess.”

Và tôi nói giọng lè nhè lại, “ồ, thật à, tôi là một Piper, một trong các Piper ở Cape Breton Island. Có lẽ bà đã nghe về cha tôi, James.”

Nụ cười của bà nhiều chế nhạo hơn dâm dật, nhưng đó là bà đã kính trọng tôi một chút. Bà chơi mèο bắt chuột: “Kathleen, yêu dấu, cháu không có một người đàn ông đang đợi cháu một cách thống khổ ở nơi nào đó à?” và sau vài ly uống, “Cẩn thận với trái cây đen, cháu yêu dấu. Anh ta sẽ đưa bạn lên cao, Ô thật cao, nhưng khôn khổ, đến bộ xương”

Tôi khác với Jeanne như thế nào? Bà đã nghiện mocfin. Tôi nghiện Rose. Hoa hồng thì không phải là hoa anh túc. Đó là cách tôi khác với Jeanne.

Một điều gì đó đã xảy ra sau Boston. Lily hướng đến đường cao tốc cùng với dòng nước lấp lánh bên phía trái cô, mọi thứ tốt đẹp cho đến khi cô để ý dòng nước cả hai bên. Sau đó không có nhiều đất nữa, “có phải đây là Manhattan?” một hồi lâu trước khi có một người trả lời cô. Một thằng bé chạy vụt vào vùng cát và vỏ ốc, “khốn nạn thằng nhóc”.

Biển nơi đây thật đẹp, vì thế Lily ngồi xuống trên một cầu tàu để đọc và đợi đến khi mọi việc đã rõ ràng. Một người bắt tôm hùm nói cho cô biết nơi cô đang ở là đâu và đưa cô một cang cua ngon lành từ trong vạc nấu.

“Nước biển thật xanh,” cô nói.

“Lần đầu tiên cô nhìn thấy đại dương à?”

“Không, nhưng đại dương của tôi màu xám xanh.”

“Cô từ đâu đến?”

“Canada à?”

“Vâng? Tôi có một người em họ ở Vancouver, có lẽ cô biết nó.”

“Chắc là vậy!”

Ba đêm đầu tiên của chúng tôi sau đêm đầu tiên ấy: Chúng tôi đi tản bộ tới Công viên trung tâm. Một nơi gần Hồ. Rose mang theo một tấm bạt và tôi thì mang theo rượu Hoa anh đào dại. Có một bụi cây và bạn chui vào trong ấy như một chú thỏ. Bạn bò trên mười ngón chân hay đại loại như vậy và rồi bạn có thể đứng lên và ngắm những vì sao và cũng chỉ những vì sao mới có thể ngắm nhìn lại bạn. Chúng tôi trải tấm chăn ra và chúng tôi luôn cùng nhau uống chung một ly rượu trước khi chạm vào nhau. Tôi nghĩ là tôi sẽ trở nên điềm tĩnh hơn, chắc chắn hơn, nhưng mỗi lần chúng tôi đến gần nhau thì ban đầu tôi cảm thấy gần như muốn bệnh, cứ như thể là mỗi lần chuyển động cùng với thời điểm trước đó. Tôi cảm thấy sự đau khổ khủng khiếp đang dâng lên nghẹn họng, tôi không biết tại sao nữa. Và điều đó chỉ có thể được an ủi đối nghịch với chiều dài cơ thể của cô ấy. Cùng nằm dài bên cô ấy lần đầu tiên, tôi đã không còn biết đến tất cả nỗi đau tôi từng có, cho đến khi cô ấy chạm vào thì chúng biến mất tựa làn

khỏi. Có phải nơi luyện ngực cảm giác giống như vậy không? Đốt cháy không đau đớn? Nếu vậy thì tại sao nó không được gọi là thiên đàng?

Khi những ngón tay tôi lướt trên người của Rose xinh đẹp, khi chúng làm cô ấy vỡ ra cho đến khi bộc lộ ngọt ngào. Và cô ấy thở phì phò như cánh buồm ở mỗi hơi thở của tôi, khi chúng trở nên sáng lấp lánh vào bên trong cô ấy và biến mất. Cứ như cô ấy là một người lính rơi vào cánh đồng được chữa lành bởi tôi. Cái đầu cô ấy thì ở về một bên. Tôi cởi bỏ quần phục của cô ấy và cuối cùng thì cô ấy có thể đi về nhà. Bạn không biết là cô ấy xinh đẹp đến dường nào đâu. Cuối cùng tóc cô ấy xõa ra đầy bọt đen. Da cô ấy như dòng nước về đêm được tôn sùng bởi mặt trăng, người tình da trắng của cô ấy. Tôi gấp quần áo cô ấy lại cẩn thận và mặc cho cô ấy bằng lưới, bằng tay, bằng phần trọng tâm ướt át, thứ nhựa thơm thực thụ của vùng núi Gilead. Bạn có biết rằng nó làm liền những vết thương và mở toang những trái tim?

Cái đầm lụa nhợt nhạt màu xanh lá mà họ từng gọi là cái đồ trong mặc ở nhà. Tôi chỉ mặc mỗi nó thôi. Nó trơn tuột như lớp da. Nó phù hợp với sự vuốt ve nhẹ nhàng nhất giống như cái áo sơmi của chiến binh Mông Cổ, có ý định làm cho nhãn mũi tên sắc nhọn ra khỏi vết thương. Có một cái bóng cây khi tôi quỳ xuống chân Rose và mời cô ấy tự thư giãn dưới cái trảng mát mẻ này. “Hãy nhìn kia” Tôi nói và tôi có thể cảm nhận được sự âu yếm trong mắt cô ấy. “Hãy chạm vào mình đi” Đó là điều gần gũi nhất mà không hề có khoảng cách. “Hôn mình đi” Cô ấy chạm đến hông của tôi, kéo tôi thấp xuống môi cô ấy như thể nhấp từng hớp cảm xúc bất ngờ thần kỳ. Bạn càng uống thì càng no nê.

Mới đầu Rose hơi bị choáng nhưng tôi đã khám phá ra một vài

điều về những người nhu mì. Họ chỉ chờ được nhận cuộc gọi mà thôi. Rồi thì họ là người đầu tiên vượt ra khỏi bức tường và vào trong thánh đường. Khi cô ấy đi vào nội tâm tôi thỉnh thoảng tôi lại nghĩ về những ngón tay cô ấy trên cây đàn dương cầm. Thật kinh khủng tôi biết vậy, nhưng tôi không thể ngừng suy nghĩ về nó. Cô ấy được trời phú cho một gang tay thứ mười. Tôi thỉnh thoảng hát một đoạn trong bản Traviata giữa hai đùi cô ấy mà điều đó làm cho cô ấy chướng tai gai mắt bởi vì với tình dục cô ấy cũng nghiêm túc như với âm nhạc.

Tôn kính.

Khi nào cô ấy sẽ khám phá ra rằng tôi đến từ chủng tộc tệ hại hơn của sự bất tử? Những vị thần tối cao luôn cần những con yêu tinh để thuyết phục họ trở về thực tại. Khi cô ấy không còn cần đến người trung gian nữa thì cô ấy có còn yêu tôi không?

“Tôi yêu em, Rose”

“Tôi yêu em, tôi yêu em, yêu em”

“Ai?”

“Kathleen”

Rồi chúng tôi cùng tắm trong Hồ,

Khi tôi về đến nhà vào đêm thứ ba- thực ra là buổi sáng. Giles đã thức dậy với thức uống cà phê phin. Tôi nghĩ, ôi không.

Lily nghĩ “Hèn gì mọi người trong Cape Cod nghĩ rằng tôi bị điên”. “Không ai có thể làm lẫn đảo Manhattan với bất kì nơi nào khác mà họ đã thấy”.

Đường cao tốc đã trở thành đại lộ Broadway. Cô ấy băng qua sông Harlem và hỏi, “công viên trung tâm đâu rồi?”. Lần này cô ấy đã tự tin rằng đó là một câu hỏi có lý. Nhưng mọi người vẫn

không trả lời câu hỏi của cô vì một số lý do, họ nhìn cô ấy nhanh rồi lướt đi. Cuối cùng, một người phụ nữ mặc đồ trắng tay mang giỏ trái cây đến và nói, “đi với tôi, cô bé”.

Lily được đưa đến một ngôi làng nơi mà người phụ nữ cho cô đi tắm và đưa một bộ đầm mới cho cô. Lily nói, “bà có thể giặt bộ đầm của tôi nhưng tôi không muốn một bộ mới, và bà có thể làm sạch tôi nhưng tôi không tháo đôi giày của tôi, cảm ơn”.

“Mắt cá chân của cô đã bị sưng lên to rồi”

“Tôi đã đi rất nhiều”

“Cô rất là xinh đẹp đằng sau vẻ bề ngoài đầy bụi này đây”

“Cảm ơn”

“Thật tội nghiệp cô bé”

“Tôi rất tội nghiệp à”

“Chúa thương con”

“Tôi biết”

Chiếc váy màu xanh của Lily bắt đầu tan đi sau đợt nước đầu tiên. Người phụ nữ nói “thứ này rất phù hợp với cái thùng rác”, và sau đó là một tiếng thét trong đau đớn.

Bà quản lý chạy đến và hỏi “có chuyện gì thế?”, và người nữ công nhân trả lời “con quỷ nhỏ này cắn tôi”.

Nhưng sau đó Lily đã mặc đồ, và đã ở ngoài đường.

Một người đàn ông với vẻ mặt xanh xao, đội nón với mái tóc mai dài và đen chỉ hướng bắc.

Cô ấy bước vào cửa nam của công viên trung tâm và tìm thấy cái hồ như là đầm lầy buổi chiều. Cô ấy nhìn vào bụi cây nhưng không thể tìm thấy nó. Cô ấy tìm thấy một băng ghế trống, nằm

co lại ôm cuốn nhật kí và chìm vào giấc ngủ. Cô ấy nhúc nhích vài lần và bị đánh thức bởi cú gõ của một cây gậy tuần tra vào lòng bàn chân của cô, “đi chỗ khác”.

Và hơn thế nữa, cô ấy ngồi dậy và bắt đầu bước đi, “Tôi xin lỗi cô bé, cô không có chỗ nào khác để đi à?”

“Tôi có, cảm ơn anh, đừng lo cho tôi”

“Cô đi một mình à?”

“Không, tôi đi cùng với anh trai tôi”

Trong căn phòng nhỏ của tôi với những mái nhà của thành phố Greenwich phía sau cửa sổ. Cây phong lữ đỏ, không khí mát mẻ của thủ đô, một thành phố công nghiệp. Chúng tôi nằm sát nhau rất lâu và cùng ngắm nhìn. Cảm xúc nhẹ nhàng dâng trào, như là hơi thở. Đen và trắng. Ngoài việc cô ấy nghĩ cô ấy thực sự xanh, tươi mát.

“Ở đó...thấy không?”, cô ta chỉ vào chồi cây màu xanh của cây non như là một bằng chứng, bắt đầu dang sau tai tôi, xuống tới cổ nơi nó lặn xuống và xuất hiện dưới ngực tôi, mọc lên, chẻ ra làm hai nhánh bao quanh đầu vú tôi. Cô ấy đưa ra thêm chứng cứ ở bên trong bắp đùi.

“Nó mọc lên và hướng về rốn. Tôi đang tự hỏi là rễ của nó ở đâu.”

“ Nó còn tùy thuộc vào việc mình là cây che bóng mát hay là một thực vật thủy sinh”

“Bạn màu xanh”

“Đúng, mắt mình màu xanh”

“Bạn trông rất trắng, nhưng bạn toát lên sức xanh đầy sức

sống”

“Điều vừa nói ra thật tuyệt”

“Bạn rất đẹp”

“Mình xanh ___”

“Một cô gái màu xanh rất khác lạ, la Diva Verde ___”

“và mình nghĩ thấy ___”

“bạn cũng có mùi.”

Tôi nói “bạn cũng vậy”

“Mùi của mình là gì?”

“... gió __”

“Ha__”

“__ mọi thứ thật xứng đáng để cướp.”

“Hm.”

“Thế còn mùi của mình?”

“...khoáng chất”

“Đó là bởi vì mình biết bạn và mình có thể dịch được những gì trong tâm trí bạn. Mình biết những gì bạn sắp nói, “em yêu, em rất say đắm, vị ngọt của sữa và mật ong đến từ dưới lưỡi em __”

“và mùi thơm của quần áo như là mùi của Li-băng”

“Ha!”

Cô ấy hôn tôi. Sau một thời gian, cô ấy nói “thực ra, bạn có mùi của biển”

“Bạn biết gì về biển, ở New York đâu có biển, chỉ có cái cảng dơ bẩn”

“Mình biết điều đó”

“Vậ mùi của nó như thế nào”

“Như là đá vậy. Như là một ngôi nhà trống với tất cả cửa sổ được mở toang ra. Như là suy nghĩ, như là nước mắt. Như là tháng 11”

“Thế còn cái cây?”

“Nó là một phần thực thể sống”

“...bạn có lạnh không?”

“Không ...ở đây.”

“Cám ơn”

“Minh sẽ không bao giờ rời xa bạn, Kathleen.”

“Đừng bao giờ rời xa mình.”

“Minh sẽ không bao giờ”

Ngày 1 Tháng 11, 1918

Caro Diario,

Đây là bài hát cuối cùng của tôi. Nó đã xảy ra. Tôi quá hạnh phúc đến nỗi không thể viết thêm một bài nào nữa. Đây là dịp cuối để tôi thu âm nó trước khi tôi hôn và đóng cửa vĩnh viễn. Hôm nay Kaiser đưa tôi đến nhà hát opera thành phố.

Người giữ cửa cho chúng tôi vào. Tất cả đều rất êm ả, tất cả đều chìm trong bóng tối, chờ đợi đêm diễn đầu tiên của mùa vào 11 tháng 11. Người trông coi kéo chiếc màn vàng lên và tôi đứng giữa sân khấu như là Samson và Delilah và nhìn vào trong nhà.

Đằng sau sân nhà hát, những chiếc áo váy và ban nhạc đi ra trước tôi, và bên cạnh của ngôi nhà để gặp ban công trên ban công dựng lên và quanh tôi như tầng lớp của boong tàu lớn đi biển. 3465 hành khách, không kể nhân viên. Buổi trưa nay có hai

khán giả. Rose và Kaiser. Trung tâm ban nhạc. Tôi hát Quanto m'envo của Bohème. Và nhận được sự tung hô nhiệt tình. Tôi sẽ hát cho Getti Casazza vào lúc 12h. Tôi sẽ làm buổi trình diễn đầu tiên trên sân khấu này vào năm sau. Nhưng tôi có một chuyến đi xa đầu tiên hôm nay.

Bạn nhật ký dấu yêu ơi. Người bạn trung thành của tôi. Có tình yêu, âm nhạc, không có giới hạn, công việc, những cảm giác quý giá mà đây là giây phút vinh dự khi mà tất cả mọi thứ tập trung lại và được chưng cất để tạo thành giây phút thư giãn của đời tôi. Tôi không tin vào chúa, tôi tin vào tất cả. Và tôi ngạc nhiên vì sự may mắn của tôi. Cảm ơn.

Love, Liebe, Amore

Kathleen Cecilia Piper

Chương 9

Cây gia phả

“Cát của Mecca đã tạo thành hình hoa hồng” (Những tên trộm thành Baghdad)

Lời khắc trên cổng vòm bằng đá nói rằng “Cầu nguyện cho chúng ta”. Do đó Lily đã làm theo, khoanh tay ôm quyển nhật kí trong lòng và cúi đầu.

Cô đã ngồi đọc ở đây cả tiếng đồng hồ, ở cửa đối diện đường 85 1/2 135. Cô cảm thấy vui vì cuối cùng thì người phụ nữ làm nhiệm vụ cũng đã tìm ra cô mặc dù váy và giày của cô nhìn quá tệ, nhưng mái tóc của Lily vẫn sạch bóng và khuôn mặt cô đang tỏa sáng. Phía bên kia đường, nhà thờ vẫn nằm ở tầng hai với bốn ô cửa sổ màu mới: quyển kinh thánh đang đóng, quyển kinh thánh đang mở, Chúa Giêsu đang đứng và xung quanh là bày cừu, Chúa Giêsu đang ngồi và xung quanh là bày cừu. Tiệm thịt vẫn còn đó nhưng đã được đổi tên thành “Cửa tiệm thịt và tạp hóa xanh Cộng đồng Harlem”, nhưng “Cửa hàng bách hóa nam

giới Dash Daniels Harlem” đã được thay bởi “Trường thẩm mỹ Joy and Coralee:Hệ thống Bonaparte”, “Trường cơ khí A2Z”, “Tiệm sách Phục Hưng”, “Tiệm chụp hình Johnson”, “Tiệm cắt tóc Johnson” và “Phòng công chứng R.W.J. Johnson”.

Có những cái tổ chim như thế này ở khắp nơi trên các tòa nhà được chia tách một cách hào phóng, bùng nổ các cửa hiệu kinh doanh và những bảng hiệu nhỏ ghi “Nguy hiểm, tránh xa” bên cạnh những cái đang xếp chồng lên nhau và vẫn còn để trống. Những người sống sót dường như đang bám vào nhau để tìm kiếm hơi ấm, hy vọng có thể tránh được đợt càn quét tiếp theo của máy cắt qua khu dân cư, nơi này dường như không đủ chỗ để chứa tất cả những mơ ước, những năng lượng, sự bùng nổ của các doanh nghiệp và những tiếng sét của niềm tin và âm nhạc. Hơn nữa, Harlem phụ thuộc vào kinh doanh du lịch. Thời thế càng khó khăn thì lại có càng nhiều người thức dậy trên những bữa ăn di động tại các buổi tiệc bán thiu và một chuỗi những câu lạc bộ đèn chớp nháy mà những thiên tài thường đi vào từ cửa sau.

Lily nhìn ba cậu bé đội mũ phớt và mặc áo khoác dài đang tụ tập quanh một cái rương gỗ để chơi một trò chơi bí ẩn. Một người phụ nữ ăn mặc như nữ tu đi ngang qua và quắc mắt nhìn cô, sau đó vờ tỏ vẻ kinh ngạc và nói “Chúa phù hộ cho cô”. Mấy cô bé đang chơi nhảy dây, trẻ con ở khắp mọi nơi. Từ này đến giờ người bán thịt phía bên kia đường đã đứng dựa cửa và nhìn Lily, ông ấy là một người đẹp trai khoảng ba mươi tuổi, ông cất tiếng hỏi “Cô đang chờ ai à?”

“Không, thưa ông”

Ông mỉm cười “Mẹ của cô là ai, cô gái? Bà ấy đang ở đâu?”

Lily cười lại, từ lúc ở Cape Breton đến giờ cô mới nghe thấy những lời có thể làm mình cười như vậy.

“Bà ấy mất rồi”

Ông gật đầu. “Đói bụng không? Trông cô có vẻ đói đấy”

“Không, cảm ơn ông, có người đang đợi tôi”

Lily đứng dậy, đi qua đường và lướt qua mặt ông, bước lên những bậc thang đi qua cánh cửa vòm bằng đá để vào bên trong rạp hát mát lạnh hình vòm. Đi lên cầu thang, cây gậy của cô tạo ra những tiếng leng keng trên nền nhà bằng đá cẩm thạch đã mòn. Nhà thờ nằm trên tầng hai, phía bên trái. Lily thò đầu vào để xem một nhà thờ Báp-tít là như thế nào. Có ba người phụ nữ đứng tuổi đang lau dọn và nói chuyện, nhưng họ ngưng phất lại khi người lớn tuổi nhất phát hiện ra cái đầu tò mò của Lily đang lấp ló ngoài cửa và hét lên theo đúng cái cách mà người ta sẽ hét khi thấy một con quỷ xuất hiện trong nhà thờ. Hai người còn lại cũng hét lên “Ôi Chúa ơi!”, “Lạy Chúa cứu thế!” - họ có thể cầu Chúa nhưng họ không phải là những người theo Thiên chúa giáo.

Lily lùi lại “Xin lỗi”.

Người phụ nữ can đảm nhất đến bên cửa và nhìn Lily đi lên tầng ba, sau đó bà quay lại với hai người bạn và giải thích “Con quỷ tóc đỏ đó đã hủy hoại cô Rose và đã quay lại với hình dạng thu nhỏ và rách rưới.” Đó là sự thật.

Tầng ba. Cửa mở, hai hàng người đang ngồi nhìn chăm chú, hầu hết là trẻ con, một người phụ nữ trẻ đang chuẩn bị đặt ra những câu hỏi chất vấn thông thường cho tới khi cô nhìn thấy đó là một cô gái què quặt. Sự hiếu chiến được thay thế bằng lòng hiếu kì. Lily len vào trong theo những tiếng thì thầm và cứ mỗi

một tiếng cười khúc khích vang lên thì ngay sau đó là một tiếng “Bốp” .Căn hộ số 3. Lily gõ cửa và chờ đợi, quay xuống khán giả đang im lặng và mỉm cười. Người phụ nữ lùa bày trẻ vào lại trong nhà và đập cửa lại. Lily lại gõ cửa. Cô biết rằng có người ở nhà, cô nghe thấy tiếng đàn piano - nhẹ nhàng, chơi bằng một tay, cứ như bàn tay đó đã ngủ quên và giờ đang nằm mơ vậy.

Cô gõ cửa lần thứ ba và cuối cùng cũng có một tiếng nghèn nghẹt đáp trả “Biến đi!”

Lily ghé miệng vào vết nứt trên cửa và nói một cách lịch sự “Bà Lacroix phải không? Lily Piper đây, tôi đến thăm bà và có mang theo cái này cho bà nữa” Im lặng.

Lily chờ, đó là một khoảng im lặng khá lâu nhưng không hẳn là trống rỗng. Cuối cùng cũng có tiếng kéo ghế sột soạt. Tiếng bước chân mạnh mẽ và chậm rãi. Một giọng nói vang lên từ phía bên kia cánh cửa “Ở đây không có bà Lacroix nào cả”.

Lily chờ, cánh cửa mở ra và một người đàn ông nhìn cô. Mặt ông ấy toàn góc cạnh, đẹp trai và giản dị, ông có vẻ hơi gầy quá. Mái tóc đen cắt sát da đầu, cổ cao, chiếc áo sơmi trắng mở một nút ở cổ. Chiếc quần bạc màu, đôi bàn tay cứ như không có khớp đang đơng đờ, chờ đợi quay về cuộc sống thực. Nhưng đôi mắt ông lại như là ông đã quên mất âm nhạc trong một khoảnh khắc.

Lily đứng đợi trong khi ông nhìn, một bàn tay ông giơ lên và ngón tay chạm vào trán cô, vuốt dọc theo mí mắt, má, môi và cằm. Ông ta đang khóc. Lily hỏi “Tôi vào nhà được không?”

Cô bước vào, người đàn ông lùi lại và đóng cánh cửa sau lưng cô khi cô đang đứng nhìn ngắm giữa căn phòng. Có một cây đàn piano, một cái ghế đánh đàn, một cái bàn và một cái ghế. Lily

quay về phía người đàn ông và nói “Chào Rose”.

Rose tiến thêm nửa bước gần về phía cô, Lily bước đến, Rose đưa hai tay về trước và chậm chậm huơ trong không khí như đang tìm kiếm thứ gì đó trong một cái tủ tối. Lily lao vào vòng tay đó. Khi Rose run rẩy và rùng mình, Lily cố giữ không để mình ngã. Khi Rose đau buồn thì cô lại càng cố đứng vững hơn - cô đã giúp nhiều người đứng dậy khi họ bị đánh đập và bên cạnh đó nhờ đi bộ mà cô cũng có một cơ thể khỏe mạnh.

Rose rúc vào cổ và vai Lily và rên rỉ vào tai cô cứ như có một thứ gì đó sai trái và nhọn hoắt vừa bị rút ra khỏi người cô. Cô rên lên

“Ôi không, không, không” bởi vì đối với Rose thì cứ như nó vừa mới xảy ra.

Việc dự một lễ tang rất quan trọng, người ta nói rằng việc nhìn mặt người chết, nhìn họ hòa vào lòng đất hoặc vào ngọn lửa cũng quan trọng bởi vì nếu bạn không làm vậy thì người bạn yêu thương sẽ chết đi chết lại vì bạn mãi.

“Không, không, không...”

Lily vỗ nhẹ vào lưng Rose như người ta vỗ lưng cho em bé. Rose thút thít trên vai cô “Tôi xin lỗi”

Nhưng cô ấy xin lỗi vì điều gì? Một người không cần đến lí do để cảm thấy có lỗi. Xin lỗi chỉ là một món hàng hóa trôi nổi tự do.

“Tôi yêu cô”, Rose nói.

“Tôi biết”

“Tôi sẽ không bao giờ rời bỏ cô”

“Được rồi”

“Kathleen”

Lời nói đó trở thành một nhát dao sắc nhọn và Rose co rúm lại trong nỗi đau đớn tột cùng. Chính lời đó đã làm cô đau đớn nhất, cô đã cố để yên nó ở nơi mà nó nên ở và vì vậy nên nó đã giết cô dần mòn và tê tái. Chính cái mảnh vỡ chết người cuối cùng đó, cái tên của cô.

Lily giúp Rose trong lúc cô nôn và khóc cho xong, cho đến khi tự cô có thể đứng vững trên chân mình.

“Được rồi, mọi việc đã ổn rồi, Rose à.”

Và Rose đã có thể hít hơi thở đầu tiên khi được giải phóng.

Lily pha trà, cô rót một ít trà nóng vào trong tách của Rose và hỏi “Tại sao cô không cứu cô ấy?”

Rose có thể lại rút vào cái khoảng cách yếm thế an toàn thường lệ của cô, nhưng ngay lúc này thì cô không thể nhớ ra được mình đã có gì và mất gì. Cô trả lời câu hỏi.

“Tôi đã viết rất nhiều thứ nhưng chúng được gửi trả lại và vẫn chưa hề được mở. Tôi định sẽ mắng cô ấy một trận bởi vì tôi nghĩ chính cô ấy là người đã gửi chúng ngược lại. Mặc dù đã có gặp qua cha cô ấy thì tôi vẫn nghĩ là không ai có thể giam cầm cô ấy được.”

Lily không hỏi nữa. Rose khuấy khuấy tách trà và nhìn xuống cho tới khi cô bắt lại được mạch của câu chuyện. “Cô thấy đấy, cô ấy lúc nào cũng làm những việc mà cô ấy muốn, đó là một điều tốt. Có lẽ nên nghĩ rằng cô ấy đã xong hết việc với tôi hơn là nghĩ rằng thứ gì đó có thể làm cô ấy tốt hơn. Tôi đã suy nghĩ và cho cô ấy vài tháng rồi cô ấy sẽ quay lại - sự nghiệp rục rờ của cô ấy, cô biết đấy. Cô ấy có thể rời bỏ tôi nhưng không thể từ bỏ âm

nhạc...”. Rose nhìn lên. “Nhưng cô ấy đã không quay lại. Lúc mà tôi mua vé tàu để đến cái hòn đảo chết tiệt đó...”

“Cape Breton”

“Ừ”, cô mỉm cười, “Capre Breton, Giles đã tìm thấy tôi và nói với tôi rằng cô ấy đã chết. Không hề nói gì về những đứa trẻ, chỉ nói là do cúm”

Rose nhìn dây phơi những thứ quần áo be bé ngoài cửa sổ. Lily nói “Lẽ ra cô nên đi bộ”

“Đúng vậy. Lẽ ra tôi nên đi bộ”

Họ ngồi im lặng một lúc, sau đó Lily hỏi “Hôm nay là ngày mấy nhỉ?”

“Tôi không biết, ngày mấy của tháng sáu đó, hai mươi một, à không, hai mươi”

“Sinh nhật tôi đấy”

Rose co người lại, mắt nhắm nghiền một lúc sau đó mở mắt ra và nói với một giọng khá là tử tế “Chúc mừng sinh nhật, Lily”

“Lẽ ra tôi phải ở Lourdes”

“Cô không nói gì về việc đó”

Có một cái mũ phớt màu xám tro với một dải băng màu xanh lục bảo treo trên cái móc sau lưng cửa. Lily với lấy nó và đưa cho Rose.

“Cô sẽ chơi cho tôi một bản nhé”

Rose đặt cái mũ ngay bên cạnh cô trên chiếc ghế chơi nhạc và bắt đầu chơi.

Khi âm nhạc đã lại nhường chỗ cho sự im lặng, Lily nhìn lên và nói “Cám ơn”

Rose lại quay lại bên cạnh li trà đã nguội, nhìn Lily gỡ thắt lưng, tháo giày ra úp ngược trên bàn. Một đồng lộn xộn: khi mấy cái lá phong bị hư đi, Lily lột đế giày bên trái của cô bằng một bức hình trên báo của tổng thống Roosevelt bởi vì cô tin tưởng ông và tăng cường cho đế giày bên phải bằng những lời hứa hẹn về “một giao dịch mới”. Những tờ giấy nhăn nhúm còn lại trên bàn trông có vẻ giống vua George đệ Ngũ và đó là lí do mà phải mất một lúc Rose mới tính ra được ba ngàn đô la trong cả trăm tờ.

“Cô nghĩ chừng này trị giá bao nhiêu tiền Mỹ?”, Lily hỏi

“Cô bé, ở đâu ra mà cô có chừng này?”

Lily trả lời “Từ chị gái Frances của tôi”

Rose gật đầu mỉm cười và nói “Mọi người đều nên có một chị gái Frances như vậy”.

Thánh Anthony, thánh hộ mệnh của những vật thất lạc

Bức tranh màu xinh đẹp của Bernadette và Đức mẹ ở Lourdes được đóng khung rất đẹp. Nó được treo phía trên bảng đen trong lớp học của Mercedes ở trường trung học Mount Carmel. Mercedes không bao giờ chán khi kể về những câu chuyện tuyệt vời của Bernadette, cô cũng không bao giờ để cho vài tuần bình yên trôi qua mà không đánh đố cả lớp “Đức mẹ đã xuất hiện trước mặt Bernadette bao nhiêu lần?”. Bernadette giờ đã là một vị thánh. Cô ấy được phong thánh trong Bữa tiệc của sự thụ thai không nhiễm tội, ngày 8 tháng 12 năm 1933 - cái năm mà Lily bỏ đi. “Và lúc Bernadette hỏi Người là ai thì Đức mẹ đã trả lời thế nào?”

Mercedes đứng thẳng thớm trên bục giảng trước mặt cả lớp, chờ đợi đường kẻ thứ bốn mươi trong sự nghiệp của cô và sự yêu

thích đối với các góc. Tháng 4 năm 1939.

“Còn câu đó thì sai gì?”

Cô gõ vào cái bảng bằng cây que chỉ - một cây gỗ mại châu được kéo căng với chất lượng tuyệt vời - và dùng phấn viết lên bảng:”Làm theo những gì mẹ dặn”

Cô dạy lớp mười, những đứa trẻ mười bảy tuổi. Chúa biết rằng chỉ còn không lâu nữa thì chúng sẽ học đến lớp mười hai và có thể là trong đám học sinh tốt nghiệp sẽ không có cậu con trai nào. Bây giờ chỉ còn lại có ba người. Một trong số đó, Bernie Muise “nai”, đưa tay lên. Mercedes nhìn một cách bối rối và mím môi, không hề nhận thức rằng việc đó sẽ dẫn đến một bức tranh biếm họa của cô treo trong sân trường. “Ta là ai, là đôi môi già nua!”

“Sao, Bernard?”

“Thưa cô, nó sẽ như thế này nhé: nếu tất cả con gái đều làm theo lời mẹ dặn thì dân số của đảo Cape Breton này đã giảm đi được một nửa rồi”

Một tràng cười nổ ra trong lớp. Những tiếng khúc khích hồi hộp vang lên khi Mercedes tiến đến bên bàn của cậu con trai to lớn - thằng bé đang mím cười, có vẻ như rất thích thú với đôi môi già nua. Một cú đánh giáng xuống, mạnh và nhanh chóng, cây thước gỗ nhòe đi trước khi thằng bé kịp đưa tay lên che đầu thì máu đã chảy xuống một bên mắt, và thế là lại có một cái biệt hiệu mới.

“Cô cần phải nghỉ ngơi đấy cô Mercedes”

“Vâng thưa xơ Saint Eustace”

“Có lẽ cô nên đi đổi gió”

“Tôi có vài người bạn ở Halifax”

Quận Halifax.

“Anthony, đến đây một chút”

Người quản lý ở nhà mở Nova Scotia cho trẻ em da màu đứng khoanh tay chờ trong lúc cậu bé ném những hạt thóc cuối cùng xuống cho bầy gà mái. Đây là chuyến đi đầu tiên của Mercedes đến đất liền. Cô đứng cạnh người quản lí. Cậu bé mặc một chiếc áo kẻ sọc đỏ và quần nhung kẻ sọc nâu có dây đeo cùng một đôi giày chắc chắn. Trông cậu rất khỏe mạnh. Người quản lí gỡ một cọng rơm trên tóc cậu và nói “Anthony, đây là cô Piper” Cậu bé nhìn xuống, có vẻ bẽn lèn và nói “...Xin chào”

“Xin chào cô Piper”, người quản lí nhắc.

“Xin chào cô Piper”.

Mercedes chờ tới khi cậu bé ngẩng đầu lên, sau đó cô bắt đầu hỏi “Ai đã tạo ra thế giới?”

Cậu bé ngập ngừng, hơi mở miệng ra, sau đó mới trả lời “Chúa tạo ra thế giới”

“Chúa là ai?”

“Chúa là Đấng tạo hóa của thiên đường, mặt đất và tất cả mọi thứ”

“Vậy con người là gì?”

“Con người là một sinh vật bao gồm thể xác và linh hồn được làm ra từ hình ảnh và sở thích của Chúa”

“Tại sao Chúa lại tạo ra con?”

“Chúa tạo ra con để biết đến Người, để yêu thương Người và phục vụ...”

“..và để phục vụ...”

“..và để phục vụ Người trên thế giới này và để hạnh phúc bên Người mãi mãi trên thiên đàng”

“Chúng ta phải làm gì để cứu rỗi linh hồn mình?”

“Để cứu rỗi linh hồn mình chúng ta phải tôn kính Chúa bằng cả niềm tin và hy vọng và sự nhân từ nghĩa là chúng ta phải tin tưởng vào Người, hy vọng vào Người và yêu thương Người bằng tất cả những trái tim”

“...tất cả trái tim...”

“...tất cả trái tim...”

Mercedes gật đầu. “Chỉ vậy thôi, con có thể đi được rồi, Anthony”

Cậu bé nhìn theo khi Mercedes quay lưng lại và chuẩn bị đi theo người quản lí và chặn cô lại bằng một câu hỏi “Cô là người phụ nữ tốt phải không?”

Mercedes quay lại và cảm thấy lúng túng, người quản lí đỡ lời “Người phụ nữ tốt đã gửi con đến đây và mong cho con được đầy đủ cơm ăn áo mặc sao? Đúng là vậy đấy.”

Mercedes vẫn không có phản ứng gì. Anthony nói “Cám ơn cô Piper” và linh đi mất, có vẻ bẽn lễn và ngại ngùng, và quay lại với đàn gà.

“Khu vườn dễ thương quá”, Mercedes nói với người quản lí.

“Đi nào, tôi sẽ chỉ cho cô xem khu trường học”

Mercedes đã sắp xếp cho Anthony được gửi đến đây từ trước khi nó được sinh ra. Nhà mở Nova Scotia đầu tiên cho trẻ em da màu được mở ra cùng lúc với một nửa Halifax năm 1917, nhưng

họ đã xây thêm một cái khác trên đường Preston. Mercedes không muốn Anthony lớn lên như một đứa trẻ từ thiện mặc dù đây đúng là một tổ chức hoạt động từ thiện của Hiệp hội Báp-tít Châu Phi - một số trong những người phụ nữ tuyệt vời nhất mà bạn sẽ muốn gặp tại Hội giúp đỡ Phụ nữ. Ở đó còn có cả lớp học nhạc nữa. Anthony đang học violin. Mercedes trả thêm tiền Lourdes để yêu cầu họ nuôi dạy cậu bé thành một người theo Thiên chúa giáo. Và theo như Mercedes khẳng định cho tới lúc này thì những cô gái Báp-tít thực hiện tốt những điều họ nói như chính họ vậy.

Cậu bé đã được sáu tuổi và Mercedes có thể thấy rằng không có con quỷ nào bên trong cậu cả, cậu có đôi mắt y như mẹ mình.

Ngày đình chiến

Ta đã khởi đầu những thứ tồi tệ và đáng nguyên rủa nhất.

Từ nay con gái và cha mẹ người sẽ bỏ người đi xa.

Nhưng nếu tư tưởng của người nghe được câu chuyện của ta và tin vào ta.

Thì thay mặt người, ta sẽ không nghĩ rằng chuyện đó đã xảy ra.

OVID, METAMORPHOSES, QUYỂN X, MYRRHA VÀ CINYRAS

James lại nhận được một bức thư từ “Người ẩn danh luôn mong muốn điều tốt”, anh ra đi vào đêm hôm đó. Ba ngày rưỡi sau đó, lúc 6:05 sáng ngày 11 tháng 11 năm 1918, anh bước ra khỏi ga Grand Central. Anh đi bộ suốt quãng đường mà cô bé đang ở tại Greenwich Village bởi vì anh không tìm được một chiếc taxi, người ở đây quá đông đúc.

Anh gõ cửa nhưng không ai trả lời. Cánh cửa căn hộ đã bị

khóa, thực ra lúc anh đến thì nó đang khép hờ. Anh đẩy cửa vào và cất tiếng gọi nhưng không ai trả lời. Anh đi vào sảnh nhỏ và lắng nghe, “Xin chào? Có ai ở nhà không?” Anh nhìn vào phòng riêng của người phụ nữ đứng tuổi “Giles? Kathleen?” Vẫn tĩnh lặng như một nghĩa trang. Anh nghe thấy tiếng gì đó và hướng về phía đó. Tiếng cười khúc khích. Anh bỏ nón ra và móc lên cây treo đồ ngoài sảnh. Có tiếng thét the thé và tiếng cười ghen ghét từ...phía bên kia phòng của bà cô, dưới hành lang - có mùi hoa oải hương - anh bước đi nhẹ nhàng ngang qua nhà vệ sinh. Một căn phòng đóng cửa. Anh phân vân và áp tai mình vào ô cửa sổ mờ đục.

Chính Kathleen đã phát ra những tiếng kêu đó, nhưng không thể nhìn thấy gì qua lớp kính gợn sóng, chỉ thấy những cái bóng. Anh nắm lấy tay nắm cửa hình một nụ hồng và xoay nhẹ nhàng, mở to đôi mắt trần tục của anh để nhìn thấy...

Những lọn tóc đỏ xõa trên gối. Đôi tay con gái anh đang mân mê trên một tấm lưng màu đen, và chúng biến mất dưới một cái cặp quần sọc đang nhịp nhàng cử động giữa hai bắp đùi trần của con gái anh, giọng của cô bé, và giọng của một người khác “Ôi, ôi...”

Máu sôi lên trong mắt anh và anh lao vào phòng, lôi thẳng khốn nạn ra khỏi con gái mình bằng một tay và nện vào mặt cậu ta bằng tay còn lại rồi ném cậu ta vào tường, con gái anh trần truồng nhảy ra sau lưng anh bởi vì anh sắp sửa giết chết người tình của con bé bằng đôi giày của mình, nhưng James sẽ không bao giờ giết một phụ nữ. Đôi tay che lấy cơ thể của chính mình, miệng chảy máu, trượt dài theo bức tường, ôi Chúa ơi. James giật lấy tấm ra trải giường, bất ngờ lao đến bên cô bé đang bàng

hoàng và gói cô lại mặc dù cô đang nóng như lửa đốt, lôi cô ra khỏi phòng, xuống khỏi sảnh và ném cô ra phía hành lang như người ta ném một bao xương. Anh khóa cửa lại và gài chốt an toàn.

Trong phòng ngủ, con gái anh đang khóc và lóng ngóng tìm kiếm quần áo trên sàn nhà.

“Tại sao vậy, Kathleen?”, anh không hề cảm thấy giận dữ.

Cô ngược nhìn lên, khuôn mặt uất ức và đờ đẫn. Anh đưa một tay ra cho cô bé nắm lấy, đôi chân run rẩy, bàn chân níu lấy tấm thảm trải sàn để che thân.

“Tại sao vậy?” - lưng bàn tay - “Tại sao?” - lòng bàn tay - “Tại sao?” - và nắm đấm.

Cô ngẩng đầu lên, khuôn mặt nhìn thẳng về phía trước sưng phù lên. Anh nhìn vào những gì mình mới gây ra và ôm chặt cô bé trong tay. Cô đang ngập trong sự xấu hổ, làm ơn, cho cô ít quần áo.

“Im nào”, anh nói và hôn lên mái tóc, hôn lên khuôn mặt bị thương của cô bé. Đó là lỗi của anh - mình không nên để con bé đi xa nhà như thế - một cảm giác đê mê trong tay anh, “Ổn cả rồi, con yêu...”

“Đừng”, cô nói.

Anh không thể nói được nữa, anh quá yêu cô - gần hơn nữa - thật là mềm mại “Cha!”

Sau này anh sẽ nói cho cô biết anh yêu cô nhiều đến mức nào.

—bàn tay cô chặn vai của anh lại, cố gắng đứng vững trên đôi chân mình.

Ôi con thương yêu.

—ngã xuống dần, nắm tay đặt lên lưng anh, lúng túng dưới sức nặng cơ thể anh, cái giường mềm mại, càng giãy giụa chỉ càng dính chặt thêm vào tấm lưới, tấm ga trải giường và những viền ren của nó đùn lại, cô không còn tìm thấy chân mình nữa.

Có vị tanh ở miệng cô vì anh đã đánh cô chảy máu, thật sự xin lỗi, ta sẽ đưa con về lại nhà - “Nằm yên nào”, anh van xin.

“Dừng lại đi!”

Ta sẽ không để ai làm con đau nữa.

“Không!”

Sẽ không để ai đụng đến con.

“KHÔNG!”

Không ai. Không ai. Không. Một người nào. Mãi mãi.

Cô bé đã không la hét nữa.

Được làm con đau. Mãi mãi.

Cô bé đã hoàn toàn nằm im.

Một lần nữa!

Anh rùng mình. “Suyt! Đã ổn cả rồi. Im nào con yêu. Mọi thứ đã ổn rồi.”

James mở cái chốt an toàn và để Giles vào phòng. “Xin chào chị Giles”

“Ai vậy? Xin lỗi?”

“Xin lỗi, là James đây mà”

“James!”

Anh cầm lấy túi đồ của bà và giúp bà cởi áo khoác.

“James, tại sao tôi chưa từng gặp cậu từ khi...” Có một chút bối rối. “Đúng không? Hay tôi lại quên gì rồi?”

“Không, không, tôi đã đến mà không báo trước, - mặc dù tôi đã nhìn thấy một ca sĩ nổi tiếng thế giới làm tình như thế nào”. Anh mỉm cười và chớp mắt hai cái vì sự thành công chớp nhoáng của mình.

“Kathleen có biết cậu ở đây không?” Bỗng nhiên có một chút lo lắng...

“Vâng, ồ có chứ, chúng tôi đã gặp mặt rồi”, James nói.

Giles quay về phía cuối hành lang và gọi lớn “Kathleen ơi...”

James ngăn bà lại. “Con bé đang ngủ, nó cảm thấy không khỏe cho lắm”

“À”. Giles hơi do dự. “À, cậu đã gặp Rose chưa?”

“Vâng, à, rồi”

Giles nhìn soi mói vào mặt anh rồi nói “Tôi đi xem con bé thế nào”

“Nó đang ngủ, thật đấy, chị xem này, tôi đã làm cho mình trở thành người có ích này”. Có một bộ ấm trà và hai cái tách được bày ra trên cái bàn ăn nhỏ xíu.

“Ồ, dễ thương lắm James ạ, cảm ơn cậu”

Trong lúc hai người đi về phía bàn ăn, Giles nói chuyện một cách lịch sự “Cậu biết đấy, tôi vừa tạt ra góc phố để mua một ít...ơ tôi để cái túi ở đâu nhỉ?”

James cầm lấy giỏ đồ “Ngay đây này”

“À đúng rồi, cảm ơn cậu. Ừ tôi vừa tạt ra phố một chút nhưng không thể đi được, cậu biết đấy, tôi bị kẹt trong buổi lễ mừng và

không thể đi tiếp được nữa”

“Sao cơ?”

“Đúng vậy. Cậu chưa nghe gì sao?”

James nhìn bà bằng một ánh mắt hoàn toàn không biết gì về xã hội, rót trà và tay run nhẹ. Giles nở một nụ cười. “Ôi James, chiến tranh kết thúc rồi. Ngay sáng nay, lúc 11 giờ. Ôi! hãy đợi đến lúc ta có thể nói với Kathleen rằng nó đã kết thúc. Thực sự kết thúc rồi.”

Rose ráng chen qua đám đông đang ăn mừng thắng lợi và rúc vào ngòai trong công viên Central Park cho tới khi trời tối, giấy điện báo dính trên tóc cô, hoa giấy dính và khô lại trên khuôn mặt đầy máu của cô. Khoảng chín giờ, cô đi vào ngòai nhà ở đường 135, lướt ngang qua Jeanne đang ngòai đọc một cuốn sách gì đó bằng tiếng Pháp trên chiếc trường kỉ. Jeanne ngòai thẳng dậy.

“Có chuyện gì vậy?”

“Tôi bị đánh”

Cô bật dậy, “Ai làm việc này?”. Ra lệnh bằng cái giọng quý tộc, “Trả lời đi Rose”

Rose đứng bên bồn rửa trong bếp và lấy nước thấm lên mặt. “Cha của Kathleen”

Jeanne nuốt một ngụm rượu và quay trở lại với giọng nói lè nhè ngọt ngào của cô “Đừng lo cưng, mẹ sẽ làm cho nó khá hơn”

Rose ngòai nhìn Jeanne bắt nước lên bếp nấu và ngòai im cho cô chấm chấm lên đôi môi sưng to phù của mình “Tội nghiệp con quá”

“Mẹ không muốn biết tại sao à?”

“Con yêu, con không cần phải nói ngay đâu”

Jeanne không nói gì về tấm ga trải giường nhuộm máu hay cái quần lòi ra dưới rìa của nó. Cô nhắc điện thoại và hủy cuộc hẹn với khách tối nay. Cô thả nến và dọn bàn ăn cho một bữa “đại tiệc hoang phí”. Cô cũng hoãn buổi chích thuốc của mình lại “Hôm nay chỗ đau đã đỡ nhiều rồi”

Jeanne ngồi đối diện Rose và ăn, cô nói về tương lai sán lạn của một người có giáo dục như Rose. Cứ như là cô chưa bao giờ rời khỏi Long Island - thậm chí cô còn có thể cảm nhận được những tên nô lệ xác ướp đang đứng nghiêm trang bên phía tay phải của cô với bình rượu pha lê trong tay.

“Con sẽ được chào đón hơn cả Portia Washington Pittman nữa, con yêu à.”

Rose không trả lời nhưng dường như Jeanne không quan tâm mà vẫn tiếp tục liệt kê những phút huy hoàng đang chờ đợi trước mặt: Rose sẽ biểu diễn cho hoàng gia như Elizabeth Taylor Greenfield từng làm với vợ Thiên nga đen. Cô sẽ biểu diễn cho Tổng thống như Sissieretta Jones từng làm, người đoạt giải Black Patti và suýt nữa đã có thể biểu diễn ở nhà hát Metropolitan. Cô sẽ biểu diễn với dàn nhạc tuyệt vời nhất ở Châu Âu và Carnegie Hall sẽ phải van xin dưới chân họ. “Nói chung thì sẽ phải có ai đó đi tiên phong và người đó có thể là con đấy, Rosie à”. Jeanne dùng chiếc khăn ăn bằng vải lanh chậm chậm chấm lên môi “Và mẹ sẽ rất tự hào về con”. Cô chồm tới và siết chặt tay con gái mình. “Không có nghĩa là bây giờ mẹ không tự hào, ta tự hào lắm Rosie à, con là cuộc sống của ta, con là tất cả những gì ta có, ta yêu con lắm”. Jeanne nhìn Rose một cách đăm chiêu qua ánh

sáng của ngọn nến. “Thực sự đấy, con à.”

Jeanne trông có vẻ hơi lệch lạc nhưng cô đang ở trong một tâm trạng quá tốt đến mức cô quên che đậy nó đi. Đêm nay cô cảm thấy trẻ trung như con gái. Cảm thấy một chút cảm giác thích tán tỉnh. Cô nở một nụ cười như mũi tên thần tình ái với Rose và cúi mình về phía trước trong ánh sáng nến.

“Nghe này tình yêu của ta. Những ngón tay của con có tài hơn cả hai mươi cô nàng Kathleen Pipers kia, và đến một ngày con sẽ phải cảm ơn người mẹ nhỏ nhắn nghèo nàn này của con đấy.”

“Vì chuyện gì cơ?”

Jeanne nháy mắt và đốt một điếu thuốc, rít vào một hơi và đưa ánh mắt ranh mãnh nhìn Rose, rảy rảy que diêm cho tới khi ngọn lửa tắt đi. Một người ẩn danh luôn mong muốn điều tốt.

Rose bắt đầu lập ra một danh sách những thứ cần làm trong đầu và bắt đầu với cái đầu tiên, “Cha con là ai?”

Một nụ cười vẽ ra trên khuôn mặt Jeanne - một dấu ấn không may từ một vị khách đến dùng bữa tối với cô. “Rose, con yêu, hình như con vẫn luôn thích nghe câu chuyện...”

“Con biết câu chuyện đó rồi, con muốn biết sự thật kìa”

Jeanne gạt tàn thuốc, hơi nhướn mày và thở dài, lần này có vẻ mệt rồi đây. “Ông ấy là ai?”

“Ông ta là Alfred Lacroix, con yêu, hình như con đã biết điều này rất rõ rồi”

“Ông ấy làm gì?”

“Ông ấy là một người truyền giáo, một người đàn ông lúc nào cũng mặc áo thầy tu và có sự vẻ vang cho cuộc đua của mình”

“Bây giờ ông ấy ở đâu?”

“Trên thiên đường, kho báu của ta ạ”

Cuộc vấn đáp kết thúc, Rose rời khỏi bàn. Đó là một bản danh sách dài và thời gian thì không còn nhiều nữa.

“Kathleen đã trở về nhà rồi Rose à”

“Khi nào cô ấy quay lại?”

“Cha cô bé không nói”

“Còn cô ấy nói sao?”

Giles trông có vẻ mệt mỏi, “Cô bé cũng không nói gì cả”

Rose đứng dậy. “Cháu nghĩ là cháu để quên ít quần áo ở đây”

“Cứ tìm đi cháu yêu”

“Ông ta có đánh cô ấy không?”

Giles nhìn đi chỗ khác. “Ta không biết anh ta đã làm gì, con bé sẽ không nói ra đâu”

Rose khựng lại, trong chốc lát cô quên mất mục đích của mình.

“Rose à, cháu có cần một nơi để ở không?”

“Cám ơn bà Giles, cháu sẽ ổn mà”

Rose đứng trước tấm gương trong phòng tắm ở nhà và cắt tóc ngắn sát tận da đầu. Cô thay bộ váy ra lần cuối cùng và đánh thức mẹ cô dậy để nói “Con đi đây.”

Jeanne phải mất một lúc để thoát ra khỏi cơn ác mộng vừa bắt đầu khi cô mở mắt ra. Rose không chờ đợi mà chỉ nói “Con sẽ cho mẹ biết con chơi nhạc ở đâu, sẽ gửi tiền cho mẹ hàng tuần cho dù con có tiền hay không và khi mẹ chết thì con sẽ về sống ở đây.”

Con đường bắt đầu từ câu lạc bộ Mecca. Jessie Hogan ngọt ngào thích mì Ý, thịt viên, bia và những tên trẻ tuổi ngọt ngào có thể xé nát các bàn phím và không biết đến điểm dừng. Những điệu nhạc blu nhanh và nóng bỏng, những người trẻ tuổi đôi mươi.

Cho tới lúc những doanh nghiệp mới bùng nổ phá sản và Rose bắt đầu chơi những thứ của riêng mình. Doc Rose, và bộ ba của anh.

“...một khu vườn ẩn chứa trong người em gái nhỏ... mùa xuân chợt tắt, suối nước ngừng phun.”

Bài hát của những bài hát

Lúc Frances chết thì Mercedes đã có thể yên tâm đặt hình của Anthony lên cây đàn piano. Lòng trong một khung hình sắc sảo, cậu bé đang đứng đầy tự hào trong bộ đồng phục và chiếc nón kỵ binh rộng vành của Đội trinh sát của nhà thờ Tân giáo giám lý Do thái Châu Phi. Cậu bé vẫn theo Thiên Chúa giáo.

Mercedes ngắm nghĩa bìa của quyển sách hình đang đặt trong lòng mình. Frances đã cóp nhặt được cả một bộ sưu tầm. Ralph Luvovitz gửi cho cô một yêu cầu giống nhau vào mỗi dịp Giáng sinh và mỗi khi cậu về thăm mẹ. Frances mất vào sáng hôm đó, gian bếp vẫn còn rất nhiều bánh do cô nướng.

Mercedes không bao giờ ăn quá nhiều và Frances thì còn ít hơn nữa. Đến những năm ba mươi tuổi thì người ta thường vào bếp và tổng khứ mọi thứ đi bớt - những nồi thịt hầm lớn, từng xô thịt heo và đậu, bánh cam thảo, bánh yến mạch, bánh vuông, bánh bông lan Nellie, bánh Johnny, bánh đại hoàng, rau câu cuộn, bánh pate, bánh việt quất, hàng đống bánh mì và cả trăm cái bánh uống trà. Bây giờ cũng không có nhiều người đói bụng nhưng Frances vẫn nấu cứ như cho cả một đội quân - Mercedes phải sắp xếp lại những thứ đã lượm lặt được từ bệnh viện, nhà mục sư và nữ tu viện. Những người thợ mổ độc thân trẻ tuổi sẽ chăm sóc cho những người còn lại, ngẫu nhiên lao vào những

bữa ăn khổng lồ và hầu như không chú ý cô gái già trong bếp với công việc bận rộn và cặp kính Ai-len. Frances trông rất già lúc cô qua đời mặc dù cô rất thường xuyên nhuộm tóc của mình bằng lá móng.

Trong suốt hai mươi năm, Frances chỉ nghe những đĩa nhạc của mình, nấu ăn, hút thuốc, uống rượu, nhìn ra đường, ngủ trên sàn gác xép, đi dọc bãi biển. Cô không còn đi bộ trên đường Shore từ lúc nó bị nhấn chìm vào đại dương - họ đã thay nó bằng một con đường lát gạch khác cách mặt nước một khoảng hợp lí, nhưng nó vẫn không còn như cũ nữa. Cô đọc báo và giữ tất cả chúng lại, hù dọa bọn trẻ, dắt mấy con mèo về nhà, cố gắng không thay quần áo, nói ít hơn, và cho tới ngày hôm qua thì cô bật dậy và hỏi “Chị không bao giờ thắc mắc rằng Lily đang ở đâu sao?”

Khi Mercedes không trả lời, cô ngồi thẳng dậy trên ghế sôpha ở sảnh trước “Frances, em cần gì sao, chị sẽ lấy cho em?”, nhưng Frances đi thẳng đến bên chiếc ghế đánh đàn và ngồi xuống, nó làm cô bật ho - “Frances em, dùng khăn tay đi này” - nhưng vẫn mở nó ra và lấy ra đĩa nhạc mới nhất. Cô đưa nó cho Mercedes và quay lại nằm trên chiếc ghế sôpha, mệt nhoài.

Mercedes xua con mèo khoang dơ bẩn đang nằm trên ngực Frances xuống và trừng mắt nhìn Siamese - con mèo mắt lác chẳng bao giờ chịu im lặng - “Im đi!”, Mercedes nói. Cô liếc qua cái bìa đĩa: “Bộ ba Doc Rose, buổi diễn trực tiếp tại Paris: Đứa bé khôn ngoan”. Một người đàn ông da đen đẹp trai, khuôn mặt góc cạnh của anh được che dưới một chiếc nón phớt tròn có viền một dải ngọc lục bảo lấp lánh.

“Một ngày nào đó chị sẽ phải đi tìm con bé, Mercedes à, chị

không biết được đâu.”

“Tại sao ta lại phải làm vậy chứ?”

“Để chị có thể chết một cách yên bình.”

Mercedes rất ghét khi Frances nói những chuyện như vậy. Lúc nào cô cũng rất tốt chỉ trừ khi say rượu, vào những lúc đó Mercedes sẽ để cho cô ở một mình, đóng cửa căn phòng đó lại để cô khỏi phải nghe thấy những gì Frances đang tự nói với mình.

“Lương tâm của chị rất rõ ràng, Frances à.”

“Cha đã ra đi trong yên bình.”

Mercedes ngồi dậy, chuẩn bị bỏ đi và đóng cửa lại.

“Em không say đâu, Mercedes. Em đã bỏ rượu rồi.”

“Từ bao giờ?”

“Sáng nay.”

“Ôi Frances, đến đây nào, chị sẽ cùng em ăn một chút gì đó nhé.”

“Em bỏ rồi. Em muốn chết mà không say rượu.”

Mặt Mercedes trở nên lạnh lùng “Em sẽ không chết đâu.”

Trong sân trường đã không còn hình ảnh “Đôi môi già nua” của Mercedes nữa không còn đủ tình cảm để đặt ra những cái biệt hiệu nữa, chỉ còn lại sự sợ hãi. Mọi người đều sợ Mercedes, chỉ trừ Frances. Nếu như Mercedes có thể dọa Frances để cô vào một nhà điều dưỡng thì bây giờ cô đã khỏe rồi. Frances có thể đến một nhà điều dưỡng tốt nhất mà tiền có thể mua được ở Liên bang hoặc ở Thụy Sĩ nhưng cô đã từ chối còn Mercedes thì phải ngồi nhìn. Và bây giờ thì đã quá muộn - em thật tệ, Frances ạ, làm vậy thì có khác nào tự sát đâu chứ?

“Đừng có buồn cười như vậy, Frances, em sẽ không chết đâu.”

“Cha đã ra đi trong yên bình vì ông có thể thú tội”, Frances với một tay xuống sàn để vuốt ve con mèo trắng có cặp mắt xanh. “Ông đã thú tội với em, và em tha thứ cho ông.”

“Em không có cái năng lực tha thứ của Phép giải tội...”

“Em có.”

“Frances, chị không biết em thì sao, còn chị sẽ đi uống một ít rượu”

“Em chỉ muốn chắc chắn rằng chị biết cha mẹ của Lily là ai”

Mercedes bịt tai lại, Frances dùng những sức lực cuối cùng của mình để giật hai tay cô ra và nói ra những cái tên.

Cơn hấp hối đến cùng với máu và chất nhầy - những bài hát ngắn, hai đốm sáng trên má Frances, một chuyến đi lên gác để lấy mấy con búp bê. Một câu chuyện về hai cô bé mặc hai chiếc váy màu carô và bánh quế, “Ta yêu em, Frances”. Một bình rượu vang đỏ, hay là em thích bánh flan? - một nụ hôn lên đôi má hồng, “Hãy tha thứ cho ta.”

“Đừng khóc, Mercedes.”

“Em đừng sợ.”

“Tối nay ngủ với em nhé?”

“Frances, em còn nhớ lúc em mặc cho Trixie cái váy rửa tội không?”

“Đừng có làm em cười!”

Một chiếc áo choàng mát mẻ, Frances, đôi mắt em thật xinh đẹp - luôn luôn xinh đẹp - em sẽ cảm thấy khá hơn vào sáng hôm sau, Habibti... “Te’berini.”

“Mercedes, chị nhớ bài hát đó không?” Hãy tha thứ cho ta, Frances.

“Hát nó nhé, Mercedes?”

“Ôi bạn cùng chơi, hãy thức dậy và chơi với chị, hãy mang những con búp bê của em đến đây, hãy trèo lên cây táo của chị. Phản đối những cái thùng đựng nước mưa của chị, trượt xuống cánh cửa hầm rượu, chúng ta sẽ mãi là những người bạn vui vẻ của nhau, mãi mãi là vậy...”

Đi vào rồi đi ra khỏi giấc ngủ - ừ, em đang nghỉ ngơi mà.

“Được rồi, Mercedes.”

Hãy tha thứ cho ta, Frances.

Frances khá ốm nên Mercedes có thể dễ dàng nằm sòng soài bên cạnh cô trên chiếc ghế, rất nhẹ trên tay cô như một đứa trẻ, và nóng như than. Những tiếng thở khò khè đáng sợ bắt đầu xuất hiện và kéo dài một lúc lâu, làm sao một cơ thể nhỏ bé thế này lại có thể tạo ra những âm thanh như vậy - đừng sợ. Mọi thứ đều đã qua, tình yêu sẽ không bao giờ thay đổi. Những thiên thần của Chúa, vị thánh bảo vệ của con, những người đã mang tình yêu của Chúa đến bên con, ngày hôm nay xin hãy ở bên cạnh con... Những lời hấp hối của Frances thoát ra khỏi miệng cô một cách ấm áp và lè nhè. Cả cuộc đời mình Mercedes chưa bao giờ ốm một ngày nào, cô không hề sợ bệnh tật cũng như cha cô không bao giờ sợ súng đạn, cô ôm Frances cho tới tận lúc bình minh dù lồng ngực cô ấy đã không còn phập phồng nữa, vuốt ve cái trán ẩm ướt của cô, giờ đã lạnh như cỏ lá, hôn vào thái dương của cô, giờ đã không còn nhịp đập nữa. Một đứa trẻ đang ngủ, em gái của tôi.

Mercedes đặt bức hình của Anthony lên cây đàn piano, cất cái đĩa nhạc vào trong cây đàn và đẩy nắp lại, quỳ xuống và khoanh tay trên nắp. Cô hỏi Đức mẹ đồng trinh rằng mình cần phải làm gì.

Cầu Chúa Giêsu ban phúc cho linh hồn

FRANCES EUPHRASIA PIPER

Mất ngày 25 tháng 4 năm 1953

Thọ bốn mươi tuổi

“Chúng ta đã yêu thương cô suốt cuộc đời. Xin hãy để chúng ta mãi nhớ đến cô, cho đến khi những lời cầu nguyện của chúng ta dẫn lối cho cô đến với ngôi nhà của Chúa.”

• **ST. AMBROSE**

Xơ Saint Eustace đến dự, ông MacIsaac đến dự, bà Luvovitz cũng đến dự, giờ bà đã là một góa phụ. Ralph và một cậu bé làm ở phòng thờ khiêng chiếc hòm. Teresa định sẽ giấu mặt nhưng điều đó thực sự khó ở giữa quá ít người như vậy. Mercedes lờ cô đi một cách mỉa mai - dừng đến xin tôi tha thứ. Có một chút ngạc nhiên len lỏi giữa đám người tham dự lễ tang của Frances - nó không phải kiểu cô ấy xuất hiện và chết, mà là “Tôi nghĩ cô ấy đã chết nhiều năm về trước rồi.”

Ở nghĩa trang, bà Luvovitz cúi xuống đặt hoa tươi lên mộ

Materia theo thói quen.

Benny được chôn ở một mảnh đất nhỏ ở khá xa do một giáo sĩ Do Thái làm phép. Khi bà Luvovitz không ở Montreal, bà vẫn đến nói chuyện với Benny mỗi ngày.

Ralph giúp mẹ cậu đứng lên, Mercedes thấy trên mặt cậu có một nỗi buồn không thể tả nổi. Cậu gần như là bị hói và có một nụ cười ngờ nghệch. Ralph đang vui, cậu là một bác sĩ phụ sản, cậu rất yêu gia đình mình và cậu cũng đã sống sót được sau chiến tranh. Lần thứ hai. Khi nó nổ ra, cậu tham gia với tư cách bác sĩ quân y. Cậu hứa với mẹ mình rằng cậu sẽ không chiến đấu và cậu làm đúng như vậy - mặc dù vào năm 1930 thì bà Luvovitz nhận thấy rõ ràng là cho dù bà luôn tự coi mình là một người con của nước Đức, thì người Đức lại không đối xử với bà như vậy. Tuy nhiên bà vẫn trang bị cho Ralph một bản danh sách địa chỉ của những người bà con ở Đức và Ba Lan. Ralph dành những ngày hậu chiến tranh để chăm sóc những người ở các trại DP và tới lúc đó thì cậu mới nhận ra những cái địa chỉ mà mẹ cậu đưa cho chẳng có ích lợi gì.

Bà Luvovitz đang ôm lấy cánh tay con trai mình và nhớ lại ngày ra đời của người phụ nữ hôm nay được chôn cất. Cô được sinh ra trong một cái màng bọc. Bà Luvovitz nhìn ra biển và suy nghĩ, khi nào thì nơi này trở thành nhà của mình? Mình đã chôn Benny ở đây khi nào? Chiến tranh lần thứ hai xảy ra khi nào? Trong một lúc bà không thể nhận thức rõ ràng được. Bà chỉ biết rằng cứ mỗi lần quay về Cape Breton thì bà lại cảm thấy từ trong xương máu của mình rằng đây chính là nhà của mình. Đó là lí do bà từ chối chuyển đến ở hẳn tại Montreal. Bà chỉ ở đó có nửa năm. Bà rất yêu con dâu của mình, bạn tin được không? Năm đứa

cháu của bà tất cả đều hoàn hảo. Chúng nói tiếng Pháp ở nhà, tiếng Anh ở trường và tiếng Idít với những người bán hàng. Chúng là những người Canada thực thụ.

Bà nhìn hộp đựng tro được hạ dần xuống đất và cầu nguyện cho cô gái mạnh mẽ. Cô ấy rất thông minh, có lẽ là người thông minh nhất.

Chuyện gì đã xảy ra? Lẽ ra ta nên làm gì đó. Đi đến đó. Anh ta không đáng có con gái, chắc chắn là có gì không ổn ở đó. Bà Luvovitz nhìn về đường chân trời ở phía Đông và tự nhắc mình về những gì mà bà đã học được: Không có gì trên đời này không phức tạp. Đó là những điều cần phải biết khi những người chết quanh bạn được chôn cất. Rằng họ đang được chôn. Frances bé bỏng, hãy yên nghỉ nhé.

Đất được ném xuống hòm, Mercedes lắng nghe, cô nhìn ra đại dương. Dĩ nhiên là cô sẽ tiếp tục dạy học và cầu nguyện cho linh hồn những người cô yêu thương sớm thoát khỏi nơi chuộc tội và được lên thiên đường. Nhưng rồi sẽ còn lại ai cầu nguyện cho cô? Để giúp cô nhanh chóng đoàn tụ với các em mình? Không ai cả, Mercedes nghĩ vậy. Vô vọng.

Hy vọng là một món quà, bạn không thể chọn để có nó hay không. Tin tưởng nhưng không có hy vọng thì cũng y như chết khát bên một suối nước. Mercedes nhìn ra biển, hôm nay biển màu xanh lá và rất hung tợn. Phía xa hơn có màu tím. Cô tự hỏi cô đã bắt đầu tuyệt vọng từ khi nào. Bao nhiêu năm qua cô đã làm nó là một sự cam chịu đầy thiện ý, nhưng giờ cô đã thấy sự khác biệt. Chỉ là một đường rất mỏng giữa lòng nhân từ và những tội lỗi tràn tục. Có gì tốt nếu cứ tin tưởng nhiệt thành vào Chúa trong khi bạn bắt đầu ghét Người? Mình đã ghét Chúa bao lâu rồi

nhỉ, Mercedes tự hỏi. Từ khi nào mình đã nghĩ rằng mọi chuyện đều hoàn toàn do mình quyết định?

Những tội lỗi chống lại hy vọng là gì?

Đó chính là sự tự phụ và tuyệt vọng.

Tuyệt vọng là gì?

Tuyệt vọng là sự mất đi niềm tin vào lòng nhân từ của Chúa.

Mercedes tự nói “Mình thật đáng nguyên rủa.”

Khuôn mặt cô mòn mỏi đi như đá, đôi mắt đã khô đi vì đau buồn, đại dương cảm dỗ cô một cách mãnh liệt như một người tình - cô muốn gột sạch cơ thể mình và đi thẳng vào lớp muối, trần trụi và vô danh, bị ôm ghì và nhào nát trong những cơn thịnh nộ, không có gì là riêng tư. Chết đuối. Từ đó nghe thật là êm tai. Gật đầu đồng ý.

Đứng xa xa khu nghĩa trang, Teresa đứng nhìn Mercedes đang nhìn ra biển và bắt đầu cầu nguyện cho cô. Cho cô gái đang nằm dưới lòng đất. Teresa ở lại và cầu nguyện cho tới khi không còn ai ở lại, chỉ còn cô và Mercedes ở nghĩa trang và màn đêm đang dần buông xuống. Cuối cùng, Mercedes có vẻ lưỡng lự, sau đó cô quay lưng và đi về nhà thay vì nhảy xuống nước.

Đêm hôm đó, Đức mẹ đồng trinh đã cho cô biết cô phải làm gì.

Ánh sáng bất ngờ

Tôi đã từng ở đây

Nhưng không thể nhớ khi nào và ra sao

Tôi biết từng ngọn cỏ trước nhà

Mùi thơm ngọt ngào quyến rũ

Những tiếng thở dài, những ngọn đèn dọc bờ biển.

"Ánh sáng bất ngờ" của DANTE GABRIEL ROSSETTI

Rose sáu mươi lăm tuổi, đã quá già để tiếp tục làm một nghệ sỹ nhạc jazz. Nhạc rock 'n' roll đang thống trị và ngày càng có ít xe độc mã. Cô đã đạt đến được cái vị trí cao nhất nhưng bạc bẽo này để được chứng kiến: Doc Rose là một nghệ sỹ đánh piano của dòng nhạc jazz và được hầu hết những người chơi nhạc jazz nhắc đến như là nghệ sỹ yêu thích của họ. Những điều về Doc Rose cứ như là giấy quý để thử tài những người sành sỏi. Những đĩa nhạc bây giờ rất khó để những người yêu thích tìm ra và thưởng thức. Câu lạc bộ người hâm mộ đặc biệt biết tất cả mọi thứ về Doc Rose trừ việc anh và người quản lý của mình sống rất tận tiện tại đường 135.

Lily lau dọn các nhà thờ, bao gồm cả cái ở tầng hai. Rose ngồi chơi cờ ở góc phòng với người đàn ông kia. Lily chưa bao giờ cắt tóc, nó đã dài xuống đến đầu gối cô và có những cọng màu xám. Thời này đã có những cây gậy chống bằng nhôm rất nhẹ nhưng cô chưa bao giờ nghĩ rằng mình sẽ mua một cái cho dù họ có tiền. Khuôn mặt cô đang chảy xệ nhưng trông vẫn ngọt ngào, đôi mắt cô cũng vậy. Cô ấy đã bốn mươi lăm tuổi.

Tối Chúa nhật, chỉ mới hơn tám giờ một chút, họ đang ngồi

xem “Buổi diễn của Ed Sullivan” trên tivi thì có tiếng gõ cửa. Lily ra mở cửa và Anthony mỉm cười một cách bối rối.

“Xin chào, cô Piper phải không ạ?”

“Đúng vậy.”

“Cô không biết tôi mặc dù thực sự là chúng ta cùng họ, tôi biết chị gái của cô, cô Mercedes Piper. Tên tôi là Anthony Piper.”

Lily nhìn cậu trai trẻ tuổi, cô vẫn không rời mắt khỏi Topo Gigio trong lúc cầu nhau “Có ai đó ba hoa chuyện gì và để tiền lại cho chúng ta sao?”

“Tôi..., ồ không, tôi không nghĩ vậy.”

“Vậy cậu đi đi.”

Eddie, hãy hôn chúc em ngủ ngon đi nào.

Lily nói với chàng trai “Aloysius”

Anthony nói “Xin lỗi! Cô nói sao ạ?” và bắt đầu nghĩ rằng mình đã nhầm, nhầm nhà, một cặp đôi lớn tuổi và mùi bắp cải quen thuộc...

Lily nói “Vào đi!”

Anh hỏi lại “Cô đúng là Lily Piper sao?”

“Đúng vậy.”

“Có vào hay không, chọn nhanh lên”, Rose đã bắt đầu cảm thấy thích thú.

Cậu bước vào, ôi cái ngày hôm nay, lần đầu tiên cậu đến thành phố New York, đi xe điện ngầm đến thủ đô vừa lạ vừa quen, anh thuộc về tất cả mọi nơi và cũng không thuộc về một nơi nào. Anthony đã trải qua cảm giác này trước đây - bất kể anh đang ở đâu, lúc nào cái cảm giác người ta đang đấu tranh để giữ lại

những kí ức của mình cũng làm anh đau nhói ở tim, bởi vì nó quá yếu đuối và dễ vỡ. Thế giới chính là trại trẻ mồ côi của anh. Tại sao anh lại phải cảm thấy buồn cho những người khác trên hành tinh này đối với anh vẫn là một điều bí ẩn. Thực sự thì anh là một người rất vui vẻ, chỉ là anh không thể phân biệt được sự khác nhau giữa yêu thương và đồng cảm, anh cũng không thắc mắc tại sao anh lại thường xuyên phải vượt qua cái cảm giác hoài niệm đối với những khoảng thời gian và không gian không phải của mình. Anh không thấy được sự khác biệt, chỉ có sự đa dạng. Anh đi rất nhiều nơi.

Một trái tim mềm yếu nằm trong một cái khung bằng dây không bao giờ đứng yên. Anh chơi với cái muông, chơi violon, miêng giả tiếng đàn hạc và đang học kèn với một người đàn ông tên Wild Archie - lạ lùng thay, Archie cũng xuất thân từ một trại trẻ mồ côi - mà cậu gặp ở câu lạc bộ Cape Breton ở Halifax. Anthony đang mang một đôi giày cũ, quần jeans trắng, áo đen và cắt tóc kiểu Afro. Cậu khá mảnh khảnh và nhiệt huyết, một đồng tiền sáng giá, ánh sáng xanh nhảy múa trong đôi mắt màu lục của cậu.

“Con cần phải lớn lên một cách vui vẻ”, Lily nói.

Anh nhìn cô, nhìn gần hơn và không tin tưởng vào cái cảm giác rằng trước đây anh đã từng gặp cô, cái cảm giác như thế này xảy đến với anh khá thường xuyên. Đối với cái cảm giác ngược lại cũng vậy, anh cảm thấy thật là quen thuộc.

“Tôi nghĩ chắc là bà biết rằng bà Piper đã mất, chỉ mới đây thôi”

“Không, tôi không biết việc đó.”

Lily đã từng khóc than cho Frances từ trước đây rất lâu, vào cái đêm cô bỏ đi, nhưng cô không thể tưởng tượng ra được rằng Mercedes đã chết mặc dù cô vẫn cầu nguyện cho linh hồn của cô ấy hàng đêm.

“Tôi rất lấy làm tiếc”, anh đưa cho cô chiếc khăn tay của mình.

“Không sao đâu, chỉ là..cô ấy là chị gái của tôi...”

“Tôi không biết em đang bù lu bù loa chuyện gì”, Rose gầm gừ, “cô ấy đã cố đem cô đi giao nộp.”

“Đuổi đi.”

Mình đang ở đâu, Anthony nghĩ, và những người này là ai?

Lily xì mũi , “Aloysius, cháu có biết Frances không? Frances đã bao giờ gặp con chưa?”

“Thực ra tên con là Anthony, à..., Frances nào cơ?”

“Cháu làm gì để kiếm sống, Tony?” Rose thăm dò từng tí một.

“Cháu là một nhạc công...”

“Chết tiệt thật”, và quay lại với cái ti vi.

“...và cháu dạy âm nhạc dân tộc.”

Rose mở lớn âm thanh của tivi, lại một ban nhạc rock ‘n’ roll vớ vẩn khác từ nước Anh.

Anthony vẫn chưa từ bỏ. “Cháu nên giải thích rằng bà Piper đã nhận nuôi cháu từ xa, bà biết cháu có ý gì rồi đấy, khi bà ấy mất bà ấy đã để lại cho cháu ngôi nhà, và yêu cầu cháu...”

“Có tiền không?”, Rose cố gắng lần cuối.

“Không ạ, cháu nghĩ bà ấy đã dùng toàn bộ tiền để lo cho cháu, cháu cũng không biết tại sao, thật là một người phụ nữ tốt.”

“Người phụ nữ tốt bụng ở Lourdes”, Lily nói.

Người phụ nữ tốt bụng ở Loonies, Anthony nghĩ và cảm thấy hơi ăn năn, không thể ngăn những thứ mới hiện ra trong đầu bất kể tình yêu của anh dành cho loài người.

“Cái hộp ca cao”, Lily nói.

Cúc ku, Anthony nghĩ và nhớ lại mục đích của mình. Anh mở ba lô và lấy ra một cái ống bằng giấy bồi được hàn kín “Khi bà Piper chết, bà ấy để lại cho cháu một bức thư trong đó có tên và địa chỉ của bà và hướng dẫn cháu đưa cái này riêng cho bà”.

Anh đưa cái ống cho Lily, bà mở một đầu và rút ra một cuộn giấy rồi trải nó ra trên bàn.

Anthony hỏi “Gì vậy ạ?”

“Đó là cây gia phả”, Lily nói, “Nhìn này, tất cả chúng ta đều có tên trong đó.” Rose tắt tivi, kéo lê đôi dép rách nát đi tìm cặp kính.

“Thấy không?”, Lily nói với Anthony. “Con có khá ít anh chị em, cha con vẫn còn sống, mặc dù ta rất lấy làm tiếc là mẹ kế của con, Adelaide đã mất.”

“Leo (Ginger) Taylor”, anh đọc lớn.

“Đó là cha con đấy. Và cả cô Teresa của con nữa, theo cái này thì bà ấy vẫn còn sống, và nhìn này, con còn một đứa em họ nữa. ‘Adele Claire’.”

“Cháu không hiểu.”

“Cháu ở chỗ này này, đây này.”

Lily chỉ vào chỗ có tên Frances Euphrasia và Leo (Ginger). Đâm ra từ gạch nối hai cái tên đó là tên của cậu được in bằng

mực xanh lá, “Anthony (Aloysius).”

Ambrose cũng có tên ở đây, sinh đôi với Lily và dưới cái tên của cậu là dòng chữ “Mất lúc mới sinh”. Anh chị em được ghi dưới các nhánh nối tên James và Kathleen. Rose nhìn vào Lily, nhưng Lily chỉ khoanh tay lại.

Bên cạnh tên Kathleen là một cái dấu “tương đương” nối với tên của Rose. Rose gỡ kính ra.

Đó là một bầu không khí nhạt nhẽo, những cảm giác quen thuộc quay cuồng và bị thay bởi những thứ lạ lẫm, đại dương đã từ chối cái chết của cô - Anthony bỗng nhiên cảm thấy say sóng.

“Ngồi xuống đi nào”, Lily nói.

Anh ngồi xồm xuống và ôm đầu giữa hai đầu gối. Lily lấy một cái khăn ướt mát lạnh từ dưới bếp và đặt nó phía sau cổ cậu bé.

“Thở đi nào”, cô nói.

Anh làm theo.

Có vẻ đã khá hơn.

“Âm nhạc dân tộc là cái quái gì?”, Rose đi về phía cây đàn piano.

Anthony chậm chậm đứng dậy. “Xin lỗi...”

“Đây cháu”, Lily nói, “ngồi xuống uống tách trà đi rồi ta sẽ kể cho cháu nghe về mẹ cháu”.

HẾT

Lời cảm ơn

Rất cảm ơn sự giúp đỡ của những cá nhân và tổ chức sau, cũng như ghi nhận sự “trợ giúp” của những cuốn sách vô cùng hữu ích cho tác giả trong quá trình nghiên cứu. David Abbass, vợ Simone Abbass CND, Hội đồng Canada, Tạp chí Cape Breton, Cheryl Daniels, Diane Flacks, Lily Flacks, Rita Fridella, Nic Gotham, Malcolm Johannesen, Honora MacDonald Johannesen, cuốn Black Mahattan của James Weldon Johnson, The Great War and Modern Memory của Paul Fussell, cuốn Black Pearls: Blue Queens of the 1920’s của Daphne Duval Harrison, Arsinée Khanjian, Suzanne Khuri, Hugh MacDonald, Katie MacDonald, Laurel MacDonald, vợ Margaret A. MacDonald CND, Mary Teresa Abbass MacDonald, Harold Macphee và Trung tâm Văn hóa của Người Da màu tại Nova Scotia, cuốn The Company Store của John Mellor, Bill Melcalfe và Hiệp hội Cape Breton Hilanders, New Waterford Three Score & Ten ed. Ted Boutilier, Beverly Murray, Michael Ondaatje, Hội đồng nghệ thuật Ontario, cuốn Beneath the Clouds of the Promised Land của Bridglal Pachai, Pearl, John Pennino và Metropolitan Opera của Trung tâm Lưu trữ New York, Nhân viên Lưu trữ của Thư viện Metropolitan Toronto, Đức cha Hiệu trưởng trường đại học Thánh Michael, Shari Saunders, Wayne Strongman, Lillian MacDonald Szpak, Kate Terry và viện Beaton thuộc Đại học Cape.